CUỘC ĐỜI TÔI

(Hồi Ký)

Hoàng Tích Thông

Hồi ký "Cuộc Đời Tôi" của cựu đại tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Hoàng Tích Thông, Lữ Đoàn Trưởng Thủy Quân Lục Chiến, Phó Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh VNCH. Cuốn hồi ký trung thực, chân thành kể lại cuộc đời của một thanh niên yêu nước gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng đánh Pháp giành độc lập từ năm 11/1945, trực tiếp chiến đấu chống cộng bảo vệ tự do 25 năm tại Nam Việt Nam, ở tù "cải tạo" 13 năm, đến Hoa Kỳ định cư tiếp tục đấu tranh tự do dân chủ.

Hồi ký **Tập I (1945-1950)/Chương 1**: ***Việt Nam từ ngày 19-08-1945 đến tháng 11 năm 1946: Tình hình chung khi Thế Chiến thứ Hai chấm dứt (1)***

Giới thiệu đồng chí VNQDĐ Hoàng Tích Thông tác giả hồi ký Cuộc Đời Tôi

Đồng chí Hoàng Tích Thông sinh năm 1926 tại làng Đông Ngạc ngoại thành Hà Nội, trong một gia đình trí thức, là con út trong gia đình mà các anh của đồng chí là bác sĩ, giáo sư, viện trưởng viện Pasteur…đồng chí đã ý thức lòng yêu nước từ cụ thân sinh nên không thích cộng sản, xếp bút nghiên gia nhập cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1945. Ban đầu, Đ/c tham gia trong tổ chức Quốc Gia Thanh Niên Đoàn – một tổ chức do VNQDĐ thành lập để thu hút thanh niên ý thức chống Pháp giành độc lập và chống cộng sản.

Những năm chiến đấu trong Đệ Tam Chiến Khu VNQDĐ (1946-1948), đ/c đã trực tiếp chiến đấu đánh Pháp và đánh Việt Minh Cộng Sản trên từng chiến hào, từng góc phố, từng ngọn đồi… Sau đó thất trận phải lưu vong sang Trung Hoa sống và hoạt động. Năm 1949, Trung Hoa bị mất vào tay cộng sản Mao Trạch Đông, Đ/c trở về Việt Nam và gia nhập quân đội Quốc Gia Việt Nam. Tốt nghiệp khóa 4 trường Sĩ Quan Bộ Binh Thủ Đức VNCH, trở thành một sĩ quan xuất sắc trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu ngoài chiến trường từ cấp thiếu uý Trung Đội Trưởng đến đại tá Lữ Đoàn Trưởng. Đ/c đã tham gia hầu hết các chiến trường lớn của quân lực VNCH từ hành quân Campuchia 6/1970 đến hành quân Lam Sơn Hạ Lào 1/1971, giải toả thành phố Huế trong trận chiền Mậu Thân và chiếm lại Cổ Thành Quảng Trị.

Chức vụ cuối cùng của Đ/c là Đại Tá, Phó Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh VNCH. Sau năm 1975, đ/c bị bỏ tù "cải tạo" 13 năm. Đến định cư tại Hoa Kỳ năm 1992 theo chương trình HO, Đ/c Hoàng Tích Thông lại bắt tay vào hoạt động Việt Nam Quốc Dân Đảng. Trong sinh hoạt, đồng chí Hoàng Tích Thông có những đóng góp thực tế, để lại nhiều kinh nghiệm lớn lao,luôn luôn hòa nhã, thẳng thắn và thảo luận dân chủ… Đặc biệt, với số tuổi 88, đ/c Hoàng Tích Thông vẫn sáng suốt và ưu tư đến tiền đồ dân tộc. Hiện đ/c Hoàng Tích Thông bí danh Hoàng Quý Minh giữ nhiệm vụ Chủ Tịch Hội Đồng Pháp Quy VNQDĐ, một nhiệm vụ, theo Đảng Quy VNQDĐ như là chủ tịch cơ quan lập pháp của Đảng.

Theo lời chị Hoàng Tích Thông kể lại, cuốn hồi ký này đ/c Hoàng Tích Thông đã viết từ thời còn trong quân ngũ trước năm 1975 dưới dạng nhật ký, nên những sự kiện đưa ra khá trung thực như chuyện kể hằng ngày.

Tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn hồi ký của một đảng viên VNQDĐ, một sĩ quan cao cấp Thủy Quân Lục Chiến VNCH, và tâm tư của một người trai yêu nước trải qua bao thăng trầm của vận nước ngã nghiêng từ năm 1945 đến nay.

Lê Thành Nhân

Tổng Bí Thư Việt Nam Quốc Dân Đảng

****

Lời tựa

Hồi Ký "CUỘC ĐỜI TÔI" của Hoàng Tích Thông đoàn viên QUỐC GIA THANH NIÊN ĐOÀN đã ghi lại những nét đậm,dấu ấn Thời gian, khi luồng gió CÁCH MẠNG QUỐC GIA bộc phát trong thập niên 40, dân tộc Việt Nam vừa thoát ách nô lệ của Thực dân Pháp đồng thời cũng chấm dứt cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ Hai (8 5 1945).

Hồi Ký "Cuộc Đời Tôi" ghi chép trung thực những diễn biến Cách mạng, những chứng tích lịch sử quan trọng của toàn thể Đoàn viên Quốc Gia Thanh Niên Đoàn, chứng tỏ:

Ý Chí Dũng Cảm và Tâm Hồn Cách Mạng Kiên Cường.
Bền Vững và Tin Tưởng Sâu Sắc vào Chính Nghĩa Quốc Gia

Hồi Ký "Cuộc Đời Tôi" nói lên một thời trai trẻ có lý tưởng để phụng sự với bầu nhiệt huyết đấu tranh vì Dân tộc, với sự mong ước trong sáng, kỳ vọng đất nước được Độc Lập, dân chúng được Tự Do, nước giàu, dân mạnh, thoát cảnh nghèo đói tối tăm. Con đường cách mạng của Hoàng tích Thông cũng là con đường lý tưởng của chung cho tất cả đoàn viên Quốc Gia Thanh Niên Đoàn.

Chúng tôi, đoàn viên Lê Văn Nhân, Trương Khánh Tạo và Nguyễn Đức Linh, nhận thấy có bổn phận đóng góp vào việc sao chép tập Hồi Ký này để làm tài liệu giúp cho thế hệ sau có phương tiện nghiên cứu học hỏi.

Chúng tôi hy vọng đoàn viên QGTNĐ ở rải rác khắp nơi trên thế giới tiếp tay bổ xung những gì còn thiếu sót đê có thê hoàn chỉnh được trong dịp sao chép kê tiếp.

Cùng hòa nhịp bước,đồng tiến hùng ca,
Quyết chí chiến đấu, quyết dâng đời ta…
Cho giang sơn,Tổ quốc quý mến…..

Siết tay chặt - 1995
Nguyễn Đức Linh

Hồi ký CUỘC ĐỜI TÔI *(sửa chửa 2/2014)*

Tập I (1945-1950)

Cựu đại tá VNCH – Hoàng Tích thông

CHƯƠNG MỘT: (19/8/1945 đến 11/1946)

A. Tình hình chung khi Thế Chiến thứ Hai chấm dứt (1)

Năm 1945, có thể nói là năm có nhiều biến chuyển trọng đại nhất trên Thế giới, đặc biệt là đối với Việt Nam. Cuộc Thế chiến thứ Hai đã gần như bước vào giai đoạn chót. Tại Mặt trận Âu Châu, Quân đội Đức Quốc Xã của nhà độc tài Hitler, sau những năm bách chiến, bách thắng đã phải lui về thế phòng ngự và thiệt hại nặng nề sau các trận đánh phản công của Liên Xôvà các trận không tập dữ dội của Không lực Đồng Minh vào chính nước Đức. Quân đội Phát Xít Ý của Mussolini, một Đồng Minh trong trục Bá Linh Đông Kinh La Mã đã ngả theo Đồng Minh sau khi nhà độc tài đã bị lật đổ và bị treo cổ, mặc dù đã có một lần trước đó được cứu thoát bởi Hitler khi bị cầm tù. Vào tháng 6/1944 Quân lực Đồng Minh đổ bộ lên bờ biển Normandie của nước Pháp, trong khi Hồng quân Liên Xô đang tiến dần tới biên giới nước Đức ở phía Đông. Nước Đức đã ở trong tình thế lưỡng đầu thọ địch, dù Quân đội Đức Quốc Xã là một Quân đội hùng mạnh nhất Thế giới, thì sớm muộn gì cũng phải chiến bại. Kết cuộc là vào tháng 6/1945, Quân đội Đồng Minh và Liên Xô đã tiến vào Thủ Đô Bá Linh, chấm dứt cuộc chiến tàn khốc, sau 5 năm tàn phá và chết chóc hàng bao nhiêu triệu người tại Lục địa Âu Châu cũng như một phần phía Bắc Phi Châu.



Cảnh tượng máy bay Nhật oanh tạc Trân Châu Cảng năm 1941

Tại miền nam Á Châu và Thái bình Dương cũng vậy, Quân đội Nhật cũng như Quân đội Đức Quốc Xã của những năm đầu Thế chiến, đã chiến thắng vang dội trên khắp mặt trận từ phía Bắc Trung Hoa tới Đông Nam Á, đã đẩy lùi lực lượng Đồng Minh Anh-Mỹ tới tận biên giới Ấn Độ và đổ bộ chiếm đảo Guam trên Thái Bình Dương. Đặc biệt là trận đánh khởi đầu của trận chiến giữa Nhật và Mỹ vào

căn cứ Hải quân lớn nhất của Mỹ tại Thái bình Dương là trận Trân Châu Cảng thuộc Hawaii (Hạ Uy Di) gây thiệt hại nặng nề cho lực lượng Hải quân Mỹ.

Các chiến thắng liên tiếp của Quân đội Phù Tang (Nhật-Japan) trên bộ cũng như trên biển, cả Thế giới phải kinh ngạc và nể phục. Đặc biệt là dân Việt Nam, và riêng cá nhân tôi rất cảm phục tinh thần chiến đấu của quân đội Nhật, một nước nhỏ bé ở Á Châu mà dám đương đầu với những nước giàu mạnh nhất Thế giới là Mỹ và Anh. Trước Thế chiến thứ II, các nước thuộc Á Châu hầu như là thuộc địa của Anh, Pháp, Mỹ, nên dưới sự nhìn chung của Thế giới, thì nhân dân Á Châu là thấp hèn, lạc hậu, và cũng vì vậy mà bị đối xử một cách tàn tệ, dã man suốt thời kỳ bị Thực dân đô hộ. Bởi vậy trước sự vùng lên của nước Nhật, nguyên do cũng vì bị bao vây, áp bức kinh tế của Đế quốc Tư Bản. Cuộc khởi chiến do Nhật tạo nên, cũng chỉ vì sự tồn vong của nước họ mà thôi.

Cuộc chiến tranh đã gây ra nhiều đổ vỡ, chết chóc và đau thương cho toàn thể Á Châu và đó cũng là trách nhiệm của nước Nhật cho đến ngày nay vẫn còn để lại những dấu ấn không tốt đẹp cho nước Nhật. Nhưng dù sao cuộc chiến tranh Thế giới thứ hai sau khi chấm dứt đã làm thay đổi bộ mặt của Thế giới. Các nước bị Đế quốc Thực dân thống trị trước đó, từ nam Mỹ Châu đến Phi Châu, Trung Đông qua Á Châu đã thức tỉnh và vùng lên giành lại nền Độc Lập, Tự Chủ cho xứ sở của đất nước mình, trong đó có nước Việt Nam, dưới sự thống trị của Thực dân Pháp trên 80 năm, dù rằng trong suốt thời gian đó, nhiều cuộc nổi dậy đã vùng lên, nhưng vì nhân dân chưa thức tỉnh, thế lực Thực dân còn mạnh nên đều thất bại. Từ khi thấy Quân đội Nhật chiến thắng mau lẹ trong những năm đầu của cuộc chiến, đặc biệt đánh bại Quân đội Pháp vào ngày 9 tháng 3 năm 1945 chỉ trong vòng 24 giờ trên toàn khắp Đông Dương, thì tinh thần đòi Độc Lập của nhân dân VN, nhất là giới thanh niên vùng lên rất mạnh mẽ.

Trở lại cuộc chiến tranh tại Á Châu, Thái bình Dương, sau bốn năm chiến thắng liên tiếp, Nhật hầu như làm chủ từ Trung Hoa, Đông Dương tới Phi luật Tân, Nam Dương và Miến Điện. Từ năm 1944 trở đi thì Quân đội Đồng Minh, chủ lực là Quân đội Mỹ khởi sự phản công và dần dần chiếm lại các vị trí tiền phương như đảo Guam, quần đảo Marshall và đổ bộ lên Phi luật Tân. Các trận hải chiến ác liệt đã diễn ra để dành lấy quyền làm chủ trên mặt biển đã làm cho lực lượng Hải quân Nhật thiệt hại nặng nề và không còn kiểm soát được những tuyến đường hải vận quan trọng nữa. Từ đó dẫn đến sự cô lập của Quân đội Nhật trên khắp chiến trường. Không lực Đồng Minh từ các sân bay tại các hải đảo vừa mới chiếm lại được, cũng như trên các Hàng không mẫu hạm, đã phóng những cuộc không tập vào các vị trí đóng quân của quân đội Nhật ở khắp mọi nơi, trong đó có Việt Nam. Khi đó, ở thành phố Hà Nội, dân chúng đã tản cư ra các vùng phụ cận, đa số là những trẻ em, học sinh và những thành phần không bị ràng buộc vào công cuộc làm ăn sinh sống hàng ngày. Phố Sinh Từ, Hàng Than, nhà Đấu Sảo Hà Nội đã bị trúng bom, gây nhiều thiệt hại về nhân mạng và tài sản. Để tránh thiệt hại, hầu hết các vườn hoa, công viên chung quanh bờ hồ Hoàn Kiếm, đều được đào hào trú ẩn. Hai ba ngày, trên bầu trời Hà Nội lại diễn ra các cuộc không chiến giữa máy bay Nhật và Anh, Mỹ. Tiếng nổ của súng cao xạ Nhật đặt rải rác tại vùng ngoại ô cũng như ở khu vực bờ sông Hồng gần cầu Long Biên (Pont Doumer) hòa với tiếng bom

nổ rung chuyển cả thành phố. Khi đó tôi đang ngụ tại nhà người Anh cả ở phố Hàng Vôi (nay đổi tên là Lý thái Tổ) ngay sát trường Tiểu học. Ngôi trường này Quân đội Nhật đã trưng dụng để đóng quân, thành thử từ căn nhà lầu tôi ở, mọi sinh hoạt hàng ngày của binh lính Nhật tôi đều biết rõ. Từ cách ăn uống, đi ngủ,tập họp, điểm danh sáng, tối, thay đổi gác ở cửa trường học đã làm tôi cảm phục về tác phong, kỷ luật rất cao. Nhất là các sĩ quan, chân đi ủng da, bên lưng đeo kiếm dài, bước đi rắn rỏi, khi ngồi trên mình ngựa trông thật hiên ngang, chẳng thế mà đối phương khi chưa lâm trận, chỉ nghe tiếng hô đã khiếp vía rồi. Một Quân đội chỉ có tiến chứ không có lùi. Cũng chỉ vì sự quan sát tận mắt và nghe tin trên đài phát thanh, đọc báo chí, mà đời sống quân đội đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống sau này của tôi.

Theo lệnh của Chính quyền bảo hộ Pháp (khi đó vẫn còn tồn tại, mặc dù lúc đó Quân đội Nhật đang đóng quân trên bán đảo Đông Dương), sau khi Pháp phải ký thỏa hiệp cho Nhật đưa quân vào Đông Dương năm 1940, tại chính quốc, Pháp quân đã bị bại trận trước Quân đội Đức Quốc Xã, tất cả các trường Trung, Tiểu học, công cũng như tư, bắt buộc phải rời ra vùng ngoại ô Hà Nội. Trường của tôi theo học lúc đó là trường tư tên gọi là Louis Pasteur tọa lạc tại phố Hàng Chuối (Raffenel) gần tòa nhà Bác Cổ Hà Nội, nơi mà tôi và các bạn bè, sau các giờ nghỉ học thường ra chơi đùa, vì ở đó có sân cỏ rộng, có cây đa rợp bóng mát, vào những buổi trưa hè nóng bức, hoặc ra bãi cỏ rộng chạy dài theo chân đê sông Hồng gần đó đá banh. Tạm xa rời những chỗ vui chơi đó, trường tôi di chuyển về gần Đình làng Láng, thuộc phía tây bắc Hà Nội vào khoảng hai, ba chục cây số. Những tưởng ra đi một thời gian rồi sẽ trở lại, nhưng không ngờ là đã không bao giờ trở lại nữa. Cây đa Bác Cổ, cây cột Đồng Hồ, giải đất ven đê tôi không còn để chân trở lại nữa, và chỉ sau bốn mươi năm, khi cuộc chiến tranh Việt Pháp của những năm từ 1946 đến 1954, và của Cộng Sản Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa chấm dứt vào năm 1975, tôi mới lại có dịp về thăm quê hương, thành phố Hà Nội và ngôi làng thân yêu chỉ cách thành phố về phía Bắc có 12 cây số, mà bây giờ đã sáp nhập vào thành phố Hà Nội.

A. Tình hình chung khi Thế Chiến thứ Hai chấm dứt (2)



Cái Hồ ở làng Đông Ngạc gần Hà Nội

Trước kia làng tôi được gọi là Đông Ngạc, nhưng mọi người đều biết dưới tên tục là Vẽ, và thường được gọi là làng Chèm Vẽ. Từ Hà Nội, muốn đi về làng tôi, thì chỉ việc đi qua đê Yên Phụ, Hồ Quảng Bá, có hàng cây ổi mọc ở hai bên đường, rồi tới Nghi Tàm, nơi trồng cây đào, mà cứ mỗi năm, trước khi vào Tết Âm lịch,

hoa đào nở như sắc pháo, và cứ theo phía trong chân đê Hồng Hà, qua làng Phú Gia là tới làng tôi. Trước 1945, làng tôi thuộc Phủ Hoài Đức, Tỉnh Hà Đông, nhưng vì địa thế nằm gần Hà Nội, nên ảnh hưởng về văn hóa và kinh tế nhiều hơn. Căn nhà mà tôi sinh ra và lớn lên là tài sản của Ông Bà nội tôi để lại.

Khi tôi sinh ra thì ông Nội tôi đã mất. Ông Nội tôi khi sinh thời có ra làm quan tới chức Án Sát, nhưng đến thời thân sinh ra tôi thì ông không làm gì cả và ở nhà trông nom gia đình. Căn nhà tôi trải rộng trên chu vi gần một mẫu tây, được xây cất theo hình chữ môn, mà ngôi nhà chính hướng về phía nam, được dùng làm nhà Thờ, còn hai căn nhà hai bên để ở. Ở giữa sân là một cái bể tròn lớn cao một thước, đường kính khoảng ba thước, mà cha tôi xây cất để ngoạn cảnh, nhưng tiếc là chưa có hòn non bộ ở giữa thì Cha tôi mất vào năm 1940, khi đó tôi mới có mười bốn tuổi, đang học tại trường Trung Học Louis Pasteur do ông Phó Bá Hùng làm Hiệu Trưởng. Làng tôi có sáu ngõ nằm ở trong chân đê, được gọi theo thứ tự từ hướng Hà Nội tới là ngõ Đông, Ngõ Ngác, Ngõ Vẽ, Ngõ Trung, Ngõ Ngấn và Ngõ Chùa. Còn hai ngõ kia thì nằm ở ngoài chân đê, được gọi là Xóm Hàng Quang, dân chúng sống bằng nghề làm các vật dụng bằng song, mây và Xóm Vạn (có các gian nhà bán tre, nứa, lá gồi và cây gỗ). Mẹ tôi cũng có một cửa hàng tại đó. Các Ngõ trong đê phần lớn sinh sống bằng nghề tiểu công nghệ và buôn bán. Đồng ruộng của làng thì ít nên không có nhiều nông dân. Cha mẹ tôi được thừa hưởng chừng năm mẫu ruộng, nên có gạo ăn đủ cả gia đình hàng năm. Còn các thanh, thiếu niên, gần như 99% được đi học.

Ngôi Trường làng tôi được xây cất thành hai tòa nhà, một cho các lớp học 5, 4, 3 và toà nhà kia cho các lớp Moyen 1, 2 và lớp nhất. Ở giữa các lớp học có một phòng, một nửa phía ngoài làm nơi hội họp, nghỉ ngơi của các giáo viên sau mỗi giờ dạy học. Còn phòng trong làm nơi thờ phụng, tôi thấy có để một tấm hình của ông Hoàng trọng Phu (nói sau tại sao có hình ông), Tổng Đốc thời kỳ đó. Tòa nhà này tương đối rộng rãi, cao ráo, mát mẻ hơn. Ngoài phía trước tòa nhà lớp sơ học được xây lên một cái lăng nhỏ, trong đó được dựng lên một tấm bia, trên có ghi khắc các nhà khoa bảng, sinh quán tại làng từ thời Lê, Nguyễn. Hàng năm vào ngày tế lễ Thần Hoàng làng tại nơi Đình thì cùng lúc tại nhà trường làm lễ kỷ niệm ngày con Đê Hồng Hà bị vỡ tại khu vực làng Yên Phụ và xây dựng con Đê mới (khi đó tôi chưa sinh ra). Trong căn phòng mà tôi có nói tới tấm hình của ông Hoàng trọng Phu, con của ông Hoàng cao Khải, một Đại thần của nhà Nguyễn và y cũng là Tổng Đốc, Khâm sai Đại thần của nhà Nguyễn tại Bắc Hà, quyền uy vượt bực, chỉ đứng sau tên Thống sứ Pháp. Đối với phong trào cách mạng lúc bấy giờ thì y là một tên Việt gian, tay sai của Thực dân Pháp. Sở dĩ hình ông ta được đê thờ ở đó là vì ông ta là vị ân nhân của làng. Sự thể xẩy ra như thế này, sau khi con Đê Hồng Hà bị vỡ, thì nhà nước Bảo Hộ Pháp có kế hoạch đắp lại con Đê cho phù hợp với thủy lưu hầu có thể tránh được những đại họa xẩy ra vào mùa nước lũ trong tương lai. Kế hoạch dự trù thực hiện thì đương nhiên ngôi làng tôi bị đẩy ra ngoài con Đê, và rồi hàng năm sẽ không tránh được ngập lụt. Sự thiệt hại dĩ nhiên rất là to lớn. Bởi vậy, các chức sắc trong làng đã vận động với Nhà nước Bảo Hộ Pháp và đặc biệt với ông Hoàng trọng Phu, với sự tiếp tay của ông ta, kết quả kế hoạch đã được thay đổi và ngôi làng tôi vẫn tiếp tục nằm ở trong Đê cho đến ngày hôm nay. Vì công lao to

lớn đó đối với làng, nên ông ta đã được dân làng nhớ ơn. Tôi còn nhớ là khi Việt Minh Cộng Sản (VMCS) cướp Chính quyền ngày 19/8/1945, ông Hoàng trọng Phu đã về ẩn náu một thời gian tại căn nhà của ông Tuần phủ Bùi huy Đức, là con rể ông ta, ở cùng ngõ với nhà tôi.



Làng Cổ Đông Ngạc

Làng tôi có ba Họ lớn và danh vọng hơn cả, đó là họ Phạm, Phan và Hoàng. Họ Phạm phần lớn đỗ đạc ra làm quan nhiều hơn là họ Phan và Hoàng. Về họ tôi, riêng vào lớp ông Nội tôi trở lên thì ra làm quan, nhưng từ thế hệ Cha tôi về sau gần như đa số học về chuyên môn như Bác sĩ, Luật sư, Kỹ sư v.v. Họ tôi tập trung vào cư ngụ tại Ngõ Vẽ. Có gia đình ông Hoàng cơ Bình là con ông Tổng Đốc Hoàng huân Trung thuộc Chi trên mà tôi phải gọi ông Bình là Chú. Ông Hoàng huân Trung là người tây học, nên con cái được gửi qua Pháp học, trong đó đáng kể là Bà Hoàng thị Nga (người đàn bà đầu tiên đã đỗ bằng Tiến sĩ khoa học và sau đó trở thành giáo sư giảng dạy tại trường Đại Học Hà Nội, nhưng ít lâu sau vì bất bình với nhà trường, Bà bỏ sang Pháp ở. Còn ông Hoàng cơ Bình cùng học với ông anh Cả tôi, và đỗ Bác sĩ Nha khoa. Ông Bình, từ năm 1952 trở về sau, ngoài nghề Nha sĩ, ông đã tham gia vào chính trị. Theo tôi hiểu, thì ông là một người hiền lành, đức độ thích hợp với công việc chuyên môn hơn, vì vậy khi ông tham gia chính trị, và thành lập đảng Hưng Quốc mà ông là Thủ lãnh đã không mấy phát triển và thành công. Có lúc, ông đã ra ứng cử vào chực vụ Tổng Thống VNCH vào năm 1967. Theo dư luận của những nhà làm chính trị và cách mạng thì họ xếp loại ông vào hàng ngũ những nhà chính trị salon (phòng khách). Dù sao, ông cũng là một người có nhiệt tình yêu nước và không xấu. Sau 30/4/1975, Cộng Sản (CS) Bắc Việt đánh chiếm miền Nam, ông đã không chịu bỏ nước ra đi, mặc dù phương tiện không thiếu, vì lúc đó em ông là Phó Đề Đốc Hoàng cơ Minh làm Tư lệnh một Hạm Đội. Cũng như mọi lãnh tụ, các cán bộ cao cấp của các Đảng chính trị Quốc Gia và Giáo phái ở miền Nam, đều đã bị CS bắt đưa đi tù "tập trung cải tạo", ông Bình cũng cùng số phận ấy. Ông bị đưa ra Bắc và bị giam tại trại Nam Hà (ở phía nam Hà Nội, thuộc Liên Tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình). Khi tôi ở trại giam Yên Bái (thuộc Tỉnh Hoàng liên Sơn) di chuyển về trại Nam Hà vào tháng 4/1978 thì ông Bình đã ra khỏi trại được hơn một tháng trước, vì được ông Hoàng minh Giám, khi đó đang giữ chức Bộ Trưởng Văn Hóa của nhà nước CS Việt Nam, bảo lãnh về quản chế tại Làng. Đến năm 1989, một năm sau khi tôi được trả tự do, tôi có trở về thăm lại gia đình và họ hàng sau bao năm xa cách, thì ông Bình đã mất sau một cơn

đau tim mấy tháng trước. Trong một buổi ra thăm mộ những người thân yêu đã khuất, tôi cũng đã ghé thăm mộ ông, ngôi mộ vẫn còn chưa xanh cỏ. Các cháu tôi cho biết ông thường nhắc đến tôi và nhắn lại là khi nào ra trại thì về ghé thăm ông. Khi còn ở Saigon (trước 1975), tôi vẫn thường đến thăm ông, cũng như ông đã cùng Phái đoàn (Nghị viên Thành phố) đến thăm đơn vị Thủy Quân Lục Chiến của tôi ngoài mặt trận.

A. Tình hình chung khi Thế Chiến thứ Hai chấm dứt (3)

Gia đình thứ hai là ông Bác tôi, ông Hoàng tăng Bí, thường gọi là ông Bảng Bí, vì ông đỗ Phó Bảng. Tuy ông đỗ cao, nhưng không chịu ra làm quan và ở nhà làm báo. Ông đã tham gia Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục cùng các ông Cử Can, Dương bá Trạc (chết vì bệnh lao ở Singapore năm 1944) v.v.. Hai ông này tôi đã được hân hạnh hầu chia bài Tổ Tôm khi các ông chơi bài, sau khi được Pháp trả tự do. Riêng Cha tôi, có lẽ vì giữ chức vụ không mấy quan trọng, nên đã lọt lưới trở về làng ở luôn, không như trước đó ông thường ở Hà Nội nhiều hơn. Ông Bác tôi có người con thứ hai là ông Hoàng Minh Giám. Trong thời kỳ Pháp thuộc, ông Giám làm Hiệu trưởng trường Tư thục danh tiếng Thăng Long ở phố Trạm và đường Thành Hà Nội (Henrid, Orlean). Trong thời gian đó, tôi được biết là ông có tham gia vào Đảng Xã Hội. Khi tôi đang học lớp Nhất ban Thành chung, thì có tham dự lễ đám tang của ông Phan Thanh, vừa là giáo sư của Trường vừa là Nghị viên của Thành phố Hà Nội. Tôi còn nhớ là quan tài ông đã được để tại nhà Trường và phủ lên một tấm vải đỏ. Đám tang thật lớn, có đủ thành phần xã hội tham dự.

Sau ngày 19/8/1945, ông Giám cùng với ông anh Cả tôi được Việt Minh Cộng Sản (VMCS) mời ra ứng cử vào Quốc Hội, và nằm trong Liên danh ứng cử của ông Xuân Thủy thuộc địa phận tỉnh Hà Đông. Dĩ nhiên là trúng cử vì người đứng đầu liên danh là một cán bộ lãnh đạo của VMCS. Ngoài chức vị Dân Biểu Quốc Hội, ông Giám còn làm Phụ tá về Nội Vụ và Ngoại Giao cho Võ nguyên Giáp (giáo sư trường Thăng Long) và Phạm văn Đồng. Ông là một con người hiền từ, trung thực, có uy tín trong ngành giáo dục, thực tâm yêu nước. Theo tôi hiểu, thì ông không thể là một người Cộng Sản được vì ông không phải loại người xảo trá, thủ đoạn… Ông đã đi theo VMCS vì lúc đó CS có chính quyền trong tay và Hồ chí Minh quá khôn lanh, xảo trá và thủ đoạn… Năm 1989, khi về thăm quê ở Hà Nội, tôi có tới thăm ông Hoàng Minh Giám tại nhà riêng của ông trước Bệnh viện Saint Paul. Khi gặp mặt, ông không còn nhận ra tôi, có lẽ vì thời gian quá lâu (trên 40 năm) và ông đã già, trí nhớ sút kém (khi đó ông đã 83 tuổi). Tôi nói tên thì ông nhớ ra ngay, vì trước đó mười năm, khi vợ tôi ra thăm nuôi lúc tôi còn ở tong tù, có lại thăm ông ta đi cùng với người anh ruột tôi, thì đã được ông hứa bảo lãnh, nhưng với điều kiện là phải về quản thúc tại làng như ông Hoàng cơ Bình. Đến khi vợ tôi cho biết, tôi đã từ chối ngay và chấp nhận ở tù cùng với các đồng đội, chiến hữu cho đến ngày ra tù là ngày 13/2/1988, tức trước Tết Âm lịch Đinh Mão bốn ngày thì tôi được CS trả tự do. Tính ra là gần 13 năm sống trong các trại giam CS từ Nam chí Bắc. Ở miền Nam hai trại, trại đầu tiên ở Long Giao (Tỉnh Long Khánh) sáu tháng từ 16/6/1975 cho đến 12/1975. Trại kế tiếp là trại Tam Hiệp (Tỉnh Biên Hòa) 12/1975 đến tháng 6/1976 rồi bị chuyển bằng máy bay C-130 của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) để lại, lúc đó chúng chỉ dành chở cấp Tướng và Đại Tá. Ở miền Bắc,

trại thứ nhất là ở Nghĩa Lộ, Yên Bái, Sơn La. Được hơn một năm, vì tình hình VNCS và Trung Cộng căng thẳng về vấn đề Campuchia, nên trại tù dời về Phủ Lý, Nam Hà ở phía nam Hà Nội. Tổng cộng ở trại miền Bắc là gần 7 năm, sau đó chuyển về trại Long Khánh miền Nam cho tới tháng 2/1988 thì tôi được thả về nhà.

Ông Giám đã về hưu được mấy năm và đang sống với vợ. Các con đã lớn, thành tài và ở riêng. Gia đình ông ở trong một căn nhà hai tầng lầu, gồm có mấy gia đình. Sức khỏe ông đã xuống nhiều, tai mắt không còn lanh lẹ nữa. Bà vợ có cho tôi biết rằng già như vậy mà ít tháng trước, ông Lê quang Đạo, Chủ tịch Quốc Hội CS có đến mời ra tham chính lại, nhưng bà vợ đã nói thẳng cho ông ta hay là ông ấy già rồi, để ông ấy nghỉ, phục vụ quá nhiều rồi, không lẽ bây giờ ra để bon chen với bọn trẻ ư, mọi người chỉ có một thời thôi. Trong buổi gặp gỡ, tôi chỉ đề cập đến những chuyện gia đình, tuyệt nhiên không đả động đến vấn đề chính trị, vì chẳng muốn ông buồn. Đảng Xã Hội của ông đã bị CS giải tán cùng với Đảng Dân Chủ từ lâu rồi. Ai cũng thừa hiểu là hai Đảng đó sau 1945 đã bị CS hóa rồi làm con rối bù nhìn, chỉ còn danh vị suông, là ngoại vi của đảng CSVN.



Chân Dung Đảng Trưởng vNQDĐ Nguyễn Thái Học

Gia đình chót là gia đình tôi. Cha tôi, sau khi Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục bị tan vỡ, các người lãnh đạo bị bắt tù tội, thì ông không ở Hà Nội nữa (mặc dù có nhà ở đó) mà về sống hẳn ở làng, sớm ngày vui thú điền viên. Cũng vì buồn thế sự, Cha tôi uống rượu liên miên để giải khuây, nhất là sau khi ông Bác tôi (Hoàng tăng Bí) mất đi. Vì uống rượu quá nhiều nên bị đau gan nặng và Cha tôi mất khi tôi mới 14 tuổi. Khi còn nhỏ sống ở làng, Cha tôi thương yêu tôi nhất, bô con thường ngủ chung, có khi ngồi uống rượu, ông bắt tôi ngồi bên cạnh nghe chuyện và mài thạch cao để ông lấy nước xoa lên mặt cho mát vì chất rượu bốc nóng lên mặt. Chính vì những giờ phút ngồi hầu chuyện mà Cha tôi đã kể cho tôi hay về nhiều chuyện đời, trong đó có chuyện thời sự (khi đó khởi sự chiến tranh Trung Nhật). Ông đã tỏ ra ngưỡng mộ nước Nhật và Quân đội của họ và các cuộc nổi dậy của nhân dân ta chống Thực dân Pháp. Trong đó ông đề cao và trân quý 13 vị lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDĐ) như: Nguyễn thái Học, Nguyễn khắc Nhu (Xứ Nhu)

Phó đức Chính, Ký con Đoàn trần Nghiệp v.v.. đã mặc nhiên ghi sâu trong tâm trí tôi hình ảnh những anh hùng VNQDĐ từ đó.

Gia đình tôi rất đông, gồm bẩy anh em trai, tôi là con út. Hai người anh lớn đậu bằng Bác sĩ Y Khoa khi tôi mới sinh ra được một, hai tuổi. Người anh Cả tên là Hoàng tích Trí và người thứ hai là Hoàng tích Minh. Anh Cả tôi học về ngành vi trùng học nên đã phục vụ tại Bệnh viện Pasteur. Đến năm 1943, thì ông trở thành Giám Đốc Bệnh viện Pasteur. Sau ngày 19/8/1945, Hồ chí Minh mời tham gia Chính Phủ và giữ chức Bộ Trưởng Bộ Y Tế. Ông là một công chức thuần thành, không làm chính trị và đứng trong một tổ chức nào cả, nhưng ở một vị trí cao trong xã hội lúc bấy giờ, nên quen biết nhiều, trong đó có cả những trí thức thuộc Đảng Xã Hội, đảng CS như các ông Nguyễn mạnh Hà, Phạm ngọc Thạch v..v..Tôi đã ăn nhưng bữa cơm gia đình có mặt hai ông này một vài lần trước ngày Việt Minh Cộng Sản cướp chính quyền tháng 8/1945. Ông anh tôi hoàn toàn là một trí thức yêu nước như phần lớn các người khác trong thời bấy giờ, chỉ muốn nước nhà được Độc Lập thoát khỏi ách cai trị của Thực dân Pháp mà thôi. Nhưng vì Chính quyền ở trong tay VMCS (Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội) và Hồ chí Minh là một lãnh tụ CS quá mưu mô, xảo quyệt và lừa lọc nên đã chiếm được lòng tin của quảng đại quần chúng, đặc biệt là những nhân sĩ có tên tuổi như Cụ Huỳnh thúc Kháng, Phan kế Toại v.v.. để làm lợi cho chúng. *Dĩ nhiên là khi đó chẳng có ai nghĩ rằng VM sẽ tiến hành từng bước thể chế CS theo đường lối chủ chương của CS Nga, Tàu. Về sau hiểu ra thì đã quá muộn, vì đã nằm trong vòng kiểm xoát của guồng máy công an CS, như cá nằm trên thớt.*

Tôi còn nhớ, ông anh tôi có kể lại trong một bữa ăn của gia đình về tính gian xảo của tên Hồ chí Minh là: trong một buổi họp, khi gặp các yếu nhân trong Chính phủ, như thường lệ ông rút thuốc mời, thường là thuốc lá đen rẻ tiền, và ông nói vẫn hút quen thứ thuốc lá đen đó, thuốc thơm là thuốc Đế quốc Tư bản bóc lột. Nhưng một hôm, vì lơ đãng, thay vì mời hút thuốc lá đen, thì ông lại lấy nhầm bao thuốc lá thơm hiệu Philip Morris của Mỹ. Hóa ra là Hồ luôn để ở trong túi hai bao thuốc khác nhau. Khi trước mặt mọi người thì hút thuốc lá đen, nếu không có ai thì móc thuốc thơm ra thưởng thức. Câu chuyện vui, tuy nhỏ đối với mọi người, nhưng qua thực tế đã nói lên cái bản chất cáo già của Hồ và tập đoàn CS dưới trướng của ông ta. Sống trong vùng CS, thiếu thốn mọi thứ, lại hoạt động trong những vùng ma thiêng nước độc Bắc Việt trong những năm đầu kháng chiến, ông anh cả tôi đã bị đau tim, lại thêm bệnh sốt rét, đã mất năm 1957, sau khi CS tiếp thu miền Bắc, theo kết quả của Hội Nghị Genève 1954 .

Ông anh thứ hai của tôi cũng vậy, ông chỉ là một Bác sĩ chuyên môn, ít nói, không thích chính trị. Trước 1945, ông mở Bệnh viện tại đường Lạch Tray Hải Phòng. Khi xẩy ra chiến tranh Việt Pháp vào tháng 12/1946, thì Bệnh viện của ông bị phá tan tành. Ông theo kháng chiến chống Pháp và hoạt động về Y Tế tại Liên Khu Tư (Thanh Hóa, Nghệ An), hiện ông còn sống và đã về hưu, năm nay khoảng 85 tuổi. Tôi gặp lại ông khi ra thăm lại quê nhà năm 1989. Ông vẫn mạnh khỏe và xem sách cho trôi qua những ngày cuối của cuộc đời sau bao năm phục vụ vô bổ dưới chế độ CS. Ông được CS ban cho danh hiệu "thầy thuốc nhân dân", ngày ngày nhìn vào danh hiệu mà thở ra não ruột. Còn ông anh thứ năm của tôi, cũng là một Bác sĩ, tốt

nghiệp trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và cũng đã về hưu. Ông sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh, nơi quê vợ trước 1945. Tiền hưu chẳng được là bao, nên ông phải trồng hoa, lấy hoa kết thành vòng hoa điếu đi đám tang, bán lấy tiền thêm sinh sống. Ông nói vui với tôi là thiên hạ bảo rằng trước kia ông là bác sĩ mong cứu người ta sống lâu, thì bây giờ ông lại mong người ta chết sớm để bán được hoa! Ông có một người con trai đến tuổi đi nghĩa vụ quân sự cộng sản Bắc Việt, trong trận tấn công vào Long Khánh đã bị tử trận. Như vậy là bẩy anh em trai chúng tôi đến nay chỉ còn lại ba người.

A. Tình hình chung khi Thế Chiến thứ Hai chấm dứt (4)

Riêng chỉ có mình tôi trong gia đình, sau năm 1945 không theo VMCS ra vùng kháng chiến, mà lại tham gia vào Mặt trận các đảng Quốc Gia chống VMCS và Pháp, lưu vong sang Trung Hoa. Trở về nước giữa năm 1950, rồi vào miền Trung hoạt động trong lực lượng Việt Binh Đoàn của Trung Tá Nguyễn ngọc Lễ (sau này là Trung Tướng VNCH) chỉ huy. Năm 1953, theo học khóa 4 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức tại miền nam Việt Nam.



Ngôi làng cổ Đông Ngạc – Hanoi

Được cha mẹ cưng chiều, nên ham vui chơi, nhất là về thể thao đá banh, bơi lội, bóng bàn khá xuất sắc. Tuy ăn học ở Hà Nội, nhưng ngày nghỉ và các tháng hè là tôi lại về sống ở làng. Có thể nói là tình cảm của tôi đối với ngôi làng thật sâu đậm. Biết bao kỷ niệm êm đẹp của thời thơ ấu đối với ngôi nhà thân yêu, với các bạn bè cùng lứa tuổi, ngôi trường, những con đường, con sông, hồ, ao, bãi cỏ, đồng làng đã ghi khắc trong tâm khảm không thể nào quên được. Trong những ngày xa vắng, mỗi lần Tết âm lịch tới và ngay cả trong giấc mơ, ngôi làng yêu quý lại hiện ra như một bức tranh đầy màu sắc, linh động.

Sau 30/4/1975, khi bị đưa ra ngoài Bắc giam câm trong trại tù cải tạo, tôi đã được phần nào thấy rõ quang cảnh của làng xã dưới chế độ CS nó như thế nào!!! Tôi hình tượng ra ngôi làng của tôi cũng ở trong tinh trạng xác xơ như vậy. Năm 1950, khi ở Hương Cảng trở về Hà Nội, tôi có về thăm lại làng nhưng dạo ấy ngôi làng tương đối vẫn không có gì thay đổi mấy, tuy có vắng vẻ hơn, các gia đình có máu mặt, một phần ở ngoài khu kháng chiến, một phần ra Hà Nội sinh sống cho được an toàn hơn.

Các bạn bè cũ của tôi thì mỗi người mỗi ngả không còn gặp lại nữa. Có kẻ còn sống và cũng có kẻ đã yên giấc ngàn thu rồi. Năm 1989, một năm sau khi được CS trả về nhà bồi dưỡng lại sức khỏe sau 13 năm ở trong tù, thiếu thốn mọi bề từ vật chất đến tinh thần, tôi đáp máy bay trở về thăm quê hương và người thân trong gia đình trên 40 năm xa cách. Dĩ nhiên, là khi về tới làng và ngôi nhà thân yêu, lòng tôi không khỏi bồi hồi, xao xuyến. Quang cảnh thì vẫn như xưa, nhưng tôi thấy nó có vẻ hoang tàn, bí ẩn và xa vắng… Những người tôi gặp có người quen, kẻ lạ, với nét mặt chẳng lấy gì làm vui tươi cho lắm, trông họ thật khắc khổ và đăm chiêu. Nhiều người thân quen trong làng xóm đã ra đi vĩnh viễn vì chiến tranh và bệnh tật. Nhà cửa, vườn tược hoang tàn ít được trông nom săn sóc, vì chủ nhà chính thức đã bỏ đi từ lâu.

Ngay tại đầu làng, thuộc ngõ Đông, cây cầu Thăng Long bắc từ Phúc Yên qua sông Hồng, đã tạo ra một cái gì chướng mắt khi đi từ Hà Nội tới, tôi cảm thấy nỗi buồn sâu lắng, không còn thiết tha muốn ở lại làng lâu hơn nữa. Thăm viếng ngoài Bắc nửa tháng trời, tôi trở lại Saigon. Tuy nơi này không phải là nơi chôn nhau, cắt rốn, nhưng tôi vẫn cảm thấy một cái gì gần gũi hơn, ấm cúng hơn. Nhưng éo le thay, cuộc đời tôi lại một lần nữa đổi thay, lại ra đi, lại lưu vong nơi đất khách quê người chỉ vì muốn sống tự do. Theo chương trình của HO, những sĩ quan VNCH đi tù CS, tôi và gia đình lên máy bay qua Mỹ tị nạn vào ngày 02/09/1991. Lại một cuộc sống mới bắt đầu ở tuổi ngoài sáu mươi.

Vào tháng 3/1945, nhân có ngày lễ gì đó tôi không nhớ tên, tôi đã đạp xe lên Thị Xã Sơn Tây chơi và thăm gia đình bà Cô ruột tôi, mà chồng bà là em ruột ông Tuần phủ Phan kế Toại. Ở đó đâu được hai, ba ngày thì sáng sớm ngày 9/3/1945, tôi và cả nhà nghe tiếng súng nổ và tiếng chân người chạy rồn rập ở ngoài đường phố. Mở cửa ra, tôi thấy một số tù nhân đầu cạo trọc, mặc áo có số đang ồn ào vừa chạy vừa la hét trên đường phố. Rải rác ở dưới các gốc cây, các binh lính Nhật, người chùm lưới có gài lá, súng trên tay, lưỡi lê sáng loáng, canh gác khắp các ngả đường. Chúng tôi sợ bọn tù cướp phá, vội vàng đóng cửa và ném bánh mì ra cho họ, vì nhà có lò bánh mì. Ít giờ sau thì tôi được biết là Quân đội Nhật đảo chính Pháp, giành lấy trọn quyền thống trị Việt Nam trong tay Pháp. Chỉ một đêm trên toàn cõi Việt Nam, Quân Pháp và Bộ Chỉ Huy tối cao hầu như đã bị bắt trọn và đầu hàng. Chỉ có một số đơn vị đóng tại các Tỉnh biên giới Bắc Việt là chạy thoát qua biên giới Tỉnh Vân Nam thuộc Trung Hoa. Đoàn quân này do Tướng Alessandri cầm đầu và được tập trung đồn trú tại Séo Sa Pả ở phía tây thành phố Côn Minh.



Hoàng Đế Bảo Đại, vị vua cuối cùng của Việt Nam – bên phải là Tổng Thống Ngô Đình Diệm – Tổng Thống Đệ I Việt Nam Cộng Hòa (1954-1963)

Ngay sáng sớm ngày hôm sau, tôi trở về Hà Nội dọc theo con đường trải nhựa phía trong con Đê sông Hồng, đi đường này tương đối gần hơn. Ra khỏi Thị Xã, tôi nhập cùng một số học sinh trường Mỹ thuật để được an toàn hơn, vì theo tin đồn thì trên khoảng nửa đường đi có cướp bóc. Quả nhiên khi đạp xe tới gần làng Dương Liễu , nằm ở ngoài chân Đê, một bọn trai tráng khoảng năm, sáu tên trang bị gậy gộc đang tiến tới chặn đường tính chuyện trấn lột, nhưng khi thấy chúng tôi đông hơn, cũng có mang theo gậy gộc, chúng cảm thấy không làm ăn được, nên rút êm vào trong làng. Theo tôi biết thì dân làng Dương Liễu có tiếng là chuyên đi ăn cướp, tuy đã có lần bị chặn đánh gây nhiều thương tích, nhưng chúng vẫn không chùn bước. Về tới Hà Nội, thì tình hình đã tương đối yên tĩnh, dân chúng vẫn đi lại bình thường, cửa hàng, chợ búa, mở cửa buôn bán tấp nập như không có chuyện gì xẩy ra cả. Cũng như mọi thành phố, Thị Xã khác, quân lính Nhật canh gác và tuần tiễu trên các trục đường trọng yếu. Các yết thị, thông cáo của Quân đội Nhật dán trên tường khắp ngả đường kêu gọi dân chúng làm ăn bình thường và nghiêm trị những phần tử bất hảo. Nhưng khi thông cáo, yết thị xong thì đã có một số vẫn còn tiếp tục nên bị lính Nhật dùng gươm xử tử ngay tại chỗ. Do nghiêm luật như vậy nên an ninh thành phố diễn tiến khả quan.

Ngay sau khi Pháp bị Quân đội Nhật lật đổ, thì nhà cầm quyền Nhật tuyên bố trả lại Độc Lập cho Việt Nam do Vua Bảo Đại lãnh đạo. Tin đó được loan ra, mọi người đều hân hoan đón nhận, vì đã thoát được cảnh cai trị độc ác của Thực dân Pháp sau 80 năm đô hộ biến dân VN thành nô lệ. Tất cả đều tin tưởng là Nhật sẽ thực tâm giúp đỡ và trao thực quyền cai trị cho Việt Nam. Nhưng ít ngày sau, thì mới nhận ra rằng quân đội Nhật chỉ làm cái việc thay ngôi đổi chủ mà thôi. Chính phủ VN chỉ có danh mà không có thực. Sở dĩ Nhật phải đảo chính Pháp cũng không ngoài lý do muốn tránh cái cảnh trong đánh ra, ngoài đánh vào mà thôi, vì lúc đó tình hình Quân đội Nhật đã bi đát lắm rồi. Lực lượng Đồng Minh có thể đổ bộ lên Đông Dương bất cứ lúc nào. Tại chính quốc Nhật, hàng ngày cũng đã bị lực lượng không quân Anh, Mỹ tới đánh phá ngày đêm.

B. NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG (CS) THÁNG 8/1945 (5)



Lính Nhật ở Sài Gòn (1945)

Dưới thời kỳ Nhật chiếm đóng Việt Nam (VN), một Chính phủ VN độc lập đầu tiên được thành lập tại Huế, dù rằng chưa có đủ thực quyền của một nước có Độc lập hoàn toàn, nhưng là một bước tiến mở đầu cho một VN tương lai tốt đẹp hơn. Cầm đầu Chính phủ là học giả Trần Trọng Kim, trước đó đã lưu vong ở Tân Gia Ba (Singapore). Ông là một nhà trí thức có danh tiếng, có tác phong và đạo đức, nhưng không phải là một nhà cách mạng hay chính trị lỗi lạc. Ông có tư tưởng thân Nhật, có lẽ vì thế mà ông được vua Bảo Đại chọn lựa với sự thuận tình của nhà cầm quyền Nhật.

Chính phủ Trần Trọng Kim có thể nói là một Chính phủ bao gồm phần lớn những nhà khoa bảng được cả nước biết đến, như các ông: Huỳnh thúc Kháng, Trần đình Nam, Lưu văn Lang, Hoàng xuân Hãn, Phan Anh, Nguyễn hữu Trí, Vũ ngọc Ánh (ông này giữ Bộ Y Tế đã chết vì trúng đạn của máy bay Mỹ, khi ngồi trong xe ô tô đi công tác tại vùng Hưng Yên, Thái Bình). Ngoài thành phần Chính phủ, còn có ba vị Khâm sai đại thần tại ba miền, đó là ông Phan kế Toại ở Bắc Việt, ông Trần văn Lý ở Trung Việt và ông Nguyễn văn Sâm ở Nam Việt. Quốc kỳ VN là hình Quẻ Ly, gạch màu đỏ trên nền vàng. Quốc ca là bản nhạc "Đăng Đàn" [https://youtu.be/s75gIpnLPrU]



Cờ Quẻ Ly của chính phủ Việt Nam độc lập đầu tiên dưới thời thủ tướng Trần Trọng Kim

Sau khi chính phủ VN được thành lập, các đảng chính trị, các tổ chức cách mạng VN chưa dám công khai hoạt động vì chưa hiểu rõ thái độ của Nhật ra sao. Ở Bắc Việt đã có một số công khai ra mắt dân chúng dưới danh xưng Mặt trận Quốc Gia Liên Minh gồm có Đại Việt Quốc Xã, Thanh niên Ái quốc Đoàn, một nhóm nhỏ VNQDĐ do hai ông Nguyễn thế Nghiệp và Nguyễn ngọc Sơn cầm đầu (đã bị VNQDĐ chính thống lên án rồi rút lui ngay). Lá cờ của Mặt trận là nền vàng, sao đỏ. Trong khi đó đảng Cộng sản Việt Nam vẫn bí mật hoạt động tại các thành phố, đặc biệt ở vùng nông thôn có vẻ lộ liễu hơn là trong thời kỳ còn chính quyền Pháp đô hộ.

Lá cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện dưới nhiều hình thức truyền đơn, bằng giấy hoặc bằng vải. Làng tôi ở, cũng thấy xuất hiện nhưng rất hạn chế, vì tuyên truyền của CS không mấy hiệu quả. Hoạt động nổi của Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDĐ) tại các làng mạc, chưa sâu rộng. Chỉ tới khi VMCS cướp chính quyền thì người ta thấy VNQDĐ công khai hoạt động dưới Đảng kỳ nền đỏ, ở giữa có vòng tròn xanh và ngôi sao trắng năm cánh, chứ không phải lá cờ nửa đỏ nửa vàng (đây là Kỳ hiệu

khởi nghĩa tượng trưng cho máu đỏ da vàng) dưới thời Đảng trưởng Nguyễn thái Học xử dụng làm Kỳ Hiệu Tổng Khởi Nghĩa (không phải Đảng Kỳ).

Sau ngày Quân đội Nhật đảo chính Pháp, các trường học gần như tạm thời đóng cửa, nếu có tính chuyện học hành cũng chả ra sao cả. Thầy trò đều bị ảnh hưởng tình hình chính trị và quân sự mới biến đổi, không còn tâm trạng nào để học nữa. Chính phủ Trần trọng Kim vừa thành lập xong đã phải bắt tay ngay vào công việc khẩn cấp cứu đói đang xẩy ra trầm trọng tại Bắc Việt, không còn thời gian để lo các vấn đề khác.



Những người Việt Nam chết đói chất xác thành đống vào năm Ất Dậu 1945.

Nạn đói năm Ất Dậu 1945 quả là khủng khiếp, có một không hai trong lịch sử VN. Nạn đói đã làm cho hơn một triệu người bị chết vì không có ăn. Nguyên do sự chết chóc này là Nhật, Pháp thu mua hết lúa gạo để cung cấp cho Quân đội Nhật. Thóc gạo từ miền Nam chuyển ra miền Bắc bằng tàu thủy và tàu lửa bị trở ngại do máy bay Mỹ đánh phá và thiếu phương tiện chuyển vận.

Chính quyền Nhật ở Đông Dương làm ngơ trước sự kiện này và để mặc cho tân Chính phủ VN tự lo liệu. Hàng ngày, từng đoàn người bỏ làng ra đi đến thành phố để kiếm ăn, nhưng phần lớn đã chết ở dọc đường trước khi đến nơi. Những kẻ tới được thành phố cũng chỉ một vài ngày, rồi cũng lăn ra chết vì đói. Đoàn công tác vệ sinh thành phố, hàng ngày phải dùng xe bò hốt xác mang đi chôn không kịp. Trên khắp nẻo đường từ Thái Binh, Hưng Yên, Thanh Hóa… từng đoàn người đói khát di chuyển chập chờn như những bóng ma đi trên đất. Trong hoàn cảnh đó, Phong trào Khất thực tại thành phố ra đời, hầu mong cứu giúp được một phần nào gọi là "lá lành đùm lá rách – Người trong một nước phải thương nhau cùng". Tôi và một vài người bạn hưởng ứng phong trào, ngày ngày mang bao đi tới từng nhà khá giả để xin ủng hộ một vài bát cơm mang về tập trung đem phân phát cho các gia đình bị thiếu ăn. Tình huống đó cứ tiếp diễn cho đến ngày Quân đội Nhật đầu hàng mới tạm chấm dứt. Chính phủ Trần trọng Kim lo về việc cứu đói cũng chưa xong, còn nói gì đến các công tác kiến quốc khác… Thực ra, thành phần nội các tuy bao gồm những nhà trí thức khoa bảng, nhưng lại bất lực trước

những vấn đề gai góc bất ổn của đất nước lúc bấy giờ. Chính quyền trên danh nghĩa là do người VN làm chủ, nhưng trên thực tế đều do viên Tư lệnh Nhật ở Đông Dương nắm vai trò chủ đạo, không khác gì viên Toàn quyền Pháp trước đó ít lâu.

Cái cảnh đổi chủ ngoài ý muốn của nhân dân VN, không tạo được một ảnh hưởng phấn khởi nào cả, trái lại còn gây nên một sự lo âu về tương lai một cuộc hành quân của lực lượng Đồng Minh trên đất nước. Các cuộc oanh tạc ngày càng gia tăng dữ dội. Kết quả là dân VN ngoài cái chết vì đói, lại còn gánh họa vì tai họa chiến tranh. Trong bối cảnh đó, các Đảng cách mạng và chính trị vẫn chỉ hoạt động âm thầm nhiều hơn là công khai vì e ngại sự phản ứng của quân đội Nhật. Riêng chỉ có Mặt Trận Quốc Gia Liên Minh là ồn ào đôi chút, vì đường hướng của Mặt trận này xem ra có vẻ thân Nhật… Do đó kết quả ảnh hưởng tới quần chúng chẳng được là bao và còn bị các Đảng quốc gia khác lên án nữa.



Quân đội Đồng Minh đang thâu vũ khí quân đội Nhật đầu hàng (8/1945)

Đột nhiên vào đầu tháng 8/1945, đài phát thanh và báo chí loan tin Nhật Hoàng ra lệnh cho Quân đội Nhật trên chiến trường Á Châu buông súng đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện, sau khi hai quả bom nguyên tử của Mỹ thả xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki trên nước Nhật. Kết quả là mấy trăm ngàn dân Nhật đã chết và bị thương. Trước thảm họa đó, vua Nhật không còn con đường nào khác là phải đầu hàng nếu không muốn nước Nhật thành bình địa. Thực ra, Quân đội Nhật tuy có bị thất trận, phải rút lui dần, nhưng với tinh thần và kỷ luật thép của họ thì chiến tranh có thể còn kéo dài nhiều năm nữa. Sự hy sinh anh dũng của các phi công Thần phong (Kamikaze) của Nhật ra đi không hẹn ngày về đã chứng tỏ tinh thần Võ Sĩ Đạo của quân đội Nhật. Sở dĩ Mỹ phải đành tâm thả hai trái bom nguyên tử mà họ biết chắc chắn là sẽ có sức tàn phá rất ghê gớm, nhưng nếu không làm thế thì không thể nào khuất phục được quân đội Nhật, một đội quân thiện chiến, gan dạ, chỉ có tiến mà không có lùi, đã làm cho Quân đội Anh Mỹ, một lực lượng quân sự đứng hàng đầu trên thế giới phải nhận lấy những thiệt hại đáng kể về người, phương tiện và của cải trong những năm đầu của Thế chiến thứ II.

Khi đó, tại chiến trường Âu Châu đã im bặt tiếng súng trước đó ít tháng. Quân đội Đức quốc xã của Hitler bách chiến bách thắng, sau 5 năm chiến đấu trên khắp

chiến trường Âu Châu và Bắc Phi đã phải buông súng đầu hàng. Vì vậy Đồng Minh cần phải chấm dứt ngay chiến tranh vì cả hai bên đều đã quá mệt mỏi. Hơn nữa, tình hình lúc đó ở Đông Âu, Liên Xô trên đà chiến thắng đã chiếm đóng các nước trước kia bị Đức Quốc Xã xâm lăng và tìm cách thiết lập chế độ Cộng sản tại đó.

Liên Xô hình như đã vi phạm thỏa ước về quân sự và chính trị mà họ đã cùng Đồng Minh thỏa hiệp tại Hội nghị Yalta thuộc vùng Crimea, Ukraine nằm bên bờ biển Hắc Hải của Liên Xô, diễn ra trước ngày Đức bại trận. Tại chiến trường Đông Bắc Á Châu giữa Ngoại Mông thuộc ảnh hưởng Liên Xô và Nội Mông thuộc Trung Quốc. Liên Xô cũng nhân đà chiến thắng tại Âu Châu, đã tự hủy bỏ Hiệp ước An ninh giữa họ và Nhật, tung quân tràn vào Nội Mông và Mãn Châu để ăn có vì biết Nhật sắp sửa đầu hàng. Sau này, tin tức lộ ra cho biết là Nhật đã gửi công hàm cho Mỹ qua Liên Xô để cầu hòa, nhưng họ đã dìm đi và tuyên chiến với Nhật để hầu trả mối hận năm xưa, đó là sự thất trận của hạm đội Nga năm 1905 đã bị Nhật đánh tan tành tại eo biển Đối Mã, Nhật Bản. Dĩ nhiên là vào lúc đó Liên Xô đã biết rõ tình hình Quân đội Nhật đã suy yếu lắm rồi. Nên chỉ ít ngày Quân đội Nhật tại Mãn Châu (Trung Hoa) đã phải đầu hàng Đồng Minh. Sau đó Liên Xô chiếm đóng bốn hòn đảo của Nhật ở phía bắc nước Nhật. Bốn hòn đảo này cho đến nay vẫn còn đang trong vòng tranh chấp mà Liên Xô chưa chịu hoàn trả.

NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG (CS) THÁNG 8/1945 (6)

Hiểu rõ tham vọng bành trướng chủ nghĩa CS của Liên Xô trong tương lai qua phương thức chính trị và quân sự nên Anh Mỹ phải tìm cách châm dứt mau chóng chiến sự ở Á Châu, ngõ hầu chặn đứng sự lấn chiếm của Liên Xô. Do đó Mỹ đã phải xử dụng bom nguyên tử mà Mỹ đã hoàn thành trước đó một năm. Thế chiến thứ hai đã chấm dứt tại Âu Châu cũng như tại Á Châu, đồng thời cảnh cáo, nhắc nhở Liên Xô đừng có "luồng gió bẻ măng".

Tin Nhật đầu hàng làm cho nhân dân VN vui mừng vì đã thoát cảnh chết chóc vì chiến tranh. Quân Nhật đầu hàng nhưng vẫn phải đóng quân tại chỗ và chịu trách nhiệm về an ninh tại VN cho tới khi Quân đội Đồng Minh tới giải giới và thay thế. Theo kế hoạch ấn định, tại VN từ vĩ tuyến 16 có thành phố Đà Nẵng trở ra phía Bắc sẽ do Quân đội Trung Hoa (Tưởng Giới Thạch) đảm trách, và từ phía nam Đà Nẵng trở vào Nam do lực lượng Anh và Ấn Độ chịu trách nhiệm. Trong thời gian chờ đợi Quân đội Đồng Minh tới giải giới, tình hình chính trị VN trở nên biến động khác thường. Các đảng cách mạng lớn trước đây âm thầm hoạt động, nay bắt đầu tích cực tham gia vận động quần chúng để chờ ngày cướp chính quyền.

Khi đó đảng CS núp dưới danh nghĩa Mặt trận Việt Minh có vẻ hoạt động mạnh mẽ hơn cả. Họ đã thành lập được chiến khu ở vùng Thái Nguyên, Tuyên Quang và Bắc Cạn từ khi quân Nhật tiến vào Đông Dương, được sự giúp đỡ, hỗ trợ của tiền thân cơ quan tình báo Mỹ (OSS – Office of Strategic Services), trụ sở đặt tại Trùng Khánh, Thủ Đô tạm thời của kháng chiến Trung Hoa sau khi quân Nhật đánh chiếm Bắc Kinh và Nam Kinh. Tuy có chiến khu mang danh chống Pháp và Nhật, nhưng thực tế lực lượng võ trang chẳng có là bao, may lắm có chừng khoảng một Đại Đội

(gần một trăm người) trang bị vũ khí lạc hậu có từ thời Đệ I Thế chiến, bao gồm đủ loại súng của Mỹ, Anh, Pháp, Nhật do Võ nguyên Giáp (nguyên giáo sư sử địa trường Trung học Thăng Long Hà Nội) chỉ huy. Sau đó suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông Giáp đã trở thành người lãnh đạo quân sự cao cấp nhất của CSVN, mang tới quân hàm Đại Tướng. Trong thời kỳ chống Pháp, một số nước thân CS đã đề cao ông ta như một thiên tài về quân sự, nhưng thực tế không phải ông ta là người duy nhất quyết định chiến trường mà là cơ quan lãnh đạo đảng CS, tức Bộ Chính Trị và ngoài ra bên cạnh Bộ Chỉ Huy còn có một số cố vấn quân sự cao cấp của Trung Cộng đưa sang tiếp tay cho CSVN. Vì vậy người ta không lạ gì về các chiến lược, chiến thuật "Du kích chiến" của Mao trạch Đông và Lâm Bưu (hai tên trùm CS Trung Hoa) được mang ra áp dụng trong thời chiên tranh Việt-Pháp (1946-1954).

Tại các vùng nông thôn, trước kia vắng bóng CS, nay đã thấy truyền đơn, cờ, rải ra khắp nơi. Xem ra dân chúng có vẻ ủng hộ, nhất là những thành phần nghèo khổ, vì CS tuyên truyền là tranh đấu chống bất công xã hội, chống cường hào ác bá, áp bức và bóc lột. Khi đó, tôi cũng có chú ý tới Việt Minh, nhưng không rõ ai là cấp lãnh đạo của phong trào này. VNQDĐ hoạt động có vẻ kín đáo hơn, ít thấy truyền đơn và cờ của VNQDĐ xuất hiện.

Chính phủ Trần trọng Kim trước tình hình đó cũng không có đường hướng hoạt động nào đặc biệt cả, họ tỏ ra thụ động và trông chờ quân đội Đồng Minh tới giải giới quân Nhật. Có thể Chính phủ có mặc cảm là thân Nhật chăng? Vua Bảo Đại thì nhu nhược, gần như không làm gì cả. Ông làm Vua khi còn quá trẻ, sau khi được Thực dân Pháp đưa qua Pháp du học, nên đã hấp thụ nên văn hóa, giáo dục hoàn toàn Pháp. Đóng vai trò ông Vua một nước bị đô hộ, ông ta trị vì cho chiếu lệ, mọi quyền hành cai trị nằm trong tay người Pháp. Do đó vua Bảo Đại chẳng biểu lộ tí gì về khả năng cũng như kinh nghiệm trong vai trò lãnh đạo. Người ta bảo làm gì thì làm cái đó.

Nếu Bảo Đại là một vị Vua giỏi, có lẽ tình hình đất nước không đến nỗi lầm than, khổ cực và chết chóc vì chiến tranh kéo dài mấy chục năm do CS chiếm chính quyền gây ra. Hậu quả đến nay dù hai miền Nam Bắc đã thống nhất, hòa bình đã trở lại, nhưng nhân dân VN vẫn đói khổ, sống mất tự do dưới sự cai trị bằng độc tài và bạo lực tàn ác của chế độ CS. Người ta nói rằng dưới chế độ Thực dân Pháp, người dân sống còn khá hơn. Điều nhận xét đó cũng đúng phần nào.

Tình hình an ninh chính trị VN sau ngày Nhật đầu hàng thật mông lung, không biết đi về đâu. Theo tin của những vị lãnh đạo VNQDĐ thì một vài ngày trước 19/8/1945, Ban Lãnh đạo Trung ương Quốc dân Đảng (gồm VNQDĐ, Đại Việt QDĐ, Đại Việt Dân Chính) đã hội họp và quyết định cướp chính quyền. Lệnh ban xuống được các cấp đảng bộ ở mọi nơi, đặc biệt là ở Hà Nội chuẩn bị ráo riết. Lực lượng vũ trang chủ lực là đơn vị lính khố xanh, một thứ lính có tính cách bảo vệ an ninh hành chánh ủng hộ tiếp tay. Nhưng sau, lệnh cướp chính quyền đã tạm hoãn, với lý do để CS làm trước, khi Đồng Minh tới cũng sẽ bị dẹp bỏ. Ông Trương tử Anh lãnh tụ Đại Việt Quốc Dân Đảng (ĐVQDĐ), lúc đó cũng là người đứng đầu

Mặt Trận Quốc Dân Đảng trong nước tỏ ra e dè trước việc cướp chính quyền bị thất bại, nên đã bỏ lỡ một thời cơ hiếm có trong hoạt động cách mạng.

Sự lỡ lầm này đã đưa VN đi tới một khúc quanh lịch sử đầy bi đát. Các đảng chính trị Quốc gia đã bị CS sát hại khi họ cướp được chính quyền trong tay, làm tổn thương đến vai trò lịch sử của VNQDĐ, một Đảng có thành tích to lớn với quá trình tranh đấu danh Độc lập chống Thực dân Pháp. Từ thất bại này đến các thất bại khác, sau đó cũng thất bại và với sự tuyên truyền lừa bịp của Việt Minh Cộng Sản nên đã không còn được nhân dân VN dành cho nhiều cảm tình tốt đẹp như xưa.



TUYÊN - CÁO

ngày 28 tháng 8 năm 1945
về việc thành lập Chính phủ lâm-thời
Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hoà

Hỡi quốc - dân đồng - bào!

Toàn quốc đại - biểu đại - hội họp ngày 16, 17 tháng 8 năm 1945 đã cử ra Ủy-ban Dân-tộc Giải-phóng Việt-Nam tức là Chính-phủ Nhân-dân lâm-thời Việt-Nam để lãnh đạo nhân-dân tranh đấu dành quyền độc-lập.

Sau ngày lịch-sử 19 tháng 8 năm 1945, chính quyền toàn quốc đã vào trong tay Ủy-ban Dân-tộc Giải-phóng Việt-Nam. Toàn dân tộc đúc thành một khối, ủng hộ chính-quyền mới...

CHÍNH-PHỦ LÂM-THỜI
VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HOÀ
(Nội-các thống nhất quốc-gia)

Hồ Chí Minh	*Chủ-tịch kiêm Ngoại-giao*
VõNguyên Giáp	*Bộ trưởng bộ Nội-vụ*
Trần Huy Liệu	*---- bộ Thông-tin tuyên-truyền*
Cù Văn Tấn	*---- bộ Quốc-phòng*
Dương Đức Hiền	*---- bộ Thanh-niên*
Nguyễn Mạnh Hà	*---- bộ Kinh-tế Quốc gia*
Nguyễn Văn Tố	*---- bộ Cứu-tế Xã-hội*
Vũ Trọng Khánh	*---- bộ Tư-pháp*
Phạm Ngọc Thạch	*---- bộ Y-tế*
Đào Trọng Kim	*---- bộ Giao-thông Công-chính*
Lê Văn Hiến	*---- bộ Lao-động*
Phạm Văn Đồng	*---- bộ Tài-chính*
Vũ Đình Hoè	*---- bộ Quốc-gia giáo-dục*
Cù Huy Cận	*Không giữ bộ nào*
Nguyễn Văn Xuân	*Không giữ bộ nào*

(Trích VIỆT NAM DÂN QUỐC CÔNG BÁO
VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ
Năm thứ I - số 1 - thứ bảy ngày 1/9/1945)

Danh sách của chính phủ lân thời Việt Minh 1945, toàn là những tên cộng sản của Hồ Chí Minh – Từ đây đất nước trao cho cộng sản Đệ Tam Quốc Tế của Lenin.

Sáng ngày 19/8/1945 là ngày biểu tình của công chức tại nhà hát lớn Hà Nội do chính phủ tổ chức. Trong khi các diễn giả thay nhau lên diễn đàn, đột nhiên cán bộ Việt Minh nhẩy lên chiếm micro hô hào mọi người tham dự, ủng hộ VM cướp chính quyền. Mọi người còn đang hoang mang chưa có phản ứng gì, cán bộ VM xen lẫn trong đoàn hô vang "Ủng hộ VM cướp chính quyền." Sau đó cờ đỏ sao

vàng được tung ra phân phát cho mọi người. Đồng thời, một lá cờ vải to lớn được treo phủ kín mặt tiền nhà hát lớn từ trên lầu cao xuống tới đất.

Như vậy chứng tỏ VM đã có chuẩn bị sẵn sàng để hoạt động, đoàn người dự biểu tình ùa theo, được lãnh đạo bởi các cán bộ VM biến thành đoàn biểu tình tuần hành trên đường phố và tiến tới các cơ sở chính quyền. Khởi sự cướp chính quyền của VMCS là sự chiếm lãnh các trụ sở, đài phát thanh, sở bưu điện, đặc biệt là tòa nhà của phủ Thống sứ đã dùng làm công sở của Khâm sai Bắc Việt Phan kế Toại, đã không gặp một kháng cự nào của các lính bảo vệ. Riêng ông Phan kế Toại đã có thái độ gần như ủng hộ VM và sẵn sàng giao lại quyền hành cho VM. Có người cho ràng các con của ông là cán bộ VM nên ông bị ảnh hưởng rất nhiều. Chẳng thế, khi CSVM lên nắm chính quyền, dù ông xuất thân là một quan lại (tuần phủ) thời Pháp thuộc, ông ta vẫn được VM xử dụng.

Trong ngày cướp chính quyền, quân đội Nhật hoàn toàn giữ thái độ bàng quang không phản ứng gì cả, miễn là VM không có đả động đến các nơi Nhật đóng quân. Sau đó được biết, Tư lệnh quân đội Nhật có cho Bảo Đại hay; nếu ông ta muốn, thì chỉ trong vài giờ VM sẽ bị họ dẹp tan ngay. Nhưng Bảo Đại đã từ chối vì không muốn có sự đổ máu diễn ra giữa người VN với nhau và ông ta chuẩn bị sẵn sàng giao lại quyền cai trị đất nước cho VMCS. Có lẻ vì thế, ông Bảo Đại được VM đối xử tử tế và mời ông ra giữ chức cố vấn tối cao cho chính phủ VMCS. Trước tình hình đó, nội các Trần trọng Kim tự động giải tán không kèn, không trống.

Một phái đoàn VMCS do Trần huy Liệu và Cù huy Cận đại diện lên đường vào Huế tiếp thu ấn tín của nhà Vua khi làm lễ thoái vị, Vua Bảo Đại đã tuyên bố được một câu khả dĩ coi được trong suốt thời gian ông làm Vua, đó là "Thà làm dân một nước Độc Lập còn hơn làm Vua một nước nô lệ". Có lẽ khi tuyên bố như vậy, ông nghĩ rằng nước VN sẽ được Độc lập, hoàn toàn tự do, toàn dân hạnh phúc và phú cường. Bảo Đại là vị Vua cuối cùng giòng họ Nguyễn đã trị vì trên ba trăm năm, đồng thời cũng chấm dứt chế độ phong kiến tại VN. Ít ngày sau khi cướp chính quyền, VMCS tuyên bố thành lập Chính phủ lâm thời bao gồm:

Thủ tướng kiêm Ngoại giao: Hồ chí Minh
Bộ Nội Vụ: Võ nguyên Giáp
Bộ Quốc phòng: Chu văn Tấn
Bộ Tài chính: Phạm văn Đồng
Bộ Thông tin Tuyên truyền: Trần huy Liệu

v.v và v.v.

B. NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG (CS) THÁNG 8/1945 (7)

Khi nghe công bố thành phần Chính phủ, chẳng ai từng nghe tên bao giờ, đặc biệt Chủ Tịch Hồ chí Minh, cái tên lạ hoắc. Tìm hiểu qua một vài đảng viên cách mạng Quốc gia, tôi mới rõ ông Hồ chí Minh đích thực là Nguyễn ái Quốc, một lãnh tụ Cộng Sản, xuất thân từ Liên Xô. Các nhân vật nắm giữ các bộ đều là người của đảng CS cả. Được rõ sự việc và hiểu qua về CS cũng như cách xử sự của lãnh tụ và cán bộ CS sau ngày cướp chính quyền, tôi đâm ra ác cảm với họ và khởi sự chống lại chính quyền VMCS. Từ đó tôi đứng hẳn về phía những người cách mạng

Quốc gia, nhất là VNQDĐ, tôi đã từng được nghe qua về những hoạt động yêu nước, đã hy sinh chống Pháp trước đây.

Ngày mồng 2 tháng 9 năm 1945, Hồ chí Minh tập họp dân chúng tại quảng trường Ba Đình và đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập cùng ra mắt Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Trong ngày đó nhân dân VN thấy được Độc lập, vui mừng ủng hộ chính quyền Việt Minh, vì mọi người ai ai cũng đều khao khát mong được độc lập từ lâu, một nền Độc lập chân chính không phải Độc lập bánh vẽ như dưới thời Bảo Đại. *Tiếc thay! là người dân không hiểu biết về chính trị nên đã bị Việt Minh Cộng Sản lừa bịp, dần dần đưa họ vào con đường xã hội chủ nghĩa, một chế độ độc tài, tàn ác không tôn trọng nhân phẩm, cũng chẳng có nhân quyền. Đến khi hiểu ra sự việc thì đã quá muộn vì mạng lưới công an, mật vụ của CS dày đặc bao phủ lên đầu họ, người dân không dám hở môi, nghiến răng chịu đựng...*


photobucket
Protect more of your memories for less!

26 August 1945, Hanoi. Ho Chi Minh sends an offical delegation headed by Vo Nguyen Giap to welcome the American OSS mission to Hanoi. While the band plays the American National Anthem, Giap and his delegation join the author and the OSS team in saluting the American flag.

[Dịch] Ngày 26/08/1945, Hồ Chí Minh gửi một phái đoàn đại diện chính thức do Võ Nguyên Giáp cầm đầu đến nghênh đón đoàn OSS (tiền thân CIA) tại Hà Nội. Trong lúc bài Quốc Ca Hoa Kỳ đang trổi lên thì Giáp và phái đoàn (CSVN) cùng đứng chào Quốc Kỳ & Quốc Ca Hoa Kỳ.

Làng tôi (làng Đông Ngạc hay làng Vẽ) cũng như mọi nơi khác trên toàn lãnh thổ Bắc Việt, VM gấp rút tổ chức,thành lập các lực lượng tự vệ. Trước cao trào đó, tôi cũng phải tham gia vào đội tự vệ của xã. Hàng ngày chúng tôi được một hai cán bộ VM có biết qua về quân sự huấn luyện. Chương trình tập cũng chỉ loanh quanh ở mấy động tác đi, đứng và một vài kỹ thuật về cách xử dung súng. Khi đó làm gì có nhiều súng ống, nên chúng tôi dùng súng gỗ thay thế. May lắm thì có một hai khẩu súng trường Mousqueton của Pháp từ thời đệ nhất thế chiến (1914 -1918) dùng để huấn luyện. Loại súng này mỗi lần bắn một phát, lại phải kéo cơ bẩm lên đạn, khi bắn súng dật quá mạnh, nên rất khó trúng mục tiêu. Tuy nhiên là buổi giao thời,được công khai tập luyện về quân sự, nên chúng tôi ai cũng thích thú và hăng hái học tập.

Làng tôi, sau ngày 19/8/1945 cũng có sự thay đổi về các chức vị lãnh đạo. Trước kia, công việc đều nằm trong tay các quan lại đã về hưu, nay thuộc các thành phần cựu công chức và thương gia cầm chịch.

Ông Anh họ tôi được bầu làm Chủ tịch Xã. Ông ta là một nhà thầu khoán, giao thiệp nhiều và rất bình dân, trong làng ai cũng ưa thích. Tôi được ông anh một người bạn là công chức cũ, kêu gọi giữ chức phụ tá về thông tin cho ông ta. Công việc chính là chăm lo cho căn phòng thông tin, báo chí của xã. Ở vai trò đó, tôi được gọi đi học một lớp huấn luyện cấp tốc về thông tin, tuyên truyền tại một làng kế cận. Thời gian học kéo dài 15 ngày, ăn ở tại chỗ trong một ngôi đình làng. Đề tài tập trung vào mỗi một chủ đề là "VN Dân Chủ Cộng Hòa" và đó là lần đầu tiên trong đời tôi tham dự lớp học về chính trị của VM. Dĩ nhiên, là mới lạ và thu hút được sự theo dõi của khóa sinh. Giảng viên là một cán bộ VM còn trẻ, ăn nói khá lưu loát. Mục tiêu của khóa học là để các nhân viên đặc trách về thông tin, tuyên truyền của các làng xã thông suốt về chủ chương, đường lối của chính quyền VMCS.

Sau khi mãn khóa trở về, tôi liền tổ chức một buổi nói chuyện với dân làng, phần lớn là thanh niên, nói về những gì mà tôi đã học được, tôi đem ra nói lại chứ thực tình chưa đủ căn bản chính trị để làm công việc đó. Hơn một tiếng trả bài êm thấm không có trở ngại thắc mắc của thính giả. Ngoài buổi nói chuyện ấy, những giờ rảnh rỗi, tôi thường ra chơi căn nhà gạch để trống ở đồng làng, có cây đa to bóng rợp, có giếng sâu nước mát lạnh, nơi tập trung nghỉ ngơi của nông dân sau khi làm lụng mệt nhọc. Tôi đã ngồi nói chuyện với họ về những gì tôi đã hiểu qua bài học chính trị vỡ lòng trước đó. Họ nghe và tỏ ra rất hợp ý về chuyện cường hào, ác bá, bóc lột áp bức, bất công xã hội v.v.. ***Nhưng họ đâu có ngờ trong chế độ VM, mà họ sống sau đó, qua những lời tuyên truyền tốt đẹp chỉ là cái bánh vẽ, lôi kéo họ đi theo mà thôi. Những gì mà họ phải gánh chịu trong chế độ cai trị của thực dân, phong kiến lại diễn ra như cũ và còn ác độc hơn nhiều. Ngày tôi trở lại thăm quê nhà năm 1989, thấy họ còn nghèo khổ hơn xưa. Thật là đau lòng chỉ vì hai chữ Độc lập của Việt Minh Cộng Sản!***

Một khi CS nắm được chính quyền, công việc trước mắt của chúng là phải thanh toán những chướng ngại có thể nguy hại cho vận mạng của chính quyền mà chúng vừa chiếm được. Những chướng ngại đó là các đảng chính trị cách mạng quốc gia không cùng đường lối chủ chương với chúng. Những sự chống đối như vậy đã ngấm ngầm xẩy ra dưới thời Thực dân Pháp cai trị, từ ngoài xã hội cho tới trong nhà tù. CS với đường lối quốc tế phi dân tộc nên đã tìm đủ mọi cách làm giảm mọi ảnh hưởng, uy tín của các đảng Quốc gia dân tộc, như tuyên truyền xuyên tạc, đưa tin cho phòng nhì Pháp để bắt bớ, triệt hạ, để chúng một mình một chợ không còn sợ ai tranh chấp nữa. Do đó, các đảng viên VNQDĐ và các đảng khác đã bị CS khủng bố, bắt mang đi thủ tiêu rồi chúng rêu rao là phần tử phản động, tay sai bán nước.

Tôi được biết qua một cán bộ VM, thì hai đảng viên kỳ cựu của VNQDĐ là ông Nguyễn Thế Nghiệp và Nguyễn Ngọc Sơn đã bị chúng bắt và thủ tiêu bằng cách bỏ vào bao bố rồi liệng xuống sông Hồng trước cửa đình làng Chèm tức Thụy

Phương, một làng ở sát cạnh làng tôi, thời đó nổi tiếng là sát hại những ai mà chúng gán cho là phản động. Cũng trên khúc sông này, khi đoàn quân Tàu phù của Tướng Lư Hán (tên Tướng Chỉ huy quân đội Trung Hoa sang VN giải giới quân đội Nhật) đã bị VM phục kích giết hại.

Lư Hán là Tướng phục vụ dưới quyền của tướng Long Vân, Tỉnh trưởng Tỉnh Vân Nam, một địa phương gần như độc lập với Trung ương của Tưởng giới Thạch ở Thủ đô Nam Kinh. Vận dụng chiến thuật "điệu hổ ly sơn" bằng cách giao phó trọng trách cho quân của Long Vân sang VN tước khí giới quân đội Nhật, rồi thừa dịp đưa quân Trung ương vào Vân Nam trấn áp Long Vân. Kế hoạch này vô tình làm cho tình hình chính trị ở Bắc Việt không còn đi theo chiều hướng thuận lợi cho các đảng Quốc gia nữa.

B. NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG (CS) THÁNG 8/1945 (8)

Tướng Lư Hán và Tướng Tham mưu Trưởng Tiêu Văn dưới trướng của Tướng Trương phát Khuê, Tư lệnh vùng



Lư Hán (1895-1974)

Lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây) thiên tả, ăn tiền của VMCS, họ không còn hỗ trợ cho các Đảng cách mạng Quốc gia nữa. Ngoài ra, chính phủ Trung Hoa đã ngầm thỏa hiệp với Pháp để không dính dáng vào vấn đề nội bộ của VN, sau khi được Pháp trao trả các nhượng địa mà Pháp đã chiếm giữ từ lâu. Do đó, ta thấy rằng quyền lợi của Quốc gia họ là trên hết. Những thỏa hiệp, cùng những hứa hẹn chỉ là ngôn ngữ của chính sách ngoại giao lấy lòng trong một thời gian nào đó thôi. Theo thỏa hiệp của các nước thắng trận đã ký kết, một tháng sau ngày quân đội Nhật đầu hàng, quân đội của Lư Hán từ hai ngả Vân Nam và Quảng Tây tiến vào Bắc Việt làm nhiệm vụ giải giới. Ngoài những đơn vị chính quy, tương đối còn khả dĩ trông được, còn có những đoàn quân địa phương đi theo ăn có. Chúng trang bị các loại vũ khí lạc hậu, còn đa số đi tay không, quần áo lôi thôi, luộm thuộm, dơ bẩn, gồng gánh nồi niêu song chảo, trông không ra vẻ quân đội một chút nào cả. Chẳng thế, mà khi chiến tranh Trung Nhật xẩy ra, quân Nhật tiến đánh như chẻ tre, quân của Tưởng chỉ nghe quân Nhật hò hét là đã bỏ chạy. Đoàn quân Tàu ốm đói đó đi tới đâu là tìm cách trộm cướp tới đó. Nhân dân VN, sau nạn đói khủng khiếp chưa hoàn hồn, nay lại phải gánh lấy tai ách do đoàn quân Tàu phù (lính tàu chân đi đất bị phù thũng nên gọi là Tàu phù) mang tới. Lịch sử VN vẫn còn ghi chép rành rành ngàn năm đô hộ của người Tàu. Nỗi mừng lo trong ngày đầu của cách

mạng tháng 8/1945 đã làm bận tâm dân tộc VN rất lớn. Tương lai của VN thật là đen tối trong cái thế tranh dành ảnh hưởng và quyền lực của một thế giới mới lưỡng cực, một bên là CS và một bên là Tư Bản.



Quân Trung Hoa (Tưởng Giới Thạch) đến Hải Phòng năm 1945

Đoàn quân Tàu phù không rõ số lượng là bao nhiêu, nhưng cứ thấy hàng ngày từ phía biên giới Trung Việt ào ào từ các ngả đường đổ xuống đồng bằng Bắc Việt. Các đình chùa, trường học, nghĩa là chỗ nào để trống là chúng chui vào ẩn náu bất cần lệnh của chính quyền địa phương. Quả là một đoàn quân vô kỷ cương. Các sĩ quan của chúng, có kẻ còn mang cả bàn đèn thuốc phiện nữa. Trong tình hình của một đoàn quân vô kỷ luật đó, nhiều việc rắc rối đã xẩy ra giữa người VN với bọn chúng. Phái đoàn của hai bên (Trung Hoa Việt Nam) không sao giải quyết cho hết được.

Như chuyện tôi đã kể, là khi đoàn quân Tàu Phù xử dụng tàu bè từ mạn biên giới xuôi về Hà Nội, lúc tới khúc sông làng Chèm, cách Hà Nội 12 cây số, trong đêm đã bị lực lượng của VMCS phục kích nổ súng giết chết, rồi vứt xác xuống sông. Sự kiện này tôi được hay trước vì trong đêm đó tôi đang ứng trực gác tại trụ sở làng. Nhưng ác hại thay, trong những tên lính Tàu bị giết đêm đó, lại có tên sống sót, thoát chạy về tới Hà Nội và khai báo với Bộ Chỉ Huy của Tướng Lư Hán. Tướng này liền thông báo cho Chính phủ VN hay sự việc là chúng sẽ đem quân tới triệt hạ nơi đã xẩy ra biến cố. Không hiểu Hồ Chí Minh lúc đó giải quyết với Tướng Lư Hán ra sao, mà sự việc được êm thấm, nhưng VMCS đã phải đem tên cán bộ Huyện ủy ra xử bắn để lấy lòng Lư Hán và binh lính của ông ta. Tôi cho rằng việc bắn giết binh lính Tàu để lấy vũ khí, không phải chủ chương của địa phương, mà xuất xứ từ lệnh của cấp cao CS. Nhưng khi cần để bảo vệ sự sống còn của Đảng, chúng sẵn sàng hy sinh đảng viên của chúng, dù rằng đứng về mặt đảng rất có công lao.

Sau câu chuyện đó thì tình trạng xẩy ra như vậy không còn tiếp diễn nữa, mà sự mua bán bằng vàng bạc mà VMCS đã thu được trong Tuần Lễ Vàng được tổ chức sau ngày VMCS chiếm được chính quyền. Đồng thời với quân Trung Hoa tràn vào Bắc Việt và Trung Việt thì quân Anh Ấn đổ bộ lên miền Nam VN từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam. Lực lượng này ngoài việc giải giới quân đội Nhật, họ còn hỗ trợ trực

tiếp cho quân đội Pháp trở lại VN. Đoàn quân này cùng những binh lính Pháp trước kia bị Nhật cầm tù, nay được thả ra, dưới quyền chỉ huy của Tướng Leclerc đã đánh chiếm toàn vùng Sài Gòn, Chợ Lớn. Ủy ban Hành chính Nam Bộ do cán bộ CS Trần văn Giàu cầm đầu, phản đối với Tư lệnh quân Anh Ấn nhưng chẳng đi tới đâu và đành phải rút lui ra khỏi Sài Gòn, thành lập Ủy Ban Kháng Chiến Nam Bộ, khởi đầu cho cuộc chiến tranh Việt Pháp.

Tin tức loan về miền Bắc, khiến dân chúng hoang mang, lo sợ, không hiểu tình hình ở miền Bắc rồi đây sẽ ra sao? Trong khi quân đội Trung Hoa còn đang hiện diện tại đó. Một số thanh niên đã tình nguyện đi vào Nam chiến đấu chống Pháp. Có bạn đã rủ tôi lên đường, nhưng tôi còn phân vân chưa quyết định. Trong khi quân đội Trung Hoa tiến vào Bắc Việt, đồng thời các cán bộ và đảng viên VNQDĐ Hải ngoại do ông Vũ Hồng Khanh lãnh đạo cũng cùng về theo. Ông Vũ là một trong các cán bộ cao cấp đã chỉ huy cơ sở đảng ở vùng Kiến An, Hải Phòng trong cuộc Tổng khởi nghĩa Yên Báy ngày 10 tháng 02, 1930 dưới quyền lãnh đạo tối cao của Đảng trưởng Nguyễn thái Học. Cuộc khởi nghĩa Yên Báy thất bại, ông Vũ Hồng Khanh lưu vong sang Trung Hoa và tiếp tục hoạt động cách mạng. Trên đường trở về, VNQDĐ đã đánh chiếm các Tỉnh lỵ Lào Kay, Sapa, Yên Bái, Phú Thọ, Việt Trì tạo thành Đệ Tam Chiến khu của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Chính quyền được thành lập, các cơ sở hành chính và quân sự dược tổ chức. Ông Đỗ Đình Đạo trở thanh Tư Lệnh Đệ Tam Chiến Khu. Hai trường Võ Bị được tổ chức, một ở Việt Trì, tại khu nhà nuôi tầm cũ, lấy tên là Quân Quan Học Hiệu hay Xứ Nhu. Trường thứ hai là Trần Quốc Tuấn hay Lục Quân Yên Bái tại trại lính Pháp cũ (Tỉnh Yên Bái).

Ban lãnh đạo VNQDĐ Hải Ngoại về tới Hà Nội đã cùng với Quốc Nội khởi sự hoạt động công khai chống lại chính quyền VMCS. Ông Vũ Hồng Khanh được Mặt trận ủy giữ chức vụ Tổng Bí Thư. Khi đó các cán bộ Đảng còn gọi ông ta là anh Cả và cùng các ông Nguyễn Tường Tam (nhà văn Nhất Linh trong Tự Lực Văn Đoàn) ông Chu bá Phượng, ông Phan Trâm v..v.. lãnh đạo Mặt trận Quốc gia. Quốc dân Đảng đã chiếm đóng trường Trung học Đỗ hữu Vị làm Trụ sở Trung ương và cơ sở xuất bản sách báo của Tự Lực Văn Đoàn ở đường Quan Thánh trở thành tòa báo của Đảng. Trước hành động chống đối của QDĐ, đảng CS và chính phủ VM tức tối muốn đem quân dẹp bỏ, nhưng không làm được vì e đụng chạm với quân Trung Hoa đóng ở chung quanh đó. VMCS chỉ còn cách tuyên truyền với dân chúng là QDĐ là bọn phản động, phản quốc, cùng viết báo và phát thanh chửi bới ầm ĩ. Trong khi đó, phía QDĐ lại còn thêm **Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội** (VNCMĐMH) của cụ Nguyễn hải Thần, một nhân sĩ cách mạng lâu đời cùng với cụ Phan bội Châu lưu vong ở bên Trung Hoa lãnh đạo. Cụ được các nhà cách mạng Việt Nam rất kính nể, cùng các nhà lãnh đạo Đảng và chính quyền Trung Hoa biết đến và nể trọng. Trụ sở của VNCMĐMH đóng ở tòa nhà rộng lớn, cổ kính, có sân cỏ ở phía trước tại đường Quan Thánh gần vườn hoa Hàng Đậu.

Hàng ngày, qua loa phát thanh liên tục đả kích, tiết lộ bộ mặt thật của VMCS. Ngày nào có mặt ở Hà Nội, tôi cũng lảng vảng tới đó để nghe phát thanh. Từ đó tôi hiểu thêm về VMCS mà tôi đã có ác cảm từ trước qua các tên cán bộ VM mới ra lò, dốt nát, chân đất mắt toét mà lại huênh hoang, mà chúng tôi thường gán cho cái tên là

V8, V9. Sự thật là khi còn lưu vong ở bên Trung Hoa vào năm 1942, Hồ chí Minh (danh xưng cuối cùng của cuộc đời của ông ta) cùng với ông Nguyễn tường Tam được nhà chức trách địa phương thả ra từ nhà giam Liễu Châu, thủ phủ của Tỉnh Quảng Tây. Các ông đã bị Tướng Trương phát Khuê nghi ngờ hoạt động thiên tả và thân Nhật, nên đã bị bắt giữ. Sau được cụ Nguyễn hải Thần và một vài vị cách mạng lão thành khác như cụ Trương bội Công can thiệp với Tướng họ Trương nên mới được tha. Trong khi đó tình hình chiến tranh Trung Nhật ngày càng ác liệt và mở rộng. Các nhà cách mạng VN lưu vong hoạt động ở miền nam Trung Hoa, qua sự đồng tình và yểm trợ của Tướng Trương phát Khuê và Tiêu Văn, nên đã đi tới chỗ thỏa hiệp thành lập một tổ chức liên minh các nhà cách mạng VN ở Hải Ngoại, không kể tới màu sắc chính trị khác biệt. Mục tiêu là để thống nhất hành động, chuẩn bị thời cơ trở về VN hoạt động chống Nhật, khi đó Nhật đã chiếm VN, hy vọng tiếp tay cho anh em nội địa. Vì thế mà VNCMĐMH được thành lập, Chủ tịch là cụ Nguyễn hải Thần (sau đó tranh chấp trong vấn đề nhân sự nên chỉ còn trên danh nghĩa) và Hồ khi được thả ra, đã được Hội cử vào giữ chức Ủy viên trong VNCMĐMH.

Đầu năm 1943, thời cuộc biến chuyển mau lẹ, Đồng Minh đã bước sang giai đoạn phản công. Hiểu được tình hình thuận lợi, VNCMĐMH phát động phong trào trở về nước hoạt động. Các trạm thông tin, liên lạc được tăng cường ở biên giới để dễ bề tuyên truyền, đưa tin vào trong nước. Nhưng tiếc thay là đề nghị của Hội đưa người về nước đã không được các Đảng Quốc gia hưởng ứng tích cực khi mà Đồng Minh tỏ ra ủng hộ và giúp đỡ. Riêng chỉ có Hồ Chí Minh đứng ra lãnh trách nhiệm, Ông được Hội giúp đỡ về tiền bạc và một số cán bộ do Hồ tự lựa chọn để cùng về nước. Số cán bộ đi theo Hồ, đa số là đảng viên của VN Phục Quốc Đồng Minh Hội, trong đó có Lê tùng Sơn, Bồ xuân Luật và Trương trung Phụng. Trước khi lên đường, Hồ Chí Minh đã phải tuyên thệ trung thành với VNCMĐMH. Sau khi về nước tại vùng Việt Bắc, Hồ Chí Minh đã gặp lại các đồng chí của ông ở trong nước và ông đã cùng họ xây dựng căn cứ, thành lập chiến khu, để chống Pháp, kháng Nhật. Hồ chí Minh từ bỏ vai trò của VNCMĐMH mà ông đã là ủy viên và hứa trung thành tuyên thệ. Ông đứng ra thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (VNĐLĐMH) gọi tắt là Việt Minh (VM), sau này người ta gọi Việt Minh Cộng Sản (VMCS) là vậy, nghĩa là ngoài mặt áo liên minh người Việt nhưng trong là cộng sản. Có lẽ dùng danh xưng này với mục đích đánh lận con đen, lừa bịp Đồng Minh để dễ bề hoạt động và được hưởng sự giúp đỡ. Chẳng thế, mà đã có sĩ quan tình báo Mỹ (OSS) nhẩy dù xuống chiến khu của VM liên hệ, cung cấp vũ khí và điện đài thông tin. Trong khi Hồ Chí Minh và đảng CS của ông ta dưới danh nghĩa VM càng ngày càng phát triển mở rộng địa bàn hoạt động, thì các Đảng phái Quốc gia cứ loay hoay ở Quảng Tây, Vân Nam đến Trùng Khánh để tìm sự ủng hộ của Tưởng Giới Thạch… Kết quả là VNCMĐMH của cụ Nguyễn hải Thần chỉ còn trên danh nghĩa cho tới ngày cụ về nước.

Trước sự tố cáo Hồ Chí Minh phản bội VNCMĐMH. Hồ Chí Minh và đảng CS núp dưới bảng hiệu VM đã đưa VN vào con đường CS, đã làm cho dân chúng Thủ Đô bàng hoàng. Hai bên Quốc Cộng, qua báo chí, đài phát thanh, chửi rủa nhau thậm tệ, trong khi quân đội Lư Hán đứng giữa bất động. Các cuộc ám sát, bắt bớ,

có khi bắn nhau giữa ban ngày ngoài đường phố, giữa VMCS và Quốc gia. Mấy ông Lê tùng Sơn, Bồ xuân Luật, Trương trung Phụng, các cán bộ của VNPQĐMH đã đi theo Hồ Chí Minh về chiến khu trước kia, đứng ra thành lập VNCMĐMH (giả) và dùng báo chí xuyên tạc VNCMĐMH (thật) của cụ Nguyễn hải Thần.

Từ đó có hai VNCMĐMH: thật và giả, nhưng mọi người hiểu biết thì cho là VMCS đạo diễn. Do đó, ông Bồ xuân Luật được VMCS giao cho chức vụ Bộ Trưởng bộ Canh Nông. Những ông lập ra VNCMĐMH (giả) trên đã bị Hội của cụ Nguyễn Hải Thần ám sát mấy lần nhưng đều chạy thoát. Tại khu Ngũ xã ở phía Tây Bắc Hà Nội, dưới ảnh hưởng của Quốc Dân Đảng, tuyên bố là khu tự trị không chịu dưới quyền cai trị của chính phủ VMCS. Khu này trở thành căn cứ an toàn của các đảng viên VNQDĐ và các thành phần chống đối khác. Tại đây đã cho ra tờ báo lấy tên là THIẾT THỰC do Bác sĩ Phan quang Đán chủ biên. Nội dung đả kích VMCS còn hơn tờ báo VIỆT NAM, cơ quan tuyên truyền của QDĐ và tờ CÁCH MẠNG Đồng Minh Hội thật của cụ Nguyễn.

B. NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CÁCH MẠNG (CS) THÁNG 8/1945 (9)

Song song với sự tố cáo, chỉ trích bằng báo chí, phát thanh, thỉnh thoảng còn có các cuộc biểu tình đả đảo chính phủ VMCS, và kêu gọi ủng hộ Cố vấn Vĩnh Thụy ở các Tỉnh lỵ, và thị xã lớn khác ở Bắc Việt cũng diễn ra những sự việc tương tự, nhưng ít quy mô hơn dưới sự chỉ đạo của các Thành, Tỉnh Đảng bộ của VNQDĐ.

Tại phòng Thông tin ở làng tôi phụ trách, với tính cách vô tư, tôi mua tất cả các báo của chính quyền cũng như của Đối lập như Cứu Quốc,Việt Nam,Thiết Thực v..v.. mang treo lên tường cho mọi người xem. Nghĩ lại cũng thấy tức cười và cảm thấy đau buồn khi mà đất nước là của chung, có phải là của riêng ai đâu mà VMCS cứ khăng khăng giữ lấy một mình. Nhưng vì đảng CS có ý đồ riêng của họ là thực hiện một chính quyền vô sản chuyên chính ở VN trong quỹ đạo của Cộng Sản Quốc tế nên họ cần phải loại bỏ các đảng đối lập quốc gia ra khỏi đời sống chính trị của đất nước, bất kể đến tình hình bất lợi cho Quốc Gia Dân Tộc. Chính vì nhận thấy Chính quyền của Hồ là Cộng Sản nên Anh, Mỹ đã để cho quân đội Pháp đánh lấy Sài Gòn, và chiến tranh bùng nổ ở nam VN trước.

Đó là một bài học đáng giá cho các lãnh tụ đảng phái Quốc gia khi mà không nhanh chân nắm được chính quyền. VMCS tuy bị các đảng phái Quốc gia đả kích mạnh mẽ, lật tẩy nhiều chuyện xấu xa, nhưng rồi họ vẫn đứng vững, vì phần đông dân chúng vẫn ủng hộ, do lẽ chính quyền nằm trong tay họ, dễ ăn, dễ nói hơn. Hơn nữa Mặt trận Quốc gia chỉ được dân chúng có học thức ở thành thị hiểu và ủng hộ, còn ở nông thôn ảnh hưởng rất thiếu. Dù sao dưới áp lực phần nào của Chính phủ Trung Hoa qua quân đội Lư Hán, Hồ chí Minh và đảng CS phải lui một bước, đành phải mở rộng Chính phủ liên hiệp Quốc Cộng lần đầu tiên ở VN. Phải chăng VMCS cũng đang yếu thế.

Tin được loan truyền ra, mọi người đều cảm thấy phấn khởi và tin tưởng. Quốc Hội mà VMCS đã tổ chức bầu cử vào tháng 12/1945 đáng lẽ có sự tham dự của phe Quốc gia, nhưng phe Quốc gia đã từ chối vì ngày bầu cử quá cận không kịp chuẩn bị.

Kết quả là VMCS phải dành 50 ghế cho QDĐ và 20 ghế cho VNCMĐMH. Tuy nhiên, CS còn chiếm đa số của 350 ghế Dân biểu. Về thành phần Chính phủ, Hồ Chí Minh vẫn giữ ghế Chủ Tịch. Các ghế dành cho phe Quốc gia là: cụ Nguyễn hải Thần chức vị Phó Chủ Tịch, ông Nguyễn tường Tam là Bộ Ngoại Giao, ông Trương đình Tri giữ Bộ Y Tế, ông Chu bá Phượng giữ Bộ Kinh Tế. Bộ Quốc Phòng và Nội Vụ được giao cho hai nhân sĩ không đảng nào là cụ Huỳnh thúc Kháng và ông Phan Anh, Cố vấn tối cao là ông Vĩnh Thụy (Vua Bảo Đại thoái vị).

Nói tóm lại, các Bộ quan trọng vẫn nằm trong tay VMCS. Bộ Quốc Phòng và Nội Vụ nói là trao cho người không đảng nào, nhưng thật ra hai ông này có xu hướng thân VMCS. Ngoài Bộ Quốc Phòng còn có thêm một Quân Vụ Bộ do ông Võ nguyên Giáp làm Chủ Tịch và ông Vũ hồng Khanh làm phó. Cơ quan này mới thực sự điều khiển hệ thống quốc phòng. Sau khi Chính phủ Liên hiệp Quốc Cộng ra đời vào tháng 1/1946, cơ quan thông tin tuyên truyền của hai bên đều giảm cường độ đả kích nhau và những đảng viên của hai bên bị bắt giữ, được trao trả cho nhau. Cuộc họp đầu tiên của Chính phủ ra quyết nghị:

– Gìn giữ và bảo vệ tài sản của công dân VN và các người ngoại quốc cư ngụ trên lãnh thổ VN.

– Duy trì, củng cố tình hữu nghị với các nước Đồng Minh, đặc biệt là Trung Hoa.

Chính phủ VN và Công dân VN sẵn sàng hợp tác với nước Pháp trên cương vị tôn trọng chủ quyền Độc lập theo nguyên tắc Dân tộc tự quyết của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc đề ra…

Về các tổ chức quốc gia, trong kế hoạch phát triển, mở rộng Mặt trận Quốc gia, củng cố các chiến khu, ngõ hầu lật đổ chính quyền VMCS, các lớp huấn luyện về quân sự, chính trị dược mở ra liên tiếp để nâng cao sự hiểu biết của các cấp. Về nhân sự, Mặt trận thâu nhận thêm các đảng viên hầu đáp ứng tình hình lúc đó. Về công tác này, các đảng bộ địa phương đã thi hành một cách bừa bãi nên dã có nhiều thành phần chỉ vì bất mãn cá nhân với VMCS, lập trường chao đảo, có thể có cả cán bộ VMCS cài vào để tìm cách phá hoại hoặc thâu lượm tin tức. Do đó, trong những ngày VMCS đem toàn lực ra thanh toán các căn cứ địa của QDĐ thì những đảng viên đó đã bỏ chạy.

C. Quốc Gia Thanh niên Đoàn (10)

Trong những ngày đầu thành lập và thụ huấn tại trường Quân chính Xứ Nhu (Việt Trì) và trường Lục Quân Yên Báy “Trần quốc Tuân”.

Vào những ngày đầu của Chính Phủ Liên Hiệp, một tổ chức được thành lập với danh xưng **QUỐC GIA THANH NIÊN ĐOÀN (QGTNĐ)**, trụ sở đặt tại đường Phó Đức Chính Hà Nội (trong khu vực tự trị Ngũ xã). Đoàn thể này ra đời với mục đích kết hợp tất cả những thanh niên nhiệt tình yêu nước. Đường lối hoạt động của Đoàn là nhằm đào tạo thanh niên trở thành những cán bộ quân sự có khả năng chiến đấu hữu hiệu và chỉ huy, ngõ hầu đáp ứng với tình hình đất nước đang chiến tranh xẩy ra ở miền Nam (Pháp tái chiếm) và có nguy cơ xẩy ra cả ở miền Bắc VN.

Thành thực mà nói, trên danh nghĩa Đoàn là một tổ chức đứng ngoài sự tranh chấp về chính trị giữa hai bên Quốc Gia và Cộng Sản, nhưng trên thực tế QGTNĐ lãnh đạo bởi QDĐ cả về nhân sự lẫn tài chính. Sau ít ngày quảng bá trên báo chí và đài phát thanh, thanh niên Thủ Đô và các Tỉnh, Thành kế cận đã đến gia nhập rất đông đảo. Tôi và vài người bạn đã có mặt trong những ngày đầu gia nhập. Vì tài chính eo hẹp cũng như địa điểm huấn luyện không đủ phương tiện và chật chội, huấn luyện viên hạn chế, nên Đoàn chỉ có thể tổ chức khoảng 100 thanh niên cho khóa đầu tiên.

Khóa học được dự trù trong 3 tháng. Địa điểm huấn luyện là một ngôi nhà gạch khá rộng tại Cống Vị (thuộc làng Bưởi) nằm ngoại thành Hà Nội. Ngôi nhà gồm có ba căn dài, phía trước có một bãi cỏ rộng rất thích hợp cho việc huấn luyện. Ở góc ngôi nhà có hai tháp canh. Tôi không nhớ ngôi nhà đó trước thuộc về người chủ nào, có lẽ của chính quyền địa phương. Sau khi ghi tên, chúng tôi trở về nhà sắp xếp quần áo và trở lại vài ngày sau. Ngày ấy tôi lên đường gia nhập Đoàn mà không cho gia đình hay biết gì cả, vì nghĩ là chỉ loanh quanh ở Hà Nội thôi, cùng lắm là đi huấn luyện ở Tỉnh kế cận. Nhưng sự việc không như dự kiến, mà chúng tôi đã ra đi trên khắp miền rừng núi Bắc Việt. Sau đó tôi lưu vong sang miền Nam Trung Hoa cho tới 1950 mới quay về Hà Nội.

Chúng tôi, những người còn sống sót lại sau những ngày dài chiến đấu, mỗi khi ngồi lại cùng nhau, hát lại bản Đoàn ca, cảm thấy thấm thía sâu xa, lời ca diễn tả đầy ý nghĩa cao đẹp, xúc động lòng người.

"Đoàn ta tiến trông chân trời xa"

Rồi kế tiếp đến năm 1954 chia đôi đất nước (miền Bắc thuộc CS). Rời đất Bắc vào miền Nam (lằn ranh chia đôi là con sông Bến Hải), kế tiếp là ngày 30/4/1975, CS cưỡng chiếm nốt miền Nam. Sau ngày đó, người không cộng sản tiếp tục ra đi tị nạn bằng đường bộ và đường biển để tìm tự do tại các nước như Anh, Mỹ, Pháp, Úc v..v..trên khắp thế giới vì công cuộc chống CS của người Việt Quốc gia đã thất bại. Cộng đồng Việt Nam tị nạn CS bắt đầu tại Hải ngoại kể từ ngày 30/4/1975, sau đó là nhiều đợt kế tiếp bằng vượt biên, vượt biển làm chấn động lương tâm nhân loại….rồi chương trình ra đi trong vòng trật tự được thỏa hiệp giữa CSVN và Chính phủ Hoa Kỳ.

Tại Cống Vị, chúng tôi khởi sự huấn luyện dưới sự bảo vệ an ninh của Quốc Dân Quân (Quân đội VNQDĐ). Trong suốt thời gian huấn luyện đã không có chuyện gì xẩy ra, nhưng thỉnh thoảng có đêm VMCS bắc loa tuyên truyền kêu gọi chúng tôi trở về hợp tác với họ, hoặc bỏ trại về nhà. Không có ai trong chúng tôi đáp ứng lời kêu gọi của chúng cả.

Ban huấn luyện gồm có các anh: Thụy, Nguyễn khắc Đạm, Lê Tảo, Đỗ Huệ, nguyên là các sĩ quan trong quân đội Pháp. Riêng anh Nguyễn Khắc Đạm là con trai của cụ Nguyễn khắc Nhu, một lãnh tụ VNQDĐ trong thời Đảng trưởng Nguyễn Thái Học. Chương trình huấn luyện cũng không có gì đặc sắc lắm vì thiếu phương tiện và phương pháp huấn luyện còn mới mẻ nên rất thiếu sót. Chúng tôi được chỉ cách xử dụng vũ khí các loại mà VNQDĐ đã có, như súng trường Mousqueton nòng

ngắn, nòng dài của Pháp, súng trường Nga, Nhật, Bỉ, súng trung liên Lewis của Anh, súng đại liên Maxim giải nhiệt bằng nước của Đức. Còn về tác xạ, thực hành không thực hiện được vì không có trường bắn, hơn nữa lúc đó đạn dược rất khan hiếm. Số vũ khí do sĩ quan và hạ sĩ quan Nhật sau khi đầu hàng Đồng Minh đã không chịu về nước, để lại đem giúp cho QDĐ, một số do các lực lượng cách mạng ở Hải ngoại đem về cũng như của binh sĩ VN trong quân đội Pháp theo VNQDĐ lấy ra.

Ngoài môn học vũ khí, còn có cơ bản thao diễn, kỹ thuật xử dụng lựu đạn, cơ bản tác chiến và xử dụng tổng quát về bản đồ, địa bàn. Thỉnh thoảng vào buổi tối, có anh Phan Kích Nam, anh Nguyễn Thái Phan từ Hà Nội tới sinh hoạt về tình hình đất nước và tâm tình về nhiều chuyện tương lai của Đoàn. Về phần chúng tôi, cùng một lứa tuổi, cùng một lý tưởng phụng sự Tổ Quốc, không màng danh lợi cá nhân, chấp nhận hy sinh cho chính nghĩa Quốc Gia, Dân Tộc. Nên chỉ ít ngày sau, chúng tôi đã thân nhau như anh em một nhà. Anh Lê Đình Việt (Việt Mếu) tức Lê văn Nhân là người lớn tuổi hơn cả, được Đoàn đề cử giữ chức vụ Cơ trưởng (như Đại đội Trưởng), anh Nguyễn xuân Đăng làm Phó, cùng một số Đội trưởng (Trung Đội Trưởng, Tiểu Đội Trưởng). Ngoài ra, Đoàn còn có một tổ chức đặc biệt có nhiệm vụ gần như giám sát, an ninh lấy tên là Nghĩa Bộ Đội do anh Đỗ Hòa làm Tổ trưởng.

Trong số các Anh chỉ huy Đoàn, có anh Phan Kích Nam (cán bộ cao cấp VNQDĐ), người gốc miền Trung, tướng tá to con, có tác phong nhà binh. Hình như Anh có học qua lớp quân sự của quân đội Nhật thì phải, nên cách đi đứng, ăn nói mạnh dạn to lớn. Qua những buổi sinh hoạt, anh Nam đã dành được cảm tình trọn vẹn của chúng tôi. Tôi vẫn còn nhớ bài hát Anh hướng dẫn chúng tôi tập ca, đến nay như vẫn còn âm hưởng trong tâm tư. Anh ca lớn, mạnh, hùng hồn như một sĩ quan Nhật. Lời ca hào hùng, thúc đẩy tinh thần yêu nước như sau:

Bước…Bước…Dấn bước….đường….trường

Đường trường…..Núi sông…Anh hùng…hào hùng…

Tuốt gươm thề…..giữ vững….non….sông….

Đổ huyết hề….điểm tô….non…sông….

Thân làm trai….ai ơi…dặn lòng…ư…ư…..

Việc khó, ta làm….đừng sờn…đừng ngập..đừng thụt..đừng run…

Kìa trông…..bốn phương….ai….hùng…cường…

Mau tiến mau…..lên cho….kịp….người….

C. Quốc Gia Thanh niên Đoàn (11)

Anh Phan Kích Nam ở lại Hà Nội hoạt động, chúng tôi chuyển lên chiến khu để tiếp tục theo học các trường quân sự. Sau đó anh Nam bị VMCS bắt và thủ tiêu sau vụ án Ôn Như Hầu do CS đạo diễn để bêu xấu VNQDĐ. Còn anh Phan với tính

tình nhã nhặn, chững chạc, có tác phong là một chính trị gia có hạng. Chúng tôi không biết Anh sống, chết ra sao, sau khi VMCS đàn áp Mặt trận QDĐ khắp mọi nơi vào thời gian quân đội Trung Hoa rút về nước, quân Pháp lên đóng ở Hà Nội. Có lẽ Anh cũng bị chung số phận như anh Nam và các đảng viên VNQDĐ cao cấp khác.

Sinh hoạt mỗi buổi tối, trước khi đi ngủ, chúng tôi áp dụng đạo tĩnh tâm với lối ngồi xếp bàn (bán kiết già) hai tay để lên đầu gối, lưng thẳng, mắt nhắm lại, cùng nhau đọc chậm rãi những điều tâm niệm do Đội trưởng, hoặc Cơ trưởng hướng dẫn những điều như sau:

Đoàn kết một lòng… Hy sinh vì Đại nghĩa… Đề cao danh dự…

Tôn chỉ của Đoàn… Không lùi bước gian khổ….

Quyết tâm bảo vệ đất nước chống xâm lăng… dành Độc Lập..

Noi gương các vị anh hùng Dân Tộc v..v…

Trong khi chúng tôi đang tập huấn, tính hình chiến tranh tại miền Nam vẫn tiếp diễn, quân Pháp đã chiếm đóng Sàigon-Chợ Lớn, làm chủ tình thế, chúng áp dụng chiến thuật "vết dầu loang". Hết Tỉnh lỵ này đến Thị trấn khác lần lượt rơi vào tay chúng. Tuy nhiên, không như chúng đã tưởng là ít ngày là có thể làm chủ được tình hình, chiếm trọn miền Nam, vì chúng nghĩ rằng dân chúng tại các nơi sẽ ủng hộ chúng. Trong thời Pháp thuộc, Nam kỳ nằm dưới quy chế thuộc địa, được Thực dân Pháp đối xử tương đối khá hơn, trong khi miền Bắc và Trung đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp qua trung gian nhà Vua (chế độ phong kiến). Trên thực tế, nhà Vua chỉ là bù nhìn, chẳng làm gì. Nhưng rồi ngày càng tiến xa, chiến trường thêm mở rộng, Pháp càng thấy sức kháng cự anh dũng của quân dân miền Nam, vì thế sự thiệt hại về người và của của chúng càng tăng thêm. Pháp một mặt dùng biện pháp quân sự, một mặt dùng âm mưu chính trị để tiến quân ra miền Bắc, chiếm đóng các nơi, loại bỏ chính quyền VMCS, thiết lập chính quyền bù nhìn, làm tay sai như chúng đã thực hiện ở miền Nam, do Nguyễn văn Thinh (tức Paul Thinh, dân Tây) làm Thủ Tướng (4/1946-11/1946).

Ước mong của Thực dân Pháp (sống sót sau khi bị Đức quốc xã đánh bại) là tái chiếm những thuộc địa cũ đã mất sau Đệ nhị Thế chiến. Nhưng rút cuộc, chỉ là ác mộng đem lại cho chúng những năm tháng dài đầy chết chóc và cuối cùng đã phải xuống tàu về nước không kèn, không trống, đánh dấu một trang sử đen tối cho dân tộc Pháp. Âm mưu chính trị của Thực dân Pháp lúc bấy giờ là: một mặt thương lượng với Chính phủ Tưởng giới Thạch (Trung Hoa) để yêu cầu quân đội Lư Hán đóng ở bắc vĩ tuyến 16 rút quân về nước sớm, để quân đội Pháp đến thay thế. Một mặt chúng âm thầm điều đình với Hồ chí Minh qua tên trùm thực dân Sainteny, những điều sau:

– Với Trung Hoa, Pháp trao trả các nhượng địa trong tô giới Pháp và đặc biệt là đất Quảng Châu Loan và dành những biệt đãi cho Hoa kiều sinh sống tại VN.

– Với VMCS, chúng đòi đưa quân đội đến đóng ở những địa điểm trọng yếu ở Bắc Việt và chúng công nhận nền Độc lập của VN, nhưng nằm trong Liên hiệp Pháp.

Những cuộc thương nghị trong bóng tối này với riêng Hồ Chí Minh và vài tên lãnh tụ cao cấp CS thực hiện mà thôi, các thành viên khác của Chính phủ Liên hiệp không một ai được tham khảo, mãi tới cuối tháng 12/1946 Hồ Chí Minh mới đạt được thành quả. Tuy nhiên sự kiện trên, rồi cũng bị tiết lộ ra ngoài, và tạo thành một mối nghi ngờ gây hoang mang trong dân chúng về đường lối lãnh đạo của VMCS.

Các cuộc biểu tình phản đối VMCS xẩy ra liên tục ở Hà Nội do Mặt trận QDĐ đứng đăng sau phát động. Tình hình trở nên nóng bỏng đây phức tạp, không một ai có thể đoán trước được sẽ xẩy ra như thế nào. Vì cục diện chính trị biến chuyển mau lẹ, nên khóa huấn luyện của chúng tôi được Đoàn quyết định cho bế mạc sớm hơn dự định. Ngày trở về trụ sở Trung Uơng VNQDĐ ở đường Phó đức Chính (Ngũ xã) được đi bộ diễn hành từ Cống Vị trên đoạn đường dài trên 6, 7 cây số. Tuy không trang bị quân phục, vũ khí, nhưng Đoàn đã tạo cho chúng tôi mỗi người một quần sọt (ngắn) xanh lam, áo sơ mi cụt tay màu xanh nhạt của màu cờ, đầu đội mũ lưỡi trai màu xanh (trông gần giống mũ lưỡi trai của binh lính Nhật), chân đi giày vải. Với đội hình hàng tư, một anh đi trước cầm cờ Đoàn. Chúng tôi đều bước dưới sự chỉ huy của Cơ Trưởng.

Những bản hành khúc sống động, Đoàn ca hào hùng, được chúng tôi hát vang theo nhịp bước hiên ngang. Dân chúng ở hai bên đường đổ xô ra xem, vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Vào tới Thành phố người xem lại càng động hơn. Cảnh sát VMCS thay vì giải tán, họ đã giữ trật tự cho tới khi chúng tôi tiến vào khu Ngũ xã. Sở dĩ VMCS không dùng bạo lực vì chúng tôi đi đứng nghiêm túc không có vũ khí, không bạo động. Chúng ta nên nhớ là khi đó dù sao cũng còn có Chính Phủ Liên Hiệp và cụ Huỳnh thúc Kháng giữ Bộ Nội Vụ. Tại trụ sở Đoàn, một tiệc trà đã chuẩn bị sẵn với sự hiện diện của Ban Lãnh Đạo Đoàn và quan khách. Sau lời chào hỏi thân mật, anh Phan Kích Nam nói chuyện với chúng tôi, trước hết về tình hình đất nước và sau đó công bố chương trình kế hoạch của Đoàn trong những ngày sắp tới.

Chúng tôi sẽ phải tiếp tục một khóa học quân sự cao hơn, vì khóa học vừa qua chưa đủ tiêu chuẩn cho một cán bộ quân sự. Theo anh Phan, Đoàn đã liên hệ với VNQDĐ giúp đỡ, thu xếp cho chúng tôi lên Việt Trì theo học tại trường Quan Quân Học Hiệu "Xứ Nhu ". Sau khóa học 6 tháng, tốt nghiệp chúng tôi sẽ trở về Hà Nội, tiếp tục công tác cho Đoàn, huấn luyện các đoàn viên mới gia nhập. Để sửa soạn hành trang lên đường, Đoàn cho chúng tôi nghỉ vài ngày trở về nhà thu xếp công việc, rồi trở lại trụ sở để chuẩn bị lên đường.

Trong thời gian chúng tôi không có mặt ở Đoàn, có một sự kiện xẩy ra làm ảnh hưởng tới quyết định của một số đoàn viên trước ngày lên đường. Đó là cuộc biểu tình chống Chính phủ về cuộc mật đàm với Pháp, khởi sự từ trụ sở Đoàn đến Vườn Hoa Hàng Đậu (Hà Nội) bị Công An VMCS đàn áp. Hai bên xô xát có đổ máu. Sau đó có một số người bị Công an bắt, trong đó có đoàn viên Nguyễn Văn Khương bị bắt đi biệt tích. Anh là đoàn viên đầu tiên hy sinh trong chiến đấu chống VMCS. Do đó, ngày tập trung trở lại sau mấy ngày nghỉ, có một số đoàn viên đã bỏ cuộc

không tới. Có lẽ các anh đó cho rằng Đoàn đã nhúng tay trong tổ chức biểu tình đó, như vậy là không đúng như chủ chương, đường lối của Đoàn đã vạch ra.

Riêng về phần tôi khi đó, tôi cho rằng cuộc biểu tình chống VMCS âm mưu đi với Pháp để cho chúng đưa quân lên Bắc Việt là đúng, và có thể phần lớn dân chúng cũng đồng tình, vì khi đó quân Pháp đang đánh chiếm miền Nam. Để cho quân Pháp vào Bắc Việt là mặc nhiên cho Pháp thực hiện mộng xâm lăng, thống trị VN dài lâu hơn nữa. Do đó, tôi vẫn có mặt ở trụ sở Đoàn, hơn nữa càng ngày càng thấy rõ chính sách độc tài, sắc máu của VMCS tự coi đảng CS là trên hết, ai chống đối bị gán ghép là phản quốc, tay sai Đế quốc, rồi tìm cách thủ tiêu, sát hại. Chúng chủ chương độc quyền yêu nước, vì lẽ đó tôi đâm ra ghét cay, ghét đắng chúng. Tôi còn nhớ là trước ngày gia nhập QGTNĐ, anh Cả tôi có đề nghị tôi theo học trường Võ bị Sơn Tây của VMCS nhưng tôi không tán thành. Cũng như khi Đoàn đang chiến đấu bên cạnh QDĐ trong thời gian VMCS tổng tấn công Đệ Tam Chiến Khu của VNQDĐ, có bạn đã rủ tôi bỏ trốn về Hà Nội, nhưng tôi cũng đã từ chối, dù rằng gia đình tôi có người tham gia trong chính phủ VMCS lúc bấy giờ,

Khi Đoàn tập trung tương đối đầy đủ, khoảng sáu, bẩy chục người. Đoàn đã tổ chức một tiệc trà khá linh đình, có đầy đủ các anh trong Ban Lãnh Đạo Đoàn và quan khách. Buổi họp thật thân mật, đậm tình chiến hữu. Có văn nghệ, ca hát, đàn sáo, ngâm thơ. Anh Linh, Quân,Thưởng thổi sáo, anh Lý chơi đàn vĩ cầm (violon) cùng một số anh em hợp ca dưới sự điều khiển của quản ca, anh Liên.

Đặc biệt anh Hòa ngâm bài "Tráng Sĩ Kinh Kha Sang Tần" và độc đáo là chuỗi cười sô lô (cười một mình) của anh Xuý, một cán bộ trong Ban Lãnh Đạo. Anh Hoàng sĩ Xuý không cùng chúng tôi lên chiên khu mà ở lại Hà Nội. Anh là người đạo đức, giàu lòng hy sinh giúp đỡ mọi người. Gặp Anh, lúc nào cũng thấy anh tươi cười cởi mở, coi các đoàn viên như anh em trong nhà. Thời kháng chiến chống Pháp, anh Xúy có chạy ra hậu phương một thời gian, sau trở về thành, vì lẽ anh không thể sống chung với VMCS được.

Năm 1950, từ Hương Cảng trở về nước, tôi đã tạm trú một thời gian tại nhà Anh, vì gia đình tôi đều ở hậu phương hết. Lúc đó anh Xuý có một tiệm may ở phố Bờ Hồ Gươm, đường Đinh Tiên Hoàng, ngay sát cạnh rạp chiếu bóng Philarmonic Hà Nội. Ở đó, chúng tôi những đoàn viên QGTNĐ còn sống sót qua những ngày tháng chiến đấu, thỉnh thoảng tụ họp tại nhà Anh và coi nhau như anh em một nhà. Đến năm 1954, khi Hiệp định Genève được ký kết giữa VMCS và Pháp chia đôi đất nước, chúng tôi tất cả đều di chuyển vào Nam, trừ có anh Xuý không chịu đi, mặc dù chúng tôi cố thuyết phục anh.

Anh quan niệm là chống Pháp thì không thể cứ theo chân Pháp mãi được. Anh cho rằng VMCS sẽ thay đổi chính sách đối với các người Quốc gia sau khi đã chiến thắng Pháp! Ngoài ra Anh cũng nặng gánh gia đình, tài sản, ruộng vườn, nhà cửa không thể bỏ đi được. Có người cho rằng Anh không còn hoạt động gì nữa, VMCS sẽ không làm gì anh cả. *Nhưng Anh đã lầm lớn, sai lầm chết người !* Sau này khi ra thăm lại quê nhà, tôi có lại thăm gia đình anh, mới hiểu rõ tự sự… Quả thật lúc đầu khi VMCS vào tiếp thu Hà Nội, chúng đã không đả động gì đến anh, có lẽ chúng không rõ lai lịch của anh. Hơn nữa Anh chỉ là một chủ tiệm may bình thường.

Nhưng đến năm 1960, vào một đêm, chúng đột nhập vào nhà và bắt anh đi tù "cải tạo" đến năm 1970 mới thả ra. Vốn đã yếu lại nhiều tuổi, Anh mang bệnh rồi qua đời vào năm 1978, trong lúc một vài anh em chúng tôi đang ở trong các trại cải tạo của CS miền Bắc. Xa cách Anh, nhưng chúng tôi ai cũng tưởng nhớ tới người Anh đáng kính trong QGTNĐ.

Chúng tôi lên đường vào sáng ngày hôm sau, trên hai chiếc xe ca lớn. Xe qua cầu Long Biên (Pont Doumer) rồi trạm kiểm soát Gia Lâm. May mắn là chỉ kiểm soát qua loa, không đòi hỏi giấy tờ gì cả. Trường hợp nếu bị giữ lại vì không có giấy tờ di chuyển, không hiểu sự việc sẽ ra sao. Qua khỏi Gia Lâm tới Phúc Yên, mọi sự đều bình yên. Đoàn tới Vĩnh Yên vào lúc gần trưa. Theo chương trình , khóa học còn hơn một tháng nữa mới khai giảng. Do đó Đoàn quyết định làm một cuộc lưu diễn tuyên truyền khắp nơi trong khu vực Đệ Tam Chiến Khu của VNQDĐ. Vì vậy chúng tôi ở lại Vĩnh Yên hai ngày.

Đoàn đã phát thanh trên radio để quảng bá về tổ chức và nhiệm vụ của QGTNĐ, ngoài ra còn đốt lửa trại ngoài trời, diễn kịch và ca hát giúp vui cho đồng bào trong tỉnh lị. Chủ chốt là vở kịch diễn về vai trò tên Thủ Tướng bù nhìn Nguyễn văn Thinh của Thực dân Pháp ở miền Nam VN. Kết quả trong hai ngày hoạt động, Đoàn đã gây được sự chú ý và được hoan nghênh nhiệt liệt của đồng bào địa phương, tạo thêm thanh thế rất nhiều cho Tỉnh Đảng Bộ VNQDĐ đang nắm chính quyền tại địa phương này. Ban Lãnh đạo Tỉnh đề nghị chúng tôi ở lại thêm ít ngày, nhưng vì thời gian eo hẹp nên Đoàn phải lên đường đi Việt Trì.

Tại Thị xã Việt Trì, chúng tôi được ông Bảo Ngọc, Chủ nhiệm Tỉnh Đảng Bộ và Ban Lãnh đạo VNQDĐ đón tiếp nồng hậu, vì đã đươc thông báo về hoạt động sôi nổi của Đoàn ở Vĩnh Yên. Cơ sở chính quyền tại đây đặt tại địa điểm kế cận song Lô, nơi tòa Tỉnh trong thời Pháp thuộc.

Đoàn chúng tôi được xếp đặt ở bên Bạch Hạc, trong ngôi nhà lớn của ông Nguyễn hữu Tiệp, một thương gia rất giàu có thời bấy giờ và cũng là Chủ Tịch Tuần Lễ Vàng do VMCS tổ chức trước đó mấy tháng. Tòa nhà xây cất rất đẹp, nằm bên hữu ngạn sông Lô, phía trước có sân cỏ rất rộng, chung quanh trồng cây dương liễu. Nhà rộng rãi, nên chúng tôi ăn ở rất thoải mái. Chúng tôi ở đó gần một tháng mới ra đi. Tại đây chúng tôi có nhiều kỷ niệm khó quên. Éo le thay, cũng nơi này, 32 năm sau vào tháng 4/1978, tôi và các anh em sĩ quan của Quân lực VNCH bị tập trung đưa đi cải tạo ở Yên Bái. Trại cải tạo nằm trên Tỉnh lộ đi Nghĩa Lộ, Sơn La, rồi đưa về trại Nam Hà thuộc Tỉnh Hà Nam Ninh nằm ở phía nam Hà Nội.

Cũng 32 năm sau, khi hai chiếc máy bay quân sự C130 của Mỹ để lại ở phi trường Tân Sơn Nhứt, chở chúng tôi từ Nam ra Bắc, đáp xuống phi trường Bái Thượng (sau đó mới nhận ra là ở Yên Bái). Tại đây, một Tướng Việt Cộng đã đứng sẵn đợi chúng tôi và cho biết là chúng tôi đã đặt chân lên miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, và phải ở đó cải tạo ít nhất là ba năm. Nghe vậy thì biết thế thôi, chứ chúng tôi chẳng hy vọng gì ngày về. Chỉ có tình hình thay đổi mới mong đảo ngược tình thế được thôi. Sau đó, chúng tôi lên xe trở về trại giam. Khi xuống xe để qua phà sông Hồng, tôi mới giật mình khi nhìn thấy tấm biển có mấy chữ "Bến Ô Lâu", thì ra quả đất tròn thật !

Tôi được trở về nơi xưa, nơi đã từng diễn ra những trận đánh giữa VNQDĐ và VMCS vào đầu năm 1946. Yên Bái cũng là nơi có trường quân sự cao cấp mang tên Trần Quốc Tuấn của QDĐ, thường hay gọi là trường Lục Quân Yên Bái. Nhưng buồn thay, hiện tại chúng tôi là kẻ bại trận, trong lòng mang nặng sầu tư.

Khi rời trại giam Yên Bái, đoàn xe đưa chúng tôi về Hà Nam Ninh chạy trên Quốc lộ 1 có băng qua Hà Nội. Suốt dọc đường, các địa danh quen thuộc của Đệ Tam Chiến Khu của VNQDĐ một thời, đã nhắc nhở tôi biết bao kỷ niệm hào hùng lẫn nỗi đau buồn trong cuộc đời chiến đấu cho lý tưởng Quốc Gia chưa thành. Mọi cảnh vật như hoàn toàn thay đổi vì hai cuộc chiến tranh.

Các Tỉnh lỵ gần như bị san thành bình địa do chính sách tiêu thổ kháng chiến của VMCS trong thời khán chiến chống Pháp, mọi cảnh vật không còn nhận ra được nữa. Đoàn xe băng qua cầu Việt Trì trên sông Lô (năm 1946 qua sông bằng phà) được tạm ngừng trên bờ sông Lô (Tỉnh lỵ Việt Trì nằm ở bên phía sông Lô, gần ngã ba với sông Hồng) ăn trưa. Tại đây, tôi đã trông thấy Bạch Hạc, nơi có tòa nhà của ông Nguyễn Hữu Tiệp, ẩn hiện sau hàng cây dương liễu. Cảnh tượng tại đây không mấy thay đổi, nhưng có vẻ trống trải hơn.

Kỷ niệm của những ngày vui xưa cùng nhau tập luyện, thể thao, bơi lội, và đặc biệt hơn, là nhà cô Lý ở bên cạnh, chúng tôi thường sang chơi vào những buổi chiều êm ả, nghe cô hát và thưởng thức tiếng đàn dương cầm của cô. Không hiểu cô còn sống hay đã ra người thiên cổ. Chiến tranh có chừa một ai đâu. Gần chiều, đoàn xe chúng tôi băng qua Hà Nội, theo đường bờ sông (có nhà bên ngoại tôi ở) qua cột Đông Hồ, nhà Bác Cô,Viện Pasteur, đường Hai Bà Trưng, rồi đến ngã tư Công Vọng Bạch Mai dọc theo Quốc lộ 1 đi tới Phủ Lý, qua sông Đáy, rồi theo Tỉnh lộ Chi Nê Hòa Bình.

Khi xe qua Hà Nội, nhìn thấy phố phường, nhà cửa, con người, trông thật là tàn tệ, xơ xác, nghèo nàn và bẩn thĩu. Ôi ! còn đâu Hà Nội năm xưa. Nghĩ lại thấy bị thua CS quả là đau đớn, và cũng thấy mình có tội với đồng bào là không giữ được miền Nam, giải phóng miền Bắc CS. Khi đi tập trung cải tạo ở miền Bắc, gặp các cụ già, họ than với chúng tôi là ở ngoài này (miền Bắc) trông chờ các ông ra giải phóng thì nay hết rồi còn mong đợi gì nữa !

C. Quốc Gia Thanh niên Đoàn (12)

Trở lại thời gian chúng tôi sống tại ngôi nhà Nguyễn Hữu Tiệp ở Bạch Hạc, ngoài chương trình hoạt động hàng ngày như sáng sớm tập thể dục, sau đó ôn luyện quân sự cho đến trưa. Buổi chiều sinh hoạt Đoàn và trước khi đi ngủ, thực hiện tĩnh tâm 15 phút. Ngoài ra, chúng tôi còn dành ra một vài tối trình diễn văn nghệ giúp vui đồng bào địa phương và cũng luôn dịp làm công tác cổ động tuyên truyền cho Đoàn. Hàng tuần, chúng tôi được ông Vương Các Đạo, một cán bộ huấn luyện của trường Xứ Nhu đưa đi trường tập bắn tác xạ. Ông ta, khổ người to lớn, ăn nói bộc trực, rất có cảm tình với chúng tôi. Trước kia, ông là Hạ sĩ quan trong quân đội Pháp, về sau được tin, trong cuộc rút lui từ Yào San về Sập Nhị Lầu, ông ta bị thương nặng và chết ở dọc đường.

Chúng tôi còn tham dự những buổi tranh tài thể thao do Chính quyền địa phương tổ chức. Anh Việt, Cơ trưởng, anh Tiến và một số anh em trong đó có tôi, đã giật giải, mang lại thắng lợi cho Đoàn. Có một ngày, sau khi sinh hoạt, chúng tôi đã quyết định tất cả đoàn viên đều cắt tóc, cạo trọc đầu để chứng tỏ sự quyết tâm, đoàn kết tranh đấu không màng tới những chuyện tình cảm lăng nhăng của tuổi trẻ nữa. Tôi còn nhớ khi ra ngoài phố cắt tóc, các ông thợ đã tỏ vẻ rất ngạc nhiên và không tin là chúng tôi nói thật. Sau đó anh Việt phải tự lấy kéo cắt tóc cho một hai người, họ mới tin. Kết quả là chúng tôi biến thành những vị tu sĩ trẻ… Nhìn nhau, anh nào cũng bật cười vì trông chẳng giống ai, đầy vẻ ngây ngô, trông giống lính Tàu của tướng Lư Hán. Nhưng nếu trang bị giầy ủng, đeo kiếm, lại có cái tướng oai hùng của quân sĩ Nhật Bản. Trông bề ngoài là như vậy, nhưng dù sao cũng gây được ấn tượng tốt, là chúng tôi đã bảo được nhau và dám dấn thân.

Một buổi sáng, sau khi tập thể dục, tất cả đều xuống sông tắm rửa, bơi lội, chẳng may anh Nghi trong đội tôi bị chết đuối. Cả Đoàn ai cũng thương tiếc một tuổi trẻ chưa tròn nghĩa vụ đã nửa đường ra đi. Anh Nghi đã lập gia đình ở Hà Nội, anh Đẩu là anh ruột (là một hướng đạo sinh) cùng gia nhập Đoàn với anh Nghi. Sau đó anh Đẩu đưa quan tài anh Nghi về Hà Nội. Anh Đẩu, sau về sống tại Đà lạt. Khi tôi gặp lại Anh Đẩu năm 1988, anh đang bị liệt chân nằm trên giường không đi đứng được đã mấy tháng trời. Cái chết của anh Nghi gây ra một bầu không khí đau buồn trong Đoàn. Nhưng rồi ngày tháng trôi qua cũng quên dần đi, vì chúng tôi trước khi lên đường đều nghĩ rằng sẽ có nhiều gian nan, trắc trở, có thể phải hy sinh cả tính mạng là chuyện thường, nhưng chết như anh Nghi là không đúng lúc, đúng chỗ thế thôi. Anh Hòa, một họa sĩ, đã vẽ lại chân dung anh Nghi để Đội tôi hàng ngày hương khói tưởng nhớ tới đoàn viên đã mất khi tâm nguyện chưa thành. Những ngày kế tiếp vẫn tiếp diễn cho tới một hôm có một cán bộ của Tỉnh Đảng Bộ VNQDĐ tới gặp anh Việt và cho anh biết là trong đêm có thể VMCS sẽ đột nhập tấn công, nên phải cho canh gác thật cẩn thận và chuẩn bị chiến đấu. Được tin như vậy, ban chỉ huy Đoàn đã phân công mỗi Đội có nhiệm vụ ứng phó khi có biến động. Rồi vào nửa đêm, trong lúc chúng tôi đang ngủ, có nhiều tiếng động đánh thức chúng tôi dậy. Nhưng đây chỉ là tiếng động phát ra từ ở trong nhà chứ không phải ở ngoài trời, nên chúng tôi nằm im không phản ứng. Lúc đó tôi nghe như ai đó đang đóng thùng, đào tường, khoét vách… Thế rồi tới tờ mờ sáng hôm sau mọi tiếng động im bặt. Chúng tôi thức dậy và phát giác ra đêm qua có người tới đục phá bức tường dưới gầm cầu thang gác.

Theo dấu vết đào bới, chúng tôi biết ngay là họ tìm vàng bạc châu báu của Nguyễn Hữu Tiệp đã cất dấu từ trước. Nghi ngờ là còn có thể cất dấu gì khác nữa, chúng tôi chia nhau lục soát. Cuối cùng tìm ra một cửa hầm. Bàn bạc, sau đó các anh Thưởng, Quân xuống hầm, một số ở trên canh gác. Một hồi lâu, hai anh trở lên cho hay là ở dưới đó toàn chứa đồ sành, đồ sứ cổ, và cầm lên một vài chai rượu quí cất giữ lâu ngày. Cũng vào trưa ngày hôm đó, cụ Vũ Hồng Khanh đến thăm và tặng chúng tôi một số tiền (mỗi người 100 đồng bạc Đông Dương, tự in lấy, gọi là tiền bo, gặp nước là mực chảy ra hoen ố) để tiêu sài.

Ít ngày, sau vụ kho vàng nhà Nguyễn hữu Tiệp, thì Đoàn di chuyển lên Phú Thọ. Tại đây chúng tôi tạm trú tại khu nhà sản xuất trà. Cũng như ở Vĩnh Yên và Việt

Trì, Đoàn tiếp tục làm nhiệm vụ cổ động, tuyên truyền cho QGTNĐ. Cũng vẫn những đêm lửa trại, ca hát và diễn kịch. Tại Phú Thọ, chúng tôi trình diễn một cuộc hành quân chiến đấu trong thành phố. Dĩ nhiên về phần chiến thuật và kỹ thuật tác chiến chưa đạt tiêu chuẩn huấn luyện của một đơn vị chính quy, nhưng ở vào thời điểm đó thì cũng coi được, vì quá mới lạ với người dân. Kết quả là vẫn đạt được sự hoan nghênh, mến mộ của dân chúng trong Thị xã. Giáo sư Nguyễn văn Mùi, chủ nhiệm Tỉnh Đảng Bộ VNQDĐ và anh Thọ Hinh tiếp đãi chúng tôi rất nồng hậu. Theo chương trình dư trù, Đoàn sẽ lên Yên Bái trước khi quay trở lại Việt Trì để nhập học, nhưng đã bị hủy bỏ vào giờ chót để về Việt Trì kịp nhập học.

Trường Quan Quân Học Hiệu, cũng được gọi là trường Xứ Nhu, tọa lạc trong khu nhà tằm cũ (nhà nuôi tằm lấy kén) nằm ở bên bờ sông Hồng, phía Bắc của Thị Xã. Tuy là nhà tằm cũ, nhưng nhà trường đã xây dựng và tổ chức lại cho thích hợp với một trường huấn luyện. Trường được điều khiển bởi một ban Giám Đốc gồm có các ông: ông Nguyễn văn Minh cựu Trung Úy, Phan Trọng Vinh cựu Thiếu Úy, Trần văn Xuân cựu Thiếu Úy, tất cả đã ở trong quân đội Pháp. Ban huấn luyện gồm các vị nói trên kiêm nhiệm cùng với ông Vương các Đạo, hạ sĩ quan thuộc quân đội Pháp và một số sĩ quan cấp Úy, cấp hạ sĩ quan thuộc quân đội Nhật như các ông Niên, Thành, Tô v..v.. đảm trách. Khi đó khóa học vào khoảng 200 người, gồm có đoàn viên QGTNĐ và các đảng viên của Mặt trận QDĐ. Để dễ dàng trong việc huấn luyện, khóa học được chia ra từng Trung đội. Đoàn thể chúng tôi vẫn được duy trì thành hai Trung Đội, anh Việt và anh Hòa mỗi người coi một Trung Đội. Lá cờ của QGTNĐ vẫn được treo cùng lá cờ của QDĐ và Đoàn ca hát sau bài Đảng ca "Việt Nam Minh Châu trời Đông".

Giữa khóa học không hiểu vì lý do gì, Ban Giám Đốc nhà Trường quyết định ngừng treo cờ Đoàn. Chúng tôi phản ứng và đòi rời Trường về Hà Nội. Sau đó anh Phan Kích Nam ở Hà Nội phải lên can thiệp và mọi sự lại được tiếp tục như cũ. Công tác huấn luyện tại đây tương đối có tổ chức và có phương tiện huấn luyện không đến nỗi thiếu thốn lắm. Riêng về tác xạ thì rất hạn chế, vì đạn dược hiếm, còn dành cho các đơn vị chiến đấu. Ngoài thời khóa biểu ban ngày, Trường còn tổ chức huấn luyện ban đêm, do các giáo viên Nhật đảm trách. Vườn Hồng ở gần trường là địa điểm học tập về chiến thuật. Kỷ luật huấn luyện tương đối cao, nhất là theo phương pháp huấn luyện của Nhật, mà chúng tôi đều chấp nhận, nên việc học tập thu được kết quả khả quan. Ngoài vấn đề huấn luyện quân sự, trường còn dành cho một số giờ giảng dạy về chính trị, đôi khi có ông Dương Tế Dân thuộc ban Lãnh đạo Yên Bái của VNQDĐ đến thuyết trình. Cách trình bày và lập luận vững vàng của ông Dân đã được chúng tôi dành cho ông ta nhiều cảm tình sâu đậm. Ong Dân bị VMCS bắt và thủ tiêu trong khi VMCS tấn công Yên Bái, chúng lừa bịp và phản bội. Về chế độ ăn uống và sinh hoạt được nhà trường săn sóc chu đáo, mặc dù lúc đó kinh tế tài chính của Tỉnh Đảng Bộ VNQDĐ rất eo hẹp.

Đặc biệt là sự quan tâm săn sóc của các giáo viên Nhật, đã coi chúng tôi như những quân nhân Nhật của họ, luôn luôn vào khoảng nửa đêm họ đi kiểm tra từng phòng, khóa sinh nào ngủ mà không đắp mền che bụng, các ông lấy đắp lên cẩn thận. với các cử chỉ cũng như thái độ thân tình đã làm cho chúng tôi xúc động, mãi mãi không quên.

Cuộc sống tại Trường tiếp diễn đều đều không có gì quan trọng xẩy ra. Một vài anh trong Đoàn chúng tôi bị ốm nặng được phép rời trường về Hà Nội, như các anh: Đôn, Lý, Dục, Hiến (trong số này có anh còn ở lại VN, có anh đã ra nước ngoài). Trong suốt thời gian Đoàn ở Đệ Tam Chiến Khu VNQDĐ, tình hình ở Hà Nội có nhiều biến chuyển. Các cuộc biểu tình chống VMCS thương lượng với Pháp, đồng thời kêu gọi cựu Hoàng Bảo Đại trở lại nắm Chính quyền. Mọi người có cảm tưởng, một cuộc đảo chính sắp xẩy ra. Nhưng với sự khôn lanh, mưu mô, giảo hoạt…, Hồ Chí Minh và những người lãnh đạo CS đã tìm cách thuyết phục được Lư Hán và Tiêu Văn, để tạo áp lực QDĐ phải cùng với VMCS ký bản Tạm Ước 6/3/1946 cho Pháp đặt chân lên miền Bắc. Pháp cũng muốn bản Tạm Ước phải có VNQDĐ cùng ký, có nghĩa là cả hai phe Quốc Cộng đều thỏa thuận. Ông Vũ Hồng Khanh đã được Chính phủ Liên Hiệp ủy nhiệm cùng ông Hồ ký kết với Pháp, vì ông Khanh là Phó Chủ Tịch Quân Ủy Hội do ông Võ Nguyên Giáp cầm đầu. Đáng lẽ ra phải là Bộ trưởng Ngoại Giao Nguyễn Tường Tam ký, nhưng ông Tam lánh mặt không tham dự. Sau khi đã ký kết, QDĐ liền lên tiếng phủ nhận vai trò của ông Vũ Hồng Khanh và cho đó là chỉ có tính cách cá nhân mà thôi. Các báo chí và đài phát thanh của Mặt trận QDĐ lai tiếp tục lên án bản Tạm Ước ngày 6/3/1946, VMCS đã cho phép quân đội Pháp đóng ở năm Tỉnh gồm có: Hà Nội, Hải phòng, Lạng Sơn, Sơn Tây, Lào Kay, những điểm chiến lược ở miền Bắc, và VN nằm trong Liên Hiệp Pháp và Liên Bang Đông Dương. Quân đội Pháp sẽ thay thế quân đội Trung Hoa để giải giới quân đội Nhật. Việc ký kết của ông Vũ đã làm cho toàn thể đảng viên QDĐ bất mãn và nổi lên làn sóng chống đối Trung Ương. Sau đó có một vài cán bộ lãnh đạo đảng đã phải đi khắp nơi để giải thích trấn an, tình hình mới lắng dịu.

B. Quốc Gia Thanh niên Đoàn (13)

Bản Tạm Ước 6/03/1946 được ký kết đánh dấu một bước ngoặt cho VNQDĐ, vì sau khi quân đội Trung Hoa rút khỏi VN, Mặt trận QDĐ không còn chỗ dựa nữa, dù rằng trong thời gian ở Bắc Việt, quân đội Trung Hoa của Tướng Lư Hán, Tiêu Văn không máy tích cực giúp đỡ QDĐ. Tuy nhiên sự hiện diện của Tướng Lư Hán cũng ngăn cản không cho VMCS đánh phá phe Quốc Gia. Quả vậy, sau khi quân đội Pháp đổ bộ lên Bắc Việt vào trung tuần tháng ba (có sự đụng độ giữa lực lượng đổ bộ của Tướng Pháp Leclerc và quân Trung Hoa đóng ở Hải Phòng vì Tướng chỉ huy của Trung Hoa ở đó không nhận được lệnh của thượng cấp họ). Nhưng một hai ngày sau thì mọi việc được giải quyết và quân Pháp ung dung đổ quân lên Hải Phòng. Quân Trung Hoa rút về nước, thì hơn một tháng sau VMCS đã có kế hoạch tiêu diệt phe Quốc Gia. Do đó các lãnh đạo phe Quốc Gia như cụ Nguyễn hải Thần, Nguyễn tường Tam, Nguyễn tường Bách, Xuân Tùng cùng một số cán bộ cao cấp khác bỏ lên Đệ Tam Chiến Khu hoặc lánh sang Tàu (Trung Hoa).

Ông Vũ hồng Khanh sau đó cũng từ bỏ Chính Phủ Liên Hiệp lên Việt Trì. Chỉ tiếc là một số lãnh đạo Đảng và đảng viên Mặt trận QDĐ còn ở lại Hà Nội, cũng như ở các Tỉnh lỵ khác đều bị VMCS tàn sát, trong đó có ông Trương tử Anh, lãnh tụ Đại Việt QDĐ, ông Lê Khang VNQDĐ. Đặc biệt là vụ Ôn Như Hầu ở Hà Nội, VMCS đã đạo diễn để bôi xấu QDĐ. Chúng đã vu khống là bắt người, cướp của rồi mang về trụ sở điều tra đánh đập và thủ tiêu, chôn sống ngay tại trong vườn khu nhà ở.

Chúng trưng bày vũ khí, lựu đạn, giáo mác và xác người ngay tại đó rồi cho quần chúng lại coi. Việc này dân chúng đâu có hiểu âm mưu thâm độc của VMCS, mà chỉ thấy trước mắt, nên từ đó cảm tình đã phai nhạt một phần đối với QDĐ. Thanh danh và uy tín cũng bị tổn hại rất nhiều. Cũng tại trụ sở Ôn Như Hầu, anh Phan kích Nam, ủy viên lãnh đạo Đoàn có mặt tại đó trong đêm, đã bị cùng chung số phận với số đảng viên QDĐ đã bị VMCS bắt đem đi thủ tiêu.

Sau vụ chạm súng tại Hải Phòng giữa quân đội Trung Hoa và Pháp, được hai bên giải quyết ổn thỏa. Quân đội của Tướng Leclerc đổ quân lên Hải Phòng, và tiến lên Hà Nội. Để tỏ sự thiện chí của Chính phủ, sự hoan nghênh của dân chúng, VMCS đã cho treo cờ từ các cơ quan của Chính phủ cho đến nhà dân. Chúng huy động học sinh, thiếu niên cầm cờ đứng dọc hai bên đường phố. Sự thật thì dân chúng đâu có hoan nghênh, ủng hộ gì về việc Chính phủ cho quân Pháp lên Bắc Việt. Ách thống trị của Thực dân Pháp quàng trên đầu, trên cổ người dân VN trên 80 năm đô hộ, làm sao họ có thể quên ngay được, nhất là trong khi đó Pháp đang đánh chiếm Nam Bộ. Nhưng sự khôn khéo, lừa bịp của VMCS đã thể hiện bằng cách trước đó ít ngày loan báo là ngày lễ để ra lệnh cho dân chúng treo cờ. Thế là một thời gian ngắn Hà Nội vắng bóng quân Pháp, thì kể từ ngày 6/3/1946, chúng lại ngang nhiên xuất hiện với lá cờ tam tài tung bay trên khắp phố phường Thủ Đô Hà Nội. Pháp kiều trước đó cũng được trả tự do, họ kiêu căng, tự đắc đón chào quân Pháp tiến vào thành phố. Tính hình từ đó trở nên căng thẳng giữa Pháp kiều và dân Thủ Đô, có vài vụ xô xát đã xẩy ra.

Sau khi quân Pháp đặt chân lên Hà Nội ít ngày, thì Hồ đề nghị Vĩnh Thụy (Vua Bảo Đại) đứng đầu một phai đoàn đề sang Trung Hoa gặp Tưởng Giới Thạch, vận động ngoại giao, tạo ảnh hưởng Quốc tế cho Chính phủ VMCS. Lúc đầu ông Vĩnh Thụy từ chối không muốn đi, nhưng Hồ năn nỉ nhiều lần, ông đành chấp nhận. Ông Vĩnh Thụy mới đầu nghĩ rằng không muốn dính dáng vào công việc của VMCS. Nhưng sau có lời khuyên của các cấp lãnh đạo QDĐ phân tách lợi hại, với lý do nếu cứ từ chối mãi, sẽ có chuyện không hay xẩy tới cho ông Vĩnh Thụy, vì ông Hồ xuống nước năn nỉ như vậy là có ẩn ý gì rồi.

Theo tôi hiểu, Hồ và đảng CS lo ngại ông Vĩnh Thụy sẽ quay lại với Pháp, trong khi quân đội Pháp đang có mặt. Chi bằng để đề phòng trước bằng cách đưa ông ta ra nước ngoài. Chuyện này Hồ đã nghĩ đúng với giả thuyết trên, vì chỉ vài năm sau ông Vĩnh Thụy đã hợp tác với Pháp và trở về làm Quốc Trưởng. Thành phần phái đoàn do ông Vĩnh Thụy làm trưởng toán, còn có ông Nghiêm Kế Tổ (VNQDĐ), Thứ trưởng Bộ Ngoại Giao Chính phủ Liên Hiệp làm Phó, cùng một vài cán bộ VMCS tháp tùng. Ngoài ra còn có một sĩ quan cao cấp của Trung Hoa Quốc Dân Đảng là ông Trần Liên đích thân hướng dẫn phái đoàn sang Trùng Khánh.

Để xúc tiến việc thi hành Hiệp Định 6/3/1946, một vài Hội nghị được trù liệu tại Đà Lạt vào cuối tháng 4/1946. Phái đoàn VN do ông Nguyễn Tường Tam, Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao làm Trưởng Đoàn, còn có các ông Võ nguyên Giáp (CS), Hoàng xuân Hãn, Vũ văn Hiền, Nguyễn mạnh Tường, Nguyễn văn Huyền, Trịnh văn Bính (không đảng phái), Cù huy Cận (CS), Dương bạch Mai (CS). Phái đoàn Pháp có ông Max Andre (trưởng phai Đoàn), ông Leon Pignon và Đại Tướng Salan.

Kết quả là Hội nghị này đã thất bại, vì quan điểm hai bên hoàn toàn khác biệt . Phía VN dặt vấn đề Nam Bộ và yêu cầu Pháp giải quyết, trong khi đó Pháp lại coi vấn đề đó như là xong rồi, lý do là tại Sàigon đã có Nam Kỳ tự trị. Từ đó, Pháp quân tìm cách lấn dần ở Nam Bộ, và đánh chiếm Cao nguyên Trung phần.

Tại Hà Nội quân Pháp chiếm đóng Phủ Toàn quyền cũ và tỏ ra bất chấp luật pháp của VN. Đổi lại Chính quyền VMCS tung tin Pháp dự định đánh chiếm Bắc Việt và ra lệnh di tản bớt dân chúng ra khỏi thành phố, tổ chức biểu tình đòi sáp nhập Nam Bộ. Báo chí, đài phát thanh đả kích kịch liệt âm mưu của Thực dân Pháp. Tuy nhiên Hồ và đảng CS vẫn cố thực hiện một hội nghị khác và lần này họp tại Pháp, vì ông ta nghĩ rằng tại đó, ông và đảng CSVN sẽ được sự ủng hộ của đảng CS Pháp, để chính phủ Pháp phải nhượng bộ ít nhiều. Cuối tháng 5/1946, Phái đoàn VN do Phạm văn Đồng làm Trưởng phái đoàn, vì ông Nguyễn Tường Tam đã lánh mặt bỏ sang Trung Hoa.

Hồ cùng đi với phái đoàn, nhưng với tư cách riêng. Sau đó cuộc họp đã đươc tiến hành ở Thành phố Fontainebleau, cách xa Thủ Đô Paris khoảng chừng 60 cây số. Nhưng rồi cuộc họp cũng chẳng đi tới đâu, và phái đoàn lên tàu trở về nước với hai bàn tay trắng. Riêng Hồ Chí Minh nán lại để nhờ vả đảng CS Pháp mong có cái gì mang về nước để khỏi mất mặt. Có một đêm, ông ta đã phải tới nhà riêng của ông Marius Moutet, Bộ trưởng Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại (bộ thuộc địa cũ) để yêu cầu ông này ký bản Thỏa Hiệp Án (Modus Vivendi) gồm những điều khoản rất bất lợi cho VN.

Trong khi đó tại VN, nhất là ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. VNQDĐ xách động quần chúng phản đối kịch liệt về bản Thỏa ước 15/9/1946 bán nước của Hồ Chí Minh ký kết với Pháp.

Trước tình hình có vẻ bất lợi cho VMCS, nên chúng đã tìm đủ mọi cách để triệt hạ QDĐ và những người Quốc Gia mà chúng cho là nguồn gốc thúc đẩy quần chúng đứng lên chống đối. Do đó, Võ nguyên Giáp, tư lệnh lực lượng võ trang VMCS đã ra lệnh đột nhập Tòa Báo Việt Nam, cơ quan thông tin, tuyên truyền của VNQDĐ, phá hủy và ngụy tạo vụ Ôn Như Hầu (giết người, cướp của) tại trụ sở VNQDĐ do Ban Đại diện Đệ Thất Chiến khu (Quảng Nam, Quảng Ngãi) hoạt động bên cạnh Trung Ương Đảng. Để tuyên truyền xuyên tạc, VMCS đã tìm mọi lý do để khủng bố, bắt bớ và bí mật thủ tiêu..Trước sự tráo trở, phản bội qua chính sách hòa hợp, hòa giải của VMCS, các cán bộ lãnh đạo Đảng cùng cán bộ ở khắp nơi phải lên Đệ Tam Chiến Khu, hoặc cải danh rút vào bí mật. Đến thượng tuần tháng 7/1946, Võ nguyên Giáp ra lệnh cho các lực lượng địa phương tổng tấn công vào Đệ Tam Chiến Khu gồm các Tỉnh Vĩnh Yên, Việt Trì, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Kay. Phải chăn Đảng CS và Võ nguyên Giáp cảm thấy cái thế bất ổn sau khi bản Thỏa ước được ký kết, và quân Pháp ở những nơi đóng quân đã có nhiều hành động khiêu khích. Do đó, VMCS muốn thanh toán các chướng ngại trong sự lãnh đạo quần chúng lúc bấy giờ.

C. Quốc Gia Thanh niên Đoàn (14)

DANH SÁCH ĐOÀN VIÊN QUỐC GIA THANH NIÊN ĐOÀN

(Sưu tập tại Hoa Kỳ năm 1994 – bổ sung 2013)

1. Đoàn Trưởng: Nguyễn tường Bách, Qua đời ở Nam CA, USA năm 2013
2 Đoàn Phó: Nguyễn thái Phan, hy sinh ở VN 1946 – CSVN giết
3 Lãnh đạo: Phan kích Nam, hy sinh ở VN 1946 – CSVN giết
4 Giáo viên: Nguyễn khắc Đạm (con cụ Xứ Nhu), Bắc VN
5 Giáo viên: Lê Tảo: qua đời ở San José, CA USA
6 Giáo Viên: Phạm Gia Thụy: không tin tức
7 Giáo viên: Đỗ Huệ: Washington State USA
8 Cơ Trưởng: Lê văn Nhân (Lê Đình Việt), qua đời tại Houston,TX,USA năm 2012
9 Phó Cơ Trưởng: Nguyễn xuân Đăng, Sàigòn, Việt Nam
10 Nghĩa Bộ Đội Trưởng: Đỗ Hòa, Hà Nội, Việt Nam
11 Đoàn Viên: Hoàng sĩ Xúy, Qua đời ở Hà Nội 1978
12 Phạm Quân: Qua đời ở OKC,USA năm 1993
13 Nguyễn văn Thưởng: Hy sinh ở Hoang Thiền (Vân Nam, 1946)
14 Nguyễn văn Mỹ: Hy sinh ở Bát Sát (Lào Kay) năm 1946
15 Nguyễn văn Giáp: Hy sinh ở Yên Báy 1946
16 Nguyễn v Đắc: Mất tích ở Yên Báy 1946
17 Bùi v Ngọc: Hy sinh ở Lao Kay 1946
18 Bùi xuân Ninh: Qua đời ở Banmethuot, Việt Nam 1964
19 Nguyễn v Nghi: Hy sinh ở Việt Trì 1946
20 Bùi xuân Hiến: Qua đời ở USA 1976
21 Nguyễn xuân Kỳ: Qua đời ở San Jose, CA Hoa Kỳ
22 Nguyễn v Đức: Qua đời ở Nha Trang 1986
23 Vũ ngọc Thủy: Mất tích ở Tchapa, Bắc Việt Nam 1946
24 Nguyễn v Hương (Y Tá): Bị thương nằm lại ở Phú Thọ,VN 1946
25 Cường (Tojo): Hy sinh ở Yào San (Lai Châu) VN năm 1946
26 Nguyễn văn Minh: Mất tích ở Đình Yên Kỳ (Phú Thọ) 1946

27 Nguyễn văn Liên: Không tin tức sau 1946

28 Nguyễn văn Uyển: Không tin tức sau 1946

29 Bích: Không tin tức sau 1946

30 Vũ v Phiên: Orlando, Florida, USA

31 Sửu: không biết địa chỉ

32 Phan Hoằng: USA

33 Chị Nhung: USA

34 Chị Nguyễn Thị Lễ: ở San Diego, CA USA

35 Đỗ đức Dục: Washington DC USA

36 Lưu đình Đôn: Saigon, VN

37 Hoàng Tích Thông: Nam CA, USA

38 Nguyễn triết Lý: CA, USA

39 Ngô tạo Hạng: CA, USA

40 Trương khánh Tạo: Qua đời ở Oklahoma City, Kansas USA

41 Nguyễn đức Linh: Oklahoma City, Kansas USA

42 Vũ huy Oánh: Paris, Pháp

43 An ngọc Lân: Đan Mạch

44 Nguyễn văn Đẩu: Ở Đàlạt, VN

45 Vương văn Đạt (Hồng Quéo): Hà Nội, VN

46 Mai ngọc Bảo: Hà Nội, VN

……..

……..

ANH HÙNG CA QUỐC GIA THANH NIÊN ĐOÀN

"Bước……!……. Bước……..!

Dấn bước…!….. Đường trường…!

Đường trường, núi sông….. gập ghềnh…… gập ghềnh..!

Hùng cường…. dấu xưa…. anh hùng….. hào hùng…..!

Tuốt kiếm thề..!…. giữ vững non….. sông ..!

Đổ huyết thề…!…. điểm tô non….. sông…!

Thân làm trai… ai ơi…. dặn lòng…. ừ…ư….!

Việc khó ta làm, đừng sờn, đừng ngập, đừng thụt, đừng run….!

Việc khó ta làm,đừng sờn, đừng ngập, đừng thụt, đừng run…!

Kìa trông bốn phương ai…. hùng cường…..!

Mau tiến mau,lên cho kịp người……!”

QUỐC GIA THANH NIÊN ĐOÀN

Ngày thành lập: Trung tuần tháng 11 năm 1945 tại Hà Nội

Danh xưng: Quốc Gia Thanh Niên Đoàn.

Trụ sở: Đường Phó đức Chính (trong khu vực Tự trị Ngũ Xã)

Mục đích: Kết hợp tất cả những THANH NIÊN yêu nước, đầy bầu nhiệt huyết vì Quốc Gia, Dân Tộc. không tham gia vào một tổ chức chính trị nào. Tổ chức và đào tạo Thanh niên trong giai đoạn mới thoát ách Thực dân, có thể trở thành những cán bộ Quân sự và Chính trị có khả năng chiến đấu, lãnh đạo hữu hiệu, tài ba.

Ban lãnh đạo Đoàn: Phan kích Nam (VNQDĐ), Nguyễn thái Phan (VNQDĐ)

Sáng lập kiêm Đoàn Trưởng: Nguyễn tường Bách (VNQDĐ)

Nhân sĩ hỗ trợ: Hoàng huân Trung, Phạm gia Thụy (VNQDĐ)

Lá cờ Đoàn: Hình chữ nhật (màu xanh lá cây xẫm), hình cầu màu vàng (nằm giữa lá cờ) – Lửa đỏ ba nhánh (nằm trong hình cầu vàng) – Hai lưỡi kiếm bạc chéo nhau (dưới ngọn lửa đỏ) – Hàng chữ Q.G.T.N.Đ. (chạy vòng phía trên hình cầu)

Ý nghĩa lá cờ: Hình cầu vàng là Dân tộc Việt Nam da vàng.

- Hình chữ nhật xanh lá cây xẫm là Hy vọng, Tiến lên.
- Lửa đỏ ba nhánh là Bầu nhiệt huyết của Thanh Niên ba miền Bắc Trung Nam.
- Hai lưỡi kiếm bắt chéo là Quyết tâm chiến đấu.

Đoàn ca: Quốc Gia Thanh Niên Đoàn (Lời và nhạc của Hùng Lân)

- *“Đoàn ta tiên trông chân trời xa,*
- *Vì đất nước, lên đường tranh đấu,*
- *Cùng hòa nhịp bước, đồng tiến, hùng ca,*
- *Quyết chí phấn đấu, quyết dâng đời ta,*
- *Cho giang sơn Tổ quốc quý mến,*
- *Vì nước quyết chiến, bồng súng lên đường,*
- *Rồi từ mờ sáng, xa trường bên khói tên,*
- *Thù cùng nhớ, sát cánh bước ra đi,*
- *Nghìn năm sông núi, vang tiếng nam nhi”.*

Để tưởng nhớ tới những Đoàn viên QUỐC GIA THANH NIÊN ĐOÀN đã chiến đấu hy sinh cho nền ĐỘC LẬP và TỰ DO của DÂN TỘC VIỆT NAM

D. CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG (15)

(Tại Đệ Tam Chiến Khu từ Vĩnh Yên tới Yên Bái, Lào Kay)



Vùng Phú-Thọ, Yên Bái-Lao Cai (bảnh đồ ngày nay)

Trong thời gian đó, chúng tôi ở trường Quân chính Việt Trì vẫn tiếp tục huấn luyện, không có gì xẩy ra, trừ một vài cuộc chạm súng nhỏ giữa Quốc Dân Quân (lực lượng võ trang của VNQDĐ) và bộ đội VMCS tại các vùng phụ cận Tỉnh lỵ. Các tin tức xẩy ra ở Hà Nội, chúng tôi cũng chỉ biết qua loa, nhưng rồi tin tức về cuộc khởi sự tân công của VMCS đã được loan báo trong Trường, và lệnh báo động chuẩn bị chiến đấu được ban hành.

Trước tình hình khẩn cấp đó, QGTNĐ sát cánh với QDĐ chống lại VMCS để tồn tại. Rồi một ngày được tin Vĩnh Yên thất thủ do các lực lượng còn sót lại phá được vòng vây chạy về cho hay. Tại Việt Trì càng ngày càng bị sức ép tấn công của VMCS. Một vài cứ điểm ở xa đã phải rút về phòng tuyến gần Thị Xã. Tiếng súng ban đêm đã vọng về thành phố. Dân chúng trở nên nhốn nháo, lo sợ, phố xá, cửa hàng buôn bán thưa thớt hẳn đi. Vòng vây kinh tế cũng bị VMCS thắt chặt, sự mua bán qua lại giữa hai vùng Quốc Gia và VMCS đã không còn dễ dãi nữa. Tình hình trở nên ác liệt, Quốc Dân Quân, cán bộ bị thương và chết đã chở về bệnh viện nhiều hơn. Mũi tấn công của VMCS nhằm vào khu Bạch Hạc (nằm bên kia sông của Thị xã) ngăn cách bởi con đê sông Hồng.

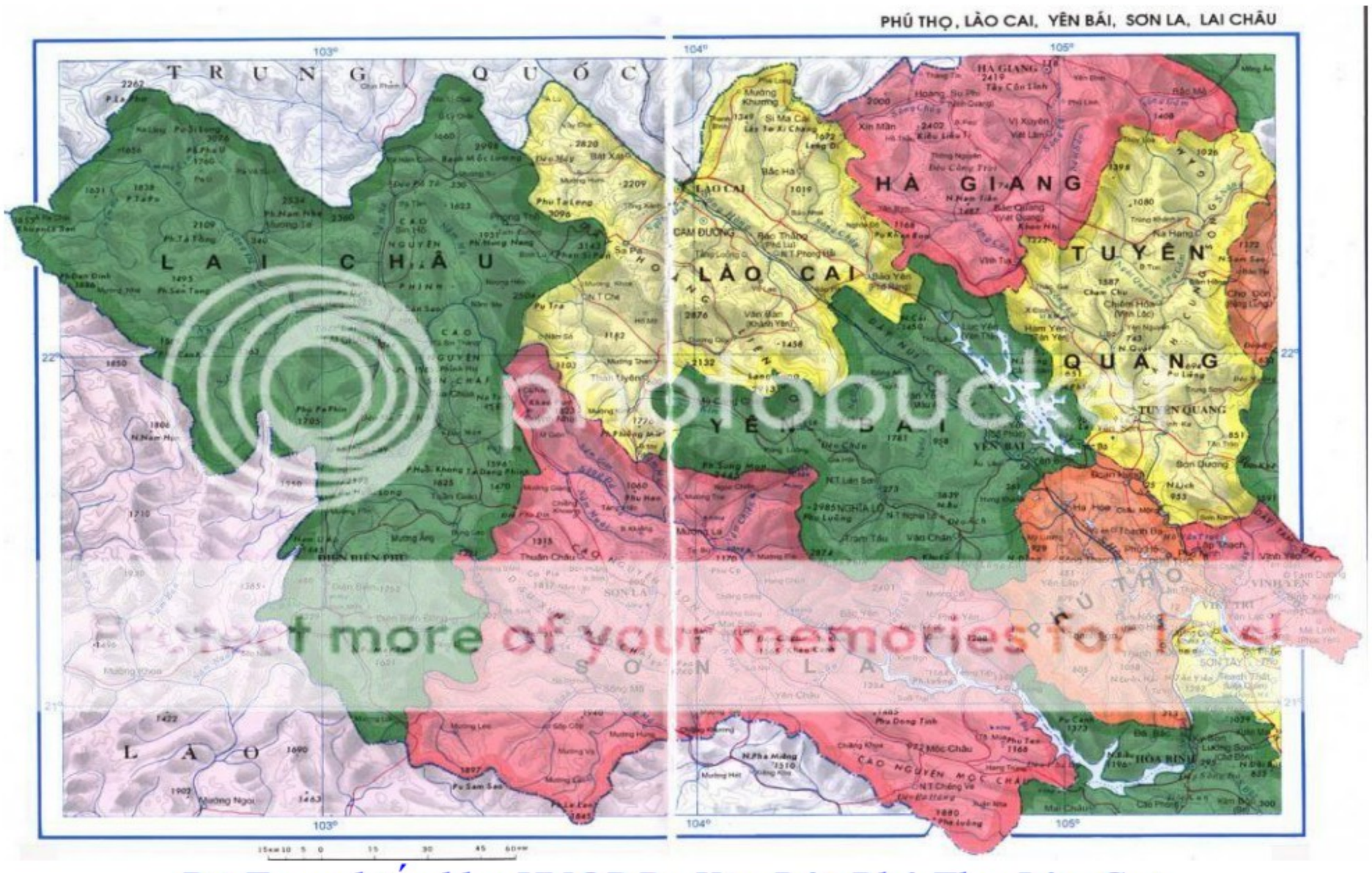
Tại đây VNQDĐ đã lâm vào thế yếu có nguy cơ dễ bị tràn ngập. Do đó, Bộ Chỉ Huy Quân Sự Việt Trì, khi đó có sự hiện diện của ông Vũ Hồng Khanh, vừa từ Hà Nội bỏ lên ít ngày, đã ra lệnh cho Trường Quân Chính đem khóa sinh tăng cường cho mặt trận đó. Khi dược lệnh chuẩn bị lên đường, tôi còn nhớ là khi đó không có ai trong chúng tôi tỏ ra sợ sệt lo âu cả. Chúng tôi tin tưởng vào sự chỉ huy của các giáo viên Nhật, nên còn tỏ ra háo hức là khác.

Theo kế hoạch, chúng tôi được chia làm hai cánh quân. Một theo các làng nằm phía ngoài đê. Một cánh tiến dọc theo con đê. Lúc đó tôi thuộc cánh quân có anh Việt, Cơ trưởng, tấn công theo dọc con đê, đồng thời yểm trợ cho mũi dùi tấn công ở ven

làng. Khi đó, VMCS đã chiếm được một hai làng ở dưới đê và một số nhà bên đê xây bằng gạch. Theo tin tức ghi nhận được, VMCS đã tung vào mặt trận này hai Đại Đội tinh nhuệ của chúng là Hùm Xám và Hồng Phong. Chúng tôi vượt qua chiến tuyến quốc dân quân VNQDĐ…tiến dọc theo hai bên bờ đê theo đội hình hai hàng dọc, lớp tiến, lớp nằm, hỏa lực yểm trợ lẫn nhau, đẩy lui các toán tiền phong của chúng cho tới lúc gặp sức kháng cự mạnh nhất, đó là một ổ súng lớn gồm có một khẩu pháo 75 ly của Pháp xử dụng thời Thế chiến thứ nhất, một khẩu súng máy và mấy khẩu súng trường. Khẩu súng lớn được chúng đặt ngay trước căn nhà gạch bên đê quét vôi trắng, và mỗi khi tác xạ, thì xạ thủ ở trong căn nhà chạy ra giật giây cò súng.

Chúng đã xử dụng khẩu súng 75 ly để tác xạ vào Bạch Hạc và đồn bót của VNQDĐ. Để triệt hạ khẩu súng đó, chúng tôi đã tập trung liên tục hỏa lực vào mục tiêu đó cho tới khi im bặt tiếng súng. Sau tiếng hô xung phong của giáo viên Nhật chỉ huy, chúng tôi vừa chạy vừa hô xung phong theo cung cách của binh lính Nhật, chiếm ngay căn nhà trắng. Kết quả một vài tên VMCS bị tử thương, tịch thu khẩu súng 75 ly mà lá chắn đầy những vết đạn lỗ chỗ. Hai tên CS nhẩy xuống một cái đầm nước ven đê để trốn, đã bị chúng tôi phát hiện, chúng nằm bất tỉnh vì bị thương và bị đỉa cắn đầy mình.

Chiếm được căn nhà trắng thì địch ở phía sau bỏ chạy, cùng lúc cánh quân ở ven làng nhân lúc địch bỏ chạy nên đã tiến quân rất nhanh. Từ xa tôi thấy giáo viên Nhật vừa đi vừa dơ cao khẩu súng lục, chỉ huy các khóa sinh một cách gan dạ.



Đệ Tam chiến khu VNQDĐ: Yên Bái-Phú Thọ-Lào Cai…

VMCS ở trong làng thấy bạn ở trên bờ đê bỏ chạy, sợ bị bao vây nên cũng bắn cầm chừng rồi rút lui. Ở phía xa theo hướng đi Sơn Tây, tôi quan sát thấy một số đông VMCS đang lên xe. Sau tìm hiểu mới rõ là khóa sinh của trường Võ Bị Sơn Tây do VMCS tổ chức đưa ra quan sát mặt trận. Trên đường chiến thắng rút về

Bạch Hạc, kéo theo khẩu pháo 75 ly và lá cờ đỏ sao vàng của VMCS phủ lên trên, dân chúng đã hoan hô nhiệt liệt. Để tưởng thưởng chiến tích, Ủy Ban Lãnh Đạo Bạch Hạc đã tặng chúng tôi một rổ thịt lợn để ăn mừng chiến thắng của ngày đầu ra quân. Sau ngày VMCS bại trận đó, tình hình tại khu vực Bạch Hạc tương đối yên tĩnh. Các khu khác vẫn còn những vụ chạm súng lẻ tẻ. VNQDĐ sau chiến thắng đó, tất cả đã lấy lại tinh thần chiến đấu tăng lên. Tuy nhiên, áp lực về quân sự và kinh tế càng ngày càng đè nặng lên Thị xã Việt Trì. Kho lương thực, đạn dược, thuốc men cạn dần…

Tôi còn nhớ khi đó đạn dược xử dụng có khoảng một nửa bị lép không nổ vì đa số được lấy từ dưới sông, hồ. Các khó khăn khác là vũ khí gồm đủ loại nên rất khó thực hiện. Số vũ khí đào lên được là do giáo quan Nhật chỉ điểm, nhưng đạn dược lại quá ít, nên dù có súng mà không có đạn cũng chẳng làm gì được. Do tình trạng khó khăn nan giải đó, ban lãnh đạo Tỉnh Đảng Bộ với sự hiện diện của ông Vũ Hồng Khanh, đã quyết định rút khỏi Việt Trì để lên Phú Thọ, mặc dù chiến sự chưa đến nỗi nào.

Lệnh rút lui được tiến hành vào khoảng gần nửa đêm, một đêm không trăng sao. Tại Trường từ chập tối, đã được lệnh chuẩn bị thu xếp lên đường với một túi quân trang thật nhẹ, vì có thể sẽ phải chiến đấu ở dọc đường. Thôi thì, quần áo, đồ dùng, đàn sáo bỏ lại, đều phá hủy hết. Tại văn phòng của nhà Trường, tất cả hồ sơ, tài liệu đều đốt sạch…. Trong đêm tiếng súng ở ngoài xa vẫn vọng về như mọi đêm. Các cánh quân ở xa, phần lớn ở bên kia sông, bên Bạch Hạc đang dần dần rút về, chỉ để lại một ít quân để làm nghi binh, bắn cầm chừng. Đúng 10 giờ đêm, lệnh xuất phát được ban hành. Kiểm điểm lại có anh Hợi thuộc QGTNĐ bị sót lại, vì anh được nhà Trường ủy nhiệm phụ trách Tổ súng Đại liên (liên thanh hạng nặng) cỡ 13 ly 2 có gánh hai bánh xe do Pháp chế tạo. Tổ súng này tăng cường sang mặt trận Bạch Hạc từ khi trận chiến bắt đầu sôi động. Về sau, tôi không gặp lại Anh nữa, không hiểu sống chết bây giờ ra sao.

Đoàn quân lên đường trong âm thầm, lúc đầu có vẻ hơi lộn xộn vì có nhiều gia đình cán bộ tháp tùng theo. Lực lượng VNQDĐ mở đường và đoạn hậu. Khóa sinh chúng tôi đi đoạn giữa làm lực lượng trừ bị. Đoàn quân rút theo Quốc lộ mà không bị phục kích vì có toán tiền thám đi trước mở đường. Ban đêm, trời mát, lại còn sức, chúng tôi di chuyển khá nhanh. Đến sáng ngày hôm sau thì còn khoảng một phần ba đường nữa sẽ tới ngã ba rẽ vào Phú Thọ, có một xe hơi hiệu Citroen chạy tới (màu đen) từ hướng Phú Thọ. Khi gặp toán tiền quân thì bị chặn lại.

Ra khỏi xe, có ông Nguyễn Tường Long (VNQDĐ) cùng với hai cán bộ quân sự VMCS mặc quần áo kaki vàng, đầu đội mũ ca lô có gắn sao vàng nền đỏ tròn, thuộc Ủy Ban Hòa Giải. Các nhân vật này đã tiếp xúc với ông Vũ (cùng rút đi với chúng tôi). Không hiểu thảo luận ra sao, chỉ biết hai cán bộ VMCS phải đi bộ cùng với đoàn quân tiến vào Phú Thọ.

Khi tiến gần tới Thị xã, được báo tin là Phú Thọ đã rơi vào tay bộ đội VMCS. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cứ tiến tới. Khi tới ngã ba, một toán quân tính rẽ vào Thị xã vì hai cán bộ VMCS này đoan chắc sẽ thu xếp để trả lại Thị Xã cho VNQDĐ. Nhưng di chuyển được một quãng thì VMCS phục kích ở gần đó nổ súng và hai

bên bắn nhau một lúc. Nhận thấy VMCS đã giở trò tráo trở, nên ông Vũ Hồng Khanh ra lệnh bỏ Phú Thọ tiếp tục tiến lên Yên Bái. Sau cuộc chạm súng, anh Hương thuộc QGTNĐ bị thương ở chân phải nằm lại tại chỗ vì đoàn quân còn phải đi băng rừng nhiều ngày, có thể bị phục kích dọc đường. Hai cán bộ VMCS được áp tải đi theo.

Kể từ lúc đó, sau một ngày và một đêm di chuyển mệt nhọc, chúng tôi bắt đầu rời Quốc lộ rẽ vào con đường rừng, đi tắt lên Yên Bái, vì không thể ngang nhiên đi trên lộ lớn. Đối phương đã biết rõ lộ trình, tất nhiên có kế hoạch chặn đánh. Do đó, chặng đường từ Phú Thọ lên Yên Bái thật là gian nan. Lương thực mang theo cạn dần, cái đói đã bắt đầu theo đuổi, sức khỏe do đó cũng kém đi vì thiếu ăn, thiếu ngủ. Tuy ban ngày đi, đêm ngủ, có khi nghỉ ngay bên đường, có khi ở trong làng bản của dân địa phương. Quá mệt mỏi, cũng không được ngủ yên, vì phải canh gác xem chừng VMCS tấn công bất thần.

D. CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG (16)

Hai ngày, hai đêm qua đi bình yên. Đến ngày thứ ba, đoàn quân tiến vào làng Yên Kỳ. Làng này tương đối đông dân cư hơn. Chúng tôi được bô lão trong làng tiếp đón nồng hậu và ra lệnh cho dân làng nắm cơm thết đãi. Sáng sớm hôm sau, trước khi lên đường, đại diện làng cho biết là sẽ có cơm thết đãi, nhưng chờ mãi không thấy, nên đoàn quân bỏ lên đường. Vừa xuất quân thì từ xa, hướng trước mặt Đình, tại một cao điểm VMCS đã nã súng liên hồi vào đình Yên Kỳ. VNQDQ, cán bộ và gia đình chạy tránh đạn, có nhiều người bị thương kêu la inh ỏi.

Khi đó, khóa sinh chúng tôi đang bố trí ở một ngọn đồi kế cận, nghe tiếng sùng nổ, tức thì giáo quan Nhật điều động chúng tôi án ngữ ngọn đồi nổ súng bắn trả lại và tiếng súng địch êm ngay. Kết quả có mấy anh VNQDĐ bị thương phải nằm lại tại đó. Anh Đạt, vệ sĩ của ông Vũ Hồng Khanh cũng bị thương nhẹ. Theo tôi nghĩ, ban chỉ huy cuộc rút lui đã quá khinh địch, lại tỏ ra kém hiểu biết về mặt quân sự. Hôm đó nếu không có khóa sinh dưới quyền chỉ huy của các giáo quan Nhật thì tình hình có lẽ còn bi đát hơn nhiều. Các sĩ quan của Trường, như các ông Minh, Vinh, Xuân, tuy là sĩ quan quân đội Pháp nhưng có lẽ chưa bao giờ ra trận, nên đã thụ động chẳng biết làm gì hơn. Có nhiều người đã nghi ngờ dân làng Yên Kỳ hoàn toàn theo VMCS, đề nghị ông Vũ cảnh giác, nhưng ông không tin.

Sau khi bị trận phục kích này, mọi người đều hối hả chạy vứt bỏ lại các đồ đạc không kịp mang theo. Từ Yên Kỳ lên Yên Bái, khóa sinh được làm đội quân tiên phong, dưới sự chỉ huy của ông Niên, giáo quan Nhật. Kiểm điểm lại nhân số trước khi di chuyển, có anh Minh QGTNĐ, con chim sơn ca của Đoàn (hát rất hay) bị thất lạc. Dưới sự chỉ huy của ông Niên, chúng tôi tiến quân rất nhanh. Ông này tay cầm địa bàn, hướng dẫn chúng tôi và đoàn quân trên những con đường rừng, gồ ghề, khúc khuỷu.

Có người cho biết là con dường đó trước kia, dân buôn thuốc phiện lậu sử dụng di chuyển tránh tai mắt của các nhân viên quan thuế. Một ngày nữa lại trôi qua trong yên tĩnh. Đêm đó, chúng tôi ngủ ngay ở hai bên dọc đường, luôn luôn cảnh giác đề phòng mọi bất trắc có thể xẩy ra bất cứ lúc nào. Khổ nỗi đêm đó trời lại mưa tầm

tã, thành thử chẳng có ai ngủ được. Bụng lại đói vì cả ngày đi trong rừng không kiếm được cái gì để ăn. Thân thể mỏi rã rời. Đây là lần đầu tiên trải qua cảnh rút lui trong chiến bại, hiểu thấu sự gian truân, thiệt hại như thế nào. Sau đó còn xẩy ra nhiều cuộc rút lui tương tự còn bi đát hơn nhiều.

Ngày hôm sau, đoàn quân lại tiếp tục lên đường, mặc dù đói mệt. Nếu ngừng lại sẽ có nhiều bất trắc có thể xẩy ra vì VMCS có đủ thời gian điều quân truy kích, Trên đường di chuyển, gặp toàn cảnh vườn không nhà trống, có lẽ dân trong vùng đã được VMCS thông báo trước. Nhưng rồi một chuyện đáng tiếc đã xẩy ra. Nguyên do vì mệt và khát nước, một cán bộ đảng viên là anh Đội Sửu (hạ sĩ quan Pháp) Trưởng Ty An Ninh Tỉnh Phú Thọ, đã vào một nhà dân, chặt một cây mía mà chủ nhà không có mặt. Anh đem ra, chia cho vợ con ăn cho đỡ khát.

Khi ông Vũ đi tới bắt gặp, không hiểu anh Sửu đã trình bày ra sao, làm cho ông Vũ tức giận rút súng bắn chết ngay tại chỗ. Sự việc xẩy ra quá nhanh không ai kịp can thiệp. Đươc biết, có mấy cán bộ bạn thân của anh Sửu rất bất bình, định phản ứng, nhưng có người cản lại. Tôi nhận thấy sau đó có nhiều người tỏ ra bất mãn về hành động thiếu suy nghĩ của ông Vũ là một lãnh tụ Đảng. Mặc dù kỷ luật của Đảng, của đoàn quân khi rút lui cần phải duy trì chặt chẽ không được xâm phạm của dân.

Sau đó đoàn quân cũng tự ghép vào kỷ luật hơn trên đoạn đường dài, bụng đói, dạ khát. Chiều tối, đoàn quân tới một làng ở gần Hào Gia, chỉ còn cách Thị xã Yên Bái 5, 6 cây số. Cũng như những nơi đã đi qua, dân làng đã bỏ đi hết. Tại đây ông Vũ và ban Lãnh đạo cho phép chúng tôi được xử dụng các thức ăn của dân chúng để lại với điều kiện phải đền bù bằng tiền bạc để tại chỗ cho khổ chủ. Phải cảnh giác về thuốc độc trong thức ăn và nước uống. Trong những nhà của cán bộ VMCS, có cờ, bảng, khẩu hiệu dùng đi biểu tình, chứng tỏ là nhà viên chức CS lãnh đạo của làng này thì chiếm đóng, xử dụng phương tiện, ăn uống thoải mái, không phải trả tiền bạc.

Trước khi đóng quân nghỉ, lệnh bố trí thật nghiêm ngặt, vì dự đoán VMCS đang dương một cái bẫy lớn để tiêu diệt toàn bộ. Tùy theo từng bộ phận, kẻ xay thóc, người giã gạo, người mổ lợn, gà, nấu ăn tưng bừng, bù lại những ngày đói khát, đồng thời lấy lại sức khỏe, chuẩn bị chiến đấu vào ngày hôm sau. Trong cuộc chạm súng tại đình làng Yên Kỳ, thừa lúc lộn xộn, hai cán bộ VMCS đã chốn thoát khỏi đoàn quân.

Tại Yên Bái lúc này cũng đang bị VMCS bao vây, chắc chắn chúng bố trí trận đánh, ngăn chận không cho đoàn quân của QDĐ vào tỉnh lỵ. Đêm đó chúng tôi được no nê, ngon lành không có gì xẩy ra cả. Sự im lăng không có gì phản ứng của VMCS làm chúng tôi phân vân tự hỏi, không biết chúng có âm mưu gì đây. Sự liên lạc với Yên Bái không thực hiện được vì máy móc truyền tin không có. Hôm sau, vào lúc gần trưa, bộ phận tiền phương của chúng tôi đã gặp tỉnh lộ Yên Bái – Tuyên Quang chắn ngang. Chúng tôi tính vượt qua đường lộ, thì một loạt đạn từ ngọn đồi phía trước bắn về phía chúng tôi. May mắn là không ai bị thương, vì đã cảnh giác khi di chuyển ra chỗ trống. Các giáo quan Nhật phản ứng ngay, ra lệnh nhanh chóng khai triển đội hình chuẩn bị xung phong tấn công lên đồi. Sau một loạt đạn bắn yểm trợ, chúng tôi lao lên với tiến xung phong vang dội lẫn tiếng súng nổ. Địch kháng cự

yếu ớt, sau vài phút giao tranh rồi bỏ chạy. Chúng tôi chiếm cứ ngọn đồi, chế ngự con đường từ ngã ba quốc lộ đi Tuyên Quang



Núi rừng chiến khu Yên Bái

Ở địa thế thuận lợi này, trước đó địch có thể quan sát dễ dàng trong Thị xã Yên Bái và dùng súng lớn bắn vào Tỉnh. Sau khi làm chủ tình hình khu vực, vấn đề di chuyển vào Thị xã không mấy khó khăn, chỉ còn e ngại địch ở bên kia sông Hồng bắn qua (con sông chạy song song với Quốc lộ 1, Thị xã Yên Bái nằm ở tả ngạn con sông). Cũng từ ngọn đồi chiến thuật đó, chúng tôi nhìn thấy lá cờ bay phất phới trên đỉnh đồi Chùa. Ngọn đồi này án ngữ lối vào Thị xã, vì khoảng cách quá xa, chúng tôi không phân biệt rõ lá cờ thuộc bên nào. Có anh nhất quyết cho là cờ VMCS, chỉ khác sao trắng, sao vàng, để lâu, cũ màu, khó phân biệt từ xa. Nỗi lo âu đến với chúng tôi, nếu Yên Bái rơi vào tay CS thì thật là nguy hiểm. Muốn tới Lào Kay phải đi vòng phía tay mặt Thị xã, băng qua đồi núi, thung lũng hẹp rất dễ bị phục kích. Rồi còn vấn đề lương thực, đạn dược. Về sau Bộ Chỉ Huy quyết định cử người đi liên lạc xem tình hình thực hư ra sao. Tiếng súng nổ vẫn vang lên từng lúc, dội lên từ bên kia sông.

Ở phía Thị xã, vào khoảng một giờ đồng hồ, cán bộ đi liên lạc trở về cho biết là VNQDĐ vẫn còn trấn giữ Tỉnh lỵ. Khi biết tin như vậy, mọi người thở phào nhẹ nhõm và chuẩn bị tiến vào Thị xã, dưới sự yểm trợ hỏa lực của đơn vị đóng trên đồi Chùa. Muốn vào Thị xã, chúng tôi phải băng qua một cây cầu sát trên Quốc lộ 1, dài khoảng 50 thước, bắt qua một con rạch từ hồ Tháp Bà chảy ra sông Hồng. Do đó, mà phần lớn đã tìm cách lội qua, vì được các chân cầu che khuất tầm quan sát của địch. Một số chúng tôi liều mạng phóng qua cầu, trong khi khẩu đai liên ở trên đồi Chùa liên tục bắn yểm trợ, làm tê liệtđịch.

Kết quả sau vài tiếng đồng hồ, đoàn quân đã vào được Yên Bái an toàn, chỉ có vài người bị thương nhẹ không đáng kể. QGTNĐ có anh Ngạn và anh Giáp bị thương vào đầu gối do mảnh đạn súng cối 60 ly của địch rơi nổ trên cầu. Đó là ngày 29/6/1946. Tính ra cuộc rút lui từ bỏ Việt Trì lên tới Yên Bái mất gần một tuần lễ.

Thị xã rất nhộn nhịp tiếp đón đoàn quân mới tới. Dân chúng đều có cảm tình, ủng hộ VNQDĐ, vì nơi đó khi xưa là chiến tích của VNQDĐ khởi nghĩa chống Thực dân Pháp. Tuy nhiên trong tình hình này, tất cả cán bộ và dân địa phương đều tỏ vẻ lo âu, vì sự rút lui bỏ Việt Trì, Phú Thọ, có thể tương lai gần sẽ tới lượt rút bỏ Yên Bái. Thị xã cũng đang bị VMCS bao vây, tấn công hơn một tháng rồi, nhưng vì địa

thế hiểm trở, khó khăn nên chúng chưa làm gì được. Giống như các Tỉnh vừa mất, Yên Bái cũng cùng trong một tình trạng, kinh tế càng ngày càng suy sụp vì dân bên ngoài Tỉnh không vào được, Các đường tiếp tế thực phẩm đều bị VMCS chặn hết. Dân và quân phải ăn cơm độn bắp.

Về mặt quân sự, Đệ Tam Chiến Khu VNQDĐ ngày càng bị thu hẹp, và Yên Bái trở thành tiền tuyến. Về chính trị lòng dân hoang mang. Do đó Ban Lãnh đạo quyết định cho rời một số cơ sở không cần thiết lên Lào Kay, cùng một số cán bộ, Quốc Dân Quân, Trường Võ Bị Lục Quân.

Chúng tôi, khóa sinh trường Quân Chính Việt Trì được sáp nhập vào Trường Lục Quân theo học khóa C. Trường Lục Quân Yên Bái tên là Trần Quốc Tuấn được thành lập vào những ngày đầu của Đệ Tam Chiến khu. Trường đang có hai khóa: A và B. Khóa A chuẩn bị sắp tới ngày mãn khóa sau 6 tháng học tập. Trường hoàn toàn do các giáo quan Nhật điều khiển. Ông Hùng (tên Việt) Hiệu Trưởng, ông Dân, hiệu phó (sĩ quan cao cấp của Quân đội Nhật) còn lại là Đại úy, Trung úy và Hạ sĩ quan. Sau ngày bại trận, đầu hàng Đồng Minh, họ đã từ bỏ hàng ngũ theo sang giúp QDĐ. Dưới sự huấn luyện nghiêm khắc của họ, các khóa sinh đã trở thành những cán bộ có khả năng, nhất là các khóa sinh đều có trình độ văn hóa cao và có lý tưởng Quốc Gia vững chắc. Một số sau này đã nắm giữ rất nhiều vai trò quan trọng trong chính thể Quốc Gia miền Nam Việt Nam. Về chính trị nắm những chức vị: Bộ trưởng, Đại sứ, Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu như các anh Nguyễn tất Ứng, Ngô tôn Đạt, Đinh trịnh Chính v.v.. Về quân sự tới cấp Tá, Tướng như Trung Tướng Phạm xuân Chiểu còn cấp Tá thì có khá nhiều. Tại Yên Bái, ngoài lực lượng Quốc Dân Quân…. trường Lục quân là một lực lượng đáng kể, đã giúp cho Ban Quân sự Tỉnh về mặt an ninh và phòng thủ rất nhiều. Ngoài những giờ học về lý thuyết tại trường, hầu hết thời gian thực hành đều ở ngoài chiến trường. Trong những ngày đầu trường mới thành lập, khóa sinh chỉ được trang bị có một nửa vũ khí thật, còn lại là súng gỗ. Rồi sau mỗi lần học tập ở xa ngoài Thị xã, đụng độ với VMCS trở về, mỗi khóa sinh lại mang về một ít vũ khí chiến lợi phẩm. Do đó, mỗi lần VMCS chạm súng với trường Lục Quân Yên Bái là chúng bỏ chạy. Cũng vì thế VMCS bao vây, tấn công cả tháng mà Thị xã Yên Bái vẫn đứng vững. Trụ lại Yên Bái được vài ngày, chúng tôi lên đường đi Lào Kay, cách xa khoảng 6, 7 chục cây số. Lần này, chúng tôi không di chuyển bằng đường bộ mà bằng hỏa xa.

Con đường sắt Yên Bái-Lào Kay vẫn được VNQDĐ bảo vệ duy trì với mục đích giao thông, tiếp tế lương thực cho Thị xã Yên Bái, dù VMCS vẫn tìm cách phá hoại. Trước ngày đoàn quân Vĩnh Yên, Việt Trì tới Yên Bái, Tỉnh Đảng Bộ Lào Kay đã huy động một số lực lượng và lương thực, do ông Triệu quốc Lộc (mang hàm Đại Tá) nguyên là Hạ sĩ quan quân đội Pháp thuộc sắc tộc Thổ (Tày) đảm trách. Theo dư luận, ông Lộc là một cấp chỉ huy can trường, được các cấp dưới quyền và dân chúng trong khu vực do ông cai quản kính nể và phục tùng. Đoàn tàu này chở lương thực và VNQDQ xuất phát từ ga Bảo Hà di chuyển rất chậm, vừa đi vừa sửa chữa những đoạn đường bị VMCS tháo gỡ. Ngày chúng tôi tiến vào Yên Bái cũng là ngày con tàu ì ạch tiến vào sân ga. Chính ra, mục tiêu của đoàn tàu này đi cứu viện Phú Thọ và Việt Trì. Đoàn tàu lại di chuyển trở về Lào Kay với sự tăng cường lực lượng bảo vệ và kéo thêm toa, hành trình được bình an vô sự. Tới Lào

Kay, khóa sinh trường Lục quân được tạm trú tại một căn cứ, trại của quân đội Pháp để lại. Chúng tôi được chuẩn bị để lên Thị trấn Sapa tiếp tục học tập.

Thị trấn Sapa ở trên một địa thế rất cao khoảng 1700 thước so với mặt biển, nên có khí hậu rất tốt, mát mẻ hơn so với Lào Kay khí hậu quá khắc nghiệt. Sapa có khoảng cách với Lào Kay chừng 30 cây số, có đường trải nhựa, có thể di chuyển bằng xe hơi hoặc xe ngựa. Trong thời Pháp thuộc, Sapa là nơi nghỉ mát của người Pháp, tương tự như Đà Lạt của cao nguyên Trung phần. Trong khi đó Lào Kay, khí hậu và nước uống rất độc. Nằm trong một địa thế không rộng lắm, chung quanh được bao bọc bởi rừng núi nên thời tiết vào mùa Hè rất oi ả, nóng bức, ngược lại cũng rất lạnh khi mùa Đông tới.

D. CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG (17)



Tỉnh Lao Cai (Lào Kay)

Tỉnh Lào Kay được ngăn cách làm hai bởi con sông Hồng, bên tả ngạn là Thị xã nối liền với Yên Bái, ở phía Nam bởi Quốc lộ 1 và đường thiết lộ Hà Nội-Lào Kay-Vân Nam (Trung Hoa) xuyên qua một thung lũng hẹp, một bên là sông, một bên là núi cao. Phía Bắc là Thị trấn Hồ Kiều của tỉnh Vân Nam thuộc Trung Hoa, nằm ngay ở bên bờ sông Đầm Thi có cay cầu sắt dài chừng 70 thước bắt ngang giữa Lào Kay và Hồ Kiều, Sông Đầm Thi cũng là ranh giới thiên nhiên giữa hai nước Việt Nam và Trung Hoa.

Con sông xuất phát từ mạn Hà Giang đổ xuống, chảy ra sông Hồng. Nước uống có tiếng là độc, nên dân Thị xã không dùng, phải sang bên Cốc Lếu gánh nước về dùng, vì dòng sông ở phía đó không bị ảnh hưởng của nước sông Đầm Thi hòa lẫn. Còn ở hữu ngạn sông Hồng là Cốc Lếu, có hai con đường trải nhựa, một đi lên Sapa, một chạy về Bát Xát Trịnh Tường. Cặp sát con sông Hồng là ranh giới Việt Hoa.

Bên Trung Hoa, con sông xuất phát từ nội địa tới Trịnh Tường rồi chảy vào VN. Dân cư sống tại đây, phần lớn là người Thổ, rất ít người Kinh, chỉ tập trung ở Thị xã, kể cả một số người Trung Hoa. Chợ búa, cửa hàng buôn bán tấp nập trong những ngày tháng yên bình, các sắc dân địa phương như Thổ, Mán, LôLô, Mèo v.v..tấp nập đến Lào Kay…

Một số người Hoa ở bên Hồ Kiều cũng qua lại buôn bán. Dân chúng tiêu cả hai thứ tiền: Đông dương và Quan kim (Trung Hoa). Nhưng khi chúng tôi tới, nơi này vì tình hình chiến sự đã ảnh hưởng tới sự buôn bán, bớt đi phần nào nhộn nhịp.

Tỉnh Lào Kay đặt dưới sự cai trị của VNQDĐ từ tháng 11/1945, khi quân đội Trung Hoa tiến vào VN giải giới quân đội Nhật. Trước đó, chính quyền VMCS chiếm giữ kể từ sau 19/8/1945. Được sự hỗ trợ của quân đội Lư Hán, các đảng viên VNQDĐ địa phương cùng với lực lượng VNQDĐ Hải ngoại từ Trung Hoa trở về đã vận động quần chúng dành lại chính quyền khỏi tay VMCS. Ông Triệu việt Hưng, cán bộ VNQDĐ Hải ngoại được Đảng bộ địa phương và Trung Ương Đảng chỉ định giữ chức Chủ Nhiệm Tỉnh Đảng Bộ Lào Kay. Sau khi đã làm chủ Thị xã, VNQDĐ đưa quân mở rộng khu vực.

Về phía nam, ông Triệu quốc Lộc đánh chiếm Yên Bình, Nghĩa lộ, Phố Lu, Bảo Hà, Trái Hút. Ở phía Đông chiếm Bản Lầu, Bản Phiệt, chặn mọi sự xâm nhập từ mạn Hà Giang, Tuyên Quang tới.

Phía tây chiếm Thị xã Sapa, các đồn Bát Xát, Trịnh Tường, Ý Tí, Mường Hum, Bình Lư, Phong Thổ (Lai Châu). Tại Đệ Tam chiến khu, Tỉnh Lào Kay là nơi VNQDĐ có một phạm vi kiểm xoát rộng lớn nhất, kể cả về mặt quân sự lẫn kinh tế, Tháng 1/1946 (quân Pháp bỏ chạy sang Trung Hoa khi quân đội Nhật đảo chính Pháp 9/3/ 1946), dưới quyền chỉ huy của Tướng Alessandri, quân đội Pháp đã trở lại VN qua ngả Mường Là Lai Châu, đánh chiếm đồn Phong Thổ do VNQDĐ trấn giữ. Từ đó, trận chiến chống Pháp bắt đầu.

Ở phía nam, đụng độ với VMCS nên VNQDĐ đã ở vào thế lưỡng đầu thọ địch, nhưng VNQDĐ vẫn anh dũng chiến đấu cho tới ngày chúng tôi rời Yên Bái lên Lào Kay.

Tại mặt trận phía tây, VNQDĐ đã đẩy quân Pháp ra khỏi Mường Hum, Bình Lư, Phong Thổ, lấy lại quyền kiểm xoát và đóng quân cố thủ. Trong khi đó, Trường Lục Quân được lệnh di chuyển lên Sapa. Xe cộ chuyên trở không có, nên đã thực hiện bằng đường bộ. Lên đường vào buổi tối cho đỡ mệt, khí hậu ban đêm mát mẻ hơn. Đường sá tương đối tốt, càng đi xa, đường càng lên cao dần.

Chúng tôi di chuyển khá nhanh vì túi hành trang không có gì ngoài mấy bộ đồ quần áo, vật dụng cần thiết. Đi một tiếng, nghỉ 15 phút, rồi lại tiếp tục. Đêm đó đầy sao, trăng sáng, cảnh tượng thật là đẹp, gió mát, mây trắng lững lờ trôi bên sườn núi, cảm thấy nhẹ nhàng như đi trong mây. Tới Mường Sến, một địa điểm khá rộng có suối chảy từ trên cao đổ xuống, nước dội vào khe đá nổi bọt trăng xóa, thỉnh thoảng có những con cá màu bạc nhẩy vọt lên khỏi mặt nước. Chúng tôi nghỉ tại đó khoảng một tiếng đồng hồ.

Tất cả đều tỏ ra mệt mỏi và thèm ngủ. Càn về sáng sương xuống càng nhiều, khí núi tỏa ra khá lạnh mặc dù lúc đó mới tháng 7/1946. Sáng sớm ngày hôm sau, chúng tôi tới Sapa. Như dự trù từ trước, Đảng bộ tại đây đã dành tòa nhà khá lớn trên một ngọn đồi. Đường lên đồi ước khoảng 6, 70 bậc. Đó là khu nhà ở và làm việc của một Đại tá Pháp trước kia, đồng thời cũng là Bản doanh của khu quân sự trong

vùng dưới thời Pháp thuộc. Với số khóa sinh gồm cả ba khóa A,B,C thì ở hơi chật chội, nhưng vì thời tiết lạnh nên cũng đỡ trở ngại.

Sau vài ngày ổn định, chúng tôi lại tiếp tục đi vào huấn luyện. Ngoài những giờ lý thuyết giảng dạy ở trong nhà, thời gian còn lại chúng tôi xuống đồi và tập luyện ở các khu đất trống kế cận các con đường trong Thị Trấn. Về ăn uống của khóa sinh cũng như tình trạng chung tại Yên Bái và Lào Kay đều rất hạn chế, thiếu thốn, cơm thường ăn độn, món canh su su là chính yếu. Do đó, chúng tôi không đủ sức để tập luyện những môn về chiến thuật. Thông cảm với hoàn cảnh, đôi khi vào các giờ giải lao, các giáo quan Nhật cho phép chúng tôi vào khu vực trồng đào, hái quả ăn cho đỡ đói. Sapa trồng rất nhiều đào, không những ở vườn mà ngay cả hai bên đường. Vào mùa hoa nở thật là đẹp.



Cảnh đẹp núi rừng Lào Cai (Lào Kay)

Về ban đêm, thay phiên nhau, chúng tôi phải đi gác ở một cái lô cốt xây từ thời Pháp hay Nhật, trên một ngọn đồi cao chừng 1700 thước, cách Trường không bao xa.

Tại địa điểm này có thể quan sát cả một thung lũng rộng trước mặt. Mục đích xây dựng lô cốt này là để kiểm xoát, ngăn chặn con đường từ Bình Lư tới, và cũng tại đây, chúng tôi đã nhìn thấy rặng núi Hoàng Liên Sơn (Fansipan) cao ngất. Khung cảnh thật là hùng vĩ, đứng gác, súng cầm trong tay, cảm thấy mình thật là nhỏ bé, nhưng tâm hồn lại thật là bao la, rộng mở. Dù rằng có đêm gió lộng từ hướng tây bắc thổi về, cửa sắt lô cốt đập thình thình, lòng lạnh tái tê, thật là cô đơn, nhưng vì lý tưởng ra đi có xá chi gian khổ nhọc nhăn.

Trong thời gian học tập tại Sapa, dù hoàn cảnh thiếu thốn, nhưng được khí hậu tốt nên sức khỏe nói chung không đến nỗi nào. Khóa sinh đều hăng hái vui vẻ học tập, không ta thán điều gì cả, vì đã chấp nhận cuộc sống có lý tưởng. Một buổi sáng trước khi đi tập, giáo quan Nhật bất thần tập họp chúng tôi lại, những người ở chung một phòng, rồi cho hay là ai trong chúng tôi đã bóc gỡ ở chung quanh tường nhà, đem đốt để sưởi. Ông nói ai nếu chịu nhận thì sẽ bỏ qua, nhưng hỏi tới, hỏi lui, cũng không có ai nhận cả. Kết quả ngay sau đó, ông ta ra lệnh tập họp hai hàng dọc, và thứ tự tới trình diện.

Chúng tôi hiểu ngay là ông ta áp dụng kỷ luật bằng tay chân. Rồi liên tiếp thay phiên nhau mỗi người bị một cái tát nên thân. Có anh định né tránh là lãnh ngay môn võ Judo quật nằm ngã chỏng gọng. Có điều là sau khi lãnh cái tát trời giáng lại phải đứng nghiêm chào và nói xin lỗi lần sau không giám làm bậy nữa. Tất cả đâu ba mươi người, trong đó có tôi. Từ trước đến sau, cái tát nào cũng nặng cả. Suốt thời gian học, phải nói là trong chúng tôi, anh nào cũng được lãnh ít nhất một lần môn "Judo".

Kỷ luật được áp dụng theo đường lối huấn luyện của quân đội Nhật. Tuy nhiên, tình cảm của các giáo quan Nhật đối với chúng tội thật sâu đậm. Các ông đã quan tâm đến chúng tôi rất nhiều về mặt tinh thần lẫn vật chất, ra sức huấn luyện chúng tôi trở thành những cán bộ quân sự tài ba hầu giúp nước. Ngược lại, chúng tôi cũng quý mến các ông như người cùng huyết thống vậy vì các ông là những quân nhân có khí phách, bảo toàn danh dự không chịu đầu hàng, không chịu tước bỏ khí giới, đã ở lại VN giúp đỡ chúng tôi chống VMCS, chống thực dân Pháp dành lấy nền Độc lập chân chính hợp với lòng người. Một sự cố xẩy ra làm đau lòng cho QGTNĐ chúng tôi là một buổi sáng khi thức dậy, chúng tôi phát hiện sự thiếu vắng một đoàn viên là anh Vũ ngọc Thủy, anh bị mất tích. Chúng tôi đi tìm lục lọi khắp chung quanh Trường nhưng không thấy, có thể ban đêm Anh đi ra ngoài rồi bị cọp vồ mang đi, vì chung quanh, dưới sườn đồi là rừng cây rậm rạp. Ở đây người dân cho biết là hổ, báo thường về rình mồi, nên sự nghi ngờ của chúng tôi không thể là không xẩy ra.

Về sau, suốt đoạn đường từ Lào Kay tới Phong Thổ, qua Trung Hoa cho tới ngày về nước gặp lại gia đình anh Thủy, cũng chỉ biết là từ ngày anh đi không thấy trở về nữa và coi như đã mất tích. Trong khi chúng tôi đang ở Sapa, tình hình chiến sự tại Yên Bái trở nên sôi động hơn. Thị xã vẫn bị bao vây, tấn công ở ba mặt, trừ phía bắc là con đường huyết mạch đến Lào Kay được bố trí phòng ngự nghiêm mật hơn. hơn nữa khu vực này địa thế rất khó cho lực lượng tấn công.

Xa hơn về hướng bắc, còn có lực lượng của ông Triệu quốc Lộc trấn giữ. Tuy vậy đã có lần VNQDĐ mở cuộc hành quân đánh chiếm mấy xã ở phía nam và đông nam Thị xã để bổ sung lương thực. Các trận đánh qua lại nhiều ngày, kết quả là VMCS bị thiệt hại khá nặng về người và vũ khí. Nhưng tình hình vẫn không thay đổi, VMCS tiếp tục bao vây. Sau cuộc hành quân, VNQDĐ rút về phòng thủ quanh Thị xã. Hàng đêm VMCS phóng loa tuyên truyền kêu gọi ngừng bắn, thực hiện hòa giải, đoàn kết chống xâm lăng, đồng thời viết thư cho liên lạc vào mời cán bộ lãnh đạo VNQDĐ ra ngoài chùa Bạch Lâm bên ngoài Thị xã (khu vực VMCS kiểm xoát) hội đàm. Trước tình hình bi đát về lương thực, bốn bề phong tỏa khó bề giải quyết, nên Chủ nhiệm Tỉnh Đảng Bộ là ông Nguyễn Hải quyết định triệu tập một buổi họp bao gồm các cán bộ lãnh đạo để thảo luận về bức thư của VMCS . Cuối cùng đã đề cử hai ủy viên là ông Thanh Vân (giáo sư Nguyễn văn Mùi) và anh Nguyễn duy Dzị đại diện đi họp với VMCS.

Khi hai ông này lên đường phó hội, dân chúng và cán bộ, đảng viên biết tin, liền ra tiễn rất đông, vì ai cũng nghĩ hai ông ra đi là không có ngày về. Sau khi ký bản thỏa hiệp, hai bên ngừng tranh chấp, mỗi bên ủy nhiệm một số quân để giữ an ninh trật

tự trong Thị xã, về phần VMCS cũng vậy. Sau phần thực hiện giai đoạn đầu, hai bên mở cuộc họp thảo luận tiếp. Trong khi cuộc họp đang tiến hành, VMCS âm thầm cho bộ đội đột nhập vào Thị xã, rồi dùng áp lực uy hiếp VNQDĐ phải thỏa thuận các điều kiện chúng muốn. Các ông đại diện VNQDĐ là Nguyễn Hải, Nguyễn Vĩnh, Thái vĩnh Phúc, Dương tế Dân không chịu. Kết quả là chúng bắt giữ các ông này, sau đó mang đi thủ tiêu mất tích. Riêng anh Nguyễn duy Dzị khôn ngoan dùng kế đầu hàng rồi lẫn về được với lực lượng VNQDĐ đóng ở ngoài Thị xã.

Sau khi bàn thảo, VNQDQ dưới quyền chỉ huy của anh Duy Dzị rút về được tới Lào Kay. Trên đường rút quân, VMCS biết được, vội đuổi theo truy kích nhưng không thành công. Tới Ngòi Hóp, một số VNQDĐ được bố trí ở lại, lập tuyến đầu, còn toàn bộ lực lượng di chuyển lên Bảo Hà cùng đóng quân với lực lượng của ông Triệu quốc Lộc. Còn số phận các cán bộ và dân bị kẹt trong Thị xã, đa số là thanh niên, đã bị VMCS đem đi nơi khác, sống chết không ai được biết.

Yên Bái mất, Lào Kay trở thành mục tiêu cuối cùng của VMCS. Ban lãnh đạo VNQDĐ thừa hiểu là chẳng chóng thì chày, VMCS cũng dốc toàn lực thanh toán cứ điểm cuối cùng của mình, nên ra lệnh chuẩn bị chiến trường đối phó..Cũng vì vậy mà trường Lục Quân, trong một đêm nhận được lệnh di chuyển cấp tốc về tăng cường phòng thủ Lào Kay. Chúng tôi khi rời Sapa đều nghĩ rằng đây là cuộc chiến cuối cùng của Đệ Tam Chiến Khu, trong lúc tình hình rất bất lợi cho VNQDĐ. Tới Lao Kay, Trường lại trú đóng tại trại lính cũ ở bên Thị xã. Các cuộc điều quân, bố trí, phòng thủ trở nên nhộn nhịp hơn. Phố xá, dân cư buôn bán và chợ búa trở nên vắng vẻ dần. Có lẽ họ linh cảm tới chiến trận sắp lan dần tới Thị xã. Việc học tập chỉ có lấy lệ vì khóa sinh được coi là thành phần trừ bị, sẵn sàng ra mặt trận khi có lệnh. Khác với khí hậu ở Sapa, Lào Kay rơi vào những tháng ngày rất oi bức, lại ăn uống thiếu thốn, bừa bãi, nên có một số khóa sinh mắc bệnh, phần lớn là sốt rét. Tôi cũng ở trong số bệnh nhân này, ngày nào cũng bị một cơn sốt dằn vặt, mới đầu là rét run cầm cập, đắp hai, ba cái mền cũng chẳng ăn thua gì, sau đó tới cơn sốt nóng có thể lên tới 40 độ. Sức khỏe của tôi yếu dần, thuốc men lại hiếm, nên con bệnh cứ kéo dài hàng tháng mới chấm dứt. Tiền không có, còn cái áo tốt nào đem bán lấy tiền mua bánh trái ăn cho đỡ thèm và đỡ đói. Người dân ở đây, họ cho biết là có nhiều người miền xuôi lên sinh sống tại đó, nếu không kiêng cử trong việc ăn uống và thiếu thuốc men là chỉ ít ngày mang bệnh bỏ xác luôn. Nước uống lấy nước sông Đầm Thi, còn nước suối có đầy lá han, nước lạnh đến rụng lông chân, nước giếng ảnh hưởng mỏ chì, mỏ kẽm. Chẳng thế dân địa phương có câu vè: "Nước Bảo Hà, Ma Trái Hút", đủ hiểu khí hậu, thời tiết ở đây độc hại như thế nào. Đang bệnh mà ăn bưởi, ăn xoài, ăn quả có chất chua là bị cấm khẩu ngay, hết phương cứu chữa. Bệnh sốt rét đã đeo đuổi tôi từ Lào Kay tới Chiến khu Phong Thổ, cứ lâu lâu lại bị lại. Khi sang tới Vân Nam (Trung Hoa) căn bệnh tự nhiên chấm dứt cho đến tận bây giờ. Những ngày giờ nhàn dỗi, không bị bệnh hành hạ, tôi và vài người bạn đi qua Hồ Kiều (Trung Hoa) ăn phở chua. Không hiểu có ngon không, nhưng lúc đó cảm thấy ngon miệng lắm. Phở gồm bánh khô, tôm, thịt lợn, nửa nạc, nửa mỡ, lạc rang, tưới nước mỡ, vắt chanh ớt rồi trộn lên ăn rất khoái khẩu. Sự qua lại Hồ Kiều rất dễ dàng, lúc đó biên giới hai nước rộng mở, dù hai phía cầu đều có lính

gác lấy lệ, hầu như không kiểm xoát ai cả. Sau này,khi VMCS chiếm đóng Lào Kay thì sự qua lại bị kiểm xoát rất nghiêm ngặt.

Việc gì phải tới, rồi cũng tới. VMCS sau khi dùng thủ đoạn lừa bịp: Đoàn kết, Hòa giải, bất thần đem quân chiếm Yên Bái xong, lại khởi sự tập trung quân các nơi, chuẩn bị tấn công Lào Kay từ hai mặt: phía Nam tấn công dọc Quốc lộ 1 và thiết lộ Yên Bái-Lào Kay thuộc tả ngạn sông Hồng. Bên hữu ngạn từ Tỉnh lộ Yên Bái-Nghĩa lộ, chúng tấn công xã Yên bình để tới phía nam Cốc lếu dưới chân núi Sapa. Cuộc chạm súng xẩy ra được ít ngày, bộ phận tiền tiêu đóng ở Ngòi Hóp chịu không nổi phải rút về Bảo Hà. Khai thác thắng lợi, chúng truy kích tới cửa ngõ Bảo Hà, đánh chiếm làng Bùn ở kế cận. Quân của ông Triệu quốc Lộc và ông Vương các Đạo đóng giữ ở Bảo Hà có mấy lần phản công nhưng thất bại. Được tin báo, Tư lệnh Quân vụ Bộ do ông Vũ hồng Khanh đảm trách ra lệnh điều động khóa sinh trường Lục Quân đi giải tỏa làng Bùn. Khi đó tôi đang bệnh nên không có tham dự. Dưới sự chỉ huy của các giáo quan Nhật, nhà trường xử dụng tàu hỏa di chuyển quân tới Trái Hút mới ngừng lại. Sau khi phối hợp với lực lượng tại chỗ, các giáo quan Nhật ra lệnh tấn công lấy lại làng Bùn vào lúc gần sáng. Đội hình tấn công gồm hai mũi. Một mũi tiến dọc theo đường xe lửa, mũi thứ hai ở phía trái cách khoảng 300 thước. Trời còn tối, địch khó quan sát nên hai cánh quân tiến khá dễ dàng. Khi tới sát làng Bùn, cánh quân đụng con suối chảy ngang. Suối không rộng lắm, nước chảy cũng không siết. Đang chuẩn bị đội hình để lội qua, thì trời vừa sáng, do đó địch ở bên kia bờ quan sát thấy, liền nổ súng. Sau một hồi trả đũa, giáo quan Nhật ra lệnh xung phong vượt qua suối có cây cầu bắt ngang. Cánh quân phía trái, một số vượt được qua, còn cánh quân ở đường sắt bị địch bắn rát quá không vượt qua nổi. Trận chiến diễn ra khá lâu, hai cánh quân không tiến lên được, nằm chịu trận chờ cơ hội thuận lợi. Nhưng rồi VMCS tăng cường lực lượng cả về quân số lẫn hỏa lực phản công ác liệt. Thấy ở thế bất lợi, nếu chiến đấu càng lâu thì thiệt hại càng tăng về nhân mạng, nhất là cánh quân phía cây cầu sắt. Một khóa sinh bị tử thương là anh Đức và vài anh nữa bị thương, nên các giáo quan Nhật ra lệnh rút lui. Dĩ nhiên là khi tấn công đã khó, lúc rút lui lại càng khó hơn nhiều, nhất là địa thế tại đó khá trống trải, có con suối ngăn trở, không thích hợp cho việc tấn công ban ngày. Nếu tính toán sát hơn, mà cho tấn công vào nửa đêm có thể đã thành công. Do đó khi rút lui phải khó khăn lắm mới rút về được, nhất là toán đã qua suối, kết cục lại thêm vài anh nữa bị thương, trong đó có anh Việt, Cơ trưởng QGTNĐ bị thương nhẹ ở bụng.

C. Chiến Đấu Trong Chiến Khu Việt Nam Quốc Dân Đảng (Bài 18)

Tại Trường, buổi trưa chúng tôi nghe tin thất trận, có người chết, có người bị thương. Tôi lo lắng không hiểu trong QGTNĐ có ai bị nạn không. Khoảng xế chiều, đoàn quân về tới trại và mang theo xác anh Đức vào quàn tại nhà đợi mai táng. Các anh khác bị thương được đưa qua bệnh viện săn sóc. Cái chết của anh Đức, cả Trường đều thương tiếc, vì anh không những là một khóa sinh xuất sắc mà còn là một chiến sĩ văn nghệ. Các bạn trong Trường thường gọi anh dưới cái tên "Đức Bô Vê" vì anh ở đường Bô Vê, Hà Nội. Trong thời còn là học sinh, anh được xếp vào loại ngang tàng, học sinh ai cũng nể vì. Trước mấy hôm ra trận, trong đêm diễn kịch, anh thủ vai "Trần Bình Trọng" trong vở tuồng "Hận thiên trường" do chính

anh sáng tác và đạo diễn rất xuất sắc, được khán giả nhiệt liệt hoan nghênh. Do đó, khi anh bị tử thương, ai cũng cho là điềm báo trước. Buổi tối hôm đó, trong giờ sinh hoạt kiểm điểm trận đánh, các giáo quan Nhật đã tỏ ra rất nóng giận, cho rằng các khóa sinh đã chiến đấu không hết mình, vì vậy ông Dân (Phó Hiệu trưởng) ra lệnh làm lại. Nhưng sau đó, không hiểu vì lý do gì đã hủy bỏ lệnh này. Phải chăng các vị giáo quan đã nhận thấy sự lo lắng, ưu tư trong chúng tôi, khi mà chiếc quan tài anh Đức còn để lù lù trong phòng chưa chôn.

Quả vậy, chúng tôi đã nhìn thấy rõ sự chiến bại đã gần kề, cần phải có một lối thoát khả dĩ bảo toàn được lực lượng cho các trận đánh về sau, nhất là cố thủ trong một hoàn cảnh quá bất lợi, lương thực thiếu thốn, kinh tế bị bao vây khắp mặt, đạn dược cạn dần, số bệnh binh và thương binh càng ngày, càng nhiều. Ảnh hưởng chính trị không còn, kể cả trong nước lẫn ngoài nước, đặc biệt Trung Hoa Quốc Dân Đảng, người bạn cùng lý tưởng cũng làm ngơ không giúp đỡ gì cả. Nói chung là tinh thần chiến đấu không còn được cao như một vài tháng trước, khi Đệ Tam Chiến Khu còn vẹn toàn. Tình hình chiến trận sau trận đánh làng Bùn, VMCS thừa thắng tấn công Bảo Hà và xã Yên Bình. Ở đây, lực lượng của ông Triệu quốc Lộc và Vương các Đạo đã chịu được nhiều ngày, nhờ có địa thế hiểm trở, khó tấn công. Phía nam Sapa và phía đông là Bản Lầu, Bản Phiệt, tình hình không đến nỗi tệ vì cả hai khu vực này, lực lượng VMCS tương đối ít hơn, vả lại phải qua sông, qua suối, qua rừng cây rậm rạp khó di chuyển. Trong thời gian chiến trận tương đối lắng dịu, Trường đã không bị điều động ra trận nữa. Nhiều anh em chúng tôi ngã bệnh nằm đầy phòng. QGTNĐ có anh Tiến (em ông Phan Trâm tức Bác sĩ Nguyễn tiến Hỷ, sau này là một trong lãnh tụ QDĐ) đã chết tại bệnh viện sau những ngày bệnh nặng vì sốt rét rừng (thương hàn) , anh Hòa (Nghĩa bộ đội trưởng) đã họa một bức hình bán thân lúc anh mất. Khi mang về cho chúng tôi coi thì không còn nhận được chính khuôn mặt của Anh nữa. Anh Tiến là một lực sĩ của QGTNĐ, chỉ bị bệnh có ít ngày ở Lào Kay là qua đời. Số đoàn viên QGTNĐ bớt dần, trong đó có anh Lưu đình Đôn, Bùi xuân Hiến, Nguyễn văn Đẩu, anh Thủy mất tích, anh Hương bị thương phải nằm lại ở Phú Thọ v.v..Sau này khi rời khỏi Lào Kay thì QGTNĐ không còn tụ thành một khối nữa. Số còn lại bị phân tán vào các đơn vị VNQDQ hoặc có người bỏ sang Hồ Kiều, hoặc về Hà Nội, hoặc bị bệnh nằm lại dọc đường trên đường rút khỏi Lào Kay, có anh Linh bị thương ở đầu nằm ở Bệnh viện. Khi rút thì đi theo đoàn Y sĩ do anh Thế (sinh viên năm thứ tư Y Khoa Hà Nội) thuộc Lục Quân Yên Báy khóa A. Tới Trịnh Tường, anh Thế tách ra đi về phía Miến Điện không rút sang Trung Hoa. Anh Linh bệnh quá được anh Phạm Quân dìu đi không nổi, đành nằm lại Trịnh Tường rồi bị VMCS bắt giam tại đây gồm có cả anh Tự, anh Giáp. Ngoài ra cũng có một số anh thuộc Lục Quân khóa A và B, một số là đảng viên Đại Việt QDĐ. Triệu việt Hưng được coi như người thân cận nhất của ông Vũ hồng Khanh khi còn hoạt động ở bên Vân Nam (Trung Hoa) Triệu Việt Hưng cách hành xử cũng giống như ông Vũ, nên đa số đảng viên không mấy ưa thích. Trong thời gian lãnh đạo Tỉnh Đảng Bộ Lào Kay, ông ta bị dư luận về những chuyện kinh tài, cá nhân và giao du bất chính với một nữ cán bộ đảng viên phụ trách về y tế ở Bệnh viện Lào Kay là bà Lê. Bà này trong trận đánh ở Hồi Luông (Lai Châu) đã bị Pháp quân bắt sống trong khi đang công tác tại đó, sống chết ra sao không rõ.

Trở lại trận chiến chung quanh vòng đai Thị xã Lào Kay, sau một thời gian củng cố lực lượng và được tăng viện thêm, VMCS quyết định tấn công dứt điểm, vì lúc đó ở Hà Nội tình hình thỏa hiệp giữa Pháp và VMCS rất căng thẳng, gần như đi đến chỗ đổ vỡ hoàn toàn. Dân chúng đã tản cư hầu hết về các làng xã. Các cơ quan chính quyền cũng bí mật dời một phần ra khỏi Hà Nội về các nơi thuộc Tỉnh Hà Đông ở về phía tây bắc Hà Nội theo hướng đi Hòa Bình. Do đó, VMCS tấn công Lào Kay rất mạnh cả ba mặt. Các vũ khí nặng được mang ra xử dụng, dàn súng cối 60 ly và 80 ly không ngớt rót vào các vị trí đóng quân của VNQDĐ. Chống cự đâu được hai, ba ngày thì lực lượng ở xã Yên Bình và Bảo Hà phải rút về Trái Hút và Phố Lu (nơi này trước kia khi Yên Bái chưa mất, là địa điểm sòng bạc do người Trung Hoa đứng ra tổ chức). Người Tàu và người địa phương đến đánh bạc rất đông nên Tỉnh Đảng Bộ nhờ vậy đã có một số tiền do thu thuế để chi dùng mọi việc. Nhưng từ khi Yên Bái mất thì sòng bạc đóng cửa, vì tình hình an ninh, dân chúng không đến chơi nữa. Cũng vì sự đóng cửa sòng bạc này mà nguồn lợi về tài chính bị thu hẹp lại nhiều. Về kinh tế cũng vậy, mặt trận càng thu hẹp chung quanh Lào Kay, nên cũng rơi vào tình trạng như Yên Bái, cán bộ, đảng viên cũng như dân chúng phải ăn ngô, ăn sắn để trừ cơm.

Ở cửa ngõ phía bắc nối liền với Hồ Kiều (Trung Hoa) dân chúng cũng sống trong cảnh nghèo nàn. Còn muốn mua gạo, thuốc men, súng đạn thì phải có tiền, cho nên Bộ Chỉ Huy Quân Vụ Bộ và các anh lãnh đạo cao cấp có ý định rút bỏ Lào Kay vào khu vực Phong Thổ ở phía Tây cách khoảng sáu, bảy ngày đường, do giao thông rất khó khăn, có nơi phải vượt qua rừng núi cao. Trận chiến càng ngày càng ác liệt, ở phía nam VMCS đột nhập Phố Lu, rồi Thái Niên, chuẩn bị tấn công Phố Mới. Nơi này chỉ cách Thị xã hai cây số. Tại phía tây nam, sau khi Bảo Hà và Yên Bình mất, VMCS đánh chiếm Sapa. Ở đây một số cán bộ bị VMCS bắt và hành quyết rất dã man. Về phía đông trên đường đi Hà Giang, Bắc Cạn, VMCS cũng tiến vào Bản Lầu, Bản Phiệt. Tình hình đã tới lúc như trứng để đầu đẳng, hàng ngày tiếng súng vọng về càng rõ. Bộ Chỉ Huy quyết định rời bỏ Lào Kay. Trước một ngày, thương bệnh binh được đưa qua Hồ Kiều và tạm trú tại nhà một đồng chí đã sinh sống ở đó từ lâu (ông Lỳ xuân Lâm) một số cán bộ được phép đi theo để trông nom, nuôi dưỡng. Lợi dụng dịp này đã có một số cán bộ, đảng viên bỏ trốn theo. Ngoài ra cũng có một số cán bộ và khóa sinh bỏ trốn về Hà Nội. Anh Hòa, Nghĩa bộ đội trưởng của QGTNĐ, khi VNQDĐ rút khỏi Lào Kay, tôi không còn nhìn thấy anh nữa, ở chiến khu Phòng Thô cũng như ở bên Vân Nam và sau cùng ở trong nước. Tôi cho là hoặc đã chết hoặc bỏ chạy rồi bị VMCS bắt thủ tiêu, hoặc đầu hàng CS ?!

Theo anh Quân và Linh thì có thấy anh Hòa khi VMCS bắt giải về giam ở Yên Bái, khi dẫn qua Lào Kay thì thấy anh Hòa đang vẽ trên tường phòng Thông tin của VMCS, nhưng không giám nhận nhau. Có lẽ anh Hòa bị bắt và được xử dụng tài năng mỹ thuật để phục vụ cho chúng vì khi đó họa sĩ rất hiếm. Trong những giờ phút cuối cùng của Lào Kay, đã xẩy ra một sự việc rất đau lòng là ban Lãnh đạo Quân Vụ Bộ do ông Vũ đứng đầu đã bắt và xử bắn tại cầu Cốc Lếu toàn bộ giáo quan Nhật của trường Lục Quân Yên Bái và trường Xứ Nhu, trừ có ông Hùng (vào những ngày chót đã không còn giữ chức Hiệu trưởng) là thoát nạn. Ông này sau

đó, bỏ sang Trung Hoa, rồi tìm đường về nước. Có tin là trước khi xử bắn, các ông đã xin cho một phút để cùng hướng về phía Đông làm lễ cúi chào vĩnh biệt nước Nhật. Vụ này xẩy ra như chúng tôi biết, từ khi trường Lục Quân Yên Bái rời lên Sapa, rồi trở lại Lào Kay, các giáo quan Nhật đã đề nghị với ông Vũ đem một phần lớn lực lượng và khóa sinh trường vào chiếm lấy Phong Thổ, tạo thành một chiến khu vững chắc, tổ chức, huấn luyện cho thật chu đáo, đợi thời cơ, hoặc là đưa tất cả Trường và một số cán bộ có khả năng qua Trung Hoa, rồi xin chính quyền sở tại cho nhập vào trường võ bị để trong tương lai sẽ trở thành những cán bộ xuất sắc trở về nước hoạt động khi thời cơ tới. Kế hoạch này, hình như không được ông Vũ chấp thuận, mà sau đó lại thực hiện khi tình hình đã quá muộn. Các khóa sinh sau này đưa ra chiến đấu ở Bảo Hà, một phần vì đau yếu, một phần bỏ trốn, phần còn lại phân tán ra các đơn vị khác. Trường Lục Quân coi như tan rã.

Cuối cùng là các giáo quan Nhật bị mang ra xử bắn rồi cho vào bao tải ném xuống sông Hồng. Theo một số cán bộ cho biết, các giáo quan Nhật dưới sự chỉ huy của ông Dân (thay ông Hùng làm Hiệu trưởng) đã cùng nhau định cấu kết với VMCS, rồi đem một số khóa sinh ra đầu hàng. Được tin, Quân Vụ Bộ đã cho người tới khám xét và tìm thấy tài liệu và cờ của VMCS trong hành lý của các ông. Do chứng cớ trên, mà ông Vũ ra lệnh thủ tiêu. Chuyện này hư thực ra sao chỉ có ông Vũ và các ủy viên Quân Vụ Bộ ở Lào Kay biết mà thôi. Ngoài ra tôi dược biết trường Lục Quân là do lãnh tụ QDĐ tổ chức và thành lập. Khi sống ở Côn Minh (thủ phủ Vân Nam) tôi có hỏi ông Xuân Tùng (Ủy viên Tổ chức Trung Ương Đảng) và ông Hoàng Tường (ủy viên Kinh tế Tỉnh Việt Trì) về vụ đó, các ông cũng không biết. Theo tôi nghĩ, hai sự việc trên có thể xẩy ra, nên ông Hùng (Hiệu trưởng) không muốn dính dáng tới, nên đã xin thôi chức vị Hiệu trưởng, còn các giáo quan Nhật đã thấy rõ sự thất bại của VNQDĐ nên tìm đường ra đi, nhưng không trở về Nhật. Về phía khóa sinh cũng không thống nhất lắm. Trong Trường có ba thành phần: ĐVQDĐ, VNQDĐ và QGTNĐ, mà khóa sinh Đại Việt lại bất bình với cấp lãnh đạo VNQDĐ, vì trong Đệ Tam Chiến Khu, cán bộ, đảng viên, phần lớn nếu không nói là hầu hết thuộc VNQDĐ. Sự lục đục kéo dài sang tận Côn Minh (Trung Hoa) và sau cùng ở trong nước.

A – Trên đường vào Chiến Khu Phòng Thô qua biên giới Trung Hoa (19)

Sau khi thanh toán xong vụ giáo quan Nhật thì toàn bộ lực lượng rút khỏi Thị xã vào quá nửa đêm. Ngày đó thuộc vào trung tuần tháng 11/1946.

Từng bộ phận theo kế hoạch, đoàn quân rút theo ngã Bát Xát, Trịnh Tường và Mường Hum. Quốc Gia Thanh Niên Đoàn (QGTNĐ) gồm các anh Nguyễn sĩ Hồng, Mai ngọc Bảo, Trương khánh Tạo, Nguyễn Đại và tôi cùng đi trong những người ốm yếu (những người bệnh nặng và bị thương mới được chuyển qua Hồ Kiều). Đêm đó trời cũng không trăng sao, thời tiết ở vào cuối Thu, về đêm đã trở lạnh.

Chúng tôi âm thầm lặng lẽ theo đoàn quân, mà trong đầu óc mọi người đều có những suy nghĩ riêng tư, nhưng tựu chung đều cảm thấy ngày mai đầy chông gai. Gần sáng thì đoàn quân tới Bản Kim, cách Lào Kay chừng mười cây số. Bản này

nằm ở trong một thung lũng hẹp, phía bắc giáp sông Hồng, phía nam là dãy núi cao chạy dài từ Cốc Lếu tới Bát Xát, Trịnh Tường ở phía tây.



Địa thế Dền Sáng-Mường Hum (ảnh Google)

Dân cư thuộc sắc tộc thiểu số người Nhắng. Nghe tên gọi thì cứ tưởng là mọi rợ, nhưng thực tế họ là những người khá văn minh và đẹp đẽ. Không khác gì người Thổ (Tày), họ nói tiếng Kinh rất thông thạo. Về ăn mặc thì quần áo nhuộm chàm và có thêu hoa nếu là đàn bà, con gái. Sinh hoạt hàng ngày của họ rất bình thường, không có mấy ảnh hưởng về chính trị. Họ tỏ ra thờ ơ lãnh đạm khi thấy chúng tôi tới. Có chăng là mấy ông "Sá phải" như đại diện Xã, Lý trưởng của ta, đứng ra liên lạc, tiếp súc với Chính quyền để nhận chỉ thị thôi. Nghỉ ngơi vài tiếng đồng hồ, đoàn quân lại tiếp tục tiến vào Bát Xát.

Như kế hoạch đã định, phần lớn lực lượng khi tới Bát Xát thì rẽ vào Mường Hum để tiến vào Phòng Thô, số còn lại kể cả những người ốm yếu thì tạm ngừng ở Bát Xát. Cánh quân tiến vào Phòng Thô, mà chủ lực là người Thổ (Tày) dưới quyền chỉ huy của các ông Triệu quốc Lộc, Hoàng văn Đạt, Phạm đức Nghi, còn người Kinh thì đặt dưới quyền chỉ huy của ông Nguyễn duy Dzị. Đêm đó, chúng tôi vào nghỉ trong đồn Bát Xát. Đồn này được xây cất từ thời Pháp thuộc nên nhà cửa, doanh trại rộng rãi, ngăn nắp. Nằm trên một khu đất cao cạnh sông Hồng, mà bên kia sông thuộc lãnh thổ Trung Hoa. Ở bên đó cũng có một đồn mang tên là Bát Xát Tàu. Còn đồn Bát Xát Tây thì án ngữ ngã ba đường Lào Kay-Trịnh Tường-Mường Hum. Người Chỉ huy Đồn lúc đó là anh Hoàng văn Tín (Hạ Sĩ Quan Quân đội Pháp theo VNQDĐ).

Sáng ngày hôm sau thì có lệnh toán quân còn lại tiếp tục đi vào Mường Hum, nhưng di chuyển được vài cây số, trên con đường mà hai bên là núi cao, thì chúng tôi bị phục kích và bị chặn lại. Toán tiên phong chống cự được một lúc rồi đành phải rút trở lại Bát Xát. Trong anh em chúng tôi, anh Tạo chẳng may trúng đạn vào mông. Sở dĩ VMCS có mặt ở đó là do chúng từ Sapa (bị chiếm đóng trước đó ít lâu) đổ xuống chiếm Mường Hum. Cánh quân ông Triệu quốc Lộc đi qua vì chúng chưa kịp tới.

Chúng tôi trở lại đồn Bát Xát nghỉ mấy ngày, rồi sau đó được lệnh di chuyển đi Trịnh Tường. Mấy ngày tại đồn, có vài khóa sinh trường Lục Quân Yên Bái bị bệnh nặng và qua đời. QGTNĐ có anh Đại, Lục Quân Yên Bái có một anh tôi không nhớ

tên, hình như thuộc gia đình họ Cự, có danh tiếng buôn bán ở Hà Nội. Anh Đại khi chết, tôi nằm gần chỗ anh, nhưng chẳng có cách nào để cứu chữa được, trong hoàn cảnh thiếu thốn, thức ăn tẩm bổ cũng không. Anh bị sốt nặng rồi chết lịm đi trong đêm. Mặt anh tím và sưng vù lên vì muỗi đốt. Khi đi, chúng tôi cũng chẳng khỏe khoắn gì hơn, chỉ may mắn là cơn sốt rét chưa nổi dậy. Đã có kế hoạch rút bỏ Lào Kay, nên duy trì đồn Bát Xát là vô ích, vả lại VMCS đã chiếm Mường Hum, trước sau chúng cũng tấn công đồn.

Con đường vào Phòng Thô qua Mường Hum đã bị ngăn chặn, nên Bộ Chỉ Huy Quân vụ bộ phải tính tới lối khác để vào Phòng Thô. Cũng chỉ vì di chuyển trên lộ trình mới, nên tình cảnh của đoàn người rút lui còn bị nguy hiểm, gian nan, chết chóc nhiều hơn. Lộ trình Bát Xát Trịnh Tường tương đối còn dễ đi, nhưng từ Trịnh Tường tới Y Tí, rồi biên giới Trung Hoa thì chỉ là những con đường mòn, là dãy núi cao chót vót chạy dài từ Mường Hum Bát Xát tới biên giới rồi nhập vào núi Cấm ở trong biên giới Trung Hoa. Do đó, chúng tôi không thể vượt qua để vào Phòng Thô được mà phải đi vòng sâu vào lãnh thổ Trung Hoa. Vấn đề đi qua Trung hoa, Bộ Chỉ Huy đã can thiệp nên không bị ngăn chặn ngay tại biên giới, nhưng cũng gặp nhiều chuyện cướp bóc ở dọc đường bởi những tên thổ phỉ địa phương. Rời Bát Xát trong đêm tối, đường trải đá lởm chởm khó đi. Anh Tạo, lúc khởi hành, tưởng đã phải ở lại đồn vì vết thương chưa lành. Nhưng vào giờ chót, Bộ Chỉ Huy đã cảm thông cho mượn con ngựa của ông Triệu Việt Hưng.

Anh Tạo ngồi trên lưng ngựa, tôi dắt ngựa, bước thấp, bước cao, nhiều lúc muốn ngã té ngửa. Tuy không phải đi bộ, nhưng ngồi trên lưng ngựa với vết thương ở mông, nhiều lúc cũng làm cho anh đau đớn vô cùng, nhưng với đức tính gan lì, anh cắn răng chịu đựng. Qua một đêm, một ngày thì chúng tôi tới được Trịnh Tường bình an, sau nhiều vất vả ở dọc đường. Cũng từ đây trở đi, đội hình di chuyển không còn duy trì được nữa, mạnh ai người nấy đi và dĩ nhiên là những người ốm yếu, bệnh hoạn thường lê lết tới sau. Chẳng may có chuyện gì xẩy ra ở dọc đường không còn ai cứu giúp nữa..

Trịnh Tường là một Châu (gần như một Quận, Huyện ở dưới đồng bằng). Tuy vậy dân cư cũng không lấy gì làm đông lắm. Họ là người Nhắng, người Xạ Phang (người Tàu sống ở biên giới) sinh sống về nghề dệt vải và trồng trọt, kể cả trồng cây thuốc phiện. Địa thế ở đây hoàn toàn là rừng núi, đường đi thật là khó khăn, hiểm trở, nên VMCS cũng chẳng quan tâm đánh chiếm làm gì, hơn nữa lại quá xa Thị xã Lào Kay. Chúng thừa hiểu là VNQDĐ đã yếu thế, sớm muộn gì cũng phải tan rã, hoặc chạy sang Trung Hoa. Do đó, chúng tôi được nghỉ dưỡng sức ở Trịnh Tường lâu ngày hơn để chuẩn bị tiến tới Y Tí. Một Bản gần biên giới. Được nghỉ ngơi, ăn uống đầy đủ, nên chúng tôi lấy lại sức khỏe một phần nào, nhất là anh Tạo lại bị thương. Nếu không, chúng tôi đã không đủ sức để vượt qua đoạn đường dài đầy cam go sau đó.

Nhưng rồi ngày lên đường cũng phải tới, vì lực lượng vào đánh chiếm Phòng Thô của ông Triệu quốc Lộc và Nguyễn duy Dzị đang cần sự có mặt của Bộ Chỉ Huy Quân Vụ Bộ. Khi lên dường có một số bị bệnh phải ở lại đi sau, trong đó có anh

Tạo vì vết thương chưa lành hẳn. Ra khỏi Trịnh Tường chẳng được bao xa, thì đoàn quân có người bệnh đã rơi rớt dọc đường, trong đó có tôi.

Tôi đã lên cơn sốt rét, có lẽ trước khi đi đã dùng cơm với thịt heo, rồi uống nước suối. Cơn sốt hành hạ từ rét qua sốt nóng, nhiều lúc quá mệt, tôi đã phải nằm lăn ra bên lề đường mặc cho tới đâu thì tới. Nhưng rồi trước cái chết, sự ham sống lại vùng lên. Tôi nghĩ còn trẻ, tôi phải sống, chứ không thể chết một cách âm thầm trong cái cảnh rừng núi âm u này được. Phải sống để tiếp tục chiến đấu, nếu có chết thì cũng phải chết cho vinh quang, xứng đáng nơi chiến trường. Với ý chí và quyết tâm phải đi tới đích, tôi cắn răng chịu đựng sự mệt mỏi, lê bước trên con đường rừng vắng vẻ, sương chiều đã phủ lấy ngàn cây. Một sự im lặng ghê rợn, ngoài tiếng nước suối chảy róc rách bên đường. Đến chừng 8 hoặc 9 giờ tối thì tôi tới nơi đóng quân ở một Bản nhỏ, gồm năm ba căn nhà tường đất, lợp rạ của người Mèo. Sắc dân này thường ở trên núi cao, vì thế mà đường đi càng lên cao, trời về khuya càng lạnh.

Khi tôi tới thì mọi người đã ăn uống xong xuôi và đi nghỉ, còn tôi thì mệt quá, bỏ cơm nắm ra ăn tạm với muối, rồi lăn ra ngủ như chết. Ngày hôm sau, chúng tôi dậy rất sớm, nấu cơm để lên đường đi Y Tí cho kịp trước khi trời tối, vì đoạn đường khá dài, nếu không sẽ ngủ ở giữa rừng. Ngày ở biên khu rất ngắn, nhất là vào những tháng cuối năm. Khởi hành quá sớm nên trời còn tối đen như mực, sương xuống như mưa, cảnh vật thật lặng lẽ và buồn nản. Chúng tôi âm thầm dấn bước trên con đường nhỏ hẹp, hai bên là rừng cây cao bát ngát. Sau một đêm ngủ ngon giấc, tôi đã lấy lại sức khỏe nên không đến nỗi đi lẹt đẹt phía sau. Con đường tuy nhỏ hẹp, qua đèo, qua suối, nhưng là con đường độc đạo, nên không bị lạc. Càng gần tới Y Tí thì địa thế càng lên cao.

Cái lạnh của rừng núi thấm vào thân thể như dao cắt. Khi đó, chúng tôi, quần áo chẳng còn đáng giá nữa để chống lạnh, khi ở Trịnh Tường ra đi, tôi đã xin được ở bệnh xá một tấm bông dày để đệm ở ngực. Những áo quần tốt lành, chúng tôi đã đem bán hết ở Lào Kay để lấy tiền mua thức ăn bồi dưỡng khi có bệnh. Vào lúc chạng vạng tối, màn đêm đã bắt đầu hạ xuống, thì chúng tôi tới Y Tí. Nơi đây nhà cửa tương đối còn nhiều hơn, nên chúng tôi còn có chỗ để ngủ nhờ dân cư cũng là người Mèo, họ tỏ ra không mấy thân thiện với chúng tôi. Tuy nhiên với lực lượng đông đảo và võ trang nên họ phải chịu tiếp đó thôi. Sau này ở Chiến khu Phòng Thô, người Mèo đã theo Pháp chống lại chúng tôi. Nhà cửa của họ ba mặt đều xây kín mít, chỉ có một mặt để hở một lối vào rất nhỏ. Vào tới trong phải đứng một lúc mới thấy rõ đồ vật để ở trong nhà.

Thông thường có một bếp lửa, củi cháy liu riu, phía trên để một giá bằng tre dùng để sấy thịt heo, hoặc thú rừng mà họ đánh bẫy được. Quần áo của họ cũng nhuộm chàm, ăn mặc cũn cỡn hở cả bụng, miệng luôn phì phào tẩu thuốc dài. Sắc dân này thường ở trên núi cao, cách biệt với các sắc dân khác sống ở dưới thấp như Mán, Lô Lô, U Lý, Yao, còn người Thổ, Thái, Nhắng thì ở gần người Kinh hơn. Người Mèo ở Bắc Việt có lẽ lạc hậu hơn cả và đời sống của họ rất thấp kém. Bản Y Tí cách biên giới Trung-Việt nửa ngày đường. Đối với người Kinh, qua lại biên giới thì khó, chứ đối với họ thì không có biên giới nào cả. Họ đi qua, đi lại như một nhà,

vì hai bên biên giới đều có người Mèo sinh sống. Chính vì chỗ đó mà chúng tôi tới đâu họ cũng thông báo cho nhau hay để phục kích hoặc trốn tránh. Lại một đêm trôi qua, chúng tôi chuẩn bị vượt qua biên giới. Núi rừng Cấm cao vời vợi, nằm án ngữ về hướng tây, chạy dài vào trong nội địa Trung Hoa. Như dự tính, vào khoảng trưa thì đoàn quân đặt chân lên đất Trung Hoa.

Thực ra thì cũng chẳng có dấu vết gì đánh dấu ranh giới hai nước, mà chỉ là một con suối chảy ngăn cách hai dãy đồi núi mà thôi. Tôi biết được là do một cán bộ VNQDĐ đã từng hoạt động qua lại khu vực này cho hay. Thú thật lúc đó tôi chẳng có cảm nghĩ gì cả, mà chỉ mong cho đoạn đường ngắn lại để chóng trở về căn cứ địa Phòng Thô. Đoàn quân qua biên giới đã không gặp trở ngại bởi lực lượng biên phòng của Trung Hoa, cũng như dân quân tại địa phương, vì Bộ Chỉ Huy đã có liên lạc và được phép của cấp chỉ huy địa phương. Trong nội địa Trung Hoa cũng không khác gì hơn trong biên giới VN. Vẫn là rừng núi cao và loáng thoáng năm ba căn nhà của người Mèo ẩn hiện trong rừng cây.

Thời tiết, khí hậu cũng trở nên ẩm thấp và lạnh giá hơn. Đường đi vẫn lượn quanh các đồi núi cao và suối sâu. Trời lất phất mưa lại càng làm cho đường thêm trơn trợt khó đi. Nón, áo mưa thiếu, quần áo ướt sủng lại càng thêm buốt lạnh. Đường dài, ướt lạnh, đói khiến sức khỏe chúng tôi (mấy anh em QGTNĐ gồm các anh Hồng, Bảo, Nghĩa và tôi) càng sút kém đi nhiều, nhưng may là cơn sốt rét đã không xẩy ra. Vào buổi chiều gần tối, thì đoàn quân tới một Bản sắc dân Xạ Phang. Trời vẫn mưa phùn và lạnh lẽo. Vì là đất nước người, nên họ không cho chúng tôi vào ngủ trong Bản. Do đó, chúng tôi phải dựng lều ở ngoài trời để tạm trú qua đêm. Lều chỉ là hai tấm mền căng trên mấy cây cọc. Trời thì mưa rả rích suốt đêm, nên chúng tôi đành ngồi bó gối, đợi cho đêm chóng tàn. Mưa gió, ướt sủng nên chẳng nấu nướng được gì cả. Còn ít cơm nắm để dành rồi cũng phải mang ra ăn nốt vì bụng đói như cào. Trời vừa rạng sáng, đoàn quân lại tiếp tục lên đường giữa trời mưa chưa ngớt. Trời thì lạnh, bụng thì đói, chúng tôi chẳng còn con đường nào khác là cắn răng chịu đựng. Lộ trình vẫn không kém phần gian nan khổ cực. Trời thì lúc mưa, lúc tạnh rất khó chịu. Chúng tôi đi theo sườn núi rừng Cấm vòng về hướng tây bắc, với cảnh vật, rừng cây bát ngát, suối chảy róc rách, chim kêu vượn hú, thật âm u vắng vẻ. Cảnh rút lui trong mấy ngày đường, đã diễn ra thật gian khổ và chết chóc.

Ngày đi, đêm nghỉ, mà lại ngủ ở ngoài trời vì dân không cho vào nhà. Trời mưa lạnh, nấu nướng nửa sống, nửa chín, rồi cũng phải ăn để mà sống. May mắn là khi đó trời còn thương nên chúng tôi không ai bị thương, bị bệnh cả, mặc dù thân hình còm cõi thiếu ăn. Những ai khỏe mạnh thì đi trước, những người yếu thì theo sau. Cũng vì vậy, mà có một số người bị bệnh nằm gục bên đường. Ai gượng được thì tiếp tục đi, còn không thì chịu chết. Chúng tôi, mấy anh em QGTNĐ cũng không hơn gì, nhiều lúc vì mệt, vì đói cũng phải nằm lăn ra bên đường thở dốc. Không có ý chí, quyết tâm cao thì không sao vượt qua nổi, nhất là chúng tôi còn trẻ mới ra đời chưa nhiều kinh nghiệm, mà duy nhất chỉ có một tấm lòng ra đi vì sông núi, vì tổ quốc. Phải nói rằng lúc đó sự hiểu biết về chủ nghĩa CS, về con người CS chưa được bao nhiêu. Nhưng với những hành động, chủ chương thực tế của VMCS trước

mắt đã khiến chúng tôi đứng về phía những người cách mạng Quốc Gia và chống lại họ rất quyết liệt.

Trên lộ trình đi, tôi đã thấy những người bạn cùng chiến đấu chết gục bên bờ suối, hay cùng ôm nhau chết trong một lùm cây. Thật vô cùng đau đớn cho một đoàn quân chiến bại rút chạy trong cảnh hỗn loạn. Ngoài cái chết vì bệnh, vì đói rét, chúng tôi những người rơi rớt đằng sau, còn bị cái nạn những tên thổ phỉ địa phương ra cướp bóc. Chúng xử dụng súng hỏa mai (loại súng mỗi khi bắn phải nhồi thuốc) không bắn được xa, nhưng cũng có thể gây thương tích trầm trọng, dao găm hăm dọa rồi tước hết những gì mà chúng tôi còn xử dụng được như mền, áo ấm. Đường đi càng gần tới khu vực rẽ về nội địa VN thì các Bản, Làng của dân địa phương càng nhiều hơn và nhiều đường mòn xuất hiện. Nếu toán người đi trước không lấy cành cây chắn ngang thì người đi sau dễ bị lạc lắm. Mấy ngày sau thì đoàn quân tới một ngã ba có con đường mòn hướng lên đỉnh núi rừng Cấm nhìn về VN.

Lực lượng gồm những người khỏe mạnh do ông Triệu Việt Hưng chỉ huy tiến về Sập Nhị Lầu (Phong Thổ) còn những người ốm yếu như chúng tôi thì được Ban Lãnh Đạo can thiệp với chính quyền địa phương cho tạm trú để dưỡng bệnh. Chúng tôi được đưa vào hai Bản: Hoang Thiền và Li Cù Tỉ thuộc huyện Mahati nằm sâu trong nội địa, có quân đội địa phương đồn trú. Số người bệnh này do ông Bảo Ngọc, nguyên Chủ nhiệm Việt Trì đảm trách và liên lạc với địa phương, còn ông Vũ hồng Khanh lên đường đi Côn Minh với sứ mệnh xin sự giúp đỡ của Trung Ương Trung Hoa Quốc Dân Đảng.

A. Trên đường vào Chiến Khu Phòng Thô qua biên giới Trung Hoa (20)



Người U-Lý, Xạ Phang gieo đậu tương dưới gốc cây bắp

Anh em chúng tôi, mấy đứa cùng vào ở Bản Hoang Thiền. Bản này nằm trên một địa thế không cao, không thấp, gồm những đồi và rừng cây tương đối thưa thớt, ở cách xa chân núi rừng Cấm khoảng hơn nửa ngày đường. Hoang Thiền (hay còn gọi là Hoang Điền) có nghĩa gần như đất hoang. Bản gồm khoảng năm, sáu chục

nóc nhà xây tường bằng đất, ba bề kín mít như nhà của người Mèo để tránh cái lạnh của rừng núi. Bản nằm ở trên sườn đồi. Tìm được một khu đất trống, rộng thật là khó. Một bên là núi, một bên là suối. Dân cư thuộc sắc tộc người U-Lý, gần giống như người Xạ Phang. Nghề sinh sống căn bản là dệt vải, nghề phụ là trồng lúa, nhưng ruộng đất chẳng có là bao. Ruộng là những thửa đất được san ra từng bực thang. Phụ nữ lo về chàm vải và dệt. Người nào, người nấy lúc nào mặt mày tay chân cũng dính chàm. Các cô gái cũng không đến nỗi tệ lắm, nhưng hai bắp chân thì quá lớn, có lẽ vì sống ở nơi núi cao, lên xuống hàng ngày nên như vậy. Tôi thấy đàn ông có vẻ nhàn nhã hơn đàn bà. Nhà dựng ở trên cao, nên vấn đề nước có vẻ hơi cực vì phải xuống suối lấy về. Họ xử dụng hai ống bương lớn ghép lại rồi gù (đèo) băng chán.

Dân ở đây mọi thứ đều gù bằng chán, không như các sắc dân khác thì đèo bằng vai như Thổ, Mán, Nhắng v.v.. vì vậy mà chúng tôi gán cho danh hiệu là "Thiết đầu đà kim cương". Thồ như vậy, cái cổ phải cho cứng hơn là cái chán. Đã có lần tôi thử làm như vậy nhưng chịu không nổi, rút cuộc vẫn phải thồ bằng vai. Tuy nhiên vào mùa mưa, nước nhiều thì họ dùng các ống tre nối lại để lấy nước từ suối cao chảy về tận Bản. Thời gian chúng tôi tới đó đã thuộc về cuối năm Âm lịch, nên hàng ngày vẫn mưa. Trước đám đông người xa lạ tới, lúc đầu họ cũng tỏ ra lãnh đạm và khó chịu, nhưng rồi thấy chúng tôi không có hành động sai trái thì họ cũng để cho chúng tôi sống bình yên. Cũng như các Bản khác mà chúng tôi đã đi qua, họ không cho chúng tôi vào ở trong nhà, trừ phi chúng tôi vào chơi, sưởi ấm bên bếp lửa hồng. Nói là vào chơi, nhưng thực ra thì chủ và khách đều ngồi im lặng chẳng nói một lời. Thực ra không phải là kỳ thị, mà là tiếng nói không thông hiểu nhau. Do đó, ngồi mãi suy nghĩ cũng chán rồi bỏ ra, chủ cũng chẳng thèm giữ lại làm gì. Ông Xã Phải (xã trưởng) có lẽ đã được thông báo cho biết về sự lui tới của chúng tôi rồi, nên có đứng ra tiếp chuyện với người đại diện của chúng tôi (biết nói tiếng Trung Hoa) nên mọi việc cũng dễ dàng. Anh Hồng, Bảo và tôi được một ông chủ nhà chỉ cho ở trên một sàn gác của một chuồng trâu. Trên sàn có để sẵn rơm rạ nên cũng giúp cho chúng tôi chống lạnh, vì ba anh em chỉ có một cái mền mỏng.

Có một số ở trong một căn nhà ở đầu Bản. Căn nhà này họ nói là Trường học, nhưng tôi không thấy một cái bàn ghế nào cả, mái nhà lợp rạ, bao quanh bằng bốn bức tường đất cao khoảng ba thước. Hai đầu để trống rỗng, mặc cho gió sương ra vào tự do. Có hai cửa để ra vào, nhưng không có cánh cửa. Tại đây tôi thấy có ba ông Minh, Vinh, Xuân, nguyên là Hiệu trưởng và là huấn luyện viên của trường Quân chính Việt Trì, mà chúng tôi là khóa sinh. Thầy trò gặp nhau chào hỏi nhưng chăng ai buôn nói chuyện trong hoàn cảnh này. Về sau, ba ông rời đó, tìm đường về nước. Trên đường đi, ông Minh bị bịnh chết ở dọc đường, còn hai ông Vinh và Xuân sống sót trở về được tới Hà Nội. Khi đó đã thuộc quyền kiểm soát của quân đội Pháp. Sau đó, ông Vinh phục vụ trong lực lượng Bảo Chính Đoàn ở Bắc Việt, và rồi trong một công tác đi thanh tra, ông đã bị tử thương vì mìn do VMCS gài trên lộ trình di chuyển. Ông Xuân không thấy làm gì cả, sau năm 1954 di tản vào Nam, nhưng không biết ra sao. Vì có sự liên lạc, yêu cầu của Bộ Chỉ Huy Quân Vụ Bộ cũng như Hải Ngoại Bộ, nên chúng tôi được chính quyền địa phương giúp đỡ mọi ngày cung cấp gạo, rau và ít muối. Gạo và rau đủ ăn, nhưng

muối thì hạn chế, nên phải dùng dè sẻn, nếu không sẽ phải ăn lạt. Do khỏi phải lo lắng về mặt ăn uống, chúng tôi chỉ còn lo hàng ngày vào rừng kiếm củi về nấu ăn và sưởi ấm.

Ăn ngủ trên gác chuồng trâu, nên mùi uế khí gây nhiều khó chịu, nhưng rồi cũng quen đi, nhưng được cái ấm áp vì rơm rạ xếp đống chung quanh. Có được một cái mền mỏng, hẹp nên ba anh em không khéo nằm là thò chân tay ra ngoài. Tốt nhất là nằm úp thìa, vừa ấm lại vừa kín. Cảnh sống như vậy, ngày nọ kế tiếp ngày kia, trong vùng rừng núi biên khu, nơi đất khách quê người.

Được ăn uống tương đối no, tuy rằng không đủ chất bổ, nhưng vì không làm việc nặng nhọc, đi đứng nhiều, nên sức khỏe cũng trở lại đôi phần, cũng như bệnh sốt rét của tôi không thấy tái phát. Một ngày nọ, một số anh em bị bệnh phải nằm lại ở Trịnh Tường đã tới chỗ chúng tôi ở. Trong toán này có anh Tạo (QGTNĐ) vết thương mang trên mình khi rời Bát Xát nay đã lành. Trông anh tiều tụy, sau bao ngày leo đèo, lội suối, thiếu ăn, thiếu thuốc. Chúng tôi gặp lại nhau lòng mừng khôn siết, vì QGTNĐ còn lại chẳng bao nhiêu, mỗi người mỗi ngả. Trong hoàn cảnh khốn cùng đó, tình anh em chúng tôi lại càng thêm khắng khít. Hai ba ngày hôm sau lại có thêm một toán nữa tới, tất cả đều ốm yếu. QGTNĐ lại có thêm ba anh Thưởng, Nghĩa, Ngạn. Riêng anh Thưởng có vẻ bệnh nặng hơn cả. Khi rời Lào Kay, anh gia nhập vào Biệt Động Đội, một Đội gồm những người khỏe mạnh, gánh vác những nhiệm vụ nặng nhọc và nguy hiểm. Anh thuộc vào loại to lớn, khỏe mạnh trong Đoàn, tính tình vui vẻ, hiền hòa, tháo vát (trước kia anh theo học trường Bách nghệ Hà Nội).

Bây giờ mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn ghi khắc hình ảnh anh một cách rõ ràng, nhất là trong những giờ phút trình diễn văn nghệ. Anh xử dụng ống Tiêu trong ban hợp ca của Đoàn cùng với các anh Lý, Linh, Quân…Ban hợp ca mà chúng tôi thường hát luôn là bản "Hồn Vọng Phu". Bây giờ mỗi lần nghe lại, tôi lại thấy lòng rộn ràng nhớ tiếc xa xôi. Những cực nhọc, thiếu thốn, khí hậu cay nghiệt của núi rừng Bắc Việt, đã làm anh em chúng tôi xuống dốc một cách thê thảm, không như còn tuổi trẻ hăng hái của thuở ban đầu. Thế rồi anh Thưởng bệnh ngày càng nặng, thuốc thang không có, một hai, ba bát cháo loãng hàng ngày làm sao cứu sống anh được. Thấy bệnh tình nặng, gia chủ không cho ở trong nhà, dù rằng chỉ là một túp lều cạnh chuồng trâu, chuồng bò.

Chúng tôi đành phải khiêng anh xuống chỗ trường học. Tại đây như đã biết thì trống rỗng, bốn bề gió sương hắt vào, làm sao có thể chịu được trong lúc bệnh hoạn như vậy. Chúng tôi biết vậy, nhưng chẳng còn cách nào khác hơn. Qua một ngày đêm, sức cùng lực kiệt, anh đã ra người thiên cổ. Thương anh quá, mà chẳng sao khóc được, vì nghĩ mình có thể ngày mai, ngày mốt cũng có thể đi theo anh luôn. Tôi vuốt mắt anh và phủ lên mình chiếc mền còn sót lại của anh. Anh mất đi vào khoảng tháng Chạp Âm Lịch (năm ta 1946). Chúng tôi ra đào huyệt ở đầu Bản, bên bờ suối. Tôi còn nhớ như in, chỗ anh nghỉ vĩnh viễn, nằm dưới một tàng cây lớn có hoa vàng, bên cạnh là một giòng suối chảy róc rách quanh năm.

Trước khi mang anh đi chôn cất, chúng tôi bó anh vào một chiếc chiếu, vì khi đó làm gì có quan tài. Một vài người đã bảo tôi hãy lấy lại chiếc mền của anh Thưởng

để dùng trong lúc trời lạnh giá, nhưng tôi đã không thể làm như vậy được, khi mà không có đến một cái hòm gỗ tồi tàn để quàng xác anh. Tôi và đồng chí VNQDĐ dùng đòn khiêng anh ra ngoài huyệt. Trời thì mưa lâm râm, đường thì trơn trợt, có lúc ngã đôi ba lần, nhưng rồi cũng tới. Chỗ chôn cất anh đào lên đầy xương trâu. Tôi để lên ngực anh chiếc mũ QGTNĐ mà anh vẫn giữ được cho đến ngày cuối cùng của cuộc đời anh. Tôi thắp vài nén hương (xin được của dân) trên mộ anh để tưởng niệm một chiến hữu đã ra đi không bao giờ trở lại. Anh Thưởng đã lập gia đình và hiện vợ con đang sinh sống ở Hoa Kỳ.

Sau khi anh Thưởng mất được ít ngày thì chúng tôi ăn một cái Tết đầu tiên xa nhà trên đất nước người. Tết năm đó nhằm vào tháng 2 năm 1947. Dĩ nhiên trong hoàn cảnh lúc đó thì không ai có thể vui được, mà buồn thì nhiều. Dân cư ở đó cũng vậy, tôi không thấy họ chuẩn bị Tết gì cả. Chỉ có khác ngày thường là nghỉ ngơi ăn uống có sang hơn chút đỉnh. Cảnh vật vào những ngày cuối và đầu năm cũng chẳng tươi đẹp gì hơn. Trời vẫn mưa bay, sương mù bao phủ rừng cây, cách nhau vài chục bước không rõ bóng người. Ra ngoài nhà là chạy như ma đuổi. Khí hậu càng ẩm ướt và lạnh giá hơn. Thành thử chúng tôi chẳng đi đâu, nằm ôm nhau nghĩ ngợi mông lung. Để ngày mồng một Tết có khác hơn, chúng tôi đã đổi với chủ nhà lấy ít gạo nếp nấu xôi ăn cho lạ miệng, gọi là mừng Xuân. Ngồi trùm mền, chúng tôi quây quần chung quanh nồi cơm nếp, thay cho những món ăn ngon của những ngày Tết nơi quê nhà. Chẳng có một sự vật nào nhắc nhở là Tết cả, ngoài mấy cây mai rừng mọc hoang ở đầu nhà, hoa vàng tơi tả dưới làn mưa gió, đằng xa vẳng về tiếng chày giã gạo đều đều do sức đẩy của nước suối, cùng với tiếng suối chảy róc rách, nghe sao mà buồn thế!

Chúng tôi không hiểu ngày mai sẽ tới đâu, và đều có chung một cảm nghĩ là chẳng còn bao giờ trông thấy quê nhà và gia đình nữa. Những ngày Tết rồi cũng qua đi mà chẳng có gì tiếc nuối.

Rồi một hôm, chúng tôi có lệnh chuẩn bị trở về Chiến khu Phòng Thô. Được tin ai cũng mừng vì thoát cảnh sống tha hương, nhất là tại một nơi đèo heo hút gió, rừng núi âm u, thiếu thốn mọi bề.

Về Chiến khu chiến đấu, có hy sinh cũng thỏa đáng cho cuộc đời đầy lý tưởng hơn là chết bờ, chết bụi, chẳng ai thèm nghĩ tới. Theo kế hoạch thì tất cả những ai tương đối khỏe mạnh thuộc hai Bản Hoang Thiền và Li Cù Tỉ sẽ tập trung di chuyển về núi rừng Cấm. Còn ai bị bệnh sẽ đi vào đợt sau, QGTNĐ có anh Tạo và Nghĩa đi đợt sau. Một năm sau, khi lưu vong sang Côn Minh, tôi mới hay là sau ít ngày chúng tôi về nước thì anh Tạo rời Mahati rồi lên Côn Minh, còn anh Nghĩa (trong Nghĩa bộ đội của QGTNĐ) trong một vụ cháy nhà, anh đã bị chết cháy vì bệnh nặng quá không chạy ra ngoài được.

B – NHỮNG NGÀY CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU (21)



Tục lệ "man rợ" của người Mèo: treo chó trước nhà để đuổi tà…

Một ngày đi xuyên rừng, thì xẩm tối đoàn quân tới một xóm nhà người Mèo, chúng tôi nghỉ lại trong đêm. Sáng ra, trong khi chuẩn bị lên đường, thì anh Ngạn la lên bị mất khẩu súng trường Nga anh mang theo. Mọi người lục xoát thì tìm lấy lại được từ một người Mèo ăn cắp. Có anh đề nghị mang tên Mèo ra bắn, nhưng tất cả can ngăn rồi bỏ qua. Dù sao dân Mèo cũng là người nước ngoài, có gì thêm khó khăn cho những anh em còn ở lại. Cũng vì chuyện đó, mà khi chúng tôi lên tới đỉnh núi rừng Cấm thì bị bọn Mèo phục kích ngay, nhưng không ai bị thương tích gì.

Từ đỉnh núi rừng Cấm cao ngất, chúng tôi có thể quan sát cả một vùng đồi núi chạy dài về phía Nam. Lên núi thì mỏi gối, trái lại xuống núi thì chồn chân. Nhờ có sẵn đường mòn mà dân hai vùng thường qua lại nên cũng dễ đi. Đi từ sáng đến gần chiều thì chúng tôi xuống tới chân núi, tiếp giáp với những đồi núi thấp hơn, trải sâu vào nội địa VN. Ở đây, chúng tôi được chỉ cho thấy cột trụ lớn bằng đá, đánh dấu biên giới giữa hai nước Việt-Hoa,được đặt từ thời Vua nhà Nguyễn. Đến chiều tối, thì đoàn quân ngừng lại ở một xóm nhà người Mèo. Chúng tôi ai đều thủ cây súng của mình cẩn thận. Số vũ khí trước kia, khi tới tạm trú tại Hoang Thiền và Li Cù Tỉ, đã phải tạm nộp cho chính quyền địa phương. Đến khi chúng tôi trở về nước thì họ đã trao trả lại.

Đoàn quân này do ông Bảo Ngọc đảm trách chỉ huy và có nhiệm vụ hướng dẫn về Sập Nhị Lầu, nơi đặt Bản doanh của Mặt trận hiện do ông Triệu Việt Hưng lãnh đạo. Qua hai ngày di chuyên mệt mỏi, Ban Chỉ Huy cho ngừng lại nghỉ ngơi một ngày để lấy lại sức. Đặt chân lên đất nước mình, trong khu vực mình kiểm soát, nên chúng tôi ai cũng cảm thấy tinh thần hăng say. Cũng như ở bên kia biên giới, thời tiết và khí hậu vẫn ẩm ướt và lạnh giá. Mưa không lớn nhưng day dứt suốt ngày. Bọn người Mèo ở đây luôn nhìn chúng tôi với những con mắt lầm lì, gian ác. Có lẽ chúng đã được bọn Mèo bên kia biên giới báo động rồi. Nhưng ở đây là đất nước chúng tôi, có súng đạn, có uy quyền nên chúng không giám làm gì cả. Sau này, ở lâu tại Phòng Thô thì bọn Mèo công khai theo Pháp và ra mặt chống lại. Những vùng thuộc Mặt trận kiểm soát, chúng bỏ cửa nhà đi hết.

Một ngày nghỉ ngơi tại Bản Mèo, tôi mới biết cây thuốc phiện là gì, nó cũng đại loại giống như cây thuốc lá, thuốc lào. Lá của cây thuốc luộc lên ăn cũng được, còn hạt tẻ ra như hột mè, đem rang ăn cũng khá thơm ngon không hại gì cả. Nói thế thôi, chúng tôi đâu có dám ăn. Riêng mấy người Thổ thì họ ăn có vẻ ngon lành lắm. Một năm sống ở trong Chiến Khu Phòng Thô, anh em người Thổ đã chỉ vẽ cho chúng tôi nhiều thứ lá cây rừng ăn thay cho rau. Nếu mà không biết, cứ ăn bừa bãi thì có thể nguy hại đến tính mạng. Tôi còn nhớ có lần lấy thử một số lá cây, nấu thử ăn như lá ngót. Thấy vậy bèn ăn cho cố, không ngờ nửa tiếng sau thì bị Tào Tháo đuổi chạy không kịp. Từ đó, tôi rút ra một kinh nghiệm là sống ở trong rừng, lại là nơi rừng thiêng nước độc thì không nên ăn bừa bãi, mà chỉ ăn những gì người dân địa phương chỉ dẫn.

Nhờ thế, mà từ 1975 đến 1988, sống trong các trại tù của Cộng Sản ở Bắc Việt, tôi đã không bị bệnh nhiều, dù rằng trong tình cảnh thiếu thốn. Có những chiến hữu vì đói quá không chịu nỗi đã hái những quả rừng ăn cho đỡ đói, thì chỉ vài phút sau là thổ tả ra máu chết liền không sao chữa kịp. Do đó, muốn làm chủ lấy mình, khắc phục những hoàn cảnh khó khăn phải đòi hỏi ý chí cao.

Buổi trưa ngày hôm sau, thì đoàn quân tới Sập Nhị Lầu, nơi Mặt trận lập Bản doanh. Địa điểm nằm trên một dãy đồi núi cao tương đối bằng phẳng. Ở về phía tây nam của núi rừng Cấm, và dựa lưng vào biên giới Trung Hoa khoảng vài tiếng đồng hồ đi bộ. Sập Nhị Lầu, nôm na theo chỗ tôi hiểu thì là nơi xuất phát, hoặc từ 12 Bản khác nhau đổ về Sập Nhị Lầu. Vì vậy dân cư ở đây đông đảo hơn, nhờ có một vài Bản ở ngay sát cạnh như Sính Trại ở phía Đông và Mali Trại, Hoàng ma Trại ở phía Tây. Dân chúng tại Sập Nhị Lầu và Sính Trại thuộc sắc dân người Mán (Hồng Dào Thầu), vì đàn bà con gái quấn ở trên đầu một vuông vải đỏ trông giống như hình chóp nón. Quần áo nhuộm màu chàm, phái nữ thì gấu quần áo, tay thêu hoa sặc sỡ, tay chân đeo nhiều vòng vàng, bạc. Đàn ông, con gái trông thật khỏe mạnh. Họ sinh sống về chăn nuôi, làm ruộng, trồng rau nên đời sống tương đối đầy đủ. Cũng như sắc dân Mèo ở trên núi cao, họ cũng phải xuống dưới suối gùi nước lên bằng hai ống bương lớn (ống tròn to). Vào mùa mưa thì họ bắt máng tre đưa nước từ suối cao về đến tận Bản. Nhà cửa rộng rãi, sáng sủa hơn, chung quanh tường bằng tre nứa, hoặc vách đất, mái lợp lá cọ hoặc rạ.

Mùa Đông tháng giá thì lúc nào ở giữa nhà cũng có một đống lửa cháy bập bùng. Ở ngay giữa Bản Sập Nhị Lầu, có một chợ nhỏ, hai bên rải rác hàng quán bán rau, heo, gà và các thứ khác như sắn, khoai, bắp,vải chỉ, lá cây rừng chữa bệnh, bánh trái v.v..Vào ngày phiên chợ thì buôn bán đông hơn. Có đủ loại người từ mọi nơi tới, kể cả ở phía bên kia biên giới Trung Hoa. Sự sinh hoạt hàng ngày của họ không khác gì với người dân ở Bản Hoang Thiền (Trung Hoa). Do đó, Sập Nhị Lầu dưới mắt của chúng tôi được coi như là Thủ Đô của Chiến khu Phòng Thô. Hai Bản ở về phía tây là Mali Trại và Hoàng ma Trại thì dân thuộc người U Lý, gần như có gốc gác với người Xạ Phang ở bên Trung Hoa. Sự sinh hoạt hàng ngày của họ cũng như các sắc dân khác. Họ dệt vải, nhuộm chàm, ăn mặc giống như nhau, có khác chỉ là tên gọi mà thôi. Với số dân quá ít và nghèo nàn, Mặt Trận đã nhờ vào sự cung cấp lương thực của họ mà có thể tồn tại và chiến đấu hơn một năm trời ở đó.

Sống được ít ngày, thì anh Hồng và tôi được phân phối về đơn vị của ông Bào (nguyên đội Pháp) thuộc cánh quân của ông Nguyễn duy Dzị.

Tôi gặp lại ông Bào ở trại tù CS Nam Hà (Bắc Việt) vào năm 1978 đến 1982, Sau ông được VC thả vào năm 1984 ở trại tù Hàm Tân (Nam VN). Đơn vị ông Bào đang đóng quân tại Hoàng Ma Trại, quân số khoảng ba mươi người. Tất cả là người Kinh. Hai anh Bảo và Ngạn về một đơn vị khác, cũng thuộc lực lượng của ông Nguyễn Duy Dzị đang đóng quân án ngữ tại Tả Trùng Phùng, Mali Phố Soàn Thầu, cửa ngõ trông vào Lai Châu. Cánh quân của ông Triệu quốc Lộc (gồm người Thổ) thì án ngữ tại Yào San, Mù San, Mù Sì Sán, tạo thành thế gọng kìm đối diện với quân Pháp, đóng chung quanh Thị Xã Lai Châu.

B – NHỮNG NGÀY CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU (22)

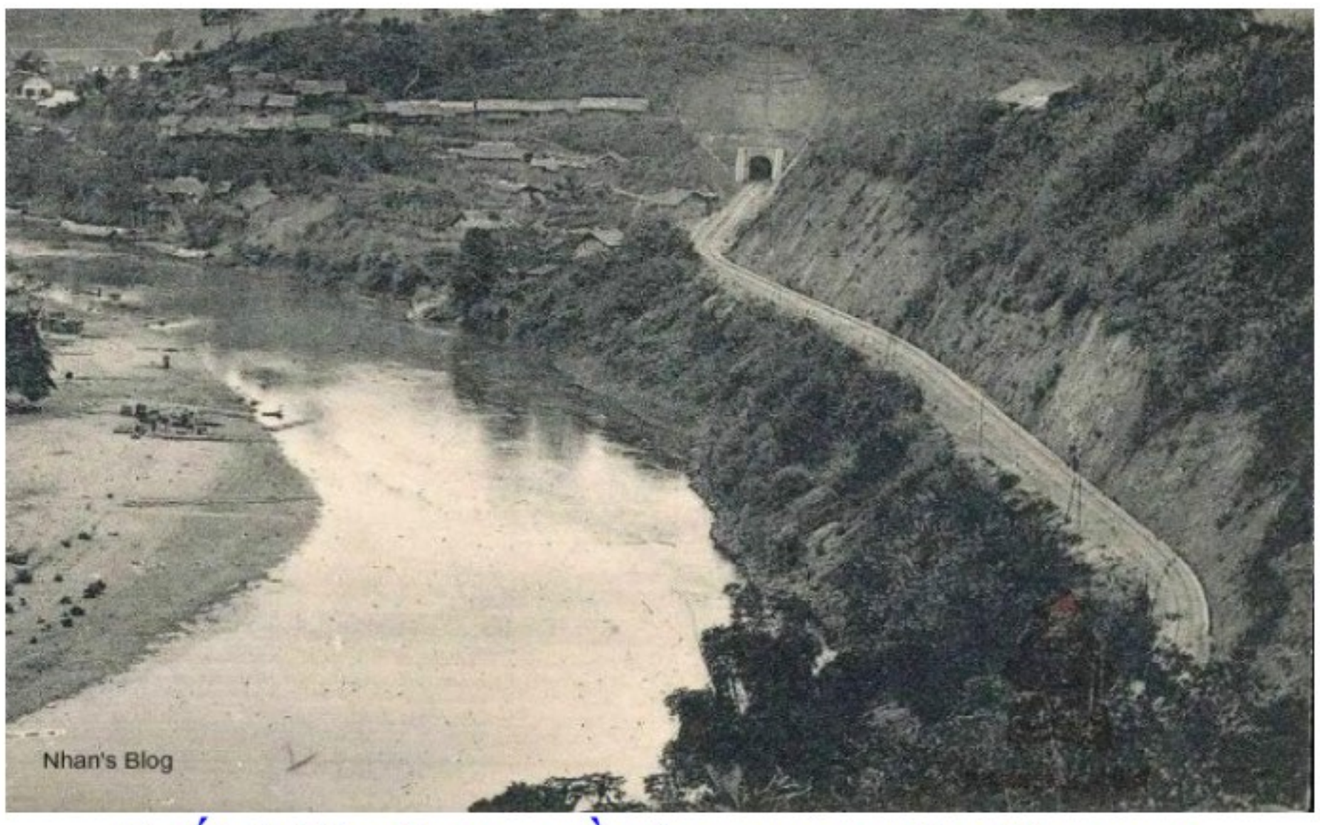


Bản đồ Lào Cay nhìn qua biên giới nước Tàu

Trở lại lúc đoàn quân rút khỏi Thị Xã Lào Kay, tới đồn Bát Xát thì chủ lực do ông Triệu quốc Lộc và ông Nguyễn duy Dzị tiến vào Phòng Thô, Lai Châu qua ngả Mường Hum. Tại đó, đoàn quân không gặp một kháng cự nào và tiếp tục chiếm Yào San. Một vài toán nhỏ, do sĩ quan Pháp chỉ huy, còn lại là binh lính VN, đóng rải rác, giữ nhiệm vụ tiền tiêu, đã bất ngờ bị tấn công bỏ chạy về Thị xã Lai Châu. Nhân đà chiến thắng quân ta tiến đánh vào Thị Xã, nhờ tạo được yếu tố bất ngờ làm cho quân Pháp phải lúng túng nhưng cũng chống trả khá mãnh liệt. Nhưng với tinh thần đầy quả cảm hy sinh, VNQDĐ đã đẩy lui được Pháp quân, buộc chúng phải chạy vào đồn cố thủ. Sau khi làm chủ được Thị Xã Lai Châu và thu được một số chiến lợi phẩm, VNQDĐ tung quân lục soát bắt cho được tên Đèo văn Ân. Tên này và gia đình chạy thoát vào đồn của Pháp, Đèo văn Ân (sắc tộc Thái) trước đây ông ta theo VNQDĐ, nhưng khi quân đội Pháp trở lại Lai Châu theo bản Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 thì hắn trở mặt theo Pháp.

Một số đảng viên VNQDĐ hoạt động tại đó đã bị hắn báo bắt giữ, số còn lại tản mác ra hoạt động tại các Bản ở phía Bắc, giáp giới với Trung Hoa cho tới ngày chủ lực từ Lào Kay rút vào. Sau khi kiểm soát được Thị Xã Lai Châu, VNQDĐ tiếp tục tiến đánh lên đồn cao, nhưng nhờ địa thế cao, có tuyến phòng ngự chắc chắn, nên quân Pháp đã cố thủ được. Đồng thời chúng gọi về Hà Nội cho máy bay lên dội

bom yểm trợ. Trước sự chống trả mãnh liệt của đồn binh, cùng với phi cơ oanh kích, VNQDĐ đã bị một số tổn thất nên đành phải rút lui về Thị Xã Lai Châu. Hay tin, quân Pháp từ trong đồn ùa ra truy kích.



Suối ở Yào Sang, về nùa mưa nước dâng cao

Trước tình hình bất lợi, khó có thể giữ được Thị Xã Lai Châu, nên Bộ Chỉ Huy ra lệnh rút trở lại Yào San. Khi băng qua con suối lớn chảy ngoài Thị xã, đoàn quân đã bị phi cơ oanh kích nặng nề, gây cho một số VNQDĐ bị thương và chết, trong đó có anh Cường của QGTNĐ (tục gọi là Cường Tojo vì anh thấp lùn và mập, đầu hớt trọc giống ông Thủ Tướng Nhật Tojo thời đó). Quân Pháp chiếm đóng Thị Xã Lai Châu, không phải là của Tướng Leclerc từ Sài Gòn di chuyển ra Bắc Việt theo thỏa hiệp 6/3/1946, mà đoàn quân Pháp này đã từ Tchapa, nằm ở ngoại vi Thành Phố Côn Minh (Thủ phủ Vân Nam) do Tướng Pháp Alessandri chỉ huy. Cánh quân này trước kia, khi quân đội Nhật chưa đầu hàng vẫn trú đóng tại Lai Châu.

Khi quân đội Nhật đảo chính vào ngày 9/3/1945, thì lực lượng của Pháp tại đó bỏ chạy sang Trung Hoa. Khi thỏa hiệp 6/3/1946 giữa VMCS và Pháp chưa được ký kết, thì đoàn quân của Alessandri rời Tchapa xuống Mường Là (giáp ranh với Lai Châu) đột nhập vào Thị Xã Lai Châu vào tháng 1/1946, có nghĩa là trước Hiệp Định được ký kết. Thời đó không thấy VMCS lên tiếng phản đối về vụ này. Có thể là khu vực này VMCS không có kiểm soát nên lờ đi chăng. Một điều khác nữa là Chính phủ Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch lúc đó, không hiểu sao đã chấp thuận cho quân của Alessandri rời Tchapa khi mà Thỏa hiệp 6/3/1946 chưa được ký kết. Như được biết, thì đoàn quân của Alessandri không phải hoàn toàn là người Pháp, hay ở các thuộc địa khác như Maroc, Algerie, Madagascar, mà còn có một sô lớn quân lính VN. Đoàn quân của Alessandri khi rời khỏi Tchapa thì đã có một số đông binh sĩ VN do Trung Úy Viên chỉ huy, tách ra bỏ về vùng biên giới giáp ranh với Tỉnh Hà Giang (Bắc Việt). Sự việc xẩy ra là do toán quân của Trung Úy Viên, khi trú đóng tại Tchapa đã được các cán bộ VNQDĐ Hải Ngoại vận động tham gia vào VNQDĐ.

Khi quân đội của Tướng Lư Hán tràn ngập Bắc Việt để giải giới quân đội Nhật, thì Trung Ương VNQDĐ ở Hà Nội đã chỉ thị Hải Ngoại Bộ điều động toán quân đó qua mạn Hà Giang để trở về Hà Nội. Cánh quân này có các cán bộ đảng viên VNQDĐ tháp tùng. Tới Hà Giang, đoàn quân mấy trăm người này tạm đóng tại

Tỉnh lỵ Hà Giang. Lúc đó, tỉnh dưới quyền kiểm soát của VNQDĐ do ông Hoàng Quốc Chính làm Chủ Nhiệm Tỉnh Đảng Bộ. Tại đây, Trung Úy Viên được Tỉnh Đảng Bộ phong hàm Đại Úy và đối xử rất chân thành với y, nhưng vì vẫn gắn bó với thực dân Pháp, đương sự lại tiếp tục con đường làm tay sai cũ, nên y đã cùng với một số sĩ quan dưới quyền bí mật liên lạc với VMCS để tạo phản.

Ban Lãnh đạo Đảng hình như có hay biết về âm mưu đó, nhưng chưa có biện pháp nào ngăn chặn tức thời, để rồi đến một ngày chúng đã thừa dịp sơ hở, đột nhập vào Tỉnh Đảng Bộ bắt hết các ủy viên lãnh đạo, đồng thời cho binh lính của chúng đánh chiếm Tỉnh lỵ. Kết quả là các ông Chính, Lương, Phẩm và một số đảng viên cao cấp khác bị chúng bắt mang đi thủ tiêu. Hà Giang rơi vào tay VMCS.

Mấy ngày sau, Trung Ương VNQDĐ ở Hà Nội mới hay biết, và sau một buổi họp đã quyết định xử tử Ba Viên. Bản án dược giao cho Ban Ám sát của Đảng thi hành ngay. Vài ngày sau thì Ba Viên được nhận diện và bị bắn chết ngay tại phố Chợ Hôm (Hà Nội). Người thực hiện bản án là anh Đường một đảng viên VNQDĐ. Nghe nói là về sau anh bị VMCS bắt và thủ tiêu, nhưng lại có tin khác là anh đã trốn lên được Đệ Tam Chiến Khu. Sự kiện phản bội của Ba Viên dù sao cũng làm giảm một phần nào thanh thế của VNQDĐ, nếu không thì với mấy trăm cây súng có huấn luyện hẳn hoi, sẽ gây khó khăn cho VMCS không ít.

B – NHỮNG NGÀY CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU (23)



Cầu treo ở Lai Châu

Sau khi VNQDĐ thất bại trong việc đánh chiếm Thị xã Lai Châu, thì hai cánh quân của ông Lộc và ông Dzị rút về đóng tai các ngọn núi cao, án ngữ không cho Pháp quân hoạt động ra ngoài. Cánh quân ông Lộc đóng tại các Bản Yào San, Mù San, Mù si Sán, còn cánh quân ông Dzị tại các Bản Soàn Thầu, Tả Trùng Phùng. Tư Lệnh Bộ do ông Triệu Việt Hưng chỉ huy với tước hiệu Sư Trưởng đóng tại Sập Nhị Lầu. Khi chúng tôi rời Bản Hoang Thiền ở Trung Hoa về Sập Nhị Lầu, thì trận tấn công vào Lai Châu đã chấm dứt từ lâu. Kể từ đó cả hai bên, Pháp quân và VNQDĐ không còn có trận đánh lớn nào xẩy ra, ngoại trừ các trận đụng độ nho nhỏ của các toán tiền thám. Thời gian này, ông Triệu quốc Lộc và gia đình chạy sang sinh sống ở Huyện Mường Là (Trung Hoa). Cánh quân của ông chỉ huy được

giao phó cho hai ông Hoàng quốc Đạt và Phạm đức Nghi. Riêng ông Nghi, sau này dưới thời Chính phủ Bảo Đại, đã gia nhập Ngự Lâm Quân với cấp bậc Đại Úy.

Trở lại tháng 11/1946, khi VNQDĐ rút khỏi Lào Kay vào Bát Xát, Mường Hum, thì khoảng mấy hôm sau VMCS mới dám tiến vào. Cũng như ở Yên Bái, các cán bộ, đảng viên bị mắc kẹt trong Thị Xã và các thành phần thân VNQDĐ đã bị chúng mang đi biệt tích. Có tin là một số đảng viên và khóa sinh trường Lục Quân Yên Bái trong đó có cả QGTNĐ bỏ về Hà Nội bị VMCS bắt khi chạy ra khỏi Thị Xã, số phận ra sao không rõ, nhưng về sau này không ai gặp lại nữa. Như vậy là chỉ trong mấy tháng trời, Đệ Tam Chiến Khu từ Vĩnh Yên lên tới Lào Kay đã rơi vào tay VMCS, vì VNQDĐ chỉ có làm chủ Thị Xã nên dưới sự bao vây về kinh tế và quân sự, trở nên cô lập, không được yểm trợ về tinh thần và vật chất của dân chúng và bạn Đồng Minh thì sự thất bại ắt hẳn phải xẩy ra. Kinh nghiệm này lại được tái diễn dưới thời Pháp, Bảo Đại, Mỹ, VNCH.

Khi VMCS chiếm được Lào Kay thì cũng là thời gian giữa Pháp và VMCS ở Hà Nội và nơi khác có Pháp đóng quân, đã xẩy ra nhiều đụng chạm, gây nên tình hình rất căng thẳng. Tại Lạng Sơn, Hải Phòng vào cuối tháng 11/1946 hai bên đã xẩy ra đụng độ, nguyên do Pháp ngăn trở không cho VMCS nhập vũ khí, đạn dược vào cửa cảng Hải Phòng, phong tỏa biên giới Trung Việt ở vùng Lạng Sơn. Kết quả là hai Tỉnh lỵ trên đã bị Pháp quân chiếm đóng. VMCS phản kháng và đòi Pháp trả lại, nhưng Pháp cũng lờ đi. Tại Hà Nội cũng vậy, sự xích mích đụng độ hàng ngày xẩy ra giữa Pháp quân, Pháp kiều và VMCS. Cả hai bên đã có một số bị tử thương nên tình hình lại càng thêm nghiêm trọng, chỉ đợi thuận lợi là bùng nổ. Phái đoàn Pháp và VMCS gặp nhau nhiều lần nhưng không giải quyết được gì cả.

Chiến tranh không thể nào tránh khỏi, VMCS đã ra lệnh cho dân chúng Thủ Đô tản cư, các cơ sở quan trọng của Chính Phủ rời ra vùng ngoại thành. Các ngã đường quan trọng trong Thành phố được bố trí cẩn thận, có hàng rào cản bao quanh, ngăn chặn các ngã đường từ trong thành Hà Nội, địa điểm đóng quân của Pháp đi ra ngoài. Các khu vực ở của Pháp kiều cũng bị phong tỏa.

Phía quân đội Pháp cũng vậy, chúng ra lệnh cho quân lính luôn ở trong tình trạng báo động và đề phòng tối đa. Trên đài phát thanh, báo chí, hai bên đều đổ lỗi cho nhau với những lời lẽ rất thậm tệ. Cuối cùng, thì chiến tranh phải xẩy ra.

Vào đêm 19/12/1946, VMCS ra lệnh cho Tự Vệ Thành tấn công vào khu vực đóng quân của Pháp. Nhưng yếu tố bất ngờ không đạt được, vì trước đó vào lúc chiều tối, Pháp quân đã được tin báo về cuộc tấn công của VMCS nên đã bố trí đề phòng. Do đó, khi Thủ Đô chìm vào bóng tối, Tự Vệ Thành tung ra cuộc tấn công thì đã gặp ngay sức kháng cự của quân đội Pháp đóng giữ trong Thành. Trận chiến tiếp diễn đến gần sáng, thì lực lượng Tự Vệ Thành của VMCS phải rút về những vị trí chiến thuật cố thủ. Trong trận đánh mở màn bất phân thắng bại, cả hai bên đều có một số thiệt hại, kể cả Pháp kiều và dân chúng cư ngụ trong khu vực chạm súng. Sáng ra thì hầu hết các Tỉnh,Thành từ Bắc tới vĩ tuyến 16 có quân đội Pháp đóng, đều bị đồng loạt tấn công.

Ngày 19/12/1946, Chính Phủ VMCS tuyên cáo ngày kháng chiến toàn quốc. Tại các nơi khác, Pháp quân chỉ trong vòng một tuần đến nửa tháng là làm chủ tình hình một cách dễ dàng. Cũng dễ hiểu, khi đó lực lượng võ trang của VMCS còn trang bị nghèo nàn, quân số ít ỏi, mặc dù tinh thần chống Pháp rất cao. Trong khi đó thì quân Pháp trang bị hiện đại, tổ chức hoàn bị. Tuy nhiên tại Thủ Đô thì chúng đã vấp phải tinh thần chiến đấu kiên cường của lực lượng tự vệ và dân chúng Thủ Đô.

Các trận đánh xẩy ra từng phố phường, nhà cửa, kéo dài đến hơn hai tháng trời mới chấm dứt, và quân Pháp đã phải trả một giá khá đắt. Để trả thù, sau khi đánh chiếm được Thủ Đô Hà Nội, chúng đã giết hại rất nhiều người mà chúng đã bắt giữ được, và cũng kể từ ngày 19/12/1946 trở đi, nhân dân toàn miền Bắc VN lâm vào cảnh loạn ly, gia đình tan nát, của cải, tài sản bị thiêu hủy trong chủ chương, chính sách vườn không nhà trống của VMCS suốt chín năm kháng chiến chống Pháp. Hơn nữa, với chủ chương độc quyền yêu nước, nên sau khi chiến tranh bùng nổ thì các thành phần chúng nghi ngờ chống đối đều bị gán cho là phản động, phản quốc, rồi bị chúng bắt và thủ tiêu dần. Trong đó các đảng viên các đảng cách mạng Quốc Gia mà tên tuổi đã bị lộ cũng cùng chung số phận. Do đó, phần lớn dân chúng là trí thức và tôn giáo, có tinh thần Quốc Gia, Dân tộc đã phải từ bỏ kháng chiến về sống trong khu vực Pháp chiếm đóng để tránh VMCS kềm kẹp và tìm cách tiêu diệt. Cái thế bất lợi cho người Quốc Gia, nhưng không còn cách nào khác là muốn tồn tại để chờ đánh ván bài khác.

Cuộc chiến vài năm đầu có đem lại cho thực dân Pháp nhiều thắng lợi, dồn VMCS về những khu vực rừng núi. Nhưng với lối đánh du kích, Pháp quân cũng không thể nào làm chủ hết lãnh thổ vì quân số chỉ có hạn. Do đó, dần dà Pháp phải thu hẹp lại và chiến tranh kéo dài cho đến ngày Pháp phải ký bản Thỏa Hiệp Đình Chiến Genève ngày 20/7/1954, giao trọn miền Bắc cho VMCS.

Trong khi chiến tranh Việt Pháp xẩy ra thì cũng là ngày VNQDĐ từ Lào Kay vào tấn công Thị Xã Lai Châu mà quân Pháp đã chiếm đóng từ trước ngày có thỏa ước sơ bộ 6/3/1946. Còn VMCS chiếm được Lào Kay, rồi một tháng sau xẩy ra ngày kháng chiến toàn quốc. Lực lượng còn ít và tổn thất sau những ngày tấn công vào Yên Bái, Lào Kay, chúng cần chấn chỉnh, tổ chức lại hàng ngũ, củng cố chính quyền địa phương nên VMCS chỉ tiến vào Sapa và Bát Xát là ngừng lại. Chúng thừa hiểu là Pháp quân đóng ở Thị Xã Lai Châu và VNQDĐ rút vào Phòng Thô. Chủ chương chiến lược, chiến thuật của VMCS là cho phòng thủ, án ngữ tuyến Sapa-Mường Hum-Bát Xát không cho Pháp quân từ Lai Châu đánh ra, và điều tốt hơn hết là để Pháp và VNQDĐ thanh toán lẫn nhau. Còn Pháp thì chỉ cần giữ chặt Lai Châu, một cửa ngõ sang Trung Hoa qua ngả Mường Là và đường sang thượng Lào. Chúng có muốn đánh chiếm Lào Kay cũng khó mà thực hiện được, vì quân số còn ít, địa thế hiểm trở, hơn nữa còn có lực lượng VNQDĐ án ngữ ở trước mặt. Do đó, tốt hơn hết là đợi thời cơ thuận lợi. Vì thế mà VNQDĐ không thể đánh chiếm được Lai Châu, một địa điểm chiến lược mà Pháp quân không thể bỏ mất được. Còn tại sao Pháp quân ở lại Lai Châu, sau khi chiến tranh Việt Pháp xẩy ra, chúng không tung hết lực lượng ra tiêu diệt VNQDĐ chiếm trọn khu vực Phòng Thô mà cứ để cuộc chiến day dứt kéo dài cả năm.

Lý do theo tôi hiểu là Pháp quân không đủ quân số, khu vực VNQDĐ chiếm giữ không mấy quan trọng về chiến lược, mặc dù là ở sát nách với biên giới Trung Hoa, nhưng lại không có đường giao thông thuận lợi. Hai bên biên giới chỉ là núi rừng trùng điệp. Hơn nữa, Pháp quân cũng biết rõ là VNQDĐ, lực lượng không hùng hậu, tiếp tế không còn từ Trung Hoa Quốc Dân Đảng, người bạn đồng minh của VNQDĐ đã bị Pháp o bế rồi, nên làm ngơ không dính vào chuyện giữa hai bên. Chúng cho rằng đến một lúc nào đó nếu cần, chúng chỉ mở một cuộc tấn công càn quét quy mô là xong. Ước tính của chúng như thế, cho nên chúng mở trận chiến giữa VNQDĐ và Pháp và chấm dứt vào đầu năm 1948.

B – NHỮNG NGÀY CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU (24)

Tình hình trong khu vực Phòng Thô, Lai Châu, sau khi VNQDĐ tấn công vào Thị Xã Lai Châu thất bại, thì chỉ có những cuộc chạm súng lẻ tẻ không đáng kể. Nhưng bất ngờ một hôm, Pháp quân đã tấn công đột kích vào Hồi Luông và Yào San, hai cứ điểm thuộc tuyến đầu của VNQDĐ, mà dưới thung lũng là con suối sâu và lớn như con sông vào mùa mưa, từ nội địa Trung Hoa chảy vào, ngăn cách giữa hai bên. Vào mùa cạn thì qua lại khá dễ dàng, nhưng vào mùa mưa lũ thì con suối trở nên rộng hơn và giòng nước chảy như thác đổ, không biết cách lội qua thì có thể mất mạng như chơi.

Hôm đó, rời tối lại có sương mù, sự quan sát bị hạn chế, nên Pháp quân nhờ có nội ứng, chỉ đường vẽ lối đột nhập vào vị trí phòng thủ của VNQDĐ không mấy khó khăn. Quá bất ngờ nên quân phòng thủ chỉ kháng cự được chốc lát rồi bỏ chạy về hướng Mù San. Nhờ có sương mù dày đặc, cách mươi thước không rõ mặt nhau, nên sự thiệt hại về phía VNQDĐ không nặng lắm. Một số người bị chết và bị thương, bị bắt, trong đó có Bà Lê, chỉ huy nữ y tá ở Bệnh viện Lào Kay. Khi trận đột kích vào Yào San và Hồi Luông thì tôi đang ở tuyến đầu tại căn cứ Tả Trùng Phùng.

Với địa thế trong khu vực Phòng Thô thì vấn đề tiếp cứu lẫn nhau quả là khó có thể thực hiện nổi vì đồi núi cao, thung lũng hẹp và sâu. Do đó, đơn vị nào đóng ở đâu thì phải tự lực chiến đấu. Có khi hai đơn vị cách xa nhau cả mấy ngọn núi, xử dụng súng cối 81 ly bắn cũng không tới. Một vũ khí cộng đồng yểm trợ duy nhất của VNQDĐ có trong tay, nhưng chỉ có một vài khẩu. Đạn dược thì rất ít, có khi bắn ba bốn quả mới có một quả nổ. Vũ khí trang bị chủ lực của VNQDĐ cũng chỉ là Trung liên và ít khẩu Đại liên giải nhiệt bằng nước.

Đánh chiếm được Hồi Luông và Yào San, Pháp quân đóng ít lâu rồi cũng rút về phía bên kia suối thuộc ngoại vi Thị Xã Lai Châu, và VNQDĐ lại trở lại chiếm đóng tiếp. Sau vụ bị đột kích đó, Bộ Chỉ huy bắt được tài liệu chứng minh tên Mã đức Nghĩa đã liên lạc với Pháp nên đã có quyết định xử tử tên bội phản đó.

Sự việc như thế này, nguyên là khi Hải Ngoại Bộ do ông Triệu việt Hưng đưa về đánh chiếm Lào Kay, thì có một vài nhóm sĩ quan Trung Hoa thuộc lực lượng địa phương có liên hệ với VNQDĐ cùng tháp tùng theo như nhóm ông Tiêu bảo Hàm, Mã đức Nghĩa v..v..Các nhóm này suốt thời gian VNQDĐ ở Lào Kay đã sát cánh

hoạt động không có gì đáng trách xẩy ra cả. Nhưng đến khi vào Chiến Khu Phòng Thô thì đã bí mật liên lạc với Pháp để cầu mong một vài ân huệ Pháp sẽ ban cho, nên hắn đã chỉ đường vẽ lối cho Pháp tiến đánh vào Yào San và Hồi Luông. Tình hình sau đó cứ lằng nhằng kéo dài, mà không bên nào dứt điểm cả. Sự thực thì VNQDĐ cũng không còn khả năng tấn công nữa. Giữ vững được vị trí chiếm đóng đã là hay lắm rồi.

Khu vực Phòng Thô phải nói rằng là nơi khá trù phú, đời sống dân cư sung túc. Trước khi chúng tôi tới, thì cuộc sống của họ rất bình an không biết súng đạn là gì. Từ khi VNQDĐ tới đặt chính quyền trong vài tháng đầu họ còn đóng góp đầy đủ, nhưng dần dà họ không còn tích cực nữa. Nguyên do lúc đó lo chiến đấu là chính cho nên là VNQDĐ không có giúp ích gì cho họ. Tôi còn nhớ là khi chúng tôi mới đặt chân lên Sập Nhị Lầu và một vài Bản ở lân cận, thì dân cư còn đông đúc, chợ búa đông người mua bán. Nhà nhà, lợn gà chạy loanh quanh, vườn tược rau cỏ xanh tươi. Thì chỉ năm, sáu tháng sau trong toàn bộ Chiến khu Phòng Thô, nếp sinh hoạt làm ăn của dân chúng đã xuống thấp và không còn sinh động nữa. Một số lớn cùng với của cải của họ đã bỏ đi nơi khác, phần lớn là chạy qua biên giới Trung Hoa, nơi họ có họ hàng thân nhân liên hệ. Trong tình hình đó, dĩ nhiên là VNQDĐ phải rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Ông Vũ hồng Khanh với trọng trách Tư lệnh Quân Vụ Bộ, lúc ở Chiến khu, lúc ở Vân Nam để vận động với Chính quyền Trung Hoa Quốc Dân Đảng và Chính quyền địa phương để mưu cầu sự giúp đỡ, nhưng kết quả cũng chẳng đạt được nhiều. Nếu có thì cũng như muối bỏ bể, không làm sao có thể vực lên được. Phải công nhận là ông Vũ Hồng Khanh đã dốc hết lòng vào những ngày, tháng cuối cùng ở Phòng Thô, mặc dù nói chung Ông đã có những lỗi lầm trong vai trò lãnh đạo.

Trong thời gian lắng dịu, ngoài công tác di chuyển đóng quân, chúng tôi còn làm nhiệm vụ tiếp vận. Các lương thực như lúa, bắp mà dân đóng góp cho Mặt trận, chúng tôi dùng ngựa thồ đưa về tập trung ở Bản doanh Sập Nhị Lầu làm kho dự trữ. Công tác này thật là gian nan vất vả. Đường thì xa, núi rừng trùng điệp. Đường đi, lúc lên, lúc xuống, vượt núi, qua đèo, qua suối, có khi phải mất hai, ba ngày mới tới nơi. Nguy hiểm nhất là mỗi khi phải băng qua suối vào những ngày mưa lũ. Suối chảy như thác, xẩy chân là bị nước cuốn đi mất hút. Có lần hành quân qua suối, tôi còn nhớ có một đồng chí VNQDĐ khi lội qua suối, chỉ trượt chân bước lên một hòn đá mà bị nước cuốn phăng đi. Mọi người chỉ còn đứng nhìn, không còn cách nào cứu nỗi. Các đảng viên VNQDĐ người Thổ là có kinh nghiệm qua sông, qua suối, nên họ đi qua một cách dễ dàng. Riêng tôi, vì biết bơi lội cũng khá, nên mỗi khi phải băng qua suối, tôi kiếm chỗ nào hẹp nhất, nước sâu nhất và không có đá ở giữa giòng. Tôi vận dụng hết sức lực phóng người qua, khi thân mình chạm nước là tôi áp dụng lối bơi sải thật nhanh vào bờ. Với phương pháp này, tôi đã rút ngắn được tới ba phần tư bề rộng của con suối. Nếu bắt buộc phải băng qua, thì phải để thân mình không cản giòng nước, có lẽ là đi theo chiều nghiêng. Còn khi tôi áp tải ngựa thồ lương thực, thì mỗi khi qua suối tôi bám lấy đuôi ngựa, thành thử cũng không đến nỗi nguy hiểm lắm. Những ngày làm nhiệm vụ này thật cực nhọc, mưa nắng thất thường, ăn uống thiếu thốn nên sức khỏe cũng yếu dần. Nhiều khi hết muối, phải ăn lạt hàng hai, ba ngày. Cơm ăn thì chỉ có một ít nước muối

dầm ớt (trong trại tù anh em gọi là nước đại dương). Rau cỏ không còn cung cấp nữa vì dân không trồng, thành thử chúng tôi phải ăn rau rừng như rau húng, rau diếp cá, rau tàu bay v.v..mọc đầy ở bờ ruộng. Rau cần ở dưới suối, măng tre ăn cùng lá trà tươi. Đôi khi gặp những cây vả ở bên bờ suối, đói ăn đỡ cũng thấy no bụng.

Lâu lâu chúng tôi may mắn lại bắn được một hai con trâu rừng ở dưới thung lũng. Nói là trâu rừng, chứ thực ra là đàn trâu, bò của Đèo văn Ân khi thấy súng nổ, chúng hoảng sợ bỏ chạy vào rừng, rồi lâu ngày biến thành trâu rừng. Có khi, ban đêm chúng mò về tận đầu nhà, nơi chúng tôi đóng quân. Những ngày đó thì chúng tôi tha hồ mà ăn thịt trâu, còn dư để lên sàn lửa sấy khô ăn dần. Khi đó chúng tôi mỗi người đều có một cái "bạc đà" bằng da trâu, da bò khâu tay dùng để đựng hai, ba bộ quần áo, ít ớt (người mạn ngược thường dùng ớt để tránh sốt ngã nước).

Sống ở Phòng Thô dược ít tháng, quần áo của tôi rách hết chẳng còn gì. Tôi đã dùng những quần áo của dân để lại khi bỏ chạy qua đất Trung Hoa. Lúc tôi mặc bộ quần áo xanh chàm, chân đi đôi giầy vải có thêu hoa, đầu đội cái nón to vành, vai đeo khẩu súng trường, không ai có thể nhận ra tôi lá một anh người Kinh chính cống.

Trong những ngày sống ở Chiến khu Phòng Thô, nơi tôi được thoải mái ăn uống đầy đủ là khi đóng quân ở các Bản Soàn Thầu, Ma Li Phố. Dân ở hai Bản này là người Mán. nhà cửa xây dựng bằng tre nứa và nhà có sàn. Chúng tôi trú ẩn trong những căn nhà bỏ hoang. Chung quanh, ở bờ núi là hệ thống hầm hố phòng thủ. Cũng hên là suốt thời gian đóng quân tại đó, chúng tôi không có đụng độ với địch. Hàng ngày từng toán thay phiên đi tuần tiễu dưới thung lũng, ven đồi núi, và vừa đi săn trâu rừng. Có tuần bắn được đến hai, ba con, ăn không hết, gửi tặng các đơn vị bạn kế cận. Rau cỏ của dân trồng để lại cũng tạm đủ dùng. Các bịch thóc (làm như một cái lều nhỏ) dựng ở ngoài trời. Mỗi nhà thường có hai bịch, một tẻ, một nếp. Mỗi lần ăn, chúng tôi phải đi dã lấy, dân chỉ cấp thóc chứ không bằng gạo. Vào các tháng cuối cùng rời bỏ Phòng Thô, chúng tôi đã phải xuống ruộng gặt lúa lấy vì dân bỏ chạy đi hết. Một là họ đã hết chịu nổi, hai là tình hình chiến trận trở nên sôi động hơn. Cò thể là cả hai lý do đều đúng. Suốt một năm trời sống ở Chiến khu Phòng Thô, tôi chưa bao giờ thấy có một buổi sinh hoạt nào về chính trị cả. Tất cả từ trên xuống dưới đều sao lãng, mà chỉ chú trọng về mặt quân sự. Do đó, Mặt trận đã để xẩy ra nhiều hành động thiếu chính trị với dân chúng… Sự thất bại là lẽ đương nhiên không sao tránh khỏi. Chỉ tiếc rằng sự hy sinh cao quý, lòng nhiệt tâm, chân thành đã không thực hiện được…

Vào tháng cuối năm, qua những ngày làm công tác tiếp tế giữa các vị trí đóng quân ở tiền tuyến với Bản doanh Sập nhị Lầu, tôi bị cảm sốt thương hàn gần hai tháng trời mới khỏi. Tuy rằng nằm bệnh ở Sập nhị Lầu, nhưng không có một phòng y tế nào để săn sóc cho bệnh nhân cả. Chúng tôi, những người bệnh phải săn sóc lẫn nhau. Hơn hai tháng nằm trong một căn nhà để hoang, cách không xa Bộ Chỉ Huy, tôi không thấy một ai đến thăm hỏi cả. Đến bây giờ, nhiều khi nhớ lại, tôi không hiểu tại sao lại có thể qua khỏi được. Không thuốc men, không thức ăn bồi dưỡng, không đủ quần áo ấm, trong khi thời tiết về cuối năm thật lạnh giá. Để chống với

cái lạnh của rừng núi, chúng tôi thường trực đốt một đống lửa lớn tại giữa nhà, rồi bắc ván nằm ngay kế cận. Cũng vì nằm thường trực bên đống lửa, nên mặt mũi ai cũng vàng khè. Đầu tóc tôi do bị bệnh đã rụng hết. Nếu lúc đó mà nhìn vào trong gương sẽ chẳng nhận ra mình nữa. Có lần thấy tôi nằm thiếp đi, anh em bên cạnh tưởng tôi chết rồi, liền bàn nhau tính mang ra đầu núi liệng xuống khe cho xong. Nhưng số mạng chưa đến ngày chấm dứt, nên tôi dần dần khỏe lại. Đặc biệt không hiểu có phải ăn thịt ngựa hay không mà sức khỏe tôi trở lại rất mau. Theo lẽ ra thì người mới khỏi bệnh thì không được ăn, nhưng vì thiếu thốn lại thèm ăn quá, nên tôi cứ ăn đại, chết bỏ. Dùng thịt ngựa, uống nước lá ổi đun sôi, mấy ngày trời cũng không thấy xảy ra. Sau khi lành bệnh, tôi lại trở về đơn vị của ông Bào đóng tại Mali phô, Soàn Thâu.

Một hôm chúng tôi nhận dược lệnh của Bộ Chỉ Huy Sập nhị Lầu là phải kiểm tra, bắt giữ những tên Xạ Phang từ Huyện Mường Là (Trung Hoa) thường lui tới Thị xã Lai Châu để buôn bán, tiếp tế cho Pháp quân. Chúng tôi lên đường từ sáng tinh sương, và tới địa điểm phục kích vào lúc trời sáng. Con dường mòn rộng rãi, chạy theo các thung lũng hẹp từ bên kia biên giới vào Thị xã Lai Châu không mấy xa, là vì con đường tắt. Bọn con buôn người Tàu Xã phang sinh sống ở biên giới thường xử dụng để đột nhập vào VN. Chúng đi từng đoàn, có lúc hàng trăm tên cùng với ngựa thồ đày ắp các mặt hàng. Mặt trận có biết rõ và chúng đã phải nộp thuế, nhưng từ sau cuộc đột kích của Pháp quân vào Yào San và Hồi Luông, thì chúng bị áp lực của Pháp không nộp thuế, cung cấp thực phẩm cần thiết cho Mặt trận nữa. Do đó mới có chuyện chúng tôi đi phục kích để cảnh cáo chúng.

Vào khoảng gần trưa, thì đoàn người ngựa lọt vào ô phục kích. Từ các vị trí cao ở bên đường, chúng tôi khai hỏa một lượt, nhưng chỉ có tính cách hăm dọa. Bọn chúng từ trên mình ngựa nhẩy xuống trước họng súng của chúng tôi. Có tên lộ vẻ lo sợ, có tên hung hăng định rút dao ra kháng cự. Chúng tôi đồng loạt lên đạn, khiến chúng tưởng chúng tôi bắn thật, nên đành vứt dao xuống đất và dơ tay đầu hàng. Chúng tôi lùa chúng vào một cái hang núi ở gần đó, lục xoát tước hết dao búa. Ông Bào cho chúng biết lý do và sau đó dẫn chúng về vị trí đóng quân để chờ lệnh của B.C.H. tại Sập nhị Lầu. Nghĩ lại tôi thấy hành động của chúng tôi lúc đó có vẻ anh hùng lương sơn bạc quá. Ngày đó chúng tôi bắt giữ khoảng năm, sáu chục tên, khám xét hàng hóa thì toàn các thứ linh tinh thích hợp với người địa phương. Riêng tôi đã được một con dao găm, chuôi trạm trổ rất đẹp. Giam giữ chúng cho đến trưa ngày hôm sau thì được lệnh của B.C.H. cho thả chúng ra, có lẽ không muốn gây rắc rối với Chính quyền địa phương Mường Là. Tuy nhiên sau vụ xảy ra đó, bọn thương nhân Xạ Phang đã phong tỏa Mặt trận gần một tháng trời, làm chúng tôi không đủ muối ăn. Về sau phải cử người sang can thiệp mãi mới yên chuyện. Kinh tế eo hẹp, tài chính không có, B.C.H. phải lấy súng và ngựa để đổi lấy muối và một vài thứ cần dùng khác…

B – NHỮNG NGÀY CHIẾN ĐẤU TRONG CHIẾN KHU (25)

Trong các tháng vào cuối năm 1947 các cuộc đụng độ với Pháp quân đã tăng hơn trước. Theo tin tức ghi nhận được thì Pháp quân đã được tăng cường về quân số, sân bay được tu bổ và mở rộng. Tại vùng đồng bằng Bắc Việt, Pháp quân càng

ngày càng đẩy lui VMCS về khu vực rừng núi và mở rộng khu vực chiếm đóng. Tại Lai Châu, chúng dọn đường tấn công sang vùng Yên Bái, Tuyên Quang và sang vùng Thượng Lào. Cái gai chướng ngại VNQDĐ vì thế mà chúng cần phải nhổ đi. Trong tình hình đó, Bộ Chỉ Huy (BCH) Sập Nhị Lầu cũng nhận ra chiều hướng sẽ phải xẩy ra sớm hay muộn, nên một mặt thu hẹp và tăng cường tuyến phòng thủ, một mặt ông Vũ Hồng Khanh trở lại Côn Minh vận động với chính quyền địa phương giúp đỡ người và vũ khí. Không hiểu ông Vũ vận động ra sao, thì một ngày kia tôi thấy có một số chí nguyện quân người Trung Hoa vượt biên giới sang Sập Nhị Lầu. Trước sự hiện diện của toán quân này (có mặc quân phục hẳn hoi). Chúng tôi thấy phấn khởi hẳn lên, và nghĩ rằng Trung Hoa Quốc Dân Đảng đã trở lại giúp đỡ… BCH Sập Nhị Lầu đã tiếp đón họ rất nồng hậu, giết trâu, giết heo chiêu đãi mấy ngày. Có điều tôi nhận xét thấy toán quân chỉ trang bị súng nhẹ, có tên chỉ mang trên mình năm ba quả lựu đạn chày, thành thử chúng tôi đâm ra nghi ngờ khả năng chiến đấu của toán chí nguyện quân đó. Sau ít ngày ăn uống no nê, nghỉ ngơi, BCH điều động chúng ra tiền tuyến cùng phối hợp với VNQDĐ mở cuộc tấn công vào các vị trí đóng quân của Pháp. Vài bữa sau, tôi và mấy người bạn đang có công tác tại Sập Nhị Lầu, thì hay tin cuộc tấn công của VNQDĐ và chí nguyện quân vào Pháp quân đã bị thất bại. Toán chí nguyện chết và bị thương một số, bỏ chạy tán loạn về Sập Nhị Lầu rồi rút về phía bên kia biên giới và không bao giờ giám bén mảng tới nữa. Sự ước đoán của chúng tôi quả là không sai, và sau tìm hiểu ra thì chúng thuộc các lực lượng địa phương vùng biên giới mà thủ lĩnh của chúng có sự liên hệ giao dịch với ông Vũ. Chúng tưởng sang giúp VNQDĐ thì thế nào cũng có nhiều của cải sẽ lấy mang về được, chứ có ngờ đâu lại đâm đầu váo tổ ong bò vẽ. Chỉ tội cho Mặt trận,có bao nhiêu lương thực bỏ dôc ra cho chúng ăn, tưởng phen này có chúng sang giúp sẽ vươn lên được. Ngờ đâu, chỉ mới ra trận lần đầu đã thua chạy tán loạn, không kịp một lời từ giã!

Kinh tế đã eo hẹp, sau trận đó lại càng thiếu thốn hơn. Dân cư trong vùng kiểm soát càng ngày càng thưa thớt. Những gì còn sót lại của dân không mang đi được, chúng tôi ăn dần cũng hết. Thành thử Pháp quân không cần tổng tấn công, Mặt trận rồi cũng phải rút bỏ, không còn cách gì để chiến đấu nữa. Thế mới biết, tinh thần có cao đến mấy, mà bụng lép kẹp thì cũng phải thua thôi.

Nhưng rồi đến tháng 1/1948, quân Pháp mở cuộc tổng tấn công thật. Đây cũng là một dịp thuận lợi để chứng tỏ là Mặt trận đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, chứ không phải bỏ ra đi một cách thầm lặng, đắng cay.

Từ Yào San ở phía Đông sang Mali phố Tả Trùng Phùng ở phía Tây, đồng loạt bị tấn công vào lúc mờ sáng. Lần này không phải như các cuộc tấn công đột kích lẻ tẻ trước, mà Pháp quân đã xử dụng tối đa hỏa lực súng cối 60 và 81 ly rót vào trước khi cho quân bộ xung phong vào phòng tuyến. Tuy nhiên trước cuộc tấn công mãnh liệt của Pháp, VNQDĐ đã chống trả rất can trường và một phần cũng nhờ vào ưu thế của vị trí phòng thủ. Dĩ nhiên là đến lúc súng đạn cạn dần, kẻ chết, người bị thương rồi cũng phải rút lui. Trong những người hy sinh có ông Vương Cát Đạo, một huấn luyện viên của chúng tôi tại trường Quân Chính Việt Trì. Một cán bộ, đảng viên VNQDĐ ưu tú đã bị thương nặng phải chịu nằm lại chiến trường, chịu chết một cách rất bình tĩnh,can đảm khiến ai cũng phải cảm phục. Từ đó, Mặt trận

cứ phải lui dần, hết Tả Trùng Phùng, Mù San đến Sính Trại, Hoàng Ma Trại, Mali Trại, các căn cứ bảo vệ BCH Sập nhị Lầu. Khi Pháp quân lập được đầu cầu hai căn cứ bảo vệ hai bên sườn của BCH Sập Nhị Lầu thì Đội của tôi đang bố trí bảo vệ BCH ở mặt trước, nhờ thung lũng sâu và xa các đồi núi đối diện, nên không bị pháo của địch rót vào. Tất cả lực lượng còn lại đều lui về trụ ở hai Bản Mali Trại và Hoàng Ma Trại cách xa BCH khoảng nửa tiếng đồng hồ di chuyển. Địa thế không còn bị cách trở bởi các thung lũng sâu, mà chỉ còn là các thế đất yên ngựa mà Sập Nhị Lầu là điểm cao nhất. Dựa lưng vào một thung lũng sâu và rộng, mà bên kia núi là lãnh thổ Trung Hoa. Bởi vậy khi Pháp quân lập được hai đầu cầu thì tình thế của VNQDĐ trở nên trầm trọng, không còn dựa vào địa thế hiểm trở để phòng thủ hữu hiệu hơn. trong nửa tháng trời chiến đấu liên tục, quân số và sinh lực đã giảm sút, tiếp tế đạn dược không có, nên hỏa lực phòng thủ thưa dần. Tại Sập Nhị Lầu đã nghe rõ dần pháo của địch nổ không ngớt, hòa với khói lửa chúng đốt nhà, khói bay ngút trời. Pháp quân tiến tới đâu, chúng đốt phá sạch đến đó, dân chúng đã bỏ chạy sang bên kia biên giới từ mấy ngày trước. Chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng để nghênh chiến, mặc dầu ở trong tình thế bất lợi, đạn dược chẳng còn bao nhiêu. Qua hai ngày cầm cự trước hỏa lực áp đảo của địch, hai cánh quân đã lui dần về gần BCH. Đạn súng cối của địch bắt đầu rót vào cứ điểm cuối cùng của Mặt trận và tiếng súng nhỏ đã âm vang dội về. Đến buổi chiều, thì BCH quyết định bỏ Sập Nhị Lầu vì thấy rằng có cố thủ cũng vô ích, chỉ gây thêm thiệt hại. Hơn nữa số lượng đạn dược trên người hầu như gần cạn. Giờ khởi sự rút lui được ấn định vào lúc gần nửa đêm. Trời tối sẽ giúp cho sự rút lui hoàn thành dễ dàng hơn. Thực tế, thì chúng tôi cũng chẳng còn gì để mang theo, ngoài cái bạc đà đựng quần áo và lương khô, cùng khẩu súng trường khoác trên vai. Trước khi lên đường, mấy đồng chí VNQDĐ đã đãi tôi một bữa thịt mèo mà họ đã bắt được của một nhà nào đó, đó là lần đầu tiên trong đời và cũng là lần chót mà tôi đã thưởng thức món thịt mèo. Kể ra thì trong trường hợp thiêu thốn, ăn cái gì cũng thấy ngon, như món thịt ngựa đã giúp cho tôi lành bệnh mau chóng. Khoảng mười giờ đêm, thì các đơn vị đã tập trung gần đầy đủ, ngoại trừ một số phải ở lại làm nhiễm vụ cản hậu.

C – Trên đương sống lưu vong tại Trung Hoa (26)



Bản Đồ Trung Hoa

Trong bóng tối dày đặc của đêm cuối năm, đoàn quân lại một lần nữa rút chạy sang đất nước người, và cũng là lần chót của VNQDĐ sau những năm chiến đấu trong Chiến Khu Phòng Thô đầy gian khổ. Sập Nhị Lầu nằm sát ngay biên giới nên chúng tôi chỉ di chuyển một thời gian ngắn là đổ dốc xuống thung lũng.

Khoảng đường không dài lắm nhưng vì đêm tối, đường đi khúc khuỷu, lúc lên, lúc xuống nên gần sáng chúng tôi mới tới con suối nhỏ ngăn đôi hai dãy núi cao và cũng là ranh giới phân chia lãnh thổ hai nước Việt Nam (VN) Trung Hoa. Vào gần trưa thì chúng tôi leo tới gần đỉnh núi, nhìn lại hướng Sập Nhị Lầu lửa cháy mịt mù, xen lẫn tiếng súng nổ ran của Pháp quân đang truy kích toán quân cản hậu của chúng tôi đang vượt qua biên giới.

Cuộc hành quân tháo lui hoàn tất vào lúc xế chiều ngày 23 tháng Chạp âm lịch năm Mậu Tý, vào khoảng trung tuần tháng 2/1948. Kiểm điểm lại toàn bộ lực lượng sau cuộc tấn công lần cuối cùng của Pháp quân vào VNQDĐ trong Chiến Khu Phòng Thô thì thấy thất lạc một số người trong đó có anh Ngạn (QGTNĐ). Sau hai năm chiến đấu trong Quốc Dân Đảng, QGTNĐ khi rời Hà Nội cuối tháng 2/1946 lên Đệ Tam Chiến Khu gồm khoảng sáu mươi đoàn viên, rồi hai tháng sau đó toàn thứ hai khoảng ba mươi đoàn viên lên sáp nhập vào Đoàn để cùng theo học lớp Quân Chính Việt Trì.

Tới khi VMCS tổng tấn công vào Đệ Tam Chiến Khu từ Vĩnh Yên tới Lào Kay, rồi rút lui vào Chiến Khu Phòng Thô qua ngả Bát Xát, Trịnh Tường, Mường Hum và vòng qua biên giới Trung Hoa, thì số lượng đoàn viên QGTNĐ gồm khoảng 90 người. Khi tôi đặt chân lên đất Trung Hoa lần thứ hai chỉ còn lại có năm, sáu người kể cả hai anh Việt và Tạo bị thương sang trước. Lúc ở Sập Nhị Lầu chỉ còn có các anh Nguyễn sĩ Hồng, Mai ngọc Bảo, Ngạn và tôi. Số đoàn viên vắng mặt gồm một số bị bệnh bỏ về Hà Nội khi còn ở Việt Trì, một số bị bệnh chết và thất lạc khi VMCS tấn công vào Lào Kay, và trên đường rút lui vào Chiến Khu Phòng Thô.

Lên tới đỉnh núi, chúng tôi gặp một Bản người U Lý. Họ đang tụ tập ở đầu bản nói chuyện líu lo, chỉ chỏ hướng về phía bên kia biên giới, nơi đang có khói lửa đầy trời. Trong đó có cả những gia đình từ VN chạy sang. Họ nhìn chúng tôi với vẻ mặt không thiện cảm cho lắm, vì sự có mặt của chúng tôi đã làm cho cuộc sống bình an của họ phút chốc trở thành tang tóc đau thương, nhà cửa, ruộng vườn tan hoang.

Trong hoàn cảnh lưu vong sang đất nước người, tôi chỉ còn có sự im lặng, tiếp tục lên đường.Đêm đầu tiên, chúng tôi nghỉ ngoài trời, dĩ nhiên là dân chúng địa phương chẳng bao giờ cho chúng tôi vào ngủ nhờ nhờ trong nhà. Ngày kế tiếp, càng đi sâu vào nội địa, đường không còn lên cao, xuống thấp, rừng cây cũng đỡ rậm rạp hơn.

Trên lộ trình di chuyển, chúng tôi không gặp một rắc rối nào với dân cư địa phương, vì lẽ trước ngày rời khỏi Sập Nhị Lầu, BCH đã cho người sang liên lạc với Chính quyền địa phương cho phép Mặt trận sang tá túc, đồng thời cấp báo cho ông Vũ Hồng Khanh và Hải ngoại Bộ VNQDĐ vận động với Quốc Dân Đảng Trung Hoa để được giúp đỡ. Đến xế chiều thì đoàn quân tới đồn Lản Thán, một đồn binh của Chính phủ Trung Hoa làm nhiệm vụ canh phòng biên giới. Sau khi một cán bộ

VNQDĐ vào trình diện và trình bày tự sự, thì một sĩ quan Trung Hoa tới ra lệnh chúng tôi tập trung vào một khu đất trống trước cổng đồn để họ tước khí giới theo đúng luật công pháp quốc tế. Khi kiểm tra vũ khí và đạn dược, các sĩ quan đồn binh đã không khỏi ngạc nhiên là số lượng đạn dược còn lại của chúng tôi quá ít, mà phải chiến đấu với một đoàn quân võ trang quá đầy đủ như quân Pháp. Sau khi giao nộp hoàn tất, thì chúng tôi được sĩ quan trưởng đồn binh cho tạm trú ở một khu nhà bỏ trống và cấp phát gạo nước, trong khi chờ đợi quyết định của Huyện Trưởng Huyện Kim Bình.

Qua một đêm ngủ yên tĩnh, sáng hôm sau Trưởng đồn binh báo cho biết chúng tôi chuẩn bị di chuyển về Kim Bình. Từ chỗ nghỉ đêm về tới Huyện, khoảng cách không xa lắm, hơn nữa đường đi rộng rãi và bằng phẳng trong một thung lũng tương đối rộng.

Các bản làng lâu lâu lại xuất hiện bên sườn đồi, hoặc bên một con suối rộng. Dân cư trong vùng thuộc sắc tộc người Xạ Phang, người Mán, người Lô Lô. Trên lộ trình di chuyển, không rõ có phải là ngày chợ phiên không, mà thấy khá đông, từng đoàn lừa ngựa, trên lưng thồ đầy hàng hóa cùng hướng về Huyện Kim Bình.

Cảnh tượng thật vui, đầy màu sắc qua các cô con gái ăn mặc quần áo thêu hoa sặc sỡ, chân tay đeo vòng bạc, vòng đồng lấp lánh, tiếng kêu lanh canh của các nhạc đeo ở cổ lừa, ngựa, tạo thành một bức tranh sống động ở một khu rừng núi vào một buổi sáng sớm mù sương.

Chúng tôi cảm thấy phấn chấn và yêu đời, dù rằng tương lai chưa biết đi về đâu. Tới trưa thì chúng tôi đến một con suối lớn gần như sông, nhưng vào mùa cạn vẫn có thể lội qua được. Con suối này chảy qua ngoại vi của Huyện lỵ rồi tới sông Mãn Hâu chảy vào VN (sông Hồng). Qua suối không mấy khó khăn. Chúng tôi được nhân viên sở tại đón và đưa về tập trung ở một ngôi trường học đang bỏ trống nhân dịp học sinh nghỉ Tết Âm lịch.

Hôm đó là ngày 25 Tết Mậu Tý năm 1948, nên đường phố trong Huyện tấp nập, kẻ mua người bán sắm tết. Ngôi trường ở ngay đầu Huyện, nên chúng tôi hàng ngày không có việc gì, thường thả bộ ngắm phố phường cho quên cảnh lữ thứ. Tuy bị tập trung, nhưng Huyện trưởng cho chúng tôi được đi lại thoải mái, có lẽ ông ta biết rõ chúng tôi thuộc thành phần nào rồi. Hàng ngày BCH (lúc đó ông Đạt và ông Nghi trông coi) cắt cử người tới kho của Huyện lãnh thực phẩm về phân phối cho chúng tôi. Thực phẩm thì đại loại có gạo, muối và rau tươi. Lâu lâu có phát ít thịt bò, thịt heo. Năm hết Tết đến, chúng tôi chẳng có gì hơn để vui Xuân với thiên hạ.

Chúng tôi vui buồn lẫn lộn trong cái cảnh tha hương, mất nước. Đối với tôi, Tết Kim Bình là cái Tết thứ hai trên lãnh thổ Trung Hoa sau cái Tết tại Bản Hoang Thiền, và cũng là cái Tết xa gia đình và quê hương. Khi đó ba anh em chúng tôi, anh Hồng, anh Bảo và tôi, sau có anh Việt (Lục quân) nhập theo, chúng tôi ăn uống, ngủ chung một chỗ, chia ngọt sẻ bùi trong những ngày sống tại trường học ở Huyện Kim Bình. Rồi Tết cũng trôi qua không luyến tiếc.

Cuộc sống hàng ngày vẫn diễn ra như thường lệ, ngày lo hai bữa ăn rồi đi dạo chợ qua ngày tháng, đợi cấp lãnh đạo VNQDĐ giải quyết. Ở được gần hai tháng, một

hôm Huyện trưởng cho tập trung chúng tôi lại nói chuyện. Ông ta cho chúng tôi biết là cấp trên của Huyện có kế hoạch đưa tất cả chúng tôi tới một khu vực cách xa Huyện lỵ nửa ngày trời để khẩn hoang canh tác. Lúc khởi sự, chính quyền địa phương sẽ cung cấp phương tiện, sau một thời gian sẽ phải tự túc. Ngoài ra, Huyện cũng tuyển mộ khoảng ba mươi người để bổ sung tăng cường cho lực lượng bảo vệ an ninh Huyện. Chúng tôi được vài bữa để chuẩn bị lên đường. Về tới chỗ ở, chúng tôi cùng nhau bàn luận để quyết định ra sao. Sau cùng, chúng tôi đồng thỏa thuận là bỏ trốn lên miền trên tức Khai Viễn, Côn Minh.

Chúng tôi không thể nào ở lại để vào khu kinh tế mới vì chúng tôi xuất thân là thanh niên, học sinh, có hay biết gì về nghề nông, trồng trọt. Hơn nữa lại phải sống chung và dưới quyền chỉ huy của người Thổ. Họ mạnh khỏe, sống quen ở rừng núi, thường hay lấn át người Kinh vì cậy đông hiếp yếu. Do đó, khi mà còn ở Lào Kay cũng như ở Phòng Thô, BCH phải tổ chức thành hai cánh quân người Thổ và Kinh để tránh mọi sự tranh chấp, chia rẽ và dễ điều khiển. Vào đó để rồi chết bệnh, chết già ở đó sao!

Chúng tôi còn có những hoài bão lý tưởng riêng tư, trong khi tuổi mới thanh xuân vào đời. Còn tình nguyện đầu quân vào lính Huyện thì lại không thể xẩy ra được, không lẽ vì sự sống hàng ngày mà trở thành người lính đánh thuê vô mục đích. Thua keo này thì bày keo khác, thắng bại trên đời là lẽ thường tình, tuổi đời còn dài, có chí khí, có quyết tâm thì rồi cũng phải thành công. Vì những lẽ đó, mà chúng tôi có thể chôn vùi cuộc sống tương lai trong cái khu rừng núi biên khu, khỉ ho, cò gáy đó được sao.

Riêng những anh em người Thổ và gia đình của họ, thì đó là trường hợp thích nghi nhất, nên họ tỏ ra rất đồng ý không chống đối gì cả. Về số anh em xung phong vào lính Huyện có gần mấy chục, dĩ nhiên có nhiều đảng viên VNQDQ trong đó có năm ba anh thuộc trường Lục Quân Yên Bái.

Tôi nhớ có anh Độ, anh được Huyện cho giữ chức Trung đội Trưởng. Sau này khi lên sống ở mạn trên, được nghe tin một đêm Huyện Kim Bình đã bị thổ phỉ vào đánh cướp Huyện lỵ. Số lính địa phương bỏ chạy hết, tuy còn Trung đội của anh Độ đã kháng cự quyết liệt và sau đó đánh đuổi được bọn thổ phỉ ra khỏi Huyện. Sau trận đánh đẹp đó, anh Độ và các anh em VNQDQ dưới quyền đã được Huyện trưởng và dân chúng trọng nể, tôn vinh hết lòng. Khi Trung Cộng làm chủ Trung Hoa thì không hiểu các anh em đó ra sao ?!

Trên đương sống lưu vong tại Trung Hoa (27)

Để chuẩn bị cho việc ra đi, hàng ngày chúng tôi để dành ra một ít gạo và muối. Theo dò hỏi dân địa phương từ Kim Binh tới Mông Tự (một Huyện lớn, dân cư đông đúc, nằm ở phía nam Khai Viễn) mất mấy tiếng đồng hồ đi tàu hỏa, còn đi bộ phải ít nhất là năm ngày đi bằng đường bộ.

Trước một ngày, đoàn người lên đường vào vùng kinh tế mới, chúng tôi âm thầm nắm cơm vào chiều hôm trước, và vào lúc trời còn chưa sáng, sương mù bao phủ cảnh vật, bốn anh em chúng tôi, vai đeo túi nải, lặng lẽ ra khỏi ngôi trường tá túc, hướng thẳng về phía cuối Huyện, nơi xuất phát con lộ dẫn lên Mãn Hậu. Trời còn

quá sớm, thời tiết lạnh giá, phố xá còn đóng cửa im lìm, không một bóng người, ngoài bốn chúng tôi vội vã lẫn tránh dưới các mái nhà bên hè phố, trong sương mù dày đặc. Khoảng 20 phút thì chúng tôi ra khỏi Huyện an toàn. Theo con lộ ngoằn nghèo, bên các dãy đồi uốn khúc, chúng tôi đi thật nhanh, một phần sợ bị phát hiện, một phần cho đỡ lạnh. Tới khi trời sáng, thì chúng tôi đã đi được khá xa.

Chung quanh vẫn đồi núi chập chùng nhưng không cao lắm, vả lại đường đi cũng rộng rãi và dễ đi. Từ các ngã đường phụ chạy ra con lộ chính, lâu lâu tôi lại thấy một toán người ngựa thồ hàng hóa nhập vào, thành thử trên lộ trình đi cũng không đến nỗi vắng vẻ cho lắm. Họ là những khách thương hồ người Xạ Phang từ khắp nẻo vùng biên địa đi tới, đi lui giữa Kim Bình-Hồ Kiều-Mông Tự ngày này sang ngày khác. Tôi không thấy họ có vẻ gì là nóng vội, trái lại ung dung, thư thái ngồi trên mình ngựa, lâu lâu lại xử dụng chiếc điếu cày dài, chạm trổ, bịt bạc rất tinh vi. Họ dùng loại thuốc bào vàng (dàng dến) chứ không dùng thuốc lào như người mình, loại thuốc vàng này có thể hút liên miên mà không sợ say.

Mỗi khi hút thuốc, họ dùng chỉ thèo bằng giấy bản cuốn lại thay cho đóm, chỉ cần thổi nhẹ là lửa bùng cháy. Tiếng rít thuốc kêu sòng sọc cùng với tiếng vó ngựa đập lên những tảng đá trải trên đường, hòa với tiếng chuông buộc cổ ngựa, tạo nên một bầu không khí vui tai là lạ. Do đó, đường xa lên lên, xuống xuống, chúng tôi không cảm thấy mệt nhọc, và gần xế chiều thì chúng tôi tới bờ sông Mãn Hậu.

Con sông lớn này chảy vào VN ở khoảng đồn Bát Xát (Lào Kay) và được gọi là sông Hồng vì giòng nước có mang theo màu đất phù xa màu hồng. Chúng tôi cùng với đoàn người ngựa qua sông bằng những con đò lớn. Ở bên kia sông là một phố nhỏ có hàng quán bán thức ăn, một vài quán trọ cho khách buôn bán nghỉ chân. Mãn Hậu là ngã ba con đường từ Kim Bình tới, cũng như từ Hồ Kiều, giáp ranh với Lào Kay lên, rồi từ Mãn Hậu đi lên Mông Tự. Đó là con đường tắt (Séo Lủ) băng qua các đồi núi cao nên đã rút ngắn được một phần đường. Các khách thương hồ thường dùng con đường này để rút ngắn thời gian.

Ngoài con đường này, người ta có thể dùng tàu hỏa từ Hồ Kiều lên Mông Tự, hoặc đi bộ dọc theo đường tàu hỏa. Như vậy thì người từ Kim Bình tới, hoặc từ Mãn Hậu đi, phải mất thêm một ngày để đi về Hồ Kiều. Tại Mãn Hậu, chúng tôi đang tính tìm một cái quán nào bỏ trống, nghỉ đỡ qua đêm, thì may mắn chúng tôi gặp một người đồng hương. Ông này hỏi han đôi lời, rồi kéo chúng tôi về nhà ông ta. Nhà ông ở ngay kế cận con sông, có mở cửa hàng thợ mộc. Ông cho biết là ông đã sang sinh sống từ lâu, khi Pháp còn đô hộ VN và con đường tàu hỏa Hà Nội-Vân Nam còn thông suốt. Cuộc sống của gia đình ông ta có vẻ đầy đủ, bình an.

Đêm đó chúng tôi được gia đình ông đãi một bữa cơm, tuy không có cao lương mĩ vị gì, nhưng quả là ngon miệng nhất từ ngày mới lưu vong sang Trung Hoa. Chúng tôi vừa ăn cơm vừa trò chuyện cho tới tận khuya mới đi ngủ. Đêm đó thật êm đềm, không thao thức. Sáng sớm ngày hôm sau vừa thức dậy, gia đình ông chủ nhà đã nắm sẵn cho chúng tôi mỗi người một nắm cơm và một quả trứng luộc. Ngoài ra trước khi lên đường, gia đình ông còn cấp cho ít gạo đi đường và không quên lì xì ít đồng quan kim để làm lộ phí. Ông đã khẩn khoản chúng tôi ở lại chơi vài ngày, nhưng vì sợ làm phiền và cũng nóng lòng lên tới Mông Tự cho yên.

Trên đất nước người, tình cảm con người đồng hương quả là sâu đậm, vì thế mà chúng tôi cảm thấy ấm lòng đôi chút. Đường tắt gọi là Séo Lủ nên phải leo núi hơi nhiều. Được một hai tháng nghỉ ngơi, nên sức khỏe khá hơn nhiều. Bệnh sốt rét trong tôi không con dằn vặt nữa, nên dường dài và gian nan, chúng tôi cũng vượt qua không mấy mệt mỏi. Bạn đường của chúng tôi vẫn là những nhóm thương hồ người Xạ Phang với ngựa thồ và hàng hóa của họ.



Hình minh họa thổ phỉ người Tàu

Theo dân địa phương cho biết thì trên lộ trình chúng tôi đi qua là sào huyệt của bọn thổ phỉ. Chúng có thể là binh lính đào ngũ, là dân thường vì bất mãn với chính quyền cai trị, với xã hội bất công, vì lười biếng không chịu làm ăn và hàng trăm lý do khác… Chúng trang bị súng ống như binh lính của chính quyền, có tổ chức, có chỉ huy đàng hoàng.

Ở Trung Hoa có câu truyền miệng "được làm vua thua làm giặc là vậy". Cuộc sống của chúng được coi như những anh hùng Lương Sơn Bạc, mỗi tên Trùm làm Vua một cõi rừng núi, tạo ra luật pháp riêng của chúng, tác oai, tác quái lên đầu dân lành, ai không chịu đóng thuế cho chúng thì bị hạ sát ngay, nếu không thì phải bỏ của, bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Vì vậy, các toán thương hồ thường phải qua lại trong vùng kiểm xoát của chúng, muốn làm ăn trôi chảy thì bắt buộc phải đóng thuế cho thổ phỉ. Tuy vậy trên suốt đoạn đường từ Mãn Hậu lên tới Mông Tự, tôi không thấy một trạm kiểm soát nào của chúng cả. Chúng ẩn hiện bất thường, không biết sao mà lẩn tránh được. Do đó muốn làm ăn, mọi người âm thầm đóng thuế mà không dám kêu ca, hoặc báo cáo cho Chính quyền sở tại.

Còn binh lính của địa phương, lâu lâu cũng mở cuộc hành quân tảo thanh lấy lệ, nên chẳng bao giờ có đụng độ giữa hai bên cả. Vô hình chung , chúng được coi như được chấp nhận, miễn là đừng có những hành động quá đáng như đánh cướp vào các bản làng, phố huyện, cơ quan chính quyên. Thành thử những toán thương hồ cùng đi với chúng tôi, chúng chẳng có vẻ gì là lo âu, sợ sệt, hút thuốc nói chuyện líu lo vang cả một khu đường rừng núi, không coi thổ phỉ ra cái thớ gì cả. Còn riêng chúng tôi nghĩ, thì với tấm thân, hình hài chẳng ra gì, quần áo thì nửa Kinh, nửa Mán, vai đeo túi rết trong đựng một hai bộ quần áo, ít gạo, ít muối.

Với tài sản đó, thổ phỉ có bắt gặp chúng tôi, chắc cũng buồn lắm, có khi còn dẫn vào sào huyệt đãi đằng nữa là đằng khác. Thế rồi, cứ ngày di, đêm nghỉ theo từng chặng đường đã tính trước. Bọn khách Xạ Phang nghỉ thì chúng tôi cũng ngừng

chân…thường thì cứ hàng ngày, từ tờ mờ sáng trông rõ hình người thì chúng tôi lên đường và khi sương chiều xuống nặng hạt, thì cũng vừa đặt chân tới một Bản, Làng hay một xóm nhỏ.

Dĩ nhiên là chúng có phương tiện và là khách quen nên ăn ở thoải mái hơn nhiều. Chúng tôi như thường lệ, lại kéo nhau vào một trái nhà để củi, để rơm của dân, nấu nướng cho ngày hôm sau.

Cảnh rừng núi thì ở đâu cũng giống như nhau, hết leo lên đồi mỏi gối lại xuống núi chồn chân. Rừng núi vắng lặng, ngoài tiếng chim kêu, vượn hú, suối chảy róc rách qua các hốc đá mọc rêu xanh, có các cành hoa dại đủ màu sắc, in bóng lên giòng nước trong veo.

Đôi khi chúng tôi dừng chân bên bờ suối vắng, bỏ cơm nắm ra ăn, cùng nhấm nháp mấy trái mận rừng, uống nước suối, quả thấy ngọt làm sao. Bữa nào nắng ráo đẹp trời, chúng tôi lại xuống suối tắm, sau đó cảm thấy tinh thần, thể xác khỏe ra, thoải mái, không còn thấy mệt mỏi là gì. Vào ngày thứ năm, cũng là ngày ước tính lộ trình thì tới Mông Tự, tôi thấy đồi núi xuống thấp dần, thoai thoải, Bản, Làng xuất hiện càng nhiều hơn. Rừng cây thưa thớt, có thể quan sát được xa.



Mông Tự (đỏ) nằm giáp giới Việt Nam

Cảnh trí rừng núi, khiến chúng tôi vui chân bước thật lẹ, có khi vượt qua cả đoàn lừa, ngựa và chẳng mấy chốc chúng tôi đã thấy xuất hiện ra trước mắt một thung lũng rộng, những ngôi nhà quét vôi trắng nổi bật trên nền xanh cây cỏ. Các con đường từ mọi nẻo dẫn vào trung tâm Thị trấn Mông Tự ở dưới chân đồi. Càng xuống dần chân núi, cảnh sinh hoạt trong thung lũng thật nhộn nhịp, dù lúc đó đã xế chiều. Người và xe cộ qua lại cùng với tiếng còi tàu hỏa rít lên từng hồi trong sân ga, tạo nên cảnh sống động của một Thị trấn đông dân cư và phồn thịnh. Sau hơn một năm sống chui rúc trong rừng núi, xa cảnh nhộn nhịp của đô thị, nay trước cảnh tượng đó khiến chúng tôi không khỏi thấy lòng nôn nao, rạo rực. Một tương lai rộng mở, một niềm hy vọng mới tràn ngặp tâm tư. Chúng tôi tới cửa ngõ của Thị trấn Mông Tự vào lúc xế chiều, và sương chiều cũng đã bắt đầu rơi xuống. Mọi cửa hàng đã lên đèn sáng trưng, vì ngày tháng lúc này vẫn thuộc mùa Đông, nên trời tối sớm hơn. Thị trấn Mông Tự cũng có điện nhưng không đủ dùng, nên các cửa hàng buôn bán về đêm phải thắp đèn măng sông hoặc đèn đất đá.

Mông Tự là Thị trấn sầm uất cuối cùng trước khi đổ về biên giới Trung-Việt. Dân cư sống trong vùng toàn là người Hán, không còn có các sắc tộc thiểu số nữa. Họ

ở những vùng núi cao, và chỉ khi nào cần mua bán họ mới đi ra Thị trấn. Đường xá trong Huyện nhỏ hẹp, lát đá, nhà cửa xây gạch, lợp mái ngói, trông tựa như ở Thành phố Hội An ở phía nam Đà Nẵng. Mông Tự là nơi có tiếng sản xuất về len, dạ.

Dù không có quen biết ai trong Huyện, chúng tôi vẫn rủ nhau đi vào, vì nghĩ rằng thế nào cũng gặp người Việt Nam làm ăn sinh sống ở đó. Mà quả thật, chúng tôi ước đoán không sai, chỉ đi sâu vào có mấy phố, thì chúng tôi gặp một cửa hiệu bán tạp hóa của người VN. Đánh bạo (lúc đó chúng tôi có hơi mắc cỡ vì ăn mặc chẳng ra sao cả), anh Hồng vào hỏi tin tức, thì bất ngờ một thanh niên ở nhà trong đi ra và chúng tôi nhận ra ngay là anh Phúc. Anh này chẳng ai xa lạ, mà là một học viên của trường Quân Chính Việt Trì, một đồng chí VNQDĐ từng sát cánh chiến đấu từ Việt Trì tới Lào Kay. Gặp nhau, tay bắt mặt mừng, anh cho biết là anh đã từ Lào Kay sang Hồ Kiều khi Mặt trận rút lui, vì anh bị bệnh.

Sau ít ngày tá túc ở Hồ Kiều, anh Hồng cùng các anh em khác bỏ lên Mông Tự và Khai Viễn. Riêng anh vì gặp người quen, nên ở lại giúp việc và ở đó cho đến ngày gặp lại chúng tôi. Gia chủ cũng là cảm tình viên của VNQDĐ Hải ngoại nên tiếp đãi chúng tôi khá thân mật. Anh Phúc có cho chúng tôi biết sơ qua về tình hình hoạt động của Hải ngoại, và các sinh hoạt ở đó.

Lúc dầu chúng tôi có ngỏ ý với anh Phúc là chúng tôi muốn ở lại Mông Tự tạm sinh sống làm ăn rồi tính sau, thì được cho biết rất khó tìm việc và khuyên chúng tôi nên lên Khai Viễn vì ở đó dù sao cũng có Tỉnh Đảng Bộ Hải Ngoại VNQDĐ làm việc. Không còn cách gì khác, chúng tôi đồng ý ngày hôm sau đi Khai Viễn thử thời vận ra sao.

Trước khi rời Mông Tự, anh Phúc có hướng dẫn chúng tôi đi coi phố xá, và thết đãi một chầu phở hủ tiếu. Mới buổi sáng mà chợ búa đã thấy tấp nập, kẻ mua, người bán nhộn nhịp khác thường. Anh Phúc cho biết thêm là tại đó cũng có nhiều người VN sinh sống và làm đủ thứ nghề. Đời sống tạm đủ, và họ không mấy thiết tha tới vấn đề chính trị…Về tình cảm đồng hương, nói chung cũng không được sốt sắng cho lắm, do đó vấn đề tương trợ, giúp đỡ những người trong hoàn cảnh như chúng tôi khó bề thực hiện được.

Đi loanh quanh một hồi, thì anh Phúc đưa chúng tôi ra nhà ga và giúp mỗi người một vé tàu đi Khai Viễn. Tôi không nhớ lúc đó mỗi vé là bao nhiêu tiền, nhưng với cung cách đối xử của anh Phúc lúc đó quả đã làm chúng tôi nhớ mãi không quên.

Sau này khi trở về sinh sống ở Hà Nội cũng như ở Saigon, tôi và anh vẫn thường gặp nhau. Sau 30/4/1975, anh sang tị nạn tại Hoa Kỳ, tiểu bang Philadelphia và nghe đâu anh đã qua đời vì bệnh. Vào khoảng trưa, thì con tàu lăn bánh đưa chúng tôi đi Khai Viễn. Được biết nếu đi bộ thì cũng phải mất mấy ngày, còn với tàu hỏa chỉ mất có hơn nửa ngày. Con tàu chạy men theo chiều dài thung lũng mà một bên là những thửa ruộng trồng lúa và hoa màu khác hầu như chiếm hết diện tích thung lũng. Ngồi trên tàu, ngồi nhìn ra ngoài trời, cả một vùng cây cỏ xanh tươi của buổi đầu Xuân, mà cảm thấy tâm hồn thư thái, phút chốc quên đi những ngày chiến đấu gian khổ đã qua. Trong lúc còn đang suy

nghĩ, thì một hồi còi tàu rít lên cho biết là con tàu sắp vào sân ga. Con tàu chậm chạp chạy qua những ngôi nhà của công nhân hỏa xa trú ngụ, những ngôi nhà trống, rộng chứa đầy vật dụng sửa chữa tàu, rồi từ từ đỗ lại ở giữa sân ga. Cảnh đưa đón thật nhộn nhịp, nhưng với chúng tôi thì chẳng có ai chào đón cả. Tôi thấy có nhiều người VN đứng ở sân ga gọi nhau ơi ới.

Chúng tôi xuống tàu ra khỏi nhà ga để vào thành phố. Đường xá tại đây rộng rãi hơn, có vỉa hè cho khách bộ hành và trồng cây lấy bóng mát. Có những đường trải nhựa và có đường lát đá. Nhà cửa buôn bán khang trang hơn ở Mông Tự. Ra khỏi ga là chúng tôi gặp ngay một dãy phố buôn bán, kẻ đi người tới tấp nập càng khiến chúng tôi thêm bỡ ngỡ và mắc cỡ làm sao, nhất là khi đi qua một cửa hàng của người VN. Ăn mặc thì nửa Mán nửa Kinh, đầu tóc dài phủ gáy, chân mang giày "Hải sảo" (bện bằng vải hoặc bằng rơm) thì hỏi làm sao không mắc cỡ cho được. Con người của Hà Nội ngày nào lại nổi dậy và cảm thấy mình thua kém quá. Chúng tôi, anh này đun anh kia vào một cửa hàng để hỏi tin tức, không lẽ cứ đi hoài. Rút cuộc, anh Hồng đánh liều vào một cửa hàng ngay trước mặt, trong đó tôi thấy thấp thoáng một hai cô gái trẻ đẹp. Hóa ra căn nhà đó là của ông Đức Hiện, đảng viên VNQDĐ Hải ngoại mở cửa hiệu bánh kẹo và café. Anh Hồng được người trong nhà cho biết nơi trú ngụ của ông Liên Khai, Bí thư Tỉnh Đảng Bộ VNQDĐ ở Khai Viễn, đặc trách các Huyện phía nam Côn Minh.

Huyện lỵ Khai Viễn là một Huyện khá lớn có thể đứng sau Thành phố Côn Minh. Phố xá, nhà cửa cao ráo và sạch sẽ. Người VN sinh sống trong Huyện cũng khá đông và làm ăn phát đạt. Họ là những người sang đây từ thời Pháp thuộc, một phần có liên hệ với những công nhân trực thuộc ngành hỏa xa Hà Nội-Vân Nam. Riêng trong khu nhà ga, có một khu được xây cất dành riêng cho công nhân trong ngành cư trú. Ở đó có hai gia đình thuộc VNQDĐ là Cụ Đỉnh và anh Sơn mà anh em chúng tôi trong nước mới sang đều hết lòng cảm mến về phong cách.

Cụ Đỉnh làm chức kiểm tra vé hành khách trên tàu (controleur) trong khi anh Sơn làm tài xế lái tàu. Những khi qua lại Khai Viễn, chúng tôi thường lui tới thăm viếng và ăn ngủ như người trong nhà. Sau năm 1949, Trung Cộng lên cầm quyền, hai người vẫn tiếp tục làm ở sở hỏa xa. Riêng Cụ Đỉnh vì lớn tuổi, nghe đâu đã mất từ lâu. Về hoạt động của VNQDĐ tại Vân Nam, phần lớn tập trung vào các Huyện lỵ, Thị trấn nằm dọc theo thiết lộ Mông Tự-Khai Viễn-Nghi Lương-Côn Minh. Được biết, trước ngày quân Lư Hán vào VN giải giới quân đội Nhật, thì tổ chức Đảng khá rộng và chặt chẽ, được đồng bào ủng hộ. Cộng Sản VN cũng có hoạt động nhưng không mấy kết quả, vì lúc đó còn dưới quyền cai trị của QDĐ Trung Hoa nên VNQDĐ hoạt động dễ dàng, gần như công khai và được Chính quyền địa phương ngấm ngầm trợ giúp.

Khi Mặt Trận Phòng Thô tan vỡ phải chạy sang Trung Hoa, thì các lãnh đạo cao cấp của VNQDĐ, ngoại trừ có ông Xuân Tùng, một Ủy viên Tổ chức của Trung Ương Đảng còn hiện diện ở Côn Minh, còn lại qua sống ở Quảng Tây, Quảng Châu và Hương Cảng, nên mọi sinh hoạt chung của Đảng yếu đi. Do đó mà những thành phần như chúng tôi, trong cảnh sống lưu vong xứ người, nghề không biết, tiếng không thông gặp nhiều khó khăn. Hơn thế nữa lúc này Trung Hoa Quốc Dân Đảng

đang suy yếu trước sức tấn công của cộng sản Mao Trạch Đông và lại còn đi đêm với Pháp nên VNQDĐ mất hết sự yểm trợ.

Trên đương sống lưu vong tại Trung Hoa (28)

Được sự chỉ dẫn của người nhà ông Đức Hiện, chúng tôi tìm tới nhà ông Liên Khai không mấy khó khăn. May mắm được gặp ông ở nhà. Ông là một người đứng tuổi, trông bề ngoài có vẻ hiền hậu. Ông đã đón tiếp chúng tôi thân mật trong tình đồng chí anh em, tỏ ra rất ái ngại về cách ăn mặc cũng như thể chất của chúng tôi. Qua cuộc trình bày tự sự, thì tôi thấy ông ta tỏ ra sốt sắng lo lắng cho chúng tôi. Việc đầu tiên của ông là giúp cho mỗi người một cái áo sơ mi và một quần tây, tuy không còn mới, nhưng trông cũng được.

Tôi nghĩ như vậy là tốt lắm rồi. Sau đó, ông đưa chúng tôi ra một cửa hiệu cắt tóc của một đảng viên VNQDĐ làm chủ để hớt đi những bộ tóc dài rừng rú chẳng còn thích hợp nữa. Ở đây, chúng tôi quen biết với hai anh Bách Việt và Thanh Hải. Hai anh sang trước chúng tôi một năm, khi Mặt trận rời khỏi Lào Kay. Hai anh thuộc vào loại cắt tóc có hạng. Hỏi ra thì các anh cho biết việc học cắt tóc cũng không có gì khó khăn, sáng trí và khéo tay thì chỉ một hai tháng là hớt được, miễn là người chỉ dạy thật lòng hay không. Vì vậy, ý nghĩ trở thành thợ hớt tóc đã đeo đuổi tôi từ đó.

Sau này ở lâu bên Trung Hoa, có nghề cắt tóc trong tay, tôi mới thấy là rất thuận lợi cho công cuộc hoạt động cách mạng và sinh sống khá thoải mái, không gò bó, muốn đi đâu cũng được… miễn là có bộ đồ nghề mang theo bên mình là được. Trong thời gian chờ đợi tìm công ăn việc làm, ông Liên Khai săp xếp cho chúng tôi tạm trú ở một vài nhà đồng chí có điều kiện.

Các Cụ Đỉnh, ông Liên Khai, anh Sơn và nhiều người khác tuy rất có lòng giúp đỡ, nhưng cuộc sống gia đình cũng không lấy gì làm sung túc cho lắm, thành thử chúng tôi chỉ mong sớm có công việc gì để làm hầu tránh phiền hà cho họ phải lo. Sự mong đợi cũng không phải chờ lâu.

Vài hôm sau, ông Liên Khai tới chỗ ở cho chúng tôi hay là một sở bông tư chịu mướn. Chế độ ăn uống và tiền lương sẽ giải quyết khi tới đó. Sở làm được biết cũng không xa lắm, mất khoảng một tiếng đồng hồ đi bộ. Khi đó không hiểu tại sao, chúng tôi chẳng ai chịu hỏi rõ công việc ra sao, mà chấp nhận ngay không thắc mắc. Tôi nghĩ rằng ông ta đã có công tìm việc cho mình mà từ chối cũng kỳ, không lẽ cứ ăn nhờ người ta mãi dù là đồng chí anh em. Còn ông Liên Khai cũng nghĩ rằng, chúng tôi đã dạn dày gian khổ thì việc gì mà chăng làm được. Khi băng lòng nhận làm việc, tôi đã mường tượng ngay là cái sở bông của chúng tôi sẽ là một cái xưởng rộng lớn, có máy móc chạy rầm rập suốt ngày, sản xuất chỉ sợi và nệm bông, và chúng tôi sẽ là những công nhân giúp việc trong nhà máy đó. Kể ra thì cũng tốt thôi, trong khi trong túi không có lấy một đồng xu, nghề không biết, tiếng không thông. Chúng tôi hăng hái chuẩn bị đi vào ngày hôm sau.

Sáng sớm vào lúc sáu giờ, một anh do ông Liên Khai chỉ định lại đón chúng tôi cùng đi tới sở làm. Hơn một tiếng đi bộ qua những ngọn đồi lúp súp, không một bóng cây, chúng tôi tới một khu trang trại khá rộng và ngay ở lối vào có một căn

nhà gạch lớn quét vôi màu trắng. Anh bạn dẫn đường cho tôi biết là đã tới nơi. Nhìn qua, nhìn lại tôi chỉ thấy độc nhất có căn nhà đó, ngoài ra chỉ là đồng ruộng trống không, chứ chẳng có nhà máy nào cả như tôi nghĩ.

Lúc đó tôi mới vỡ lẽ ra là chúng tôi làm công việc cuốc đất trồng cây bông gòn. Thế là vỡ mộng, nhưng đã nhận thì không thể thoái lui được. Chúng tôi được ông đốc công tiếp đón và cho chúng tôi biết rõ công việc và lương bổng. Việc làm duy nhất lúc đầu là cuốc vỡ đất và trồng bông, sau mới đi tỉa cành và hái bông vào mùa thu hoạch. Thời gian làm việc ngày 10 tiếng. Sáng thức dậy lúc sáu giờ, ăn cháo đường hoặc cơm nếp, 7 giờ bắt đầu làm việc tới 12 giờ trưa. Nghỉ trưa một giờ rưỡi, ăn cơm trưa gồm ba món, một đĩa xào, một đĩa thịt hoặc đậu kho mặn và cuối cùng là món canh, thường là canh hẹ nấu với đậu phụ. Có ngày chúng tôi thưởng thức món canh lông vịt (một thứ hoa màu trắng). Số lượng ẩm thực dư dã, về chất lượng cũng tạm được. Buổi chiều từ 1:30 chiều giờ rưỡi đến 6 giờ tối. Bẩy giờ ăn cơm chiều, các món ăn đổi qua loa, chín giờ tối đi ngủ. Chủ nhật nghỉ trọn ngày.

Lương bổng trả cho mỗi người là năm ký đường (đường bát), ai làm việc tốt có thể lãnh hơn tùy theo đốc công chấm điểm. Theo thời giá lúc bấy giờ, vì đồng tiền mất giá, lên xuống hàng ngày, nên ít người làm việc lấy tiền giấy. Nhưng sợ mất công ra chợ bán đường, thì có thể lấy tiền theo giá ngày hôm đó. Sau khi mọi chuyện được thỏa thuận, ông đốc công dành cho chúng tôi một căn buồng có đủ phương tiện ăn nằm. Ngoài ra, ông còn chỉ cho chúng tôi một cái kho để dụng cụ và chỉ dẫn đại khái khu vực làm việc ngày hôm sau. Đặc biệt là ông nhắc nhở về kỷ luật làm việc đúng thời gian ấn định, có năng xuất, nếu không sẽ cho nghỉ việc. Ngày đầu ông cho chúng tôi nghỉ không tính lương. Trước công việc ấn định, tôi cảm thấy là không dễ ăn, nhưng cũng phải cố gắng xem sao. Sở bông, tôi thấy người làm việc vắng ngoe, xa xa một vài người đang cuốc đất. Công nhân ở đó làm hết việc họ về nhà, chỉ có chúng tôi là người xa lạ, không nhà, không cửa mới tá túc luôn ở trại.

Ông Đốc công hàng ngày hết giờ, ông ta cũng về Khai Viễn, chỉ có người giúp việc trông coi là ở luôn đó và lo cơm nước cho chúng tôi. Hôm sau, ngày khởi sự làm việc, sau khi mỗi người làm hai tô cháo, chúng tôi vào kho lấy cuốc để ra đồng làm việc. Tôi phải mất mươi phút mới chọn được một cái cuốc tương đối nhẹ hơn trong tổng số mấy chục chiếc. Đúng giờ, ông Đốc công đã chờ sẵn, rồi dẫn chúng tôi ra khu đất ấn định. Công việc thì cũng chẳng có gì đặc biệt, miễn là cuốc cho thật sâu rồi cùng lúc đập vỡ ra thành cục nhỏ.

Lý thuyết là như vậy, nhưng thực tế thì khác nhiều, nhất là đối với chúng tôi từ lúc bé tới lúc lớn chỉ có cầm bút chứ có biết cái cuốc là gì đâu. Tuy nhiên trời buổi sáng còn mát mẻ, sức khỏe còn nguyên vẹn nên cuốc hăng lắm, nhưng tựu chung cũng chỉ cuốc ba cái là phải ngừng tay vì cái cuốc nặng quá, tay bắt đầu rát. Trong khi đó thì ông Đốc công ngồi thường trực trên bờ đất coi chúng tôi làm việc, thành thử chúng tôi phải rán sức không dám nghỉ nhiều. Cứ một tiếng, ông thổi còi nghỉ mười phút tại chỗ, uống nước giải khát, những lúc đó, chúng tôi cứ đùa giỡn với nhau là "lục vạn". Ai đánh bài tổ tôm hay đánh chắn cạ thì biết rõ con bài lục vạn là hình anh chàng cầm cuốc đứng thế nghỉ.

Mấy ngày đầu, chúng tôi làm việc còn đỡ, nhưng vào cuối tuần thì chúng tôi anh nào anh nấy cũng mỏi nhừ, rời rã chân tay, sáng không muốn thức dậy nữa. Ăn uống tuy đầy đủ, nhưng nhiều lúc quá mỏi mệt nên nuốt không trôi. Chúng tôi nghĩ là sẽ phải bỏ cuộc, không cáng đáng nổi công việc quá nặng nhọc. Làm việc không được tự do, bị đốc công kềm kẹp cả ngày nên khó mà nuốt trôi năm ký đường của ông ta quá. Do đó đến ngày cuối tuần, chúng tôi đồng ý xin đốc công nghỉ việc, ông ta không có gì phản đối, có lẽ ông ta thấy rõ năng xuất của chúng tôi rồi… Tuy vậy, ông vẫn tính đủ ngày trả tiền công cho chúng tôi. Sau ngày nghỉ việc, chúng tôi tự tính lo công việc.

Anh Việt (Lục Quân Yên Báy) từ giã chúng tôi lên Côn Minh vì nghe tin ở trên đó có nhiều anh em Lục Quân ở. Còn lại là ba anh em chúng tôi là anh Hồng, Bảo và tôi. Khi trở lại Khai Viễn, chúng tôi có lại thăm Cụ Đỉnh, anh Sơn và trình bày tự sự ở sở bông. Các anh ở Đảng Bộ Khai Viễn lại đề nghị chúng tôi tới sở bông quân đội ở gần ga Séo Lồng Thán (cách Khai Viễn về hướng Bắc mấy ga xép), một Thị trấn nhỏ. Dĩ nhiên là chúng tôi cũng nhận đi ngay, vì không thể nhờ vả anh em mãi được. Lúc đó chúng tôi có ít tiền công vừa trả nên có thể chịu đựng được ít ngày.

Từ Khai Viễn tới Séo Lồng Thán (Ma Cai) bằng tàu hỏa và chúng tôi không ai phải mua vé cả, vì có Cụ Đỉnh soát vé và anh Sơn lái tàu. Suốt thời gian sinh sống ở Vân Nam từ Côn Minh, Khai Viễn xuôi ngược, chúng tôi đi tàu hỏa gần như miễn phí, với điều kiện khi có sự hiện diện của các đảng viên VNQDĐ phục vụ trong ngành hỏa xa, ở chuyến tàu mình đáp. Tới Séo Lồng Thán, chúng tôi xuống ga và được người đại diện của Đảng bộ hướng dẫn vào khu sở bông của quân đội cách xa đó khoảng vài cây số. Đó là một nông trường rộng lớn, bao gồm các dãy đồi thoai thoải gần một dãy núi cao. Nông trường do quân đội phụ trách nên tổ chức có phần quy mô hơn. Qua cổng gác là những dãy nhà gạch chạy dài dùng cho binh lính ngủ.

Chúng tôi được sĩ quan đón tiếp và dẫn về trú ngụ tại một căn nhà nhỏ cho công nhân dân sự làm việc. Sau khi cho biết chế độ làm việc, ăn uống và nghỉ ngơi. Mọi việc cũng không khác gì mấy ở sở bông tư. Riêng ăn uống thì kém hơn. Để dễ bề kiểm xoát, chúng tôi cũng được cấp phát cho quần áo nhà binh màu vàng nhạt và giày hải sảo bện bằng sợi, một mũ lưỡi trai cũng màu vàng. Ăn vận vào, chúng tôi cũng chẳng khác gì anh lính "Tàu phù" khi sang VN giải giới quân đội Nhật. Chế độ ăn uống thì cũng ngày ba bữa. Lương lậu mỗi tháng chỉ có hai mươi ký đường.

Chúng tôi đành phải chấp nhận vì lúc đó chưa biết phải tính làm ăn như thế nào. Điều may mắn là trong những ngày đầu làm việc không như ở sở bông tư. Chúng tôi được sĩ quan chỉ định đi cắt tỉa cành cây và hái bông. Vào buổi sáng lúc trời còn tối, có khi ánh trăng còn sáng tỏ, kẻng đánh thức của trại đã vang lên từng hồi. Làm vệ sinh cá nhân, ăn sáng phải nhanh chóng mới kịp giờ đi làm việc. Ra khỏi trại thường là ánh sáng vẫn còn mờ mờ.

Buổi tối thì chín giờ phải tắt đèn đi ngủ hết, nghĩa là chúng tôi sống chế độ hoàn toàn nhà binh. Trong những ngày đầu thì rất khó chịu, nhưng rồi dần dần cũng quen đi. Khi đó chúng tôi thường nói giỡn với nhau là đi ngủ ngay đi không kẻng nó đánh vào tai bây giờ. Không ngờ chuyện cái kẻng lại lập lại với tôi suốt 13 năm trong trại tù cải tạo CS mà sau ngày 30/4/1975, chúng tôi mệnh danh nó là hồi kẻng

oan nghiệt. Khi ra khỏi trại tù "cải tạo", về đến thành phố Sài Gòn vẫn không thoát tiếng kẻng ghê rợn của CS địa phương, vào mỗi buổi sáng sớm vang lên từng hồi đánh thức, thúc dục dân chúng đi làm việc.

Công việc cắt tỉa cành bông cũng nhẹ nhàng thôi, không mất nhiều sức lực như cuốc đất nên không mệt lắm. Mỗi chúng tôi được cấp phát một lưỡi liềm khá sắc, chỉ giựt nhẹ là đứt ngay. Ngày không cắt tỉa thì đeo gù hái bông. Làm việc ở sở bông quân đội không bị kiểm xoát chặt chẽ lắm, nên thì giờ nghỉ ngơi tùy tiện, miễn là đừng có bê bối quá. Ở sở bông tư, do tư nhân làm chủ, trả lương cao hơn nên bắt buộc họ phải đòi hỏi nhiều năng xuất hơn. Đó cũng là điều hợp lý thôi. Hơn một tháng làm việc gọi là nhẹ nhàng về thể xác, nhưng về mặt tình cảm, tinh thần thì không mấy thoải mái. Hàng ngày mỗi khi ra trại, vào trại, báo thức, báo ngủ, báo ăn đều phải tập họp điểm danh rất là phiền toái. Họ cứ coi chúng tôi như những tên lính của họ vậy. Đôi khi không bằng lòng một chuyện gì lại còn sỉ vả nữa. Tập họp bắt đứng hàng giờ, nhiều lúc chúng tôi bực mình dùng tiếng Việt chửi đổng cho bõ ghét. Tuy nhiên, nếu không có một sự việc xẩy ra thì có lẽ chúng tôi cũng còn ở đó một thời gian lâu hơn nữa.

Sự việc là nguyên một hôm, cũng trong một cuộc tập họp thường lệ, sĩ quan phụ trách trại, sau khi sỉ vả chán các binh sĩ dưới quyền và các công nhân địa phương, hắn lại quay qua đả kích chúng tôi là lười không chịu làm việc hết mình theo thói người VN, anh Bảo đã phản đối lại. Tên sĩ quan bị mất mặt trước hàng quân liền sửng cồ tiến lại đánh anh Bảo. Chúng tôi sợ chuyện vỡ to không lợi, nên khuyên can anh Bảo bình tĩnh tính chuyện sau. Số đông trong hàng cũng tỏ ra bất bình về thái độ của tên sĩ quan lỗ mãng đó.

Ngay sau sự việc xẩy ra, chúng tôi bảo nhau không đi làm nữa và quyết định lên gặp tên sĩ quan chỉ huy trình bày tự sự và xin thôi việc. Ông Trại trưởng nghe xong câu chuyện, cũng như đã được trình báo, ông ta tỏ ra thông cảm và yêu cầu chúng tôi tiếp tục công việc, nhưng chúng tôi nhất định từ chối vì một phần đã quá chán với cái chế độ sinh hoạt hàng ngày của trại. Chúng tôi có tin là các công nhân làm việc cho trại đến cuối tháng ít khi được trả lương ngay, mà có khi tới hai, ba tháng mới thanh toán. Khi chúng tôi xin thôi việc, thì đã làm việc được hơn một tháng và vì thế trại buộc lòng phải trả tiền lương cho chúng tôi. Tính ra mỗi người hơn hai mươi ký đường, tính theo tiền mặt với thời gian lúc đó thì chúng tôi có thể ăn được chừng nữa tháng.

Ngay trưa hôm đó, sau khi lãnh tiền song, chúng tôi mang trả hết quần áo, chăn mền mùng lại cho trại và lên đường ra ga Séo Lồng Thán. Tới nơi thì chúng tôi gặp ngay mấy anh Long (Lê Văn Long), Bái, Hưng (Lê Hưng), Ngọc, Chấp. Các anh không huấn luyện trong trường Lục Quân Yên Bái mà hoạt động bên Đảng Bộ VNQDĐ. Cùng một hoàn cảnh, cùng một lứa tuổi, cùng đảng chúng tôi phút chốc trở nên thân thiết. Các anh vừa đẩy song một chuyến xe than ra bờ sông gần đó, chỉ cách khu nhà ga một, hai trăm thước. Các anh cho chúng tôi biết rõ về việc làm của các anh và hoan nghênh chúng tôi tới làm việc cho thêm vui, nhưng cũng không quên nhắc nhở là công việc rất mệt nhọ không kém gì ở sở bông tư, chỉ có một thuận lợi là làm nhiều ăn nhiều, làm ít ăn ít, tùy mình không ai bắt buộc.

Chúng tôi đồng ý và một anh trong nhóm giới thiệu chúng tôi với ông Cảnh sát trưởng. Ông này vừa làm việc riêng và công, vì ông có cổ phần trong việc khai thác mỏ than. Ông ấy vui lòng giúp đỡ, cung cấp cho chúng tôi nhà ở và một chiếc xe đò để chở than. Ngoài ra ông ta còn sẵn sàng cho chúng tôi vay tiền để tiêu dùng, nhưng các anh đã khuyên can chúng tôi đừng mượn, sau này sẽ bị kẹt không thôi việc được, vì không có tiền để trả. Căn buồng chúng tôi ở ngay cạnh nhà các anh. Giờ giấc tùy theo chúng tôi lựa chọn miễn là thuận lợi cho công việc. Thường thì buổi sáng dậy rất sớm, trời mát nên năng xuất nhiều hơn. Còn buổi chưa nóng nực thì nghỉ nhiều hơn. Sau đó chúng tôi làm việc tới lúc mặt trời lặn.



Hình ảnh một công nhân mỏ than Trung Quốc ngày trước

Quãng đường từ mỏ than ra tới địa điểm đổ hàng ở kế cận bờ sông chỉ dài khoảng vài ba cây số, nhưng đường đồi lên xuống, không trải đá, trải nhựa, thỉnh thoảng lại bị hố sâu, nên vận chuyển rất khó khăn. Đối với dân địa phương, họ có trâu bò để kéo nên khỏe hơn, còn chúng tôi lấy sức người thay vật. Một chuyến xe trở đầy than, từng cục lớn, phải cần đến bốn, năm người. Một người cầm càng xe, một phụ và ba người đẩy phía sau hay giữ bánh khi xe sa xuống hố hoặc ghì lại khi đổ dốc. Bình thường mỗi ngày làm được sáu chuyến thì đủ ăn, còn làm hơn thì ăn uống đầy đủ và dư ra ít tiền phòng khi ốm đau hoặc trời mưa gió không đi làm được. Mỏ than Séo Lồng Thán là mỏ than nổi không nằm sâu dưới lòng đất, nên khai thác dễ dàng, và có ít tai nạn lao động xẩy ra. Lớp đất phủ lên mỏ than không dầy quá hai ba thước. Trước hết họ xử dụng xe ủi đất hoặc sức người để đào xới. Nhưng tôi thấy phần lớn là họ xử dụng nước từ một nguồn nước ở xa theo một con đường đào dẫn đến khu vực có mỏ than, rồi dựa theo giòng nước chảy họ cuốc đất nên kết quả rất mau chóng. Và chỉ trong một thời gian ngắn là cả một "Balcon" than lộ ra. Tới lúc đó thì các công nhân chuyên nghiệp dùng búa đập với các con chốt bằng thép, đánh ra từng tảng than lớn, bằng cả tấm chiếu, rồi đẽo ra từng phiến nhỏ. Với công việc mới, dù rằng làm cật lực đến bữa ăn, chúng tôi cũng chỉ có nhiều lắm là hai món, một món đậu kho mặn (người địa phương gọi là đậu sị). Anh Ngọc được mệnh danh là "Ngọc đậu sị" vì anh khoái món ăn đó, và món canh hẹ cà chua và ít đậu phụ. Thịt cá, họa hoằng lắm mới có. Chỉ có thế thôi, nên chúng tôi ai cũng mặt mày bơ phờ, còm cõi.

Làm đâu được một tháng, còn các anh bạn thì lâu hơn. Cảm thấy không thể tiếp tục "sự nghiệp" làm than, nên chúng tôi cùng bàn định thôi việc và phân tán mỏng. Lúc

đó chúng tôi quan niệm sống và làm việc tập thể, có các điều thuận lợi là tương trợ giúp đỡ lẫn nhau về vật chất cũng như về tinh thần khi đau ốm cũng như khi không có việc làm trong hoàn cảnh lưu vong xứ người. Nhưng trong thực tế thì lại không thuận lợi vì với số người đông thì lại khó có công việc tương tự như ở sở bông, mỏ than, làm quần quật cả ngày mà không đủ ăn vì bị bóc lột sức lao động quá mức. Hơn nữa các công việc đó cũng không phù hợp với khả năng và sức lực nữa. Do đó chỉ còn có phương cách là phân ra từng nhóm nhỏ, hai ba người thì dễ sinh sống và cũng không bị cảnh đơn độc, cô đơn.

Nhóm anh Long, Lê Hưng đi lên mạn trên ở Nghi Lương và Côn Minh. Còn ba anh em chúng tôi, vẫn anh Hồng, Bảo và tôi, qua bên kia sông, tới khu vực xã Ma Cái cách đó hai cây số. Chúng tôi tiếp tục làm ở mỏ than, do có người giới thiệu, vì công việc dễ dàng hơn. Trong khi chờ đợi một công việc thích hợp hơn, chúng tôi đành phải chấp nhận vậy.

Tới mỏ than, cũng tương tự khai thác như ở mỏ than Séo Lồng Thán, chúng tôi gặp ông Đốc công. Qua sự trình bày của anh Hồng, ông ta vui vẻ nhận ngay và giúp cho chúng tôi một căn nhà nhỏ, mái lợp rạ, tường xây đất. Nhà không có đồ đạc gì cả, chúng tôi rải rơm ra sàn đất làm chỗ ngủ. Cửa ra vào cũng để trống cho thoáng, có lẽ họ nghĩ công nhân nghèo, vô gia cư mới ở đó, có còn gì để mà sợ mất mát. Công việc làm tự do, cũng như trước kia ở mỏ than bên kia sông, chỉ có khác là chúng tôi không xử dụng xe bò mà tải bằng người. Mỗi người có thể đeo hai cục than trên lưng. Mỗi cục nặng khoảng 15, 20 ký, gọt đẽo vuông vắn. Khi đèo trên lưng thì phải mang một cái nệm rơm để tránh than cạ vào lưng, một cục để thẳng, cục trên để ngang tránh cho khỏi rơi. Mỗi khi di chuyển, lưng phải khom xuống, và mỗi khi muốn nghỉ thì phải dựa lưng vào bờ đất cao, nếu rơi xuống thì một mình khó để lên lại, thành thử nghỉ chân cũng phải mang luôn.

Từ mỏ than ra tới bờ sông cũng mất hai cây số, đường sá dễ đi. Muốn đủ ăn hàng ngày thì phải đi năm chuyến, mỗi chuyến hai cục thì mới đủ ăn. Còn muốn kiếm nhiều hơn thì phải đi nhiều lần. Ba anh em chúng tôi sức khỏe ngang nhau, nên chỉ có thể làm được tối đa là sáu chuyến. Thời gian làm ở đó đã thuộc vào thời tiết tháng tư, tháng năm nên khí hậu rất nóng bức. Mồ hôi vã ra như tắm mà vẫn cố gắng chịu đựng, nếu không thì không đủ năm chuyến theo chỉ tiêu ấn định để đủ ăn. Thức ăn uống thì không khác gì hơn là canh cà chua hẹ, đậu phụ kho, những món ăn thông dụng rẻ tiền. Để tranh thủ thời gian và cũng không phải nghỉ để lo nấu nướng, nên mỗi khi đến giờ ăn cơm, chúng tôi chỉ cần bỏ gạo vào một cái hũ sành rồi để cạnh bên đống than đang cháy, nấu canh cũng vậy. Khi đèo than ra tới bờ sông trở về, chúng tôi chỉ việc lấy ra ăn ngon lành. Vì đã tính toán nhiều lần nên không bao giờ bị cháy cả. Đôi lúc, ông Đốc công thấy chúng tôi ăn uống kham khổ, có thức ăn gì ngon, ông lại mang cho chúng tôi. Ông này thuộc loại người tốt, được lòng công nhân, nên mọi việc khá trôi chảy, nên ít khi tôi thấy ông chủ xuất hiện. Làm được một thời gian, vì làm ban ngày quá nóng, ảnh hưởng đến sức khỏe, chúng tôi xoay ra làm vào buổi tối. Những hôm có trăng sao, khí hậu mát mẻ, chúng tôi làm tới khuya mới nghỉ.

Trên đường vắng lặng chỉ còn lại mấy tên "A nàn dần" (người Việt Nam) đang khom lưng mang những hòn than nặng, như những bóng ma thất thểu dưới ánh trăng mờ ảo. Cứ như vậy, công việc tiếp diễn đều đều cho đến một ngày, trong khi đang ăn cơm chiều, thì ông Đốc công tới thăm và cho biết là chúng tôi nếu bằng lòng thì ông giới thiệu với ông chủ lên làm ở trên trại. Dĩ nhiên là chúng tôi đồng ý. Có lẽ ông thấy chúng tôi cực khổ quá, vả lại là người nước ngoài, có ăn học, vì trong các mẩu chuyện hàng ngày, nên ông ta càng hiểu chúng tôi nhiều hơn. Hôm sau, ông dẫn chúng tôi lên thăm và giới thiệu với ông chủ và đề nghị cho làm việc ở trong trại. Chắc ông Chủ đã được ông Đốc công trình bày trước, nên ông ta vui vẻ chấp nhận ngay.

Thế là bắt đầu hôm sau, chúng tôi làm công việc nông trại, từ giã nghề làm than lắm cơ cực. Ông Chủ là người có học, chạc tuổi ngoài năm mươi, chững chạc, ăn nói nhỏ nhẹ, không kiểu cách, kiêu căng. Ông biết nói vài tiếng Việt, vì ông cho biết có vài lần qua Lào Kay buôn bán. Ngược lại, chúng tôi cũng trình bày rõ về hoàn cảnh và lai lịch của chúng tôi để ông rõ, và vì thế mà cách cư xử với chúng tôi khác hẳn với những công nhân khác làm việc cho trại. Ông thường gọi chúng tôi là Lão Doan, Lão Woàng (Hoàng).

Công việc hàng ngày của chúng tôi là gánh phân ngựa, phân trâu bò từ chuồng ra ngoài đồng, ủ thành đống rồi mang đi bón vào cây thuốc lá, thuốc lào. Trồng mía, thu hoạch mía, đưa vào lò làm đường. Những ngày ở mỏ than cần khai thác, chúng tôi được điều động tới tăng cường bằng cuốc đất cho rơi xuống đường mương nước, tương tự như ở mỏ than Séo Lồng Thán, nghĩa là khai thác lộ thiên. Việc làm, nói chung khỏe hơn trước. Khi nào mệt thì nghỉ, không có ai kiểm soát, miễn là mọi việc giao phó hoàn thành tốt. Chỉ có vào chuồng trâu, ngựa lấy phân là hơi cực vì mùi sú uế xông lên mặt mũi, nhất là vào lúc thời tiết nóng bức.

Về ăn uống thì cũng ngày ba bữa, nhưng khá hơn nhiều so với sở bông. Đặc biệt là các thức ăn do bà chủ tự tay nấu nướng. Khi ăn, cơm nước được dọn lên nhà trên, còn gia đình ông chủ lại ăn ở nhà bếp. Ông Đốc công cùng ăn với chúng tôi. Quả là hi hữu, tôi chưa bao giờ thấy cảnh đó trong chế độ gia đình người Trung Hoa cũng như VN. Chính vì lẽ đó mà công nhân làm việc ở trại cũng như ở mỏ than đã tỏ ra rất kính trọng đối với ông chủ của họ.

Suốt thời gian làm việc ở đó, cũng như sau đó ra hành nghề cắt tóc ở ngoài chợ, tôi chưa bao giờ thấy có sự xáo trộn giữa công nhân và ông chủ. Về lương bổng, mỗi anh em chúng tôi được ba mươi ký đường mỗi tháng. Mọi việc diễn tiến tốt đẹp, trong bầu không khí hiểu biết và thông cảm. Làm được ít lâu, thì có hai anh Tuấn Khanh (sau này là con rể ông Lê Khang) và Hùng (QGTNĐ) tới tìm địa điểm mở cửa hàng cắt tóc. Tại gần chỗ trại chúng tôi làm, có một cái chợ tên là Ma Cái, cứ năm hôm thì có một phiên chợ chính, còn ngày thường thì buôn bán ở xa tới bày hàng.

Các nhà ở hai bên phố chợ, phần lớn dùng căn nhà phía trước làm cửa hàng bán đủ mọi thứ. Trong thời gian ở trại, một hôm ra chợ mua bán, tình cờ chúng tôi gặp một người đàn bà VN làm ăn ở đó. Hai bên nói chuyện, thổ lộ tâm tình rất là thân mật. Dù rằng mới gặp nhau lần đầu, bà ta đã mời chúng tôi về nhà chơi.

Trong câu chuyện, hỏi ra thì Bà lại là người cùng làng với tôi. Gần gũi hơn nữa, Bà ta lại học trên tôi hai lớp khi còn theo học tại trường Tiểu học ở làng. Bà ta có chồng là một sĩ quan cấp Thiếu Úy làm việc ở Khai Viễn, cuối tuần mới về thăm nhà. Ông ta tên là Cổ Páng Lù, phục vụ trong quân đội Lư Hán. Do đó anh đã qua VN khi quân đội Trung Hoa sang VN giải giới quân đội Nhật. Khi làm việc ở Hà Nội, hai người đã quen nhau, rồi đi tới hôn nhân. Lúc quân đội Lư Hán hoàn thành nhiệm vụ rút trở về thì Bà ta cũng theo chồng về nước. Bà ta đã có hai con nhỏ, một gái và một trai còn đang bế. Để cho việc liên hệ được dễ dàng, thoải mái, không mang đều nọ, tiếng kia, nên bà ta đã giới thiệu với gia đình cha mẹ chồng rằng tôi là em họ. Nhờ đó, mà gia đình đã tiếp đón chúng tôi như người thân trong nhà kể cả anh chồng bà ta, một thanh niên khá bảnh trai, có học, nói được năm ba tiêng Việt, nên chỉ gặp nhau một lần là đã thân thiết. Khi rời trại lên sống ở Côn Minh, cho đến ngày trở về VN, tôi không bao giờ gặp lại ông bà ta nữa.

Cho tới năm 1989, khi về thăm quê nhà ở Hà Nội, hỏi han về bà ta thì được biết sau khi Trung Cộng chiếm Vân Nam thì hai vợ chồng chạy sang VN và sinh sống bằng nghề thầy thuốc bắc. Ở đâu VN trên mười năm thì ông ta trở ra Hương Cảng và mắc bệnh chết tại đó. Bà vợ thì sống ở Hà Nội, không rõ nơi nào, nên tôi không tới thăm được. Do sự quen biết đó, nên chúng tôi nhờ bà tìm thuê giúp một căn phố để mở cửa tiệm cắt tóc.

Việc thuê tìm không mấy khó khăn, nhờ có bảo lãnh của gia đình bà ta. Căn phố thuộc một gia đình trong họ chồng bà, nằm ngay ở cuối chợ. Thuê được căn nhà quả là may mắn, nếu không có bà, thì khó mà thuê được, vì là người xa lạ. Căn nhà bằng gỗ, mái nhà lợp lá, gồm hai phòng. Phía trước dùng làm cửa hiệu có thể bày được hai ghế, còn ở trong dùng làm phòng ngủ và chứa đồ đạc. Giá cả không đắt lắm, vì khi đó không thấy ai quan tâm đến vấn đề tiền nhà cả.

Có được căn nhà rồi, thì hai anh vội về Khai Viễn mang bàn ghế và mọi thứ cho nghề nghiệp hớt tóc. Hai anh Tuấn Khanh và Hùng đã thành nghề sau bốn, năm tháng học hỏi ở một tiệm cắt tóc thân quen ở Khai Viễn. Với cửa hiệu này, hai anh sẽ là người đầu tiên của nhóm Séo Lồng Thán thực hiện kế hoạch để cưu mang lẫn nhau, bằng cách huấn luyện thêm một người cho đến khi thành thạo. Sau đó cung cấp cho anh em một bộ đồ nghề để đi chỗ khác làm ăn. Nếu có khả năng thì mở tiệm, tiếp tục giúp anh em khác học nghề. Do đó mà một hai năm sau suốt từ Mông Tự lên tới Côn Minh, chỗ nào cũng có anh em tốt nghiệp ở lò hớt tóc Séo Lồng Thán mở cửa hàng cắt tóc. Cùng lắm, thì căng lều ở phố chợ, tự lực làm ăn, chứ không chịu làm công.

Từ khi có cửa hiệu, chúng tôi không nghỉ ở trại nữa. Buổi chiều, sau bữa ăn, là chúng tôi trở về cửa hiệu nghỉ ngơi, và không quên lãnh một hai ký dường bồi dưỡng vì trại có lò đường. Số đường này, tối về chúng tôi nấu chè, cùng nhau thưởng thức, chung vui. Cuộc sống có phần thoải mái, dễ thở hơn trước nhiều.

Cửa hàng mở được ít lâu, thì có các anh Long, Ngọc, Hạ ở trên Côn Minh xuống thăm và tính việc làm mành trúc bán cho các nhà buôn ở Côn Minh. Số người đông, cửa hiệu không đủ cung cấp, nên anh Hạ vào trại làm với chúng tôi. Như vậy, ngoài

công việc cắt tóc, chúng tôi còn làm thêm mành trúc, vì ngày không phải phiên chợ thì ít khách hớt tóc.

Từ đó, chúng tôi tất cả có tám người. Với căn nhà nhỏ thì quá chật, nhưng ban ngày thì ở trong trại một nửa. Còn về đêm, thì chúng tôi chỉ dẹp bàn ghế vào một góc, rồi trải chiếu xuống đất là xong.

Nói chung, công việc làm ăn tiến triển tốt, không có gì xẩy ra cả. Ít tháng sau, anh Hạ đang làm với chúng tôi thì có giấy báo từ Côn Minh kêu đi học lớp quân sự tại Thành Đô (Thủ phủ của Tứ xuyên). Số người được Đảng Bộ VNQDĐ Hải ngoại cử đi học có khoảng mấy chục người. Trong nhóm làm than của chúng tôi có thêm anh Lê Hưng. Anh em thuộc QGTNĐ không có ai được tham dự cả.

Sau khi tốt nghiệp thì được mang cấp Thiếu úy và với chức vụ Trung dội Trưởng, nhưng phần lớn đã từ chối phục vụ trong quân đội Trung Hoa. được biết hầu như gần hết các anh đó đi về Quảng Tây, ở đó ông Vũ hồng Khanh đang hoạt động. Đến cuối năm 1949, Quảng Tây rơi vào tay Trung Cộng, các anh em đó đi theo ông Vũ cùng với một số đơn vị Trung Hoa Quốc Dân Đảng chạy về VN ở trong khu vực của quân đội Pháp chiếm đóng. Riêng anh Lê Hưng và anh Hạ trở về Côn Minh. Anh Hạ có xuống thăm chúng tôi ở Séo Lồng Thán và có vào trại thăm ông Chủ. Lúc đó, anh Hạ vận quân phục và mang lon Thiếu Úy. Các công nhân trong trại đều tỏ ra rất ngạc nhiên, vì trước kia chúng tôi chỉ là công nhân bình thường. Riêng ông Chủ và Đốc công biết rõ lai lịch chúng tôi. Hai ông ân cần hỏi chuyện anh Hạ và tiếp đãi rất nồng hậu.

Vấn đề làm mành trúc, lúc đầu có khách hàng, sau có lẽ vì ê âm không đặt hàng nữa, thành thử hai anh Long, Ngọc lại trở lên Côn Minh. Còn cửa hiệu cắt tóc, ở lâu quen khách hàng, được tín nhiệm, nên thâu nhập cũng khá. Do đó, anh em dự tính để anh Hồng học nghề ở cửa hiệu. Anh Bảo về Khai Viễn, tôi trở lên Côn Minh nghiên cứu tình hình và tìm gặp anh Lê Đình Việt (Cơ trưởng QGTNĐ) cùng tìm cách liên lạc về gia đình. Trường hợp thất bại, sẽ trở lại Séo Lồng Thán (Ma Cai), chổ tiệm cắt tóc.

Trên đương sống lưu vong tại Trung Hoa (29)

Ba anh em chúng tôi (Bảo, Hồng và tôi) ở với nhau lâu, nên khi phải tạm xa cách, phải nói là rất luyến nhớ. Tuy làm việc ở trại, công việc không cực lắm, lại được ông Chủ và Đốc công đối xử tử tế, nhưng còn tính chuyện lâu dài, nên chúng tôi phải xin thôi việc. Từ ngày xa cách đó, tôi không bao giờ gặp lại anh Bảo nữa. Anh là em của ông Mai ngọc Liệu, cấp Úy viên Trung ương VNQDĐ. Riêng tôi và anh Hồng thì còn cấu kết với nhau cho đến ngày Trung Cộng vào chiếm đóng Côn Minh. Tôi lên đường đi Côn Minh và dĩ nhiên là không có mua vé, vì được các kiểm xoát viên là đảng viên VNQDĐ thông qua.

Chuyến tàu tới ga Nghi Lương (Y Leng) thì ngừng lại một thời gian để thay đầu máy rồi mới lại tiếp tục lên đường. Khi đó đã xế chiều, nên tôi ở lại đó nghỉ đêm, nhân thể biết qua thành phố như thế nào. Do không có ý định ngừng lại ở Nghi Lương nên không có nhờ ai giới thiệu, thành thử không biết tới địa chỉ nào. Sau cùng tôi đi đại vào phố, gặp ai là người VN thì nhờ tá túc. Kết quả là lang thang

được vài phố thì tôi gặp được một người VN trạc tuổi trung niên (gặp ai nghỉ là người VN thì hỏi đại). Tôi trình bày tự sự và được ông ta đồng ý cho ngủ nhờ một đêm.

Lúc đó trời đã tối hẳn, ánh đèn điện đã tỏa ra từ các nhà bên hè phố. Nhà ông ta cũng không xa lắm và ở ngay trong thành phố, tại một con đường nhỏ. Ông ta cũng làm việc ở nhà ga, chuyên trách về bán vé, thành thử tôi được biết rõ giờ giấc khởi hành đi Côn Minh vào ngày hôm sau lúc 10 giờ sáng. Sáng ra, chúng tôi dạy rất sớm, vì ông ta phải ra ga bán vé cho chuyến tàu đi Khai Viễn. Còn tôi, trong khi chờ đợi, tôi làm một vòng dạo phố và tìm món gì ăn sáng. Trời mới sáng nên phố xá còn vắng teo, riêng có vài tiệm hủ tiếu, tiệm trà, café đã mở cửa sớm. Tôi tạt vào làm một ly café và một tô phở hủ tiếu, nghe nhìn thiên hạ nói chuyện bô bô, hút thuốc lào kêu ầm ĩ. Đúng là một tiệm ăn người Tàu. Thành phố Nghi Lương cũng không thua kém Khai Viễn mấy, ở đó cũng có một số cửa hàng tạp hóa và ăn uống của người Việt. Chỉ tiếc là không có thì giờ và không có ai quen biết để hướng dẫn, nên chưa biết hết được những nét đặc sắc của thành phố. Tôi nghe nói ở đó có suối nước nóng, nhưng tiếc là chưa được tới thăm. Chín giờ, tôi trở lại nhà ga để kịp đáp chuyến tàu đi Côn Minh. Từ thành phố Nghi Lương lên Côn Minh, Thủ phủ của Tỉnh Vân Nam, đường tàu bắt đầu lên dốc cao. Do đó, con tàu cần phải có hai đầu tàu mới kéo lên nổi. Ngoài đường tàu hỏa, còn có một đường trải nhựa chạy gần như song song. Hai con dường tuy phải làm quanh co theo triền đồi núi, nhưng ít phải chui qua đường hầm.

Có người cho tôi hay là trước đó một ngày, có một toa tàu không hiểu vì sao đã quên đề thắng, mà một đêm đã từ một nhà ga cách Nghi Lương từ phía Bắc tự động trôi về tới ga Nghi Lương. Rất may là đã không có tai nạn nào xẩy ra. Con tàu càng lên cao, nên di chuyển khá chậm, thành thử tha hồ mà ngắm cảnh ở hai bên đường.

Khí hậu cũng trở nên mát mẻ hơn. Khi tới khoảng hai phần ba đường, xa xa về hướng trái của con tàu, giữa một khu đồi núi là một cái hồ rất lớn mà người địa phương mệnh danh là "Hồ không đáy". Sở dĩ được đặt tên như vậy là trước đó đã lâu, có một hai con thuyền đánh cá tự dưng mất tích, không để lại một dấu tích nào cả, và từ đó không một ai trong vùng giám xử dụng tàu, thuyền bơi trên đó nữa, các xóm dân chài sống quanh hồ cũng bỏ đi dần.

Quả vậy, khi con tàu chạy ngang qua, tôi chăm chú quan sát, không thấy một con thuyền nào cả. Hồ nước rộng mênh mông, vắng lặng mang vẻ huyền bí. Qua khỏi khu vực đó, đường vẫn tiếp tục lên cao. Trời đã về chiều, gió thổi mát lạnh. Hai bên đường, có những cây đào xanh lá, vì không phải là mùa hoa nở. Nếu vào mùa Xuân, thì phong cảnh quả là đẹp như tranh vẽ. Vào khoảng 5 giờ chiều thì con tàu từ từ tiến vào sân ga. Nhà ga Côn Minh tương đối khá lớn, xây cất tựa như nhà ga Hàng Cỏ Hà Nội, vì lẽ chúng cùng chung trong một hệ thống thiết kế của thực dân Pháp mà Chính phủ Trung Hoa Quốc Gia đã ký thỏa ước cho Pháp khai thác đường hỏa xa Hà Nội-Côn Minh.

Không có liên lạc, nhắn tin gì hết, nên tôi một mình lững thững ra khỏi nhà ga. Nhà ga nằm ngay trong thành phố, nên chỉ ít phút sau là tôi đã có mặt trên các đường phố đông đúc. Tôi hỏi đường tới phố Chính Nghĩa Lộ, vì ở đó có nhà hàng ăn "Nam

Phong" do người Việt làm chủ. Theo tin tức tôi nhận được thì anh Việt thường qua lại nhà hàng đó, tôi hy vọng tới đó sẽ gặp được anh. Quả nhiên, khi vừa tới trước cửa nhà hàng thì anh Việt bước ra. Anh thấy tôi là nhận ra ngay.

Không hiểu khi gặp tôi, anh có cảm nghĩ như thế nào, chứ tôi thấy anh vẫn còn phong độ, ăn mặc tươm tất. Tôi nghĩ thầm trong bụng, chắc cuộc sống của anh không đến nỗi tồi tệ và tôi có thể trông nhờ tạm được. Hai anh em gặp lại nhau thật mừng. Chúng tôi ai cũng tưởng rằng khó có ngày gặp lại nhau nữa. Đối với chúng tôi tất cả đều coi trọng anh, dù sao anh cũng là Cơ trưởng và cao niên nhất trong QGTNĐ. Tôi gặp anh, thì QGTNĐ đã tan tác chẳng còn mấy người, mà anh là người chịu phần nào trách nhiệm về tinh thần và sự tồn tại của Đoàn trong những ngày chiến đấu trong VNQDĐ cũng như khi lưu vong sang Trung Hoa.

Việc làm đầu tiên của anh là chạy vào trong nhà tìm cho tôi một đôi giày da để thay thế đôi Hải Sảo bằng sợi tôi đang mang. Đôi giầy da anh kiếm được cũng còn hơn đôi giầy phong sương của tôi, còn quần áo thì anh bảo để tính sau. Cuối cùng anh nói với tôi: Bây giờ thì mày cứ ngày hai bữa chửi bới chúng nó cho tao. Ngày hai bữa chưa biết sao, chứ chửi bới thì đã có đôi lúc làm việc cực nhọc quá, tức mình lôi nhau ra chửi cho hả giận. Nhưng rồi bình tĩnh lại thì thấy cũng kỳ. Chúng tôi ra đi là phục vụ cho một lý tưởng cao cả, tự nguyện, chấp nhận những gian truân gặp phải. Tranh đấu là phải hy sinh, phải nếm mùi cay đắng, thì mới có thắng lợi, có vinh quang. Thất bại cũng là trách nhiệm chung, dĩ nhiên người lãnh đạo thì chịu trách nhiệm lớn hơn…

Tại cửa hàng ăn Nam Phong, trông bề ngoài tương đối sạch sẽ, khang trang, tuy rằng không lớn lắm. Ở đó thường tụ tập các anh thuộc trường Lục quân Yên Bái (khóa A và B). Có các anh thuộc Đại Việt Quốc Dân Đảng. Ở đây tôi thấy có anh Hợi (tục gọi Hợi nghẽo) anh Sơn Nam (Phạm Văn Liễu) anh Tân, anh Tư Hùy, anh Văn (Văn sến) và một vài anh nữa tôi quên mất tên. Hỏi ra thì đa số các anh được gia đình trong nước (Hà Nội) gửi tiền ra giúp đỡ. Vì vậy anh nào cũng ăn mặt đàng hoàng, chứ không bê bối như bọn chúng tôi lam ăn cực khổ ở mạn dưới. Khi đó tại thành phố Côn Minh có tòa lãnh sự Pháp nên mọi liên lạc với gia đình rất dễ dàng (nếu ở trong khu vực chiếm đóng).

Đó cũng là mục đích tôi lên Côn Minh để mong liên lạc, báo tin về nhà ở Hà Nội. Trò chuyện một lúc, anh Việt tạm đưa tôi về tá túc nơi anh ở.

Khi tới nơi, một phố nhỏ, nằm khuất trong các phố lớn bao quanh. Anh dẫn tôi vào một căn phòng không lớn lắm, rộng khoảng bốn thước vuông. Trong phòng, giường,mùng, mền, quần áo để bừa bộn, chứng tỏ cuộc sống không lấy gì làm sung túc lắm, trái với ý nghĩ lúc mới gặp anh. Ở trong buồng lúc đó có anh Đái đức Tuấn (nhà văn Tchya) anh Thọ Hinh phục vụ ở Tỉnh Đảng Bộ Phú Thọ. Anh Việt giới thiệu tôi như một em út, và các anh hỏi han, trò chuyện rất thân mật. Sau đó anh bảo tôi ra phố tìm cái gì ăn, rồi về lại, tùy tiện muốn ngủ đâu thì ngủ. Còn các anh rủ nhau ra đi. Về sau tôi mới được biết anh Tchya có chân dạy Pháp văn ở trường Đại học Côn Minh. Còn anh Việt thì dạy tư về Anh văn cho các gia đình Trung Hoa.

Những lúc có công ăn việc làm thì tiêu pha phông phí, còn không thì chạy ăn từng bữa. Có hôm lại thăm, chừng một hai giờ chiều vẫn còn thấy các "Bố" trùm chăn ngủ kỹ. Những lúc đó các anh gọi là nằm "ép dẹp" vì lẽ không có tiền mua thức ăn nên anh nào, anh nấy ngủ miết. Tới chiều, mỗi anh mới chịu lò đầu ra phố tìm kế sinh sống.

Hiểu rõ tình hình sinh hoạt của các anh, sáng hôm sau tôi từ giã anh Việt đi tìm các bạn thân. Anh cũng chẳng giữ tôi làm gì, vì thân anh vẫn còn long đong, ngày no, ngày đói. Trong người có một ít tiền do kết quả của những ngày làm than và ở trại nông nghiệp Séo Lồng Thán, nên tôi cũng đỡ lo lắng về sinh kế, ít ra là cũng được hơn một tháng ăn dè sẻn. Tôi trở lại nhà hàng Nam Phong hỏi dò tin tức, may ra có thể gặp lại anh Tạo ở Côn Minh. Tới nơi, tôi gặp lại anh Tân và anh Tư Hùy. Nói chuyện vớ vẩn một hồi, thì một anh bạn khác đi tới. Hai anh giới thiệu là anh Chiên, cũng là học viên trường Lục quân Yên Bái. Nói tới, nói lui thì anh Chiên cũng học một trường Louis Pasteur ở Hà Nội, cùng một lớp, nhưng anh ở lớp A tôi lớp B.

Hỏi thăm về anh Tạo, thì anh cho biết trước đó anh và anh Tạo làm công cho một hiệu bánh mì của người VN tên Bổng gì đó, nhưng nay thì nghỉ việc rồi, đang lang thang thất nghiệp. Thế là tôi và anh Chiên rời nhà hàng Nam Phong đi tìm anh Tạo. Đi một hồi lâu thì gặp anh Tạo ở nhà một người quen.

Hai anh em tôi, lâu ngày gặp lại nhau mừng khôn siết, vì anh ngỡ rằng tôi đã bỏ mạng ở Chiến Khu Phòng Thô rồi. Anh Tạo nay đã mạnh khỏe hẳn. Anh sống ở Côn Minh trước tôi cả năm. Thế là từ đó, ba anh em chúng tôi ngày ngày đi dạo phố, thăm người nọ, người kia, đồng thời có công việc gì thì làm. Ăn uống thì mỗi bữa mua một cái bánh "Kinh Tế" vừa rẻ, vừa no. Bánh làm bằng bột mì, xen ít đậu xanh, ít đường rồi nướng lên lò than. Lúc đó đói ăn gì mà chẳng ngon miệng. Sống ở Côn Minh, thời tiết khí hậu trong lành mát mẻ, nên đói lại càng tới nhanh. Tuy thế sức khỏe chúng tôi hồi phục rất nhanh và mập ra, bệnh sốt rét rừng mất hẳn, mà chẳng cần có thuốc men gì cả. Đúng là trời sinh, trời dưỡng, nghèo đói vất vả mà không bị ốm đau. Nếu xẩy ra thì chỉ còn có vào bệnh viện thí.

Vài ngày sau, hai anh Chiên và Tạo rủ tôi cùng đi Nghi Lương tham anh Ánh ở Chí Cái. Nơi này không cách xa thành phố, thuộc một Thị trấn nhỏ. Anh Ánh làm nghề cắt tóc và có gia đình. Căn nhà thuê mướn vừa ở, vừa mở cửa tiệm hớt tóc. Tôi còn nhớ là cửa hiệu của anh nằm ở một đường phố nhỏ hẹp, cửa hàng buôn bán lèo tèo. Cửa hàng tồn tại là nhờ ở khách hàng quen, vì gia đình anh ở đó lâu rồi. Anh hành nghề có một mình không ai phụ cả. Do đó mà anh nhận anh Tạo ở lại học nghề. Ở chơi với gia đình anh Ánh mấy hôm, anh Chiên và tôi trở lại Côn Minh. Chúng tôi bàn tính là sau khi anh Tạo thành nghề rồi, sẽ trở lại Côn Minh cùng nhau sinh sống.



Một cảnh thành phố Côn Minh Trung Hoa

Ở Côn Minh hai chúng tôi tiếp tục tìm kế sinh nhai. Những ngày ở Côn Minh, tôi đã nhờ được người mang thư giúp về Hà Nội và mấy tháng sau tôi mới nhận được thư phúc đáp. Được thư nhà mừng hết nổi, tưởng phen này có sự giúp đỡ, nhưng mở thư ra thì chỉ vỏn vẹn có mấy hàng là đã nhận được, tuyệt nhiên không đả động gì về tình hình gia đình cả. Đó là thư của ông chú tôi, vừa từ hậu phương trở về Hà Nội và tá túc ở nhà người chú họ. Như vậy là tôi hiểu gia đình tôi còn đang sống ở ngoài vùng VMCS kiểm xoát.

Từ đó tôi không còn nhận được tin tức gì từ Hà Nội gửi sang nữa. Rồi một hôm, chúng tôi đi ra ngoài cửa Tây của thành phố tới thăm lò bánh đậu do hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường (Cung Thúc Vấn) mở tiệm. Căn nhà lá mà hai anh mướn, nằm cách xa thành phố khoảng ba cây số, thuộc vùng ngoại thành, như là một xóm quê. Tới nơi gặp hai anh đang làm bánh, tôi tự giới thiệu là đoàn viên QGTNĐ. Nghe vậy, hai anh tỏ ra sôt săng và mời chúng tôi ở lại ăn cơm. Trong nhà, tôi gặp lại hai anh Long (sau này là chủ nhà hàng Eden Roc ở đường Tự Do Sài Gòn) và anh Ngọc (tức Khuyến, sau này là Tổng Giám Đốc Sài Gòn Ngân Hàng).

Tôi thấy anh Hoàng Tường (Cung Thúc Vấn) cùng họ với ông chú rể của tôi là ông Cung Thúc Tỉnh, em ruột ông Tuần phủ Cung Đình Vận (bị CS giết ở trong trại tù) nên hỏi ra mới biết là cùng họ nhưng ở chi trên. Sau buổi gặp gỡ đó thì hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường bảo tôi ở lại sống vơi hai anh, có gì ăn đó. Trong khi chưa biết làm gì, tiền để dành ăn cũng gần hết, nên tôi chấp nhận. Anh Chiên trở về nhà hàng Nam Phong, giúp việc ở đó và tới đầu năm 1949 thì anh trở về Hà Nội.

Giữa năm 1950, tôi trở về Hà Nội thì anh Chiên đang phục vụ trong Bảo chính Đoàn (Bắc Việt) với cấp bậc Phó đốc Quân mang trên vai hoa thị trắng (gần như cấp bậc Chuẩn Úy). Từ đó tôi sống trong lò hay còn gọi là nhóm bánh đậu. Sở dĩ người ta gọi như vậy là vì có anh Xuân Tùng (Ủy viên Tổ chức Trung Ương VNQDĐ). Từ ngày sang sống ở Côn Minh, anh Xuân Tùng không còn làm việc gần gũi với ông Vũ hồng Khanh nữa, mà có xu hướng liên hệ mật thiết với ông Nguyễn tường Tam. Ông này lúc đó đang sống ở Hương Cảng. Trong nhóm bánh đậu xanh, lúc đó có sáu người kể cả tôi mới tới, gồm các anh: Xuân Tùng, Hoàng Tường, Nguyễn thành Long, Phạm ngọc Khuyến, Cung thành San. Bánh đậu mang nhãn hiệu “Việt Hương”.

Công tác được phân chia như sau: Anh Hoàng Tường giữ nhiệm vụ chính là pha chế bột đường, vani, mỡ và cán bột. Các anh Xuân Tùng, Long, Ngọc gói bánh. Anh San mang bánh lên Côn Minh giao cho các cửa tiệm ăn, uống. Còn tôi làm nhiệm vụ đi chợ, chẻ củi, nấu cơm, đãi đậu, xay đậu, rán mỡ và những công việc linh tinh. Xem ra thì có vẻ nhiều việc, nhưng lúc tôi còn trẻ, nên không lấy gì làm mệt mỏi cả, hơn nữa tôi đã trải qua những công việc làm than, nông nghiệp còn nặng hơn nhiều.

Thời khắc biểu hàng ngày của tôi như sau: sáng dậy lúc sáu giờ, đun một ấm nước sôi để pha trà, một chảo nước nóng nếu là mùa đông để đãi đậu, vì suối nước đóng thành băng, nếu không thì ra suối đãi đậu (đã ngâm đậu từ chiều hôm trước) bỏ vào nấu cho chín rồi mang đi phơi khô, đi chợ (không xa lắm) thường chỉ mua một củ cải (lớn bằng bắp đùi, cả nhà vừa đủ ăn) hoặc cà rốt (ăn sống ngọt như đường), mỡ heo (rán lấy mỡ làm bánh) còn tóp mỡ thì cho vào xào với củ cải. Ăn cơm song, tôi mang đậu sang nhà hàng sóm xay (dùng ngựa kéo), cuối cùng là rang đậu trước khi mang đi xay (rang làm sao cho đừng quá lửa, bánh sẽ có mùi khét) và nấu cơm chiều. Tối, chín mười giờ đi ngủ. Riêng việc luyện đường và rán mỡ, anh Hoàng Tường làm lấy vì sợ hư khó gỡ. Mỡ rán già thì sẽ khét, còn đường non thì bánh ướt, già thì bánh khô. Cán bánh thì phải kỹ và đều nếu không khi ăn sẽ bị sạn. Nếu hư hoặc không bán được hết, bị trả về, thì chỉ còn mang ra ăn với nước trà tàu. Đôi khi hàng ế, lâu ngày trả lại là thường. Tôi nhớ là có những ngày hàng bán ế ẩm, người thì đông, có khi mấy ngày phải ăn cháo thay cơm. Mấy anh Ngọc, Long học thêm ở đại học cũng phải thôi, vì đói quá học không nổi. Đói thì đói, nhưng nếp sống hàng ngày vẫn vui, vừa làm bánh vừa nói chuyện đời. Thôi thì đủ mọi lãnh vực, hết thời sự quốc tế, chính trị, kinh tế, tình hình địa phương.

Khi đó thường có các anh sống ở Côn Minh lâu, quen biết với Chính quyền và quân đội địa phương đến thăm, mang nhiều tin tức rất là sốt dẻo, ngoài ra anh Hoàng Tường lại đọc được báo tàu nên không đến nỗi mù tịt, như hồi chúng tôi sống ở dưới Séo lồng Thán. Nhờ tin tức qua lại, mà tôi được biết là tình hình Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch lâm vào tình trạng bi đát. Quân của CS Mao trạch Đông đang thắng thế ở mạn Bắc Trung Hoa. Kinh tế khủng hoảng, tiền tệ mất giá, và quân đội tham nhũng tràn lan. Lúc đó là cuối năm 1948. Do đó, Tỉnh Vân Nam, đặc biệt là Côn Minh cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng, nhất là về kinh tế. Việc làm ăn buôn bán bị đình đốn, lạm phát gia tăng.

Trong tình hình chung đó, cũng như tình hình chính trị ở Hà Nội có chiều thuận lợi cho các đảng cách mạng Quốc Gia hoạt động, nên đa số các anh thuộc Đại Việt Quốc Dân Đảng đã lên máy bay trở về nước qua sự can thiệp của Thủ hiến Bắc Việt, lúc đó là ông Nguyễn hữu Trí, một chức sắc trong Đảng Đại Việt quan lại.Tôi được biết, vào thời gian đó đã có anh nghe bản nhạc "Đàn chim Việt" với lời ca tung cánh chim tìm về tổ ấm, từ bên nhà gửi sang, đã không dấu nổi sự súc động, rồi sau đó gửi thư về nhà mua vé máy bay gửi sang cho anh ta về. Phải nói rằng phần lớn anh em trong lứa tuổi của tôi, tới lúc đó đã không còn hăng say vào lý tưởng cách mạng như lúc ban đầu. Họ trở về nước tiếp tục học lại rồi thành đạt với cuộc sống bình yên, còn lại một số ít tiếp tục sự nghiệp đấu tranh.

Thời gian qua đi như nước chảy qua cầu, chẳng mấy chốc đã hết năm. Một cái Tết Âm lịch Kỷ Sửu năm 1949 lại tới với cuộc sống lưu vong của chúng tôi. Như vậy là tôi đã trải qua ba cái Tết trên đất Trung Hoa. Lần thứ nhất tại Bản hoang Thiền, nằm sâu trong lãnh thổ Trung Hoa, khi rời Lào Kay vào Phòng Thô. Lần thứ hai tại Huyện Kim Bình, khi Mặt trận rút bỏ Chiến Khu Phòng Thô và lần thứ ba tại thành phố Côn Minh. Đối với chúng tôi, dĩ nhiên mỗi lần Tết đến, mang lại nhiều nỗi buồn hơn là niềm vui. Buồn vì tuổi đời càng chồn chất thêm mà sự nghiệp chưa thấy tới đâu cả. Còn vui, là cái vui của cảnh vật giữa một mùa Xuân tươi đẹp, cây cỏ xanh tươi, hoa nở đầy đồng, trong vườn, ngoài ngõ, khiến cho tâm hồn thanh thản, tin tưởng vào tương lai. Tôi còn nhớ một vài câu thơ do anh Hoàng Tường, nhân dịp đầu Xuân bên ly trà thơm nóng đã tức cảnh thành thơ.

Lại một mùa Xuân nữa nhuộm hồng,
Bừng phô sắc thắm cợt đông phong,
Mây trao, vừng nhớ, chim thưa thốt,
Gió thoảng hương thơm, bướm lượn vòng,
Lại một lần Xuân nữa hẹn hò,
Khiến cô hàng xóm thắm thêm môi,
Nỗi riêng hò hẹn chưa chi cả,
Mái tóc phong sương, trắng nửa rồi

Trên đương sống lưu vong tại Trung Hoa (30)

Dù sao cái Tết năm đó cũng thi vị hơn hai cái Tết trước với đầy bệnh tật và thiếu thốn. Ngày đó tuy không đầy đủ như ở quê nhà, chúng tôi vẫn có bánh chưng xanh (mua tại hiệu VN trên phố) có trà tàu, mứt gừng và bánh đậu xanh. Còn cơm nước thì thịt, rau sào hai ba món chứ không đến nỗi phải ăn cơm nếp, nhìn hoa mai nở ngoài trời như Tết ở Hoang Thiền, một cái Tết buồn đau nhất trong cuộc đời…Ra Tết, anh Xuân Tùng tổ chức một lớp bổ túc về chính trị tại Khai Viễn. Công việc làm bánh đậu vẫn tiến hành như thường lệ. Anh Hoàng Tường và anh San ở lại. Lớp học dự trù một tháng và đề tài thảo luận là chủ thuyết Mác-Xít và Dân Chủ Tự Do. Anh Xuân Tùng và anh Ngọc sẽ là thuyết trình viên trong những ngày hội họp ở Khai Viễn.

Chúng tôi ăn ở nhà một đồng chí thuộc VNQDĐ Hải Ngoại Bộ, còn hội thảo thì diễn ra ở trụ sở của Đảng Bộ Khai Viễn. Ngoài giờ dành cho lớp học của Đảng, chúng tôi tới học Anh văn tại nhà vợ chồng ông Mục sư Tin Lành người Mỹ. Hai ông bà đã có tuổi, hiền hậu, vui vẻ, chẳng mấy chốc đã tạo được bầu không khí thân mật, thoải mái. Các bài học giảng dạy thường nằm trong các kinh sách nên không mấy hấp dẫn, có lẽ ông bà muốn nửa dạy, nửa truyền đạo. Dù sao, với những ngày giờ ít ỏi ấy, chúng tôi cũng ôn được ít nhiều, nhất là về cách luyện giọng, mà trước kia học ở nhà trường đều do các giáo sư người Việt dạy.

Riêng trong chúng tôi có anh Ngọc là có khả năng về Anh văn, các tài liệu thảo luận đều do anh dịch thuật hết. Với các đề tài thật là rộng lớn, bao quát mà chỉ có một tháng để học tập và thảo luận thì quá ít ỏi.Riêng với tôi thì thật là mới lạ, mở

mang tầm hiểu biết rất nhiều, mà trước kia chỉ hiểu một cách lơ mơ, khái quát không căn bản. Nó giúp cho tôi củng cố niềm tin vào sự thắng lợi cuối cùng của Chủ Nghĩa Dân Tộc, Tự Do Dân Chủ.

Phải thú nhận rằng, nếu chỉ tìm hiểu chủ thuyết cộng sản trên lý thuyết mà không ứng dụng vào cuộc sống thực tế và đời sống của con người trong thời kỳ biến đổi của lịch sử, thì người ta có thể dễ dàng bị lý thuyết Cộng Sản ảnh hưởng, chi phối. Tổ chức được một lớp học như vậy, chỉ trong vòng một tháng, quả đã là một cố gắng hết mức, trong hoàn cảnh lưu vong, tài chính và kinh tế khó khăn. Theo tôi, lớp học nói lên một phần nào chấn chỉnh nội bộ VNQDĐ trong thời kỳ thất bại, dù rằng không được toàn bộ. Cũng qua lớp học đó, mà tôi nhận thấy sự hiểu biết về lý thuyết chính trị của phần lớn cán bộ, đảng viên VNQDĐ không được sắc bén cho lắm. Họ đi theo VNQDĐ vì lòng yêu nước chống thực dân Pháp giành độc lập, vì tinh thần cách mạng kiên cường của các lãnh tụ sáng lập VNQDĐ, và vì bất mãn với VMCS. Có một số thành phần thì lập trường tranh đấu của họ dễ chao đảo và phản bội.

Chứng minh rõ rệt nhất là sau khi Mặt trận Quốc Dân Đảng thất bại lưu vong sang Trung Hoa, hoặc trong khi đang còn chiến đấu trong chiến khu, đã có một số bỏ chạy không lý do. Sau này những thành phần đó chạy theo Thực dân Pháp, làm tay sai phản tuyên truyền, phá hoại làm cho danh tiếng của VNQDĐ bị tổn thương, khiến cho những đảng viên có tâm huyết cũng đâm ra khó chịu, đôi khi sa sút tinh thần. Đó là kết quả của sự tổ chức thiếu khoa học, kết nạp đảng viên hoặc cảm tình viên không chọn lọc kỹ lưỡng trong những ngày cách mạng tháng 8/1945 chống Việt Minh Cộng Sản. Sau này, đã có nhiều người vỗ ngực tự sưng là đảng viên VNQDĐ để hoạt động mà chẳng ai biết nguyên lai, xuất xứ từ đâu. Anh Xuân Tùng là Ủy viên Tổ chức của Đảng, có phần trách nhiệm về việc đó. Anh hiểu điều đó, và vì nguyên do đó nên đã có lớp học vừa nói trên. Đồng thời giáo dục, huấn luyện, rút ra từ những kinh nghiệm bản thân mà ông Nguyễn tường Long (nhà văn Hoàng Đạo) đã viết ra trong cuốn sách cách mạng bản thân, sau khi lưu vong sang Quảng Châu (Trung Hoa).

Lớp học bế mạc, hai anh Xuân Tùng và Ngọc trở lại Côn Minh, tôi lên Ma Cái (Séo Lồng Thán) học cắt tóc. Lúc đó tại cửa hiệu vẫn có các anh Tuấn Khanh, Nguyễn sĩ Hồng và chú Thành (còn nhỏ tuổi). Một thời gian sau, có anh Nguyễn Thái Nỉ (em út cố đảng trưởng Nguyễn thái Học). Anh Nỉ cũng trạc tuổi chúng tôi, hiền lành, ít nói, có vẻ chậm chạp không lanh mấy. Sau một thời gian không lâu, trở lại khu vực ngày nào sống lầm than, cực khổ tại mỏ than và trại nông nghiệp, tôi cũng cảm thấy xốn sang trong lòng khi gặp lại các bạn thân thuộc. Cửa hàng cắt tóc từ ngày tôi rời khỏi chợ Ma Cai đã tiến triển, phát đạt hơn trước nhiều. Khách hàng trong vùng quen dần, kể cả ông chủ và đốc công của chúng tôi trong mỏ than cũng tới cắt tóc. Đã có một vài anh sau khi ra nghề, được cấp một bộ đồ đi nơi khác làm ăn. Cửa hiệu ở đây chỉ cáng đáng nổi bốn người. Tôi còn nhớ hồi đó, làm được bao nhiêu tiền là ưu tiên dành cho việc mua gạo, vì vậy cái chum đựng gạo trong nhà phải luôn luôn đổ đầy. Ngoài số người ăn chính thức, thỉnh thoảng còn có các anh em ở nơi khác đến thăm ở lại ít ngày. Tiệm hớt tóc của chúng tôi vô hình chung trở nên trụ sở của các anh em lưu vong sống từ Côn Minh tới Khai Viễn, Mông Tự.

Chúng tôi cùng một hoàn cảnh, một hoài bão nên thương yêu, giúp đỡ nhau tận tình. Tinh thần đó vẫn còn tồn tại và phát triển cho tới mãi đến sau này. Chợ Ma Cái cứ năm ngày có một phiên chợ chính, họp chợ từ sáng sớm cho đến xế chiều mới tan.

Quang cảnh chợ búa thật đông đảo, ồn ào. Tiếng động, tiếng nói, tiếng la không bao giờ ngớt. Người Trung Hoa có thói quen thích nói nhiều và ồn ào. Những hôm có chợ phiên, chúng tôi dạy sớm hơn thường lệ, quét trong ngoài, bày biện đồ nghề, chuẩn bị sẵn sàng. Cửa tiệm lúc mới mở chỉ có hai ghế thì nay có ba ghế. Hai thợ chính là anh Tuấn Khanh và Hồng, tôi và chú Thành phụ tá lo đun nước, gội đầu và quét dọn, vì là thợ mới học nghề. Chợ về trưa, càng đông, thì khách vào hớt tóc càng đông đảo. Chúng tôi phải để riêng một ghế dài cho khách ngồi đợi và hút thuốc, nên họ rất ưng ý về cách tiếp tân của cửa tiệm. Trong khi các cửa tiệm của người địa phương rất luộm thuộm và dơ bẩn, các khăn quàng, đồ nghề, gương soi cửa tiệm chúng tôi đều trắng tinh, sáng bóng, vì thế có thể nói không một phiên chợ nào là ế ẩm cả. Suốt từ sáng đến chiều tối, không ngớt khách vào hớt tóc, luôn tay không ngừng nghỉ, tôi và chú Thành đun nước gội đầu không kịp. Quả là một ngày làm việc hết mình, nhưng vui và không biết mệt…

Càng làm nhiều thì càng kiếm được nhiều. Tuy vậy, tiền của kiếm được không phải phục vụ riêng ai mà là của chung. Chỉ có một điều là ăn uống được đầy đủ hơn. Tôi còn nhớ là mỗi phiên chợ hớt tóc xong, chúng tôi ra chợ mua một cái đầu heo để tự khoản đãi sau một ngày làm việc thắng lợi. Trong vùng chúng tôi ở, đầu heo giá rất rẻ vì dân chúng không thích, hay kiêng cữ gì đó. Theo thời giá lúc đó, thì mỗi lần hớt tóc lấy năm hào (tiền hoa xòe có pha chất bạc), khi đó tiền quan kim bị mất giá nên không ai dùng tới. Cứ hai tiền năm hào là một đồng, mà theo tôi nhớ thì cứ khoảng năm, sáu người khách là có đủ gạo ăn.

Ngày chợ phiên như ở Ma Cái, chỗ chúng tôi mở cửa thường trực, ngày đông khách nhất có thể lên tới ba chục người, ngoài phiên chợ chính ở Ma Cái, còn có hai chợ phiên khác ở trong vùng cách chỗ chúng tôi ở khoảng năm, sáu cây số. Các ngày chợ phiên đó thì anh Hồng và tôi phụ trách, anh Tuấn Khanh và chú Thành trực ở nhà. Khi đi làm, anh Hồng mang đồ nghề, tôi mang gương (trong nghề học cắt tóc gọi là đãi gương). Tới chợ, tại địa điểm đã lựa chọn sẵn, thường thì ở bên bức tường cao hoặc dưới một cây lớn có bóng mát. Các vật dụng như: tấm bạt che, ghế, chậu rửa mặt thì gửi nhà dân, chúng tôi chỉ việc bầy ra không đầy mười phút là có thể hớt tóc được ngay.

Những phiên chợ phụ đó, tuy không đông đảo bằng chợ Ma Cái, nhưng khách tới hớt tóc cũng khá đông. Bết lắm, chúng tôi cũng có năm, sáu người khách. Về cắt tóc cái nào khó thì anh Hồng hay anh Tuấn Khanh phụ trách, còn trái lại dễ và con nít thì tôi hớt.

Trong nghề hớt tóc lúc đó, chúng tôi ngán nhất là phải hớt trọc (họ gọi là Thỉ). Người tại địa phương, nhất là dân Xạ Phang thường thích cạo trọc nhẵn thín. Cạo trọc trước hết phải gội đầu nước nóng cho mềm tóc, sau dùng dao để gọt. Dao sắc thì chỉ cần đưa vài lần là sạch. Với dao của Pháp hay của Đức thì phải mài lại tới hai, ba lần, còn dao của Trung Hoa làm ở Tứ Xuyên thì chỉ cần một lần. Tuy nhiên

gặp phải cái đầu gồ ghề thì khó hơn, không chừng có thể đứt da, chảy máu như chơi. Những lúc đó chỉ còn có xin lỗi, đôi khi chỉ lấy nửa tiền. Có người khó tính, họ to tiếng, sửng cồ thiếu điều dẹp tiệm. Nhưng may trong cuộc đời hớt tóc ăn tiền của tôi chỉ bị có một lần, là khi đi hớt tóc chung với anh Hồng ở bên chợ Séo Lồng Thán.

Khi tôi mới tập hớt tóc được hai, ba tháng, hôm đó tôi hớt tóc xong cho một ông khách, không hiểu sao ông ấy lại ngắm nghía trong gương thật lâu, rồi bất ngờ ông ta la lớn chỉ vào hai bên tóc mai. Nhìn ra tôi chợt thấy là hai bên tóc mai cắt xén không đều, bên cao, bên thấp. Anh Hồng phải nhiều lần xin lỗi, rồi sửa lại, ông ta mới thôi. Từ đó mỗi lần hớt tóc là tôi chăm chú vào hai bên tóc mai. Thành thử vinh do nghề, mà nhục cũng do nghiệp là vậy.

Về học nghề phải nói rằng, bọn chúng tôi học rất nhanh, một phần cũng do khéo tay, sáng trí, lại có thêm óc thẩm mỹ, nên không những hớt nhanh mà lại còn đẹp nữa. Cũng vì sự khéo léo trong nghề nghiệp và tiếp đãi vui vẻ với mọi người, nên các ông chủ cắt tóc tại địa phương tỏ ra không ưa chúng tôi lắm, vì lấy hết khách của họ. Nhưng những gia đình ở gần chúng tôi thì lại đối xử rất thân thiện. Những thời giờ rảnh rỗi thường lại trò chuyện không dứt. Họ đã kháo với nhau là cái bọn "Á nàn dần" (Việt Nam) cái gì chúng cũng biết.

Học hớt tóc có hai, ba tháng đã lành nghề, mà quả đúng như vậy, đối với người địa phương mới học thì ít nhất cũng phải mất một năm. Người chủ ít khi truyền dạy ngay mà họ bắt người học nghề làm những chuyện không đâu, gần như giúp việc trong nhà. Họ dạy theo cách lâu lâu làm một việc thành thử thời gian học nghề lâu là như vậy, chứ thực ra có gì khó khăn đâu. Sự thực họ muôn giữ nghề, không muôn có nhiều người hớt tóc, thiệt hại cho sự làm ăn của họ, thế thôi. Còn đối với chúng tôi thì lại khác, càng nhanh càng tốt, để hầu giúp anh em thoát ra khỏi cảnh lầm than, khổ cực.

Ở Ma Cái vài tháng, sau khi hớt tóc thành thạo, anh Hồng và tôi rời cửa hiệu lên Côn Minh, để dành chỗ cho các anh em khác tới học nghề. Anh Tuấn Khanh, anh Thái Nỉ và chú Thành tiếp tục trông coi cửa tiệm. Lần ra đi sau này, tôi không còn có dịp trở lại nữa. Một nơi đã để lại khá nhiều kỷ niệm, có thể nói là đến giờ phút này tôi vẫn có thể phác họa ra từng con đường, căn nhà, cây đa cổ thụ, phố chợ Ma Cái, trại nông nghiệp, mỏ than v..v.. Lên tới Côn Minh, tôi không còn sống ở lò bánh đậu nữa mà chỉ thỉnh thoảng đến hỏi tin tức bên nhà và tình hình thế giới. Các anh em quen biết trong trường Lục Quân Yên Bái sinh sống ở Côn Minh hầu như trở về VN gần hết, trong đó có anh Chiên và anh Long ở lò bánh đậu. Sống ở Côn Minh ít ngày, thì anh Tạo ở Chí Cái, Nghi Lương lên. Thế là anh em chúng tôi như ước muốn có nghề cắt tóc trong tay, không còn sợ chết đói nữa.

Rồi một hôm, tình cờ đi dạo phố, chúng tôi đã làm quen với một anh người Việt Nam đi lính trong quân đội Lư Hán. Anh này thấy chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Việt, nên ngừng lại hỏi tin tức về người quen ở Côn Minh. Rồi sau đó chúng tôi rủ nhau vào một cửa tiệm uống nước tán gẫu. Anh bạn mới gặp tên Nhung. Anh gia nhập quân đội Trung Hoa từ trước ngày chúng tôi tới Trung Hoa. Anh mang cấp bậc Trung sĩ phục vụ trong đơn vị quân nhạc, sau đổi sang ngành hỏa đầu vụ (lo

về ăn uống cho binh lính). Chúng tôi cho anh biết là chúng tôi có nghề cắt tóc, đang tìm chỗ làm, thì anh đề nghị chúng tôi tới phục vụ trong đơn vị của anh ta. Anh ta cho biết là sẽ tìm cách giới thiệu không mấy khó khăn. Chúng tôi đang cần có việc làm nên bằng lòng ngay. Sau khi quay về chỗ nhà quen lấy hành lý và đồ nghề, chúng tôi cùng anh Nhung đi ngay về đơn vị anh.

Đơn vị nằm trong Bộ Tư Lệnh (BTL) Sư Đoàn 125 đóng tại Tchapả cách Thủ phủ Côn Minh chừng nửa tiếng đi xe hơi. BTL đóng trên một vùng đồi ít cỏ cây, làng mạc chung quanh thưa thớt, nhà cửa xây bằng gạch, rộng rãi, thoáng mát, nói chung không đến nỗi tồi lắm. Tới nơi, anh Nhung bảo chúng tôi đợi ở một căn nhà tiếp khách ở ngoài cổng trại, để anh đi tìm sĩ quan quen biết giới thiệu. Khoảng nửa giờ sau, thì anh Nhung cùng đi ra với một sĩ quan Trung Hoa. Ông này vừa thấy chúng tôi là tiếp chuyện niềm nở ngay. Ông không nói tiếng tàu mà nói tiếng Việt khá trôi chảy. Sau đó, ông mời chúng tôi vào văn phòng làm việc của ông ta ở trong trại. Theo anh Nhung cho biết thì ông ta mang cấp bậc Đại Úy, phục vụ trong ngành tài vụ. Sư Đoàn 125 có sang VN giải giới quân đội Nhật, do đó có nhiều sĩ quan biết nói tiếng Việt. Bởi vậy khi biết chúng tôi mới ở VN qua, họ tỏ ra thân mật hơn. Ông Đại Úy cũng mang họ Hoàng như tôi. Sau khi nói chuyện về VN một hồi, ông thảo luận với thượng cấp rồi chấp thuận cho chúng tôi phục vụ trong đơn vị của BTL Sư Đoàn với cấp bậc Trung sĩ đồng hóa đặc trách về cắt tóc.

Về lương lậu tính theo tổng số binh lính trong đơn vị. Theo ông cho biết thì khoảng 300 người kể cả binh sĩ lẫn sĩ quan. Theo quy định, thì mỗi người có quyền hớt tóc hai lần một tháng. Hớt hay không thì cứ ba hào nhân với 300 người mà lãnh tiền vào cuối tháng. Với thời giá lúc ấy thì cũng khá lắm, nghĩa là ba anh em chúng tôi bắt đầu có của ăn, của để, đề phòng cho ngày mai bất trắc.

Về ăn uống thì cũng ăn một chế độ với binh sĩ, cũng không đến nỗi tệ lắm. Cơm nước thì theo cách đồ luộc sôi nên ăn lạt lẽo, vì trước khi cho vào chảo phải luộc gạo cho gần chín. Cứ mỗi tuần lại được một bữa ăn thịnh soạn hơn gồm có thịt cá. Sở dĩ BTL làm vậy là để trấn an, lấy lòng binh sĩ, vì có khi hai, ba tháng mới phát lương. Khi đó, tiền tệ của Chính quyền Trung Hoa đang mất giá vì lạm phát, nạn tham nhũng đang lan tràn trong quân đội từ Trung ương đến địa phương. Ở trung tâm thành phố, một phố rất lớn, gần như hai phần ba nhà cao tầng do ngân hàng ngự trị. Người ta mệnh danh là Đại lộ ngân hàng.

Trước khi tới Tchapa của Sư Đoàn 125, thì phần lớn các ngân hàng đã đóng cửa và biến thành các tiệm uống trà. Tôi được kể lại là khi ngân hàng không đủ tiền trả lại cho khách hàng thì toàn thể đã biểu tình xông vào cướp phá, làm náo loạn cả thành phố. Để duy trì an ninh trật tự, Tướng Lư Hán đã ra lệnh cho quân dội can thiệp. Kết quả là một số đã bị bắt giữ, trong đó có một người VN. Thừa lệnh tên sĩ quan chỉ huy, đã mang một vài tên chủ mưu ăn cướp ra xử bắn ngay tại hiện trường. Riêng người VN đã may mắn thoát nạn nhờ sự can thiệp của VNQDĐ Hải ngoại Bộ Côn Minh.

Những ngày còn lang thang ở Côn Minh, chúng tôi đã vào các cửa tiệm uống nước tiêu sầu. Vì căn phòng của ngân hàng rất rộng rãi, có thể chứa hàng trăm người. Căn phòng thật là nhộn nhịp, đủ mọi thành phần, khói thuốc bao tỏa, tiếng rít thuốc

lào ầm ĩ, tiếng cười, tiếng ồn ào không phân biệt được là cái gì. Vào đó, người ta có thể uống nước trà cho đến khi nào không còn là nước trà nữa thì thôi. Cũng tại nơi đây, là chỗ dành riêng cho những kẻ thất nghiệp, ít tiền mà ngồi được lâu. Có người đã lợi dụng thời gian rảnh rỗi để ngồi viết thư.

Sau khi được chấp thuận cho làm việc hớt tóc tại Sư Đoàn 125, chúng tôi được cấp một căn phòng ở ngay cạnh phòng cắt tóc của doanh trại. Mấy người phụ trách cắt tóc trước chúng tôi đã xin nghỉ mấy ngày trước. Đó là dịp may cho chúng tôi. Trong phòng có một cái giường lớn và một giường nhỏ vừa đủ cho ba anh em chúng tôi. Ngoài ra còn được cấp phát mỗi người một mền bông, hai bộ đồ quần áo bông, bốn bộ sà cạp, một mũ lưỡi trai và một đôi hải sảo bằng sợi. Còn tại phòng cắt tóc, thì bàn ghế, gương đủ cho ba người hớt cùng một lúc.

Suốt mấy tháng trời làm việc tại đó, có thể nói phần lớn là binh sĩ đều hớt trọc bằng dao, chỉ có một số ít là hớt bằng tông đơ. Riêng với sĩ quan, thì ít người húi trọc và chúng tôi dành một ưu đãi đặc biệt để lấy lòng họ khỏi tìm cách gây khó khăn. Do chúng tôi được mang cấp bậc Trung sĩ, nên binh sĩ trong đơn vị cũng phải tuân theo kỷ luật, hệ thống quân giai. Vì vậy, mỗi khi một binh sĩ vào phòng hớt tóc phải đứng nghiêm chào hỏi đàng hoàng, khi ra cũng phải chấp hành như vậy.

Tôi nhớ có lần vì cạo nhanh quá, nên làm đứt da chảy máu, anh chàng binh sĩ kêu đau và phàn nàn. Tôi bèn lên tiếng bảo anh chàng là "binh sĩ kêu đau cái gì, ra trận làm sao được." Thế là anh ta cười xòa rồi đứng dậy chào và đi ra khỏi phòng tức khắc. Bây giờ ngẫm lại vẫn cười thầm trong bụng, và thấy rằng mấy anh lính Lư Hán quả là hiền và kỷ luật. Công việc nói chung cũng không đến nỗi vất vả lắm, có ngày vắng, có ngày đông, nhất là vào ngày cuối tháng để binh sĩ điểm binh vào ngày đầu tháng. Có khi chúng tôi phải hớt tóc tới khuya mới nghỉ.Tuy nhiên làm có tiền nên cũng chẳng phiền hà gì.

Trong tình trạng kinh tế suy thoái, lạm phát gia tăng. nạn tham nhũng trong quân đội ngày càng lan rộng, khiến binh sĩ chán nản, bất mãn, đào ngũ càng nhiều. Để tránh nguy cơ biến loạn nên Bộ Tham Mưu của Tướng Lư Hán bằng cách tổ chức các cuộc thanh tra quân số, ngõ hầu ngăn chặn một phần nào lính ma, lính kiểng, cắt xén tiền lương, tiền ăn của binh sĩ. Để tiến hành các cuộc thanh tra, Bộ Tham Mưu (BTM) chỉ thông báo trước một, hai ngày. Tuy với thời gian ngắn như vậy, các đơn vị bị thanh tra vẫn tìm được mọi cách để qua mặt Ban Thanh Tra, vì không thể huy động, tập trung cả một Sư Đoàn cùng một lúc, nên phải kiểm tra từng Trung đoàn một. Do đó, BTM của Sư Đoàn vẫn có thể điều động một số binh sĩ của Trung Đoàn này sang bù đắp quân số thiếu hụt của Trung Đoàn kia. Tôi nghĩ là Ban Thanh tra biết rõ, nhưng rồi cũng làm lơ, kiểm tra lấy lệ, vì đã được ông Tư lệnh Sư Đoàn bỏ nhỏ sau lưng rồi. Sư Đoàn 125 của chúng tôi cũng nằm trong những đơn vị bị thanh tra.

Sau khi các đơn vị của Sư Đoàn đã hoàn tất kiểm tra, thì cuối cùng tới đơn vị thuộc BTL Sư Đoàn. Chúng tôi mang cấp bậc Trung sĩ, nhưng thực tế không có tên trong danh sách lĩnh lương, cũng được sĩ quan tham mưu yêu cầu tập họp điểm danh thay thế những binh sĩ vắng mặt. Do đó, mỗi anh em chúng tôi được gán cho một cái tên để đến khi Ban Thanh Tra gọi điểm danh thì hô có mặt.

Theo tôi biết thì lúc đó binh sĩ đào ngũ rất nhiều, một phần vì bất mãn không có lương, phần khác do sự tuyên truyền cổ động của CS nằm vùng. Lẽ ra một binh sĩ khi đào ngũ, thì đợi khoảng một thời gian, rồi báo cáo gạch tên đương sự trong sổ quân lương, nhưng đơn vị không làm vậy mà cứ coi như có mặt để làm sổ lương như thường lệ. Có Trung Đoàn quân số ba ngàn người thì trên thực tế chỉ có trên dưới hai ngàn.

Tình trạng này không phải chỉ xẩy ra với đơn vị của Lư Hán mà cả vơi những đơn vị của Trung ương Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng giới Thạch. Như vậy thì hỏi làm sao chế độ Quốc Gia của họ Tưởng không sụp đổ cho được. Do đó, quân CS Mao Trạch Đông cứ mỗi ngày mỗi phát triển, tiến tới đâu thắng tới đó, có khi không cần giao chiến, quân Tưởng đã bỏ súng chạy hay đầu hàng. Số lượng vũ khí khổng lồ do viện trợ Mỹ, vô hình chung đã rơi vào tay CS.

Trên đường sống lưu vong tại Trung Hoa (31)

Ngày thanh tra khởi sự rất sớm. Chúng tôi ăn mặc như một binh sĩ Lư Hán chính hiệu và cùng các binh sĩ trong đơn vị tập hợp nghiêm chỉnh tại Thao trường. Đúng giờ ấn định, Tư lệnh Sư Đoàn cùng Trưởng đoàn thanh tra cưỡi ngựa duyệt hàng quân trong tiếng hô vang của các cấp chỉ huy và ban quân nhạc. Sau phần nghi lễ, đến phần kiểm tra quân số. Có hai sĩ quan phụ trách một đơn vị cấp Đại Đội. Một người kêu tên, một người đối chiếu danh sách. Khi đến phiên gọi tên chúng tôi thì mọi chuyện êm xuôi, dù sao cũng là người có học, nói một lần là thuộc ngay. Nhưng đã có một vài binh sĩ đã quên mất tên gán cho mình, đến khi gọi tên, anh ta cứ tỉnh bơ, khiến sĩ quan đơn vị phải nhác khéo.

Nghĩ lại, tôi vẫn không nhịn cười được. Tuy nhiên mọi việc cũng đều êm xuôi, cả hai bên đều vui vẻ kết thúc bằng một bữa tiệc linh đình. Ngày đó chúng tôi cũng được hưởng một bữa ăn ngon lành. Người địa phương gọi là "Tả gia Trí". Thời gian đó thuộc khoảng tháng mười dương lịch năm 1949. Tin tức được biết thì Chính quyền Trung Hoa Quốc Gia đã suy sụp gần đi đến chỗ tan vỡ hoàn toàn. Quân của Trung Cộng Mao trạch Đông, đang chuẩn bị vượt qua sông Dương Tử để tiến xuống miền Hoa Nam, và trong tương lai Tỉnh Vân Nam sẽ là mục tiêu cuối cùng của trận thư hùng Quốc Cộng tại Trung Hoa.

Rồi một hôm, chúng tôi nhận được tin là Sư Đoàn chuẩn bị lên đường xuống vùng Đại Lý giáp ranh với Miến Điện và sẽ có thể rút lui sang đó. Việc đi hay ở là do chúng tôi quyết định, nhưng sau nhiều giờ bàn luận chúng tôi đồng ý theo Sư Đoàn một chuyến xem sao, dù sao chúng tôi còn trẻ, thích phiêu lưu mạo hiểm. Hơn nữa nếu Côn Minh rơi vào tay CS, thì thế nào chúng tôi cũng phải ra đi, nếu không muốn chúng bỏ vào tù. Bọn VMCS nằm vùng sẽ nổi dậy và mục tiêu trước mắt của chúng là tiêu diệt VNQĐĐ, kẻ thù số một của chúng.

Sư Đoàn ra đi bằng quân xa. Rời khỏi vùng ngoại vi phía Tây của Thành phố, đoàn xe khởi sự đi vào xa lộ Côn Minh – Miến Điện. Con lộ này được xây dựng do sự giúp đỡ tài chính và chuyên môn của Đồng Minh, đặc biệt là Hoa Kỳ. Nó có một mục tiêu chiến lược là dùng để chuyển vận tiếp tế, hàng hóa quân sự cho Chính quyền Tưởng Giới Thạch đóng đô tại Trùng Khánh (Tỉnh Tứ Xuyên) trong thời kỳ

kháng Nhật. Con đường này quả là gian nan, hiểm trở, băng qua các đồi núi, các thung lũng hẹp, suối sâu. Ngồi trên xe tuy thích thú với cảnh thiên nhiên hùng vĩ, nhưng lúc lên đèo, xuống núi quanh co hình chữ chi muốn rợn cả người. bởi vậy lái xe trên đoạn đường này đòi hỏi những tài xế nhiều kinh nghiệm, quả cảm, lanh trí. Nếu không, chỉ sơ xẩy một chút là rơi xuống vực sâu.

Ai đã từng lái xe trên đèo Ngoạn Mục (Phan Rang-Đalat) thì chỉ bằng một phần ba và ngắn hơn nhiều. Tính ra thì Xa lộ Côn Minh-Miến Điện dài khoảng 500 cây số. Từ Côn Minh tới Đại Lý (như một Huyện), đường chạy dài trên đồi núi cao, nhưng khi gần tới Đại Lý thì xuống dần. Đại Lý là một vùng tương đối bằng phẳng, ruộng đất phì nhiêu. Đại Lý trước kia là đất của Mạnh Hoạch, đã bẩy lần bị Khổng Minh bắt mới chịu đầu hàng.

Đoàn xe tơi Thị trấn Thanh Phong thuộc Đại Lý vào khoảng xế chiều và cũng tại nơi đó Sư Đoàn tạm dừng quân chờ lệnh tiếp của Lư Hán ở Côn Minh. Tính theo lộ trình thì đoàn quân đã đi được hai phần ba đường và đoạn tiếp tới biên giới Miến Điện không còn khó khăn nữa. Những ngày dừng quân, nhàn rỗi chưa làm gì, chúng tôi rủ nhau tản bộ ra phố xem dân cho biết sự tình.

Thị trấn Thanh Phong cũng gần như Mông Tự, dân chúng làm ăn cũng khá nhộn nhịp. Đời sống có vẻ bình an, trầm lặng gần như chưa biết chiến tranh là gì. Nhưng từ khi Sư Đoàn rút về đóng quân tại đó thì dân tình xem ra lo lắng, bàn tán nhiều. Ngoài ra trong Thị trấn đã xuất hiện những hoạt động võ trang tuyên truyền của CS. Tại một góc chợ, tình cờ chúng tôi được thấy tận mắt một anh cán bộ CS đứng trên một cái bàn cao, lưng đeo súng lục, tay câm loa đang hò hét, tuyên truyên xách động quần chúng, y hệt như mấy tên VMCS ở Việt Nam, trong những ngày đầu cách mạng tháng 8/1945.

Trong đám quần chúng bu quanh, tôi thấy lẫn lộn cả binh sĩ của Lư Hán, kể cả chúng tôi, nhưng không ai phản ứng gì cả, kể cả Chính quyền địa phương. Sư Đoàn đóng quân được mười ngày, thì bỗng nhiên có lệnh quay về Côn Minh, khiến chúng tôi nghĩ ngay có chuyện gì xẩy ra. Thế là giấc mộng phiêu lưu sang Miến Điện không thành. Chúng tôi đành theo đơn vị hồi về cố quận.

Lượt về, đoàn xe ngừng lại một địa điểm cách Thành phố Côn Minh mấy chục cây số. Sau đó đoàn xe trở lại Thanh Phong tiếp tục chở các đơn vị còn lại. Anh Hồng , trước khi rời Tchapa, anh bị điều động sang một đơn vị khác, nên khi Sư Đoàn trở lại Côn Minh, đơn vị của anh bị xếp đặt vào đợt chót. Do đó, khi mà anh Tạo và tôi rời bỏ Sư Đoàn về lại Côn Minh hơn một tháng mà vẫn không thấy anh về. Sau này liên lạc được với anh thì mới biết là đơn vị không có xe, nên phải nằm lại Thanh Phong chờ đợi.

Sau này, chúng tôi bắt được liên lạc qua một bức thư của anh nhờ gia đình anh Tạo tại Hà Nội gửi sang Mỹ cho biết là anh đã trở về VN năm 1951 trong vùng VMCS kiểm xoát. Anh cho biết thêm là sau khi chúng tôi rời bỏ Côn Minh thì anh vẫn phục vụ trong quân đội Lư Hán một thời gian ngắn, rồi sau đó đặt dưới quyền chỉ huy của các cán bộ CS. Trở về với gia đình, anh lấy lại tên cũ và làm việc cho VMCS tới sau năm 1975 mới về hưu trí. Tôi rất tiếc là khi trở về thăm nhà ở Hà

Nội năm 1989 tôi đã không biết anh có ở đó không, nếu biết thì hai anh em gặp lại nhau thì vui mừng biết bao, vì hai chúng tôi sống với nhau quá nhiều kỷ niệm. Nhưng quả đất tròn, thế nào cũng có ngày gặp lại nếu còn sống. Tôi nghiệm thấy cuộc đời tôi đã xẩy ra như vậy và cũng sẽ xẩy ra trong tương lai. Chứng minh là đã tưởng bỏ mình ở Chiến khu, không bao giờ trở lại Hà Nội, rồi thì năm 1950 tôi lại có mặt ở Hà Nội.

Rồi Việt Trì, Yên Bái, Lào Kay năm 1946, thì năm 1978 lại quay lại, dù rằng ở một hoàn cảnh khác nhau. Sau 1954, hai miền Nam Bắc phân ly, tôi trở vào Nam phục vụ trong quân đội, rồi cũng tưởng rằng sẽ chẳng còn bao giờ trở lại quê nhà, thăm gặp lại anh em sau bốn mươi năm xa cách, kể từ đầu năm 1946, tôi rời gia đình lên Đệ tam chiến khu của VNQDĐ. Vào tù CS, cũng tưởng không có ngày về, nhưng rồi lại trở về Sài Gòn. Các anh em thân thiết sau 30/4/1975 di tản qua Hoa Kỳ, thì cũng có bao giờ mong ngày tái ngộ, thế rồi cuối năm 1991, chúng tôi lại gặp nhau trên đất Hoa Kỳ, như thuở nào trên đất Côn Minh. Do đó, tôi nghĩ lại có ngày trở về Sài Gòn khi hết chề độ cộng sản như mọi sự thể đã diễn ra trong cuộc đời tôi.

Khi đơn vị của tôi vừa tới địa điểm dừng quân, là chúng tôi được tin quân đội của Lư Hán đã đảo chính, dành quyền chỉ huy toàn bộ Thành phố Côn Minh. Các đơn vị thuộc Chính quyền Trung Ương Trung Hoa Quốc Dân Đảng rút ra khỏi Thành phố và sau đó một số ít thuộc thành phần chủ chốt đã được không vận sang đảo Hải Nam, rồi kế tiếp là Đài Loan. Các đơn vị còn lại rút xuống Khai Viễn rồi chạy qua VN, ở cửa khẩu Hồ Kiều, vào khu vực chiếm đóng của quân đội Pháp. Nghe đâu các đơn vị này được Pháp tập trung về Cam Ranh (VN) rồi sau đó được chở bằng đường thủy đến Đài Loan.

Anh Tạo và tôi, vội vã trở về Côn Minh coi tình hình biến chuyển ra sao với anh em còn lại trong Thành phố. Việc đầu tiên, chúng tôi tìm tới chỗ anh Xuân Tùng, vì ở đó thường có những tin tức mới lạ. Tới nơi, tôi vẫn thấy các anh đang làm bánh và trò chuyện như không có gì xẩy ra cả. Chúng tôi cũng cho các anh hay là chúng tôi mới từ Đại Lý trở về. Anh Xuân Tùng cho hay là tính hình không thuận lợi, nhưng đợi một thời gian sẽ tính. Anh cũng cho hay là một số đã bỏ về phía Nam để chuẩn bị về VN nếu cần. Tin tức cũng cho biết VMCS đang hoạt động trong bí mật đã bắt đầu hoạt động công khai, kiểm tra sự lui tới của anh em VNQDĐ giữa Côn Minh và Khai Viễn. Tuy nhiên chúng vẫn còn e ngại không rõ Lư Hán có thực tâm ngả theo CS hay không? Trong khi quân đội Lư Hán đảo chính Chính quyền Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng, thì quân đội Trung Cộng đã vượt qua sông Dương Tử, ào ạt tiến xuống miền Nam. Chính quyền Lư Hán hy vọng Trung Cộng sẽ dành cho quyền tự trị như thuở còn Tướng Long Vân. Khi chúng tôi trở lại Côn Minh, thì quân của Mao đã tới ranh giới phân chia hai Tỉnh Quảng Tây và Quý Châu. Sở dĩ Tướng Lư Hán đảo chính Tưởng giới Thạch để hy vọng được Trung Cộng để tâm nâng đỡ, nhưng hắn đã sai lầm lớn. Khi chúng tôi tới Quế Dương (Thủ phủ của Quý Châu) đọc báo mới hay là Lư Hán được Trung Cộng dành cho chức vị Phó Chủ Tịch Tỉnh Vân Nam. Không biết sau đó cuộc đời của tên phản phúc Lư Hán ra sao?

Trong khi chờ đợi tình hình diễn biến để quyết định ra đi, anh Tạo và tôi mở cửa hàng cắt tóc ngay ở ngoài cổng thành Côn Minh. Làm được vài ngày, chúng tôi xin được chân cắt tóc cho một đơn vị đóng ở trên cổng thành. Thành phố Côn Minh gồm có nội thành và ngoại thành, ngăn cách bởi một bức tường bao quanh. Các bức tường dày khoảng mười thước và cao chừng bẩy thước và có bốn cửa ở bốn hướng. Ở ngoài bức tường là giao thông hào rộng và sâu. Thành nội Huế của VN là hình ảnh thu nhỏ đối với thành Côn Minh.

Trên mỗi cổng thành là một tòa nhà rộng lớn có mái cong như tranh vẽ trong truyện kiếm hiệp Trung Hoa, có thể chứa được hàng trăm người. Cổng ra vào như một đường hầm. Trong Thành là trung tâm của thành phố, gồm các phố phường buôn bán nhộn nhịp, các cơ quan làm việc của Chính quyền. BTL của Lư Hán đóng trên một ngọn đồi, ở đó có thể quan sát được toàn bộ Thành phố. Ở trong Thành còn có một tháp cao chừng ba, bốn chục thước. Trên đỉnh được gắn một con gà bằng đồng, do đó được gọi là tháp Gà Đồng.

Dân trong vùng truyền tụng là ngôi tháp đó do Khổng Minh cho xây dựng lên để yểm Mạnh Hoạch ở trong đó. Họ cũng đồn thêm là cấm dân chúng được đánh trống canh năm, nếu không tuân theo, thì Mạnh Hoạch sẽ thoát ra được và Côn Minh sẽ bị nước hồ Tây Sơn (Sí Sán) dâng lên nhận chìm. Thứ hai là chùa Sư Khô (không phải cô), trong đó có liệm xác một vị sư tăng viên tịch vào trong một hòm kính suốt năm này sang năm khác mà không bị hư. Thứ ba là nhà Bảo Tàng trong đó có một bộ áo giáp bằng đồng. Người xử dụng nó phải là một võ tướng có thân hình to lớn khác thường. Tôi phỏng định bộ áo giáp phải cân nặng mấy chục ký là ít. Ở ngoài Thành về phía tây có hồ "Sí Sán" ,"Tây Sơn" lớn gấp bốn hồ Tây ở Hà Nội. Ở trong hồ còn có vài hòn núi nhô lên khỏi mặt nước, ở trên được xây dựng một ngôi chùa nho nhỏ ẩn hiện trong cây xanh cổ thụ. Cảnh đẹp như một bức tranh thủy mạc, nhất là vào những đêm có ánh trăng.

Ngoài những cảnh đẹp và hình tượng xây dựng lâu đời, thủ phủ Côn Minh còn là một nơi có khí hậu, thời tiết rất ôn hòa, không nóng mà cũng không lạnh lắm. Năm nào lạnh lắm thì mới có tuyết, còn vào mùa Đông chỉ có đóng băng ở các sông rạch độ vài ba mi-li-mét là nhiều lắm. Do đó, khí hậu mát mẻ nên trồng rau và cây trái rất tốt. Rau, củ, trái cây đều to và ngọt. Đặc biệt là có trái lê, ngoài vỏ xanh lè, nhưng ở trong ruột mầu café sữa ăn thật dòn, ngọt và thơm. Các trái lựu cũng vậy, hạt rất lớn và ngọt. Cũng nhờ khí hậu, hoa quả rẻ, mà chúng tôi ai cũng lên ký, dù ăn uống chẳng có gì là bổ. Bệnh sốt rét rừng cũng biến mất trong chúng tôi mà chẳng cần đến một viên thuốc. Trong cuộc đời đi đây, đi đó cũng nhiều nhưng tôi chưa thấy nơi nào lý tưởng như Côn Minh.

Cũng như ở Sư Đoàn 125, chúng tôi cũng được bố trí một phòng nhỏ để hớt tóc. Ngoài việc cắt tóc cho đơn vị đóng trên cổng Thành, chúng tôi còn phải đi hớt cho các thành phần đóng rải rác ở gần đó. Chúng tôi cùng ăn với binh sĩ và lãnh tiền công theo đầu người hớt được hàng ngày. Đơn vị cũng trả bằng tiền hoa xòe. Để dự trù cho kế hoạch ra đi, chúng tôi làm bất kể giờ giấc để kiếm cho được nhiều tiền. Có hôm, chúng tôi phải nhờ binh sĩ đứng đợi đến phiên hớt cầm đèn hộ để chúng tôi hớt tới khuya, vì hôm sau có điểm binh. Vào các giờ sau bữa cơm chiều,

nếu không có chuyện gì, thì sĩ quan, binh sĩ tập trung ở sân ca hát và nhẩy "Sôn Đố Mì" mặc dù Côn Minh chưa chính thức đặt dưới quyền cai trị của CS. Như vậy là chứng tỏ ảnh hưởng của Trung Cộng trong quân đội Lư Hán rất mạnh.

Lư Hán có muốn chống lại cũng không sao làm nổi, nên đành nhắm mắt làm ngơ vì đã trót chống lại Chính quyền Tưởng giới Thạch. Tôi còn nhớ là một bữa đi hớt tóc cho một đơn vị giữ an ninh cho một trại tù, tình cờ tôi đã nhận ra một số đảng viên VNQDĐ Hải ngoại bị giam trong trại, trong đó có ông Quản Mai, anh Đỗ Văn.

Sau một thời gian thấy rõ thái độ của Lư Hán, cũng như mọi hoạt động của CS Trung Hoa ở thành phố Côn Minh, VMCS cấu kết với CS Trung Họa nằm trong các đơn vị Lư Hán, bắt giam các đảng viên VNQDĐ Hải ngoại. Đối với VMCS, thì các đảng viên VNQDĐ Hải ngoại là kẻ thù số một cần phải hạ thủ trước, rồi sau đó mới tính tới VNQDĐ ở trong nước mà chúng chưa nắm được. Bởi vậy, chúng tôi không còn có con đường nào khác là phải thoát khỏi Côn Minh càng sớm càng tốt. Chúng tôi gặp lại các anh Xuân Tùng và Hoàng Tường, thì được các anh đồng thuận là con đường thoát thân là đi tới Quảng Châu rồi qua Hồng Kông. Sau khi cùng quyết định, anh Tạo và tôi có bao nhiêu tiền kiếm được bỏ ra mua vàng hết, chỉ để lại một ít để chi tiêu dọc đường. Những ngày đó đã vào cận Tết năm Canh Dần, 1950.

A) Trên đường rời khỏi miền Hoa Nam Trung Hoa (32)

Từ Thủ phủ Côn Minh (Vân Nam) qua Quế Dương (Thủ phủ Quý Châu), Liễu Châu (Tỉnh Quảng Tây), Quảng Châu (Tỉnh Quảng Đông) tới Hồng Kông (Nhượng địa Anh Quốc).

Mặc dù tình hình xáo trộn, quân Trung Cộng đang có mặt tại Tỉnh kế bên, dân chúng Côn Minh vẫn chuẩn bị tổ chức ăn Tết Canh Dần (2/1950). Các phố xá vẫn không kém phần náo nhiệt, hàng Tết được trưng bày la liệt trong các cửa hàng cũng như chợ búa. Chúng tôi cũng mua về chỗ ở của anh Xuân Tùng nào bánh chưng, kẹo mứt để dùng vào những ngày Tết. Nhưng cuối cùng anh Xuân Tùng đã đề nghị chúng tôi ra đi làm hai toán để dễ bề lẫn tránh và mưu sinh ở dọc đường. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là Hồng Kông, và ước tính có thể mất từ nửa năm đến một năm nếu không có gì bất trắc ở dọc đường, vì chúng tôi phải vượt qua các Tỉnh Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông, mà mỗi Tỉnh rộng hơn cả Bắc Việt của VN. Toán thứ nhất gồm các anh Xuân Tùng, Hoàng Tường và Vũ Văn Phiên. Toán thứ hai có anh San, Tạo và tôi.

Theo kế hoạch thì toán một lên đường vào ngày 29 Tết (15/02/1950), toán hai mông 2 Tết Canh Dần (18/02/1950). Sở dĩ chúng tôi chọn vào ngày đó là mọi người còn bận rộn về Tết.

Chúng tôi ăn Tết vào ngày 28, để toán anh Xuân Tùng ra đi vào ngày 29. Các anh lên tàu ở một ga xép kế cận để đi tới ga chót là Chim Bích, sau đó xuống tàu, hoặc đi bộ, hoặc đi xe tùy tình hình cho phép.

Chúng tôi thay vì đưa tiễn, để tránh mọi sự dòm ngó của mọi người, nhất là người VN, giả dạng rủ nhau đi dạo phố phường coi thiên hạ sắm Tết, và mua một vài thứ cần dùng cho đi đường rồi chia tay.

Một năm cũ trôi qua, một mùa Xuân mới trở lại. Ngày mồng một Tết năm Canh Dần (17/02/1950), chúng tôi đi dự lễ Tết đồng bào do VMCS tổ chức, làm như không có việc gì xẩy ra cả. Buổi lễ rất đông, phần lớn là các kiều bào đã làm ăn sinh sống lâu năm ở Côn Minh. Tôi nhận thấy có một số anh em Việt Quốc tham dự. Trong căn phòng rộng, cờ đỏ sao vàng được treo đầy ở hai bên hành lang. Trên tường, phía sau bục diễn đàn là ba bức chân dung lớn của ba lãnh tụ CS Trung Hoa, Liên Sô và Việt Nam: Mao trạch Đông, Staline và Hồ chí Minh. Diễn tiến của buổi lễ cũng vẫn là những bài diễn văn chúc Tết và ca tụng các lãnh tụ Cộng Sản. Hôm đó trong phần phát biểu, có một đảng viên VNQDĐ lên diễn đàn. Trước khi ngỏ lời, anh đã cúi đầu chào các lãnh tụ, nhưng vì qua thái độ quá khiêm tốn nên trở thành châm biếm khiến một số người không nhịn được cười ồ. Hành động đó làm các tên cán bộ VMCS tức tối ra mặt.

Tôi không hiểu anh đảng viên VNQDĐ do thiệt tình hay cố ý làm ra như vậy để ngầm chế diễu, mọi người nghĩ rằng anh cố ý chế diễu. Theo tôi được biết thì sau buổi họp đó, anh đã bị VMCS bắt đi giam. Dĩ nhiên sẽ lãnh đủ đòn thù của CS. Ngày mồng một Tết trôi đi trong an lành. Tối hôm đó, ngồi sưởi bên lò than hồng, tính chuyện cho ngày hôm sau, anh Cung thành San, trong khi đang lo sấy chiếc áo khoác bị ướt, đã vô ý đánh rớt vào ngọn lửa, làm cháy sém mất một vai áo. Chúng tôi cho đó là một điềm không tốt trước khi lên đường, rồi bèn mang tuổi ra coi bói. Anh Tạo và tôi sinh năm Thìn, mang con Rồng, mà Rồng đối với năm Canh Dần (con cọp) thì chẳng ăn thua gì. Một con ở trên trời, một con ở dưới đất. Riêng anh San sinh năm Mùi, mạng con Dê, tôi đùa anh là tiêu rồi, vì dê mà gặp cọp thì hết đường đường chạy rồi. Thấy vậy, anh San chỉ cười, không nói gì. Nhưng không ngờ, chỉ đoán chơi cho vui ngày đầu Xuân lại trở thành sự thật, vì anh San đã bị thổ phỉ bắn chết trên lộ trình đi.

Sáng mồng hai Tết, sau khi ăn bận thật đàng hoàng, như đi thăm chúc Tết người thân, chúng tôi rời bỏ căn nhà đã để lại bao kỷ niệm của những ngày sống lưu vong ở Côn Minh. Không như toán trước của anh Xuân Tùng, lên đường phải tới nhà ga nhỏ để tránh tai mắt của CS, chúng tôi tới thẳng nhà ga Côn Minh. Vào những ngày Tết, nhà ga không kém phần nhộn nhịp, kẻ xuôi, người ngược rất tấp nập, chen chúc nhau mua vé. Cái may mắn là hai đoàn tàu xuôi ngược lại khởi hành gần như một lúc. Tại sân ga có nhiều người Việt, tôi đoán chừng trong đó có cán bộ VMCS. Để tránh nghi ngờ, ai hỏi, chúng tôi cũng nói là đi Khai Viễn ăn Tết. Để sẵn sàng đáp sang đoàn tàu chạy ngược đi Chim Bích, trên lộ trình đi sang Quí Châu, chúng tôi ngồi sẵn trên tàu đi Khai Viễn. Nhưng khi đoàn tàu chạy ngược chuyển bánh thì chúng tôi nhẩy sang, vì hai đoàn tàu đỗ cạnh nhau. Mọi sự đều diễn ra êm đẹp như mong muốn.

Đoàn tàu chạy qua những bản, làng, đồi núi trong ngày đầu Xuân lạnh giá, mưa lất phất bay. Hai bên đường, những hàng cây hoa đào đỏ thắm như đón chào một năm mới tốt đẹp cho mọi người. Trước cảnh đẹp, tôi cảm thấy hứng khởi, ca sẻ bản nhạc

“Lên đường” của Nhạc sĩ Hoàng Giác, là “năm năm theo tiếng gọi lên đường…..”. Đường đi quả là dài, đòi hỏi nhiều phấn đấu, quyết tâm và cũng nhờ may mắn nữa. Tàu càng ngược lên phía Bắc, thì trời càng lạnh và gió thổi mạnh. Khoảng năm giờ chiều thì đoàn tàu từ từ tiến vào sân ga Chim Bích, là ga cuối cùng của con đường hỏa xa Hà Nội-Côn Minh do Thực dân Pháp xây dựng mấy chục năm về trước. Nhà ga vắng lặng, lèo tèo vài ba người, có lẽ chỉ có mấy chúng tôi là khách cuối cùng. Ra khỏi nhà ga là một dãy phố, nhà cửa đóng im lìm, vì là ngày Tết. Riêng chỉ có một vài cửa hàng ăn là mở cửa, có lẽ để tiếp khách phương xa lỡ đường. Trời lạnh buốt căm căm, mưa bụi bay trong gió lại càng tăng thêm vẻ lạnh lẽo của một buổi chiều mùa Đông.

Chúng tôi vào đại một cửa hàng ăn để tránh mọi dòm ngó của thiên hạ. Chúng tôi đặt cơm chiều và xin ông chủ hàng cho tạm trú trong đêm. Sau đó, chúng tôi tới gần đầu phố vì khi đi ra khỏi nhà ga, tôi đã nhìn thấy hai chiếc xe tải lớn đang đậu ở lề đường. May mắn là khi gặp người chủ xe thì họ bằng lòng cho chúng tôi đi quá giang với điều kiện mỗi người phải đóng hai đồng bạc hoa xòe để được chở tới Huyện Bình Dĩ, nằm trong ranh giới Tỉnh Quý Châu. Chúng tôi đồng ý ngay mà không cần mặc cả, vì lúc đó chúng tôi chỉ muốn thoát khỏi lãnh thổ Tỉnh Vân Nam càng sớm càng tốt. Chúng tôi nộp tiền trước và cho họ biết là chúng tôi ăn ngủ ở cửa hàng ăn,để sáng hôm sau có gì họ kêu.Yên trí trở về hàng ăn, chúng tôi đã dùng một bữa cơm thật ngon lành và đi ngủ sớm để sáng hôm sau tiếp tục lên đường.

Cả ngày ngồi trên tàu mệt mỏi hay sao mà chúng tôi ai cũng đều ngủ say như chết. Sáng hôm sau, choàng tỉnh dậy thì trời đã sáng tỏ, mà cũng chẳng thấy người chủ xe kêu gọi gì cả. Chúng tôi vội vàng thu xếp hành lý rồi chạy lại chỗ đậu xe, thì ôi thôi, chiếc xe đã đi mất dạng. Vừa tức cho mình, vừa giận tên chủ xe xảo trá. Chúng tôi chỉ còn nước đi bộ, nhưng oái ăm thay là mấy bữa nay thời tiết quá xấu. Trời lạnh buốt và ẩm thấp, sương mù.

Quay về nhà trọ, chúng tôi hỏi thăm ông chủ nhà về phương tiện di chuyển, thì được ông giới thiệu tới một chủ nhà có xe ngựa cho thuê. Sau khi ngã giá, mỗi người trả một đồng hoa xoè, chúng tôi chuẩn bị lên đường.

Chiếc xe ngựa không có mui, phía trước có một chiếc ghế dài cho người xà ích (người cương ngựa) và người phụ giúp ngồi, còn đàng sau cũng có một chiếc ghế cho khách. Lúc đầu tôi thấy người con trai ông chủ tính đi cùng, nhưng sau đổi ý để ông già đánh xe. Trước khi đi, chúng tôi mua ít pháo đùng để ngụy trang thay súng nếu cần. Anh Tạo mặc bộ áo xường xám cho vẻ người Tàu, anh San lận con dao găm. Khi thấy người con trai của ông già định đi, chúng tôi đã e ngại ở dọc đường hắn có thể làm bậy. Anh San thấy vậy đã trấn an là anh đủ sức thanh toán tên đó nếu cần. Anh San khi còn hoạt động ở trong VNQDĐ chuyên trách tổ ám sát.

Theo dân chúng đồn đại thì Tỉnh Quý Châu, thổ phỉ hoạt động gần như công khai. Chúng có thể giết người lấy một vài cắc bạc còn hơn là lên núi kiếm củi, thành thử bọn tôi xử dụng xe ngựa đi đường quả là liều mạng, nhất là trong những ngày đầu năm, thời tiết xấu ít ai qua lại để can hiệp. Sau cùng chiếc xe ngựa cũng lăn bánh. Anh San ngồi cạnh ông già cầm cương ngựa. Anh Tạo và tôi ngồi phía sau. Để

chống lạnh và sương gió, chúng tôi lấy mền chùm kín người, chỉ để hai con mắt trông chừng hai bên đường. Con đường từ ga Chim Bích đến Quế Dương, Thủ phủ của Quý Châu không đến nỗi tồi lắm. Tỉnh Quý Châu là một Tỉnh mà đồi núi chiếm đến ba phần tư đất đai, nên con lộ được xây băng qua các đồi núi chập chùng, người thưa, nhà ít nên rất vắng vẻ. Tỉnh Quý Châu được coi như là tỉnh nghèo nhất của miền Hoa Nam. Cũng vì nhờ địa thế hiểm trở nên thổ phỉ dễ bề hoạt động, quân lính Chính quyền chỉ còn nhắm mắt làm ngơ.

Chiếc xe ngựa chậm chạp lăn bánh dưới bầu trời u ám, lạnh giá. Huyện Bình Dĩ thì còn xa, đường thì dài, nên trước cảnh ông già chậm rãi cho ngựa đi từng bước, anh San đã nói ông già ngồi sang bên để anh cầm cương. Từ đó con ngựa lồng lên và cỗ xe chạy phăng phăng. Hai bên đường, sương phủ lên nền cỏ trắng xóa như tuyết rơi, các giây điện đứt ra từng đoạn làm gián đoạn mọi liên lạc giữa Côn Minh và Quế Dương, khiến chúng tôi càng yên tâm hơn trên bước đường chạy chốn.

Quân tiền phong của Trung Cộng đã có mặt tại Quý Châu và trong lãnh thổ Vân Nam. Phải nói rằng cảnh tượng lúc đó quả là đẹp. Một cỗ xe, một con ngựa, trên là ba chàng thanh niên và một ông già, trên con đường núi quanh co, vắng vẻ, sương rơi phủ đầy trời. Cũng chỉ vì thời tiết lạnh giá, và lại vào ngày đầu năm, nên vắng bóng thổ phỉ suốt đoạn đường đi. Trời về mùa Đông, nên bóng tối cũng xuống rất nhanh. Năm giờ chiều mà như tám, chín giờ tối. Ngựa đã thấm mệt, nên cỗ xe giảm dần tốc độ. Chúng tôi đã thấy một vài ánh đèn le lói sau các rặng cây bên đồi. Hỏi ông già thì cứ lặng câm không nói, nhiều lúc bực tức quá, chúng tôi muốn cho ông già xuống suối. Ánh đèn lúc ẩn, lúc hiện.

Con đường cứ vòng vèo theo chữ chi, có lúc tưởng đã tới đích, rồi ánh đèn lại mất hút trong đêm tối mịt mù. Cuối cùng thì chúng tôi tới đích. Đường vào Huyện, ánh đèn sáng tỏ từ một cửa hàng ăn, phía trước có một đoàn xe đậu bên đường chừng năm,sáu chiếc. Để tránh lộ hình tích, chúng tôi ngừng xe ở khoảng tối, trả tiền nốt cho ông già, rồi dạo bước dấu mình trong bóng tối hàng cây bên đường tới dãy hàng ăn ở đầu Huyện.

Trời tối lại lạnh, nên không ai phát hiện sự lui tới của chúng tôi. Tới cửa hàng ăn, tôi nhận ra chiếc xe mà tôi định tháp tùng vào buổi sáng sớm. Người chủ xe thấy chúng tôi bước vào hiệu, trố mắt nhìn sững, tưởng chúng tôi mới ở trên trời rơi xuống. Hắn hỏi chúng tôi tới bằng gì, thì được trả lời là đi bộ, vì tức hắn không gọi khi đã lấy tiền trước. Chúng tôi bèn đòi tiền lại và thuê buồng nghỉ tạm một đêm rồi tính sau để tránh sự kiểm xoát của chính quyền địa phương, nên ăn uống xong, chúng tôi vào phòng nghỉ ngay. Sáng ra liên lạc với chủ xe thì họ cho biết chưa thể đi được vì đợi đường tan tuyết.

Trong khi chờ đợi không làm gì, chúng tôi đi dạo phố phường để xem các anh thuộc toán trước có mặt ở đó không, vì theo chỗ chúng tôi đoán thì với thời tiết và phương tiện nghèo nàn, thì các anh ấy không thể nào đi quá Huyện Bình Dĩ, nơi mà chúng tôi đang dừng chân. Đi loanh quanh một hồi không thấy gì, chúng tôi trở lại nhà trọ, thì ngay lúc sắp sửa bước vào nhà, thì bỗng nhiên một tiếng ho đằng hắng khác thường ở trên lầu tòa nhà bên cạnh, khiến chúng tôi ngờ ngợ ngừng mặt lên coi. Một bất ngờ không mong đợi, là trên lan can, anh Hoàng Tường đứng dơ tay và

làm hiệu im lặng. Thật là vui mừng, vì những tưởng khó mà có thể gặp nhau lại, khi còn trên đất Trung Cộng.

Với sáu anh em, trên đường bôn tẩu quả là khó khăn lẫn tránh, khó tìm phương tiện và làm ăn, nhưng ngược lại với số đông thì mọi sự giúp đỡ, tương trợ dễ dàng hơn, nhất là về mặt tinh thần và tâm lý. Bởi vậy mọi tính toán là một chuyện, mà thực tế xẩy ra lại là một chuyện khác, nhất là sau khi rời Bình Dĩ, mọi chuyện đã xẩy ra ngoài sự ước đoán. Ngày gặp lại nhau đã là mồng bốn Tết Kỷ Sửu (21/02/1950). Theo chủ xe thì họ dự trù lên đường vào ngày mồng sáu. Thế là chúng tôi có ba ngày nghỉ ngơi ngoài sự mong muốn, vì lẽ chúng tôi chỉ muốn tranh thủ thời gian, càng sớm thoát ra khỏi vòng kiểm soát của Trung Cộng càng tốt bấy nhiêu, hơn nữa lộ trình còn quá dài. Tuy nhiên với Tỉnh Quý châu thì chúng tôi cũng đỡ lo, vì không có người VN sinh sống làm ăn, nếu có thì chỉ ở Thủ phủ Liễu Châu và Tỉnh Nam Ninh thuộc Tỉnh Quảng Tây cũng như Quảng Châu của Tỉnh Quảng Đông.

Vào buổi chiều cùng ngày, chúng tôi lên trên phòng gặp các anh trò truyện và mới biết mọi việc xẩy ra trên đoạn đường đi của toán thứ nhất. Cũng như chúng tôi, con tàu chuyên trở các anh đã ngừng lại ở ga cuối cùng. Các anh tính ngủ lại qua đêm trên tàu, vì trời đã về chiều, lại là ngày cuối năm, khó mà tìm ra chỗ ngủ đêm. Nhưng rồi cũng phải ra khỏi ga, vì có một số lính Trung Cộng đang ăn nằm ở đó.

Ra khỏi nhà ga, các anh dạo bộ đi khỏi dãy phố, vì sợ lộ không dám vào nhà trọ, và đi chừng mấy cây số thì các anh tới một xóm nhà gần bên đường. Trời lạnh, màn đêm sắp buông xuống, các anh đánh liều vào gõ cửa một ngôi nhà tương đối khá giả hơn để xin tá túc, và kết quả được ông chủ nhà chấp thận. Các anh được dành cho một gác xép trong vài ngày Tết. Nhờ sự căt tóc cho gia chủ nên được đôi đãi ân cần, ngoài ra còn húi ủng hộ cho một cán bộ CS trong một toán quân đang dừng chân trong khu vực. Do đó, ông này đã giúp đỡ lại bằng cách chặn chiếc xe đò mà chúng tôi đã đóng tiền ngày hôm trước, để nhờ chở đi Quế Dương. Như vậy là các anh đã tạm trú tại đó từ chiều ngày 29 đến sáng mồng 3 Tết.

Sáng ngày mồng Sáu tết (không hiểu có phải xuất hành vào giờ sát chủ hay không) trời tạnh ráo, có chút ánh sáng mặt trời ló dạng, tuyết rơi trên đường đã tan dần, chúng tôi, toán nào vẫn đáp chiếc xe đó. Xe tôi chạy trước, các xe đều chuyên chở muối, loại muối mỏ đánh thành cục tròn nặng chừng hai mươi ký. Trên xe chỉ có một tài xế chính và một phụ, phía sau là một ghế dài ngay sát mui xe, dành cho chúng tôi ngồi. Xe chở khá nặng, chạy không nhanh lắm, nhất là lúc lên dốc.

Quang cảnh trên lộ trình di chuyển thật vắng lặng, không một chiếc xe nào chạy ngược chiều, hai bên đường là rừng núi, không một bóng nhà, quả là thuận lợi cho hoạt động của thổ phỉ. Khoảng hai, ba giờ chiều gì đó, trong khi chiếc xe của chúng tôi từ từ bò lên dốc cao, thì bỗng nhiên một loạt súng nổ cho xe ngừng lại. Anh Tạo và tôi chưa kịp phản ứng gì, thì anh San ngồi cạnh tôi ở phía trái đã lao người xuống sàn xe. Cùng lúc đó tôi nhìn thấy một tên thổ phỉ, ăn mặc binh phục, đứng trên một mô đất cao ở bên lề đường nổ súng. Sau tiếng súng, tôi vội lao theo anh San, thì than ôi, viên đạn oan nghiệt đã bắn trúng tim anh San nằm bất động, miệng ứa đầy máu. Cũng may là hắn chỉ nổ một phát súng, nếu không thì hai chúng tôi còn lại sẽ

không thoát khỏi, một là chết, hai là bị thương. Chết thì không nói làm gì, chứ bị thương thì không biết tính sao, dĩ nhiên là không thể tiếp tục lên đường được.

Khi chiếc xe ngừng lại, thì một toán thổ phỉ ào ra, nhẩy lên xe lục lọi và lấy muối mang đi. Hai chúng tôi được lệnh xuống xe và chúng lục xoát khắp người. Thấy không có gì, chúng lột chiếc mền mà cúng tôi đang quàng tránh rét. Hai túi đồ nghề cắt tóc, chúng tôi dấu ở dưới những cục muối, chúng cũng lấy đi mất. Chỉ có điều là may mắn chúng không lần kỹ quần áo mặc, nếu không thì mấy chiếc nhẫn vàng dấu ở dưới gấu quần lót sẽ mất tiêu.

Chúng tôi đã tính là chúng lột bỏ quần áo ngoài thì ít ra chúng cũng để lại bộ quần áo lót cho chúng tôi mặc. Việc đánh cướp chỉ diễn ra mươi mười lăm phút, và sau đó chúng rút chạy lên núi cao mất dạng.

Theo dân chúng cho biết thì chúng thuộc quân Lư Hán hoặc Tưởng Giới Thạch, nên súng ống trang bị rất đầy đủ. Đúng là được làm Vua, thua làm giặc ở đất Trung Hoa là vậy. Ít phút sau thì xe của anh Xuân Tùng lên tới và được chúng tôi nói rõ sự việc diễn tiến. Chúng tôi đề nghị với chủ xe để nguyên thi thể anh San ở trên xe để về Bàn Huyện cách khoảng hai, ba chục cây số gì đó, báo cáo cho Chính quyền địa phương hay. Khi đoàn xe tiếp tục chuyển bánh, thì một đoàn xe chở đầy binh lính Trung Cộng từ hướng Huyện Bình Dĩ chạy tới và dừng lại.

Sau khi báo cáo sự việc, thì toán quân được lệnh truy kích về hướng thổ phỉ vừa rút chạy. Tôi chắc là không kết quả vì chúng đã rút chạy khá xa, vả lại rừng núi hiểm trở khó bề bao vây…

Vào gần chiều tối, thì tới ngoại vi Thị trấn. Chủ xe bảo chúng tôi khiêng xác anh San xuống xe ở kế cận một bãi trống khá rộng chạy dài vào tới gần chân núi. Xem ra thì là một bãi tha ma, không phải nghĩa địa, ai muốn chôn cất chỗ nào tùy ý, không có ai trông nom gì cả. Tuy nhiên ở giữa bãi có một căn nhà nhỏ, quét vôi trắng dùng để quàn xác trong khi chờ đợi để chôn. Các anh chỉ định tôi ở lại trông nom xác anh San và xem có các giấy tờ gì quan trọng liên hệ đến Quốc Dân Đảng Trung Hoa thì đốt hết. Khi đó chúng tôi chỉ có một thẻ kiểm tra do Chính quyền Côn Minh cấp, trên có dấu ấn hình thanh thiên bạch nhật, Quốc kỳ của Trung Hoa Quốc Gia. Còn lại, các anh đi tiếp vào Huyện báo cáo cho quan chức địa phương rõ sự việc.

Ở lại một mình, bên xác người bạn trên một bãi vắng tanh, gió lạnh thổi ào ào, xa xa tiếng hú của chó sói vang vọng mà thấy rợn cả người, mặc dù đã sống ở trong rừng núi âm u đã lâu ngày. Hơn một tiếng sau thì các anh trở lại và cho biết là đã trình báo, và sáng hôm sau tới văn phòng Huyện để làm việc. Chúng tôi khiêng xác anh San để vào căn nhà trắng, đốt hương, nến (mua ở trong Huyện) rồi đóng cửa thật kỹ để hầu tránh chó sói mò tới tha xác đi. sau khi mọi việc hoàn tất, chúng tôi trở về nhà trọ, và ai cũng đều lo nghĩ rồi đây sự việc sẽ ra sao. Bữa cơm tối chỉ còn năm người chẳng làm chúng tôi vui chút nào. Đường còn dài, biết còn bao nhiêu trở ngại xẩy ra nữa. Thôi thì cũng phó thác cho may rủi, đến đâu hay tới đó, làm sao tính trước được.

Sáng hôm sau, chúng tôi tới văn phòng Huyện vào lúc đầu giờ làm việc và được tiếp ngay. Ông Chủ tịch Huyện là một người to lớn, tương đối còn trẻ và mang tên họ Mao. Ông tiếp chúng tôi rất ân cần và mở đầu câu chuyện bằng xin lỗi chúng tôi về tai nạn xẩy ra mà Huyện đã không giữ tròn trách nhiệm bảo vệ an ninh cho dân.

Theo lời yêu cầu của chúng tôi, ông đã vui vẻ cấp một cỗ quan tài, một toán đào huyệt và một thày tu hành lễ chôn cất, cùng các thứ như hương, nến…Về giấy tờ đi đường, chúng tôi khai đã bị thổ phỉ lấy đi hết cùng với quần áo tiền bạc. Các thứ sau, ông từ chối vì Chính quyền mới thành lập còn thiếu thốn. Riêng về giấy tờ thì ông không ngần ngại cấp ngay. Có giấy tờ hợp pháp trong tay, chúng tôi quá sức vui mừng. Trên giấy cấp, tôi thấy có hàng chữ ghi "phản quốc" có nghĩa là "hồi hương". May thay là ông CS Trung Hoa chứ không phải là VMCS, mà ghi hai chữ trên thì quả là hết đường. Khoảng gần trưa thì mọi việc tang lễ hoàn tất, chúng tôi cùng với toán đào huyệt khiêng quan tài anh San ra nơi an nghỉ cuối cùng. Chúng tôi đã để anh nằm quay mặt về hướng Nam. Anh Cung thành San mất vào lúc ba giờ chiều ngày mồng Sáu Tết Kỷ Sửu (23/02/1950), năm kỵ với tuổi của anh mà anh Tạo và tôi đã vui đùa trong khi tán dốc, không ngờ mà lại đúng như thật. Sau này trở về nước, cứ vào ngày trên, anh Hoàng Tường và chúng tôi lại tề tựu làm giỗ anh và nhắc lại chuyện xưa.

Cái chết bất ngờ của anh San trên đường chạy chốn CS làm chúng tôi mất đi một chiến hữu đầy nhiệt tình, năng nổ và tháo vát. Đến bây giờ và mãi mãi cái chết của anh vẫn hiện ra như in trong tâm tư tôi mỗi khi quay về dĩ vãng xa xưa của những ngày trên bước đường chiến đấu cho tổ quốc đầy gian truân. Cái chết của anh thật là xui mà cũng thật là may, vì nhờ đó mà chúng tôi có được giấy tờ hợp lệ, không còn lo âu những lúc đi đường nữa.

Trên giấy phép trở về nước, còn có sự kêu gọi mọi sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, nên mọi nơi mà chúng tôi đi qua hầu được giúp đỡ. Tôi không hiểu có duy tâm hay không, chứ từ lúc anh San mất đi, chúng tôi luôn gặp may và thời gian trù liệu hàng năm mới tới được Hồng Kông , thì ngược lại thì chỉ trong vòng chưa đầy ba tháng, chúng tôi đã tới đích một cách êm xuôi.

Sau khi chôn cất anh San đâu vào đó, chúng tôi tiếp tục chuẩn bị cho ngày lên đường. Từ Bàn Huyện tới Quế Dương, Thủ phủ của Tỉnh Quý Châu, đường xa khoảng 500 cây số. Do đó, chúng tôi phải tính tới phải bán một ít vật dụng để có thêm tiền mua vé xe nếu cần, hoặc sắm thêm bộ đồ cắt tóc. Anh Xuân Tùng hy sinh chiếc bút máy Parker, anh Hoàng Tường cái đồng hồ Omega. Nhưng vấn đề phát mại là ở đâu.

Cuối cùng, chúng tôi cũng tìm ra kết luận là tìm tới ngôi nhà Thờ do người ngoại quốc trụ trì, vì chúng tôi nghĩ là ở đó sẽ có nhiều tin tức có lợi cho kế hoạch lên đường và may ra họ có thể mua mấy thứ có giá trị mà chỉ riêng họ mới biết. Qua dò hỏi dân chúng, chúng tôi đã tìm tới được ngôi nhà Thờ như mong muốn. Nhà Thờ này thuộc Thiên chúa giáo. Khi gặp mặt, ông Cha là một người Bỉ, cỡ trung niên, thái độ trầm ngâm ít nói. Phải chăng còn nghi kỵ chúng tôi không biết thuộc thành phần nào, cộng sản Việt Nam, dân thường hay người Việt Nam Quốc Gia.

Trong khi tiếp súc, chúng tôi vẫn giữ kín xuất xứ. Do đó, ông Cha chỉ nói chuyện một cách chung chung không đả động gì đến chính trị cả. Chúng tôi dùng tiếng Pháp để trao đổi chuyện trò. Cuối cùng ông đồng ý mua hai thứ chúng tôi bán, nhưng viết giấy chứng nhận để chúng tôi tới Quế Dương thì lại nhà Thờ ở đó lấy tiền.

Còn về tình hình đường đi nước bước, ông chỉ cho chúng tôi trên bản đồ và lưu ý đường xá nguy hiểm, không an ninh. Như vậy là cuộc gặp gỡ, nói chung có phần thuận lợi. Sau này khi rời khỏi Quế Dương cũng như Quảng Châu, tôi mới hiểu ra là ông Cha người Bỉ ở Bàn Huyện, thay vì trả tiền mặt ngay, ông ta lại viết giấy nợ, là có ý chỉ dường khéo cho chúng tôi liên lạc với nhà Thờ ở Quế Dương. Đó là một đường giây có tính cách chính trị để giúp đỡ, yểm trợ cho những phần tử Quốc Gia còn bị kẹt trong vùng CS kiểm xoát trốn thoát ra vùng Tự Do.

A) Trên đường rời khỏi miền Hoa Nam Trung Hoa (33)

Mọi thứ chuẩn bị xong, chúng tôi tìm tới hãng xe đò để hỏi tin tức về ngày đi, và được họ cho biết là chưa tính vì tình hình an ninh lộ trình chưa bảo đảm, và chỉ khi nào Huyện thông báo cho đoàn xe hộ tống mới được di chuyển.Thế là chúng tôi phải ở nán lại ít hôm để chờ đợi. Được hai ngày thì vào buổi sáng, một đoàn quân Trung Cộng từ hướng Huyện Bình Dỉ đổ tới. Hỏi ra thì được biết, đoàn quân đó sau khi tới vùng ngoại vi thành phố Côn Minh, thì được lệnh trở lại miền Bắc. Đơn vị này thuộc lực lượng của Tướng Lưu bá Thừa, Chỉ huy Đệ tứ Dã chiến quân. Thay vì di chuyển bằng xe thì họ đã đi bộ, có lẽ vì thiếu phương tiện. Do đó, họ lại tiếp tục đi tới Quế Dương. Thấy vậy, chúng tôi hội ý, và cùng quyết định đi bộ theo họ, vì ở lại rất tốn kém. Lúc đó, trừ hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường gần bốn mươi tuổi, còn ba chúng tôi mới ngoài hai mươi, nên đi bộ không thành vấn đề, nếu có lo thì chỉ lo cho hai anh có tuổi không đi bộ nhiều như chúng tôi. Anh Hoàng Tường, đại diện chúng tôi đề nghị viên sĩ quan chỉ huy đoàn quân cho phép chúng tôi tháp tùng.

Kết quả như ý, và cứ mỗi buổi sáng lúc lờ mờ sáng là chúng tôi sẵn sàng ngồi đợi ở đầu đường. Đi được độ một, hai ngày, thì chúng tôi quen dần với đoàn quân và cả cấp chỉ huy. Viên sĩ quan chỉ huy, được biết mang chức vụ "Dình Trang" (Doanh Trưởng hay Trung Đoàn Trưởng) Theo sát ông ta là một lính hầu cận có dắt theo con ngựa để ông ta xử dụng khi cần. Dĩ nhiên là khi xin phép ông ta đi cùng, chúng tôi đã xuất trình tờ giấy phép, và vì thế, ông ta đối xử với chúng tôi như một người yêu nước chân chính là đã trở về VN với Hồ chí Minh. Kế hoạch đi đường của đoàn quân là tùy theo từng chặng có Bản, Xóm, Thị trấn mà ngừng nghỉ. Do đó, có ngày đi từ mờ sáng đến chiều tối mới dừng quân, và có hôm ba, bốn giờ chiều đã nghỉ. Hàng ngày ở các địa điểm ấn định nghỉ đêm, chúng tôi tìm vào một cái quán dùng cơm và ngủ trọ. Thường thì sau khi cơm nước xong, chúng tôi nhờ chủ quán nắm cho năm phần cơm để ăn vào trưa ngày hôm sau. Lộ trình đi, lúc thì trên đường cái lớn, lúc thì theo con đường nhỏ gọi là "xéo lủ".

Theo "xéo lủ" thí phải leo đồi núi nhiều, nhưng được cái lợi là rút ngắn khoảng đường dài . Có ngày tôi thấy sau khi leo dốc, xuống dốc không ngừng nghỉ, rồi bắt qua đường cái, nhìn cây số chỉ đường thấy rút ngắn được đến mươi mười lăm cây

số. Đi như vậy, dĩ nhiên là mệt và mỏi cẳng. Có lần tôi thấy cảnh đẹp quá, kêu hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường quay lại coi, thì hai anh đã bực mình kêu lên là: mệt bỏ mẹ, coi với ngó gì.

Quay đầu lại là cả một vấn đề khi tư thế khom mình leo dốc. Đi cùng với đoàn quân, tôi mới rút ra kinh nghiệm là trước kia thấy lính Lư Hán quấn xà cạp trên dưới như ống tre, bèn cho là Tàu phù. Nhưng hiểu ra thì họ có lý vì quấn xà cạp nhiều như vậy và trên dưới như nhau, thì mới đi bộ được nhiều vì máu không có dồn nhiều xuống chân, hơn nữa mỗi khi tới quán trọ, trước khi ăn cơm, nhà hàng cho mỗi người một thùng nước nóng để ngâm chân, thành ra sau một đêm ngơi nghỉ, sáng hôm sau ra, tôi cảm thấy như bình thường. Kết quả sau chín ngày liên tiếp, chúng tôi đã vượt qua quãng dường dài gần 500 cây số từ Bàn Huyện đền Quế Dương, mà không ai bị đau ốm gì cả.

Khi tới Thành phố, chúng tôi xin phép viên sĩ quan chỉ huy ở lại và cảm tạ sự giúp đỡ của ông ta. Ông Doanh Trưởng có ngỏ ý với ba tên trẻ tuổi chúng tôi là vào đơn vị của ông ta hớt tóc và đi lên miền Bắc. Dĩ nhiên là chúng tôi từ chối khéo. Có lẽ ông ta nghĩ chúng tôi còn trẻ chắc khoái đi đây, đi đó, chứ có biết đây chúng tôi chạy chốn CS dù là CSVN hay Cộng Sản Trung Hoa cũng là một loại cả. Việc đầu tiên là chúng tôi đi tìm chỗ trú ngụ, dù là ngắn hạn, hay dài hạn. Địa điểm thích hợp với chung tôi lúc đó là vùng ngoại ô Thành phố, vừa dễ tìm nhà, vừa rẻ tiền.

Thành phố Quế Dương tương đối khá lớn, nhưng so với Côn Minh thì không bằng, nhất là về mặt thời tiết và khí hậu. Do Thành phố vừa mới "giải phóng" nên mọi hoạt động vẫn còn tiếp diễn như dưới thời kỳ Tưởng Giới Thạch. Cũng vì vậy mà sự lui tới và mọi sinh hoạt của chúng tôi không bị trở ngại, dòm ngó. Sau ít giờ vừa đi tìm nhà trọ, và quan sát bốn hướng của Thành phố, cuối cùng chúng tôi đóng đô tại cửa Tây, không xa Thành phố bao xa. Chúng tôi thuê được một căn phòng, trên một gác xép không mấy rộng, nhưng cũng đủ cho năm người ăn ngủ mà không cần giường, bàn ghế gì hết, chỉ trải chiếu lên sàn nhà là đủ. Căn gác có hai phòng, bên cạnh do một bà giáo độc thân trú ngụ. Lúc đầu còn xa lạ nhưng sau quen dần và trở nên thân mật.

Có được chỗ nghỉ ngơi rồi, chúng tôi liền đi tìm ngôi nhà Thờ mà ông Cha Cố người Bỉ ở Bàn Huyện chỉ dẫn đến lấy tiền bán đồng hồ Omega và bút máy Paker. Do đó, chúng tôi có hai việc, trước là đưa giấy biên nhận lấy tiền, hai là hỏi han về tình hình đi đứng giữa Quế Dương và Liễu Châu (thuộc Tỉnh Quảng Tây) và tìm sự giúp đỡ để có thể tiếp tục lên đường. Theo tin tức sơ khởi khi đi tìm chỗ ở, thì giữa thành phố Quế Dương và Liễu Châu, tình hình an ninh vẫn còn phức tạp, do các lực lượng võ trang của Chính quyền Tưởng Giới Thạch không chịu đầu hàng, mà rút ra rừng núi tiếp tục chiến dấu và tiến hành thổ phỉ làm cứu cánh tồn tại lâu dài trong chế độ mới.

Đường thiết lộ giữa Quế Dương và Liễu Châu chưa được thiết lập nên chỉ có phương tiện duy nhất là dùng xe hơi. khoảng cách giữa hai Tỉnh cũng khá xa, phải mất hai ngày, một đêm mới tới nơi. Tìm được ngôi nhà Thờ cũng không khó, vì trong thành phố chỉ duy nhất có một mà thôi. Việc gặp lúc đầu có khó khăn do nhân viên giúp việc nhà Thờ từ chối vì không có lệnh tiếp xúc với người xa lạ. Nhưng

sau một hồi giải thích, thuyết phục, người đó mới chịu vào trình cho Cha sở hay. Chờ đợi khoảng năm, mười phút thì chúng tôi được phép vào gặp. Dĩ nhiên là có sự nghi ngại lúc đầu câu chuyện, nhưng dần dà theo sự trình bày của hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường, ông Cha Cố thông cảm và cởi mở hơn. Ông Cha là người Pháp đứng tuổi, khỏe mạnh và tên là Brigier.

Nói chuyện một hồi lâu, ông dẫn chúng tôi vào một căn phòng làm việc, có gắn trên tường một bức bản đồ miền Hoa Nam rất lớn và đầy đủ chi tiết. Ông nói qua về Thành phố, rồi sau tới đoạn đường khởi sự nơi đang ở tới Liễu Châu, cùng với những địa danh ở dọc đường và cuối cùng là tình hình an ninh lộ trình. Ông khuyến cáo chúng tôi nên đợi chờ đến khi nào thật sự hoàn toàn an ninh mới đi, hoặc có hộ tống của Quân đội. Trước khi ra về, ông đã chỉ trả số tiền liệt kê trên biên nhận bằng tiền giấy của chế độ cũ (tiền quan kim) vì chưa có đổi ra tiền mới. Về khoản yêu cầu giúp đỡ của chúng tôi, thì ông ta từ chối khéo vì nhà Thờ đang trong tình trạng khó khăn, tuy nhiên cũng giúp đỡ chúng tôi một tạ gạo ăn tạm qua ngày. Dĩ nhiên là có còn hơn không trong khi đang thiếu thốn. Khi cáo từ ra về, ông Cha Cố không quên hỏi thăm về địa điểm chúng tôi ở.

Sau khi hiểu rõ về tình hình chung, chúng tôi chuẩn bị cuộc sống trong những ngày tạm trú tại Quế Dương, mà không biết thời gian chờ đợi là bao lâu. Việc đầu tiên là mua thêm một bộ đồ cắt tóc thay cho hai bộ đã bị thổ phỉ lấy mất, hai cái ghế mây, một cái gương, một chậu rửa mặt, một ấm đun nước, một tấm cót thay cho vải bạt làm lều. Kế tiếp là tìm một địa điểm thích hợp để căng bạt, lập tiệm. Khi mọi thứ hoàn thành đầy đủ, chúng tôi bắt tay vào việc ngay. Anh Tạo, Phiên và tôi giữ nhiệm vụ hớt tóc, anh Xuân Tùng phụ tá, anh Hoàng Tường lo nội vụ cơm nước ở nhà và đi chợ.

Cuộc sống tạm bợ như vậy coi như tạm ổn. Hàng ngày, chúng tôi kiếm được đủ tiền ăn, tiền nhà và để dư được một chút để chuẩn bị cho những ngày ra đi về sau. Chúng tôi làm việc từ tám giờ sáng cho đến năm, sáu giờ chiều mới nghỉ. Buổi cơm chưa, anh Hoàng Tường nấu mang ra tận chỗ. Buổi tối, anh em xum họp,bàn mọi chuyện, cũng quên đi thời gian chờ đợi. Rồi tới một hôm, sau nửa tháng hành nghề, hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường nhân đi phố thực hiện một vài thứ cần dùng, thì bất ngờ hai anh bị toán ba anh Việt, Chân, Văn (Văn sến) bắt gặp.

Cuộc gặp gỡ bất thần làm cả hai bên vô cùng mừng rỡ, nhất là trên bước đường chạy chốn trong lòng địch (CS). Anh Việt cho biết là ba anh đã từ Côn Minh tới bằng xe đò. Cùng đi còn có ba mẹ con, vợ của một ông Tướng trong quân đội của Tưởng Giới Thạch ở Côn Minh đã ra Đài Loan từ trước. Bà ta tên Lìn (Liên) khoảng ba, bốn mươi tuổi, có hai con, một gái mười tuổi và một trai sáu tuổi. Các anh mới tới được hai hôm và cũng đã thuê nhà trọ ở tạm. Các anh đã đi tìm chúng tôi ngay sau khi được ông Cha Cố cho biết tin tức là trước đó hơn nửa tháng có năm người tới nhà Thờ, gồm hai người đứng tuổi nói tiếng Pháp trôi chảy và biết qua Hán văn và ba người trẻ tuổi. Không hiểu anh Việt có nói dóc không, anh nói là đã nhận ra ngay là hai người đứng tuổi là hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường, còn ba tên trẻ là chúng tôi. Khi ba anh cho ông Cố đạo biết chúng tôi cùng là một nhóm, thì ông ngỏ lời mời chúng tôi lại gặp.

Theo tôi hiểu thì để tránh không muốn hỏi thẳng anh Việt là ba anh khi rời Côn Minh đã có sự liên hệ giấy tờ với tòa Lãnh sự Pháp nên mới có sự tiếp xúc thẳng với nhà Thờ ở Quế Dương để có sự giúp đỡ lúc đi dọc đường. Chúng tôi tới nhà Thờ cùng ba anh, và lần này thì ông Cố đạo Brigier đã tiếp đón chúng tôi niềm nở hơn. Cũng như lần trước, mọi chuyện về tình hình được mang ra bàn luận và cuối cùng ông ta đã giúp toán năm anh em chúng tôi năm mươi vạn quan kim để mua vé xe và lộ phí chi tiêu dọc đường. Số tiền khá lớn vào lúc đó, chúng tôi phải bỏ vào bao bố mới đem đi hết một lúc. Được hưởng một số tiền lớn ngoài sức tưởng tượng, làm chúng tôi hết sức mừng rỡ. hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường dành riêng cho ba anh em chúng tôi một vạn để tiêu sài. Chúng tôi vào ngay một tiệm ăn sang trọng dùng một bữa cơm thịnh soạn cho bõ những ngày gian nan, cực khổ.

Sau khi có món tiền lớn, chúng tôi tới bến xe đặt mua vé trước đi Liễu Châu và họ cho biết chỉ trong vài ngày nữa sẽ lên đường. Yên trí trở về nhà chờ đợi ngày ra đi. Chúng tôi đóng cửa tiệm và các bàn ghế biếu cho chủ nhà. Ngày ngày, chúng tôi rủ nhau đi dạo phố mà không còn sợ bị Công an hỏi giấy tờ.

Thành phố hoàn toàn gần như không có một người VN nào làm ăn, sinh sống. Cứ cách vài ngày, chúng tôi lại ra bến xe hỏi chủ hãng, thì họ cứ khất lần. Sinh nghi, chúng tôi đi trình công an, cảnh sát, thì sau khi điều tra, thì họ cho chúng tôi biết là chủ hãng xe đã lừa gạt và chỉ trả lại có một phần năm số tiền mua vé.

Thất vọng và chán nản, chúng tôi chẳng muốn làm gì cả. Chúng tôi nhờ anh Việt tới ông Cha Cố trình bày sự việc xẩy ra và đề nghị giúp đỡ. Kết quả không thành vì nhà Thờ cho biết không còn tiền và chỉ giúp thêm một tạ gạo ăn đỡ. Không còn trông mong gì nữa, chúng tôi lại xin ông chủ nhà lấy lại các thứ đã cho hôm trước để tái hành nghề. Sau ít ngày, chúng tôi đã vô tình gặp một người VN cũng từ Côn Minh tới.

Qua sự tiếp xúc, chúng tôi trở nên thân quen, và ông ta thường tới nhà chơi nói chuyện. Ông ta tên Hồ và tự giới thiệu là người liên lạc của Hồ chí Minh. Trong mọi câu chuyện, ông ta đề nghị với anh Xuân Tùng là sẽ làm chiếc cầu để nối lại sự đoàn kết giữa người Quốc Gia và Cộng Sản để tiếp tục chống Thực dân Pháp. Nghe vậy, chúng tôi cũng trả lời khéo để cho qua câu chuyện, vì đang ở trong hoàn cảnh thập phần nguy hiểm. Nhưng qua những mẩu chuyện trao đổi, thì chúng tôi đã có ý nghi hoặc hắn ta là một nhân viên của Phòng Nhì Pháp, hoặc có thể là nhân viên nhị trùng của Pháp và VMCS. Để cụ thể hóa vấn đề đó, một hôm nhân hắn sang tán chuyện với bà giáo ở bên cạnh, chúng tôi liền lần tìm trong chiếc áo vét của hắn mắc trên thành ghế, nhưng không thấy gì ngoài cái thiệp mời của VMCS đi dự lễ chúc Tết kiều bào.

Theo riêng tôi hiểu thì hắn là một con người rất nguy hiểm, quỷ quyệt, khôn lanh rất phù hợp với công tác của một nhân viên tình báo. Thật tình mà nói, thì sự gặp gỡ giữa chúng tôi và anh chàng họ Hồ đã mang lại một may mắn không ngờ. Một hôm, anh ta đến cho chúng tôi hay là anh giới thiệu chúng tôi với một ông chủ xe sắp sửa di chuyển đi Liễu Châu. Khi gặp, ông chủ xe cho biết ông từ Côn Minh mới tới và trên xe có trở theo một gia đình giàu có tìm dường ra Hồng Kông.

Qua trình bày, ông chủ xe chấp thuận với sự đồng ý của gia đình thuê mướn xe. Ông cũng cho biết là ông sẽ dự trù khi tới Liễu Châu, ông sẽ bán chiếc xe, rồi đi Quảng Châu và Hồng Kông. Phải nói rằng ông chủ gia đình nhà giàu thật có lòng tốt và thông cảm hoàn cảnh giống nhau nên không từ chối. Sau này khi ra tới Hồng Kông, chúng tôi đã gặp ông ta trên một đường phố lớn.

Theo chúng tôi hiểu, thì chiếc xe đó đã ẩn dấu nhiều của cải của ông nhà giàu chạy chốn CS. Mọi việc trôi chảy êm thắm, tất cả đều mừng rất lớn và mong mỏi sẽ không có gì trở ngại vào lúc cuối. Chúng tôi cũng không quên cảm ơn sự giúp đỡ của ông bạn Hồ. Chuyến đi sẽ trù liệu và sáng ngày hôm sau, nếu đoàn xe hộ tống của quân đội không mắc công tác khác. Các chủ xe đã được thông báo chuẩn bị sẵn sàng từ chiều hôm trước. Trở về nhà, cũng như hôm trước, chúng tôi dọn hết đồ đạc về nhà ông chủ và cho hay là sáng hôm sau chúng tôi sẽ lên đường. Trường hợp không thấy trở về trong ngày thì mọi thứ coi như của ông chủ. Ông chủ nhà cũng là một người tốt, luôn luôn chúng tôi sớm ra khỏi Quế Dương. Sáng hôm sau chúng tôi dạy rất sớm và đi tới địa điểm ấn định.

A) Trên Đường Thoát Khỏi miền Nam Trung Hoa thoát khỏi Cộng Sản Mao Trạch Đông (34)

Một tiếng đồng hồ sau, ông chủ nhà gàu mới tới. Ông chủ xe cho hay là xe trong tình trạng tốt và chờ lệnh là lên đường. Chiếc xe thuộc loại chở hàng nên rất rộng rãi cho hai gia đình, gồm khoảng mười người. Thật là hồi hộp trong giờ phút chờ đợi đó. Về phần toán anh Việt, Chân, Văn đã không thấy tới thăm nhiều ngày, nên không hiểu chuyện đi đứng của các anh đó ra sao. Khi đó chúng tôi quan niệm, ai đi được lúc nào cứ đi, chứ không nên chờ đợi nhau, và càng ít liên hệ càng tôt trong lúc đi dọc đường.

Vào lúc mười giờ sáng thì đoàn xe được sắp xếp xong và chạy vào khoảng giữa đoàn xe quân đội. Lúc đó, chúng tôi mới tin là thực sự không thay đổi. Đường sá tương đối tốt nên tốc độ di chuyển khá nhanh, bụi đường bay mịt mù, dù phải băng qua những đoạn đường rừng núi hiểm trở. Di chuyển muộn nên đoàn xe chạy một hồi tới địa điểm nghỉ ngơi vào lúc gần tối. Gia đình ông nhà giàu vào ngủ trọ một nhà hàng ăn khang trang, trong khi đó chúng tôi ăn ở trên xe để tiết kiệm tiền khi tới Liễu Châu.

Số chỉ vàng dự trù để trong người, chúng tôi vẫn chưa xử dụng tới, tuy nhiên nếu đổi ra tiền mặt cũng chẳng được bao nhiêu, cùng lắm là ăn được nửa tháng cho năm người. Ngày kế tiếp vì di chuyển sớm, không có trục trặc giữa đường, nên chừng ba giờ chiều đoàn xe đã tới Liễu Châu. Ông chủ xe cho chúng tôi xuống và hẹn sáng ngày hôm sau trở lại chỗ xuống xe, có gì ông ta sẽ cho hay tiếp.

Thành phố Liễu Châu thuộc Tỉnh Quảng Tây, thời tiết, khí hậu lúc đó nóng như ở Bắc Việt. Quang cảnh phố xá nhộn nhịp khác thường, hơn hẳn Côn Minh và Quế Dương, vì nó ở ngã ba đường, từ Côn Minh tới cũng như ở Hồ Nam, Trường Sa xuống,từ Quảng Đông sang. Cũng từ Liễu Châu, đường hỏa xa được thiết lập từ miền Bắc xuống và đổ về miền Biển thuộc Tỉnh Quảng Đông. Chúng tôi vai đeo nải, tay mang túi đồ dùng như nồi niêu, song chảo, đi trộn vào làn sóng người trên

các đường phố đông đúc. Như ở mọi nơi khác, khi mới tới,chúng tôi đi tìm nơi trú ngụ ở ngoại vi thành phố vừa rẻ tiền lại dễ tìm. để tranh thủ thời gian, chúng tôi chia làm hai toán, các anh Tùng,Tường và Tạo một toán, anh Phiên và tôi một toán. Khi xong, hẹn tập trung ở một nơi ấn định. Anh Phiên và tôi đi tìm tòi một hồi lâu thì tới một phố vắng, hai bên đường có trồng cây, nhà cửa xây dựng theo kiểu villa, mà trước kia có thể thuộc các chủ nhà giàu có, nhưng nay thấy vắng vẻ, vườn tược cỏ mọc um tùm.

Trong số những căn nhà đó, tôi thấy có một nhà, cửa ra vào mở toang, thỉnh thoảng có người ra vào, ăn mặc bình thường gần như nghèo khó. Chúng tôi thấy làm lạ, bèn rủ nhau vào xem sao, thì đó là một ngôi nhà hai tầng, màu vôi tường loang lổ, các cửa ra vào trống không , chứng tỏ là nhà vô chủ đã bỏ trốn từ lâu. Tuy nhiên các phòng đều có đầy người, đủ mọi thành phần, kẻ nằm, người ngồi, cười nói ồn ào. Đó là những kẻ thất nghiệp, không nhà, không cửa tụ tập, sau khi kiếm ăn trở về. Sự hiện diện của hai chung tôi, cũng chẳng làm họ ngạc nhiên, chú ý vì cách ăn mặc của chúng tôi cũng không hơn gì họ mấy. Một tên thấy chúng tôi sách cái túi nồi niêu, chăn chiếu, liền chỉ cho chúng tôi lên lầu, vì ở dưới quá đông. Lên tới nơi thì quả nhiên còn có một phòng vắng người. Tôi và anh Phiên hội ý, là nếu không thuê được nơi ở trọ thì sẽ tạm trú ở đó ít ngày rồi sẽ tính sau. Khoảng hai tiếng sau, thì toán anh Tùng trở về và không tìm được chỗ nào rẻ tiền. Hai chúng tôi bèn đùa với các anh ấy là đã thuê được một villa khang trang. Lúc đầu các anh tưởng là chúng tôi nói dóc, khi tới cổng căn nhà, các anh vẫn còn không tin. Nhưng khi bước vào trong nhà, thì các anh mới hiểu là chúng tôi nói thật.

Trước tình hình lúc đó, trời lại sập tối, chúng tôi đồng ý ở tạm và cùng nhau dọn dẹp chỗ nằm và nấu bữa cơm chiều. Rồi một đêm cũng qua đi trong bình an, sau một ngày ngồi mỏi gối trên xe. Sáng hôm sau, các anh Tung, Tường và Tạo đến nơi hẹn với ông chủ xe. Anh Phiên và tôi ở lại trông đồ đạc và giữ chỗ. Khi trở về, các anh cho biết là ông chủ xe, thay vì tiếp tục lên đường đi Quảng Châu, thì nay ông đã đổi ý định và quay trở lại Côn Minh để đi về ngả Miến Điện. Tôi nghĩ là ông ta có một nhiệm vụ bất thần gì đó mà ông ta không thể nào tiết lộ được.

Khi từ biệt, ông ta đã giúp chúng tôi mấy chục Mỹ kim để dùng mua vé đi nốt đoạn đường mà chúng tôi đã phác họa cho ông ta biết khi còn ở Quế Dương. Đây lại là một dịp may nữa mang lại cho chúng tôi sau cái chết của anh San. Để có đủ tiền mua vé cho năm anh em chúng tôi, còn cái gì đáng giá mang ra bán hết, kể cả mấy chỉ vàng mà anh Tạo và tôi còn cất dấu ở nẹp quần áo lót. Riêng vàng và dollars, chúng tôi phải mất gần nửa buổi mới bán được, vì là hàng quốc cấm sau khi CS chiếm Chính quyền. Các cửa hàng vàng, bạc, nữ trang trong thành phố đều đóng cửa. Vì vậy chúng tôi phải vào cửa hàng bán tạp hóa hoặc cửa hàng ăn. Nhưng mỗi khi đề cập tới là họ chối bây bẩy vì sợ rơi vào bẫy của công an, mật vụ CS. Cuối cùng phải thuyết phục lâu lắm mới được một chủ hàng tạp hóa bạo phổi lắm mới chịu mua.

Với số tiền bán vàng và mỹ kim, chúng tôi thừa mua đủ năm vé xe lửa đi Quảng Châu, gọi là: “Khỏi xế tàu nhanh”. Trong những ngày chờ đợi, chúng tôi vẫn tiếp tục ở căn nhà villa bỏ hoang cùng với mấy ông bạn bất đắc dĩ, hành nghề gồng

gánh thuê "Piên tản" và thất nghiệp đi ăn xin. Ngoài giờ lo cơm nước, chúng tôi thả bộ khắp phố phường, mà chẳng hề gặp một anh công an hỏi han giấy tờ gì cả. Bất ngờ, buổi chiều trước ngày lên tàu, thì chúng tôi lại bắt gặp toán ba anh Việt, Chân, Văn vừa từ Quế Dương tới bằng xe đò. Chúng tôi cho các anh biết là đã lấy vé và lên đường ngày hôm sau. Sau đó, các anh cũng tức tốc mua vé để cùng đi với chúng tôi. Nếu chậm thì lại phải đợi mất mấy hôm nữa. Anh Việt có cho chúng tôi biết là các anh đã bị công an, cảnh sát bắt giữ một tuần vì bị khám xét trong khi đi phố không có giấy tờ hợp lệ.

Ở trong trại giam của công an CS, các anh đã gặp đủ mặt Tướng, Tá của Quân đội Tưởng giới Thạch đã không kịp chạy chốn. Tuy nhiên các anh cũng được đối xử tử tế và cho ăn uống đầy đủ. Trong thời gian đó, anh Việt cho biết, anh được các ông bạn sĩ quan Tàu phong cho tước hiệu về "Đại ca ăn khỏe".

Sau một tuần điều tra không có gì nguy hại, các anh đã được trả tự do. Nói chung thì toán anh Việt ra đi có vẻ thoải mái hơn chúng tôi nhiều. Những ngày chờ đợi ở Quế Dương, anh Việt lại được tốt số được bà Tướng Tàu chiêu đãi đi ăn uống, du hí ở phòng trà (mới giải phóng nên chưa bắt vào khuôn phép). Sau này về nước, anh vẫn nhận được thư thăm hỏi của bà và gia đình ở bên Đài Loan gửi sang.

Được gặp lại toán anh Việt, và cùng đáp một chuyến tàu đã mang lại thuận lợi cho chúng tôi khi tới thành phố Quảng Châu, Hồng Kông, cũng như băng qua cửa khẩu vào đất Cửu Long một phần của Hồng Kông. Ngày hôm sau vào lúc tảng sáng, chúng tôi rời nhà ga Liễu Châu đáp tàu đi thẳng Quảng Châu. Khoảng đường dài mất hai ngày, một đêm thì tới. Hành khách không mấy đông, nên dù lấy vé hạng ba, chúng tôi vẫn có thể nằm ngả lưng lúc tàu chạy vào ban đêm. Đi bằng tàu hỏa, quả dễ chịu hơn xe hơi rất nhiều.

Chúng tôi có thể ngắm cảnh hai bên đường một cách thoải mái, đặc biệt là ít sợ bị thổ phỉ ở dọc đường, vì trên tàu luôn luôn có lực lượng cảnh sát hộ tống. Vào cuối ngày đầu, con tàu của chúng tôi băng qua một cây cầu, một phần xây dựng bằng gỗ, bắt qua con sông Tương từ Hồ Nam chảy xuống khá rộng. Khi tàu chạy qua, chiếc cầu rung lên như muốn xụp đổ. Nghe đâu cây cầu đó đã do quân đội Nhật bắt lại sau khi Đệ nhị Thế chiến chấm dứt.

Quang cảnh hai bên bờ sông thật đẹp, dòng nước chảy êm đềm. Tôi còn nhớ là vào lúc chiều tà, không nhớ vì cảnh đẹp hay hóng mát, tôi đã ra ngồi ở bực cửa lên xuống của toa tàu, rồi hứng trí ca hát một mình. Nhưng không ngờ trong khi ca hát, thì tôi liếc thấy một tên công an võ trang ở toa tàu bên cạnh đang chăm chú nhìn tôi. Tôi cảm thấy ngay là có chuyện, nên vội rời chỗ vào trong toa. Quả nhiên, tôi chưa ngồi nóng chỗ thì tên công an đi tới và hỏi giấy tờ. Tôi xuất trình tờ giấy phép của Chủ tịch Bàn Huyện cho y coi. Xem một lát không nói gì rồi trả lại. Sau y bắt tôi moi các túi áo quần cho y khám, thấy có lọ thuốc ho, bèn bắt tôi uống thử. Tôi lấy một, hai viên nuốt một cách tỉnh bơ, không tỏ vẻ gì run sợ. Thấy vậy, y bèn bỏ đi.

Qua hành động đó của tên công an hạ cấp đủ thấy rõ trong chế độ CS, mạng lưới tổ chức công an, mật vụ được chú tâm đến chừng nào, mà tính đa nghi là mục tiêu

giáo dục hàng đầu của chúng. Từ đó, chúng tôi hết sức cảnh giác trong bất cứ hành động nhỏ nhặt nào có thể gây trở ngại cho chuyến đi đầy khó khăn, nguy hiểm của chúng tôi, nhất là chặng đường còn lại chẳng còn bao xa. Con tàu đi qua Tỉnh Quảng Tây lúc chín giờ tối, và bắt đầu qua ranh giới Tỉnh Quảng Đông. Trời tối nên cũng chẳng quan sát được gì. Chúng tôi chỉ còn ngã lưng vào thành ghế làm một giấc ngủ say xưa. Khi tỉnh dậy thì trời đã sáng, con tàu đang lao mình xuyên qua những cánh đồng rộng bát ngát, các đồi núi chỉ thấy LỜ mờ hiện xa xa, không như khi còn trên đất Quảng Tây.

Khí hậu cũng tương đối dễ chịu, không còn oi bức nữa, vì con tàu đang hướng về phía biển. Độ chín giờ sáng thì con tàu đã ở trong vùng kế cận thành phố Quảng Châu. Quang cảnh hai bên giống như từ Tỉnh Mỹ Tho tới Phú Lâm ngoài thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn ở miền nam VN. Hai bên đường, Quốc lộ chạy song song với đường tàu hỏa là các ruộng lúa xanh rờn xen lẫn những vườn cây ăn trái.

Trước cảnh thanh bình đó, khiến tôi cảm thấy bồi hồi tưởng nhớ về quê hương đã mấy mùa Xuân xa cách. Khoảng mười giờ thì đoàn tàu từ từ tiến vào sân ga chính của thành phố. Quang cảnh thật là ồn ào, tấp nập, kẻ đón, người đưa. Chúng tôi thu xếp hành lý bước ra khỏi nhà ga. Nhưng vừa sắp sửa ra khỏi cửa, thì còi hụ vang lên. Chúng tôi còn đang ngơ ngác không hiểu ất giáp gì, trong khi thiên hạ xô nhau, kẻ lên xe, người chạy bộ khỏi nhà ga. Hỏi ra thì mới hiểu là còi báo động có máy bay của Trung Hoa Quốc Gia từ Đài Loan tới ném bom. Chúng tôi đang nhớn nhác tìm phương tiện, thì hai chiếc xe taxi chạy ào tới. Tên lái xe kêu chúng tôi lên xe gấp rồi đưa về khách sạn.

Trong lúc bối rối, muốn thoát nhanh khỏi cảnh tai bay vạ gió, chúng tôi không ai bảo ai nhẩy đại lên xe cho hắn chở đi. Chạy loanh quanh qua các phố phường trong thành phố khá sầm uất, thì xe ngừng lại trước một tòa nhà cao chót vót. Tôi nhìn thấy tấm bảng ghi Khách sạn Ôi Quan. Tôi rời khỏi xe mà cảm thấy quá mắc cỡ, nhưng không thể nào lui được nữa. Tôi vẫn là người phụ trách mang túi đồ đạc nấu nướng và mền chiếu. Để đỡ mắc cỡ phần nào, tôi đi xen vào chính giữa toán. Anh chàng tiếp viên khách sạn, ăn mặc quần áo trắng toát, cổ đeo nơ đen, đứng ở thềm cửa đón chào chúng tôi. Qua cử chỉ của hắn, tôi thấy một cái gì như có vẻ coi thường, không mặn mà lắm. Qua vài lời thăm hỏi, anh ta chỉ cho chúng tôi vào cầu thang máy để lên tầng lầu trên coi phòng.

Khách sạn này cao vào khoảng mười hai tầng. Vào thời gian 1950 thì loại khách sạn như vậy được coi như sang trọng và hiện đại nhất ở Quảng Châu. Trước khi bước vào thang máy, tôi không quên dấu túi đồ vào một góc tường, nhưng có lẽ sau đó, nhân viên khách sạn lấy liệng vào nhà kho hoặc vào thùng rác. Lên tới lầu năm thì ngừng lại, người hướng dẫn chỉ cho chúng tôi hai phòng. Tổng cộng với giá cho thuê là mười hai vạn quan kim một ngày. Sau khi tắm rửa, thay quần áo, ba anh Việt, Chân, Văn thuê xe lên đường sang khu vực Tô giới công cộng "Sa Điện" xin giấy tờ ở tòa lãnh sự Anh cho nhập cảnh vào Hương Cảng. Trong khi chờ đợi, chúng tôi rời khỏi khách sạn đi xem thành phố và tìm một địa điểm thuận lợi cho việc cư trú, nếu chưa rời khỏi Quảng Châu.

Tôi còn nhớ ngày hôm đó là ngày mồng một tháng năm, ngày Quốc Tế Lao Động, nên khi bước ra khỏi khách sạn, là gặp ngay một toán đông, với rừng cờ đỏ búa liềm, cùng tiếng hò reo vang dội khắp phố phường. Chúng tôi hòa vào đám đông đứng coi ở hai bên đường. Để đề phòng cảnh giác, chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Trung Hoa, hoặc tiếng Pháp khi cần. Khi đi đường tôi để ý xem có người Việt, nhưng tuyệt nhiên không nhận ra một ai.

Năm đó là năm 1950, nên còn rất ít người VN sang làm ăn ở đó, nếu có, chỉ là những phái đoàn qua lại ít ngày rồi bỏ đi. Tại Tỉnh Quảng Tây, nhất là ở thành phố Nam Ninh, gần biên giới VN, có rất nhiều người Việt cũng như các cán binh Việt Cộng sang tập huấn trong thời kỳ chiến tranh chống thực dân Pháp. Sau hơn một tiếng đồng hồ đi tìm loanh quanh ở khu phố nghèo, không ra một căn nhà cho thuê, chúng tôi trở về khách sạn. Gần tới nơi thì gặp ngay anh Việt đang dáo dác tìm kiếm chúng tôi. Anh cự nự một lát, rồi giục giã chúng tôi lên phòng thu dọn đồ đạc rồi đi chỗ khác ngay. Chúng tôi ngạc nhiên hỏi lại anh thì chỉ được cho biết là tới địa điểm mới sẽ rõ. Thế là tiền thuê 12 vạn quan kim như cho không. Khi chúng tôi báo cho nhân viên phụ trách khách sạn, thì họ rất lấy làm ngạc nhiên, không giống nhu khi chúng tôi mới đặt chân vào khách sạn với quần áo, hành lý chẳng ra thể thống gì cả. Có thể trong đầu họ lúc đó rất nghi ngờ về hành vi của chúng tôi.

Ra khỏi khách sạn, riêng tôi thì bỏ qua túi đồ, vì nghĩ rằng chẳng còn hợp thời nữa. Chúng tôi nhảy lên xe taxi rời ngay, vì e rằng nhân viên khách sạn hồ nghi đi báo cho công an, cảnh sát biết, thêm rắc rối. Xe chạy khoảng mươi lăm phút, thì xe chở anh Việt chạy trước dẫn đường ngừng lại ngay trước cửa một bệnh viện, tôi ngước mắt nhìn thấy tấm bảng đề "Hopital Saint Paul". Chưa hết ngạc nhiên vì sao anh Việt lại đưa chúng tôi tới bệnh viện, thì anh Việt đã dục chúng tôi xuống xe và dẫn tới cổng bệnh viện. Một thời gian sau khi bấm chuông thì từ trong bệnh viện, một ông Cha Cố, áo chùng thâm, chậm rãi đi trên con đường nhỏ lát đá ra tới cổng, đón chúng tôi. Cánh cửa sắt được mở rộng, ông Cha Cố người Pháp vui vẻ bắt tay đón chào, sau khi được lời giới thiệu của anh Việt.

Khi đó, tôi hiểu ngay ra sự việc giống như ở Quế Dương tại nhà Thờ Cha Cố Brigier, nghĩa là Lãnh sự Pháp ở Quảng Châu đã thông báo cho Cha Cố ở Bệnh viện Saint Paul tiếp đón chúng tôi. Khi vào tới phòng tiếp tân, thì tôi đã thấy ở giữa phòng một bàn dài phủ khăn trắng tinh, trên bầy la liệt thức ăn. Ông Cha Cố chỉ phòng ngủ và bảo chúng tôi đi tắm rửa rồi dùng cơm. Quả thật là chu đáo khi đối xử với chúng tôi vào lúc đó, những người đã từng chiến đấu chống họ hơn một năm trời ở Chiến Khu Phòng Thô (Tỉnh Lai Châu, VN).

Chúng tôi hiểu rõ mục đích của họ, nhưng vào hoàn cảnh lúc đó, chúng tôi chấp nhận để miễn sao thoát ra khỏi vùng kiểm xoát của CS rồi sẽ tính sau. Đêm đó, phải nói là chúng tôi đã được ăn uống no nê, nghỉ ngơi thoải mái, không còn phập phồng lo sợ như ở nhà trọ hay khách sạn ở các Tỉnh, Thành vừa đi qua. Theo anh Việt cho hay thì anh đã tới tòa Lãnh sự Pháp và Anh ở bên Tô giới công cộng (Sa Điện) và đã được Lãnh sự Anh cấp giấy nhập cảnh chung cho 11 người (kể cả ba mẹ con bà Tướng Tàu).

Ba mẹ con bà này đã mướn phòng riêng và chỉ gặp lại chúng tôi ở nhà ga xe lửa vào lúc lên tàu sáng ngày hôm sau. Sáng ra, chúng tôi cùng ông Cha ăn sáng, và ông cho chúng tôi hay là không nên đi đâu, ông sẽ cho người ra ga mua vé, và chỉ lên tàu ít phút. Tôi còn nhớ vào khoảng 11 giờ thì ông Cha cho xe chở chúng tôi rời bệnh viện. Đúng như trù liệu, chúng tôi lên tàu được một lát thì tàu chuyển bánh. Đây là đoạn đường tàu chót từ nhà ga Quảng Châu dẫn tới một nhà ga nhỏ cách biên giới ngăn cách Tỉnh Quảng Đông Trung Hoa và lãnh thổ nhượng địa Cửu Long và Hồng Kông do người Anh quản trị.

Trên tàu, chúng tôi phân tán nhỏ để tránh con mắt cú vọ của công an Trung Cộng, vì giấy xuất cảnh không có. Tàu chạy vào khoảng hai tiếng thì tới ga chót. Ga này chỉ cách biên giới khoảng một cây số. Những ai muốn qua Hồng Kông thì phải xếp hàng để công an và nhân viên quan thuế kiểm tra giấy tờ và hàng hóa. Do đó, chúng tôi cũng phải đứng vào hàng. Được biết thì hàng ngày, số người đi ra Hồng Kông thường rất đông, có khi phải chờ đợi hàng tiếng đồng hồ mới tới được trạm kiểm soát. Trạm này nằm cách chiếc cầu ngăn cách hai bên lối ba, bốn chục thước.

Ranh giới phân cách địa phận Trung Hoa và nhượng địa Anh bởi một con sông nhỏ, mà phía bờ bên kia được dựng lên một hàng rào kẽm. Còn ở trên cầu, mỗi bên kiểm soát một nửa. Muốn vào khu vực Anh, thì phải đi qua một cái cửa nhỏ có nhân viên cảnh sát Anh Quốc canh gác, sau khi trình giấy tờ hợp lệ. Trên đường tiến tới trạm kiểm xoát, không hiểu tôi có hành động gì làm bọn công an khả nghi không, mà bất ngờ một tên sấn tới đòi khám xét quần áo và đòi lột cả giầy tôi đang đi. Sau khi kiểm tra không có gì, hắn mới cho tôi tiếp tục đi.

Thật hú vía, tôi tưởng phen này sẽ kẹt thật sự, nhưng rồi may mắn lại tới. Nhưng chưa hết, số là toán anh Việt xếp hàng ở phía trước đã tới gần trạm kiểm soát, đợi mãi không thấy chúng tôi tới, nên nóng lòng chạy ngược lại tìm, thì cũng vừa lúc chúng tôi tới. Tại gần trạm kiểm xoát, nhìn lên trên cầu tôi thấy cảnh sát Anh trong bộ quần áo sọc trắng, đầu đội mũ kiểu thuộc địa, tay cầm dùi cui đang đánh đuổi những người Trung Hoa, hình như các công nhân, thợ thuyền muốn qua Hồng Kông làm ăn, nhưng vì giấy tờ không hợp lệ nên bị đuổi về.

Qua hình ảnh đó, tôi lại thấy hiện lên cái cảnh thực dân đàn áp dân lành mà không khỏi bực mình, nhưng dầu sao chúng tôi cũng phải qua cầu. Trong khi anh Việt đang bận rộn với tên công an gác ở đầu cầu, thì tất cả chúng tôi đã bước qua phía bên kia cầu.

Khi đó mọi người ở Lục Địa ra Hồng Kông thì khó, chứ về phía Trung Hoa thì chỉ làm lấy lệ. Cảnh sát Anh hỏi giấy tờ, chúng tôi trả lời anh Việt cầm giấy tờ đang ở trạm kiểm xoát bên kia cầu. Cũng vừa lúc đó anh Việt hớt ha, hớt hải chạy tới và dục chúng tôi đi ngay tới trạm kiểm xoát của người Anh. Hỏi ra mới biết là anh bị tên công an hỏi giấy tờ, anh cho hắn xem rồi bất ý, anh dật lấy và chạy qua cầu. Tên công an vì bất ngờ nên không kịp phản ứng và bỏ qua luôn, vì có lẽ hắn nghĩ là sang bên kia rồi cũng bị cảnh sát Anh đuổi về, chứ có biết đâu chúng tôi chỉ thiếu con dấu và chữ ký của nhà chức trách địa phương Quảng Châu. Tại trạm kiểm xoát, anh Việt trình giấy nhập cảnh chung của 11 người và được nhân viên người Anh thông qua thủ tục rất nhanh.

Trên đường rời khỏi miền Nam Trung Hoa chạy trốn cộng sản Mao Trạch Đông – Tạm trú ở Hồng Kông rồi trở về nước (35)

Chúng tôi qua cổng, bước vào địa phận một xứ sở tự do vào lúc ba giờ chiều, sau ba tháng hành trình xuyên qua bốn Tỉnh miền Hoa Nam, lúc đi xe, lúc đi bộ, lúc đi tàu dưới sự kiểm xoát của Trung Cộng vừa mới chiếm xong lục địa Trung Hoa vào cuối năm 1949. Việc đầu tiên là chúng tôi tới quầy đổi tiền, nằm ở trong sân ga tàu hỏa, để đổi số tiền quan kim còn lại lấy tiền Hồng Kông. Anh Lê Đình Việt (Lê Văn Nhân) đại diện cho nhóm mua 11 vé đi tới thành phố Cửu Long (Kowloon).



Phần bản đồ màu vàng là lãnh địa của Hồng Kông, Cửu Long (biên giới giữa xanh và vàng là biên giới Hồng Kông và Trung Hoa Lục Địa trước đây)

Trong khi chờ đợi, chúng tôi mỗi người thưởng thức, có lẽ là lần đầu tiên trong đời, một chai nước ngọt Coca Cola, mà người địa phương gọi là "Khả khẩu, khả lạc". Nhà ga nhỏ bé, nhưng rất sạch sẽ và khang trang. Số hành khách lui tới giữa cửa khẩu và thành phố Cửu Long không lấy gì làm đông lắm, nên có tàu thường chỉ có hai, ba toa. Tàu hỏa tại đây nhỏ bé, xinh xắn, chỗ ngồi ngăn nắp sạch sẽ, biểu trưng cho nền văn minh tư bản. Khoảng cách từ nhà ga tới thành phố Cửu Long khoảng trên bốn mươi cây số, nên tàu chỉ chạy trên giờ đồng hồ là tới. Đường tàu chạy khỏi nhà ga, thì cặp theo ven biển, nên ngồi trên tàu nhìn ra xa, phong cảnh quả là thật đẹp. Trên biển, tàu bè đủ kiểu, đủ cỡ, qua lại như mắc cửi. Con tàu tới nhà ga thành phố khoảng 7 giờ tối. Đèn điện đã được bật sáng trưng.

Thành phố Cửu Long nằm trên một giải đất ăn sâu vào đất liền mà Chính phủ dưới thời nhà Thanh đã phải nhượng lại cho nước Anh cai quản sau cuộc chiến tranh Nha phiến cùng với hòn đảo được gọi là Hồng Kông. Hòn đảo này không lớn lắm, có lẽ chỉ lớn hơn hai, ba lần hòn đảo Cù Lao Ré thuộc Tỉnh Quảng Ngãi. Dân chúng cư ngụ là người Trung Hoa từ lục địa tới. Người Anh tương đối ít, chỉ đủ để quản

trị về hành chánh và quân sự. Phần lớn dân chúng tập trung ở bên đảo nhìn từ phía Cửu Long qua.

Thành phố Cửu Long nằm trên đất liền nên rộng rãi, khang trang hơn, bao gồm cả Phi trường Kai Tak, nhưng về mặt thương mại thì hầu hết tập trung ở bên đảo. Do đó, nhà cửa được xây dựng rất hiện đại.

Vào năm 1950, mà các cơ sở buôn bán đã được xây cao tới hai, ba chục tầng. Hòn đảo gần như được chia làm hai khu vực, phía Bắc là nơi làm ăn buôn bán phồn thịnh, còn ở phía nam là nơi dành cho những người buôn bán nhỏ, cùng là nơi cư ngụ của những công tư chức nghèo và công nhân, nghĩa là đủ mọi thành phần trong xã hội thấp kém, đều tập trung ở đó. Hòn đảo thì nhỏ bé, đất đai bằng phẳng thì quá ít, còn dân số thì quá đông. Theo sự hiểu biết, thì vào thời kỳ đó, số dân ở đảo đã lên tới gần một triệu người, nhất là sau khi CS chiếm Hoa Lục thì số người chạy nạn sang Hồng Kông càng tăng thêm. Do đó, hòn đảo đã được thiết kế để có thể xây thêm nhà cửa từ chân núi lên tới đỉnh.

Hệ thống đường xá, kể cả tàu điện chạy bằng giây cáp được xây dựng rất là công phu và tốn kém, để người cư ngụ lên xuống bình thường. Còn ven biển hòn đảo là cả một hệ thống xây cất thật tinh vi, dùng cho tàu bè cập bến đổ hàng hoặc lên hàng. Độ sâu của hòn đảo khá sâu, nên các tàu bè lớn có trọng tải cao, kể cả các tàu chiến như Hàng Không Mẫu Hạm vẫn có thể đậu được. Do với vị trí thuận lợi của hòn đảo, mà nó đã trở thành khu vực hết sức thịnh vượng ở Á Châu và Thái Bình Dương. Hồng Kông được mệnh danh là "Ngôi chợ Quốc tế" vì nó là điểm trung gian xuất, nhập hàng hóa từ mọi nơi trên thế giới tới, rồi đưa vào Hoa Lục, cũng như từ miền Hoa Nam đưa ra.

Ra khỏi nhà ga thành phố, lúc đầu chúng tôi dự trù ngủ đêm tại Cửu Long, nhưng khi nhìn qua bên đảo, thì thấy quang cảnh ban đêm của Hồng Kông quá lộng lẫy, hấp dẫn với đèn điện đủ màu từ chân đảo lên tới đỉnh núi, khiến chúng tôi bỏ ngay ý định lúc ban đầu. Chúng tôi đều thuận nhau qua đảo dùng cơm và nghỉ đêm.

Từ Cửu Long qua đảo, lúc bấy giờ chưa có cầu cũng như đường hầm xuyên qua đáy biển, nên phải xử dụng phương tiện tàu thuyền. Để đáp ứng nhu cầu chuyên trở thường xuyên trong suốt hai mươi bốn giờ, đã có hai loại tàu. Một tàu lớn hai tầng, chở được từ một trăm đến hai trăm người thì thuộc chính phủ, và một loại tàu nhỏ, gần như taxi trên bộ thuê bao. Các tàu bè chạy qua, chạy lại như mắc cửi, hành khách không phải mất thì giờ chờ đợi.

Chúng tôi xuống một chiếc tàu thuê bao, và chỉ trong thời gian ngắn tàu đã cập bên bên đảo. Bề rộng giữa đảo và Cửu Long khoảng hai cây số. Tới nơi, chúng tôi không vội tìm tới khách sạn mà vào ngay một cửa hàng ăn khá sang trọng ở một đường phố gần bờ biển. Cũng như ở khách sạn Ôi Quan ở Quảng Châu, các nhân viên phục vụ nhà hàng cũng nhìn chúng tôi với vẻ mặt không được cảm tình cho lắm nhưng cũng chẳng làm chúng tôi quan tâm.

Sở dĩ chúng tôi hành động sang như vậy là vì anh Việt cho biết đã được tòa Lãnh Sự Pháp ở Quảng Châu giúp đỡ một số tiền để dùng vào việc vượt thoát ra khỏi lãnh thổ Trung Cộng. Tiền không mong mà tới, nên chúng tôi đồng ý tiêu dùng cho

hết rồi tính sau, hơn nữa số tiền cũng chẳng là bao. Một lần nữa tôi lại thấy Thực dân Pháp quả là khôn ngoan và sâu sắc. Việc có đem lại kết quả cho chúng hay không thì chưa biết, nhưng dù sao với hoàn cảnh của chúng tôi lúc đó cũng phải ghi nhận là họ đã có thái độ tích cực với các thành phần Quốc Gia đang bị kẹt trong vùng Cộng Sản đang chiếm đóng. Phải nói rằng bữa cơm tối hôm đó, chúng tôi đã thực hiện một bữa cơm khá thịnh soạn, khiến nhân viên phục dịch phải ngạc nhiên và đổi thái độ. Vui mừng vì đã thoát khỏi vùng CS, chúng tôi đã không ngại ngùng hợp ca bản nhạc "Tiếng gọi thanh niên".

Trước cảnh vui nhộn đó, mọi người trong nhà hàng lúc đó cũng cảm thông vui lây và vỗ tay hoan nghênh khi chấm dứt, có lẽ họ hiểu chúng tôi thuộc thành phần nào rồi. Vừa từ Hoa Lục mới thoát ra, Các cô phục vụ hết sức đon đả mời tiếp vui vẻ, từ cái khăn mặt, ly nước, bật lửa hút thuốc khiến tôi lần đầu được hưởng, rất lấy làm khoái chí. Sau bữa ăn, ngoài số tiền trả nhà hàng, chúng tôi còn tặng các nhân viên phục vụ tiền "Típ" rất hậu hĩnh khiến họ cảm ơn hết lời, quả là đồng tiền đi trước vẫn mang lại nhiều kết quả ngoài mong muốn. Đêm đó, chúng tôi nghỉ ở một khách sạn trung bình và cũng là đêm cuối cùng sống trong một khách sạn Hồng Kông, vì hai tháng sau chúng tôi trở về nước. Ngày hôm sau anh Việt cho biết nguồn tài chính đã hết, ai nấy tự túc mưu sinh như trước. Chúng tôi, năm anh em tìm xuống vùng ngoại ô ở phía Nam, khu Shaukiwan thuê nhà.

Từ trung tâm thành phố xuống đó cũng không xa, chừng mấy cây số. Ngoài xe taxi, còn có xe buýt công cộng, thiết kế hai tầng, chạy từ phía Bắc xuống phía Nam hòn đảo. Chúng tôi thuê được một căn nhà nhỏ làm bằng gỗ, mái lợp cao su, với số tiền tương đối thấp, vừa với túi tiền của một công nhân thợ thuyền. Kể ra, với năm người thì hơi chật chội, nhưng vì quan niệm ở tạm và lại ít tiền, sống cho qua ngày đợi tính sau.

Chúng tôi có ý nghĩ tái xuất giang hồ nghề hớt tóc và làm bánh đậu xanh, nhưng sau thấy tình hình có vẻ khó khăn, không thích hợp nên cũng thôi. Với số tiền dành dụm còn lại cũng tạm đủ cho năm anh em sống một hai tháng trời ở mức thấp nhất. Chỗ ăn ở tạm ổn định, chúng tôi lên phố thăm bạn bè. Ở đó có gia đình anh Trương Bảo Sơn (nhà văn) và anh Nguyễn Gia Trí (hoạ sĩ) là những cán bộ VNQDĐ đã tới sinh sống từ ngày VNQDĐ rút khỏi Lào Kay. Ngoài ra còn có anh Nguyễn Tường Tam, sống một mình ở một căn hộ trên sườn núi. Chúng tôi cũng còn gặp anh Phạm Thái và ông Đại làm việc tại tòa Lãnh sự Pháp ở Hồng Kông.

Các cuộc gặp gỡ đều thắm tình đồng chí và đồng hương. Chúng tôi cũng nhận được sự giúp đỡ một phần nào về vật chất. Những ngày sống chờ đợi tin tức bên nhà, vào những giờ rảnh rỗi, chúng tôi thường đi dạo phố coi sự sinh hoạt của thành phố và chụp hình làm kỷ niệm. Được hơn nửa tháng thì các anh Xuân Tùng, Hoàng Tường và Tạo nhận được tin tức bên nhà và tiếp tế. Cuộc sống cũng vì thế dễ chịu lên đôi chút. Vào ngày thứ Bẩy, Chủ Nhật hàng tuần, anh Tam xuống thăm và hướng dẫn chúng tôi học thêm Anh văn, cũng như chúng tôi lên nhà anh Sơn dùng cơm gia đình, nói chuyện thời sự và tính chuyện tương lai.

Khi đó thì tình hình sôi động hơn, vì cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Cuộc chiến này một phần nào sẽ ảnh hưởng đến Hồng Kông, nếu ngày càng lan rộng, và

với địa thế rất hạn chế về nguồn nước ngọt, thường vẫn được dẫn từ lục địa qua sẽ tác hại nghiêm trọng cho đời sống của dân chúng tới đâu. Chính vì lẽ đó, cũng như sinh hoạt khó khăn, mà chúng tôi đã có ý nghĩ muốn rời bỏ Hồng Kông đi một nơi khác, hoặc trở về nước. Được một tháng, các anh Việt, Chân, Văn nhận được vé máy bay từ VN gửi qua rồi lên đường về Hà Nội. Tiếp theo sau là hai anh Xuân Tùng và Hoàng Tường cũng từ giã chúng tôi về nước. Như vậy là chỉ còn ba anh em chúng tôi, anh Tạo, Phiên và tôi.

Trước sự việc các anh bỏ về nước, cũng khiến chúng tôi suy nghĩ là có nên theo gót các anh không. Tôi còn nhớ là khi còn sống đầy đủ ở Shaukiwan, một hôm có hai anh Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) và Nguyễn Tường Bách (bác sĩ, em út ông Tam) đến thăm. Anh Bách lúc đó đang sống ở Quảng Châu và làm việc ở một Bệnh viện trong thành phố. Từ khi rời bỏ Côn Minh, các anh Tam, Long, Bách sang sống ở Quảng Châu và thường có liên lạc với anh Xuân Tùng ở Côn Minh. Tới khi CS chiếm trọn Trung Hoa Lục Địa thì chỉ có mình anh Tam di chuyển ra Hồng Kông, còn hai anh Long, Bách tiếp tục ở lại.

Năm 1949, anh Long trong một lần ra Hồng Kông để gặp gỡ gia đình từ Hà Nội qua, khi trở về vì bị bệnh bất thường và mất ở trên tàu lúc về Quảng Châu. Khi gặp anh Bách, và cũng là lần đầu tiên gặp anh, tôi thấy anh mạnh khỏe và lanh lợi.

Trong câu chuyện thăm hỏi, tôi có nói đùa với anh là anh ăn mặc có vẻ tác phong CS quá. Anh đã cười vui và trả lời là "Đúng thật rồi" đồng thời kêu gọi tụi trẻ chúng tôi trở vào Quảng Châu sinh sống với anh. Khi đó, chúng tôi không trả lời, và nghĩ thâm trong bụng là chạy chôn hàng mây ngàn cây số để được tới đây, mà lại chui vào trở lại cái rọ CS một cách điên rồ như vậy. Do đó mà tôi cứ thắc mắc một người như anh Bách, một đảng viên cao cấp của VNQDĐ đã từng sống và có nhiều liên hệ với VMCS lại chấp nhận ở lại sống với CS cho dù là CS Mao Trạch Đông. Có lẽ anh nghĩ là CS Trung Hoa khác với CSVN và CS đi đúng đường chăng! Hơn bốn mươi năm qua, khi tôi viết lại những dòng ký ức này trên đất Hoa Kỳ thì hiện anh Bách đang có mặt tại Quận Cam (Orange County) thuộc Tiểu Bang California được vài năm. Chúng tôi đã gặp lại nhau và vẫn duy trì tình thân cũ khi xưa.

Rồi tiếp là anh bạn họ Hồ gặp gỡ tại thành phố Quế Dương (Tỉnh Quí Châu) từ khi chia tay ở đó, những tưởng không còn gặp lại nữa, thì đột nhiên anh đã tìm được chỗ ở đến thăm. Chúng tôi chưa hiểu nhau lắm, nhưng cũng đoán được vị trí của nhau rồi, nên hai bên trong câu chuyện trao đổi đều có ý giữ miệng, không thực sự nói lên ý nghĩ của riêng mình. Cuối câu chuyện, anh bạn Hồ đã nói riêng với ba anh em chúng tôi là anh có thể đưa giúp sang Thái Lan nếu muốn.

Thực tâm thì chúng tôi cũng muốn chu du đây đó chứ chưa muốn trở về VN vì lý do Thực dân Pháp vẫn còn thực sự thống trị, mặc dù bề ngoài đã rêu rao là đã trao trả Độc Lập cho VN qua ông Vĩnh Thụy, tức cựu Hoàng Bảo Đại đã thoái vị sau cuộc cách mạng tháng 8/1945, hai là chúng tôi còn quá trẻ, tương lai còn dài. Chúng tôi ước muốn là muốn đi đây, đi đó, nhất là các nước phương Tây để học hỏi, mở thêm tầm hiểu biết, trước khi thực sự tái tục vào con đường tranh đấu chính trị.

Trước đề nghị đột ngột đó, tôi đã nghĩ thầm là có thể anh chàng định đưa ra cái mồi Thái Lan để nhử, vì biết rõ bọn trẻ là thích phiêu lưu. Nhưng thực sự là trên đường đi, tàu sẽ ghé vào Sài Gòn và Phòng Nhì Pháp sẽ xuống mời chúng tôi vào sở Công an, mật vụ ở đường Catina Tư Do. Tuy đoán vậy, chúng tôi vẫn vui vẻ trả lời anh bạn là chấp thuận, nhưng với điều kiện là trước khi lên đường, anh ta phải cung cấp cho chúng tôi một số tiền để sắm quần áo và hành lý. Anh trả lời đồng ý, sẽ quay lại, nhưng rồi từ buổi đó, chúng tôi không còn gặp lại anh ta nữa. Khi nhóm anh Việt và anh Xuân Tùng trở về nước rồi, thì chúng tôi cảm thấy lẻ loi, tiếc nhớ vẩn vơ, dù rằng ở đó còn có gia đình anh Sơn, khi đó đang làm Thư ký cho một hãng tàu thủy Hòa Lan.

Các anh Tam, Sơn, Trí đối xử với chúng tôi như tình anh em trong nhà. Chúng tôi có nhờ anh Sơn giúp xin việc làm bồi tàu, nhưng kết quả không thành, vì công việc đó rất hiếm và khó khăn hơn là xin làm chân thư ký. Sau cùng chúng tôi cùng quyết định là đành trở về VN vậy, nhưng vấn đề là lấy tiền đâu mua vé máy bay. Để giải quyết sự việc, chúng tôi đánh liều tới tòa Lãnh sự Pháp ở Hồng Kông.

Ngày đầu bị trắc trở do nhân viên văn phòng từ chối lấy lý do ông Lãnh Sự đi vắng và hẹn một ngày khác sẽ tiếp. Vài ngày sau theo hẹn, chúng tôi tới tiếp và được ông Chánh văn phòng tòa Lãnh Sự Pháp tiếp. Chúng tôi trình bày hoàn cảnh và đề nghị tòa Lãnh Sự Pháp cấp vé máy bay về Hà Nội, nhưng ông ta cho biết là chỉ có thể giúp vé tàu thủy về Sài Gòn mà thôi.

Tôi đã trả lời là chúng tôi cư trú tại Hà Nội, không có họ hàng thân thuộc ở trong Nam, nên không thể về đó được. Nói tới, nói lui, ông ta cho biết là không thể làm hơn được. Cuối cùng tôi đề nghị ông ta giúp liên hệ với Chính quyền VN ở Bắc Việt cấp phương tiện. Ông ta ghi nhận và sẽ liên lạc với Hà Nội về việc đó, và khi nào có kết quả sẽ thông báo cho chúng tôi biết sau.

Trong khi chờ đợi tin tức ở bên nhà, thì một hôm, chúng tôi lại tiễn đưa ba mẹ con bà Tướng Tàu trở về Đài Loan sum họp với gia đình. Khi ở VN, bà và chồng bà ta có gửi thư thăm hỏi qua chỗ anh Việt. Chúng tôi cũng có qua Cửu Long thăm ông Lưu đức Trung, qua sự giới thiệu của ông Đại làm việc tại tòa Lãnh Sự Pháp. Ông Lưu đức Trung, theo hiểu biết thì ông ta có làm chức vụ Phát Ngôn Viên của Cựu Hoàng Bảo Đại, khi ông này từ Trùng Khánh (Trung Hoa) bỏ sang Hồng Kông sinh sống từ năm 1946. Ông Trung, khi chúng tôi gặp, ông trạc bốn mươi tuổi, khổ người mập mạp, có dáng đường bệ, ăn nói nhã nhặn, linh hoạt, khôn ngoan. Ông sống trong một tòa nhà khá sang, có hai tầng lầu. Ông tiếp chúng tôi tại nơi làm việc của ông ở trên lầu. Khi đó, chúng tôi không rõ mấy về công việc làm của ông ta, hình như vẫn giữ chức vụ cũ, mặc dầu ông Vĩnh Thụy, đã trở về làm Quốc Trưởng sau khi ký Hiệp định Vịnh Hạ Long với Chính Phủ Pháp. Ở Hồng Kông, tôi mới hay là trước khi trở về nước, ông Vĩnh Thụy đã giữ vai trò lãnh đạo của Mặt trận Toàn lực Quốc Gia đặt trụ sở ở Hồng Kông. Sau khi ông này xé rào trở về hợp tác với Pháp, thì Mặt trận cũng tự động giải tán, trong đó có ông Vũ Hồng Khanh, Nguyễn tường Tam, Nguyễn văn Sâm và các nhà cách mạng lưu vong khác.

Chúng tôi tuy còn trẻ tuổi, nhưng vẫn được ông Lưu Đức Trung tiếp đãi thân mật, có lẽ ông nhận biết là chúng tôi đã có một quá trình tranh đấu cách mạng từ các

chiến khu trong nước trở ra. Ngày đầu gặp gỡ trong ít phút, ông xin lỗi vì bận việc riêng và hẹn chúng tôi tới ngày khác.

Vài ngày sau, chúng tôi y hẹn tới gặp lại ông ta để tìm hiểu vai trò phát ngôn viên ra sao. Buổi gặp gỡ lần này diễn ra gần một ngày và đột nhiên tôi trở thành nhân viên thư ký của ông ta. Trước hết, ông ta cho chúng tôi biết là chính tại căn nhà này, ông Bảo Đại đã sinh sống suốt thời gian ông ta ở Hồng Kông và mọi sự tài trợ đều do ông ta đài thọ. Ông cũng cho chúng tôi xem những bức hình chụp về gia đình ông Bảo Đại. Riêng về ông Bảo Đại, theo tôi nghe được thì thời gian ở Hồng Kông, ông đã ăn chơi không thua kém gì dưới thời Pháp thuộc. Các cô vũ nữ ở đây ai cũng tự nhận mình là bồ ruột của Bảo Đại cả! Do đó, ông Lưu ở vai trò Phát Ngôn Viên, mà trước khi gặp , chúng tôi phần nào được biết là ông đứng ra làm gạch nối giữa Phòng Nhì Pháp và Bảo Đại, trong lá bài đưa Bảo Đại về nước làm biểu tượng cho phe Quốc Gia chống CS.

Thành thử, trong mọi chuyện với ông Lưu, chúng tôi không phát biểu nhiều và chỉ lắng nghe ông ta nói, đôi khi còn tán dương, làm ông ta thích thú, thổ lộ nhiều hơn. Chính vì chỗ, ông cho chúng tôi là không thuộc phe nhóm nào, nên ông ta đã đề nghị tôi ghi chép tất cả những ý kiến, đề nghị, rồi nhân chuyến chúng tôi trở về VN thì mang về tận tay ông Hoàng Nam Hùng và một người, tôi quên tên ở phố nhà Thờ. Bản ghi chép này khoảng mười tờ giấy khổ lớn, ghi lại quan niệm, đường lối hoạt động chính trị của một Đảng chính trị. Chúng tôi nghĩ thầm trong bụng, ghi thì cứ ghi cho vui lòng ông ta, chứ mang về nước hay không lại là chuyện khác. Khi dùng cơm chiều xong, trước khi chia tay, ông ta cứ nhắc chúng tôi hoài là phải cố gắng mang theo và hết sức thận trọng. Dĩ nhiên là chúng tôi đồng ý cho qua chuyện, nhưng khi ngồi trên tàu đò trở qua Hồng Kông, tôi đã cho tập giấy bay theo làn gió rơi xuống biển. Tôi đã cho rằng ông Lưu đã quá ngây thơ đánh giá thấp chúng tôi khi bảo mang xấp tài liệu, có nội dung gần như chống Pháp về nước. Tôi không hiểu mục tiêu của ông ta định đạt tới là gì, mặc dù theo tôi hiểu, ông là một nhân viên mật thám Phòng Nhì Pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không có mang về, nhưng sau khi có mặt tại Hà Nội, chúng tôi cũng tìm tới hai người mà ông Lưu đề cập tới. Qua cuộc gặp gỡ lần đó, cho tới ngày lên máy bay, chúng tôi không gặp lại ông ta nữa.

Sau này khi ở miền Nam VN, tôi có đọc một tờ báo có đăng rõ tên ông Lưu Đức Trung giữ cấp bậc Đại Tá trong quân lực Cao Đài, thì không hiểu có đúng không (vừa xác nhận với Đại Tá Tạ thành Long, một chức sắc Cao Đài là đúng)

Một tuần lễ sau, chúng tôi nhận được vé máy bay từ Phủ Thủ Hiến Bắc Việt gửi sang qua tòa Lãnh sự Pháp. Việc này xẩy ra là do anh Việt, sau khi trở về Hà Nội, đã liên hệ với anh em Đại Việt Quốc Dân Đảng làm việc ở Phủ Thủ Hiến lo giúp.

Qua thủ tục giấy tờ nhập nội, vài ngày sau, chúng tôi bước lên máy bay trở về nước, mà trong lòng chẳng thấy hồi hộp gì cả. Rồi hai tiếng đồng hồ sau, máy bay đáp xuống sân bay Gia Lâm, Hà Nội vào một buổi chưa hè nóng nực. Không một ai ra đón chúng tôi cả, mà chỉ có mấy tên công an người Việt hỏi han mà thôi. Một tên nhìn tôi một lúc, rồi đột nhiên nói là hắn trông tôi quen quen như bạn học cũ, và

hỏi tôi có còn thích đi nữa không. Khi đó, tôi đã tỉnh bơ trả lời: Nếu không thích hợp thì lại ra đi.

Như vậy là sau năm năm rời Hà Nội và gia đình, trải qua những ngày tháng chiến đấu gian khổ trên hai Chiến khu Đệ Tam và Phòng Thô, đến những ngày sống lưu vong nơi xứ người, chúng tôi lại trở lại nơi xuất phát và tiếp tục cuộc hành trình theo một lộ trình mới.

Viết Xong Cuốn I
tại 16142 Parkside Ln, Apt: 3
Huntington Beach, CA 92647
Mùa Thu năm Nhâm Thân, 1992

Mời qúy độc giả đọc cuốn II

Cuốn II: Những ngày phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa đến 30-04-1975, đi tù cải tạo và định cư Hoa Kỳ

Trở về lại Việt Nam sau những năm tháng lưu vong sang Tàu (bài 36)

Sau khi từ Hồng Kông về nước vào năm 1950, tôi thường thì lúc ở Hà Nội, lúc ở Huế và Sàigon. Khi đó tâm trí tôi vẫn chưa được ổn định lắm. Gia đình tôi tất cả đều sống ở ngoài khu vực kháng chiến do Việt Cộng (VC) kiểm soát.

Tôi là con út và chưa lập gia đình nên cuộc sống có phần khó khăn nhưng không đến nỗi khốn đốn. Khi mới đặt chân lên đất Hà Nội thân thương, có biết bao nhiêu kỷ niệm êm đẹp của thời còn ngồi ghế nhà trường, nhưng bầu không khí lúc đó tại Hà Nội không bình lặng, êm đềm như xưa mà có tính chất của một thành phố chiến tranh, xe cộ và binh lính của quân đội Pháp nay đầy dẫy trên đường phố.

Tôi cảm thấy một cái gì lạc lõng, cay đắng sau mấy năm lên đường chiến đấu, mà nay chỉ còn là con số không to lớn. Cái đau của nhưng người Quốc Gia chống Cộng, chống Thực Dân Pháp, thì nay phải sống trong khu vực của quân đội Pháp chiếm đóng, "mang tiếng đầu hàng" và làm tay sai cho Thực dân Pháp mà bọn Việt Minh gán ghép !

Vấn đề này, những người Quốc gia lưu vong ở Hải ngoại tại Trung Hoa lúc đó cũng đã bàn bạc,



Tưởng Giới Thạch chạy sang Đài Loan 1949

suy nghĩ nhiều, nhất là sau khi Trung Hoa Quốc Gia của Tưởng Giới Thạch hoàn toàn rơi vào tay Cộng Sản Trung Hoa (CSTH). Do đó nếu tiếp tục sống ở nước ngoài, tổ chức tan rã, không được sự giúp đỡ ở bên ngoài, thì cũng chẳng lợi ích gì, chi bằng trở về nước, tạm sống trong khu vực chiếm đóng.

Dù sao quân đội Pháp cũng để cho yên ổn nếu không có hành động nào chống lại họ. Hơn nữa vào thời gian đó, Bảo Đại đã trở về nước hợp tác với Pháp qua Hiệp Định Vịnh Hạ Long thành lập một Chính Phủ Quốc Gia, nhưng trên thực tế thì quyền lực văn nằm trong Thực Dân Pháp. Mục đích không ngoài chiêu dụ nhưng người kháng chiến không sống nổi với Việt Minh Cộng Sản (VMCS) trở về vùng tạm chiếm, vì quân đội Pháp cảm thấy khó mà chiến thắng được trận chiến như họ nghĩ lúc ban đầu, nhất là sau trận đánh Cao Bắc Lạng cuối năm 1949 mà quân đội Pháp đã thất bại nặng nề. Cũng vào cuối năm đó, quân Trung Cộng đã làm chủ lục địa Trung Hoa, quân đội Tưởng Giới Thạch phải bỏ chạy ra Đài Loan.

Sống trong nước, dù sao vẫn còn đất đứng, nếu còn tiếp tục chiến đấu theo một hình thức khác thì tương lai còn có thể tốt đẹp hơn vì tình hình thế giới đang ở thời kỳ nửa nóng, nửa lạnh sau khi Thế chiến 2 chấm dứt.

Hai khối Tư Bản và Cộng Sản đang tìm mọi cách để tiêu diệt lẫn nhau mong làm chủ Thế Giới. Trong tình hình đó, chúng tôi cũng theo chân các đồng chí chiến hữu khác trở về nước, và sống trong cảnh người chiến bại, dù chỉ mới bại một keo. Cuộc sống, lúc ở Hà Nội, lúc ở Sàigon, lúc ở Huế đã phần nào làm cho tôi nguôi đi sự chán nản và tưởng nhớ gia đình.

Khi tôi mới về tới Hà Nội, tôi được người anh họ báo tin ngay cho Mẹ tôi ở trong khu kháng chiến hay tin và sau đó tôi được biết Mẹ tôi chuẩn bị về lại Hà Nội, vì tôi là đứa con út chưa lập gia đình, nhưng không may là trước ngày lên đường Mẹ tôi mang bệnh nặng và mất ở trong khu chiến, không còn được trông thấy đứa con yêu quý tưởng đã chết từ lâu !



Cảnh Hà Nội năm 1950

Khi ở Hà Nội, tôi sống ở nhà anh Hoàng sỹ Súy, và cũng là hiệu may Tự Lập, một căn nhà ba từng lầu anh thuê được trước kia và ở ngay sát cạnh rạp chiếu bóng Philarmonic ở phố bờ hồ Hoàn Kiếm. Anh Súy là một thành viên trong Quốc Gia Thanh Niên Đoàn (QGTNĐ), một tổ chức mà chúng tôi đã tham gia sau ngày VMCS cướp chính quyền. Anh không cùng đi với chúng tôi lên Đệ Tam Chiến Khu của VNQDĐ vì nặng gánh gia đình. Sau kháng chiến toàn quốc tháng 12/1946, anh

và gia đình sống ở khu kháng chiến, nhưng ít lâu sau anh đã trở về lại Hà Nội vì không thể sống với VMCS được.

Nơi ở và làm việc của anh đã thành nơi tụ tập những anh em còn ở lại, và sau này ở ngoài nước trở về như chúng tôi. Anh dạy cho anh em nghề may cắt nếu muốn, nhưng phần lớn không đạt được vì đầu óc cứ để ở đâu đâu không thiết tha mấy với nghề nghiệp. Muốn đi học lại, nhưng điều kiện lại không cho phép, thành ra việc học hành dở dang không đi tới đâu cả, ngoài cái bằng thành chung tốt nghiệp vào năm 1944 khi đang theo học trường Louis Pasteur tại phố Hàng Chuối, Raffenel Hà Nội.

Anh Súy là một người tôt, một đảng viên VNQDĐ có lý tưởng, có đạo đức, nên được toàn thể anh em kính mến, vì anh lớn tuổi hơn chúng tôi. Anh và gia đình ở lại Hà Nội sau Hiệp Định Genève 1954, đến năm 1960 thì anh bị CS bắt đưa đi tù cải tạo. Khi về vì bệnh tật nên đã mất năm 1978, trong khi chúng tôi đang ở trại cải tạo miền Bắc Việt Nam (VN).

Gia Nhập Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức tháng 10/1953 (kỳ 37)

Tháng 10/1953, trong khi tôi đang ở nhà anh Súy tại Hà Nội thì có giấy báo nhập ngũ theo khóa 4 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức ở gần Sài Gòn. Khóa đó theo tôi biết là đông nhất, số lượng khóa sinh trên một ngàn người tụ tập ở khắp ba miền đất nước. Sở dĩ đông như vậy là vì nhu cầu chiến trường đang hồi sôi động. Trận đánh Điện Biên Phủ sắp tới hồi khai diễn ác liệt, hơn nữa cũng nằm trong kế hoạch chuyển giao các đơn vị quân đội Việt Nam (VN), trước đó do sĩ quan Pháp chỉ huy sang cho các sĩ quan VN đảm trách và đồng thời thành lập các Tiểu Đoàn (TĐ) mới gọi là TĐ Khinh Binh được trang bị nhẹ, quân số ít hơn và có tính cơ động nhiều.

Ngày 20/11/1953, chúng tôi tới trình diện tại trại Ngọc Hà ở Hà Nội để làm các thủ tục cần thiết trước khi vào Sàigon. Ở trại hai ngày thì chúng tôi được máy bay Dakota chở vào sân bay Tân sơn Nhứt, Sài Gòn và sau đó được quân xa đưa lên quân trường Thủ Đức cách xa Sàigon chừng 20 cây số.



Sinh Viên Sĩ Quan Thủ Đức 1953

Ngày 23/11/1953 tôi chính thức mặc quân phục đề trở thành một khóa sinh Sĩ Quan Trừ Bị khóa 4. Tôi còn nhớ là lúc đó được cấp phát một túi đựng đủ thứ, từ đôi giày da cao cổ, dưới có gắn đinh, mỗi lần đi đứng kêu lộp cộp, hai bộ đồ trận có hai túi rộng hai bên hông, (thường được gán cho là để gà) dùng để tập về môn tác chiến,

hai bộ đồ "short" màu vàng, quần thì dài quá đấu gối, mặc vào chẳng giống ai, bàn chải giày, khăn mặt, đủ thứ cần dùng cho một người lính.

Đối với tôi thì chỉ nhìn qua đôi chút, vì trước kia tôi đã học qua về quân sự tại trường Quân Chính Xứ Nhu cũng như trường Lục quân Yên Báy của Mặt Trận QDĐ ở Đệ Tam Chiến Khu, nhưng khi đó thì trang bị ít hơn vì nghèo, không phải là một chính phủ, nên chỉ mặc quân phục của quân đội Nhật khi họ thất trận để lại trước khi trở về nước. Còn khi ở bên Trung Hoa, trong quân đội của tướng Lư Hán ở Vân Nam cũng được cấp phát quân trang (khi làm hớt tóc) nhưng ít hơn. Chúng tôi anh nào cũng mặc thử và chọc cười nhau rất vui.

Trước khi được phân phối về các Đại Đội theo ngành, chúng tôi phải trải qua một cuộc thi trắc nghiệm. Kết quả, tôi được đưa về Trung Đội 22, Đại Đội (ĐĐ) 6. ĐĐ này gồm hai Trung Đội súng nặng và hai Trung Đội khinh binh. Tại Trường lúc đó các Tiểu Đoàn Trưởng và Đại Đội Trưởng khóa sinh đều do các sĩ quan Pháp phụ trách, các cấp ĐĐ phó và Trung Đội Trưởng thì do sĩ quan VN. Giám Đốc Trường lúc đó là Đại Tá Phạm văn Cảm. Tất cả có 10 Đại Đội khóa sinh theo các ngành Bộ Binh, Pháo Binh, Công Binh, Truyền Tin, Quân Cụ, Thông vận Binh, Thăng Thưởng. Thời đó, Tất cả đều học tập theo chương trình huấn luyện của quân đội Pháp, nói và viết bằng tiếng Pháp.

Trung Đội Trưởng của tôi là Thiếu Úy Trần doãn Thường, ông tốt nghiệp khóa 3 Thủ Đức, trước khoá chúng tôi, vì ông là khóa sinh xuất sắc nên khi tốt nghiệp được nhà trường giữ lại làm huấn luyện viên. Theo quy chế của Trường thì ba tháng đầu, các khóa sinh được hưởng cấp bậc Hạ Sĩ, và trước khi lên cấp bậc Trung Sĩ, các khóa sinh lại được trắc nghiệm xem có đủ khả năng theo ngành của mình không, nếu không đủ thì đưa qua ngành bộ binh. Khi được hưởng cấp bậc Trung Sĩ thì các khóa sinh được đeo phù hiệu Alfa Màu Vàng chuẩn bị tốt nghiệp mang cấp bậc Thiếu Úy.

Thời kỳ này, chúng tôi được cấp phát một bộ đồ vàng bốn túi được may đo đạc đàng hoàng, một áo sơ mi trắng, một cà vạt đen, một mũ bere đen có sợi giây tua vàng đỏ ở sau gáy. Bộ đồ này dùng để ngày nghĩ đi dạo phố và các buổi lễ, trông cũng tạm coi được. Khi đi phố có xe đưa đón từ Trường về Sàigon và thường đậu ở phố Hai Bà Trưng, sau tòa nhà Văn Hóa Sàigon, sau này dùng làm trụ sở Quốc Hội của VNCH. Nếu ai không bị trực thì được xuất trại sáng thứ Bảy và trở về chiều Chủ Nhật. Xe xuất trại vừa đổ, chỉ trong thoáng chốc là đoàn Sinh Viên Sĩ Quan đã biến mất vào các đường phố, nhưng đến chiều Chủ Nhật thì tới chỗ hẹn có vẻ uể oải, bơ phờ. Có nhiều anh, có phương tiện riêng thì về thẳng Trường.

Rồi hết tuần này đến tuần khác, hết tập thao diễn, tác chiến lại ra sân bắn tác xạ, chẳng mấy chốc mà đã sáu tháng đã trôi qua và đến ngày thi ra trường. Riêng với tôi, đã từng sống qua về quân sự nên không mấy khó khăn trong thời gian học tập.

Chiến đấu trên đất Bắc năm 1954 (38)

Trước khi ra trường một tháng, các Đại Đội ngành khinh binh kể cả hai Trung Đội nặng của Đại Đội 6 lên tàu thủy ra miền Bắc thực tập. Phần lớn các Đại Đội khinh binh đi ra Vát Cháy thuộc tỉnh Quảng Yên (Bắc Việt) số còn lại ở Đồ Sơn thuộc

tỉnh Kiến An, Hải Phòng, nơi nghỉ mát của miền Bắc, có bãi biển đẹp như ở Nha Trang vậy. Tại đây, chúng tôi thường đi tập ở vùng núi Đá Vôi. Vào các ngày nghỉ, chúng tôi thường đi tắm biển, hoặc ra Hải Phòng dạo phố. Sau một tháng thực tập, chúng tôi được máy bay trở về Sàigon và chuẩn bị thi ra trường. Các môn thi đều nằm trong chương trình học tập theo từng ngành và thi gần một tuần lễ. Các khóa sinh thi đậu được mang cấp bậc Thiếu Úy, còn bị rớt i thì mang cấp bậc Chuẩn Úy, Thượng Sĩ hoặc Trung Sĩ.

Việc thi đậu cũng quan trọng, nếu bị ra Chuẩn Úy thì khó lên Thiếu Úy và không có thời gian ấn định, còn trái lại thì cứ hai năm là tự động lên cấp Trung Úy, nếu không vi phạm những kỷ luật nghiêm trọng.

Kể từ sau khóa 5 Thủ Đức trở đi, khi ra trường chỉ còn mang cấp bậc Chuẩn Úy mà thôi. Kết quả thi ra trường, tính theo số điểm, tôi đã được xếp vào loại trên một trăm (từ 1 đến 99) trên tổng số một ngàn khóa sinh tốt nghiệp. Để đánh dấu ngày ra trường (1/06/1954), đã có một cuộc diễn hành chung cho hai khóa tốt nghiệp, khóa 10 Sĩ Quan Đà Lạt và khóa 4 Sĩ Quan Thủ Đức tại đường Hàm Nghi (Charner Saigon), sau đó thì trở về Trường dùng tiệc liên hoan. Ngày kế tiếp thì nhà trường đọc quyết nghị bổ nhiệm các tân sĩ quan về ba quân khu.

Ở miền Bắc gọi là Đệ Tam Quân Khu, miền Trung Đệ Nhị Quân Khu và miền Nam là Đệ Tứ Quân Khu. Khi đó thì Đệ Tam Quân Khu là hắc búa hơn cả, vì trận chiến đang rất sôi động, hơn nữa trận đánh tại Điện Biên Phủ đang trong giai đoạn quyết liệt nhất.

Tôi và phần lớn các sĩ quan sinh trưởng ở miền Bắc đều được bổ nhiệm về miền Bắc. Lý do quen phong thổ và địa thế, đồng thời cũng gần gia đình. Nhưng riêng một số anh em chúng tôi, 15 người, mỗi Quân khu 5 người, được chọn để tiếp tục học thêm gần một tháng trời tại Trung Tâm Pháo Binh Phú Lợi ở Tỉnh Bình Dương.

Ở đây, chúng tôi chuyên học tập xử dụng súng cối 42 ly, loại súng có thể gắn trên xe. Ở đây không còn là khóa sinh nữa mà là sĩ quan nên được đối xử quân cách hơn, về ăn uống cũng như chổ ở đều có binh sĩ săn sóc giúp đỡ. Hết khóa học, tôi và bốn bạn khác trở ra miền Bắc.



Súng cối 81 ly

Đơn vị của tôi là Đại Đội Trọng Pháo 753, một đơn vị độc lập về quản trị hành chánh, đặt dưới quyền chỉ huy và điều động của Phân Khu (Sous Secteur) đóng ở xã Bần Yên Nhân thuộc tỉnh Hải Dương, giáp ranh với hai tỉnh Hưng Yên và Thái

Bình. Lúc đầu tôi trình diện tại hậu cứ Đại Đội ở tỉnh lỵ Kiến An. Ở đây có xe đưa tôi tới đơn vị. Lúc đó Đại Đội Trưởng là Thiếu Úy Huỳnh thanh Xuân tốt nghiệp khóa 9 Đalạt. Ông ta người Nam, tính tình dễ chịu. Tôi được cử giữ nhiệm vụ Trung Đội Trưởng súng cối 81 ly kiêm ĐĐ phó gồm có ba Trung Đội, 1 Trung Đội súng cối 81 ly (4 khẩu) 1 Trung Đội súng không dật 57 ly (4 khẩu) và 1 Trung Đội Đại Liên 30 (4 khẩu).

Sau đó tôi và ĐĐT sang trình diện Thiếu Tá người Pháp Chỉ huy Phân Khu. Đại Đội đóng quân ngay trong đồn của trại Phân Khu. Riêng buổi cơm chiều thì ăn tại Câu lạc Bộ cùng với các sĩ quan Pháp. ĐĐ Trọng Pháo 753, những ngày trước khi tôi có mặt, thường được tăng phái yểm trợ hành quân cho Tiểu Đoàn quân đội VN (Bataillon Vietnamienne) do toàn các sĩ quan VN chỉ huy.

Tình hình chiến sự tại vùng đồng bằng Bắc Việt đang ở trong thời kỳ rất nặng nề và căng thẳng. Nhiều Tiểu Đoàn khinh quân mới thành lập đã bị đánh tan. Cuộc hòa đàm tại Genève (Thụy Sỹ) đang bước vào giai đoạn chót có phần thiệt thòi cho Pháp và phía Quốc Gia, vì kết quả trận đánh ở Điện Biên Phủ đã nghiêng về phía VMCS. Tướng chỉ huy Pháp De Castries đã bị bắt làm tù binh và toàn căn cứ đã đầu hàng sau mấy tháng chiến đấu khốc liệt. Số tử thương và bị thương của cả hai bên đã tổn thất rất cao. Gần một tháng trời tôi ở đơn vị không có cuộc hành quân nào cả vì đơn vị đang trong thời kỳ củng cố và bổ sung quân số sau các thiệt hại vừa qua. Một số binh sĩ đã đào ngũ, tinh thần binh sĩ bị giao động và hoang mang. Nhưng rồi cái gì đến thì phải đến, sáng ngày 20/07/1954, tôi thấy binh sĩ của Phân khu thổi kèn inh ỏi và nhộn nhịp mừng lệnh ngừng chiến. Tôi cảm thấy hoang mang không hiểu tình hình sẽ đi về đâu. Dĩ nhiên, những sĩ quan người Pháp, nhất là nhưng người Bắc Phi thuộc địa của Pháp, họ vui thích vì không biết chiến đấu hy sinh cho ai nên họ vui mừng là cái chắc. Tôi thông cảm với họ, khi cùng vui nâng cốc rượu hòa bình đã đến, chết chóc không còn nữa. Sau đó thì chúng tôi được hiểu rõ là Hiệp Ước Genève đã được ký kết (20/07/1954), trong đó tạm thời chia đôi đất nước Việt Nam thành hai miền, lấy Vĩ tuyến 17, dùng sông Bến Hải thuộc tỉnh Quảng Bình làm ranh giới. VMCS ngự trị tại miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra, quân đội Pháp và phía Quốc Gia ở miền Nam. Trong hai năm sẽ có tổng tuyển cử giữa hai miền, quân đội Pháp rút về nước. Được tin đó những quân nhân sinh ở miền Bắc rất hoang mang và xúc động, sẽ không biết phải ứng xử ra sao, nên ở lại hay đi vì bao nhiêu vấn đề gây cấn như nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả, gia đình họ hàng… Do đó trong Đại Đội lại có thêm một số binh sĩ đào ngũ. Trong khi đó, những ngôi làng ở gần doanh trại, bọn VMCS cho các cô con gái ra đầu làng kêu gọi binh sĩ bỏ ngũ trở về với gia đình xóm làng.

Photo # 80-G-709239 Sign welcomes Vietnamese refugees on board USS Bayfield, Sept. 1954



Di chuyển vào Nam tìm tự do 9/1954

Nửa tháng sau thì Đại Đội của tôi được lệnh di chuyển về hậu cứ ở Kiến An để chuẩn bị đáp tàu thủy vào Nam. Số binh sĩ và gia đình quyết tâm vào Nam của ĐĐ chỉ còn lại chừng 50 người. Riêng tôi vì ở hoàn cảnh độc thân, gia đình lại ở ngoài vùng kháng chiến, ngoài ra còn mang nặng trên mình danh nghĩa VNQDĐ, một đảng Quốc Gia chân chính, đã từng chống lại VMCS suốt Đệ Tam Chiến Khu trước ngày kháng chiến toàn quốc xảy ra, nên dĩ nhiên tôi phải ra đi, gần như lưu vong vậy, nhưng là lưu vong trên đất nước mình.

Trước khi lên đường vào Nam, tôi có gặp họ hàng bên ngoại và có khuyên tôi nên ở lại, vì gia đình xa cách sắp trở về, nhưng tôi đã không đồng ý vì họ có hiểu hoàn cảnh của tôi đâu, hơn nữa người Mẹ thân yêu nhất của tôi đã qua đời, còn gì để vương vấn nữa. Anh em ruột thịt thì ai có phận nấy rồi, nếu tôi có ở lại thì chỉ thêm phiền hà cho gia đình thôi, nên ra đi là con đường đúng đắn nhất. Sau đó thì tất cả đã rõ CS là gì, khi miền Bắc hoàn toàn dưới quyền cai trị của chúng. Kết quả là Hiệp Định Genève 1954 đã khiến cho hàng triệu đồng bào miền Bắc phải rời bỏ tất cả để vào Nam sinh sống hầu để lánh nạn CS. Một ngày trước khi xuống tàu vào Nam, tôi và hai Hạ Sĩ Quan thân tín dùng xe chạy về Hà Nội thăm phố phường lần cuối cùng vì nghĩ rằng ngày trở lại còn xa lắm, đồng thời tạt vào hiệu chả cá Ông Lao Vọng ở phố Mã Mây thưởng thức một lần cuối cùng.

Ngày còn nhỏ đi học, Bố tôi thường đưa tôi tới đây, nên tôi rất thích món ăn này. Trên đường trở về Hải Phòng, thỉnh thoảng ở dọc đường số 5, xuất hiện một số phụ nữ ra cản đường kêu gọi ở lại miền Bắc. Trước trò trình diễn rẻ tiền đó, tôi ra lệnh cho tài xế tăng tốc độ tiến tới khiến chúng hoảng sợ bỏ chạy vào bên lề đường. Trên cùng tàu vào Nam, có tiểu Đoàn 4 Bộ Binh Việt Nam. Sau hai ngày di chuyển thì tàu đáp vào bãi biển Nha Trang, Đại Đội của chúng tôi cùng với Tiểu Đoàn 4 di chuyển bằng quân xa tới đóng quân tại quận Vạn Ninh phía bắc Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hòa. Tại đây ĐĐ tạm đóng quân trong một ngôi chùa Tàu khá rộng, nằm gần bờ biển. Những ngày tháng ở đây, đơn vị được tăng cường thêm quân số và huấn luyện. Chẳng mấy chốc, đơn vị khởi đầu một cái Tết xa miền Bắc trong cảnh buồn vui lẫn lộn.

Đêm 30 Tết, rạng ngày mồng Một, anh em chúng tôi, một số sĩ quan đã uống say mèm đến nỗi nằm lăn ra như chết.

Sư Đoàn 2 Bộ Binh VNCH từ năm 1955-1957 (39)



Huy Hiệu Sư Đoàn 2 Bộ Binh VNCH

Qua Tết Âm lịch, Đại Đội (ĐĐ) tôi được lệnh di chuyển về quận Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa và đặt dưới quyền chỉ huy của Trung Đoàn 155 Bộ Binh của Thiếu Tá Vương văn Chừ. Lúc này Sư Đoàn 2 BB mới được thành lập, dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Tôn Thất Đính. Đại Đội được cải danh là ĐĐ Trọng Pháo 155, sau lại đổi thành Trọng Pháo 5, trực thuộc Trung Đoàn 5.

Từ ngày đó tính cách biệt lập của ĐĐ không còn nữa, các phương tiện xe cộ cũng như quản trị hành chánh đều do Trung Đoàn đảm trách. Tại quận Ninh Hòa, đơn vị vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ huấn luyện cho đến ngày Sư Đoàn 2, trong đó có Trung Đoàn 5 được trao nhiệm vụ chuyển quân ra phía Bắc để tiếp thu tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định đang do các lực lượng Việt Minh Cộng Sản (VMCS) chiếm đóng, để chúng tập trung về tỉnh lỵ Quy Nhơn xuống tàu di chuyển ra miền Bắc trong khuôn khổ 300 ngày của Hiệp Định Genève 1954.

Lúc đó vào tháng 5/1955, Trung Đoàn 5 được đổ quân xuống bãi biển Sa Huỳnh thuộc quận Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi giáp ranh với tỉnh Bình Định. Sau đó Trung Đoàn 5 di chuyển bằng xe và đi bộ tới quận lỵ Bồng Sơn (nơi Bộ Chỉ Huy đóng bản doanh). Quân của Trung Đoàn 5 đi tới đâu thì VMCS rút lui tới đó cho đến điểm tập trung cuối cùng là tỉnh lỵ Quy Nhơn. Trên đường tiếp thu, cảnh tượng hai bên đường thật tiêu điều, đường sá, nhà cửa hư hỏng ẩn hiện dưới các hàng dừa cao vút. Dân chúng đứng hai bên đường dơ tay vẫy chào niềm nở. Trông họ ngơ ngác trước đoàn quân xa di chuyển trên đường, nhất là những xe thiết giáp khi ngừng lại, bọn trẻ xúm lại sờ mó có vẻ ngạc nhiên và thích thú, vì chúng được VMCS tuyên truyền là xe bọc bằng giấy. Qua chính sách ngu dân thật tai hại, còn tệ hơn cả dưới thời Pháp thuộc.

Đơn vị chúng tôi đóng tại một ngôi chùa Cao Đài bỏ trống trên đường đi vào xã An Lão, trong khi hai tiểu Đoàn 4 và 17 (sau đổi là 1 và 2) tiếp tục làm nhiệm vụ tiếp thu đến tận Quy Nhơn. Đóng quân tại Bồng Sơn vào khoảng 4, 5 tháng. Quận lỵ mỗi ngày mỗi đông hơn và việc làm ăn buôn bán cũng tiến triển nhiều hơn cùng hàng quán, cửa hiệu buôn bán tấp nập, trong không khí yên vui, dân chúng không

còn bỡ ngỡ lo âu như lúc ban đầu, ngày càng bộc lộ lòng tin yêu với quân đội Quốc Gia chứ không giống như tuyên truyền xuyên tạc nói xấu của VMCS trước đây.

Vào khoảng tháng 9/1955 thì Trung Đoàn 5 được lệnh di chuyển ra đóng quân tại quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ở đây không được bao lâu thì lại di chuyển về trại Phi Lao, xã Thanh Bình, ở ngoại ô thành phố Đà Nẵng. Ở trại Phi Lao, ĐĐ lại tiếp tục làm nhiệm vụ huấn luyện và tham dự vào các cuộc thao dượt của Trung Đoàn và Sư Đoàn.

Tới tháng 6/1956 thì tôi được thăng cấp Trung Úy, nghĩa là sau hai năm ra trường và ít tháng sau thì giữ chức vụ Đại Đội Trưởng ĐĐ Trọng Pháo 5 thay Trung Úy Xuân thuyên chuyên sang Trung Đoàn 4 đóng ở đảo Sơn Trà. Đến năm 1957 thì tôi thuyên chuyển sang Trung Đoàn 4 giữ chức vụ Trưởng Ban 3, Tiểu Đoàn 2. Công tác của Ban 3 là huấn luyện trong thời bình. Cũng trong thời gian này, Trung Đoàn có nhiệm vụ thiết lập các đồn ở biên giới Lào Việt, trên dãy núi Trường Sơn. Tiểu Đoàn 2 được trao phó làm đồn ở Bản Daprau và Pak Le Pak trên đỉnh núi Trường Sơn. Trên đường từ Bến Hiên qua Poste 6 lên A-Rõ, rồi di chuyển theo đường mòn mất hai ngày mới tới nơi.



Rừng Trường Sơn miền Trung Việt Nam

Tôi có nhiệm vụ hướng dẫn hai Đại Đội đi làm công tác này. Không cần phải nói, thì ai cũng hiểu là đoạn đường leo núi này là khó khăn mất nhiều sức lực. Ngoài ra còn phải mang theo lương thực dùng cho nửa tháng vì vấn đề tiếp tế rất khó khăn, phức tạp.

Dù muốn, dù không chúng tôi cũng tới đích, sau khi băng qua các đường rừng núi, cây cối rậm rạp, không một bóng người. Trên đường di chuyển, cái khổ nhất là bị con vắt cắn. Ngừng lại nghỉ, nếu không gạt sạch các lá khô sang một bên là những con vắt đói máu xúm lại ngay. Do đó trước khi đi, chúng tôi đã may nhưng chiếc vớ bằng vải đến trên đầu gối để dễ bề trông thấy mà gạt mấy con vắt đi. Tuy vậy, cũng không tránh khỏi bị chúng hút máu, khi biết thì chúng đã hút máu no lớn bằng hòn bi. Tới địa điểm ấn định, lại phải quan sát chọn lựa sao cho thích hợp với một đồn trại. Chọn được thì lại bị người dân trong Buôn (vì gần đó có một buôn Thượng) ra ngăn cản chống đối. Vì là quyết định của cấp trên nên chúng tôi bắt buộc phải làm và họ cũng đành phải chịu vì chúng tôi có súng ống trong tay… Gần đến ngày tái tiếp tế, chúng tôi được máy bay L-19 thả gạo xuống.

Tôi không hiểu tại sao ngày ấy lại không xử dụng phi cơ trực thăng H-34 để tiếp tế dễ dàng hơn. Nhưng vì thả ở trên cao xuống, lại đựng gạo quá đầy trong bao nên khi tới đất thì bị vỡ tung tóe, sau đó chúng tôi phải đề nghị thả nửa bao thì mới lấy được một chút dùng tạm ăn cháo, đợi đồn ở dưới A-Rõ tiếp tế lên.

Việc thiết lập các đồn biên giới đó xem ra chẳng công hiệu gì cả, chỉ tốn của và sức lao động của binh sĩ mà thôi. Chứng minh là khi VC ở miền Nam nổi dậy thì các đồn này chẳng đánh cũng phải rút bỏ. Công tác đang tiến hành thì đột nhiên tôi được lệnh trở về hậu cứ để nhận nhiệm vụ mới. Tôi cũng có đôi chút thắt mắc, nhưng được rời khỏi cái nơi khỉ ho cò gáy này cũng mừng thôi.

Phục vụ trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, Sư đoàn 1 Bộ Binh:

(1957-1958) (40)

Trở về tới Tiểu Đoàn thì tôi được biết có quyết định thuyên chuyển tôi ra Sư Đoàn 1 Bộ Binh ở Huế… Tôi lấy làm lạ vì không làm đơn xin thuyên chuyển gì cả, nên có hỏi lại Thiếu Tá Thụy Trung Đoàn Trưởng Tr. Đ 4 thì ông cũng chẳng biết gì hơn.



Huy Hiệu Sư Đoàn 1 Bộ Binh VNCH

Tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 BB trong đồn Mang Cá, Thành Nội Huế, tôi nhận lệnh về phục vụ tại Trung Đoàn 1 BB của Thiếu Tá Tư và tiếp tục giữ nhiệm vụ Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn 2. Trong thời gian phục vụ tại đây, tôi mới thấy sự kỳ thị Trung Bắc, nguyên do là ở đảng Cần Lao mà ra. Tôi làm việc đầy chán nản và bất mãn, sau cùng tôi xin được về làm ĐĐ phó Trọng Pháo 1 của Đại Úy Ngụy văn Thanh. Ông này người Bắc, chỗ quen biết nên cũng thoả mái đôi chút. Sở dĩ ông chưa bị hất đi vì ông có quen biết với một vài sĩ quan ở Bộ Tham Mưu Sư Đoàn.

Đến đầu năm 1958 thì Binh chủng Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) Việt Nam Cộng Hòa có văn thư tuyển mộ những sĩ quan từ cấp Trung Úy trở xuống về phục vụ, nên tôi làm đơn ngay. Để chắc ăn hơn, tôi viết thư riêng cho vị Chỉ huy Trưởng TQLC lúc đó là Thiếu Tá Hùng. Sở dĩ tôi muốn thoát khỏi Vùng 1 là vì cách thức làm việc của các cấp chỉ huy phần lớn là đảng viên đảng Cần Lao đã chèn ép nhưng sĩ quan không ở trong đảng và không nịnh bợ luồn cúi. Tôi nghĩ rằng thuyên chuyển về TQLC tôi hy vọng thoát nạn kỳ thị đó. Khi ở Sư Đoàn 1, tìm hiểu qua người bạn Trung Úy Tính, Chỉ huy Trưởng Hiến Binh Vùng I, người kế cận ông cố vấn Ngô Đình Cẩn, thì biết rằng sở dĩ tôi bị thuyên chuyền khỏi Sư Đoàn 2 là vì cái tội quá khứ của tôi là đảng viên VNQDĐ. Thực tế là tôi đã tạm ngừng hoạt động đảng khi

gia nhập Quân Đội, chỉ còn là tình chiến hữu và tình đồng chí Việt Quốc trước kia mà thôi.

Phục vụ Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến VNCH tháng 8/1958 (41)



Huy hiệu Sư Đoàn TQLC/ VNCH

Khoảng tháng 8/1958, tôi nhận được lệnh thuyên chuyển về Thủy Quân Lục Chiến (TQLC), Bộ Chỉ Huy đóng tại trại Cửu Long của Hải Quân ở Thị Nghè, Sài Gòn. Sở dĩ Bộ Chỉ Huy TQLC ở đó là vì những năm đầu thành lập thì TQLC thuộc quyền chỉ huy quản trị của Bộ Tư Lệnh (BTL) Hải Quân, mọi việc từ thăng cấp đến quản lý hành chánh đều thuộc vào Hải Quân. Về phù hiệu cấp bậc cũng vậy, Hải Quân mang lon màu vàng, thì TQLC màu trắng. Riêng quân phục tác chiến thì mang màu sắc xanh rằn đen, tựa như màu da cá sấu, trông bề ngoài cũng khá hấp dẫn đối với các sĩ quan mới ra trường. Điều tréo cẳng ngỗng, một đằng thì hoạt động ở dưới biển, một đằng thì ở trên bộ, có chăng chỉ khi nào có hành quân đổ bộ thì mới phối hợp với Hải Quân để dùng tàu chở quân và đổ quân.

Theo như TQLC và Hải Quân Hoa Kỳ thì họ phối hợp rất chặt chẽ, lúc hành quân cũng như huấn luyện, hai bên đều thông hiểu về tổ chức cũng như phương cách hoạt động của nhau. Còn với TQLC và Hải Quân VNCH đôi bên hầu như không hiểu chút nào về tổ chức và nhiệm vụ của nhau. Do đó ít lâu sau, thì Binh chủng TQLC trực thuộc hẳn Bộ Tổng Tham Mưu và trở thành lực lượng Tổng Trừ Bị cùng với Binh chủng Nhảy Dù, được điều động tới khắp bốn Vùng Chiến Thuật VNCH, và cũng từ một binh chủng còn non trẻ (trên phương diện thành lập) chứ còn đa số sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ đều từ chiến trường Bắc Việt có nhiều thành tích chiến đấu ngày càng trở nên thiện chiến lập nhiều thành tích không thua kém gì các đơn vị binh chủng Nhẩy Dù.

Việc tuyển mộ các sĩ quan, hạ sĩ quan mới ra trường đều nhắm vào các tiêu chuẩn, đậu cao, tinh thần tình nguyện xung phong, to cao, nếu độc thân càng tốt. Còn về hàng binh sĩ thì chỉ thâu nhận các thanh niên tình nguyện. Để huấn luyện, binh chủng có một Trung tâm riêng huấn luyện theo nhiệm vụ của ngành. Các sĩ quan đều được gửi đi tu nghiệp một khóa căn bản TQLC ở Trung tâm huấn luyện TQLC Hoa Kỳ trong thời gian 6 tháng. Ngoài ra còn có các khóa Trung cấp và cao cấp dành cho các sĩ quan có cấp bậc cao để được huấn luyện về tham mưu và hành quân đổ bộ.

Ngày trình diện Chỉ huy Trưởng để nhận nhiệm vụ mới, trước khi vào văn phòng, tôi được Đại



Huy Hiệu Tiểu Đòan 1 Sư Đoàn TQLC/VNCH

Úy Nguyễn Kim Hương Giang, Tham Mưu Trưởng (TMT) kiểm tra lại quân phục và đầu tóc. Vì là sĩ quan thâm niên, tôi không lấy gì làm bỡ ngỡ, sợ sệt. Khi trình diện, Thiếu Tá Lê Như Hùng Chỉ huy Trưởng bắt tay niềm nở, không tỏ vẻ gì quá nghiêm nghị. Thấy tôi hơi nhỏ con, nên ông ta có hỏi tôi là có đủ sức hoạt động trong TQLC không. Tôi không suy nghĩ trả lời ngay, các sĩ quan khác làm được thì tôi cũng làm được. Thấy vậy, ông ta tỏ ra bằng lòng và cho tôi ít ngày nghỉ phép trước khi nhận đơn vị mới. Kết quả là tôi được đưa về phục vụ tại Tiểu Đoàn 1 TĐ1/TQLC đóng quân tại trại Hoàng Diệu, Đập Đá Nha Trang. Tôi cảm thấy thoải mái được sống ở một nơi có bãi biển thật đẹp, không xa lạ gì với tôi khi còn đóng quân ở quận Ninh Hòa (Tr. Đ 5) khi mới ở miền Bắc chuyển vào sau hiệp định Genève tháng 7/1954. Về vị Chỉ huy Trưởng Lê Như Hùng, theo tìm hiểu, người miền Trung, tốt nghiệp khóa 2 Sĩ Quan Đập Đá ở Huế.

Ở cương vị Chỉ huy Trưởng, ông cũng là một đảng viên Cần Lao, nhưng chỉ có tính cách cá nhân mà thôi, vì ở miền Nam các sĩ quan đều không ưa thích tham gia các đảng chính trị, nhất là quy định của Quân Đội Quốc Gia từ ngày thành lập là không được tham gia hoạt động đảng phái trong Quân Đội. Do đó đảng Cần Lao không tổ chức được, mà chỉ có nắm được các cấp chỉ huy cao cấp trong đơn vị thôi. Hơn nữa vị Tổng tham Mưu Trưởng Quân Đội VNCH lại là người miền Nam, Đại Tướng Lê Văn Tỵ xuất thân từ Quân Đội Pháp nên vấn đề đó lại càng tối kỵ. Mặc dù anh em Tổng Thống thâu tóm quyền hành trong tay. Riêng chỉ có tại miền Trung, đặc biệt tại hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị, dưới quyền sinh sát của ông cố vấn Ngô đình Cẩn, đảng Cần Lao đã tổ chức được khá mạnh trong các đơn vị quân đội và hành chánh. Còn ở tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, vì có nhiều đảng kỳ cựu như VNQDĐ và ĐVQDĐ hoạt động nên phần nào hạn chế sự bành trướng của đảng Cần Lao. Nói tóm lại, chính quyền Đệ I VNCH của TT Ngô đình Diệm hay thực tế hơn là gia đình ông Ngô đình Diệm đã thâu tóm quyền lực để chống cộng sản, nhưng có khuynh hướng độc tài gia đình trị, và ông không hiểu rằng cũng chính vì chế độ chuyên chính, độc tài cộng sản mới có chính quyền Quốc Gia đối kháng lại, hơn một triệu đồng bào phải bỏ miền Bắc để chạy trốn CS di cư vào Nam.

Về phương thức thâu nhận đảng viên vào đảng Cần Lao cũng có những thứ bậc, y như giai cấp công nhân là tiền phong của cách mạng vô sản. Ông Ngô đình Diệm xuất thân từ một gia đình quan lại, từng phục vụ trong thời Thực Dân Pháp, gốc đạo Thiên Chúa, quê quán ở quận Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Do đó đảng viên cốt cán phải là người Công giáo thuộc tỉnh Quảng Bình, nếu là người ở quận Lệ Thủy thì lại càng tốt hơn, chứ không phải người công giáo ở Bùi Chu, Phát Diệm thuộc quyền của đức cha Lê hữu Từ. Theo tôi hiểu thì chính những người này đã hỗ trợ ông Diệm trở nên địa vị cao sang nhất, nếu không thì năm 1955 đã bị quân đội dưới quyền của Tướng Nguyễn Văn Hinh lật đổ rồi. Nhưng một thời gian sau, ở cương vị Tổng Thống, ông tự coi là người trên cả Hiến Pháp, để đi từ sai lầm này đến sai lầm khác, khiến đức cha Lê Hữu Từ nói không được cũng phải xa lánh và không ủng hộ nữa. Anh em ông Diệm, đặc biệt ông Ngô đình Thục, người có tham vọng trở nên một Hồng Y đầu tiên ở VN nên cố bành trướng đạo một cách bừa bãi, là ai vào đạo thì mới có chức vị trong chính quyền, trong quân đội, trong xã hội. Đi xa hơn nữa, tôn giáo đã đi sâu vào chính quyền, các tà áo đen Linh Mục ngày càng xuất hiện nhiều trong các cơ quan, cơ sở hành chánh và quân đội. Thế lực gần như bao trùm lên cả chính quyền mà Tổng Thống Ngô đình Diệm không thể ngăn cản và từ chối được. Từ chỗ đó, đã gây ra sự bất mãn các tôn giáo khác như Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo đang chiếm đại đa số trong đời sống tâm linh của xã hội Việt Nam từ bao đời nay, trước khi đạo Thiên Chúa nhập vào VN. Vì vậy có cuộc đảo chính tháng 11/1960, nhưng không thức tỉnh được TT Ngô đình Diệm và kết cục là ngày 01/11/1963, cuộc đảo chính thứ hai đã lật đổ chế độ, đưa đến những cái chết đáng tiếc cho gia đình ông Diệm, đáng lẽ không xẩy ra nếu anh em ông nhận định sáng suốt. Kết luận lại là một chế độ độc tài không bao giờ đứng vững được lâu dài, sớm muộn gì cũng phải ra đi vì không hợp với lòng dân.

Khi tôi về phục vụ tại TĐ1/TQLC thì Binh chủng TQLC mới chỉ có hai Tiểu Đoàn tác chiến. TĐ2/TQLC (sau này có biệt danh TĐ2 Trâu Điên) đóng ở Đồng Ba Thìn Cam Ranh do Đại Úy Lê Nguyên Khang, rồi là Đại Úy Nguyễn Thành Yên chỉ huy. Tiểu Đoàn 3 đang trong thời kỳ thành lập, chỉ huy bởi Đại Úy Nguyên Kiên Hùng. Lúc đó Đại Úy Nguyên văn Tài (người Nam) làm Tiểu đoàn Trưởng TĐ1/ TQLC, Trung Úy Trần văn Nhựt (khóa 10 Đalạt, sau lên Tướng) Tiểu Đoàn phó. Theo hồ sơ thì tôi đã làm ĐĐT từ khi còn ở Trung Đoàn 5/Sư Đoàn 2 nên tôi được trao chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 thay thế cho Trung Úy Nguyễn Đức Thuận giữ chức vụ khác. TĐ1/TQLC gồm có bốn đại đội tác chiến. Tại đây tôi cảm thấy thoải mái trong vấn đề chỉ huy, các quân nhân trong ĐĐ tôi đa số thuộc các đơn vị biệt kích (commando), huy chương đầy ngực, chứng tỏ có nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Được chỉ huy họ là điều hãnh diện, nhưng cũng phải tỏ ra xứng đáng trong vị trí chỉ huy thì mới có thể chỉ huy được, nhất là các binh sĩ thuộc sắc tộc người Nùng, người Mường sống ít kỷ luật, ngang tàn, nhưng khi chiến đấu thì rất dũng cảm. Vấn đề đảng Cần Lao không bao giờ được đề cập tới trong sinh hoạt đơn vị TQLC. Lúc bấy giờ Tiểu Đoàn đã có cố vấn Mỹ. Chỉ riêng Binh chủng TQLC và Nhẩy Dù, từ cấp Tiểu Đoàn đã có cố vấn, còn các đơn vị bộ binh thì cấp Trung Đoàn trở lên mới có.

Nói đến vai trò cố vấn thì cũng hơi quá, vì các sĩ quan cùng binh chủng, đôi khi cấp bậc cố vấn thấp hơn, kinh nghiệm chiến trường không có là bao, nên phần lớn cố vấn chỉ giúp đỡ về phương tiện tiếp vận, yểm trợ và tải thương. Họ đến chỉ có mục đích học hỏi thêm về chiến tranh Việt Nam và đồng thời kiểm soát về những phương tiện đã viện trợ cho Quân Đội VNCH.

Tiểu Đoàn 1/TQLC hành quân Quân Khu 4 tháng 2/1959 (42)

Gần đến tháng 2/1959 sắp sửa chuẩn bị ăn Tết Âm Lịch thì Tiểu Đoàn nhận được lệnh về Sài Gòn để xuống tỉnh Kiến Hòa (Bến Tre) thuộc Quân Khu 4. TĐ1/TQLC di chuyển bằng tàu lửa về Sài Gòn mất một ngày một đêm và tạm thời đóng quân tại trại Yết Kiêu, Thủ Đức. Tại BCH Liên Đoàn TQLC, TĐ1 được lệnh tăng phái cho Tiểu Khu Kiến Hòa, để làm nhiệm vụ hành quân giải tỏa các xã ấp thuộc quận Mỏ Cày đang bị các lực lượng Việt Cộng chiếm giữ. TĐ2/TQLC hành quân ở quận Giồng Chôm, cách một con sông. Tại đây cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) một tổ chức Cộng Sản trá hình, vừa nổi dậy do Luật Sư Nguyễn hữu Thọ làm Chủ Tịch. Tên này cũng như một số chóp bu trong MTGPMN đã từng sống dưới chế độ VNCH nhưng bất mãn với chính quyền nên đã bỏ trốn ra ngoài bưng biền làm tay sai cho bọn Cộng Sản từ ngoài Bắc xâm nhập vào miền Nam.



Mỏ cày tỉnh Kiến Hoà

Khi chúng tôi tới quận Mỏ Cày tỉnh Kiến Hòa (trước đây) thì tình hình tại Quận có vẻ nhốn nháo, dân chúng ở khắp mọi nơi chạy về ẩn náu rất đông. Họ có vẻ lấy làm lạ khi thấy một đơn vị với sắc phục đặc biệt, trang bị rất đầy đủ, lần đầu tiên xuất hiện tại tỉnh Kiến Hòa, nhưng họ tin tưởng tình hình an ninh sẽ sớm được vãn hồi để họ quay về xóm làng làm ăn sinh sống bình thường.

Khi đó có bốn xã bị Việt Cộng đánh chiếm là xã Phước Hiệp, Bình Thủy, Cầu Mống và Long Mỹ. Các xã này đều nằm ở phía đông Tỉnh lộ Mỏ Cày-Thạnh Phú. TĐ1/TQLC từ Mỏ Cày di chuyển bằng quân xa tơi xã Cầu Mống nằm ở phía nam Mỏ Cày trên tỉnh lộ cách xa khoảng 7, 8 cây số thì đóng quân đêm. Sáng sớm hôm sau thì cuộc hành quân giải tỏa và truy lùng địch bắt đầu. Tình hình địa thế trong vùng hành quân rất phức tạp, ngoài đồng thì nước ngập đến bụng, các rạch thì sâu, muốn băng qua phải đi qua trên các cầu chỉ có một thân cây bắt ngang và một thanh tre để cầm giữ cho thăng bằng (được gọi là cầu khỉ), trong làng thì vườn tượt, cây

cối rậm rạp, mương rãnh cắt ra từng ô vuông để dẫn nước từ ngoài sông suối vào các ruộng mía rộng lớn bao quanh các căn nhà lá dựng lên rời rạc.

Một địa thế rất phù hợp với chiến thuật du kích, lấy ít đánh nhiều, trợ lực bởi cạm bẩy đặt trong các hầm hố trên đường di chuyển, hoặc cắm tre vót nhọn ở lòng suối, kinh lạch, dưới các cầu khỉ. Chiến thuật của chúng là dùng du kích bắn sẻ dụ ta truy kích theo con đường mà chúng đã định. Vì vậy, nếu không bình tĩnh, khôn ngoan và sáng suốt thì sẽ lọt bẫy ngay. Có nhiều nơi thì chúng ẩn núp trong các hầm hố ở bên kia đầu cầu, đợi quân ta qua được nửa cầu thì chúng nổ súng. Do đó mỗi khi qua sông rạch thì chúng tôi cho nổ súng hàng loạt, dù có địch hay không để yểm trợ cho cuộc vượt sông. Còn an toàn hơn nữa để tránh chông, bẩy, chúng tôi cho các toán tiền phong lội qua dù có ngập nước đến cổ.

Hiểu được lối đánh của địch, nên Đại Đội đã tránh được nhiều thiệt hại. Tuy nhiên vào buổi chiều khi tiến vào phía nam xã Phước Hiệp, sau khi đã băng qua xã Long Mỹ thì gặp địch bố trí ở ven Ấp bắn ra. Chưa kịp ra lệnh điều động thì các Trung Đội đã tức thời băng qua một khu ruộng trống, với hỏa lực thật mạnh mẽ chiếm ngay được bờ ấp. Trước sức tiến quân của ta, địch vừa bắn vừa rút về phía bắc. Kết quả có ba tên địch tử trận, thu hai súng trường cá nhân. Địch ước khoảng một Trung Đội chừng hai mươi tên, ăn mặc đồ xanh hải quân. Tìm hiểu thì chúng vừa ở tỉnh Tây Ninh xuống tăng cường.



Địa thế hành quận Mỏ Cày tỉnh Kiến Hòa

Qua trận đánh đầu đời đó, thì chỉ gặp những tên du kích bắn quấy rối thôi. Đại Đội tôi được lệnh trú đóng lại ở xã Phước Hiệp. ĐĐ4 của Trung Úy Hiền đóng ở xã Bình Thủy phía đông bắc cùng với Bộ Chỉ Huy của Trung Úy Trần Văn Nhựt tiểu đoàn phó. Hai ĐĐ còn lại đóng quân hoạt động tại xã Long Mỹ ở phía nam. Vậy là các xã nối dậy, sau hai ngày hành quân, quân ta đã làm chủ và chỉ còn càn quét các thành phần du kích địa phương cô bám trụ, đồng thời yểm trợ, giúp đỡ và củng cô lại chính quyền xã, ấp, kêu gọi đồng bào trở lại làm ăn bình thường.

Qua ba tháng trời hoạt động tại quận Mỏ Cày, đặc biệt tại xã Phước Hiệp, *ĐĐ đã huấn luyện cho xã một đội thanh niên có khả năng bảo vệ được xóm làng, chống lại bọn du kích nằm vùng, xây đường, cầu cống đã bị Việt Cộng phá hủy gần hết.* Để trắc nghiệm tinh thần và lập trường chống Cộng của đội thanh niên này, thỉnh thoảng hàng đêm, tổ chức một vài binh sĩ giả làm VC trở về quấy phá, bị thanh niên đánh trống, đánh kẻng ầm ĩ la lớn đuổi khiến mấy binh sĩ TQLC chạy trối chết. Tôi không hiểu họ có biết sự việc lính TQLC giả VC hay không, nhưng tôi vẫn

nghi có VC nằm vùng trong đó. Cuộc chiến tranh giữa người anh em cùng giòng máu, màu da thật khó mà phân biệt. *Vũ khí cùng sự tàn ác không mang lại chiến thắng, mà chỉ có tranh thủ được lòng người mới thật là bền vững lâu dài.*

Trong thời gian này, TĐ1/TQLC có sự thay đổi, Đại Úy Lê Nguyên Khang sau khi đi tu nghiệp ở Hoa Kỳ trở về được trao nhiệm vụ Tiểu Đoàn Trưởng thay thế Đại Úy Nguyễn văn Tài đi làm tỉnh trưởng tỉnh Lâm Đồng. ĐĐ của tôi tham dự lễ bàn giao giữa hai người, nhưng Đại Úy Khang giữ chức vụ chưa được ít ngày thì lại được lệnh trở về hậu cứ giữ chức Liên Đoàn Trưởng TQLC thay thế cho Trung Tá Hùng đi làm Tỉnh Trưởng Kiến Hòa. Trung Úy Trần Văn Nhật, Tiểu Đoàn phó lên thay thế làm Tiểu Đoàn Trưởng TĐ1/TQLC. Thực tế thì trong ba tháng hành quân tại quận Mỏ Cày, công việc điều động hầu như Trung Úy Nhựt đảm trách gần hết. Bởi vậy tình chiến hữu, gần gũi ngoài trận địa, có khổ, có vui đều cùng hưởng nên hiểu biết nhau nhiều hơn, vì thế TĐ1/TQLC mỗi ngày một mạnh hơn lên. Cũng vì lý do trên, mà sau này khi Tướng Nhựt chỉ huy Sư Đoàn 2 BB đã không quên gọi tôi ra làm Sư Đoàn phó cho ông, vì chúng tôi cùng trưởng thành trong chiến đấu, thăng thưởng lên cấp do chính khả năng chiến đấu của mình ngoài mặt trận, không phe, không phái. Lên đến chức vị Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 2 BB, tôi vẫn luôn có mặt ngoài trận địa cho tới ngày tan hàng 30/4/1975.

Tình hình tại khu xã Phước Hiệp tương đối an ninh, một Trung Đội do Trung Úy Lê Ngọc Châu kiêm Đại Đội Phó tiếp tục ở lại hoạt động và được dân chúng gán cho cái tên ông Hai Phước Hiệp, còn lại ĐĐ di chuyển sang hoạt động ở xã Ba Vát Cái Mơn, phía tây của quận Mỏ Cày. Xã này giàu có về vườn trồng cây ăn trái, như thơm, vú sửa… Địa thế trong khu vực tương đối dễ dàng di chuyển, hoạt động của VC cũng vừa phải, đa số nằm vùng và hoạt động về đêm.

Lực lượng Nghĩa Quân chỉ hoạt động loanh quanh bảo vệ trụ sở xã, chứ không dám đi vào các ấp xa xôi hẻo lánh. Tình hình dân chúng trong cảnh sống ban ngày với Quốc Gia, ban đêm thì với Việt Cộng nên tỏ ra rất lừng khừng vì sợ cảnh một cổ hai tròng. Thực ra thì cũng đúng, họ không thể ứng xử khác được khi Quốc Gia không bảo đảm an ninh cho họ. Một phần nữa, chính những tên VC là người trong gia đình, họ hàng, hoặc chồng con tập kết ra Bắc trở về hoạt động. Do đó, chúng ít hoạt động ban ngày mà chỉ giành cho ban đêm. Khi đó ĐĐ thường trú đóng tại một ngôi chùa Cao Đài, cứ khoảng vào 10 giờ tối trở đi, sau khi mọi người đã lên dường ngủ, chúng tôi mới ra quân trong âm thầm lặng lẽ, đi từ ấp này qua ấp khác, đôi khi phục lại cả tiếng đồng hồ trong bóng tối để chờ VC di chuyển hoạt động ban đêm. Những đêm này qua đêm khác vẫn không mang lại kết quả khả quan nào, sau đó chúng tôi mới khám phá ra là người dân theo VC đã dùng đèn để báo động sự hiện diện của chúng tôi. Biết thế, để đánh gạt họ, ĐĐ đã may một số quần áo đen giả dạng VC hoặc để lại một bộ phận phục kích, nhưng rồi cũng không kết quả. Hoạt động được một tháng thì TĐ1/TQLC được lệnh rời quận Mỏ Cày đi xuống Thị Xã Cà Mâu.

Với ba tháng trời, về mặt chiến thắng quân sự, tuy không có gì là xuất sắc cả nhưng đã mang lại cho quận Mỏ Cày một tình hình an ninh tương đối, các xã ấp được củng cố lại, bóng dáng chủ lực VC tại địa phương không còn ló dạng nữa, nếu có

chỉ là những thành phần du kích nằm ẩn trong dân. Vấn đề này chỉ có lực lượng địa phương, Nghĩa Quân và dân chúng tự bảo vệ lấy ấp, xã của mình đối phó mà thôi. Quân đội chính quy chỉ làm nhiệm vụ tiêu diệt chủ lực địch, sau đó lại phải di chuyển đi nơi khác. VC biết rõ điều này nên luôn tránh né khi không thể đối đầu, và đợi khi nào không còn sự hiện diện của quân chủ lực ta, thì chúng lại xuất hiện, hỗ trợ cho lực lượng địa phương, du kích đánh phá.

Cái khó khăn của chính quyền miền Nam là phải giữ đất, giữ dân, mà lãnh thổ thì rộng bao la so với số lượng quân đội của ta thì không bảo vệ hết được. Về phần dân tình thì một phần có liên hệ với VC nên che dấu, nuôi dưỡng thì khó biết được. Làng, xã, nhất là ở miền Nam thì lại không tập trung, ở rải rác, không như ở miền Bắc, hoặc miền Trung nên lại càng khó kiểm soát.

Chính sách Ấp Chiến Lược được đề ra ở thời Đệ Nhất Cộng Hòa có mục tiêu đứng đắn là cô lập, tách rời nước với cá, nhưng lại quá tốn kém và mất lòng dân, khiến VC nắm lấy để phản tuyên truyền. Kết quả cũng không mang lại kết quả nhiều, trái lại chỉ tạo thêm cho tham nhũng làm ăn, gây bất mãn cho mọi người. Rồi với ngày tháng, chủ lực VC lại được tăng cường bởi quân Cộng Sản Bắc Việt xâm nhập, ngày thêm lớn mạnh và mở những cuộc tấn công quy mộ gây thiệt hại cho quân đội VNCH không ít. Đến khi quân đội Hoa Kỳ tham chiến thì cũng không giải quyết được, mà chỉ làm cho chiến trường càng thêm sôi động và chiến tranh lan rộng hơn.

Cái mấu chốt mà quân lực VNCH và Hoa Kỳ không giải quyết được tận gốc là không ngăn chặn được sự xâm nhập từ miền Bắc vào, cũng như từ Lào và Campuchia tràn qua, nên chiến trận cứ tiếp diễn dài dài, mà đưa quân ra miền Bắc thì lại không làm được vì sợ chiến tranh bùng nổ lớn như cuộc chiến tại Triều Tiên các năm 1952 mà Washington cũng như nhân dân Hoa Kỳ đều không muốn. Kết quả là đưa đến Hiệp Định Ba Lê tháng 1/1973 và tiếp theo là ngày 30/4/1975. Chính quyền miền Nam đã sụp đổ bởi cuộc tổng tấn công của CS Bắc Việt mà chính quyền Hoa Kỳ đã bỏ rơi người bạn đồng minh của mình đã bao năm cùng chung sức chiến đấu cho lý tưởng Tự Do !!!

TĐ1/TQLC Hành quân Rừng U Minh tỉnh Cà Mâu – San bằng "Thủ Đô Sài Gòn Mới" của Việt Cộng năm 1959 (43)



Địa hình tỉnh Cà Mâu

Tại tỉnh Cà Mâu, nơi tận cùng của dải đất Việt Nam phía đông và nam đều giáp biển. Tình hình tại tỉnh Cà Mâu cũng không khác gì tại tỉnh Kiến Hòa. Hai quận Thới Bình và Sông Ông Đốc cũng đang bị cô lập, các xã ấp đều rơi vào sự kiểm soát của VC. Sống ở Sài Gòn và các Đô Thị thì cứ tưởng rằng đất nước đang ở trong thời thái bình thịnh trị, chứ đi ra ngoài, đi vào hang cùng ngõ hẻm của thôn quê thì mới thấy rõ tình hình an ninh của miền Nam đang dần đi vào bóng tối của đe dọa, của chết chóc. Chiến lược của Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) là lấy nông thôn bao vây thành thị (nơi chỉ có ăn chơi mà không sản xuất). Trong quá khứ chiến tranh ở Trung Hoa giữa hai phe Quốc Cộng, cũng như ở VN trong thời kỳ chiến tranh chống Thực dân Pháp sau Đệ nhị Thế chiến, và giữa Quốc Gia-Cộng Sản năm 1946 tại miền Bắc, cộng sản áp dụng chiến lược này.

Vấn đề là chỗ đó, mà chính quyền biết hay cố tình không biết để tìm cách ngăn chận, tiêu diệt ngay từ ngày đầu, chờ đến CS mỗi ngày một lớn mạnh thêm thì đã quá muộn. Tại phía nam quận lỵ Sông Ông Đốc, nằm ngay kế cận con sông mang tên nó, ở ấp Sao Lưới, VC đã dám công khai tuyên bố là "Sài Gòn mới". Như thể chúng thách thức chính quyền địa phương. Tôi không hiểu với lực lượng của Tiểu Khu An Xuyên (tỉnh Cà Mâu được cải danh mới dưới thời TT Ngô đình Diệm) không làm gì nỗi thì đã đành, thế còn lực lượng của Sư Đoàn 21 BB thuộc Quân Đoàn 4 để làm gì mà phải xử dụng đến lực lượng Tổng Trừ Bị. Phải chăng cả vùng lãnh thổ của Quân Đoàn 4 đã ở trong tình trạng tương tự, nên không đủ quân để ngăn chặn hoạt động của địch sau khi cái gọi là MTGPMN công khai ra mặt, có nghĩa là tổ chức của VC đã phát triển trong bóng tối từ khi chính quyền miền Nam bác bỏ tổng tuyển cử giữa hai miền năm 1956. Tôi nghĩ rằng lúc đó nếu hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo ở miền nam, cũng như các đảng chính trị ở miền Trung được chính quyền kết hợp và giúp đỡ, trang bị thì các hoạt động của VC khó mà phát triển nhanh chóng được.

Chính những lực lượng này sẽ tiếp sức với Quân đội VNCH mới thanh toán hữu hiệu được. Nhưng Chính quyền của TT Ngô đình Diệm đã không làm như thế, mà trái lại còn tìm cách bắt bớ để củng cố chính quyền độc tài của mình, vô hình dung đã tự hủy diệt nguồn sinh lực chính của Quốc Gia. Ngẫm lại thấy mà buồn cho những người Quốc gia, có lý tưởng, có chính nghĩa, có tinh thần chống cộng cao mà chỉ thiếu những người lãnh đạo tài ba nên mới đi từ thất bại này đến thất bại khác.

Nghỉ dừng quân một ngày, TĐ1/TQLC dùng các thuyền ghe máy trưng dụng của dân, chở quân tới xã Biện Nhị thuộc quận Thới Bình, lúc đó vẫn còn nằm dưới sự kiểm soát của ta. Điều may mắn là khi di chuyển trên sông, hai bên là các rặng dừa lá mọc kín mít khó quan sát trên bờ, rất dễ bị phục kích, nhưng vì đoàn thuyền khá dài nên cũng khó cho địch tấn công nếu lực lượng ít, kết quả tới điểm xuất phát vô sự. Tại đây, TĐ1/TQLC chia làm hai cánh quân tiến vào rừng U Minh Hạ trước khi tới ấp Sào Lưới. Khu vực tiến quân trải dài rừng cây chàm, nước lội đến gần đầu gối. Chúng tôi phải xử dụng những bờ kinh rạch để di chuyển, nhưng dễ sa vào các hầm chông, bẩy hoặc mìn tự chế…

Với địa thế trống trải, rừng tràm đầy nước, VC không dại gì ra mặt chống đỡ nên ngày đầu chúng tôi đã tiến được nửa đường vào mục tiêu. Các ĐĐ bố trí đêm ngay trên các bờ mương. Việc nấu nướng rất khó khăn nên tất cả đều dùng cơm nắm cho qua bữa. Tình hình địch vẫn chưa có dấu hiệu gì khả nghi. Chúng tôi đã gần ra khỏi rừng U Minh Hạ. Ngày hôm sau TĐ1/TQLC chia ra làm nhiều mũi tiến thẳng vào mục tiêu. Địa thế quang đãng, các ruộng đều ngập nước không trồng lúa gì cả. Đến khoảng trưa thì mục tiêu hiện rõ Ấp Sào Lưới nằm dài theo hai bên bờ kinh. Nhà cửa san sát kéo dài chừng một cây số.

Vì không có cây trồng chung quanh Ấp nên từ xa quan sát trông khá rõ, quang cảnh thật vắng lặng, không có một bóng người, một làn khói bay trên nóc nhà. Tuy nhiên khi gần tới con kinh thì có vài loạt súng ở trong bắn ra. Các ĐĐ dàn hàng ngang tiến vào Ấp mà cái gọi là MTGPMN đặt thủ đô, chúng gọi "Sài Gòn mới". Vào tới ấp thì quả nhiên không còn một bóng người, dân chúng đã bỏ chạy từ ngày hôm trước, những tài sản hầu như còn để lại nguyên không mang đi kịp, nào lợn, gà, vịt đầy sân… Các ĐĐ chia làm nhiệm vụ hai bên kinh, tảo thanh dọc về phía nam cuối ấp. Kết quả là không một bóng địch, "Thủ Đô Sài Gòn mới" của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã bị chiếm. Báo cáo về Tiểu Khu, thì được lệnh cho tiêu hủy sào huyệt. Hai ngày đóng quân, binh sĩ được tự do sử dụng những chiến lợi phẩm đã để lại, nhưng chuyện đốt phá thì chúng tôi nhẹ tay, vì sao họ cũng là người dân lương thiện, chỉ có cái tội là liên hệ với VC vì sống trong vùng chúng kiểm soát. Họ không thể bỏ ruộng vườn, nhà cửa vì là nguồn sống hàng ngày của họ.



Địa thế hành quân Rừng U Minh ở Cà Mâu

Chiến tranh là vậy biết làm sao hơn! Những ngày kế tiếp là bung quân lục soát vào các bờ rừng tràm gần tới mõm Cà Mâu mới ngừng. Những ngày tại U Minh Hạ, chúng tôi tha hồ ăn cá, hết cá lớn đến cá bé, câu hoặc bắt trong các mương đào sát bờ kinh. Nói tóm lại cuộc hành quân có mệt nhọc, nhưng thoải mái về ăn uống đề bù lại. Trong những năm kế tiếp, TQLC đã có thêm vài lần hành quân vào rừng U Minh Thượng cũng như U Minh Hạ nhưng quang cảnh thật tiêu điều, những xã, ấp không còn hiện diện nữa. Chiến trận ngày càng ác liệt, bom đạn đổ xuống như mưa, nên dân chúng gần như bỏ làng về quận lỵ hoặc thành phố để trú ngụ, lánh thân. Sau cuộc hành quân xuyên qua U Minh Hạ vào cái gọi là "Thủ Đô Sài Gòn mới" của VC thì ít ngày sau, trên đài CS (Bắc Việt) đã lên án TĐ1/TQLC và Trung Úy Trần văn Nhựt Tiểu Đoàn Trưởng. Qua những tháng hành quân tại Cà Mâu, Vĩnh Bình (quận Cầu Ngang) lại được lệnh quay lại quận Mỏ Cày tỉnh Kiến Hòa.

Tất cả những gì đã làm được trong cuộc hành quân trước, nay không còn gì nữa, các ấp, xã chung quanh quận đều tiêu điều, các đoàn thanh niên gây dựng được nay cũng theo VC hoặc chạy về quận. Quận chỉ còn kiểm soát được các đường giao thông chính. Lực lượng bảo an Địa Phương Quân, Nghĩa Quân không đủ sức bảo vệ các xã, ấp, nên thỉnh thoảng tung ra những cuộc hành quân truy lùng ban ngày vào các nơi xa quận rồi đến chiều tối lại rút về bảo vệ quận lỵ. TĐ1/TQLC cũng không làm hơn được, nên cũng chỉ thực hiện những cuộc hành quân truy lùng một thời gian rồi rút đi nơi khác đối phó tình hình nặng hơn. Địch luôn tránh né trước lực lượng hùng hậu của TQLC, nên hành quân thì nhiều nhưng kết quả thu lượm rất hạn chế.

Chính vì nguyên do đó, đôi khi các cấp chỉ huy và binh sĩ đã trở nên chủ quan, khinh địch và đã có đôi lần bị thiệt hại khá nặng nề.

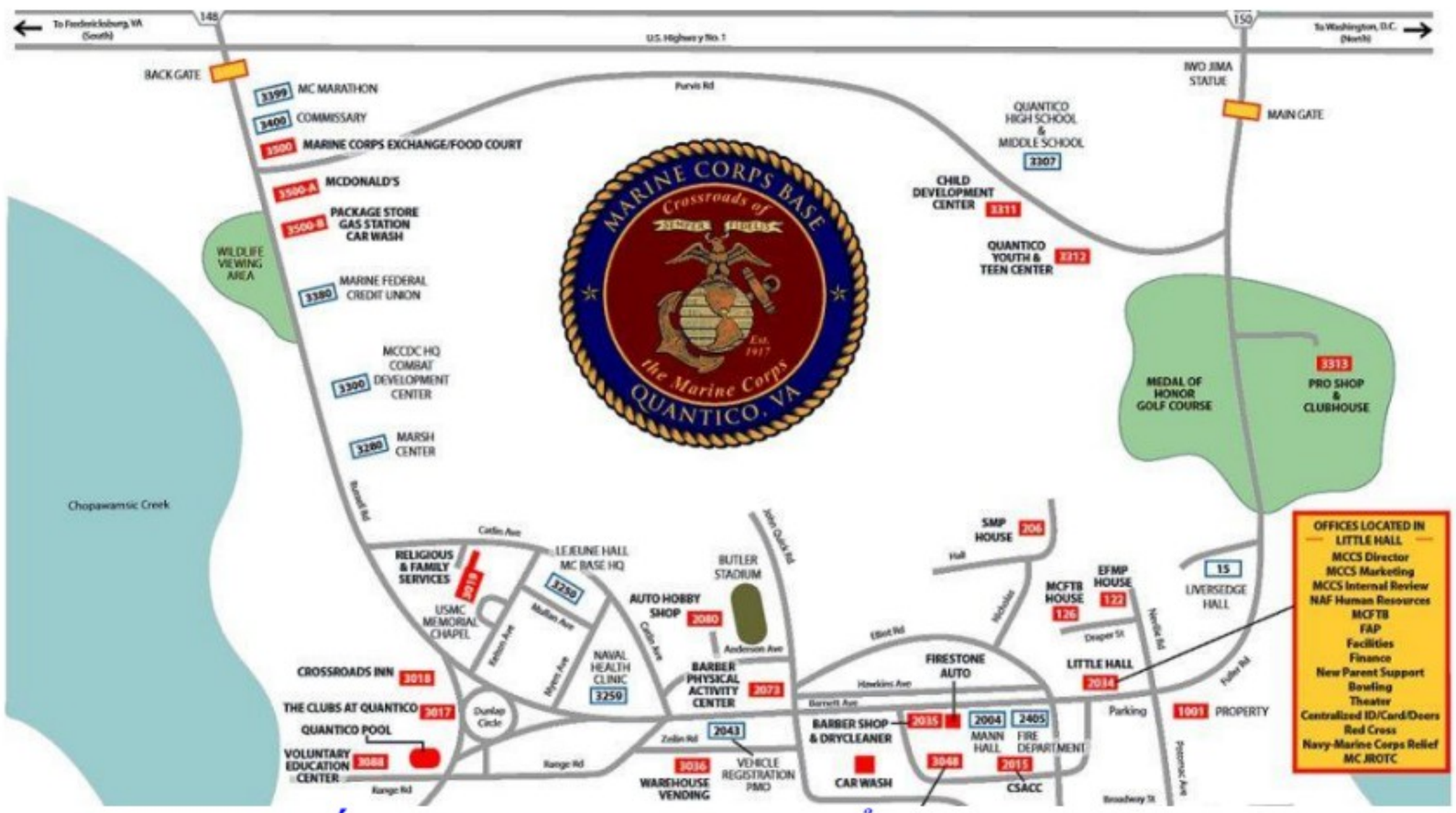
TĐ1/TQLC lại thay đổi cấp chỉ huy, Đại Úy Nguyễn Bá Liên vừa du học ở Hoa Kỳ về thay thế Đại Úy Nhựt đi tu nghiệp khóa Trung cấp tại Hoa Kỳ. Đại Úy Liên tốt nghiệp khóa 3 phụ Thủ Đức. Với Tiểu Đoàn Trưởng Liên, chúng tôi có những cuộc hành quân tại Cà Mâu lần thứ hai cũng đi vào rừng U Minh Thượng và Hạ, sau cùng Đại Đội tôi bố trí hoạt động tại kinh Khai Quang, BCH/TĐ1/TQLC đóng tại quận lỵ Sông Ông Đốc.

Được hơn một tháng thì Tiểu Đoàn di chuyển sang hoạt động tại tỉnh Long Xuyên vùng núi Thất Sơn. Ở đó trước khi chúng tôi tới, đã có đơn vị bị thiệt hại nặng. VC chiếm giữ núi Thất Sơn để phòng ngự chống trả lại các cuộc tấn công của ta. Do đó, trước nhiệm vụ đánh chiếm núi Thất Sơn, với tình hình được biết và có người địa phương hướng dẫn, chúng tôi tiến hành cuộc tiến quân vào lúc gần sáng. Theo hướng dẫn viên thì đơn vị trước đã bị chặn đánh trước khi tới gần chân núi. Do đó chúng tôi đã lợi dụng đêm tối để tránh bớt sự thiệt hại nếu có, kết quả toán tiền phong đã bám được chân núi vô sự. Nhờ đó, đến khi trời sáng thì TĐ1/TQLC đã tiến vào chân núi gần hết. Bước đầu nguy hiểm đã vượt qua và sang giai đoạn hai là tiến lên ngọn núi để lục soát các hang hốc ở lưng chừng núi.

Cuộc hành quân diễn tiến tốt đẹp không một phản ứng nào của địch. Các kho tàng ẩn dấu đều bị phá hủy. Được gần một tuần lễ thì TĐ1/TQLC xuống núi và tảo thanh ở thung lung phía sau. Sau khi chấm dứt, TĐ1 trở về tỉnh lỵ. Tôi thấy địa thế trong vùng Thất Sơn quả thật là hiểm nghèo, nếu không nghiên cứu chu đáo tình hình địa thế và kế hoạch tấn công thì rất dễ thất bại.

Du học Hoa Kỳ về căn bản sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến năm 1960 (44)

Đến cuối năm 1959, khi TĐ di chuyển về Mỹ Tho (tỉnh Định Tường) thì tôi được lệnh trở về hậu cứ để thiết lập hồ sơ đi tu nghiệp ở Hoa Kỳ theo học khóa Căn Bản TQLC tại Trung tâm huấn luyện Quantico (Virginia). Trước khi được tuyển chọn, chúng tôi phải trải qua một cuộc thi trắc nghiệm về Anh văn do cố vấn Hoa Kỳ phụ trách. Kết quả khóa học của tôi có tất cả 4 sĩ quan gồm: Trung úy Nguyễn thành Trí, Trung úy Nguyễn đức Ân, Thiếu úy Nguyễn kim Thinh và Tôi -Trung úy Hoàng Thông được chỉ định làm trưởng toán tu nghiệp.



Căn cứ huấn luyện Quantico tại tiểu bang Virginia Hoa Kỳ

Theo lịch trình thì chúng tôi phải lên đường vào trung tuần tháng 11/1960. Vào ngày 30/10/1960 tôi phải trở lại hậu cứ của TĐ1/TQLC đóng tại Nha Trang để bàn giao Đại Đội cho Trung úy Phan văn Thắng. Vào buổi chiều cùng ngày trước khi lên tàu hỏa, tôi đã được người bạn thân cho biết tin về cuộc đảo chính xẩy ra tại Sài Gòn. Về chuyện này tôi cũng được nghe qua một vài tin đồn trong giới bạn bè thân thiết, tuy không tin lắm. Nhưng sự thật đã xẩy ra vào đúng lúc tôi ra khỏi nhà ga Nha Trang vào sáng ngày 11/11/1960.

Tại hậu cứ TĐ1/TQLC, chúng tôi theo dõi tin tức, mới hay chủ lực của cuộc đảo chính là sư đoàn Nhẩy Dù do Đại Tá Nguyễn chánh Thi, Thiếu Tá Phan Trọng Chinh chỉ huy. Ngoài ra còn có Trung Tá Vương văn Đông, Trung Tá Hồng, và hai ông này đóng vai trò chủ chốt trong ban lãnh đạo đảo chính. Cuộc mặc cả điều đình giữa hai bên cứ nhì nhằng cho đến tận ngày hôm sau, kết quả ông Diệm đồng ý cải tổ chính phủ và để vợ chồng ông em là cố vấn Ngô Đình Nhu đi ra ngoại quốc. Do đó, lực lượng đảo chính đã không tấn công vào Dinh Độc Lập vì quá tin vào lời hứa của ông Diệm, chứ đâu biết là ông Diệm áp dụng kế hoãn binh. Trong khi đó thì các lực lượng thân chính quyền, đặc biệt của Tướng Huỳnh văn Cao, Tư lệnh Quân Đoàn 4 điều động Sư Đoàn 7 và sư Đoàn 9 tiến về Thủ Đô Sài Gòn áp đảo cuộc đảo chính. Tình hình coi như đã lật ngược thế cờ, đài phát thanh đã bắt đầu loan tin thất lợi cho cuộc đảo chính. Ngày kế tiếp, thấy tình hình không còn hy vọng gì nên một số lãnh đạo đảo chính đã lên phi cơ thoát sang Campuchia mang theo Trung Tướng Thái Quang Hoàng lúc đó là Tư lệnh Quân khu Thủ Đô, đã bị cầm giữ ngay từ phút đầu đảo chính để làm con tin khi rút khỏi Sài Gòn.

Cuộc đảo chính ngày 11/11/1960 đã thất bại vì nhiều nguyên nhân chẳng hạn như: không thống nhất hành động trong kế hoạch đảo chính, không dứt khoát trong lập trường, không được các Tướng lãnh trong Quân Đội VNCH ủng hộ, đặc biệt là không huy động được quần chúng xuống đường để hỗ trợ cho cuộc đảo chính đồng thời làm áp lực Tổng Thống Diệm phải thi hành đứng đắn những điều khoản đã chấp thuận. Về việc này các phe đối lập đã không làm được vì thiếu phối hợp giữa đảo chính và đảng chính trị. Rút cuộc là sau đó, các thành viên đảng chính trị và

các sĩ quan tham gia đảo chính bị chính quyền bắt bớ, tra tấn và cầm tù cho tới ngày đảo chính tháng 1/11/1963 mới được trả tự do.

Đó cũng là bài học cho cuộc đảo chính lần thứ hai và đã đi tới thành công. Riêng cá nhân tôi, khi trở về hậu cứ TĐ1/TQLC tại Nha Trang chỉ làm nhiệm vụ bàn giao trước khi đi tu nghiệp Hoa Kỳ thì cũng bị Quân trấn Nha Trang, do một Trung Tá thuộc đảng Cần Lao chỉ huy, đã bắt tôi về giam giữ tại Quân Trấn mấy ngày vì nghi tôi về hậu cứ TĐ1/TQLC tiếp tay làm đảo chính. Thật là mơ hồ và ấu trĩ, vì hậu cứ của TĐ1/TQLC chỉ vỏn vẹn có một số ít quân làm nhiệm vụ điều hành về hành chánh, tiếp vận mà thôi chứ toàn bộ TĐ1/TQLC đã di chuyển xuống cực Nam hành quân. Sau khi tôi bị cầm giữ, thì sĩ quan chỉ huy hậu cứ là Trung Úy Châu đánh điện vào Sài Gòn trình cho Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn.

Tại đây Thiếu Tá Lê Nguyên Khang điện cho Trung Tướng Tôn thất Đính Tư Lệnh Quân Đoàn 2, và tôi đã được trả tư do. Sở dĩ có sự thể xẩy ra như vậy vì trong cuộc đảo chính đã có sư tham dự của hai Đại Đội của TĐ3/TQLC do Đại úy Nguyễn Kiên Hùng Tiểu Đoàn Trưởng chỉ huy. Sau thất bại, Đại Úy Hùng đã chạy trốn sang Campuchia cho đến ngày đảo chính 1/11/1963 mới trở lại VN. Cũng trong TĐ3/TQLC có hai Đại Đội còn lại mà Đại Úy Hùng chưa kịp điều động từ Thủ Đức về đảo chánh Sài Gòn thì được Thiếu Tá Khang điều động tới bảo vệ Dinh Độc Lập trong đó có Tướng Khánh Tham mưu Trưởng Quân Đội VNCH. Do đó mà TĐ3/TQLC vừa có công lại vừa có tội. Sau cuộc đảo chính lần thứ nhất, tháng 11/1960, Thiếu Tá Khang thăng cấp Trung Tá và được sự tín nhiệm của Dinh Độc Lập, nhưng rồi TQLC lại tiếp tục tham gia vào cuộc đảo chính thứ hai 1/11/1963 do Thiếu Tá Nguyễn bá Liên chỉ huy chứ không phải Trung Tá Khang vì Ban lãnh đạo đảo chính lần thứ hai 1/11/1963 không tin tưởng vào lập trường của ông.

Giữa tháng 11/1960, chúng tôi lên máy bay dân sự bay qua phi trường Clarfield ở Phi luật Tân. Nghỉ một đêm tại căn cứ quân sự của Hoa Kỳ, ngày hôm sau tiếp tục bay tới đảo Guam, Wake rồi Honolulu (Hạ Uy Di). Máy bay tới ban đêm nên sân bay có vẻ vắng lặng, yên tĩnh của một xứ sở không có chiến tranh. Khí hậu mát mẻ, những người ra đón, ai cũng mang một vòng hoa sặc sở trên cổ cùng với cây đàn nhỏ (lili) trên tay. Quang cảnh thật êm đềm, thắm thiết làm tôi cảm thấy đau lòng cho cuộc sống của người dân Việt Nam trong chiến tranh triền miên. Quả thật có ra nước ngoài, nghe và nhìn mới thấy thương cho nước VN nghèo khổ, lạc hậu mà còn lại xẩy ra chiến tranh tàn phá, chết chóc thì không hiểu đến bao giờ mới ngóc đầu lên được cho kịp nước người. Ngừng nghỉ khoảng hai tiếng để lấy hành khách và tiếp tế nhiên liệu, máy bay lại tiếp tục lên đường đến sân bay quân sự Travis ở San Francisco.

Chúng tôi tới phi trường San Francisco vào lúc nửa đêm, sau đó được xe bus đưa về thành phố để trình giấy tờ. Tôi còn nhớ căn phòng trực của Hải quân nằm trên lầu ba của một tòa nhà cao tầng ở 12 Naval Street (?). Ở cửa ra vào tòa nhà, chúng tôi gặp một ông già người Trung Đông râu ria xồm xoàm, ngồi bất động, miệng phì phào thuốc lá. Hỏi ông ta thì chỉ được ra hiệu lối lên cầu thang. Dù sao chúng tôi đã có địa chỉ trước khi rời Sài Gòn nên không sợ lạc. Tại căn lầu ba, chúng tôi được gặp một Trung Úy Hải quân Hoa Kỳ, ông ta xem giấy tờ, ngồi đợi nửa giờ sau thì

có xe của căn cứ Hải Quân bên thành phố Oakland đến đón. Tại đây, chúng tôi được cấp hai phòng đủ tiện nghi như một khách sạn hạng sang. Tuy tới ban đêm, nhưng câu lạc bộ vẫn hoạt động để tiếp khách đến khuya.

Về sau tôi mới hiểu đời sống tại Hoa Kỳ không phải chỉ diễn ra 12 tiếng trong ngày như ở VN mà là 24 tiếng liên tục không ngừng nghỉ, ngoài đường phố cũng như trong các cơ sở làm việc và buôn bán. Có lẽ vì đó mà nước Mỹ trở thành giàu mạnh nhất thế giới chăng? Ở trong căn cứ một vài ngày để làm thủ tục di chuyển đến Tiểu Bang Virginia, vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Lợi dụng ngày nghỉ, chúng tôi lên xe bus sang dạo thành phố San Francisco. Muốn qua, xe phải di chuyển trên một cây cầu rất dài, có hai tầng cho xe chạy chừng hai cây số. Quang cảnh chiếc cầu, cửa biển và thành phố vĩ đại trước con mắt nhỏ bé của tôi lần đầu xuất ngoại tới một nước đã biết tiếng từ lâu. Tại thành phố, việc đầu tiên là chúng tôi tới thăm khu China Town của người Trung Hoa. Khu vực này cũng sầm uất, buôn bán như ở Chợ Lớn ở Sài Gòn, nhưng vật dụng đẹp và tốt hơn. Dĩ nhiên là đắt tiền theo túi tiền của chúng tôi được cấp phát, nên chỉ đi xem cho biết hơn là để mua sắm. Chúng tôi đến đây để thưởng thức món ăn VN (thực ra là món ăn Tàu), vì cả tuần không có hột cơm trong bụng nên quá thèm.

Cái bụng của người VN đã quen với cơm, rau muống lâu đời rồi, nên khó mà đáp ứng với thức ăn của Mỹ. Cái khó thứ hai nữa là không ngủ được vì ngày ở đây lại là đêm ở nhà, nên đôi mắt mỏi mệt mà không sao nhắm được dù chỉ 15 hoặc 20 phút. Tuy nhiên một thời gian sau thì cũng quen kể cả ăn uống, và chúng tôi ai cũng lên cân mau lẹ vì cuộc sống thoải mái, không lo lắng, không thiếu thốn như khi còn ở VN suốt ngày tháng sông ngoài chiên trường…

Chúng tôi mỗi người được cấp phát một vé tàu hỏa và lên tàu tại nhà ga Sacramento (Thủ phủ hành chánh của tiểu bang California), bốn anh em được cấp cho một căn phòng bốn người, có hai giường lầu hai người nằm trên, hai người nằm dưới. Phòng có bồn rửa mặt và cầu tiêu. Giờ ăn thì xuống toa tàu có bán thức ăn, nước uống. Nếu không muốn chi nhiều tiền vì mỗi phần ăn ít nhất cũng là 5 dollars (năm 1961). Lúc đang tu nghiệp Hoa Kỳ, hàng tháng chúng tôi được Chính phủ Mỹ cấp cho mỗi người 180 dollars để chi tiêu và ăn uống. Tiền phòng 6 dollars mỗi ngày không tính.

Với số tiền trên, thì đóng cho câu lạc bộ 80 dollars cho ăn uống hai bữa. Riêng bữa ăn chiều rất đầy đủ, khóa sinh phải mặc thường phục đeo cà vạt hẳn hoi như đi dự tiệc, đôi khi còn tắt đèn đốt nến cho có vẻ đặc biệt trang trọng. Buổi trưa đôi khi ăn ở ngoài trời khi thực tập. Ngoài số tiền trên, chúng tôi còn được tòa Đại Sứ VN (phòng tùy viên quân sự) gửi tới Trường một chi phiếu 30 dollars, trừ trong số tiền lương có ở nhà (được tính theo giá 35 đồng VN/1 Dollar) số còn lại được trả cho gia đình. Với số tiền trên đủ dùng nếu chịu khó tiết kiệm. Phần lớn thì du học khi trở về nước, ai cũng cố dành một số tiền để mang về cho gia đình, hoặc mua sắm những vật dụng làm quà cho gia đình.

Ngồi trên tàu, nhìn qua cửa kính, quang cảnh thật là hùng vĩ, từ Tiểu Bang này qua Tiểu Bang khác của miền Trung Tây Hoa Kỳ quả là rộng lớn và giàu tài nguyên được Thượng Đế ban cho. Ngoài ra nước Mỹ lại phần lớn là người từ mọi nơi trên

thế giới đến sinh sống, lập nghiệp, siêng năng và cần cù lại càng làm cho đất nước sớm trở nên giàu cò và hùng mạnh, cộng thêm với một chế độ tự do, tôn trọng quyền sống của con người lại càng làm cho mọi người ưa thích.

Hàng năm số người nhập cư mỗi ngày mỗi đông, trong đó có hàng bao giới trẻ đã trở thành những nhân tài giúp cho xã hội Hoa Kỳ càng vươn lên trên mọi mặt, khó có một nước nào có thể theo kịp.

Được ít ngày thì con tàu chuyển mình về hướng đông để tiến về Tiểu Bang Virginia, nơi mà Trường của chúng tôi sẽ đến tu nghiệp. Tính ra cũng đã mất đến 5 ngày mới tới ga xe lửa của Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Vì được báo trước, nên nhà Trường đã cho xe tới đón, có một sĩ quan cấp Úy đi theo. Nhà ga thật là rộng lớn, nêu không có người hướng dẫn thì khó mà tìm ra lối đi. Quang cảnh thật là tấp nập, kẻ tới người lui, nhưng không ầm ỹ, ồn ào vô trật tự như ở nhà ga nước mình. Do có sĩ quan đợi sẵn, nên chúng tôi khỏi phải tìm một (red cap) để mang hành lý vì quá nặng (chưa có kinh nghiệm cái gì cũng mang theo sợ không có để dùng). Từ nhà ga xe chạy khoảng một tiếng đồng hồ thì tới Trường.

Vì còn ngày nghỉ chưa khai giảng khóa học nên nhà Trường vắng vẻ, chỉ có các nhân viên quản trị làm việc. Tại đây chúng tôi được tiếp đón niềm nỡ vui vẻ vì Quân Đội Hoa Kỳ đã có những cố vấn và huấn luyện viên sang giúp đỡ quân đội VN đủ mọi ngành, mọi binh chủng. Chúng tôi được ban Giám Đốc huấn luyện phân bổ về cùng một Đại Đội nhưng khác Trung Đội. Mỗi người ở chung một phòng với một khóa sinh Hoa Kỳ để dễ bề giúp đỡ trong khi đang theo học vì khả năng Anh văn còn hạn chế chưa thông thạo lắm.

Ngoài chúng tôi là sĩ quan VN còn có các khóa sinh Đại Hàn, Nam Dương, Đài Loan và các nước ở Nam Mỹ. Đại Đội Trưởng là Đại Úy Cooper và Trung Đội Trưởng của tôi là Đại Úy Thompson, riêng Đại Úy Qualz Trung Đội Trưởng của Trung Úy Trí, sau này bị tử thương ở chiến trường VN khi Quân Đội Hoa Kỳ tham chiến. Về các khóa sinh Hoa Kỳ thì họ tới trường sau một thời gian học tập dự bị với cấp bậc Chuẩn Úy, khi tốt nghiệp họ được mang cấp bậc Thiếu Úy.

Vào khoảng tháng 12/1960 chúng tôi bắt đầu vào khóa học. Anh chàng cùng phòng (roommate) của tôi rất trẻ khoảng 20 tuổi, tính tình cởi mở dễ mến. Chúng tôi mỗi người lãnh một khẩu súng Garant M1, khi không cần tới thì cất tại phòng ngủ, khóa dưới thành dường.

Huy hiệu của căn cứ huấn luyện TQLC Hoa Kỳ Quantico, Virginia

Chương trình học gồm có lý thuyết và thực hành. Đối với tôi như học lại một khóa sĩ quan, mặc dầu đã mang cấp bậc Trung Úy. Về lý thuyết cũng không có gì mới lạ (có khó khăn khi nghe giảng dạy) còn về phần thực hành thì vì nhỏ bé yếu sức hơn nên phải cố gắng lắm mới theo nổi, nhất là mấy tháng đầu, thuộc về mùa đông, đôi khi phải di chuyển hàng cây số trên tuyết phủ đến cổ chân để tới sân bắn hoặc luyện tập trong rừng thông. Mỗi khi di chuyển là chúng tôi phải chạy mới theo kịp Trung Đội, vai mang theo khẩu súng trường khá nặng, tay mang ghế xếp dùng để ngồi nghe giảng bài trước khi thực tập.

Thấy chúng tôi phải chạy như vậy, nên về sau huấn luyện viên xếp chúng tôi đi hàng đầu. Tuy có đỡ hơn những cũng phải đi nhanh, không thì hàng dưới thúc giục vì sợ chậm giờ ấn định. Tới nơi chúng tôi chỉ có ngồi thở một hồi mới trở lại sức. Nhiều khi các bữa trưa ăn không nổi vì quá mệt, nếu có thì cũng không dám ăn nhiều vì sợ khi di chuyển tức bụng đi không nổi.

Được hai tháng thì mọi chuyện vượt qua được, việc ăn ngủ trở lại bình thường, sức khỏe tăng tiến và lên cân. Học được nửa tháng thì chúng tôi được nghỉ 15 ngày nhân dịp lễ Noel và Tết Tây. Song song với khóa học của chúng tôi, thì tại xã Quantico cách xa trường khoảng 6 cây số có trường Trung cấp AWS (Amphibious Warfare School) học về tham mưu và thiết kế hành quân đổ bộ. Tại đây có Đại Úy Trần Văn Nhựt đang theo học. Ông ta sang Hoa Kỳ trước chúng tôi mấy tháng.

Lợi dụng 15 ngày nghỉ, chúng tôi cùng Đại Úy Nhựt lên thăm thành phố Nữu Ước. Để tới đó, chúng tôi đi bằng tàu hỏa và trú ngụ tại cơ sở của Hải Quân Hoa Kỳ rẻ tiền hơn. Mỗi lần lên phố, chúng tôi xử dụng tàu điện hoặc xe điện ngầm (Subway) vừa rẻ lại ấm cúng, vì khi đó khí hậu, thời tiết tại Nữu Ước rất lạnh thường dưới không độ. Đi bộ trên đường phố, khi quá lạnh chịu không nổi, chúng tôi phải ghé vào các tiệm buôn để được sưởi ấm. Khi hết lạnh, chúng tôi tiếp tục đi dạo phố, đặc biệt là tại Đại lộ số 5. Có ngày vì mãi mê dạo phố đến tận khuya mới trở về nơi trú ngụ.

Chúng tôi có tới thăm tòa nhà Liên Hiệp Quốc, tượng Nữ Thần Tự Do, nhà chọc trời Empire State Building. Tại lầu thượng, chúng tôi có thể nhìn xa hàng chục cây số. Ở những nơi đó, chúng tôi đều có ký tên để lưu niệm. Ngoài ra cũng đến thăm một vài nơi thắng cảnh và trường đại học Colombia, ở đó tôi có cô cháu gái đang theo học. Chúng tôi được cô cháu và bạn học đưa đi ăn tại một cửa hàng ăn Việt Nam.

Nói tóm lại những ngày vui thật chóng qua. Nếu muốn được xem hết thì phải mất hàng tháng mới đủ. Thành phố Nữu Ước là thành phố lớn nhất Hoa Kỳ, nơi tập trung về buôn bán của những nhà Đại Tư Bản, trong khi đó thì Washington DC là một Thủ Đô hành chánh, nhà cửa, cơ sở xây dựng thoảng thoát hơn và ít ồn ào, lộn xộn như ở Nữu Ước. Gần hết ngày thì chúng tôi trở lại trường, hơn nữa cũng không còn đủ tiền tiêu xài. Khóa học kéo dài khoảng hơn 6 tháng. Thời gian coi như ngắn, những đối với chúng tôi thì sao thấy nó quá dài. Trái với lúc ra đi thì háo hức, nay lại mong cho khóa học sớm chấm dứt. Thế mới biết tình quê hương nó sâu đậm đến dường nào, dù là đất nước nghèo nàn, chậm tiến. Nói trắng ra là đời sống ở quân trường, có lẻ cả ở ngoài xã hội, nó có vẻ lạc lõng làm sao đấy.

Theo chương trình học thì thứ Bảy và Chủ Nhật nghỉ. Các khóa sinh địa phương, phần lớn trở về nhà và sáng sớm ngày thứ hai mới trở lại. Do đó ngày thường, anh chàng roommate có bổn phận làm vệ sinh phòng (lau chùi mọi thứ cho thật sáng bóng) kể cả sàn nhà, còn ngày nghỉ thì tôi phụ trách. Nói vậy, chứ chúng tôi đâu có chịu ở lại Trường vì quá buồn; thường thường là sáng thứ Bảy, chúng tôi nhờ xe ra Quantico rồi đáp xe lửa về Washington đi shoping hoặc xem ciné và ăn cơm tại hiệu Đại Hàn ở gần tòa nhà Bạch Ốc cho đở thèm. Nhà ăn Đại Hàn đa số khách tới là người VN, có nhiều học sinh dân sự theo học ở đó, nên họ nấu các thức ăn theo sở thích của người mình. Khi đó mỗi bữa ăn bình thường tốn khoảng 5, 6 dollars. Món ăn gồm có thịt kho, cá rán, rau cải xào thịt bò, canh đậu phụ cà chua… Về chỗ ngủ thì ở khách sạn YMCA (thuộc Công giáo) rẻ tiền. Do đó cũng làm chúng tôi khuây khỏa trong những ngày sống trên đất Hoa Kỳ.

Trong thời gian học tập, chúng tôi thuộc sĩ quan đồng minh, được trường tổ chức cho đi thăm viếng những cơ sở của chính phủ hoặc tư nhân, như nhà máy luyện thép tại Baltimore (tiểu bang Maryland), địa điểm trận địa trong nội chiến Nam Bắc (Gettursburg), trường sĩ quan Hải Quân Hoa Kỳ Annapolis (Maryland), Nghĩa địa Quốc Gia Arlington và các đài kỷ niệm như Tổng Thống Lincoln nằm bên bờ sông Potomac, đài Kỷ Niệm Tử Sĩ, khu nhà ở của Tổng Thống Washington, Bộ Quốc Phòng… Mục đích là không ngoài giới thiệu những hình ảnh kỷ niệm của đất nước Hoa Kỳ, mà còn reo rắc vào trong đầu các sĩ quan đồng minh nhược tiểu về sự to lớn của nước Mỹ. Đó là một phương cách chiến tranh tâm lý không cần tuyên truyền mà đạt được mục đích là yêu thích nước Mỹ, đời sống Mỹ, sự hùng mạnh của nước Mỹ mà không một nước nào trên Thế Giới hơn được.

Chính các người du học sang Mỹ sẽ vô tình trở thành những cán bộ tuyên truyền đắc lực nhất khi trở về nước. Một điều nữa là chúng tôi được yêu cầu đóng chung trong một cuốn phim do nhà trường tổ chức, mà những năm về sau, suy nghĩ tôi mới thấy chính sách của chính phủ Hoa Kỳ thiết kế dự trù hàng chục năm về trước khi mang ra thực hành. Chúng tôi được đưa tới một địa điểm gần nhà trường, một bờ rừng cách bờ biển không xa để thực tập đổ bộ, mà họ cho biết là bãi biển gần giống như bãi biển Đà Nẵng VN. Quả nhiên vào đầu năm 1965, TQLC Hoa Kỳ đã đổ bộ thực sự lên bãi biển Nam Ô nằm giữa Đà Nẵng và đèo Hải Vân, mở đầu sự tham gia trực tiếp vào chiến tranh VN, và cũng từ đó, chiến tranh giữa hai miền càng thêm rộng lớn và ác liệt, đồng thời sự thiệt hại về nhân mạng và tài sản cũng to lớn hơn, kéo dài cho tới hết năm 1972, khi Hiệp Định Ba Lê được ký kết để Quân Đội Mỹ rút ra khỏi Nam VN theo chủ trương chiến lược của Hoa Kỳ đã sắp xếp.

Tháng 7/1961 khóa học chấm dứt, chúng tôi được cấp vé máy bay đi từ phi trường Baltimore tới San Francisco; cũng như lần trước lại được nghỉ vài ngày ở trại Hải quân Oakland để được cấp vé và đợi ngày lên máy bay trở về cố hương. Được thư thả, chúng tôi lại hàng ngày sang thành phố San Francisco dạo chơi và sắm đồ. San Francisco (thuở còn là học sinh, chúng tôi thường đọc chệch ra là “100 quan 6 cô”) là một thành phố rất lớn, không kém gì Nữu Ước, nằm ngay trên bờ Vịnh, trên các cao địa, nên đường phố lúc lên lúc xuống, đậu xe không thắng cẩn thận xé bị tuột dốc ngay. Khí hậu vào mùa hè rất mát, buổi tối đi phố phải mặc thêm áo ấm vì khá

lạnh. Thành phố quá rộng nên cũng không thể dạo hết được trong một vài ngày. Chủ đích vẫn là tới China Town ngắm hàng và ăn cơm Tàu.

Lượt về vẫn theo đường cũ, nghĩa là từ sân bay Travis, qua Honolulu, Guam, Wake rồi tới sân bay Clarfield (Phi luật Tân) và cuối cùng là sân bay Tân Sơn Nhứt Sài Gòn.

Về đến Sài Gòn chúng tôi được nghỉ ít ngày phép thăm gia đình, sau đó trình diện Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn TQLC nhận nhiệm vụ mới. Trung Tá Lê Nguyên Khang cho tôi tiếp tục trở về TĐ1/TQLC.

Du học Hoa Kỳ trở về phục vụ TĐ1/TQLC hành quân 4 vùng chiến thuật - Thủ Đô chính biến (45)

Lúc này (khi du học Mỹ trở về) đơn vị không còn ở trại Hoàng Diệu Nha Trang nữa mà đổi về ở trại Yết Kiêu, Thủ Đức sát cạnh lao xá Thủ Đức. Đại Úy Trần Văn Nhựt vẫn giữ chức Tiểu Đoàn Trưởng (ở Hoa Kỳ ông trở về trước) thay thế Đại Úy Nguyễn Bá Liên giữ chức vụ Tham Mưu Trưởng Liên Đoàn TQLC. Về lại TĐ1/TQLC đang trong thời kỳ dưỡng quân, tôi được giao trông coi ĐĐ1 vì ĐĐ2 Trung Úy Thắng đang nằm, ĐĐ3 Trung Úy Châu, ĐĐ4 Trung Úy Phương, ĐĐ Chỉ Huy Trung Úy Vinh. Kể từ đó đến tháng 11/1963, TĐ1/TQLC đã liên tục tham gia hết cuộc hành quân này đến cuộc hành quân khác, lúc thì ở Cao nguyên Ban Mê Thuột, lúc thì Quảng Ngãi (Ba Tơ, thung lung Công Hòa), khi ở Mỹ Tho (Ấp Bắc), Cà Mâu, Long Xuyên, vào Chiến khu C, chiến khu Đ, Hố Bò (Tam Giác Sắt) Tây Ninh, có nơi đã hành quân hai ba lần. Kết quả thâu lượm tương đối khả quan, tuy nhiên chưa có lần nào đánh lớn cấp Trung Đoàn.

Qua các cuộc hành quân khắp bốn Vùng Chiến Thuật tôi thấy tình hình địch mỗi ngày càng lớn mạnh hơn. VC đã thành lập được những đơn vị cấp Trung Đoàn độc lập và một vài Sư Đoàn trang bị khá mạnh nhờ có tiếp tế từ ngoài Bắc vào cũng như từ Campuchia qua nhờ vào Hải cảng Sihanoukville. Về dân tình ở các vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh ủng hộ VC nhiều hơn vì chính sách tuyên truyền lừa bịp cũng như dùng bạo lực để kiểm soát. Hơn nữa, họ cũng nhận thấy Quân Đội Quốc Gia nhất là Địa phương Quân và Nghĩa Quân không bảo vệ được họ, có chăng thì lâu lâu lại hành quân qua rồi rút về. Trong khi đó thì VC ngày đêm ở sát ngay bên họ.



Ấp Chiến Lược Việt Nam Cộng Hòa

Kế hoạch bình định của Chính phủ VNCH coi gần như thất bại. Các Ấp Chiến Lược tổn phí quá nhiều tiền trên lý thuyết thì có vẻ hấp dẫn, những trên thực tế ngoài chiến trường thì vẫn không ngăn chặn được các hoạt động lấn đất, dành dân của VC.

Quân lực VNCH ngày đêm hành quân không ngừng nghỉ mà vẫn không đủ quân để lấp hết được với một lãnh thổ quá rộng, lại thêm địa thế rừng núi suốt từ vĩ tuyến 17 xuống tới tận Quân Khu 3, một hành lang lý tưởng cho sự xâm nhập của CSVN từ Bắc vào Nam, cũng như nơi trú ẩn khi cần dưỡng quân hoặc tránh né những cuộc hành quân quy mô của quân đội ta. Với một tình hình như vậy, chính quyền Tổng Thống Ngô đình Diệm không tìm mọi cách để tranh thủ, nhất là về phương diện nhân tâm, mà còn gây ra nhiều chuyện bất mãn trong dân chúng, với các tôn giáo khác, đảng chính trị đối lập. Ra sức củng cố chính sách độc tài, gia đình trị nên càng lấn sâu vào con đường sụp đổ.

Do đó năm 1962 đã có vụ ném bom dinh Độc Lập, may mà ông Diệm và gia đình ông em Ngô đình Nhu thoát chết. Việc đánh phá này là do hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn văn Cử hành động. Sau đó Đại úy Cử bay thoát qua Campuchia, còn Đại úy Quốc thì máy bay bị phòng không của Hải Quân ở bến Bạch Đằng bắn hạ, nhưng ông ta đã nhẩy dù xuống sông Sài Gòn và được cứu vớt. Dĩ nhiên là sau đó ông ta sẽ bị cơ quan an ninh, mật vụ của chính quyền đối xử như thế nào rồi.

Công cuộc đảo chính bằng Không Quân này không phải là đơn thuần của hai phi công Quốc và Cử, mà đằng sau đã có sự xếp đặt của một lực lượng nào đó, vì sau cuộc đảo chính hụt tháng 11/1960 thì chính quyên TT Ngô Đình Diệm ra sức kiêm soát về mặt an ninh nội bộ. Bên Hành Chánh cũng như bên Quân Đội các Tướng lãnh, Sĩ quan cao cấp bị xếp vào loại nghi ngờ đều bị gạt ra ngoài chức vụ quan trọng, đặc biệt là tại Sài Gòn và Quân Khu 3. Do từ ngày Tướng Thái Quang Hoàng bị thất sủng vì để phe đảo chính của Nguyễn Chánh Thi bắt giữ vào tháng 11/1960, sau được Chính phủ Campuchia trả về thì được Tướng Tôn thất Đính, một cấp tướng được gia đình họ Ngô tin tưởng nhất, từ Quân khu 2 trở về nắm giữ chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 kiêm Tư Lệnh Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định hầu ngăn chặn cuộc đảo chính khác. Nhưng cũng vì sự quá tin tưởng đó mà nhà Ngô đã bị sụp đổ, vì Tướng Đính đã trở mặt, tham gia cuộc đảo chính 1/11/1963 đi tới thành công.

Con người, ai cũng có một con tim và một lý trí nên một phút nào đó sẽ nhận ra lẽ phải, hơn nữa lại có áp lực lòng dân diễn ra hàng ngày thì không thể nào phục vụ cho một cá nhân hoặc một gia đình được mà phải phục vụ cho cả một tập thể rộng lớn của dân tộc và quyền lợi tối thượng của quốc gia. Công cuộc đánh bom dinh Độc Lập hầu sát hại hai anh em ông Diệm không thành, mà chỉ làm sụp đổ một phần tòa nhà to lớn, đã xây dựng từ hồi Pháp thuộc gọi là Dinh Toàn Quyền Đông Dương lấy tên là Norodom (dòng họ nhà Vua Campuchia) được trao trả cho Chính quyền Quốc gia VNCH sau khi ký Hiệp Định Genève 1954.

Được thoát nạn, hai anh em ông Diệm vẫn không suy nghĩ gì hơn, mà còn tiếp tục thù hằn, gây ra nhiều cuộc đàn áp, khủng bố đối với những người không cùng chính kiến, hơn nữa còn gây hấn với Phật giáo bằng ngăn cấm, hạn chế việc treo cờ Phật Giáo vào những ngày lễ lớn của Phật Giáo, tạo ra sự bất bình, phản kháng của phật

tử toàn quốc, mà từ lâu họ đã phải nằm yên chịu đựng bởi kỳ thị tôn giáo của chính quyền.



Ông Cố vấn Ngô Đình Nhu (trái) và Tổng Thống Ngô Đình Diệm (Phải)

Bát nước nay đã tràn, nên tại Huế, trước cửa đài phát thanh đã xẩy ra cuộc biểu tình phản đối của phật tử vì đài đã không chịu phát đi những lời tuyên cáo của Phật Giáo. Kết quả là một thứ chất nổ gây ra chết chóc. Sự việc này hai bên Phật giáo và Chính quyền đều đổ lỗi cho nhau. Thiếu Tá Đặng Sĩ, Tiểu khu Trưởng Thừa Thiên bị lên án là kẻ chủ mưu vụ sát hại đó. Thế là từ đó Phật giáo và Chính quyền chính thức chống đối nhau. Các cuộc biểu tình phản đối diễn ra hàng ngày tại Thủ Đô Sài Gòn. Đại diện của hai bên đã gặp nhau nhiều lần những không giải quyết được gì. Không những thế Chính quyền lại cho lực lượng công an, cảnh sát xâm nhập vào Chùa bắt bớ các người lãnh đạo Phật giáo và gán cho là tay sai của Cộng Sản.

Kết quả là hàng loạt các vụ tự thiêu diễn ra tại khắp nơi. Đặc biệt vụ Thượng Tọa Thích quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Lê văn Duyệt và Phan Đình Phùng trước cửa tòa Đại Sứ Campuchia. Các thông tín viên ngoại quốc đã chụp được hình đăng lên báo và chiếu trên vô tuyến truyền hình mà cả quốc tế biết. Việc này đã làm chấn động dư luận thế giới, nhất là dư luận Hoa Kỳ. Từ đó Quốc Hội Hoa Kỳ đòi xét lại vấn đề viện trợ cho VN.

Còn Tổng Thống Kennedy không làm khác hơn là áp lực TT Ngô đình Diệm phải thay đổi đường lối, chính sách. Chính nước Mỹ qua sự giới thiệu của Đức Hồng Y Spellman, nên Chính phủ Hoa Kỳ, thời Tổng Thống Eisenhower, đã áp lực Chính phủ Pháp để ông Ngô đình Diệm về làm Thủ Tướng Chính phủ Quốc Gia VN. Những cuộc gặp gỡ giữa tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn và Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng không làm thay đổi được chủ trương của ông. Do đó mà Chính phủ Hoa Kỳ đã đi đến quyết định ủng hộ một cuộc đảo chính của Quân Đội, hầu lấy lại sự ổn định về chính trị để còn lo về mặt an ninh lãnh thổ mà VC đã lợi dụng tình hình bất ổn của Chính quyền VNCH để đánh chiếm các vùng nông thôn, xâm nhập vào Tỉnh, Thành phố để phá hoại. Do đó mà cuộc đảo chính lần thứ hai xẩy ra vào ngày 1/11/1963 đã làm sụp đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa và hai anh em ông Diệm đã bị giết khi ngồi trên thiết vận xa từ nhà Thờ Cha Tam (Chợ Lớn) trở về Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội VNCH.

Những ngày trước cuộc đảo chính Chính quyền TT Ngô đình Diệm, tình hình chính trị tại Sài Gòn rất căng thẳng, những cuộc biểu tình phản đối của Phật giáo diễn ra hàng ngày. Các hoạt động âm thầm của các đảng chính trị đối lập cũng đang chuẩn

bị để đợi thời cơ. Trong Quân đội cũng vậy, những thành phần không chấp nhận chính sách đường lối lãnh đạo của Chính phủ Ngô đình Diệm đang tìm cách liên hệ với nhau để thực hiện một cuộc đảo chính bằng quân sự. Trước những sự kiện trên, Chính quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm vẫn không thay đổi chủ trương của mình, mà còn tiếp tục lấn sâu vào con đường cũ, không sao có thể cứu vãn được nữa. Các tin tức đảo chính hàng ngày tung ra mà không ai biết chính xác là ngày nào và do ai chủ động. Theo ghi nhận của tôi thì dân chúng tại Thủ Đô Sài Gòn hầu như tán thành, ủng hộ một cuộc đảo chính vì niềm tin vào sự lãnh đạo của ông Diệm đã không còn nữa.

Thủy Quân Lục Chiến và cuộc Đảo chánh 1/11/1963 tại Sài Gòn (46)

Tình hình miền Nam VN từ ngày cái gọi là MTGPMN ra đời ở quận Mỏ Cày, Giồng Chôm, tỉnh Kiến Hòa thì tình hình chiến sự trên bốn vùng chiến thuật ngày càng trở nên nặng nề hơn.

Các cuộc đụng độ từ cấp Trung Đội năm 1959, năm 1963 đã lên tới cấp Trung Đoàn. Tình hình an ninh ở các xã ấp xôi hầu như nằm dưới sự kiểm soát của VC cả ngày lẫn đêm. Kế hoạch bình định hầu như thất bại, và lực lượng địa phương cũng như chủ lực của VC càng ngày càng được tăng cường và vũ trang đầy đủ hơn. Do đó nếu tình hình chính trị không ổn định thì tình hình an ninh lãnh thổ sẽ bị nguy ngập.

Từ nhận định trên nên Quân đội đã đứng lên làm cuộc đảo chính. Hai tháng trước ngày đảo chính, TĐ1/TQLC đã được chỉ định tham dự lễ Quốc Khánh ngày 26/10. TĐ1/TQLC theo lệnh trên, được di chuyên về đóng quân tại Sở Thú Sài Gòn. TĐ1/TQLC khi đó được đặt dưới sự chỉ huy của Đại Úy Trần Văn Nhựt.



Lễ Quốc Khánh thời Đệ Nhất VNCH 26 tháng 10

Tôi giữ chức vụ ĐĐT Đại Đội 1. Trong những ngày chuẩn bị cho Đại lễ Quốc Khánh 26/10, hàng ngày TĐ tập dượt diễn hành và đồng thời theo tôi hiểu thì TĐ cũng là đơn vị ứng chiến chống bạo loạn và đảo chính vì khi đó Binh chủng TQLC được Chính quyền tín nhiệm bỡi trong cuộc đảo chính tháng 11/1960 đã có 2 Đại Đội của TĐ3/TQLC dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Lê nguyên Khang điều động vào bảo vệ Dinh Độc Lập. Tại Sở Thú, tôi nghe được là TQLC có âm mưu làm cuộc đảo chính nhân cuộc diễn hành, sẽ bất ngờ bắt giữ ông Diệm, rồi áp lực ông ta phải giải tán Chính phủ và thành lập một Chính quyền được sự ủng hộ của toàn dân. Âm mưu này do Thiếu Tá Liên, Tham Mưu Trưởng Liên Đoàn, Đại Úy Trần

Văn Nhựt tiểu đoàn trưởng TĐ1/TQLC và Bác sĩ Nguyễn phúc Quế, Y Sĩ Trưởng Liên Đoàn TQLC.

Tổ chức này nằm dưới sự lãnh đạo của Đại Tá Đỗ Mậu Giám Đốc An Ninh Quân Đội. Những cuối cùng thì âm mưu này cũng tạm đình hoãn, để chờ đợi một hành động chung của Quân Đội. Đến trung tuần tháng 10/1963, TĐ1/TQLC được điều động tham dự hành quân tại Bến Sỏi, quận Bến Cát cùng với TĐ4/TQLC do Đại úy Lê Hoàng Minh chỉ huy. Hai đơn vị được đặt dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Liên. Cuộc điều đồng trên do Thiếu Tướng Tôn Thất Đính Tư lệnh Quân Đoàn 3 kiêm tổng Trấn Sài Gòn Gia Định chủ xướng và Đại Tá Nguyễn văn Thiệu (sau nàt là TT), Tư Lệnh Sư Đoàn 5 BB trực tiếp chỉ huy. Tại Bến Sỏi TĐ1/TQLC được trao trách nhiệm tảo thanh Mật khu Hố Bò nằm bên kia sông Sài Gòn. Tại đây TĐ1 không gặp sự kháng cự nào của địch.

Nhiều đường hầm bí mật đã bị khám phá và phá hủy, tịch thu nhiều vật dụng mang từ Sài Gòn ra. Hành quân được hơn một tuần thì sáng sớm ngày 1/11/1963, TĐ1/TQLC được lệnh rút qua sông về tập trung tại Bến Sỏi, nơi BCH Chiến Đoàn đặt bản doanh. Đến buổi trưa thì toàn bộ Chiến Đoàn gồm TĐ1 và TĐ4 lên xe di chuyển về Biên Hòa đợi lệnh. Đến nơi, các đại đội trưởng của hai TĐ1 và TĐ4/TQLC được lệnh tới họp tại tư thất của Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu, Tư lệnh Sư Đoàn 5. Tại đây trên căn lầu hai của tòa nhà khá khang trang, chúng tôi gặp lại Thiếu Tá Nguyễn Bá Liên và hai Tiểu Đoàn Trưởng Trần Văn Nhựt và Lê Hoàng Minh. Ông Liên cho biết ông Thiệu không có mặt vì bận đi họp tại Bộ Tổng Tham Mưu. Tới lúc này, tôi có linh tính là có chuyện đặc biệt sắp xảy ra. Thiếu Tá Liên trải tấm bản đồ Đô Thành Sàigon lên bàn rồi tuyên bố là Chiến Đoàn sẽ tham gia cuộc đảo chính cùng với các đơn vị bạn, trong đó có Sư Đoàn 5 dưới sự lãnh đạo của các Tướng lãnh trong quân đội. Khi đó tôi để ý quan sát các sĩ quan tham dự xem có phản ứng gì không, thì tất cả tỏ ra bình tĩnh và chấp hành lệnh ban ra.

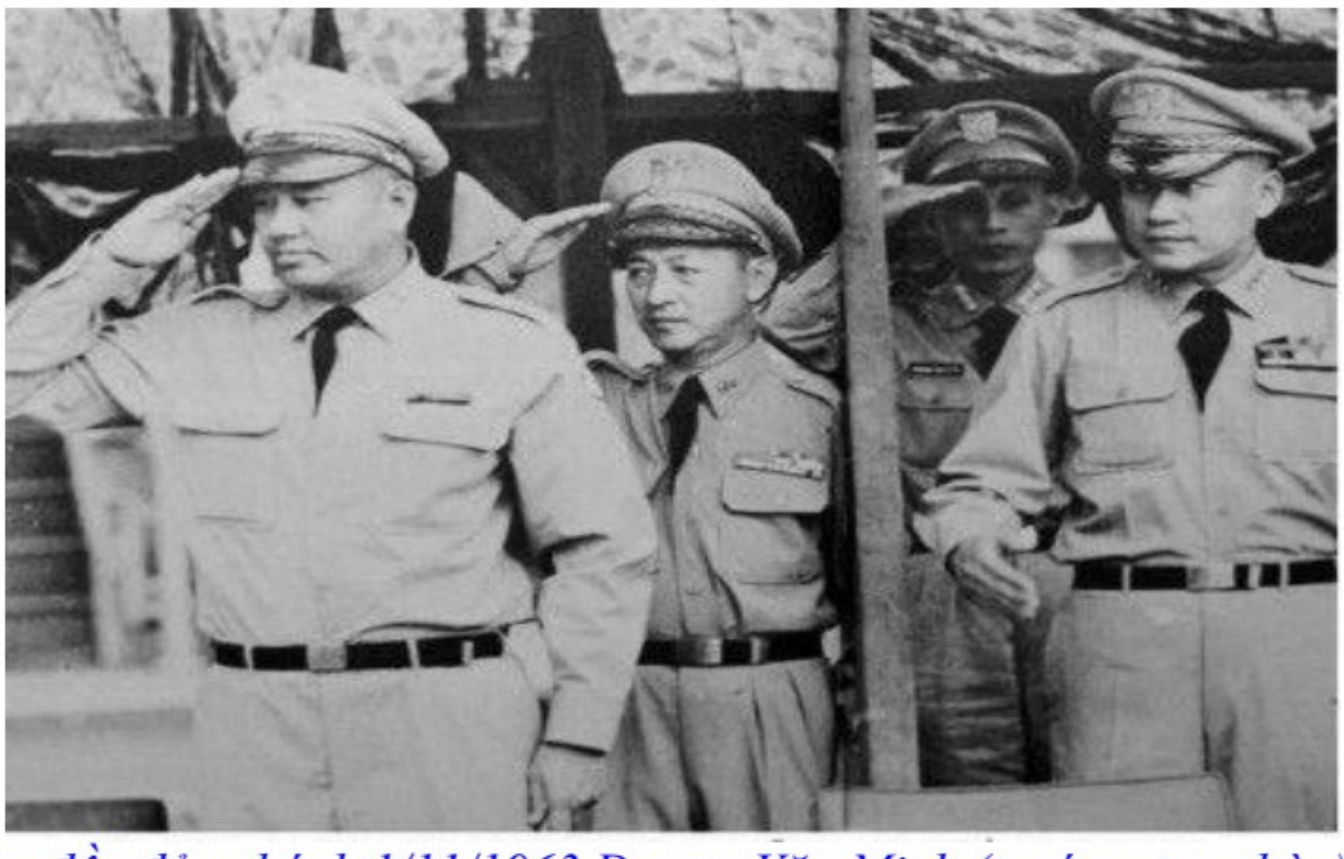
Trong kế hoạch đảo chính, thì TĐ1/TQLC được trao nhiệm vụ đánh chiếm đài Phát Thanh và Thành Cộng Hòa. TĐ4/TQLC chiếm BCH Công An và Cảnh Sát Quốc Gia. Pháo Đội TQLC đặt tại xa lộ Sài Gòn Biên Hòa yểm trợ trực tiếp. BCH Chiến Đoàn di động chỉ huy trên quân xa. Ngoài TQLC lúc khởi đầu, còn được biết Chiến Đoàn Thiết Giáp Vạn Kiếp của Trung Tá Vĩnh Lộc từ Bà Rịa sẽ chờ sẵn tại ngã ba Xa lộ Vũng Tàu để cùng tháp tùng tiến vào Sài Gòn.

Việc ra lệnh rất ngắn gọn, không một ai có điều gì thắc mắc cả. Sau đó chúng tôi lên xe trở về đơn vị để chuẩn bị lên đường và cho các Trung đội Trưởng biết những điều cần thiết. Khi đó chúng tôi được chỉ thị là chỉ phổ biến một cách khái quát rằng có tin tức sắp đảo chính nên TQLC phải về thay thế các đơn vị đang bảo vệ các cơ quan trọng yếu của chính phủ mà thôi, để tránh cho binh sĩ hoang mang khi ra lệnh tham gia đảo chính. Tất cả chúng tôi lên xe vào khoảng 12 giờ 30 buổi trưa.

Trên đường tiến về Thủ Đô, quang cảnh hai bên đường dân chúng vẫn sinh hoạt bình thường, thỉnh thoảng có những cánh tay dơ lên chào mừng những chiến sĩ cọp biển, nhưng họ đâu có biết là chỉ hơn nửa giờ sau một biến cố lịch sử sẽ diễn ra làm thay đổi cả nếp sống chính trị của toàn miền Nam VN. Như lệnh đã phổ biến, thì khi đoàn xe của chúng tôi tiến tới ngã ba Vũng Tàu thì chẳng thấy một xe thiết giáp

nào có mặt cả. Không lẽ phải ngừng lại để chờ đợi, thì kế hoạch có thể bị cản trở nên BCH Chiến Đoàn ra lệnh tiếp tục tiến về Sài Gòn.

Chúng tôi đã ở trên lưng cọp, nên không còn cách nào để trở lui được nữa. Qua cầu Sài Gòn thì đoàn xe ngừng lại ở trạm kiểm soát để đợi lệnh của Quân Trấn rồi mới được chạy vào Thành phố. Vài phút sau, thì có xe quân cảnh ra đón vào. Mọi việc đều êm thấm, vì đã có sắp xếp từ trước. Đoàn xe TĐ1/TQLC băng qua cầu Phan Thanh Giản và rẽ trái theo đường Nguyễn bỉnh Khiêm tiến tới đài phát thanh. ĐĐ2 của Đại Úy Phương dẫn đầu và khi tới Đài thì ngừng lại. Theo lệnh đã phổ biến, các binh sĩ ùa xuống và chạy thẳng vào cửa Đài Phát Thanh. Lúc đó có khoảng một Tiểu Đội Cảnh Sát Dã chiến đang canh giữ. Thấy TQLC họ hơi bỡ ngỡ lúc đầu, nhưng sau chúng tôi cho họ biết là tới thay thế, mặc dù không có lệnh. Dù sao họ cũng không chống lại được trước lực lượng hùng hậu của TQLC. Đoàn xe chở ĐĐ4/TĐ1/TQLC của Trung Úy Thinh vòng qua đường Hồng thập Tự, sân banh Hoa Lư để tiến tới cổng sau của thành Cộng Hòa. ĐĐ1/TĐ1/TQLC do tôi chỉ huy, tiến theo đường Nguyễn bỉnh Khiêm tới bên hông thành Cộng Hòa để cùng với ĐĐ4 đột nhập vào thành.



Các tướng cầm đầu đảo chánh 1/11/1963 Dương Văn Minh (trước – tay chào), Nguyễn Văn Kim (sau lưng Minh) và Trần Văn Đôn (phải)

Nơi đây có Lữ đoàn Phòng Vệ Phủ Tổng Thống trú đóng. ĐĐ3/TĐ1/TQLC do Đại Úy Châu chỉ huy làm thành phần trừ bị, trải quân từ đường Phan thanh Giản tới cận đài phát thanh. Cuộc chiếm đóng Đài hoàn tất vào lúc 1 giờ 15 chiều mà không có đụng độ nào xẩy ra cả. Ngay sau đó thì cuộn băng thu âm trước của Bác Sĩ TQLC Nguyễn phúc Quế kêu gọi đồng bào ủng hộ cuộc đảo chính do TQLC đi hàng đầu. Trong khi đó thì tại Bộ Tổng tham Mưu các Tướng lãnh đang họp dưới sự lãnh đạo của Trung Tướng Dương văn Minh.

Cuộc đột nhập vào thành Cộng Hòa của ĐĐ4 đã bị chặn ngay tại cổng vào. Cùng lúc trong thành nổi kèn báo động tập họp. Vào buổi trưa nên phần lớn binh sĩ trong thành Cộng Hòa về trại gia binh gần đó dùng cơm nên lực lượng ở trong thành không có là bao. Tuy nhiên đơn vị thiết giáp đã tập họp được một số và khởi sự phản công quân đảo chánh. ĐĐ4/TĐ1/TQLC phải lui về khu sân banh Hoa Lư. Ra khỏi cổng thành, thiết giáp vòng ra đường Nguyễn bỉnh Khiêm, khu vực ĐĐ1 trấn

giữ. Khi biết thiết giáp tiến tới, tôi có bố trí một khẩu pháo 105 ly tháp tùng ĐĐ để xử dụng khi cần thiết đặt ngay trên đường, sẵn sàng ứng chiến.

Chiếc chiến xa đầu tiên vừa ló ra khỏi đường Nguyễn bỉnh Khiêm thì tôi ra lệnh bắn trực xạ, nhưng vì xạ thủ quá hấp tấp nên bắn trượt, đạn đạo bay thẳng về hướng cửa sở thú trông ra đường Độc Lập. Bị ngắm bắn, chiến xa bèn trả đũa bằng một loạt Đại liên 50 vào khẩu pháo rồi tiếp theo vừa bắn vừa di chuyển về hướng đài phát thanh. Trước hỏa lực hùng hậu của thiết giáp, ĐĐ1/TĐ1/TQLC phải ẩn nấp vào các bức tường nhà nằm dọc theo đường phố và bắn trả. Sức tiến của thiết giáp có ngừng lại đôi lần. Phải nói rằng, vì là đơn vị bạn nên cuộc chiến xem ra ít sát phạt nên số chết và bị thương của hai bên rất là nhỏ không đáng kể. Sau đó, thì ĐĐ1/TĐ1/TQLC rút về bố trí tại các căn nhà cao tầng ở phía sau đài phát thanh, để tiếp trợ cho ĐĐ2 đang cố thủ trong đài phát hanh có sự hiện diện của Đại úy tiểu đoàn trưởng Trần Văn Nhựt. Lúc sau thì đơn vị thiết giáp do Đại Úy Xuân chỉ huy, tiến tới bao vây đài phát thanh. Hai bên bắn cầm chừng khoảng một tiếng đồng hồ, đơn vị tháp tùng vẫn không đột nhập vào đài. Hai bên đang ở thế trông chờ, một bên đợi lệnh trên để tấn công vào, một bên chờ đợi viện quân để giải vây.

Khi đó tại sân thượng một nhà cao tầng, quan sát ra xa, tại khu vực cầu Trương minh Giảng, tôi thấy binh sĩ của lực lượng bộ binh hình như Sư Đoàn 5 từ Biên Hòa mới tới, trải dài trên đường phố. Tất cả đều bất động, kể cả đơn vị thiết giáp của Đại Úy Ngãi, dù đã có lời kêu gọi của Đại Úy Trần Văn Nhựt. Hình như họ muốn tránh đụng độ giữa hai bên. Trước tình hình đó, tôi cảm nghĩ cuộc đảo chính có thể lại thất bại như cuộc đảo chính tháng 11/1960, vì thiếu sự dứt khoát và sợ đổ máu của các cấp lãnh đạo, hoặc lập trường chao đảo vào phút chót.

Tin tức về tình hình tại bộ Tổng Tham Mưu vẫn chưa được phát thanh trên đài, khiến mọi người lo âu. Nhưng rồi vào khoảng gần chiều, để tự cứu, Đại Úy Trần Văn Nhựt đã ra lệnh cho ĐĐ3/TĐ1/TQLC của Đại Úy Châu tìm cách tiến vào khu vực đài phát thanh, đang bị thiết giáp của Lữ Đoàn Phòng Vệ bao vây.

Kết quả ĐĐ3 đã tiến tới sát đài và với sự khôn ngoan và can đảm sẵn có, Đại úy Châu đã uy hiếp được Đại Úy Xuân phải ra lệnh cho các binh sĩ phải rời khỏi thiết giáp. Tức thời binh sĩ của TQLC ào lên chiếm giữ các chiến xa, chấm dứt cuộc bao vây.

Sau đó vào chiều tối thì TĐ1/TQLC trả tự do cho Đại Úy Xuân trở về nhà. Khi đài phát thanh hoàn toàn được giải tỏa, thì cuộc đảo chính coi như hoàn tất được một nửa. Trên đài liên tục được phát thanh về tình hình đảo chính. Các tướng lãnh các đại đơn vị ở khắp bốn Quân Khu đều lên tiếng ủng hộ cuộc đảo chính. Các thành phần ủng hộ ông Ngô đình Diệm đều bị bắt giữ. Đồng bào Thủ Đô tràn ra đường phố ủng hộ cuộc đảo chính, nhiều phẩm vật của đồng bào mang tới trao tận tay cho các binh sĩ.

Lúc đó quả là cảm động, tình quân dân thắm thiết chưa bao giờ có được. Tới lúc chiều tối, thì tình hình đảo chính đi vào giai đoạn chót, vì TT Ngô Đình Diệm không chịu đầu hàng và đi ra nước ngoài. Do đó Bộ Tư Lệnh Đảo Chính ra lệnh tấn công vào dinh Gia Long nơi ông Diệm làm việc và trú ngụ, và thành Cộng hòa do Lữ

Đoàn phòng vệ đóng giữ. TĐ4/TQLC của Đại Úy Lê Hằng Minh cùng với đơn vị thiết giáp của Đại Úy Ngãi phối hợp tấn công. Tại thành Cộng Hòa do các đơn vị Nhẩy Dù chịu trách nhiệm.



Dinh Gia Long trong ngày đảo chánh 1/11/1963

Trước tình hình nguy ngập như vậy, các đơn vị bảo vệ và cố thủ vẫn không chịu đầu hàng. Cuộc tấn công vào thành Cộng hòa, ngoài các lực lượng bộ binh và thiết giáp, còn được sự yểm trợ của pháo binh và không quân. Riêng tại Dinh Gia Long thì chỉ có tính cách bao vây và bắn cầm chừng sợ hư hại đến tài sản Quốc Gia. Hơn nữa sớm muộn gì, hai anh em ông Diệm cũng phải chấp nhận đầu hàng vì toàn Quân Đội đã đứng lên và được đồng bào ủng hộ. Sáng sớm ngày mồng 2/11/1963 tiếng súng trong Dinh gần như im hẳn, tức thời các binh sĩ TQLC ào vào chiếm đóng, kết thúc cuộc đảo chính.

Hai anh em ông Diệm và ông Nhu vào lúc nửa đêm đã bí mật được đưa ra khỏi Dinh Gia Long và chạy về khu vực Chợ Lớn. Sau đó thì hai ông đã đến tại nhà thờ Cha Tam. Tại thành Cộng Hòa thì cuộc tấn công cũng chấm dứt vào sáng ngày hôm sau. Như vậy cuộc đảo chính do Quân Đội chủ xướng với sự ủng hộ của đồng bào, các đảng chính trị, đã hoàn thành không gây nhiều đổ máu.

Điều làm cho tôi bằng lòng nhất là sau đó các chiến hữu của tôi đã được ra khỏi các nhà tù vì tội chống lại chính sách cầm quyền thời Đệ I VNCH. Sáng ngày mồng 2/11/1963 khi mọi chuyện đã trở lại bình thường, TĐ1/TQLC được lệnh trở về hậu cứ ở trại Yết Kiêu,Thủ Đức. Tại đây đồng bào mang quà bánh đến tặng tận tay các binh sĩ và hỏi han mọi chuyện đã xẩy ra, khiến tinh thần quân sĩ lên rất cao. Từ đó họ cảm thấy hãnh diện, vui sướng mỗi khi hoàn thành trách nhiệm hợp với lòng dân. Sau cuộc đảo chính thành công, thì các thành phần bị chính quyền TT Ngô Đình Diệm đưa đi tù tại Côn Đảo và tại nội địa được Hội đồng lãnh đạo đảo chính trả tự do và cho tàu Hải Quân ra đảo đón về.

Giữ chức Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC tháng 4/1964 – chỉnh lý của Tướng Khánh (47)

Hội đồng được biến thành Hội Đồng Quân Lực VNCH và Trung Tướng Dương văn Minh được bầu làm Chủ tịch. Về tân Chính Phủ thì cựu Phó Tổng Thống Nguyễn ngọc Thơ được cử giữ chức vụ Thủ Tướng. Sự việc này đã làm dân chúng

và các đoàn thể chính trị rất bất bình và cũng từ đó phong trào quật khởi đã xẹp xuống.



Tướng Nguyễn Khánh chỉnh lý 1964

Trong Quân Đội cũng như bên Hành chánh lại xuất hiện phe phái, tranh dành quyền lực, gây chia rẽ bất mãn, thay vì phải lo ổn định tình hình chính trị và an ninh. Các Tướng lãnh trong Hội Đồng Quân Lực, thăng cấp cho nhau, và mỗi ông lại thăng cấp cho những sĩ quan thuộc dưới quyền của mình bất kể có công trạng hay không.

Các chức vụ cũng được thay thế từ Trung Ương đến Địa phương. Dĩ nhiên là những sĩ quan thuộc đảng Cần Lao bị hạ bệ. Một số nhân vật thân cận nhất với gia đình ông Diệm, hoặc những thành phần mật vụ khét tiếng bắt bớ những người Quốc Gia đối lập đều bị bắt giữ.

Tại Binh chủng TQLC cũng có sự thay đổi. Thiếu Tá Nguyễn bá Liên thăng cấp Trung Tá thay thế Trung Tá Lê nguyên Khang thăng cấp Đại Tá (dù không có tham gia đảo chánh 1/11/1963 nhưng đã ủng hộ Hội Đồng Đảo Chánh). Đại Úy Trần văn Nhựt thăng cấp Thiếu Tá trở thành Tham Mưu Trưởng TQLC thay thế Trung Tá Nguyễn bá Liên. Về các Tiểu Đoàn cũng có sự thay đổi, Đại Úy Tôn thất Soạn thay thế Thiếu Tá Trần Văn Nhựt làm TĐT/TĐ1/TQLC. TĐ 2/TQLC Đại Úy Cổ Tấn Tinh Châu đang học ở trường Đại Học Quân Sự Đalạt, thăng cấp thiếu Tá sau ngày đảo chánh, thay thế Thiếu Tá Nguyễn thành Yên làm TĐT/TĐ2/TQLC. Thiếu tá Yên sang giữ tiểu đoàn trưởng TĐ3/TQLC. Đại Úy Lê Hằng Minh thăng Thiếu Tá vẫn tiểu đoàn trưởng TĐ4/TQLC.

Về thăng thưởng trong TĐ1/TQLC thì các đại đội trưởng được điều chỉnh từ tạm thời lên thực thụ và huy chương Đệ Ngũ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương kèm theo Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu, trong đó có tôi.



Quân đội VNCH hành quân quận Đức Hòa, tỉnh Hậu Nghĩa 1964

Sau những ngày sôi động của cuộc đảo chánh đã trôi qua, TĐ1/TQLC lại tiếp tục lên đường hành quân. Tại rừng mía quận Đức Hòa (tỉnh Hậu Nghĩa) trên đường di chuyển, một binh sĩ đã đạp phải mìn và gây cho tôi bị thương ở cổ và chân, được trực thăng chở về bệnh viện Cộng Hòa điều trị. May mắn là vết thương không vào chỗ hiểm nên chỉ một thời gian gần một tháng thì tôi trở về gia đình dưỡng thương. Khi gần khỏi hẳn lại được Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn gọi vào trình diện để tiếp tục làm việc, tôi cũng không phản đối gì. Sau đó Trung Tá Liên giao phó cho tôi chức vụ Trưởng phòng 3 Hành quân của Chiến Đoàn TQLC di chuyển tới tỉnh Gò Công.

Trong khi đó thì Liên Đoàn có hai tiểu đòan (TĐ1 và TĐ2) đang hành quân tại Mỹ Tho và ít ngày sau thì TĐ1/TQLC đã đụng nặng với VC, kết quả có những thiệt hại đáng kể. Trong thời gian này thì tại Sài Gòn xẩy ra cuộc chỉnh lý do Trung Tướng Nguyễn Khánh từ Quân Khu 2 xuống cầm đầu, nhưng đằng sau là do một số sĩ quan đảng Đại Việt thực hiện. Việc thay ngôi vị lãnh đạo đã thành công một cách dễ dàng, và chỉ xẩy ra có một đêm, không có phản ứng của nhóm đang cầm quyền vì quá chủ quan, say mê trong chiến thắng vừa qua.

Riêng Trung Tướng Dương văn Minh thì nhóm chỉnh lý để nguyên không đụng tới, nhưng các Tướng lãnh có thực quyền thì bị cầm giữ như Trung TướngTrần văn Đôn, Trung Tướng Lê văn Kim, Trung Tướng Tôn thất Đính, Trung Tướng Mai hữu Xuân và bị gán cho cái tội Trung lập thân Pháp. Sau đó thì Tướng Khánh nắm trọn thực quyền giữ chức vụ Thủ Tướng kiêm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội. Vai trò Quốc Trưởng giao cho cụ Phan khắc Sửu, nhưng thực sự thì chẳng có quyền hành gì. Khi thành lập Chính phủ thì mới thấy rõ các nhân vật Đại Việt lộ diện. Ông Nguyễn Tôn Hoàn được triệu thỉnh từ Pháp về giữ chức Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Bình Định. Ông Hà Thúc Ký giữ Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ…

Trong Quân Đội, Trung Tướng Trần thiện Khiêm thay thế Tướng Đôn giữ chức vụ Tổng tham Mưu Trưởng kiêm Bộ Quốc Phòng. Tính ra thì nhóm đảo chánh chỉ tồn tại được có ba tháng, chưa làm được việc gì tốt đẹp cả. Sự việc trong Quân Đội tranh dành quyền bính, không ai phục ai đã làm cho quân, dân, cán, chính chán nản mất tin tưởng và còn cho rằng sẽ xẩy ra nhiều chuyện chứ chưa chấm dứt vì Tướng Khánh là người đã cứu giá, phù trợ Tổng Thống Diệm trong ngày đảo chánh tháng

1/11/1960. Trong cuộc chỉnh lý, TQLC có TĐ2 do Thiếu Tá Cổ Tấn Tinh Châu chỉ huy, đóng quân tại Tiểu Khu Gia Định đã tham gia.

Sau đó tìm hiểu thì mới biết rõ Cổ Tấn Tinh Châu thuộc đảng Đại Việt. Trong khi đó thì BCH Liên Đoàn do đích thân Trung Tá Liên chỉ huy đang hành quân tại Mỹ Tho (gồm có hai TĐ1 và TĐ2). Cuộc đụng độ với VC vừa chấm dứt thì Trung Tá Liên có lệnh trở về hậu cứ. Rồi thì BCH Liên Đoàn lại có sự thay đổi, chỉ huy mới không ai xa lạ là Đại Tá Lê nguyên Khang, từ Phi Luật Tân mới trở về nước.

Nguyên do là sau khi Tướng Khánh nắm Chính quyền thì đã nghĩ ngay đến củng cố quyền lực trong Quân Đội, nên đã chú ý ngay đến Đại Tá Khang, người cùng có mặt trong Dinh Độc Lập tháng 11/1960. Trung Tá Liên được giao tiếp nối chức vụ tùy viên quân sự tại Phi Luật Tân của Đái Tá Khang. Thiếu Tá Trần Văn Nhựt cùng đi theo Trung Tá Liên với chức vụ phụ tá. Sau khi nhận lại chức vụ Chỉ huy Trưởng Binh chủng, Đại Tá Khang vội vàng xuống Mỹ Tho, nơi gần khu hành quân của TĐ1 và TĐ3/TQLC. Do đó để có người phụ giúp Đại Tá Khang, không có sĩ quan nào tháp tùng, Thiếu Tá Nhựt đề nghị tôi sang gặp ông.

Tôi cũng không có gì bận tâm, vì tôi chỉ là một ĐĐT trong thời gian đảo chánh xẩy ra. Tính cách không bằng lòng nhau nếu có thì cũng chỉ giữa nhóm đảo chánh TQLC (Trung Tá Liên, Thiếu Tá Nhựt, Bác sĩ Quế) và Đại Tá Khang mà thôi. Do đó khi gặp lại, ông vẫn niềm nỡ bắt tay tôi, hỏi han sức khỏe. Tôi trình bày về tình hình hành quân và cuộc đụng độ giữa TĐ1/TQLC với Việt Cộng vừa rồi. Ông tỏ ý không mấy vui nhưng không nói gì khác hơn. Ngay ngày hôm sau, ông ra lệnh cho BCH Liên Đoàn và hai TĐ rời vùng hành quân trở về hậu cứ Sài Gòn.

Từ ngày đảo chánh, qua cuộc chỉnh lý, nội bộ TQLC đã có nhiều xáo trộn làm cho tinh thần đoàn kết có đôi phần sa sút. Nhưng rồi với tinh thần phục vụ cho Quân Đội, cho một miền Nam tự do đang trong tình trạng bị CS Bắc Việt ra sức đánh chiếm bằng quân sự, để chấn chỉnh lại BCH Liên Đoàn, Đại tá Khang đánh điện gọi Đại Úy Bùi thế Lân, đang theo học tại trường Trung cấp Hoa Kỳ trở về nước, để thay thế Thiếu tá Trần Văn Nhựt giữ chức vụ Tham mưu Trưởng. Ngoài ra cũng để củng cố lại TĐ1/TQLC sau trận đụng độ với VC tại Mỹ Tho, ông điều động tôi và Đại Úy Trí trở về TĐ1/TQLC, sau khi tôi thụ huấn một tháng khóa Tiểu Đoàn Trưởng ở trường Đại Học Quân Sự Đà Lạt.

Tình hình Quân Đội cũng như về mặt chính quyền vẫn chưa được ổn định vì phương cách lãnh đạo bất nhất của tướng Khánh gây ra nhiều sự chống đối trong Quân Đội, cũng như các Tôn giáo, rồi lại biểu tình xuống đường khiến tình hình chính trị lại thêm rối ren, nào Thủ Tướng Trần văn Hương, Phan huy Quát kình chống với Quốc Trưởng Phan khắc Sửu, Tuyên cáo Vũng Tàu của Tướng Khánh…

Sự thỏa hiệp giữa Tướng Khánh với đảng Đại Việt đi tới rạn nứt, tan vỡ, vì một khi đã nắm được quyền lực từ Hội Đồng Quân Lực đến chức vụ Thủ Tướng lúc ban đầu, Tướng Khánh ra sức củng cố quyền lực để muốn trở thành những nhà lãnh đạo độc tài như Sukarno của Nam Dương, Marcos của Phi luật Tân, hoặc Pak Chung Hy của Nam Hàn. Mà muốn được như vậy thì phải nắm Quân Đội trước nhất, nên ông ta đã phong chức một loạt các sĩ quan thân cận lên cấp Chuẩn Tướng

(tướng 1 sao), một cấp bậc mới trong Quân Đội VNCH. Từ đó mới ra đời một lớp sĩ quan gọi là "tướng trẻ".

Sau này nhóm "tướng trẻ" thâu tóm hết quyền bính của đất nước. Đại tá Khang của TQLC cũng nằm trong trường hợp này nên đã được phong cấp Chuẩn Tướng. Từ đó binh chủng TQLC trở thành đơn vị được o bế nhất, nhưng trên thực tế thì chỉ có tính cách cá nhân, ngoài ra Binh Chủng TQLC không được một ưu đãi đặc biệt nào cả, mặc dù là một đại đơn vị luôn đảm trách các nhiệm vụ quan trọng trên chiến trường khắp 4 vùng chiến thuật. Các nhân vật cầm quyền, trong thâm tâm họ cứ nghĩ là nắm được cấp chỉ huy đơn vị đó là sẽ bảo vệ cho ngôi vị của họ.

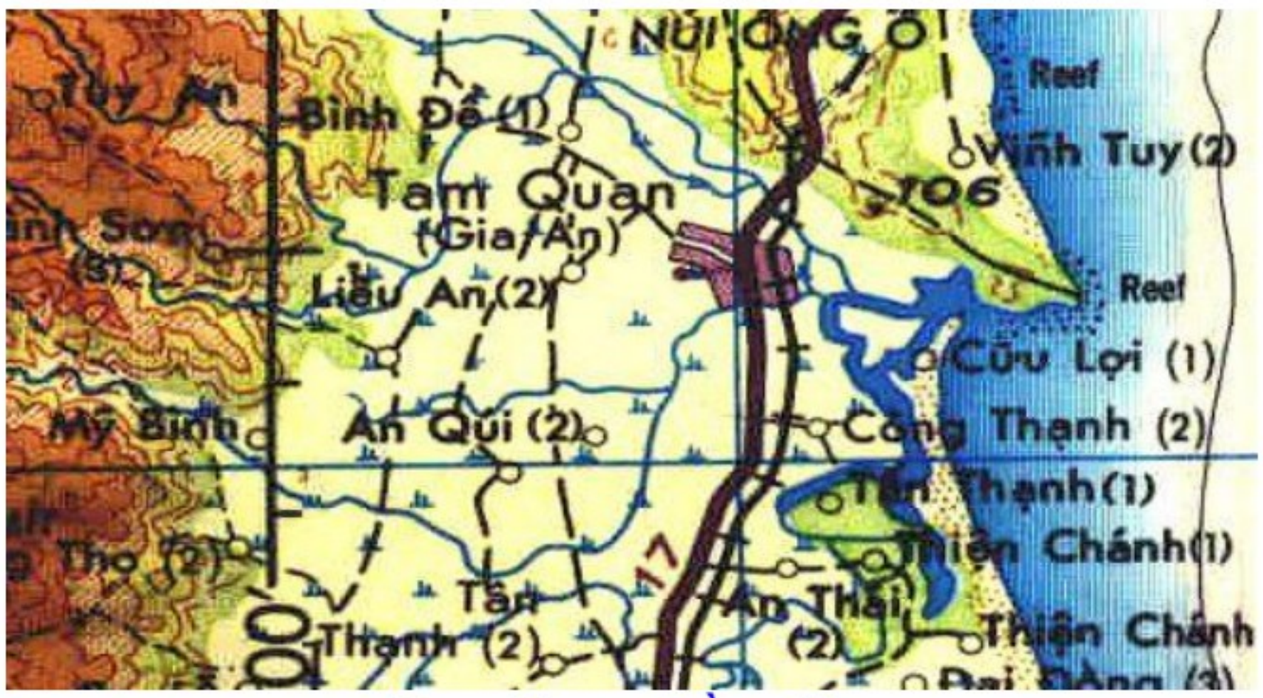


Huy hiệu Tiểu Đoàn 2 (Trâu Điên) Thủy Quân Lục Chiến VNCH

Sau cuộc chỉnh lý tháng 2/1964 thì ***Liên Đoàn TQLC*** cải danh thành ***Lữ Đoàn TQLC.*** Tháng 4/1964, tôi được giao phó nhiệm vụ chỉ huy TĐ2/TQLC khi đó đang hành quân tại quận Cần Đước tỉnh Long An, không xa Thủ Đô Sài Gòn mấy. Chuẩn Tướng Khang đích thân đưa tôi tới BCH Tiểu Đoàn để bàn giao, chứng tỏ sự tín nhiệm của ông với tôi vì ông biết rõ Thiếu Tá Cổ Tân Tinh Châu thuộc Đại Việt, mà lúc đó ảnh hưởng của Đảng Đại Việt vẫn còn bao quanh Tướng Khánh. Đồng thời với tôi, Đại Úy Nguyễn thế Lương được cử giữ chức vụ TĐ3/TQLC thay thế Thiếu Tá Yên trở về BCH Lữ Đoàn làm Phó cho Tướng Khang. Đại Úy Nho Trưởng phòng 1 làm tiểu đoàn trưởng TĐ4/TQLC.

Trong thời kỳ từ tháng 4/1964, Tướng Khánh trong âm mưu củng cố quyền lực đã tìm mọi cách để gạt các Tướng không ăn cánh với ông ta, đặc biệt là loại ảnh hưởng của đảng Đại Việt ra ngoài chính quyền và Quân đội. Ông Hà thúc Ký ra đi khỏi Bộ Nội Vụ, rồi kế tiếp, ông Nguyễn tôn Hoàn mất chức phải xuất ngoại. Tướng Khiêm đi làm Đại Sứ tại Đài Loan, Tướng Đỗ cao Trí Đại Sứ tại Nam Hàn, Tướng Dương văn Minh làm Đại Sứ lưu động tại Thái Lan… Từ đó Tướng Khánh bị bao vây bởi các Tướng trẻ mới lên, và vai trò của nhóm này ngày càng có uy thế trong Quân Đội.

Tiểu Đoàn 2 (Trâu Điên) TQLC hành quân Tam Quan, Bồng Sơn, Bình Giả (48)



Tam Quan Bồng Sơn

Tôi giữ chức vụ Tiểu đoàn trưởng TĐ2/TQLC được hai tháng thì được thăng cấp Thiếu Tá và TĐ được lệnh tăng phái cho Tiểu Khu Bình Định, vì tình hình an ninh lúc đó đang trong thời kỳ xuống dốc, các xã ấp nằm sâu trong chân núi từ Phù Cát đến Bồng Sơn, Tam Quan bị sự kiểm soát của VC. TĐ2/TQLC được máy bay C-123 không vận từ sân bay Tân Sơn Nhứt ra sân bay Quy Nhơn trong hai ngày.

Tại Tiểu Khu lúc đó đang do Trung Tá Lê Trung Tường chỉ huy. Ông ta giao nhiệm vụ cho TĐ2/TQLC ổn định lại các ấp, xã nằm ở phía đông Phù Cát đang nằm trong tay VC mà ít lâu lực lượng địa phương không đủ sức bảo vệ và đánh chiếm lại. Còn các đơn vị của Sư Đoàn 22 BB thì còn lo hành quân ở các khu vực quan trọng hơn. Trước đó một đơn vị của Sư Đoàn 22 BB hành quân tại thung lung quận Hoài Ân và An Lão đã bị VC phục kích và thiệt hại khá nặng. Trung Đoàn này hình như lúc đó do Trung Tá Trần Vàng Khoái chỉ huy.

Tại Phù Cát, TĐ2/TQLC đã tiến quân tảo thanh một vài xã ấp nằm dưới chân núi gần bờ biển. Địa thế khá khó khăn vì xóm làng cây cối rậm rạp, lại dựa vào núi, nên khi tiến vào thì địch bố trí ở lưng chừng núi bắn xuống khiến một vài binh sỹ bị thương khi di chuyển ngoài chỗ trống. Về hỏa lực pháo binh bố trí tại Phù Cát không đủ để yểm trợ. Thực ra thì cũng chỉ có lực lượng địa phương và du kích nên cũng không cần thiết lắm. Do đó TĐ2/TQLC xử dụng hỏa lực cơ hữu để đánh chiếm từng xã, ấp một. Dân chúng thì được tin đã bỏ chạy lên núi ẩn nấp, hoặc trú ẩn dưới hầm ở trong nhà. Kết cuộc TĐ cũng phải mất một vài ngày mới thanh toán xong và một vài tên du kích VC bị bắn hạ. Nhưng chiếm được thì dễ, còn bảo vệ lại là vấn đề khác, do Tiểu Khu chịu trách nhiệm. Được ít ngày cho là tương đối an ninh, TĐ2/TQLC giao lại cho Nghĩa Quân sở tại trách nhiệm và rút về Quận.

Sau đó TĐ được lệnh di chuyển tới quận Bồng Sơn để mở cuộc hành quân vào xã An Lão vì xã bị cắt đứt đường giao thông với quận Bồng Sơn. Được biết rõ về trận phục kích trước đó của VC với đơn vị của Sư Đoàn 22, nên khi tiến quân TĐ đã hết sức cảnh giác. Qua quận Hoài Ân, thì một thung lung chạy dài vào tới xã An Lão hiện ra. Giữa thung lũng là con sông An Lão tương đối rộng khó lội qua. Song song là con lộ trải đá nằm không cách xa con sông. Bên kia sông là dãy núi chạy dài từ tây sang đông. Còn về phía bên này thì một dãy đồi không cao lắm nằm cách

xa đường khoảng hai, ba trăm thước, cây cối mọc tương đối cao. Dãy đồi này chấm dứt khi gặp một thung lung nhỏ chắn ngang, có dãy núi cao gọi là núi Đá Chát, chạy từ bắc xuống nam rồi chấm dứt gần kế cận con lộ, tạo nên như một cửa ải chắn lối vào xã An Lão khoảng hai cây số.

Căn cứ vào tình hình và địa thế, TĐ2/TQLC chia làm hai cánh quân, một do Tiểu Đòan phó chỉ huy với hai Đại Đội tiến theo dãy đồi phía bên phải, Bộ Chỉ Huy TĐ và hai Đại Đội cặp theo đường lộ, cùng song song tiến vào mục tiêu ấn định. TĐ tiến quân thật chậm chạp, lục soát thật kỹ các xã, ấp nằm ẩn trong hàng cây rừng và cây ăn trái. Mọi sự đều yên tĩnh cho tới núi Đá Chát.

Trước khi băng qua khoảng trông, TĐ cho từng Trung Đội với khoảng cách, di chuyển thật nhanh dưới sự yểm trợ hỏa lực của súng 57 ly không dật và đại liên 30. Tuy vậy, khi đợt một vừa băng qua là bị VC từ lưng chừng núi bắn xuống, đơn vị phải chùn lại để tìm cách vượt qua. Cái khó là một bên là núi, một bên là sông, địch cũng có thể bắn qua. Sau đơn vị có thực hiện mấy lần nhưng vẫn không qua được.

Địch ranh ma ở chỗ là cứ khi nào ta xuất hiện chúng mới bắn. Về sau TĐ phải tính đến di chuyển bằng cách từng người một, cách nhau chừng mười hoặc mười lăm thước và vừa chạy vừa nằm cho tới khi qua được khoảng trống rồi lẫn vào hàng cây theo đường lộ, địch hết quan sát thấy và khó tác xạ. Bằng cách này thì hơi chậm nhưng bảo đảm sinh mạng. Trong khi đó thì đại liên 30 bắn yểm trợ cầm chừng vào sườn núi chỗ địch trú ẩn. Chúng tôi ước tính địch không có nhiều và chỉ có tính cách ngăn chặn, tiêu hao mà thôi. Phương cách tiến quân được chúng tôi gọi là "di chuyển dưới hỏa lực" như ở trong thời kỳ học tập ở Trung tâm huấn luyện Quang Trung. Di chuyển như vậy cũng có nguy hiểm, nhưng cũng vui khi thấy một binh sỹ nằm bò, lăn lộn dưới làn đạn nhắm bắn của địch. Vì di chuyển liên tục, người này sau người khác, nên địch cũng khó nhắm bắn. Hơn nữa đơn vị đã qua được, xử dụng hỏa lực bắn trả. Kết quả sau mấy tiếng đồng hồ thì TĐ vượt qua hết thung lũng tử thần. Khi TĐ đã hoàn tất đoạn đường nguy hiểm đó thì địch tại núi Đá Chát im hẳn tiếng súng. Lý do là vị trí của địch chỉ thuận lợi cho hướng từ quận Hoài Ân vào.

Vào khoảng 5 giờ chiều thì TĐ vào tới xã An Lão, không một ai bị thương tích. Xã An Lão vẫn bình yên, mọi sinh hoạt vẫn bình thường. Lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân trấn đóng trong một đồn ở phía tây Xã gần con lộ dẫn lên cao nguyên Kontum. Dân chúng tại An Lão tương đối đông sống bằng nghề trồng và thu hoạch lá trầu và cau. Địa thế khu vực này nói chung có phần khó phòng thủ vì gần như nằm trong một long chảo nhỏ bé. Bảo vệ được đồn, xã đối với địa phương và du kích, còn với chính quy thì không có khả năng. Sở dĩ còn tồn tại, có lẽ địch thấy chưa thuận lợi và cần thiết.

Sự hiện diện của TĐ2/TQLC đã làm cho các đơn vị trú đóng và dân chúng rất phấn khởi, nhất là con đường đã được thông suốt, vì TĐ đã để lại một ĐĐ trú đóng tại kế cận chận núi Đá Chát. Hoạt động trong một thời gian, không có một đụng độ nào, TĐ2/TQLC được lệnh rút ra quận Hoài Ân. Ở đây TĐ2/TQLC được lệnh di chuyển gấp về Quy Nhơn để lên máy bay trở về Sài Gòn. Tôi có cảm nghĩ ngay là lại có chuyện gì xẩy ra ở Sài Gòn.

Về tới sân bay Tân sơn Nhứt, thì đã có sẵn xe đưa chúng tôi ra thẳng Bà Rịa (tỉnh Phước Tuy). Khi đó tôi mới biết là TĐ4/TQLC vừa đụng độ với VC tại khu vực ấp Bình Giả. Tại Bà Rịa, TĐ2/TQLC được lệnh cấp tốc hành quân trong đêm tối một khu vực nằm ở phía tây địa điểm xẩy ra trận đánh, vì được tin địch rút về đó. TĐ2/TQLC di chuyển bằng quân xa tới kế cận khu vực hành quân. Sau đó TĐ2/TQLC tiến quân băng qua những cánh rừng nằm dưới một chân núi cao để tới một ngôi làng nhỏ nằm bên bờ rừng vào lúc mờ sáng.

Tình hình thật yên tĩnh không có vẻ gì địch đang có mặt tại mục tiêu ấn định. TĐ mở cuộc bao vây và tiến vào Ấp, nhưng mọi sự đều im vắng, ngoại trừ một vài tiếng chó sủa và dân chúng trong Ấp đã thức dậy, trông ngơ ngác và sợ sệt. Như vậy địch đã rút về một hướng nào mà tin tức tình báo của Tiểu Khu chưa nắm được. TĐ2/TQLC lục soát một thời gian ngắn thì lại được lệnh rút về Bà Rịa. Nghỉ ngơi một ngày, sáng hôm sau TĐ2/TQLC hành quân trực thăng ngay vào trung tâm một đồn điền cao su, không cách xa nơi trận đánh vừa qua. Bãi đáp là một sân bay nhỏ của đồn điền.

Cuộc đổ quân hoàn toàn vô sự. Lúc xuống trực thăng tôi thấy có một người Pháp từ một tòa nhà hai tầng lầu nằm ẩn trong hàng cây cao su tiến ra. Trao đổi qua lại một lúc thì hắn cho biết là không có VC xuất hiện từ mấy ngày qua. Biết thế thôi chứ sao tin hắn được. Ý của hắn là chỉ muốn chúng ta đừng xử dụng không quân và pháo binh gây thiệt hại cho tài sản của hắn thôi. Dù sao cũng giúp cho tôi một nhận định là địch không có mặt trong vùng đổ quân. Tuy nhiên TĐ2/TQLC cũng không chủ quan khinh địch, vì chiến đấu trong rừng cao su rất khó khăn và dễ bị địch bao vây, chia cắt. Sự quan sát cũng bị hạn chế bởi các hàng cây cao su và những thân cây này sẽ giúp cho địch tiến sát dễ dàng mà hỏa lực của ta cũng bớt hiệu quả.

Còn về không quân và pháo binh yểm trợ cũng vậy, không thể chính xác được, đôi khi đã gây thiệt hại cho đơn vị bạn. Sự thể này đã rơi vào trường hợp của TĐ4/TQLC, được biết thì đơn vị này đặt dưới quyền điều động của Tiểu Khu Phước Tuy, sau khi một trực thăng của Hoa Kỳ bị bắn rơi trong khu rừng cao su về phía tây của ấp Bình Giả khiến một vài phi công bị tử thương. Do đó, Tiểu Khu đã ra lệnh cho TĐ4/TQLC mở cuộc hành quân, khi đó TĐ4 đang nghỉ quân ở gần ấp Bình Giả. Trước khi xuất quân, TĐ4/TQLC cũng nhận được một số tin tức của dân chúng trong ấp (người Thiên Chúa giáo di cư) là có địch xuất hiện trong đồn điền.

Không hiểu TĐ4 đã đánh giá tin tức như thế nào mà sau đó đã đụng lớn với khoảng một Trung Đoàn địch, về sau có tin là do Dương văn Nhật em ruột của Tướng Dương văn Minh theo VC từ ngày tập kết chỉ huy, khiến Thiếu Tá Nho Tiểu Đoàn Trưởng và Đại Úy Hoán Tiểu Đoàn Phó tử trận cùng với vài sỹ quan cấp Trung Đội và Đại Đội bị thương và tử thương, trong đó có thiếu úy Võ Thành Kháng mới ra trường đổ thủ khoa khóa 19 trường Võ Bị Đà Lạt. Về phía địch cũng thiệt hại không kém. Để cứu viện, Tiểu Khu cũng như Quân Đoàn 3 đã gửi Biệt động Quân và Thiết Giáp tới trận địa, những rồi cũng bị phục kích và diễn ra trận đánh ác liệt.

Trận chiến đã tạo ra dư luận rất giao động trong quân đội cũng như trong dân chúng. Tại Thủ Đô vì tình hình chính trị tại Sài Gòn cũng không lấy gì làm tốt đẹp cho

lắm. Với tình hình địa thế, và địch tình chưa nắm vững nên TĐ2/TQLC chỉ có nhiệm vụ lùng địch để trả đũa. Vì là mục tiêu không nhất định, nên TĐ2 đã điều quân không theo một phương hướng nhất định và dựa theo từng hàng cây để tiến tới.

Về đêm, TĐ2 chọn một bờ rừng, BCH và hai ĐĐ đóng ở ngoài trống, hai ĐĐ còn lại bố trí ở bờ rừng. Trường hợp có bị địch tấn công, TĐ2 dễ dàng quan sát và sử dụng không quân và pháo binh yểm trợ. Qua một tuần hành quân lục soát tìm địch không có kết quả, TĐ2/TQLC được lệnh trở về Bà Rịa nghỉ quân, đồng thời thay thế vị trí đóng quân của TĐ5 Nhẩy Dù do Thiếu Tá Ngô Quang Trưởng chỉ huy, để đơn vị này lại tiếp tục hành quân trực thăng vận vào đồn điền cao su phía tây Bình Giả, sau đó thì được tin TĐ5/Nhẩy dù, khi ĐĐ đầu tiên vừa đổ quân xuống là chạm địch, rồi tiếp theo là trận đánh khá ác liệt giữa đôi bên, kết quả là sự thiệt hại tương đối nặng cho cả hai bên, nhưng TĐ5/Nhẩy Dù đã làm chủ trận địa.

Như vậy đã nói lên là khi quân ta hành quân qua rồi chấm dứt thì địch lại quay lại vì biết chắc ta ít khi hành quân ngay lại lần thứ hai. Chắc địch đã học được kinh nghiệm. Những trận đánh như vậy thường diễn ra thất lợi cho địch vì chúng chủ quan không bố trí trận địa đầy đủ và sơ hở. Sau cuộc hành quân của Nhẩy Dù một thời gian thì trận chiến Bình Giả coi như chấm dứt. Trong thời gian dưỡng quân tại Bà Rịa thì Binh chủng TQLC tổ chức ăn Tết tại Câu Lạc Bộ TĐ4/TQLC, lúc này TĐ4/TQLC đang thời gian củng cố lại đơn vị và do Đại Úy Trí mới từ TĐ1/TQLC thuyên chuyển về nắm Tiểu Đoàn Trưởng.

Ngày mồng 1 Tết, tại buổi tiếp tân, có sự hiện diện của Tướng Khánh. Tại đây tôi mới rõ Tướng Khánh là con rể của làng tôi, vì vợ ông là em ruột của Nha sỹ Châu, người bạn của tôi trong thời niên thiếu. Người bạn ngụ tại ngõ Đông, còn tôi ở ngõ Vẽ, hai đứa thường cùng nhau đá banh, bơi lội tại cái hồ ở ngoài làng. Tướng Khánh lấy vợ khi ông còn là cấp úy, hoạt động trong một đơn vị Nhẩy Dù ở miền Bắc Việt Nam trước 1954.

TĐ2/TQLC trận chiến Tam Quan Bồng Sơn, Vùng I Chiến Thuật tháng 4/1965 (Bài 49)

Qua 1965, thì TĐ2/TQLC của tôi tiếp tục được điều động ra Vùng I và đã hành quân tại khu vực đồn Ba Gia, trước đó đã có cuộc đụng độ giữa Sư Đoàn 2 BB và VC. Sau đó thì TĐ2/TQLC tiến quân vào quận Sơn Hà hỗ trợ cho các đơn vị tại chỗ đang bị VC uy hiếp. Rồi TĐ2 di chuyển tới hành quân vùng thung lũng Cộng Hòa mà tình hình an ninh tại đó cũng không lấy gì làm sáng sủa lắm. Hành quân vào khoảng một tháng tại Vùng I với Sư Đoàn 2 BB, thì TĐ2/TQLC trở lại Sài Gòn. Trước khi ra đi, TĐ đã tham dự một cuộc diễn hành tại trung tâm Thị Xã Quảng Ngãi. Ở tại hậu cứ Sài Gòn ít ngày, TĐ2/TQLC lại được điều động trở lại Vùng II, thuộc khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn 22 BB, một khu vực rất quen thuộc với TĐ là Tỉnh Bình Định, mà địa điểm quan yếu vấn là Tam Quan-Bồng Sơn nằm ở cực bắc giáp ranh với tỉnh Quảng Ngãi.

Trận đánh tại ấp Phụng Dư Tam Quan, Bồng Sơn: Tình hình chung là sau khi Quân Đội làm cuộc đảo chính lật đổ



Chợ Tam Quan Bồng Sơn

chính quyền TT Ngô đình Diệm, tình hình an ninh và chính trị tại miền nam VN càng ngày càng xấu hơn do các Tướng lãnh cầm đầu guồng máy cai trị không có khả năng về chính trị mà còn quá tham vọng về ngôi vị lãnh đạo nên gây ra chia rẽ, phe nhóm kình chống nhau, làm cho quân đội suy yếu hẳn đi, không còn tích cực tham gia vào các cuộc hành quân tiểu trừ giặc Cộng như trước nữa, thêm vào chính sách hủy bỏ Ấp Chiến Lược có từ thời TT Ngô đình Diệm, và thay vào đó Ấp Tân Sinh, thì các vùng nông thôn rơi dần vào sự kiểm soát của VC ngày cũng như đêm, đặc biệt là tại miền Trung, thuộc Quân Khu 2. Tình hình tại đó vô cùng bi đát, chính quyền và quân đội chỉ còn kiểm soát được các quận lỵ và các làng xã nằm ven quốc lộ và tỉnh lộ, có khi cả quận lỵ như Dakto trên vùng cao nguyên phía bắc Kontum, Tân Cảnh đã bị VC đánh chiếm.

Trong tình hình đó, một Chiến Đoàn TQLC thuộc lực lượng Tổng trừ bị của Bộ Tổng Tham Mưu, được lệnh tăng phái cho Sư Đoàn 22 BB thuộc Quân Đoàn 2, mà BCH đóng tại núi Bà Di, thuộc ngoại vi thành phố Quy Nhơn. Chiến Đoàn vừa mới được thành lập theo nhu cầu nhiệm vụ chiến thuật, do Trung Tá Nguyễn Thành Yên chỉ huy bao gồm có hai tiểu đoàn tác chiến TĐ1 và TĐ2/TQLC do Thiếu Tá Tôn thất Soạn chỉ huy TĐ1 và Thiếu Tá Hoàng Tích Thông chỉ huy TĐ2 cùng với một pháo đội 75 ly sơn pháo gồm có 4 khẩu do Trung Úy Đoàn trọng Cảo làm Pháo đội Trưởng. Chiến Đoàn di chuyển từ sân bay Tân sơn Nhứt ra Quy Nhơn bằng phương tiện máy bay C123 vào tháng 4/1965. Từ sân bay Quy Nhơn Chiến Đoàn (CĐ) di chuyển bằng quân xa tới BCH Sư Đoàn 22, và sau khi nhận lệnh, CĐ tiếp tục di chuyển tới quận lỵ Bồng Sơn để chuẩn bị tham gia cuộc hành quân giải tỏa xã Tam Quan ở về phía bắc quận lỵ.

Tình hình an ninh và địa thế trong khu vực hành quân:

Quận lỵ Bồng Sơn nằm trên Quốc lộ 1, cách xa thị xã Quy Nhơn vào khoảng 80 cây số về phía bắc, một quận lỵ khá trù phú và cũng là đầu mối con đường vào xã An Lão, để đi lên Kontum, nên rất quan trọng về mặt chiến thuật và chiến lược. Nơi đây trước 1954, là vùng kiểm soát của VC mà quân đội Pháp đã không đánh chiếm được. Do ảnh hưởng của tình hình chính trị hỗn loạn sau 11/1963, nên vùng phía bắc Bình Định tiếp giáp với tỉnh Quảng Ngãi, thuộc Quân Khu I, lại càng bị VC lấn chiếm thêm, cô lập quận lỵ Bồng Sơn và cắt đứt hoàn toàn Quốc lộ 1.

Trong tình hình đó, Sư Đoàn 22 cũng như Tiểu Khu Bình Định hoàn toàn bất lực, vì không đủ lực lượng để mở các cuộc hành quân quy mô chống lại các đơn vị chủ lực của Sư Đoàn 3 Sao vàng CSBV hoạt động trong vùng và các lực lượng địa phương du kích ở khắp nơi nổi dậy hỗ trợ đắc lực cho các đơn vị VC với địa thế trong vùng rất thuận lợi cho thế phòng ngự và bất lợi cho cuộc phản công.

Từ quận lỵ Bồng Sơn tới ấp An Đô (đồi 10) và đèo Bình Đê giáp ranh với quận Đức Phổ thuộc tỉnh Quảng Ngãi (Quân khu I), về phía tây là các đồi núi cao, rừng dừa, ở phía đông là các làng mạc bao quanh bởi các hàng dừa kéo dài ra tới tận bờ biển. Tại xã Tam Quan-mục tiêu của cuộc hành quân, cũng nằm ngay trên Quốc lộ 1 cách quận lỵ Bồng Sơn khoảng mười cây số, nằm gọn trong các hàng dừa cao bao quanh, rất khó khăn cho việc phòng thủ. Từ xã Tam Quan, theo quốc lộ đến ấp An Đô là đồng ruộng trống, nhất là về phía tây. Chạy song song với quốc lộ là con đường sắt nằm về phía đông. Theo tin tức tình báo ghi nhận thì lực lượng của Sư Đoàn 3 Sao Vàng VC vẫn còn đang nằm ẩn ở dãy núi phía tây để chờ thời cơ thuận lợi đánh chiếm quận lỵ Bồng Sơn, khi đó được các đơn vị của một Trung đoàn BB thuộc Sư Đoàn 22 do Thiếu Tá Thìn (tự Long) chỉ huy. Còn các lực lượng địa phương và du kích trấn giữ các xã, ấp mà chúng chiếm được.

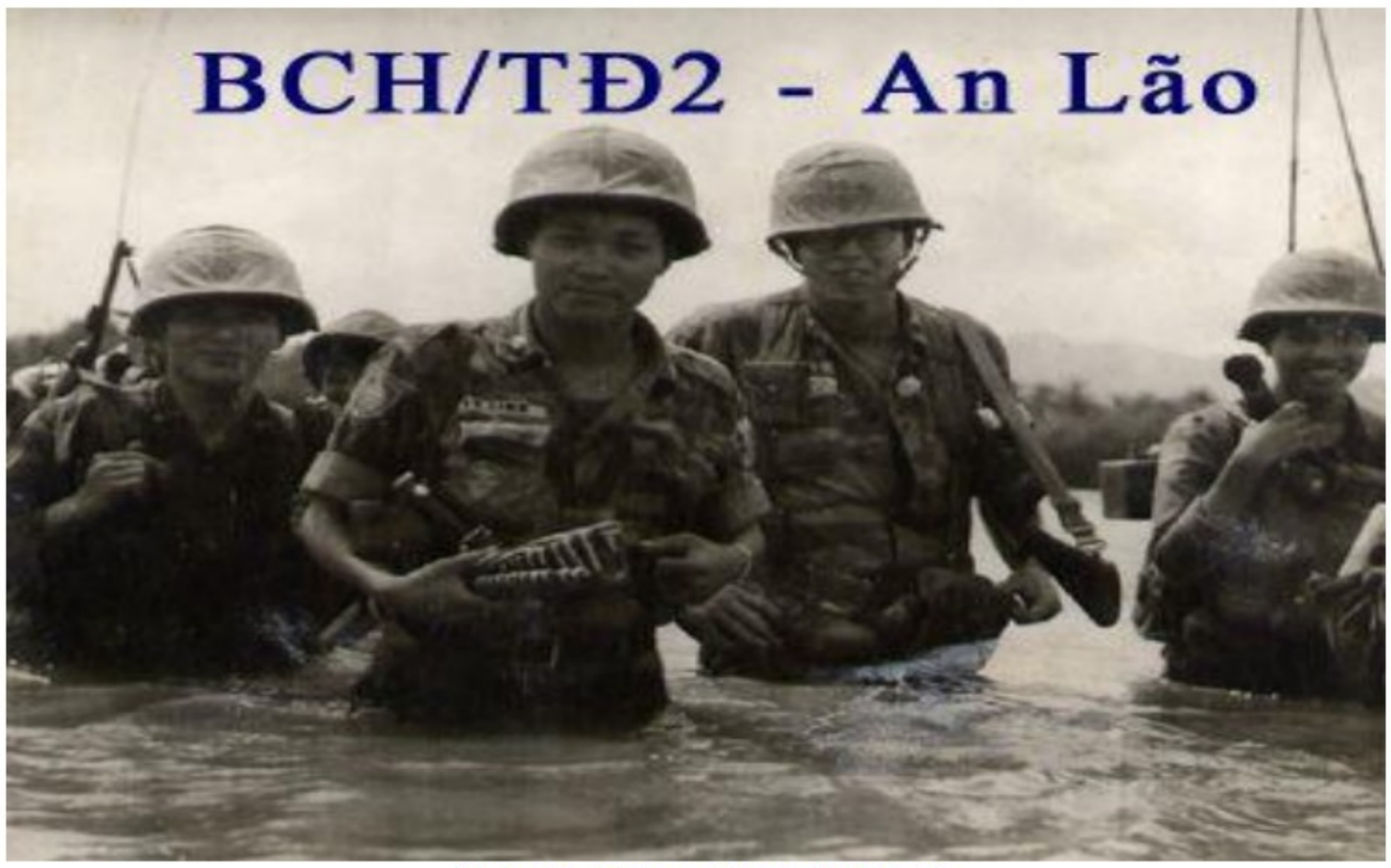
Diễn tiến hành quân:

Chiến Đoàn TQLC làm nhiệm vụ giải tỏa xã Tam Quan và Quốc lộ 1, nối liền từ quận Bồng Sơn đến đèo Bình Đê giáp ranh quận Đức Phổ nhằm duy trì an ninh, giúp Quận thiết lập lại chính quyền xã Tam Quan và các ấp trực thuộc. Chiến Đoàn xử dụng chiến thuật trực thăng vận từ sân bay Bông Sơn xuống bãi đáp phía nam ấp An Đô và đánh chiếm đồi 10. Thiết lập căn cứ hỏa lực để yểm trợ tiến chiếm xã Tam Quan và giải tỏa Quốc lộ 1 tới quận lỵ Bồng Sơn. TĐ2/TQLC xuất phát lúc 8:00 giờ sáng bằng trực thăng vận (H21) đổ quân xuống bãi đáp (Alfa) cách bờ ấp An Đô 100 thước về phía Nam, đánh chiếm ấp và đồi 10. Sau đó TĐ1/TQLC đổ quân tiếp theo, trấn giữ đồi 10 và đèo Bình Đê. Kế tiếp là BCH Chiến Đoàn và Pháo Đội 75 ly. Cuộc hành quân giai đoạn một kết thúc vô sự.

Sang giai đoạn hai,

TĐ1/TQLC đóng quân lục xoát tại chỗ, TĐ2/TQLC tiến quân đánh chiếm xã Tam Quan. Tiểu đoàn tiến quân bằng hai cánh theo quốc lộ 1, cánh A bao gồm BCH Tiểu Đoàn và hai ĐĐ ở phía đông, cánh B với hai ĐĐ ở phía tây do tiểu đoàn phó chỉ huy. Trên đường tiến quân không gặp sự kháng cự nào của địch cả, vì địa thế trống trải, quan sát dễ dàng. Nếu có chạm địch là khi đột nhập vào xã Tam Quan, nhưng kết quả vô sự. Tình hình dân chúng tuy thưa thớt nhưng vẫn bình tĩnh làm ăn, đi lại không có gì sợ sệt. TĐ2/TQLC tiến vào trung tâm xã lúc 4 giờ chiều. BCH tiểu đoàn tạm đóng quân tại nhà hộ sinh (đã bỏ trống từ khi VC chiếm giữ). Một ĐĐ bố trí chung quanh bảo vệ BCH/TĐ, ba ĐĐ còn lại tiếp tục tiến quân về phía Nam. ĐĐ3 do Đại Úy Nguyễn Năng Bảo chỉ huy tiến quân dọc theo Quốc lộ 1 về phía Bồng Sơn. ĐĐ4 do Đại Úy Ngô văn Định chỉ huy tiến quân ở phía tây quốc lộ và chiếm một cao địa ở phía Nam ấp Phụng Dư (cách BCH/TĐ khoảng 7 đến 800 thước) ĐĐ1 do Đại Úy Phạm Nhã chỉ huy tiến quân phía sau và bố trí dừng quân lúc 6 giờ chiều tại ấp Phụng Dư.

Trên đường tiến quân, ĐĐ3 đã chạm địch về phía tây nam ấp Phụng Dư khoảng 400 thước phải ngừng lại và tất cả ba ĐĐ được lệnh đóng quân. Khi được báo cáo của ĐĐ3 chạm địch, thì BCH/TĐ quyết định rời vị trí tới địa điểm đóng quân của ĐĐ1 lúc 6 giờ 30 chiều. Riêng ĐĐ2 của Đại Úy Hai Chùa kiêm nhiệm chức vụ tiểu đoàn phó, đóng quân tại chỗ. Tình hình yên tĩnh cho tới 1 giờ khuya. Lúc 1 giờ hơn thì VC tấn công BCH/TĐ và ĐĐ1, chúng áp dụng chiến thuật tiền pháo hậu xung. Khởi đầu là hàng loạt đạn súng cối 60 và 82 ly bắn tập trung vào trung tâm vị trí đóng quân. Một trái đạn đã nổ ngay ở đầu nhà, gần ngay chỗ tôi và viên cố vấn Mỹ nằm ngủ. Mãnh đạn đã làm xì hơi tấm nệm kê nằm. Tiếp đó một thời gian ngắn thì tiếng súng hai bên nổ ròn rã.



Bộ Chỉ Huy TĐ2/TQLC

Hướng tấn công chính của địch là từ phía tây tới. Ấp Phụng Dư là một ấp nhỏ, có những căn nhà lá nằm dưới các hàng dừa cao vút. Với địa thế không lấy gì làm thuận lợi cho phòng thủ, nên ĐĐ1 đã cố gắng, dù đã quá mệt nhọc suốt ngày, tổ chức được một phòng tuyến với giao thông hào bao quanh. Do đó hàng loạt tấn công xung phong của địch liên tiếp bị đánh bật ra. BCH tiểu đoàn đã liên lạc báo cáo ngay với BCH/Chiến Đoàn và điều chỉnh pháo binh từ đồi 10 bắn yểm trợ. Có điều cần biết là sơn pháo 75 ly chỉ bắn xa tối đa là 10 cây số nên chỉ yểm trợ được trận địa phía bắc mà thôi. Để bù vào chỗ thiếu sót đó, BCH/Tiểu Đoàn ra lệnh cho ĐĐ4/TQLC ở phía nam sử dụng súng cối 60 ly và đại liên 30 bắn yểm trợ về sườn phía tây và cũng là mũi tấn công chính của địch, đồng thời ra lệnh cho ĐĐ2 ở phía bắc và ĐĐ3 ở phía nam chuẩn bị di chuyển về cứu viện.

Cuộc tấn công của địch vào BCH/TĐ2/TQLC và ĐĐ1 vẫn tiếp diễn. Hỏa lực của địch ngày càng mạnh, kể cả súng cối và và súng hỏa tiến B40 và B41 (địch mới xử dụng). Trong khi đó thì hỏa lực của tiểu đoàn chỉ bao gồm có súng trường Garand M1, Trung liên Bar, Đại liên 30, súng phóng lựu, súng cối 60 và 81 ly, súng không dật 57 ly.

Vào khoảng gần sáng thì đại đội trưởng ĐĐ1 báo cáo là đạn gần cạn và yêu cầu tiểu đoàn tăng cường Tiểu Đội bảo vệ BCH tiểu đoàn và khẩu đại liên 30 ra phòng tuyến. Tình hình có vẻ hơi nao núng, mà cường độ tấn công của địch vẫn không suy giảm.

Vào lúc rạng sáng, ĐĐ3 của Đại Úy Bảo tiến tới vị trí của tiểu đoàn và ĐĐ1. BCH/TĐ2 ra lệnh cho ĐĐ3 cùng với ĐĐ1 phản công vượt qua phòng tuyến tiến đánh địch. Cùng lúc thì ĐĐ4 cũng được lệnh tiến quân lên phía tây-bắc để chặn địch rút lui. ĐĐ2 ở phía bắc tiến theo hướng tây nam để khóa chặt vòng vây. Trước khí thế phản công mãnh liệt của ta, địch rút chạy, nhưng chỉ có một số ít chạy thoát, còn lại đã sợ chạy ẩn núp vào một ruộng mía ở trước phòng tuyến và một giao thông hào từ hướng tây chạy tới mà chúng xử dụng để tiến sát vào vị trí đóng quân. Tất cả đã không chịu đầu hàng và đều bị hỏa lực của ta tiêu diệt gọn. Khi trời vừa sáng rõ, thì trận đánh chấm dứt. Quan sát trước phòng tuyến thấy những thi thể VC nằm chết trước phòng tuyến chỉ cách 4, 5 thước. Còn dưới giao thông hào và ruộng mía thì địch nằm chết ngổn ngang.

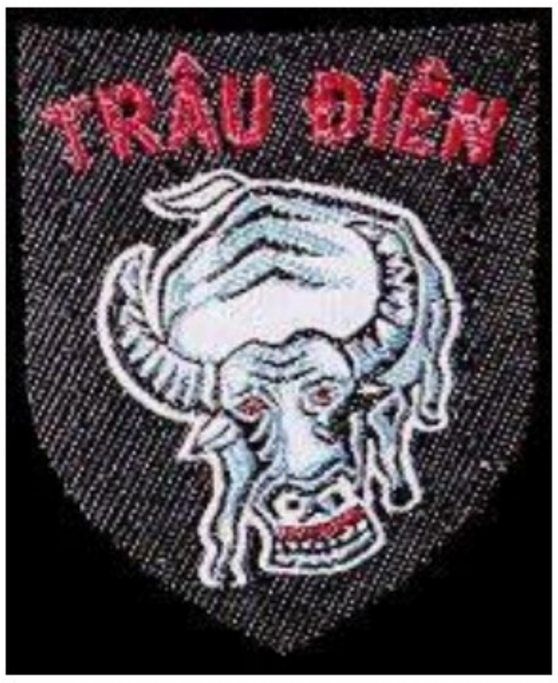
Kết quả là sau năm tiếng đồng hồ chiến đấu dũng cảm, trước sức tấn công dồn dập của một Trung Đoàn thuộc Sư Đoàn 3 Sao Vàng CSBV, TĐ2/TQLC nhất là ĐĐ1/TĐ2 đã chiến đấu vô cùng xuất sắc, chỉ bằng hỏa lực của đơn vị và dưới sự yểm trợ duy nhất và không mấy hữu hiệu của pháo binh Chiến Đoàn với tầm xa hạn chế. Một tiếng đồng hồ sau khi trận đánh chấm dứt, thì BCH Chiến Đoàn và TĐ1 được điều động tới. Sau đó, thì Tư Lệnh Sư Đoàn 22 là Chuẩn Tướng Nguyễn thanh Xăng tới thăm, và vào buổi chiều thì Trung Tướng Nguyễn Hữu Có, Tư Lệnh Quân Đoàn 2 xuống quan sát chiến trường đã phát biểu là đơn vị đóng ở một vị trí như vậy mà chiến thắng được địch quả là đáng khen.

Tổng kết trận đánh thì địch đã bị loại ngay tại trận khoảng 150 tên, trên 10 tên bị bắt sống. Vũ khí tịch thâu trên 100 khẩu đủ loại, bao gồm súng cá nhân và cộng đồng. Về phía ta thì sự thiệt hại quá nhẹ so với địch mà không ai có thể tin được. Chỉ có 5 binh sĩ bị tử thương, số bị thương khoảng 10 người. Sau khi thu dọn chiến trường, các ĐĐ được tiếp tế đạn dược đầy đủ, các binh sĩ bị thương và tử thương được không tải về bệnh viện Quy Nhơn, tiểu đoàn được phối trí lại để sẵn sàng ứng phó với một cuộc tấn công khác của địch hòng lấy lại xác của những tên VC đã chết không mang đi được. BCH/TĐ2/TQLC vẫn đóng với ĐĐ1, nhưng được tăng cường phòng thủ với ĐĐ2, còn ĐĐ3 và ĐĐ4 di chuyển về vị trí cũ để chuẩn bị làm nhiệm vụ tiếp theo là giải tỏa Quốc Lộ 1 về tới Bồng Sơn. Sau trận đánh thì tinh thần chiến đấu của TĐ2/TQLC lên rất cao.

Đúng như dự đoán, vào lúc gần nửa đêm thì địch tấn công thật, nhưng lần này cường độ không mạnh lắm, trước sự phòng thủ chặt chẽ của tiểu đoàn, khoảng 15, 20 phút tấn công không kết quả, địch vội vã rút lui. Về sau tin tức ghi được thì địch tấn công đợt sau chỉ có mục đích lấy lại xác mà trong đó có một vài cán bộ chỉ huy cao cấp. Những ngày sau đó, thì TĐ2/TQLC hoàn tất nhiệm vụ đánh chiếm lại xã Tam Quan, duy trì an ninh, yểm trợ chính quyền củng cố lại các cơ sở xã, ấp. Từ đó cho đến ngày Chiến Đoàn rời khỏi khu vực hành quân, thì không còn một trận đánh quy mô nào xẩy ra nữa.

Sau trận đánh kết thúc, kiểm điểm lại thì thấy rằng sự chiến thắng quả là đáng khích lệ, vì sự thiệt hại của ta rất nhẹ, trong khi đó thì địch thiệt hại rất nặng nề, hầu như một Trung Đoàn của Sư Đoàn 3 Sao Vàng cộng sản Bắc Việt như tê liệt, phải mất một thời gian dài mới hoạt động lại được. Sự chiến thắng này không những làm

cho tinh thần chiến đấu của quân nhân trong Binh chủng TQLC lên cao mà còn tạo cho quân đội VNCH tin tưởng hơn, trong khi tình hình an ninh lãnh thổ toàn miền Nam đang trong hoàn cảnh rất bết bát qua trận đánh tại Bình Giả (Phước Tuy) cuối năm 1964 thuộc Quân Khu 3. Trận chiến tại Tân Cảnh, đưa tới mất quận lỵ Dakto, đồn Đức Cơ thuộc lực lượng đặc biệt ở biên giới Việt Miên, quận Phú Bổn bị bao vây, cô lập, tỉnh lộ 19 nối liền Pleiku Kontum, tỉnh lộ 22 nối liền Nha Trang Ban Mê Thuột bị cắt đứt, thuộc vùng cao nguyên Quân Khu 2. Binh chủng TQLC nói chung và TĐ2/TQLC nói riêng đều đã có mặt trong các cuộc hành quân giải tỏa.



Danh Tiểu Đoàn 2 Trâu Điên TQLC có từ trận đánh này

Một yếu tố khác không kém phần quan trọng trong sự đã đem lại sự chiến thắng ở ấp Phụng Dư như nói ở trên là tình báo địch theo dõi mọi hoạt động của TĐ2/TQLC không chính xác. Chúng yên chí là chỉ có một ĐĐ đóng quân đêm tại ấp Phụng Dư, chứ không biết là BCH/TĐ2 vào lúc chiều tối đã di chuyển tới vị trí của ĐĐ1 khi được báo cáo ĐĐ3 chạm địch. Do đó hệ thống phòng thủ của ĐĐ1 đã được thay đổi, quân chủ lực được chuyển qua tuyến phòng ngự ở mặt tây, nơi có địa hình thuận lợi cho tấn công. BCH/TĐ2 và các thành phần yểm trợ như Trung Đội súng cối 81 ly, Tiểu Đội Bảo vệ, Tiểu Đội Truyền Tin bố trí về phía đông. Khi địch mở cuộc tấn công, đúng như dự đoán, chúng đã gặp ngay sức kháng cự mãnh liệt của ta, dù đã tung ra nhiều cuộc xung phong suốt 4, 5 tiếng đồng hồ. Ngoài ra địch cũng không ngờ các ĐĐ của TĐ2/TQLC khác bố trí cách xa đó, trong kế hoạch phối trí yểm trợ hỗ tương cho BCH/TĐ2 và đã được lệnh phản công vào lúc gần sáng, đặc biệt là ĐĐ4 đóng tại cao địa phía tây nam đã xử dụng súng cối 60 ly và đại liên 30 bắn vào sườn địch và rồi với ĐĐ2 ở phía bắc tiến tới khóa chặt đường rút lui về phía tây của địch, khiến chúng tháo chạy không kịp mang theo các tên bị thương và chết. Số lớn bị bao vây không chịu đầu hàng, sau đó đã bị hỏa lực tiêu diệt. Qua chiến thắng này, cũng như các cuộc hành quân đụng độ sau đó, thì trận đánh tại ấp Phụng Dư, xã Tam Quan tháng 4/1965 quả là một chiến tích đẹp nhất của Binh chủng TQLC nói chung cũng như của TĐ2/TQLC nói riêng. Vì vậy **TĐ2/TQLC đã được VC gán cho biệt hiệu là Trâu Điên**, vì mỗi lần đụng độ là TĐ2 chỉ có tiến tới bất kể hỏa lực và bố trí phòng ngự kiên cố của địch. Nói một cách khác là suốt trong tời gian trong Quân Lực VNCH của TĐ2/TQLC chưa có lần nào chiến bại trước quân thù cả.

Riêng với cá nhân tôi, suốt trong thời gian phục vụ trong Binh chủng TQLC, trải qua bao chiến trận từ cấp ĐĐ tới Lữ Đoàn, tôi rất hài long về trận đánh ấp Phụng

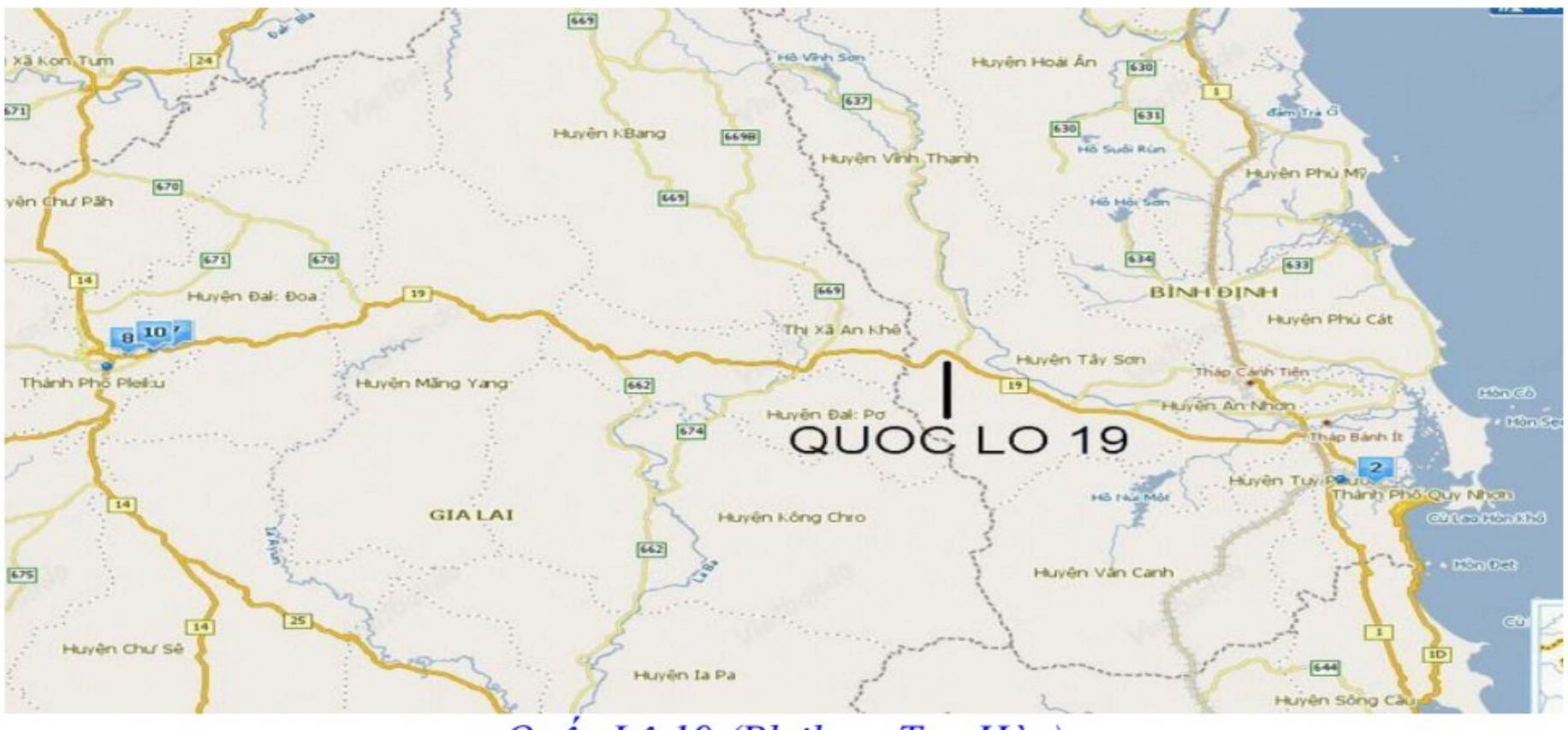
Dư của TĐ2/TQLC nhất, và đó cũng là kỷ niệm đẹp, oai hùng nhất trong cuộc đời quân ngũ. Xin dành một phút nhớ tới những chiến sĩ đã hy sinh trong chiến trận đó. Sau những ngày hành quân tại Bồng Sơn Tam Quan, TĐ2/TQLC di chuyển về kế cận tỉnh lỵ Quy Nhơn nghỉ dưỡng quân. BCH Chiến Đoàn và TĐ1/TQLC trở về hậu cứ Sài Gòn.

TĐ2/TQLC hành quân Cao Nguyên (Vùng II) giải tỏa quận Đắc Tô, Đức Cơ, Phú Bổn và các trục lộ giao thông…
Sau 18 tháng giữ chức Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC, rời tiểu đoàn du học Sỹ Quan Trung Cấp Hoa Kỳ năm 1966 (50)

Được một thời gian thì Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2 xử dụng TĐ2/TQLC vào cuộc hành quân giải tỏa Tỉnh lộ Pleiku-Quy Nhơn đã bị gián đoạn do VC chiếm giữ một vài cái đèo ở khoảng giữa đường.

Cuộc hành quân được diễn ra bằng hai mũi tiến quân từ Pleiku kéo xuống và từ Quy Nhơn tiến lên. Cánh quân từ Pleiku do một Tiểu Đoàn Nhẩy Dù đảm trách, còn từ Quy Nhơn tiến lên do TĐ2/TQLC trách nhiệm. Ngoài hai lực lượng trên còn có các đơn vị yểm trợ khác như Pháo Binh và Công Binh vì suốt dọc con lộ có nhiều cầu và đường bị phá hoại cần phải có Công binh để sửa chữa.

Địa thế suốt khu vực hành quân nhất là nằm ở phía nam, một dãy đồi núi cao chạy dài, có chỗ đã bị chận đánh trước 1954 (khu vực đèo An Khê). TĐ2/TQLC đã tiến quân rất cẩn thận theo hai bên đường lộ. Cuộc tiến quân hơi chậm nhưng chắc chắn để tránh rơi vào bẫy phục kích của địch. Trên đường tiến quân, chỉ gặp một vài đụng độ với du kích địa phương không đáng kể. Vào khoảng vài ngày thì hai cánh quân bắt tay nhau. Sau đó thì các đơn vị tiếp tục lục soát chiếm giữ những yếu điểm để an ninh cho các đơn vị công binh sửa cầu đường. Khoảng một tuần lễ thì con đường số 19 nối liền Pleiku-Quy Nhơn thông suốt. Việc đi lại bằng xe cộ trở lại bình thường. Các lực lượng địa phương của Tỉnh và Quận trách nhiệm đóng quân bảo vệ an ninh tỉnh lộ. Cuộc hành quân vừa chấm dứt được một thời gian, thì TĐ2/TQLC (Trâu Điên) lại tiếp tục làm nhiệm vụ giải tỏa tỉnh lộ 21 từ Nha Trang lên Ban Mê Thuột. Sự thể cũng không khác gì tỉnh lộ 19.



Quốc Lộ 19 (Pleiku – Tuy Hòa)

Mục tiêu của địch là muốn cô lập Cao nguyên Pleiku-Kontum với đồng bằng miền Trung. Công tác này cũng do hai binh chủng Nhẩy Dù và TQLC làm nhiệm vụ chủ lực. Rút kinh nghiệm của cuộc hành quân trước, vì địa thế cũng gần tương tự như tỉnh lộ 19, nhưng tương đối dễ tiến quân hơn. Việc giải tỏa cũng được diễn ra trong một thời gian ngắn, không có sự hiện diện của quân chính quy CSBV.

Trong thời gian này thì Quân Đội Hoa Kỳ trực tiếp tham gia vào cuộc chiến ở miền Nam VN bằng một cuộc đổ bộ của Binh chủng TQLC Hoa Kỳ lên bái biển Nam Ô ở phía bắc Thị Xã Đà nẵng. Phải chăng do tình hình chiến trận diễn biến bất lợi cho Quân Đội VNCH, và chủ chương, chính sách của Hoa Kỳ chưa đạt được.

Tiếp sau cuộc hành quân giải tỏa tỉnh lộ 21 giữa Nha trang-Ban Mê Thuột thì TĐ2/TQLC được điều động lên Tân Cảnh tỉnh Kontum Tân Cảnh vì trước đó một đơn vị của Trung Đoàn thuộc Sư Đoàn 22 BB đã bị phục kích trên đường vào tiếp viện Quận Dakto đang bị đánh chiếm và đã khiến cho vị Trung Đoàn Trưởng bị tử thương. Do đó mà TĐ2/TQLC đã có mắt tại Tân Cảnh (bắc Kontum) và được giao trách nhiệm giải tỏa Quận lỵ Đắc Tô (Dakto).

Rút kinh nghiệm, theo địa thế hai bên đường lộ, một bên là suối sâu, một bên là các đồi núi cao, nên tiển đoàn không tiến quân theo đường cũ của Trung Đoàn BB mà đi sâu vào phía trong và băng qua đồi núi để tiến gần đến quận lỵ. Muốn vào mục tiêu, tiểu đoàn đã phải băng qua một con suối chắn ngang nằm sâu dưới chân núi. Các ĐĐ phải tuần tự đổ dốc thật nguy hiểm dưới sự yểm trợ của hỏa lực cơ hữu và pháo binh. Địa thế khó khăn nhưng có cây cối che khuất, nên địch ở phía bên kia suối cũng khó mà quan sát thấy. TĐ2/TQLC phải mất đến hai tiếng mới vượt qua con suối mà không có phản ứng nào của địch.

Từ bờ suối đến quận lỵ không xa lắm, khoảng 700 thước, và từ phía đông quận lỵ, tiểu đoàn dàn quân tiến vào. Còn cách một, hai trăm thước thì từng loạt đạn bắn ra, tôi ra lệnh cho hai ĐĐ tiền phong xung phong vào quận lỵ. Khi đột nhập được vào mục tiêu thì một số địch quân, có lẽ thuộc lực lượng địa phương du kích vội vã rút chạy về phía bắc. Quang cảnh quận lỵ thật vắng lặng, không một bóng người, vì tất cả đã bỏ chạy về Tân Cảnh. Thời gian đã về chiều, tiểu đoàn phân chia lục soát và tổ chức phòng thủ đêm.

Ngày hôm sau, tiểu đoàn tiếp tục hành quân về phía bắc theo một thung lũng khá rộng hướng về phía bắc, giáp ranh với Lào và Campuchia (gọi là ngã ba biên giới) có một đồn biên phòng do lực lượng Đặc Biệt trấn giữ (tôi không hiểu còn hay mất). Tại một địa điểm không xa quận lỵ, ở một khu trống trải, chúng tôi phát giác ra những đường giây điện thoại chạy ngang dọc ngoài khu vực mà trực thăng có thể đổ quân xuống.

Địch đã ước tính sai, vì chúng tôi đã hành quân bộ. Thực ra thì cũng chỉ vì không có phương tiện trực thăng. Lúc đó Bộ binh Hoa Kỳ chưa tới VN đủ để bung ra 4 Quân Khu. Trường hợp thực hiện bằng trực thăng vận, chắc chắn là sẽ có một cuộc đụng độ dữ dội không biết thắng bại ra sao. Do đó địch đã bỏ ý định lúc ban đầu và rút quân khỏi Dakto, tránh đụng độ với TQLC mà chúng không ăn chắc. Khoảng mười hôm trấn đóng tại Dakto, khi các cơ quan hành chánh Quận trở lại làm việc,

cũng như lực lượng địa phương đảm trách bảo vệ an ninh bố trí xong, thì tiểu đoàn rút khỏi quận lỵ trở về Kontum. Nghỉ dưỡng quân ít ngày, tiểu đoàn lại lên đường trở lại BTL Quân Đoàn 2 để nhận nhiệm vụ mới hoạt động tại Tiểu Khu Phú Bổn (một tỉnh mới thành lập trong thời kỳ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, lấy Quận Cheo Reo làm Tịnh lỵ). Tỉnh này phần lớn thuộc người Thượng Bana sinh sống trong các buôn làng bao quanh bởi hàng cây rậm rạp hoặc một vài đồn điền cao su mới khai thác.

Tình hình địa thế thật khó khăn tạo ra bởi các đồi núi, thung lũng và suối sâu. Trong đó có con đường tỉnh lộ số 7 nối liền từ Pleiku qua Phú Bổn tới tỉnh Tuy Hòa ở gần biển. Con lộ này, khi tình hình hoạt động của VC ngày càng lớn mạnh, đã không xử dụng đến nữa. Tới đầu tháng 3/1975 khi các lực lượng của Quân Đoàn 2 rút khỏi cao nguyên Pleiku-Kontum, thì đã xử dụng con đường này để di chuyển về Tuy Hòa, nhưng vì lâu ngày bỏ hoang nên cầu đường hư hỏng khá nhiều, xen lẫn với sự truy kích của quân CS Bắc Việt đã gây ra biết bao thảm cảnh chết chóc cho các đơn vị rút lui cũng như dân chúng di tản.

Theo ước tính của BTL Quân Đoàn 2 thì CS sẽ không ngờ Quân Đoàn lại rút lui bằng con đường đó, nhưng tính cách bất ngờ đã không còn nữa khi lực lượng rút lui quá đông, đường sá, cầu cống bị hư hỏng nên yếu tố nhanh chóng cũng mất. Ngoài ra còn những yếu tố khác như: chỉ huy, kỷ luật v.v.. nên địch đã nhận ra và cho quân truy kích, đánh phá suốt đoạn đường biến Tỉnh Lộ 7 thành tử lộ…Với một địa thế như vậy, bao quanh một tỉnh lỵ nghèo nàn, trong một tình hình chiến trận sôi động, tỉnh lỵ đã thành mục tiêu cho đối phương, nên đã rơi vào tình trạng bao vây. Tỉnh lộ 7 bị cắt đứt tương tự như các tỉnh lộ 19 và 21. Hơn nữa Phú Bổn cũng nằm trên một vị trí chiến lược chi phối cao nguyên xuống vùng đồng bằng. Do đó TQLC đã được gửi tới để tăng cường cho các lực lượng địa phương hành quân giải tỏa áp lực của địch cũng như khai thông con đường số 7.

Cũng như cuộc hành quân giải tỏa tỉnh lộ 19 và 21, chủ lực CSBV cũng né tránh và chỉ để lại các thành phần địa phương, du kích hoạt động quấy rối gay khó khăn đôi chút mà thôi, và rồi cũng chỉ một thời gian mươi, mười lăm hôm thì tình hình trở lại bình thường, hết bắn phá quấy rối và pháo vào Tỉnh lỵ. Sau đó thì TĐ2/TQLC được lệnh trở về hậu cứ nghỉ dưỡng quân. Được hơn một tháng thì TĐ2 cùng với TĐ5/TQLC (mới thành lập) và BCH Chiến Đoàn do Trung Tá Nguyễn Thành Yên chỉ huy lên đường trở lại vùng cao nguyên rừng núi, sương mù, đất đỏ.

Tình hình tại đó vẫn chưa được sáng sủa, địch đang dồn áp lực đánh phá, bao vây đồn lực lượng Đặc Biệt tại Đức Cơ, ở phía tây nam tỉnh lỵ Pleiku, sát biên giới Việt-Miên. Chiến Đoàn được không vận xuống phi trường Cù Hanh (Pleiku). Tại BTL Quân Đoàn 2 (lúc này do Thiếu Tướng Vĩnh Lộc làm Tư lệnh). Chiến Đoàn TQLC được giao nhiệm vụ tăng cường hành quân cho các lực lượng hoạt động trong khu vực bao quanh đồn Đức Cơ, trong đó có một đơn vị Nhẩy Dù. Cuộc hành quân giải tỏa Đức Cơ được giao cho Chuẩn Tướng Cao hảo Hớn (Tư lệnh phó) chỉ huy. TQLC được tăng cường một Chi Đoàn hỗn hợp chiến xa và thiết quân vận. Đoàn quân được quân xa chuyển tới một con sông thì xuống xe đi bộ qua cầu.

Tại bờ tây con sông (cũng là tuyến xuất phát) Chiến Đoàn hợp cùng với đơn vị thiết giáp tiến quân theo hai bên đường, đều bị hạn chế bởi các thung lũng chạy dọc theo. Trên lộ trình, lâu lâu có đi qua một vài ấp nằm sát con lộ. Dân chúng đều thuộc thành phần di cư từ ngoài Bắc vào nên cũng yên trí một phần nào về tin tức hoạt động của địch. Đến gần chiều tối, khi tiến tới một địa điểm chỉ còn cách đồn Đức Cơ khoảng 4, 5 cây số, thì đột nhiên địch đột kích vào phía sau một ĐĐ của TĐ2/TQLC khi vượt qua một đoạn đường dốc, nhưng may không thiệt hại gì cả.

Lập tức TĐ2 được lệnh của Chiến Đoàn phối hợp với Thiết giáp mở cuộc phản công, nhưng địch bố trí trên địa thế cao hơn nên khó tiến quân, địa thế lại hẹp không thể mở rộng đội hình được. Giằng dai một hồi lâu, lúc tiến rồi lại lùi mỗi khi địch mở hỏa lực. Sau tôi phải thảo luận với vị chỉ huy thiết giáp, bằng cách xả hết tốc lực, có TQLC tháp tùng, đồng thời mở hết hỏa lực, thì quả nhiên dưới sức tấn công mạnh mẽ, địch tháo lui xuống thung lũng ở phía nam và con dốc được chiếm đóng.

Sau đó thì Chiến Đoàn TQLC và Thiết giáp bố trí đóng quân theo hai bên lộ. Nhưng vào khoảng nửa đêm, VC lại lợi dụng đêm tối từ hai thung lũng tới bắn quay rối và dùng súng cối bắn vào đoàn quân ta. Dưới hỏa lực của thiết giáp và bộ binh, một giờ sau trở lại yên tĩnh cho tới sáng.

Ngày hôm sau trước khi di chuyển, TĐ2/TQLC được lệnh lục soát phía bắc, nhưng cũng không thấy dấu vết gì của địch. Về sau, khi hành quân trở về, thì được tin là sở dĩ địch bố trí tại đỉnh dốc con lộ và đột kích phía sau TĐ2/TQLC là bảo vệ cho đơn vị của chúng rút lui từ hướng bắc về phía nam, nhưng chưa đi thoát được bao nhiêu thì ta quay lại phản công, nên sô còn lại phải năm trú ân dưới thung lũng ở phía bắc đường lộ cho tới chiều ngày hôm sau khi TQLC và Thiết Giáp tiến quân về đồn Đức Cơ.

Trường hợp nếu TĐ2 phát giác ra được thì địch hết đường chạy và chỉ còn có đầu hàng hoặc bị tiêu diệt. Khi đoàn quân tiến tới sát trại Lực Lượng Đặc Biệt thì nơi đây đã được Nhẩy Dù và bộ binh giải tỏa, trong ngoài đã bắt tay được với nhau. Sau đó, Chiến Đoàn mở cuộc hành quân lục soát khắp khu vực kế cận tới biên giới Campuchia nhưng không kết quả. Địch đã rút vào trong nội địa Campuchia. Trong thời gian này, một chiếc máy bay khu trục F-100 của Không quân Hoa Kỳ bị hỏa lực phòng không VC bắn rơi cách TĐ2/TQLC chừng 15 cây số, trong rừng sâu. Phi công nhẩy dù thoát nạn, không hiểu về sau có được trực thăng tới cứu thoát hay không. Hành quân được hơn mười ngày thì Chiến Đoàn di chuyển về lại Pleiku và nhận lệnh tiếp tục di chuyển lên Kontum. Được biết tình hình tại đó cũng không tốt đẹp gì cho lắm, có một đơn vị lớn của VC đang hoạt động chung quanh Tỉnh lỵ để chờ cơ hội tấn công. Bởi vậy Chiến Đoàn có nhiệm vụ mở cuộc hành quân lùng diệt địch. Vùng hành quân nằm về phía đông tỉnh lỵ Kontum chừng 30 cây số đường chim bay.

Tình hình địa thế cũng không khác mấy với những nơi khác của vùng cao nguyên, nghĩa là vẫn rừng núi, cây cối rậm rạp, thung lung sâu, rất mệt nhọc cho quân sĩ phải hành quân lâu ngày. Không quân và Pháo binh yểm trợ khó khăn. Một khi muốn xác định vị trí chính xác, phải trèo lên cây cao, dùng một cây sào dài, đầu buộc một trái lựu đạn khói màu để cho máy bay dễ quan sát thấy, tuy vậy cũng phải

dùng đến vài trái khói mới đạt kết quả, còn nếu ở dưới đất, khói bay lên đến ngọn cây thì đã tản hết nên vô dụng. Xử dụng pháo binh thì lại càng khó hơn vì trong rừng sâu quan sát và nghe bị hạn chế rất nhiều, chỉ có tiếng dư âm tiếng vang mà thôi.

Theo tôi nhận xét, thì địch không tội gì mà đóng quân trong rừng sâu, mà luôn luôn bám vào các bản, buôn, xử dụng dân để làm tai mắt. Bởi vậy nhiều lần, mới khi hành quân mà gặp một buôn, làng là y như chạm địch, không lớn thì nhỏ, nên tiểu đoàn rất cẩn thận khi tiến vào bản, làng.

Kết cuộc hành quân dài người, địch chẳng thấy đâu mà chỉ bị vắt cắn đầy người, nhất là trong mùa mưa lạnh giá. Bởi vậy tin tức tình báo không năm vững thì chỉ khổ cho các đơn vị tác chiến cứ chạy đuổi theo, luôn ở thế hạ phong, bị động. Kết quả hành quân thì nhiều mà kết quả thâu lượm chẳng được là bao. Ngoài ra các lực lượng địa phương của ta lại quá yếu về cả hai mặt tinh thần chiến đấu và trang bị vũ khí, nên một khi không có đơn vị chính quy yểm trợ là không bảo vệ được khu vực giao phó cũng như đồn trại và cơ sở, một khi bị đánh phá bởi lực lượng địa phương chứ đừng nói tới chính quy của địch.

Trong khi đó thì chủ lực của ta chỉ có hạn không thể bao vùng hết được, còn phải đương đầu với chính quy địch, không lẽ dùng con dao to để mổ xẻ những con cá nhỏ, hoặc như một võ sĩ đấm vào chỗ không. Sau những ngày dài hành quân trong rừng sâu, Chiến Đoàn TQLC rút về tỉnh lỵ Kontum và dưỡng quân tại một doanh trại của một Trung Đoàn thuộc Sư Đoàn 22 BB. Khi đó thời gian đã thuộc vào những ngày cuối năm 1965.

Nghỉ được ít ngày thì tôi nhận được lệnh chuẩn bị bàn giao đơn vị và trở về Sài Gòn thiết lập hồ sơ theo học khóa Trung Cấp tại Hoa Kỳ. Lễ bàn giao đơn vị có sự hiện diện của Tướng Khang Tư Lệnh Binh Chủng. Thiếu Tá Lê hằng Minh vừa đi học ở Hoa Kỳ về thay thế tôi giữ chức vụ tiểu đoàn Trưởng TĐ2/TQLC.

Như vậy là tôi làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 (Trâu Điên) TQLC hơn 18 tháng.

Du học khóa Sĩ Quan Trung Cấp TQLC Hoa Kỳ năm đầu năm 1966 (51)

Bàn giao xong đơn vị, tôi lên máy bay trở về Sài Gòn. Một thời gian tương đối dài chỉ huy TĐ2/TQLC (TĐ2 Trâu Điên), một đơn vị suốt ngày tháng ngoài chiến trường, đảm trách những nhiệm vụ quan trọng và thu được những kết quả đáng khích lệ, tôi rời khỏi đơn vị trong buồn vui lẫn lộn với sự ngậm ngùi.

Trong thời gian hành quân xa, thì tại Sài Gòn cũng đã có nhiều thay đổi. Tướng Khánh dưới áp lực của Hội Đồng Quân Lực, phải từ chức và xuất ngoại để ổn định tình thế, vì dưới sự lãnh đạo của ông, tình hình chính trị mỗi ngày một xáo trộn. Việc hạ bệ Tướng Khánh đều do nhóm Tướng Trẻ trong Hội Đồng Quân Lực thực hiện. Sau đó thì nhóm tướng lãnh gọi là trẻ, đã nhân danh Quân Đội đứng ra lãnh

trách nhiệm lèo lái con thuyền Quốc Gia thay cho chính quyền dưới thời Tướng Khánh.

Chính quyền được Quân Đội cầm trịch và được tổ chức lại như sau: Ủy Ban Lãnh đạo Quốc Gia do Trung Tướng Nguyễn văn Thiệu giữ chức vụ Chủ Tịch thay thế cho Quốc Trưởng Phan khắc Sửu. Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (Thủ Tướng) do Thiếu Tướng Nguyễn cao Kỳ, Tư Lệnh Không Quân đảm trách thay thế cho Thủ Tướng Phan huy Quát. Sau đó thì tình hình cũng tạm ổn về phương diện chính trị, không còn có sự chống đối của hai Tôn giáo lớn Phật Giáo và Công Giáo, ít ra là trên bề mặt. Viêc tranh dành quyền lực trong Chính Phủ cũng tạm chấm dứt, nhưng trong Quân Đội vẫn còn âm ỷ kình chống nhau vì tham vọng của một vài Tướng lãnh và sĩ quan cao cấp nên đã xẩy ra một vài vụ xử dụng quân đội dưới quyền để gọi là biểu dương lực lượng hay âm mưu lật đổ, nhưng đã thất bại vì quân đội không ủng hộ.



Đài tưởng niệm TQLC Hoa Kỳ trước cổng vào Trung Tâm huấn luyện Quantico, Virginia

Qua Tết âm lịch năm 1966, tôi lên đường du học ở Hoa Kỳ, cũng tại tiểu bang Virginia lần đi học trước kia. Lần này ra đi, tôi không cảm thấy phấn khởi lắm vì nước Mỹ không còn xa lạ. Tham dự khóa học chỉ có một mình tôi, nên lại càng không vui. Dù sao thì đây cũng là cơ hội để trao đổi kiến thức, nghề nghiệp, đồng thời nghỉ ngơi một thời gian rồi lại tiếp tục nhiệm vụ đời lính ngoài chiến trường. Lộ trình máy bay lần này khác với lần đi trước vào tháng 11/1960. Thay vì qua Phi luật Tân, Hawaii rồi San Francisco, thì lần này với máy bay phản lực, từ sân bay Tân sơn Nhất tới phi trường Haneda (Nhật Bản), nghỉ hai giờ rồi bay thẳng tới San Francisco (Cựu kim Sơn). Với máy bay phản lực và lộ trình ngắn hơn, nên thời gian ngồi máy bay cũng ngắn bớt đi. Cũng như lần trước, tôi nghỉ chân tại căn cứ Hải Quân ở Oakland. Vì là lần thứ hai, nên không còn bỡ ngỡ như lần trước, vả lại tiếng Anh cũng khá hơn nên mọi chuyện diễn tiến suông sẻ. Nghỉ một thời gian ngắn, tôi lên máy bay thẳng tới sân bay ở Baltimore (Maryland).

Tại đây tôi cũng được một sĩ quan của nhà Trường đón sẵn, và chúng tôi lên xe về Quantico (Virginia) và ở trong khu nhà độc thân (BOQ) vì Trường Amphibious Warfare School (AWS) cũng ở ngay trong Thị Trấn. Tôi được viên sĩ quan phụ trách cao ốc sắp xếp cho một căn phòng có đầy đủ tiện nghi tại lầu hai. Thời gian học về mùa hè nên thời tiết rất ấm áp và hơi nóng vào các tháng 5, 6, 7. Về ăn uống thì dùng hai bữa tại Câu lạc bộ. Bữa ăn trưa dùng đại khái tại Câu lạc bộ nhà

Trường, vì chỉ có một tiếng nghỉ ngơi. Do đó tôi chỉ trả tiền cho hai bữa ăn, còn buổi trưa ăn bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Về tiền phụ cấp của Chính Phủ Hoa Kỳ cũng như lần trước, cộng thêm với số tiền ở trong nước gởi ra.

Cùng theo học với tôi có một sĩ quan Đại Hàn và Venezuela (Nam Mỹ). Các sĩ quan này tới học là do nhà nước của họ đài thọ. Tôi thấy họ khá giàu, đem theo cả vợ con, có xe riêng và thuê nhà ở ngoài phố. Chúng tôi cùng là sĩ quan đồng minh nên rất thân thiện. Những giờ nghỉ giải lao vì có một hai môn học không dành cho chúng tôi nên cùng nhau ra phố vào PX sắm đồ hoặc dạo phố cho hết giờ.

Chương trình học của khóa Trung cấp (Junior) nặng về lý thuyết và thực tập về tham mưu nên cũng đỡ mệt mỏi thể xác, nhưng trái lại mệt về trí óc. Đôi khi cũng ra khỏi nhà trường để quan sát những cuộc thao diễn của các đơn vị tác chiến hoặc hành quân đổ bộ, chứ không như ở thời kỳ học căn bản về TQLC phải đích thân tham dự như một chiến binh. Ngoài những giờ học từ thứ Hai đến thứ Sáu, tôi có hai ngày nghỉ là thứ Bảy và Chủ Nhật.

Lần này có một mình, nên cũng ít khi đi ra ngoài Thủ Đô Washington chơi. Do đó tôi chỉ mong cho thời gian đi nhanh để chóng trở về nước. Cứng như ở trường Basic School, chúng tôi, những sĩ quan đồng minh (Allied Officers) được nhà trường tổ chức cho đi tham quan các nơi, phần lớn là ở các Tiểu Bang miền đông bắc Hoa Kỳ, đặc biệt là thành phố Nữu Ước. Trưởng toán của chúng tôi khi đó là một Đại Tá quân đội Thái Lan, ông ta theo học Chỉ Huy cao cấp (Senior hay Staff and Command) nhưng cùng trú ngụ một cao ốc. Thỉnh thoảng ông ta cũng mời tôi sang tán gẫu và tìm hiểu về chiến tranh VN. Tôi còn nhớ trước khi ông ta về nước, ông có tặng tôi một cặp lon để kỷ niệm.

Tham quan đầu tiên của chúng tôi là tới thăm một khu nhà gần như một Thị trấn nhỏ mà sở hữu chủ là một người đàn bà gốc Do Thái. Bà tên là Kissinger vào khoảng 60 tuổi. Khi đó Bà được tôn vinh là người đàn bà thứ hai của nước Mỹ. Mỗi năm bà thường dành cho nhà trường một tuần lễ để cho các khóa sinh đồng minh tới thăm viếng và vui chơi. Năm tôi tới, thì không may bà đi nghỉ mát ở miền Nam, chỉ có cô con gái thay mặt đón tiếp, nhưng không kém nồng hậu. Chúng tôi cứ hai người được ở trong một căn phòng có đầy đủ tiện nghi như một khách sạn hạng trung. Ngày đầu chúng tôi được mời tới dự một bữa ăn, có nhiều quan khách do bà Chủ nhỏ đích thân tham dự. Dĩ nhiên là được tổ chức trong một căn phòng rộng lớn, trang hoàng thật lộng lẫy. Để mở đầu bữa cơm, Cô chủ mời tất cả chúng tôi lên khán đài và giới thiệu từng sĩ quan của mỗi nước. Đến lượt tôi, thì có vẻ chú ý hơn vì tiếng vỗ tay chào mừng lâu hơn. Sở dĩ được ưu ái như vậy, là vì Quân Đội Hoa Kỳ đang tham chiến tại VN. Cũng do đó mà nước VN nhỏ bé được dân chúng Hoa Kỳ và Quốc Tế biết đến. Trường hợp đi dạo trong thành phố, nếu mặc quân phục thì lại càng được mọi người chú ý thăm hỏi, nhất là những thanh niên vào lứa tuổi quân dịch, vì tôi thường đội mũ xanh của binh chủng TQLC. Trong Quân đội Hoa Kỳ, Lực Lượng Mũ Xanh (Special Forces) được mọi người ngưỡng mộ, nên họ cũng tưởng là tôi thuộc loại đó. Sau phần giới thiệu, thì Đại Tá Thái Lan, trưởng toán đại diện ngỏ lời với cử tọa. Những ngày sau, thì chúng tôi được thoải mái vui chơi, giải trí. Tại đó có đủ cả, rạp chiếu bóng, hồ bơi trong nhà kính, sân golf, sân

volley, bóng bàn và các giải trí khác cho cả người lớn lẫn trẻ em. Tôi để ý thì phần lớn những khách tới thăm viếng đều là người gốc Do Thái. Tại Hoa Kỳ, người Do Thái có một ảnh hưởng rất lớn trong thương trường cũng như về chính trị. Trước khi ra đi, chúng tôi cùng với Cô Chủ chụp chung một tấm hình kỷ niệm.

Những buổi tham quan tiếp theo là đi dự một buổi trình diễn ca kịch tại Hý Viện Radio City ở trung tâm thành phố Nữu Ước. Chúng tôi được coi như khách danh dự, nên được sắp xếp vào một vị trí rất sang trọng. Đi thăm trụ sở Liên Hiệp Quốc, tại đây chúng tôi được một đại diện tiếp đón và hướng dẫn đi coi các phòng làm việc và họp hành, ông ta cũng chỉ cho hay cái bục thuyết trình mà ông Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Liên Xô Kroutchew đã rút giày ra đập trong một buổi họp của LHQ. Để kết thúc, ông đại diện có đưa về văn phòng riêng để tiếp tân, trao đổi vật kỷ niệm và ký tên vào quyển sổ khách thăm viếng.

Đi thăm tượng đài Nữ Thần Tự Do, một bức tượng khá lớn, dựng trên một hòn đảo nhỏ mặt hướng vào thành phố Nữu Ước. Chúng ta có thể leo tới đầu bức tượng, vì ở trong trống rỗng. Trước khi ra về, cũng làm thủ tục ký tên vào một cuốn sổ lớn để ngay cửa ra vào để lưu niệm. Do đó mà người ta có thể biết số lượng người tới thăm hàng năm là bao nhiêu.

Cuối cùng phái đoàn tới thăm một thành phố thuộc Tiểu Bang New Jersey, tại đây chúng tôi được tiếp đón khá nồng hậu, chứng tỏ sự ưu ái với khách nước ngoài của người Mỹ. Ông Thị Trưởng đích thân ra đón chúng tôi tận xe, đồng thời có đoàn học sinh ăn mặc đồng phục rất đẹp, có kèn trống xếp thành hàng danh dự trình diễn trước cửa vào tòa Thị Sảnh. Trong phòng tiếp tân, hai bên trao đổi ít lời chào mừng như thường lệ, rồi ông Thị Trưởng đại diện trao chìa khóa vàng cho vị Trưởng toán. Buổi tối ngày hôm đó, chúng tôi được mời tới dự một buổi dạ tiệc có khiêu vũ do Hội Cựu Chiến Binh Hoa Kỳ tổ chức. Là Hội Cựu Chiến Binh nên phần lớn thành viên đều có tuổi. Họ tới dự cùng với các Bà. Qua các phát biểu chào mừng thường lệ, chúng tôi dự một bứa tiệc theo lối tự phục vụ (self serve) nhưng không kém phần thịnh soạn. Tôi chắc là các Bà đã phụ giúp để làm các món ăn đãi khách. Tiếp đãi cách này, tôi thấy thân mật hơn, vì có thể luân chuyển tiếp chuyện với nhau chứ không bị hạn chế trong một bàn vỏn vẹn có 7, 8 người. Hơn nữa cũng khó sắp xếp, nếu quan khách là những người có chức vị trong xã hội. Sau bữa tiệc thì tới phần dạ vũ, chúng tôi được các Bà tiếp dạ vũ rất thân mật. Tôi còn nhớ khi đó tôi thì nhỏ con mà Bà ta to, mập, chắc ngoài trông vào không khỏi buồn cười, nhưng rồi mọi chuyện cũng diễn ra thân ái, ra về không thể nào quên được. Như vậy là chương trình tham quan của chúng tôi diễn ra gần nửa tháng trời. Sau này khi sống trên đất Mỹ với tư cách một người dân tị nạn, tôi thấy khó mà có thể đi thăm như thế được. Ngay cả người dân sinh đẻ trên đất Mỹ, có khi chưa biết Tiểu Bang khác là gì vì đất Mỹ quá rộng lớn. Hơn nữa, họ bị trói buộc bởi sinh kế nên cũng khó mà thực hiện được giấc mơ đi đây, đi đó trước khi không thể đi được vì tuổi già sức yếu.

Trở lại Trường, chúng tôi lại tiếp tục những ngày còn lại trong bầu không khí buồn tẻ. Ngoài giờ học thì chỉ còn ngồi xem TV hoặc xuống phòng giải trí đánh billard, thêm nữa thì ra phố đi long vòng shopping cho đỡ cô đơn. Trong thời gian này, có mấy sự kiện xẩy ra tại VN. Trong Binh Chủng TQLC có hai sĩ quan bị tử trận trong

khi chiến đấu (do tin mang lại của sĩ quan TQLC Hoa Kỳ). Tại khóa học đã có vài sĩ quan đã từng làm cố vấn cho các đơn vị của TQLC VN trong đó có cả viên sĩ quan đã từng làm cố vấn TĐ2/TQLC của tôi trong trận đánh tại Ấp Phụng Dư ở quận Tam Quan. Hai sĩ quan tử nạn là Thiếu Tá Nguyễn hạnh Phước Tiểu Đoàn Trưởng TĐ5/TQLC khi đang hành quân tại Tiểu Khu Quảng Ngãi và Trung Tá Lê hằng Minh Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC người đã thay thế tôi đi học. Trung Tá Lê Hằng Minh bị tử thương trong lúc TĐ2/TQLC di chuyển bằng quân xa từ Huế ra Quảng Trị và bị VC phục kích khi qua khỏi quận Phong Điền. Sau hết là tình hình Phật Giáo nổi dậy ở miền Trung, đặc biệt tại Thị Xã Đà Nẵng, có Tướng Nguyễn Chánh Thi (Tư Lệnh Quân Đoàn I) ủng hộ chống lại Trung Ương.

Qua hình ảnh trên truyền hình Hoa Kỳ tôi được thấy cảnh tượng các sư sãi ngồi thiền ở giưa đường để ngăn cản chiến xa TQLC tấn công lực lượng Biệt Động Quân đứng về phe Phật Giáo trên các đường phố Đà Nẵng và cố thủ trong các chùa chiền. Sau cùng thì mọi việc tại Đà Nẵng cũng trở lại bình thường. Đơn vị Biệt Động Quân và một số đơn vị khác đã quy hàng. Tiếp đó thì Phật Giáo tại Huế đưa bàn thờ Phật xuống đường cũng bị dẹp bỏ. Tình hình miền Trung trở lại bình thường, Tướng Thi bị gọi về Trung Ương và sau đó "bị" đi sang Hoa Kỳ chứa bệnh "thối mũi". Sở dĩ có cuộc nổi dậy chống đối của Phật Giáo là vì muốn đòi hỏi Dân Chủ, có bầu cử chứ không muốn chế độ Độc diễn. Do đó dưới áp lực của các tôn giáo và các đoàn thể, đảng chính trị nên hai Tướng Thiệu-Kỳ phải chấp nhận bầu cử cử vào năm 1967.

Vào cuối tháng 7/1966 khóa học chấm dứt. Tôi trở về nước theo lộ trình cũ, Baltimore-San Francisco-VN.

Nhận nhiệm vụ Chiến Đoàn Trưởng Chiến Đoàn A/TQLC hành quân Thừa Thiên, Quảng Trị (52)

Đầu tháng 8/1966 tôi về tới Saigon, được nghỉ ít ngày thì trình diện BTL/TQLC để nhận nhiệm vụ mới. Tướng Khang giao cho tôi chỉ huy Chiến Đoàn A Thủy Quân Lục Chiến (CĐA/TQLC) đang kiêm nhiệm bởi Đại Tá Nguyễn Thành Yên Tư Lệnh Phó binh chủng TQLC.



Bảo quốc an dân của TQLC/VNCH

Chiến Đoàn theo tổ chức thì chỉ có nhiệm vụ chiến thuật đánh giặc không có trách nhiệm về mặt quản trị hành chánh. Mọi việc đều do Bộ Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến (BTL/TQLC) đảm trách. Do đó mỗi khi có nhu cầu hành quân trên hai Tiểu Đoàn (TĐ) thì Chiến Đoàn mới phụ trách chỉ huy. Các TĐ tham dự không nhất thiết cố định, tùy theo đơn vị chưa có công tác. Theo tổ chức như vậy thì không được chặt chẽ như các Trung Đoàn Bộ Binh, nhưng mục đích là làm cho BCH/CĐ không phải bận tâm về mặt hành chánh, quản trị, để có thời gian lo về mặt hành quân đánh giặc mà thôi. Dĩ nhiên là có những yếu tố khác làm suy giảm ảnh hưởng chỉ huy của CĐ, mà không vị nào khi đảm trách chức vụ Chiến đoàn Trưởng đồng ý cả.

Tôi đã trình bày nhiều lần lên Tham Mưu Trưởng và Tư Lệnh TQLC, nhưng ý kiến không được chấp nhận, có thể là BTL muốn thâu tóm hết quyền hành để dễ bề điều khiển từ mọi cấp không thông qua cấp trung gian. BCH Chiến Đoàn được tổ chức như sau: CĐ Phó kiêm TMT Thiếu Tá Ái, các Ban 1, 2, 3, 4. Về đơn vị yểm trợ có một Pháo Đội 75 ly sơn pháo (lúc khởi đầu, sau đổi thành 105 ly), đôi khi được tăng cường pháo của đơn vị được tăng phái, một Trung Đội Truyền Tin, một Tiểu Đội Công Binh chiến đấu và một Trung Đội Tiếp Vận dưới quyền điều khiển của Ban 4. Ngoài ra còn có một Đại Đội Viễn Thám.

Cuộc ra quân của CĐ do tôi chỉ huy là được tăng phái cho Sư Đoàn 1 BB, Bộ Tư Lệnh đóng tại đồn Mang Cá thành phố Huế. CĐ được không vận từ sân bay Tân Sơn Nhất ra sân bay Phú Bài, nằm ở phía nam thành phố Huế mấy chục cây số. Khi đó Tư lệnh Sư Đoàn 1 BB là Đại Tá Ngô Quang Trưởng mà tôi không xa lạ. Ông được ủy thác chức vụ này sau ngày Phật giáo miền Trung nôi loạn, cũng như Tư Lệnh Quân Đoàn I là Tướng Hoàng xuân Lãm từ Sư đoàn 2 BB lên thay thế Tướng Nguyễn Chánh Thi bị mất chức. Tại BTL Sư Đoàn 1 BB, CĐA/TQLC được trao nhiệm vụ hành quân tại khu vực phía đông bắc tỉnh Quảng Trị, nằm giữa Đông Hà và cầu Thạch Hãn.



Cảnh đổ quân bằng trực thăng của chiến đoàn A /TQLC/VNCH

Tình hình địch từ ngày miền Trung có biến động về vụ Phật giáo đã lợi dụng tình thế gia tăng hoạt động, lũng đoạn an ninh các xã, ấp khiến các lực lượng Địa

Phương Quân, Nghĩa Quân của Tiểu Khu vào cái thế co cụm không dám hoạt động ra xa, nên nhiều ấp đã rơi vào sự kiểm soát của VC ngày cũng như đêm. Do đó TQLC lại có mặt, có điều là ở trong một hoàn cảnh không mấy được dân chúng địa phương có cảm tình vì đã can dự vào việc tái lập an ninh trong vụ Phật giáo nổi dạy chống chính quyền. Họ cũng có một luận điệu không khác gì Việt Cộng, gọi TQLC là "lính Thiệu-Kỳ" và rải truyền đơn đuổi chúng tôi về lại Saigon. Do đó trong cuộc hành quân, tôi đã chỉ thị các đơn vị hết sức cẩn thận, tránh đụng chạm với dân chúng để họ có cớ gây khó khăn cho TQLC. Tuy nhiên cũng không tránh khỏi những xuyên tạc cố ý làm giảm uy danh TQLC. Họ đã đệ đơn lên tòa Tỉnh để phản đối đòi bồi thường thiệt hại. Đại Tá Nguyễn Ấm, Tỉnh Trưởng tỉnh Quảng Trị đã cho tôi biết sự thể như thế. Đại Tá Ấm và tôi là chỗ bạn bè quen biết từ lâu nên thông cảm về sự buồn phiền của tôi. Có lần khi gặp Đại Tá Ngô Quang Trưởng Tư Lệnh Sư Đoàn 1, tôi đã trình bày về tình hình đó và đề nghị trở về Saigon để các đơn vị của Sư Đoàn 1 BB đảm trách.

Nói thì nói vậy thôi, CĐ vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ giao phó. Hành quân qua hết ấp này đến ấp khác, địch tránh né không dám giao tranh, nhất là khu vực "dãy phố buồn hiu" (thời kỳ Pháp có tiếng là hiểm nghèo), CĐ cũng không gặp một kháng cự nào. Nói tóm lại, tình hình yên tĩnh, nhưng một khi chúng tôi ra đi thì đâu lại vào đó. Sau cuộc hành quân tại "dãy phố buồn hiu", CĐ được lệnh tiếp tục hoạt động tại khu vực phía tây nam quận Phong Điền. Tại đây, tình hình địa thế tương đối trống trải, nhưng có nhiều đồi núi chạy dài từ bắc xuống nam tạo thành một thung lũng thoai thoải cách xa Quốc Lộ 1 khoảng 10 cây số. Xa xa có các làng nho nhỏ nằm kế dưới chân núi, bao quanh bởi các cây cối xanh um. Sở dĩ hành quân khu vực này vì thường có lực lượng địa phương, du kích địch quấy rối, ngăn chặn giao thông trên Quốc Lộ 1 vào ban đêm. Hoạt động tại đây tương đối thoải mái hơn cuộc hành quân vừa qua. Khu vực này từ trước ít có sự hiện diện của địch vì địa thế không thuận lợi cho chúng tiến thoái dễ dàng, dễ bị bao vây tiêu diệt, cùng lắm thì rút chạy lên núi, nhưng có nhiều đồi không cây cối dễ bị phát hiện. Từ ngày xẩy ra biến cố Phật giáo, thì tình hình mới xẩy ra như vậy. Trong khi đó thì Quân Đội Hoa Kỳ chỉ chú trọng hoạt động về phía tây, trong dãy núi Trường Sơn. Hơn nữa, đó là vấn đề nội bộ của Chính quyền VNCH nên không muốn dính dáng gì tới những khu vực hoạt động của các đơn vị thuộc Sư Đoàn 1 BB.

Thực ra thì quân CS Bắc Việt cũng chỉ lợi dụng được phần nào của sự biến động Phật Giáo vừa qua để tăng cường hoạt động phá rối ở vùng nông thôn mà thôi, chứ không đủ sức để đánh chiếm các quận miền bắc Trung Việt, khi mà còn có sự hiện diện của Quân Đội Hoa Kỳ và các đơn vị thiện chiến của quân đội VNCH. Hoạt động lục soát mươi, mười lăm ngày thì CĐ được lệnh trở về Saigon sau mấy tháng tăng phái cho Sư Đoàn 1 BB.

Kết quả thu đạt không mấy khích lệ về mặt quân sự, nhưng tựu trung củng cố được tình hình an ninh lãnh thổ, cổ võ tinh thần chiến đấu của các lực lượng địa phương đang bị sa sút.

Tại Sài Gòn, BCH Chiến Đoàn được BTL sắp xếp ở tại trại Cửu Long (Hải Quân) kế cận bệnh viện của Binh chủng TQLC (sau này di chuyển lên khu vực kế cận

Trung Tâm Huấn Luyện ở Thủ Đức và cũng là nơi các Tiểu Đoàn tác chiến và Pháo Binh đặt doanh trại) nơi căn cứ cũ của một đơn vị thuộc Sư Đoàn 1 BB Hoa Kỳ.

Tiếp tục hành quân Vùng I, Vùng III, và về Sài Gòn giữ an ninh bầu cử Tổng Thống năm 1967 (53)



Một cứ điểm của quân đội VNCH trên đồi Cồn Tiên năm 1967

Nghỉ một thời gian, CĐ lại tiếp tục tăng phái cho Sư Đoàn 1 BB và hoạt động tại phía tây nam đồi Cồn Tiên. Trên đường tiến quân vào khu vực hành quân thì cùng lúc một Chiến Đoàn Nhẩy Dù do Trung Tá Hùng chỉ huy, tại phía bắc Cồn Tiên (phía nam khu phi quân sự) thì bị pháo của CS Bắc Việt từ bên kia vĩ tuyến. CĐ Dù đã được sự yểm trợ của hải pháo Hải Quân Hoa Kỳ từ ngoài biển, nhưng vì khoảng cách khá xa nên đã có vài quả đạn rơi lạc vào khu vực của Chiến Đoàn TQLC khiến cho một binh sĩ bị thương. Sau đó tôi phải nhờ đến hệ thống của cố vấn Mỹ can thiệp mới chấm dứt. Một thời gian sau, Đại Tá Nguyễn văn Toàn Tư Lệnh phó Sư Đoàn 1 có tới chỗ CĐ và ngỏ ý nếu CĐ Dù có lời yêu cầu thì can thiệp. Sở dĩ không có lệnh dứt khoát như vậy, theo tôi biết thì khi đó ông ta đang xử lý Sư Đoàn 1 BB vì Đại Tá Ngô Quang Trưởng công tác vắng mặt.

Để rõ hơn về tình hình, tôi có gọi máy cho Trung Tá Hùng thì được ông dùng nửa tiếng Việt, nửa tiếng Pháp cho biết tình hình không sao, địch chỉ pháo kích chứ không tấn công bằng bộ binh. Tại vùng hành quân của CĐ/TQLC địa thế cũng có phần thuận lợi cho VC hoạt động vì có các đồi thoai thoải với cây cối rậm rạp, thỉnh thoảng xen kẻ một vài thôn làng. Cuộc hành quân lục soát diễn tiến một thời gian rồi chấm dứt, không có một cuộc đụng độ nào xẩy ra. Sau đó CĐ rút về Đông Hà nghỉ một vài ngày thì được lệnh trở về Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, CĐ được một thời gian nghỉ ngơi, trong khi CĐB/TQLC do Trung Tá Soạn chỉ huy đang hành quân tại Vùng 4. Tuy nhiên CĐA cùng với hai TĐ đang nghỉ dưỡng quân, cũng là thành phần trừ bị sẵn sàng được xử dụng khi cần đến. Khi đó Trung Tướng Khang (đã lên Trung Tướng trong năm 1966) đang giữ nhiều chức vụ quan trọng: Tư Lệnh Quân Đoàn 3 Vùng 3 Chiến Thuật, Tư Lệnh TQLC, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô kiêm Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định, chứng tỏ Tướng Khang được tín nhiệm hơn mọi Tướng lãnh khác trong Quân Đội lúc bấy giờ, thời kỳ Thiếu Tướng Kỳ giữ chức vụ Không Quân và Thủ Tướng Chính Phủ.

Hai Tướng lãnh này đều xuất thân từ trường sĩ quan Trừ bị Nam Định (Bắc Việt) năm 1950.



Nguyễn Văn Thiệu-Tổng Thống VNCH (1967-1975)

Về Liên danh ứng cử của Quân đội còn có các Liên danh dân sự tham gia như Liên danh của Luật Sư Trương đình Dzu, Liên danh Bác Sỹ Hoàng cơ Bình… Riêng Liên danh Quân đội đã có nhiều trục trặc giữa hai Tướng Thiệu và Kỳ, vì ông nào cũng muốn ra tranh cử chức Tổng Thống.

Sự việc này đã nẩy sinh ra nhiều xáo trộn và chia rẽ trong hàng ngũ Quân Đội VNCH, đi đến chỗ chia làm hai phe (ngoài khối trung lập chỉ có một liên danh duy nhất đại diện cho quân đội) còn thì mỗi bên ủng hộ cho một ông Tướng. Cuối cùng, do áp lực của Hội Đồng Tướng Lãnh, hai Tướng Thiệu Kỳ phải nhập làm một liên danh, sau khi có một vài thỏa thuận ngầm khi trúng cử. Kết quả Tướng Thiệu ứng cử chức Tổng Thống và Tướng Kỳ làm phó.

Khi đó nếu Quân đội có hai Liên danh thì có thể sẽ thất cử và Liên danh Trương đình Dzu sẽ thắng, vì sau khi có kết quả bầu cử, thì Liên danh này đã về thứ hai. Rơi vào trường hợp đó thì không hiểu tình hình chính trị sẽ đi về đâu, vì ông Dzu có khuynh hướng thiên tả, nếu không muốn nói là chủ trương Trung lập nói chuyện với VC.

Kết quả thì liên danh Thiệu Kỳ đắc cử. Dù sao Liên danh Quân đội cũng thuận lợi hơn vì có quyền hành trong tay để điều động các chính quyền địa phương cổ động cho Liên danh. Ngoài ra tôi nghĩ rằng Chính Phủ Hoa Kỳ yểm trợ Liên danh Quân đội hơn, vì khi đó tình hình chiến sự ở miền nam VN đang trong thời kỳ sôi động, và không quân Hoa Kỳ đang oanh kích miên Băc. Do đó Chính phủ cũng như Quân đội Hoa Kỳ muốn Quân đội VNCH tiếp tục vai trò lãnh đạo, nó phù hợp với đường lối, chính sách của Hoa Kỳ lúc bấy giờ. Sau khi Liên danh Thiệu-Kỳ đắc cử thì Chính quyền có một vài thay đổi theo như đã thỏa thuận trước. Thủ Tướng Chính Phủ do Luật Sư Nguyễn văn Lộc đảm nhiệm thay thế Tướng Kỳ giữ vai trò Phó Tổng Thống và một vài Tướng lãnh thân Tướng Thiệu giữ các trọng trách Quân đoàn, hoặc cấp Tá ở chức vụ Tỉnh, Tiểu khu Trưởng. Theo tôi hiểu thì Tướng Thiệu đang tìm cách loại dần ảnh hưởng của Tướng Kỳ ra khỏi chính quyền và quân đội VNCH. Tướng Kỳ cũng đã thôi chức vụ Tư Lệnh Không Quân và Tướng Trần Văn

Minh thay thế, tuy nhiên ông Kỳ vẫn còn ảnh hưởng với binh chủng này, vì trong thời gian còn chỉ huy, ông đã ưu đãi, nâng đớ rất nhiều. Ở vai trò Phó Tổng Thống, theo Hiến Pháp quy định thì chỉ đóng vai trò nghi lễ, thực quyền đều tập trung vào chức vụ Tổng Thống. Tướng Kỳ biết rõ nhưng không làm gì hơn được và chỉ còn tin vào sự thỏa thuận ngầm giữa hai người qua trung gian hòa giải của các Tướng Lãnh trong Hội Đồng Quân Lực. Nhưng đó chỉ là thỏa thuận khi lập Liên danh, nhưng một khi đã trúng cử rồi thì vấn đề lại khác.

Thuận lợi hơn nữa, sau biến cố Tết Mậu Thân xẩy ra thì Tướng Thiệu đã thay đổi nhiều chức vụ bên Hành Pháp cũng như trong Quân đội. Tướng Trần thiện Khiêm thay Luật Sư Nguyễn Văn Lộc làm Thủ Tướng Chính Phủ, Tướng Nguyễn ngọc Loan mất chức Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia. Trong Quân đội, Vùng III là vùng quan trọng nhất đối với Chính quyền, nên được thay đổi trước nhất. Trung Tướng Lê Nguyên Khang không còn chức Tư Lệnh Quân Đoàn III, Biệt Khu Thủ Đô và Tổng Trấn Saigon-Gia Định mà chỉ còn giữ chức Tư Lệnh TQLC. Từ đó cho tới những năm về sau, thì tất cả quyền hành hầu như nằm trong tay TT Thiệu. Ông ta thành một nhà lãnh đạo của một Quân Nhân.

Năm 1970 là năm tái bầu cử, Tướng Thiệu đã dùng mọi mưu mô để gạt hai Liên danh ứng cử của Tướng Dương văn Minh và Tướng Nguyễn Cao Kỳ, và rồi cuộc bầu cử thành độc diễn. Chính Phủ Hoa Kỳ vẫn có vẻ ủng hộ Nguyễn Văn Thiệu, vì không muốn thay ngựa giữa dòng. Hơn nữa ông ta là người lãnh đạo phù hợp với đường lối, chính sách của Hoa Kỳ hơn hết, và ông cũng chỉ ra đi khi màn kịch chiến tranh VN sắp hạ màn.

Từ ngày Tướng Thiệu lên làm Tổng Thống, Binh chủng TQLC lại càng được tăng phái hành quân cho các Quân đoàn, đặc biệt là Quân đoàn I và IV. Chuyện này thì ai trong Quân đội cũng rõ vì e ngại Binh chủng này lại tham gia đảo chánh. Nhưng đó là một lầm lẫn lớn của TT Thiệu, vì Binh chủng TQLC cũng như các binh chủng khác trong Quân đội có nhiệm vụ "bảo quốc, an dân", phục vụ quyền lợi của Tổ Quốc, bảo vệ Tự Do và Dân Chủ cho nhân dân miền Nam VN chứ không phải phục vụ cho một cá nhân, phe nhóm, đảng chính trị hoặc tôn giáo nào, chính như cá nhân tôi là một đảng viên VNQDĐ nhưng tôi chưa bao giờ nói cho một ai về VNQDĐ trong binh chủng TQLC cả, chỉ biết phục vụ cho binh chủng mạnh, cho quân đội "bảo quốc, an dân". Tôi còn nhớ có một lần Lữ Đoàn đang hành quân tại Vùng IV, khu vực Cần Thơ, thì có người bạn cho tôi biết là có tin đồn TQLC có âm mưu đảo chính, tôi liền trả lời ngay là chuyện ảo tưởng vì muốn đảo chính thì phải có quân, mà TQLC có hai Lữ Đoàn thì cả hai đều ở xa làm sao đảo chánh được. Dư luận vẫn cho rằng Binh chủng TQLC do Tướng Khang chỉ huy là ủng hộ Tướng Kỳ, vì hai người cùng khóa Sỹ Quan Nam Định, cùng quê Tỉnh Sơn Tây. Nhưng thực tế từ khi Tướng Khang là tư lệng TQLC và Tướng Kỳ khi còn làm Thủ Tướng thì đã nâng đỡ được gì cho Binh chủng TQLC, hay là trong thâm tâm họ chỉ muốn xử dụng TQLC như một công cụ riêng tư để củng cố quyền lực mà thôi.

Năm 1967: TQLC hành Quân hỗn hợp với quân đội đồng minh từ Tây Ninh đến Quy Nhơn, Cồn Tiên, Giô Linh và Mậu Thân (54)

Tình hình chiến trận trong năm 1967: Năm 1967 là những ngày tháng, chiến trường Nam VN tiếp tục sôi động, với những cuộc hành quân quy mô được diễn ra bởi Quân lực VNCH và Quân đội Hoa Kỳ và Đồng Minh, đặc biệt tại ba vùng chiến thuật 2, 3 và 4 trong kế hoạch lùng và diệt địch của Tướng Westmoreland, Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ tại miền nam VN. Trước sự tham chiến của Hoa Kỳ và Đồng Minh (Úc, Đại Hàn, Thái Lan và Phi luật Tân). Việt Cộng, cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, lúc đầu tỏ ra sợ sệt và tránh đụng độ, nhưng sau với sự xâm nhập của quân CS Bắc Việt vào miền Nam qua đường mòn Hồ chí Minh, để trợ lực cho lực lượng địa phương ở miền Nam tránh khỏi bị tiêu diệt.



Thủy Quân Lục Chiến hành quân Vùng IV

Trước kia, CS Bắc Việt có né tránh, e dè trước dư luận Quốc tế về sự can thiệp của chúng tiếp tay cho cái gọi là MTGPMN (mặc dù chỉ để tuyên truyền), nhưng sau khi quân đội Mỹ đổ quân vào vào miền Nam thì CSBV gần như công khai tham dự vào chiến trường miền Nam với khẩu hiệu "đánh Mỹ cứu nước" làm bình phong che đậy sự xâm lăng miền Nam VN, vi phạm trầm trọng Hiệp Định Genève 1954 đã được ký kết, chiến trận càng ngày càng tăng cường độ. Đã có những trận đánh lớn giữa Quân đội Hoa Kỳ và CSBV nhưng kết quả thắng lợi vẫn nghiêng về phía Hoa Kỳ, vì chúng không chịu nổi hỏa lực hùng hậu của bộ binh và không quân Mỹ.

Mục tiêu của CS là chủ trương đánh tiêu hao, làm sao gây thiệt hại cho quân đội Mỹ càng nhiều càng tốt, qua chiến thuật đặc công, đột kích, phục kích và pháo kích. Đo đó quân đội Hoa Kỳ ngày càng bị tổn thất về vật chất cũng như nhân mạng, mà không làm sao tiêu diệt được chủ lực và du kích địch. Không quân chiến thuật, không quân chiến lược B-52 ngày đêm dội bom xuống đường mòn Hồ chí Minh nhưng địch cứ liều mạng liên tục đưa quân vào miền Nam. Tin tức tình báo cũng như của tù binh và hồi chánh viên cho biết thì gần như 50% lực lượng xâm nhập đã chết trước khi vượt qua biên giới Lào-Việt vào miền Nam.

Về phía Hoa Kỳ, sự thiệt hại về người và của ngày càng tăng, quân số tham chiến cũng tăng theo, có lúc con số đã lên tới 450 ngàn, mà chiến trận vẫn không kết thúc được. Dư luận Hoa Kỳ đã tỏ ra chán nản và không còn ủng hộ cuộc chiến VN nữa.

Các phong trào phản vhiến tại Mỹ dâng cao. Để đạt tới thỏa hiệp với CSBV, Hoa Kỳ ngày đêm đã liên tiếp đánh phá bằng không quân lên miền Bắc lúc nặng, lúc nhẹ tùy theo phản ứng của CSBV. Các cuộc không tập này cũng đã gây tổn thất nặng nề cho Bắc Việt. Đổi lại không quân Hoa Kỳ cũng bị thiệt hại không ít. Nhiều máy bay, kể cả máy bay B-52 bị bắn rơi, phi công bị cầm tù, nhưng cuối cùng CSBV vẫn không chịu vào bàn Hội Nghị.

Trong thời gian chiến trận sôi động và mở rộng, Quân lực VNCH nói chung và Binh chủng TQLC nói riêng đã sát cánh với quân đội Hoa Kỳ và Đồng Minh tham dự nhiều cuộc hành quân do ta mở ra cũng như Hoa Kỳ tổ chức. Riêng CĐA/TQLC mà tôi chỉ huy đã tham dự cuộc hành quân mang danh Junction City, do Sư Đoàn 25 Hoa Kỳ chỉ huy bởi Thiếu Tướng Weyand tổ chức. Cuộc hành quân này được coi như lớn nhất trong năm 1967, quân số tham chiến lên tới hơn mười ngàn người, khai diễn gần biên giới Việt-Miên trong tỉnh Tây Ninh.

Kết quả thâu lượm không được bao nhiêu so với quy mô trận đánh, vì quân CS rút chạy qua biên giới Miên. Sau cuộc hành quân, Tướng Weyand có tặng Chiến Đoàn A/TQLC một khẩu súng trường mới xử dụng AR15, sau biến cải thành M16, được Hoa Kỳ trang bị cho Quân đội VNCH thay thế cho loại súng Garant M1, vừa nặng vừa bắn chậm và nạp ít đạn, trong khi đó quân CS được trang bị súng AK trội hơn hẳn súng Garant M1. Đến cuối năm 1967, CĐA/TQLC được tăng phái cho Sư Đoàn 22 BB của Tướng Hiếu đóng tại núi Bà Di (Quy Nhơn). Sau đó thì toàn bộ CĐA được điều động tới hoạt động ở phía nam quận lỵ Bồng Sơn, được sự yểm trợ về phương tiện trực thăng của Lữ Đoàn Không Kỵ Hoa Kỳ đóng ở phía nam CĐA (đèo Nhông) khoảng ba cây số. Khu vực hoạt động của CĐA/TQLC chủ đích là về hướng đông (hướng ra biển) và hướng tây giáp ranh với quận lỵ Hoài Ân.

Tình hình địch lúc đó tương đối nhẹ, chỉ có những hoạt động của các đơn vị địa phương và du kích, nên CĐA/TQLC cũng được thảnh thơi đôi chút và chuẩn bị ăn Tết âm lịch. Đối với các đơn vị tác chiến của TQLC thì có thể nói ít khi được hưởng Tết với gia đình, và mỗi năm địa điểm ăn Tết đều khác nhau, từ Vùng I cho đến Vùng IV chiến thuật. Theo như thông lệ hàng năm, dù chiến trận có sôi động đến đâu, hai bên VNCH và CSBV cũng thỏa thuận ngừng chiến dành ra ba ngày Xuân để toàn dân ăn Tết. Tuy nhiên với các đơn vị ở ngoài chiến trường thì chỉ ngừng hoạt động, đóng quân tại chỗ và sẵn sàng ứng chiến nếu CS vi phạm. Nhưng rồi CS vi phạm thật, nghĩa là đúng sáng Mồng một, Tết Mậu Thân vào tháng 2/1968, khi trời vừa sáng, thì tôi thấy quang cảnh thật im lặng khác hẳn những ngày thường, các trực thăng của Lữ Đoàn Không Kỵ ở gần đó không thấy hoạt động, nằm nguyên tại vị trí.

Cố vấn Hoa Kỳ bên cạnh CĐA/TQLC cũng không biết gì hơn. Vừa lúc đó, CĐ nhận được lệnh của BTL Sư Đoàn 22 cấp tốc di chuyển về Quy Nhơn khi có xe tới chở, vì Cộng Quân đột nhập vào thành phố, đánh chiếm đài phát thanh và các khu lân cận, nhưng CĐA/TQLC về gần tới BTL Sư Đoàn 22 BB thì được lệnh ngừng lại, vì Sư Đoàn đã được một đơn vị Đại Hàn (Sư Đoàn Mãnh Hổ hoạt động trong vùng Phù Cát) tấn công giải tỏa một cách nhanh chóng. Tiêu diệt và bắt làm tù binh gần như trọn ổ số cộng quân chiếm giữ tại đó. CĐA/TQLC đóng quân tại chỗ và

đợi lệnh. Vào khoảng trưa cùng ngày, thì CĐ được lệnh di chuyển về sân bay Quy Nhơn để sẵn sàng không vận theo lệnh của Sư Đoàn TQLC và Bộ Tổng Tham Mưu.

Trước hết CĐA gửi TĐ6/TQLC do Đại Úy Phạm văn Chung chỉ huy, đáp xuống sân bay Đà Lạt (Cam ly). BCH và TĐ6/TQLC còn lại nằm tại sân bay đợi lệnh tiếp. TĐ6/TQLC đã được máy bay C130 chở lên Đalạt. Nghe tin Cộng quân cũng đã đánh chiếm một vài khu vực trong Thị Xã, nhưng khi máy bay đến nơi định đáp xuống thì bị phòng không bắn lên không đáp được, và sau đó máy bay đáp xuống sân bay Tuy Hòa.

Tại đây, TĐ6/TQLC lại được lệnh quay về Sài Gòn và đáp xuống sân bay Tân Sơn Nhất. Tình hình lúc đó, trong thành phố đã được an ninh, sau khi được Chiến Đoàn B/TQLC của Trung Tá Soạn hoạt động ở Mỹ Tho, điều động về giải tỏa khu vực kế cận bộ Tổng Tham Mưu và khu vực Hàng Xanh, Bà Quẹo thuộc tỉnh Gia Định. TĐ6/TQLC điều động lên giải tỏa Quận Thủ Đức và khu vực Trung tâm huấn luyện TQLC ở gần quận Dĩ An. Một ngày sau, BCH CĐA/TQLC và TĐ còn lại được không vận về Sài Gòn. Tình hình an ninh thành phố Sài Gòn và các quận lỵ chung quanh được bảo đảm, Cộng quân hầu như bị quét sạch, một số chạy thoát ra bưng.

Hành quân giải tỏa Thành Phố Huế trong biến cố Tết Mậu Thân 2/1968 (55)

Hai ngày sau khi CĐ trở về tới Sài Gòn, thì lại được lệnh của BTL/TQLC và Bộ TTM tăng phái cho Quân Đoàn I, Sư Đoàn 1 BB đóng tại đồn Mang Cá trong thành nội Huế. Với sự yểm trợ không vận của không quân Hoa Kỳ, toàn bộ CĐA/TQLC đã được không vận bằng C-130 ra sân bay Phú Bài (Huế) nội trong 2 ngày. CĐA/TQLC khi đó gồm có ba tiểu đoàn tác chiến, một pháo đội 105 ly (sẽ được tăng cường hỏa lực bởi pháo binh Sư Đoàn 1) và các thành phần yểm trợ như Truyền Tin, Công Binh, Tiếp Vận. Quân số tham chiến gần khoảng ba ngàn người. Các Tiểu Đoàn của Chiến ĐoànA/TQLC gồm có: Các tiểu đoàn trưởng gồm TĐ1 Thiếu Tá Phan văn Thắng, TĐ4 Thiếu Tá Vượng và TĐ5 thiếu tá Phạm Nhã. Ở Phú Bài, CĐ tạm thời đóng quân ở gần khu vực Trung tâm huấn luyện Đống Đa của Sư Đoàn 1 BB. BCH đóng trong Trung tâm, để đợi lệnh của BTL Sư Đoàn 1 BB. Trong khi chờ đợi, CĐ chỉ thị cho các TĐ thực tập tác xạ (tại sân bắn của Trung Tâm) hai loại súng mới được trang bị là súng cá nhân M16 và Đại liên M60.



Chiến Đoàn A/TQLC: Tiểu Đoàn 1 (Quái Điểu), Tiểu Đoàn 4 (Kình Ngư) và Tiểu Đoàn 5 (Hắc Long) tham gia giải tỏa thành phố Huế – Mậu Thân 1968

Tôi có cảm nghĩ như mài gươm trước khi vào trận. Khí hậu và thời tiết tại Huế lúc đó khá lạnh và thường có mưa phùn. Bầu trời thật u ám. Tại đây tôi được nghe các sĩ quan thuộc Trung tâm cho biết là tình hình tại thành phố Huế rất tăm tối.

Từ Tòa Đại Biểu Chính Phủ tới Phú Cam, quân CS vẫn chiếm giữ còn bên kia sông Hương cũng như Thành nội Huế vẫn nằm trong tay CS, chỉ còn lại đồn Mang Cá ra tới hồ Tĩnh Tâm ở phía nam, và sân bay Thành Nội ở phía tây (sân bay Tây Lộc) là còn do các đơn vị của Sư Đoàn 1 BB trấn giữ. Tôi đã tiếp súc với đồng bào từ Phú Cam chạy lánh nạn, họ cho biết bọn CS khi vào đánh chiếm thành phố Huế, chúng đã thủ tiêu rất nhiều người mà chúng nghi là làm việc cho chính quyền VNCH. Có một số thanh niên đã ngỏ lời xin tháp tùng theo để cùng đánh CS. Tất cả tỏ vẻ vui mừng và phấn khởi khi thấy TQLC ra tiếp tay, chứ không còn có thái độ bất hợp tác như ngày nào TQLC ra Huế để dẹp phong trào chống đối của Phật giáo miền Trung. Trước tình hình đó, tôi thấy nhiệm vụ giao phó trong tương lai không phải là dễ dàng, vì địa thế trong khu vực Thành Nội và ngoại thành rất khó tấn công, địch sẽ lợi dụng các tường thành để cố thủ.

Thời tiết lại rất xấu, không thuận lợi cho không quân hoạt động, tác xạ cũng phải hạn chế vì đây là một cơ sở văn hóa lâu đời của Việt Nam. Dù vậy, bất cứ giá nào cũng phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ giao phó. Được hai ngày thì tôi được một trực thăng Chinook (Hook) của TQLC Hoa Kỳ chở vào đồn Mang Cá gặp Chuẩn Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn 1 BB. Chiếc Chinook đã bay vòng ra phía biển, hướng vào Bao Vinh để rồi đáp xuống bãi trực thăng ở góc phía Bắc thành Mang Cá. Dưới làn đạn phòng không địch không mạnh lắm, máy bay đã an toàn không hề hấn gì.

Vừa xuống trực thăng, tôi đã thấy ngay một chiếc trực thăng nằm ụ ở đó vì bị phòng không bắn hạ, gần đó có một số binh sĩ Nhẩy Dù bị thương chờ sẵn để được tải thương ra Phú Bài. Khi thấy tôi tới, họ tỏ vẻ rất vui mừng. Sau đó chiếc Chinook đã chở họ ra khỏi thành để tới sân bay Phú Bài sẽ đưa họ về hậu cứ. Một chiếc xe Jeep chờ sẵn chở tôi vào BTL Sư Đoàn 1 BB. Vừa bước vào căn nhà hai tầng lầu, được xây từ thời Pháp thuộc, tôi gặp ngay Đại Tá Phạm văn Phú, Tư Lệnh phó Sư Đoàn 1 BB.

Từ chỗ quen biết đã lâu, ông vui mừng ôm lấy tôi và nói "Có cậu ra đây tớ yên trí", chưa nói hết chuyện, thì một vài quả hỏa tiễn 122 ly của địch nổ ầm ầm ở ngoài sân cách xa đó khoảng 50 thước. Phải chăng đó là loạt đạn đầu tiên chào mừng mà cũng là dằn mặt TQLC. Tôi lên lầu trình diện Tướng Ngô Quang Trưởng Tư Lệng Sư Đoàn 1 BB. Thấy tôi ông cũng mừng nhưng không tỏ rõ trên sắc mặt (tính tình trầm lặng ít nói, bên ngoài nhìn khô khan nhưng không phải là người không có tình cảm). Ông và tôi không lạ gì nhau, vì hai binh chủng Nhẩy Dù và TQLC thường luôn gặp nhau, khi Nhảy Dù lên máy bay thì TQLC xuống. Hơn nữa, khi ông làm Tiểu Đoàn Trưởng TĐ5 Nhẩy Dù thì tôi Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC hai người thường gặp nhau để bàn giao nhiệm vụ, ngoài ra chúng tôi còn là Sinh Viên Sĩ Quan đồng Khóa 4 Thủ Đức.

Sau khi hỏi han tình hình đơn vị, ông cho biết qua tình hình địch và giao nhiệm vụ cho Chiến Đoàn giải tỏa khu vực tây nam Thành Nội từ Tây Lộc tới cửa Ngọ Môn,

nơi có trụ cột cờ (Cột Cờ Phu Văn Lâu). Sau đó tôi tạt qua Bộ Tham Mưu Sư Đoàn lấy thêm một số tin tức rồi dùng trực thăng bay trở lại Phú Bài, cũng trên đường bay cũ, tương đối phòng không địch ít hơn. Về tới Trung tâm Huấn Luyện Đống Đa Phù Bài, tôi cho các TĐT biết qua về tình hình và chuẩn bị để ngày hôm sau di chuyển tới gần tòa Khâm Sứ cũ, xuống tàu đổ bộ để vào đồn Mang Cá. Ngày hôm sau, CĐA/TQLC được quân xa chở tới nơi gần xuống tàu. Địch từ phía bên kia sông Hương (chợ Đông Ba) không thấy phản ứng bằng pháo kích. Một thời gian sau, đoàn tàu chạy ra phía biển rồi tiến vào bến Bao Vinh (khu vực này quân ta đang kiểm soát). Từ đó, CĐ tiến quân theo phía bắc tường thành nội để vào cổng phía tây bắc đồn Mang Cá kế cận bệnh viện Nguyễn tri Phương.

Như lệnh hành quân đã phổ biến, CĐA/TQLC ra khỏi cổng chính. Khi đó Lữ Đoàn 1 Dù đã rút đi. Căn cứ theo nhiệm vụ, TĐ4/TQLC rẽ phải để tiến về hướng tây bắc Thành Nội có cửa Tây Lộc. BCH/CĐA/TQLC và hai TĐ1 và TĐ5/TQLC di chuyển qua hồ Tĩnh Tâm để rẽ phải hướng về trại Quân Cụ nằm ở phía tây nam sân bay Thành Nội (còn gọi là sân bay Tây Lộc). Khi tiến tới cửa Nam Cấm thành (khu nhà Vua ở) tôi đã có ý định xử dụng pháo binh bắn sập cửa thành (bị đóng kín) để cho một đơn vị tiến vào, nhưng sau thấy khu vực đó khó tiến quân, vì có nhiều tường cao xây ngăn cách ra từng ô rất thuận lợi cho địch cố thủ, nên bỏ qua. CĐ tiến tới trại Quân Cụ không gặp phản ứng địch. CĐ bố trí BCH tại trại Quân Cụ. TĐ1/TQLC đánh dọc theo bờ tường Cấm thành để tiến tới Mục tiêu cửa nhà Đồ, góc thành phía tây nam nhìn ra ngã ba Kim Long đi An Lổvà Văn Thánh.

Khí hậu, thời tiết vẫn xấu, u ám, lạnh giá, đôi lúc mưa phùn, khiến cuộc hành quân thêm khó khăn. Khi các đơn vị tiến gần đến bờ thành thì VC bắt đầu nổ súng, đồng thời một vài quả đạn hỏa tiễn 122 ly của địch đặt tại Phú Cam bắn vào khu vực BCH Chiến Đoàn. Ta phản pháo nhưng hạn chế vì sợ làm tổn hại đến tài sản và sinh mạng của dân. Các đơn vị tiến quân, vì địa thế trống trải, phải băng qua các nhà của dân, có hàng kẽm gai và vườn tược bao quanh, hơn nữa địch ẩn nấp trong các hầm đào sâu vào chân tường cũng như ở trên tường thành của Thành Nội. Dùng súng cá nhân không hề hấn gì cho địch, nên chỉ xử dụng lựu đạn, súng phóng lựu hoặc súng không dật 57 ly. Pháo binh cũng không ăn thua gì nên ít xử dụng.

Đụng độ một thời gian ngắn, thì TĐ5/TQLC đã bám được lên mặt tường thành. Kết quả trong những giờ đầu, ta đã tịch thu được một số vũ khí kể cả súng cối và đại liên. Trận chiến cứ kéo dài từ ngày này sang ngày khác, các đơn vị của CĐA/TQLC tiến quân khá chậm vì địch phản ứng rất mạnh. TĐ5/TQLC đã có lần bị đánh tụt xuống tường thành, rồi sau đó lại tìm cách lấy lại. Hỏa tiễn 122 ly của địch ở Phú Cam lâu lâu lại bắn tới theo lời yêu cầu của địch bằng vô tuyến với bên ngoài, BCH/CĐA/TQLC theo dõi nên biết rất rõ, và mỗi lần chúng chuẩn bị xử dụng pháo binh yểm trợ là BCH/CĐ thông báo ngay cho các đơn vị để coi chừng. Để làm tê liệt các ổ súng nặng của địch bố trí ở chân tường thành, đơn vị TQLC Hoa Kỳ, cũng đã đến tăng cường trong khu vực cửa Thượng Tứ và Đông Ba, đã cho một chiếc xe "Ontos trang bị 6 nòng 75 ly" để yểm trợ cho TQLC Việt Nam bắn phá các ổ súng kiên cố. Kết quả tương đối chính xác, phần nào hạn chế bớt hỏa lực của địch. Việc xử dụng trực thăng võ trang can thiệp không thực hiện được vì thời tiết quá xấu và hỏa lực phòng không địch khá mạnh.



Mậu thân Huế – 1968, Thủy Quân Lúc Chiến và Hắc Báo (SĐ1) cắm cờ chiến thắng trên cột cờ Phu Văn Lâu

Như trên đã đề cập, vấn đề xử dụng pháo binh yểm trợ không hữu hiệu vì địch ẩn nấp trong các hầm hố vững chắc, chỉ tổn hại cho nhà cửa của dân vô ích. Đôi khi cố vấn Mỹ có đề nghị xử dụng pháo binh Mỹ ở An Lổ bắn yểm trợ, nhưng được một hai lần rồi phải ngừng hẳn, vì thiếu chính xác do tầm bắn quá xa, có lúc gây cả thiệt hại cho binh sĩ ta. Trong khi đó tại cửa Tây Lộc, có đơn vị của Trung Đoàn 3/ SĐ 1 BB của Trung Tá Phan Bá Hòa và TĐ4/TQLC ở phía tây bắc, cũng ở trong tình trạng tương tự. Trận đánh cứ giằng co giữa hai bên, mà không sao đẩy chúng ra khỏi tường thành. Số thương binh mỗi ngày càng gia tăng, chứa đầy bệnh viện Mang Cá.

Các binh sĩ tử thương cũng không di tản được, phải bọc pông sô đem chôn cất ở nghĩa địa ngoài thành. Tại cửa Thượng Tứ và Đông Ba, TQLC Hoa Kỳ với hỏa lực hùng hậu đã làm cho các cổng thành sập đổ một phần, rồi dần dần đẩy lui chúng về hướng cửa chính diện (trụ cờ), có thể chúng được lệnh rút về hướng tây để tránh bị cô lập, nếu cửa Nhà Đồ bị đánh chiếm. Bên cạnh TQLC Hoa Kỳ có Đại Đội Hắc Báo của Sư Đoàn 1 cùng sát cánh đánh về hướng cột cờ. Được hơn một tuần lễ, thì một ngày địch tại cửa Tây Lộc phản công mãnh liệt và đẩy lui đơn vị của Trung Đoàn 3 BB về gần sân bay Thành Nội, nhưng sau đó đã hợp lực với đơn vị trừ bị của TĐ5/TQLC phản công lại và dồn chúng về vị trí cũ. Sau đó thì áp lực của TĐ4/TQLC và Trung Đoàn 3 BB ngày càng mạnh, khiến địch phải dần dần thoát ra khỏi cửa thành để lùi về hướng Kim Long. Dưới sự yểm trợ mạnh mẽ của các loại vũ khí kể cả súng không giật hạng nặng của Hoa Kỳ tăng cường, hai TĐ1 và TĐ5/TQLC ngày càng siết chặt vòng vây, tiến trên mặt tường thành từ hố này qua hố khác cũng như len lỏi qua các nhà cửa, vườn tượt để nhắm vào vị trí cuối cùng của địch là cửa Nhà Đồ. Nếu chiếm được mục tiêu này thì sẽ khóa chặt lối thoát của lực lượng địch còn lại ở phía đông.

Trong Cấm thành cũng đang bị TQLC Hoa Kỳ đánh tới. Vì vậy địch đã dồn về khu vực cửa Nhà Đồ để tránh bị tiêu diệt toàn bộ. Do đó, trong đêm cuối cùng gần sáng,

hỏa lực địch đã xử dụng rất mạnh như có ý định phản công, để đánh lừa quân ta. Nhưng hiểu rõ ý đồ đó, tôi đã ra lệnh cho các đơn vị tấn công khi trời vừa rạng sáng, kết cuộc là địch một phần lớn đã thoát được ra ngoài thành theo cửa Nhà Đồ. Số còn lại cản hậu bị quân ta bắn hạ và bắt làm tù binh. Nhiều vũ khí nặng và cá nhân bị tịch thu. Trên cửa Nhà Đồ, TĐ5/TQLC tràn vào thì thấy mấy tên CS nằm chết, tay còn ôm lấy khẩu đại liên đầy đạn chưa bắn hết. Trong khi đó thì Đại Đội Hắc Báo của Sư Đoàn 1 cùng với TQLC Hoa Kỳ tiến tới trụ cờ cửa chính diện cùng với một đơn vị của TĐ1/TQLC và lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ được kéo lên thay thế cho lá cờ đỏ máu của CS đã treo được gần một tháng trời.

Trận đánh giải tỏa thành nội Huế coi như kết thúc. Địch ước lượng một Trung Đoàn trong khu vực hành quân đã tẩu thoát về hướng Văn Thánh. Số tử thương mà chúng để lại trận địa gần 100 tên, bị cầm tù trên 15 tên. Tổng kết lại, riêng về phía Chiến Đoàn A/TQLC trên nửa tháng chiến đấu, số thiệt hại về nhân mạng gần 100 binh sĩ tử thương và bị thương. Sau đó BCH/CĐA di chuyển về trú đóng tại khu Quốc Tử Giám Kinh Đô. Các đơn vị được một thời gian ngắn để nghỉ ngơi và củng cố lại. Tại đây CĐA/TQLC đã được Đại Tướng Cao văn Viên, Tổng TMT quân lực VNCH từ Sài Gòn ra viếng thăm. CĐ như thường lệ đã tường trình lại trận đánh đầy cam go và sự thiệt hại của hai bên. Cũng nhân dịp, trước Đại Tướng Viên, Trung Tướng Lãm, Chuẩn Tướng Trưởng tôi đặt vấn đề thăng cấp tại mặt trận để thượng cấp giải quyết. Sở dĩ phải đưa ra là vì từ trước tới giờ các quân sĩ được đề nghị thăng cấp ngoài mặt trận đã không thực hiện một cách nhanh chóng, có khi phải mất đến 5, 6 tháng mới có quyết nghị về tới đơn vị, lúc đó đã có nhiều binh sĩ đã tử trận qua các trận chiến sau đó, thay vì thưởng ngay tại chỗ khi trận đánh kết thúc, quyết định sẽ tới sau. Như vậy sẽ cổ võ và làm tăng thêm tinh thần chiến đấu của các cấp. Đại Tướng Viên ghi nhận và khi trở về ông sẽ ra lệnh cho các phòng sở thuộc Bộ Tổng Tham Mưu điều chỉnh lại.



Cộng sản Việt Nam trước khi rút đi đã đặt chất nổ phá sập cầu Trường Tiền Huế

Xét cho cùng thì hầu hết các Ban Tham Mưu, phòng sở tại hậu cứ, làm việc rất quan liêu hành chánh, trong khi đất nước ở trong tình trạng chiến tranh, quân sĩ đang chiến đấu ngày đêm ở ngoài chiến trường. Đó là không đề cập tới vấn đề phe nhóm xẩy ra trong Quân Đội, người của ông này, ông kia được thăng cấp nhanh chóng, giữ các nhiệm vụ quan trọng, bất kể đến khả năng, tác phong, kinh nghiệm chiến đấu, dẫn đến sự bất mãn, làm suy yếu tinh thần chiến đấu trong Quân Đội.

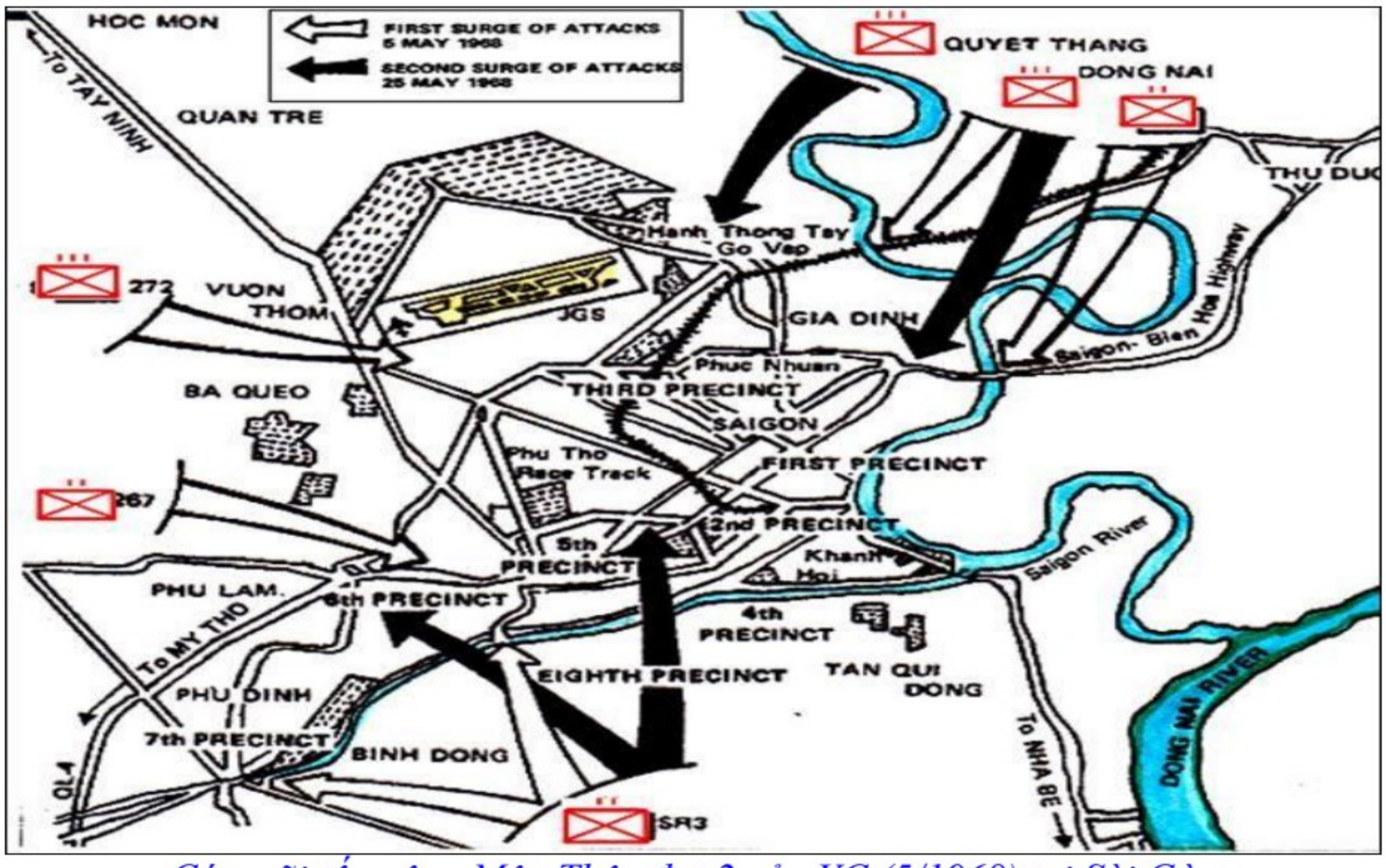
Nghỉ ngơi được vài ngày thì CĐA/TQLC được lệnh di chuyển tới lục soát khu vực phía bắc sân bay Phú Bài tức quận Phú Thứ. Tại đây, địch phần lớn là địa phương.

Sau khi thành nội Huế được giải tỏa, chúng đã phân tán mỏng rút về hướng tây Phú Bài, và đã không gặp một kháng cự nào của VC. Dân tình đã trở lại làm ăn bình thường. Được biết dân chúng cũng đã khám phá ra nhiều ngôi mộ bị VC chôn tập thể khi chúng đã làm chủ tình hình một thời gian. Đây chỉ là một trong nhiều địa điểm mà VC đã thực hiện khi chiếm đóng thành phố Huế, chẳng hạn như gần trường học bên Đông Ba, Gia Hội, trên đường từ đền Văn Thánh vào A Sao, A Lưới. Tài sản của đồng bào trên đường Trần Hưng Đạo và Gia Long là thiệt hại nhiều hơn cả.

Vài ngày sau, CĐ lại di chuyển tới Văn Thánh (phía tây thành phố Huế khoảng 5, 6 cây số) để hành quân tảo thanh trong khu vực. Như trên đã nói, địch sau khi bị thiệt hại nặng, chúng đã rút về khu rừng núi trong khu vực A Sao, A Lưới, nên CĐA/TQLC hoạt động khoảng một tuần lễ thì được lệnh của BTL/TQLC trở về hậu cứ Sài Gòn.

Thủy Quan Lục Chiến hành quân giải toả Mậu Thân Đợt 2 tại Sài Gòn vào tháng 5, 1968 (56)

Trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân (đợt 1), mặc dầu bị thiệt hại rất nặng nề kể cả về vũ khí lấn nhân mạng, quân CS Bắc Việt, vào tháng 5/1968, chúng vẫn cố gắng tung ra một cuộc tấn công lần thứ hai vào một vài Tỉnh, Thành phố, đặc biệt là Sài Gòn, Chợ Lớn. Mục tiêu của CS là dù thắng hay thua, thiệt hại nhiều hay ít, chúng không quan tâm, mà chỉ cốt tạo tiếng vang trong dư luận Quốc Tế là CS vẫn mạnh và đang làm chủ chiến trường, trái hẳn lại với nhận định của Quân Đội Hoa Kỳ là đang đạt thắng lợi, CS không còn đủ lực để phát động chiến tranh ở miền Nam nữa.



Các mũi tấn công Mậu Thân đợt 2 của VC (5/1968) tại Sài Gòn

Trước ngày CS tung ra cuộc tấn công đợt hai, các cơ quan tình báo của ta đã không ghi được một tin tức nào, như hồi Tết Mậu Thân, kể cả về phía Quân Đội Hoa Kỳ. Phải chăng phương cách, tổ chức, làm việc kém hiệu năng, lại thêm yếu tố chủ

quan, khinh địch, khiến địch đã có thể đột nhập vào thành phố Sài Gòn một cách dễ dàng, thay vì phải khám phá ra sớm để ngỏ hầu bẻ gãy từ lúc xuất phát. Ở đây cần phải nêu lên vấn đề trách nhiệm, từ cuộc tổng tấn công Mậu Thân đợt 1 đến đợt 2, là các người chịu trách nhiệm về an ninh, tình báo từ cấp cao đến thấp, đã không làm tròn nhiệm vụ giao phó.

Từ đó đáng lẽ ra phải có biện pháp trừng phạt để duy trì kỷ luật trong Quân Đội, nhưng kết cuộc là "hòa cả làng", chẳng một ai phải ra trước vành móng ngựa hoặc bị khiển trách, đôi khi lại còn được thăng thưởng thật bất công và vô lý. Cuối cùng là người dân vô tội bị lãnh đủ, quân sĩ phải hy sinh xương máu. Cuộc tấn công đợt 2 được thực hiện bằng hai mũi, một xuất phát từ khu Tam Giác Sắt, tiến qua khu vực Lái Thiêu (Bình Dương) rồi vượt qua sông Sài Gòn (ở khu vực cầu Bình Lợi) để đột nhập vào khu vực kế cận BCH Tiểu Khu Gia Định và Đồng Ông Cộ. Mũi thứ hai từ khu rừng Thơm (Quận Đức Huệ) để tiến vào Chợ Lớn. Lợi dụng đêm tối, cùng sự sơ hở của các đơn vị phòng ngự ngoại vi Thành phố, hai cánh quân CS đã tiến được vào khá sâu trong khu Chợ Lớn, còn ở Gia Định, thì gần tới ngã ba cây Thị.

Sáng sớm ngày hôm sau thì Lữ Đoàn A/TQLC (được cải danh sau khi thành lập Sư Đoàn TQLC – sau này là Lữ Đoàn 147/TQLC) được gửi tới để thanh toán địch. Trước đó, BCH Lữ Đoàn đang trong thời gian nghỉ dưỡng quân sau khi hành quân tại Cần Thơ (Vùng IV) trở về. Bộ Chỉ Huy/Lữ Đoàn (BCH/LĐ) đặt tại tòa nhà hai tầng lầu bỏ trống (chủ nhà bỏ chạy) và cũng là cây xăng ngã ba cây Thị. Trên đỉnh sân thượng, trực thăng có thể đáp xuống.

TĐ1/TQLC đánh dọc theo đường phố xuống gần tới khu sân vận động, mà địch đã chiếm giữ theo từng



Một binh sĩ Quân Cảnh TQLC cứu dân trong trận Mậu Thân (1968)

nhà. Dân chúng cư ngụ, hầu như đã chạy lánh nạn hết trong đêm qua. TĐ6/TQLC hoạt động tại Đồng Ông Cộ và khu cầu Băng Ky, sau đó tiếp theo là các trận đánh giành giật từng căn phố với hoàn toàn vũ khí cơ hữu, không có sự yểm trợ của pháo binh cũng như không quân, trực thăng võ trang. Lý do để tránh sự thiệt hại đến tài sản và sinh mạng của dân chúng còn kẹt lại trong vùng hành quân. Ngoài

sự tham dự của LĐA/TQLC còn có đơn vị Biệt Kích Dù hoạt động ở vùng kế cận. Cuộc hành quân này hoàn toàn khác biệt với các cuộc hành quân khác, có lẽ ít xẩy ra trong chiến tranh VN, nó đòi hỏi từ cấp chỉ huy đến binh sĩ phải thông suốt chiến thuật tác chiến trong thành phố. Với sĩ quan TQLC thì đa số đã được theo học lớp căn bản TQLC ở Hoa Kỳ, nên vượt qua được dễ dàng. Do đó chẳng mấy lúc đã đẩy dần VC ra gần ngoại vi thành phố, mà không gặp mấy khó khăn, vì địch vừa thiếu kinh nghiệm và không thông thuộc đường xá.

Chứng minh điều đó là có một đêm, mấy tên VC đã lù lù tiến thẳng tới BCH Lữ Đoàn, còn đang lớ ngớ thì bị các binh sĩ bảo vệ bắn hạ ngay tại chỗ. Các tên này không trang bị gì hết ngoài khẩu súng AK với một dây đạn quấn quanh mình, mặc quần xà lỏn, vai đeo chiếc lốp cao su. Có lẽ chúng đã bị lạc đơn vị, đang đi tìm lối ra. Tại Đồng Ông Cộ, địa thế trống trải hơn và ít nhà, nên đôi khi đã xử dụng được không quân và trực thăng võ trang đánh vào các ổ kháng cự nằm sâu trong lòng đất. Mấy ngày sau TĐ6/TQLC đã làm chủ được khu vực này đẩy VC phải rút dần về hướng cầu Băng Ky để tìm lối thoát qua sông Sài Gòn về hướng Lái Thiêu theo đường cũ.

Cuối cùng dưới sức ép của ta, địch rút dần vào một làng kế cận cầu Băng Ky. Biết rõ ý định muốn thoát chạy về hướng cầu Bình Lợi, nên Lữ Đoàn đã chỉ thị cho TĐ6/TQLC điều động vây chặt lối ra của chúng. Trong khi đó thì TĐ1/ TQLC đánh vòng qua khép chặt vòng vây. BCH Lữ Đoàn đã xử dụng loa phát thanh kêu gọi địch trú ẩn trong ấp ra đầu hàng. Một hồi lâu, chắc thấy không còn hy vọng gì thoát thân nên chúng đã bảo nhau từng đợt ra trình diện với vũ khí. Khi đó có một chuyện vui là tôi thấy có một tên VC nhỏ tuổi chạy ra nhưng không có vũ khí, tôi bèn kêu hắn là súng đâu, thì hắn thưa "Dạ, để em vào trong kia lấy ra", nói xong là hắn chạy đi ngay, và chỉ trong chốc lát hắn mang ra cây AK rồi đưa cho binh sĩ của Lữ Đoàn.

Tôi thấy thật là đáng thương cho chúng. Hỏi qua thì phần lớn bọn chúng đều là từ ngoài Bắc mới xâm nhập vào, rất trẻ tuổi, vào Bộ Đội theo nghĩa vụ quân sự. Do đó mà khi bị vây đánh, chúng đã không biết tiến thoái ra làm sao, lớ ngớ như mán ở trong rừng mới ra tỉnh. Về sau điều tra thêm, thì chúng được cấp trên bảo là miền Nam dân chúng đã nổi dậy chiếm chính quyền rồi, chỉ vào tiếp thu thôi.



TQLC ra chiến trận

Sau khi VC đã ra trình diện hết, tổng cộng khoảng gần 150 tên, có một số bị thương, tôi cho di chuyển chúng về BCH/LĐ để Ban 2 và cứu thương làm việc. Ở đây tôi đã ra lệnh đối xử với chúng tử tế theo quy chế tù binh, cho ăn uống và hút thuốc đầy đủ. Trước khi chuyển giao cho BTL/Biệt Khu Thủ Đô, tôi đã cho chúng ngồi trên quân xa chạy long vòng trong mấy đường phố, dưới sự hướng dẫn và bảo vệ của Quân Cảnh TQLC, Dân chúng hai bên phố đã vẫy tay reo hò ầm ỹ.

Trong khi đó, tại khu vực Chợ Lớn, lực lượng Biệt Động Quân và một TĐ/TQLC hoạt động, cũng đã đẩy lui địch ra khỏi Phú Lâm. Một sự kiện đáng tiếc xẩy ra cùng ngày, một trực thăng võ trang Hoa Kỳ đã tác xạ nhầm vào tòa nhà đang có Bộ Tham Mưu của Biệt Khu Thủ Đô đang họp, khiến một vài sĩ quan bị tử thương. Hôm đó, sau khi Phái đoàn của Tổng Cục Chiến Tranh Chính trị đến thăm, có sự hiện diện của Trung Tướng Khang, lúc đó vừa giữ chức Tư Lệnh TQLC, Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô kiêm Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định, Tư Lệnh Quân Đoàn III Vùng 3 Chiến Thuật, và một số sĩ quan đơn vị bạn, trong đó có Trung Tá Đào bá Phước, Liên Đoàn Trưởng BĐQ. Khi Phái đoàn trở về, Trung Tướng Khang có bảo tôi có muốn vào Chợ Lớn họp thì đi theo, nhưng vì bận nhiều việc nên tôi không đi. Sau đó thì xẩy ra tai nạn, và Trung Tá Phước bị tử thương.

Sự đầu hàng của VC ở cầu Băng Ky đã chấm dứt trận chiến tại Tiểu Khu Gia Định và đồng thời cũng kết thúc cuộc tấn công đợt 2 của CS vào Thủ Đô Sài Gòn. Hơn một tuần lễ giao tranh, sự thiệt hại của Lữ Đoàn A/TQLC được coi như là nhẹ. Sau trận tấn công đó thì CS gần như không đủ lực để tiếp tục nữa. Chiến trận từ đó dần dần bớt sôi động, và quân ta hoàn toàn làm chủ chiến trường.

Sau biến cố Mậu Thân, TQLC Hành quân diệt Việt Cộng ở Vùng IV (57)

Sau biến cố Tết Mậu Thân đợt 1 và 2, Lữ Đoàn A/TQLC (LĐ A)được điều động xuống Cần Thơ (Vùng IV) thay thế cho Lữ Đoàn B đang hành quân ở ngoại vi Cần Thơ, khi VC tấn công đợt 2 vào Thành phố và chúng tôi mới tới nơi, những dấu vết của cuộc tấn công vẫn còn lộ rõ. Sau bàn giao nhiệm vụ, LĐ A hành quân lục soát vùng Cờ Đỏ ở phía tây Phi trường Cần Thơ. Khu vực này địa thế cũng khá phức tạp, thường là nơi ẩn trú cùng xuất phát tấn công vào các xã, ấp chung quanh Tỉnh lỵ.

Trong cuộc tấn công Mậu Thân đợt 2 (tháng 5/1968) địch cũng từ hướng đó len lỏi đột nhập vào Thành phố và ngược lại cũng vậy. Tiếp theo cuộc hành quân đó, thì LĐ A di chuyển tới hoạt động tại quận Phong Điền nằm ở phía tây quận Cái Răng chừng 20 cây số. Tại đây các đơn vị của LĐA vượt qua sông Cái Răng để lục soát các ấp đang bị VC chiếm giữ. Trong một cuộc tiến quân vào một bờ ấp, TĐ 6/TQLC đã đụng độ với địch khiến Đại Úy Nguyễn Xuân Phúc Tiểu Đòan Trưởng bị thương ở ngực, nhưng may mắn thoát chết vì không đúng chỗ nguy hiểm, và Trung Úy Cổ Tấn Tinh Châu (em) bị tử thương.

Thiếu Tá Nguyễn Thế Lương TMT của LĐA/TQLC được điều động tạm thay thế chức vụ TĐT/TĐ6/TQLC. Kết quả hành quân cũng đã đạt được thắng lợi vừa phải. Sau đó Lữ Đoàn A (LĐA) rút ra quận Cái Răng và hành quân tảo thanh khu vực phía đông Tỉnh lộ 4 xuống tới xã Cái Tắc và quận Phụng Hiệp. Ở đó địa thế ngập

nước nên tiến quân gặp nhiều khó khăn. Tại phía nam quận Cái Răng, TĐ5/TQLC dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Nhã đã chạm địch thu được nhiều vũ khí. Còn ở khu vực Phụng Hiệp, có gặp lực lượng địa phương, du kích chống trả, nhưng không đáng kể. Tỉnh lộ 4 trở lại an ninh hoàn toàn tránh khỏi nạn phá đường, đắp mô vào ban đêm.

Những ngày tháng đầu năm 1969, LĐA được tăng phái cho Sư Đoàn 18 BB. Bộ Tư Lệnh đóng tại Tỉnh Long Khánh. LĐA hành quân trong Mật Khu Mây Tào (nằm ở phía đông bắc Tỉnh lỵ) giữa đường tới Tỉnh Bình Tuy. Cùng tham dự có một Trung Đoàn của Sư Đoàn 18, Trung đoàn Trưởng không ai xa lạ là Trung Tá Trần văn Nhựt. Sau thời gian phục vụ ở phòng Tùy viên Quân Sự ở Phi luật Tân trở về nước, ông làm việc ở Bộ Quốc Phòng (Tướng Nguyễn Hữu Có) với chức vụ Phụ tá Đổng Lý do Đại Tá Nguyễn đình Vinh đảm trách. Nhưng rồi trong việc tranh dành quyền lực, Trung Tướng Có đang công tác tại Hải ngoại thì bị ngừng chức và không cho trở về nước. Các sỹ quan thân cận của Tướng Có, trong đó có Trung Tá Nhựt, bị cất chức thuyên chuyển đi xa (Đại Tá Vinh ra Quân Đoàn I), riêng Trung Tá Nhựt bị đưa ra quận Hàm Tân (Tỉnh Bình Tuy) giam lỏng. Sau tìm hiểu, thì phe cánh Tướng Có được gán cho âm mưu đảo chính.

Bị quản thúc tại Hàm Tân một thời gian (hằng ngày đi tắm biển, bắt cua, mò ốc) thì được thuyên chuyển về Sư Đoàn 18 của Tướng Đỗ Kế Giai làm tư lệnh và được giao chức vụ Chỉ huy Trưởng Trung tâm huấn luyện Sư Đoàn 18 BB, rồi tiếp theo là Trung đoàn Trưởng của một Trung Đoàn thuộc Sư Đoàn 18 BB.

Ngoài Trung Đoàn Sư Đoàn 18, Lữ Đoàn A/TQLC còn phối hợp với lực lượng của Quân Đội Úc đóng tại tỉnh Phước Tuy sẽ hành quân từ phía tây nam của núi Mây Tào. Khu vực này, VC thường dựa vào chân núi để trú ẩn, hoạt động đánh phá các vùng lân cận ba tỉnh Long Khánh, Bình Tuy, và Phước Tuy, đồng thời uy hiếp Quốc Lộ 1.

Tình hình địa thế rất thuận lợi cho địch vì rừng cây rậm rạp và giáp ranh với Rừng Lá. Trong cuộc hành quân lục soát, các đơn vị của TQLC đã khám phá ra một số thực phẩm thu dấu trong các lùm cây, chừng như để tiếp tế cho VC từ các toán khai thác gỗ vì muốn được yên thân. Sau này được biết thì chủ nhân khai thác thuộc người nhà của Tướng Trần Thiện Khiêm (đang làm Thủ Tướng VNCH). Do đó mà có ít nhiều tin tức đã bị tiết lộ, và địch đã tránh né di chuyển đi nơi khác, khiến cuộc hành quân không đạt được mục tiêu mong muốn, ngoài khám phá một vài hầm cất giấu lương thực.

Một điều là hành quân trong các tháng mùa khô, vấn đề nước uống rất nan giải, phải tiếp tế, vì các suối đều khô cạn, hạn chế nhiều mọi hoạt động. Hành quân chấm dứt, LĐA/TQLC lại được BTL Quân Đoàn III của Tướng Đố cao Trí (sau khi làm Đại Sứ ở Nam Hàn được TT Thiệu gọi về) chuyển đến khu vực nằm giữa quận Trảng Bàng và Tỉnh lỵ Tây Ninh. Tại đây LĐA có nhiệm vụ hành quân truy lùng địch hoạt động trong đồn điền cao su Dầu Tiếng, một địa điểm kế cận quận lỵ Dầu Tiếng nơi mà thời kỳ tôi làm TĐT/TĐ2/TQLC đã hành quân sau trận đụng độ thất bại của Sư Đoàn 5 BB do Đại Tá Thuần làm tư lệnh.

Các đơn vị đều có kinh nghiệm hoạt động trong rừng cao xu, nên mọi cuộc tiến quân đều không gặp khó khăn. Vào thời gian nửa chừng, trong một cuộc tấn công đêm vào một làng ven đồn điền, có thiết giáp yểm trợ, TĐ1/TQLC do Thiếu Tá Trí chỉ huy đã đụng độ VC và gây cho chúng thiệt hại khá nặng về nhân mạng và vũ khí. Sau trận đánh, Tướng Đỗ Cao Trí có đến tận nơi quan sát trận địa và ngỏ lời khen. Từ đó, Tướng Trí thông cảm hơn với Binh chủng TQLC, nhất là trước đó TĐ4/TQLC do Thiếu Tá Vượng làm TĐT hoạt động sao đó, đã làm ông ta không bằng lòng lắm. Tướng Trí tới cuối năm 1970, trong một cuộc thăm viếng các đơn vị, ông đã tử thương cùng với viên cố vấn Hoa Kỳ bởi tai nạn trực thăng.

Phối Hợp hành quân với Hải Quân tại Vùng 4

Sau các cuộc hành quân tại Quân Đoàn III, LĐA/TQLC được lệnh di chuyển xuống Quân Đoàn IV để thay thế cho LĐB/TQLC đang hành quân tại tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang). LĐA di chuyển bằng quân xa tới Rạch Giá, rồi được tàu Hải Quân chở vào vùng hành quân tại địa điểm nằm trên hai bên bờ kinh Cán Gáo, ở giữa Rạch Giá và quận Thới Bình (Cà Mâu An Xuyên). LĐA/TQLC trên đường tới BCH/LĐB, đồng thời cũng là BCH Lực Lượng Thủy Bộ, được vô sự.

Trước ngày LĐA tới thì LĐB cũng đã đụng độ với VC nhưng không nặng lắm. Lực lượng Thủy Bộ mới thành lập trước đó ít lâu, gồm một vài tàu chỉ huy và yểm trợ cùng một số tàu chở quân, có thể di chuyển trên sông ngòi. Ngoài phương tiện chuyên chở này, có một BCH Lực Lượng Thủy Bộ được tổ chức bởi một số sĩ quan thuộc hai binh chủng (Hải Quân & TQLC). Vị Tư Lệnh do Hải Quân đảm trách, Lữ Đoàn Trưởng TQLC làm Tư Lệnh Phó. Chức vụ Tham Mưu Trưởng do Hải Quân phụ trách có sự phối hợp của Tham Mưu Trưởng Lữ Đoàn TQLC. Trên lý thuyết là như vậy, nhưng thực tế ngoài trận địa, thì Lữ Đoàn TQLC hầu như phụ trách gần hết, kể cả về mặt chiến thuật lẫn bố trí phòng thủ khi đóng quân.



Đại tá TQLC/VNCH Hoàng Tích Thông, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn A / TQLC

Từ ngày hành quân Vùng IV cho tới sang Campuchia năm 1970, qua hai sĩ quan hải quân chỉ huy lực lượng Thủy Bộ, Đại Tá Hùng và Đại Tá Thông (Hải Quân) đều diễn tiến tốt đẹp không có chuyện gì xẩy ra cả. Tất cả đều do sự hiểu biết, thông cảm và kính trọng lẫn nhau giữa các cấp chỉ huy mà thôi. Tại chiếc tàu chỉ huy, tôi gặp Đại Tá Hùng và Thiếu Tá Tâm Tham Mưu Trưởng trao đổi về tình hình trong

khu vực, Đại Tá Hùng là một sĩ quan tương đối trẻ, tư cách, nhã nhặn và đứng đắn, cho nên mới gặp lần đầu, tôi đã cảm thấy gần gũi hơn, kể cả các sĩ quan hải quân khác đều rất vui vẻ khi gặp Lữ Đoàn A/TQLC. Trong số này có vài sĩ quan đã cùng chúng tôi hành quân tại Cà Mâu, từng chở chúng tôi đi từ chỗ này đến chỗ khác để đổ hoặc bốc quân. Do đó sự phối hợp rất chặt chẽ giữa hai bên suốt cuộc hành quân tại khu vực Kinh Cán Gáo cũng như về sau đó. Tình hình được biết, thì sau cuộc đụng độ vừa phải với LĐB/TQLC thì trở lại yên tĩnh. Có lẽ VC đã rút về tỉnh Cà Mâu.

Còn về địa thế, hai bên Kinh tương đối trống trải, dễ quan sát, nhưng cây cối mọc lúp xúp vì ruộng vườn lâu ngày không có người trông coi. Dân chúng trong vùng thưa thớt, thỉnh thoảng có vài căn nhà lá tụm lại với nhau, bao quanh bởi các hàng dừa và cây cau. Sau khi bố trí, BCH/LĐA ở kế cận bờ Kinh và gần sát với chiếc tàu chỉ huy của Đại Tá Hùng (để dễ liên lạc ngày và đêm, tuy rằng có máy vô tuyến), phát quang những trở ngại chung quanh BCH/LĐ để đơn vị phòng vệ có xạ trường tốt. Pháo Binh thì được LĐB/TQLC chuyển giao một Pháo Đội 105 ly (6 khẩu). Ngoài sự yểm trợ này, còn có hỏa lực của Hải Quân trợ lực khi hành quân gần bờ Kinh cũng như lúc phòng thủ ban đêm. Khi mọi sự đã sắp xếp tương đối đâu vào đó, thì LĐA/TQLC mở các cuộc hành quân truy lùng địch trong vùng ấn định, nằm trong tầm yểm trợ của Pháo binh, nghĩa là không quá 10 cây số.

Trong thời gian bộ binh hoạt động xa con Kinh thì Hải Quân xử dụng tàu tuần tiễu trên Kinh. Vùng hành quân là vùng tiếp giáp giữa hai Tỉnh, lại không có một đồn bót của hai bên của tỉnh nào trấn đóng nên địch xử dụng làm nơi ẩn trú cũng như tập trung xuất phát đánh phá vào các ấp, xã hoặc các đồn trại của hai bên. Trường hợp bị phản kích hoặc hành quân tảo thanh thì chúng lại rút về phía bên kia ranh giới an toàn. Nhưng với lực lượng của Sư Đoàn 21 BB cũng như Tổng Trừ Bị, thì chúng bắt buộc phải rút vào rừng sâu để tránh né.



TQLC hành quân đổ bộ trực thăng

Trường hợp này cũng đã xẩy ra với LĐA/TQLC có khi liên tục mở các cuộc hành quân lục soát, nhưng kết quả không gặp một đơn vị nào của địch, trừ mấy tên du kích địa phương bắn quấy rối rồi bỏ chạy. Hành quân khoảng nửa tháng thì chấm dứt và lực lượng Thủy Bộ di chuyển về hoạt động tại vùng phía nam các xã Vị Thanh, Hỏa Lựu (Tỉnh Chương Thiện) kế cận sông Cái Lơ.

Vùng này khoảng khoát hơn, các ruộng vườn có dân chúng trông nom nên cũng đỡ rậm rạp. Việc bố trí đoàn tàu và Lữ Đoàn TQLC không có gì thay đổi, có nghĩa là đoàn tàu vẫn làm nhiệm vụ tuần tiễu trên sông và chở quân đổ bộ lên hai bên bờ khi có nhu cầu. Chiếc tàu chỉ huy vẫn nằm một chỗ, kế cận BCH/LĐ/TQLC. Hàng ngày mỗi buổi sáng, Tư Lệnh Thủy Bộ xuống tàu tới BCH/LĐ nghe thuyết trình về tình hình và kế hoạch hoạt động trong ngày. Còn khi nào cần có sự tham khảo với vị Tư Lệnh, thì tôi hoặc Tham Mưu Trưởng lên tàu gặp. Cũng như hoạt động tại Kinh Cán Gáo, thường ngày vẫn cho các TĐ hoạt động truy lùng địch cả hai bên sông.

Tại khu vực này có nhiều xóm nhà khoảng 5, 10 căn, bao quanh bởi các mương, trên bờ trồng chuối, nên mỗi khi gần tới những địa điểm này là gặp du kích ẩn nấp bắn ra rồi bỏ chạy. Trong thời gian hành quân, VC thì không gặp, nhưng hàng ngày đều có binh sĩ bị thương tích vì mìn bẩy, một điều đã làm cho binh sĩ mất tinh thần, vì không biết lúc nào sẽ đến phiên họ. Về chuyện này, tôi cũng đã có trình bày với Chuẩn Tướng Nguyễn vĩnh Nghi, Tư Lệnh Sư Đoàn 21, khi ông ta tới thăm dơn vị. Tôi nửa đùa nửa thật ví TQLC như chiếc xe ủi mìn. Như vậy ta thấy rằng việc xử dụng lực lượng Tổng Trừ Bị rất bừa bãi, hình như thượng cấp có quan niệm là có quân là phải xử dụng, để không sinh ra hư hỏng. Đồng ý, nhưng phải cho đúng chỗ phù hợp với tình hình chính xác. Đối với các đơn vị được tăng phái, thì dĩ nhiên là họ phải xử dụng hết mức, dù rằng không cần thiết mấy. Chứng minh rõ ràng là các tháng trước ngày 30/4/1975, các lực lượng Tổng Trừ Bị đã bị chôn chân một chỗ, đến lúc cần thì không đủ thời gian để chuyển quân, và nếu có tới được thì mọi sự cũng đã rồi, và ở trong một tư thế rất khó khăn để phản công địch.

Trong thời gian hành quân nhằm vào những ngày Tết Âm Lịch, nên phái đoàn Tổng Thống Thiệu đã tới thăm BTL Thủy Bộ. Sau đó ít lâu, đoàn tàu của Đại Tá Hùng trở về Cần Thơ, và tiếp theo thì lực lượng Thủy Bộ do Đại Tá Thông (Hải Quân) chỉ huy, di chuyển tới Châu Đốc cùng với LĐB/TQLC hành quân vượt biên giới sang Campuchia. Còn LĐA/TQLC, một thời gian sau đó cũng được lệnh của BTL Quân Đoàn IV (Trung Tướng Ngô Dzu) lên đường tới Châu Đốc để được tàu Hải Quân chuyên trở sang Neak Leung, Campuchia thay thế cho LĐB/TQLC đang hành quân ở đó.

Chỉ huy Chiến Đoàn A/TQLC Hành quân Campuchia tháng 6/1970 (58)



Bản đồ Campuchia nằm cạnh Việt Nam và liên tục bởi sông Cửu Long

Tình hình chung An ninh chính trị: Sau biến cố Tết Mậu Thân (1968) mà một số thành phố, tỉnh lỵ thuộc VNCH đã bị quân CS Bắc Việt và cái gọi là MTGPMN vi phạm thỏa hiệp đình chiến trong ba ngày Tết, tấn công và chiếm giữ một thời gian ngắn, gây ra nhiều thiệt hại về tài sản và nhân mạng, đặc biệt là ở cố đô Huế. Tình hình sau đó đã trở nên lắng dịu trên toàn lãnh thổ miền Nam VN cho tới mấy năm về sau. Cũng vì sự thiệt hại nặng nề của địch trong cuộc tấn công đó mà tình hình quân sự đã bớt căng thẳng và hai bên đã đồng ý đi tới hòa hội Paris.



Trung Tướng Đỗ Cao Trí chỉ huy hành quân Campuchia 1970

Một điều đáng lưu ý, là sau biến cố Tết Mậu Thân 1968, thì Hồ chí Minh đã lâm bệnh nặng, có lẽ vì uất ức qua sự thất bại trên, nên đã từ trần vào đầu năm 1969, khiến các tên lãnh tụ cọng sản miền Bắc phải chịu ngồi vào bàn Hội Nghị theo đề nghị của Chính Phủ Hoa Kỳ. Sự thất bại nặng nề trong cuộc tổng tấn công vào các đô thị miền Nam trong cả hai đợt Tết Mậu Thân (2/1968) và tháng 5/1968, khiến các lực lượng của VC không còn khả năng mở ra những cuộc tấn công quy mô trên khắp chiến trường miền Nam trong suốt mấy năm sau đó, mà chỉ còn những hoạt động cấp thấp không đáng kể. Những đơn vị lớn đều rút qua biên giới Campuchia để tái bổ sung, tổ chức và huấn luyện. Còn các đơn vị địa phương bị thiệt hại nhiều nhất, kể cả cán bộ xã ấp của chúng tưởng thời cơ đã đến nên đã lộ diện, do đó đã bị ta bắt và tiêu diệt.

Sau này, qua những tin tức tình báo ghi nhận, thì các lực lượng địa phương, phần lớn các cấp chỉ huy từ Đại Đội trở lên đã được các cán bộ từ miền Bắc vào thay thế. Sau biến cố Tết Mậu Thân, cũng như cuộc tấn công đợt 2 vào tháng 5/1968 tuy rằng VNCH đã phản công thắng lợi nhưng cũng không tránh khỏi những thiệt hại về tài sản cũng như về nhân mạng, nhất là tại thành phố Huế, VC trong thời gian chiếm cứ đã bắt và thủ tiêu hàng mấy ngàn người dân, quân, cán chính mà đến tận bây giờ mọi người không bao giờ quên được. Sở dĩ sự việc xẩy ra vì ta quá chủ quan, khinh địch, tin vào thiện chí của CS thi hành thỏa hiệp ngừng bắn ba ngày đầu Xuân. Dầu sao qua cơn sóng gió thì tình hình an ninh khắp bốn vùng chiến thuật trở nên yên tĩnh, các tổ chức chính quyền xã, ấp được cũng cố, tinh thần chiến đấu của các lực lượng Địa Phương Quân, Nghĩa Quân trở nên vững vàng hơn. Tuy nhiên sự lắng dịu trên chiến trường không đi tới tàn lụi, mà có tính cách thời gian,

vì khả năng chiến đấu của địch chưa hoàn toàn tê liệt, và chúng vẫn tiếp tục chi viện từ miền Bắc vào về nhân lực và vũ khí theo đường mòn Hồ chí Minh và đặc biệt là chúng đã xử dụng hải cảng Sihanoukville của Campuchia để đổ súng ống, đạn dược tiếp tế cho các lực lượng hoạt động tại hai Vùng III và Vùng IV chiến thuật. Chúng làm được vậy là do Chính quyền Campuchia cho phép, vì có ác cảm với Chính quyền VNCH. Vì vậy khi địch hồi sức lại, chúng lại vượt qua biên giới để quấy phá miền Nam VN. Để chấm dứt hậu hoạn đó, VNCH chỉ còn có cách là mở cuộc hành quân vượt biên truy diệt tận sào huyệt thì mới có thể đạt kết quả lâu dài được.

Đến năm 1970 thì tình hình chính trị tại Campuchia bỗng thay đổi. Tướng Lon Nol, Thủ Tướng Chính phủ Campuchia đã đảo chính lật đổ Quốc Vương Sihanouk, lúc đó đang thăm viếng Trung Cộng và Bắc Việt. Sự việc này đã tạo thuận lợi cho VNCH vì Chính quyền mới tại Campuchia đã có lập trường rõ rệt là thân tây phương và chống Cộng. Trong lúc giao thời, còn đang củng cố Chính quyền, vả lại khả năng quân sự quá yếu kém không đối phó được với hai kẻ thù là Khmer Đỏ và Bộ đội CSVN hoạt động gần như công khai dọc vùng biên giới Miên-Việt từ Hải cảng Sihanoukville tới phía bắc giáp ranh với Lào. Do đó, Tướng Lon Nol đã thuận để quân đội VNCH mở cuộc hành quân qua biên giới, một là tiêu diệt lực lượng CSVN đang chiếm cứ trong lãnh thổ, hai là trợ giúp Quân Đội Campuchia về tổ chức, huấn luyện có sự viện trợ của Hoa Kỳ trong một thời gian ngõ hầu có thể tự lực bảo vệ.

Để thực hiện kế hoạch trên, Quân lực VNCH mở cuộc hành quân sang Campuchia mà không có sự tham dự của Quân Đội Hoa Kỳ, cũng như không có sự tham dự của cố vấn Hoa Kỳ trong các lực lượng tham gia hành quân. Cuộc hành quân được thực hiện bằng hai cánh quân, một thuộc Vùng III và một thuộc Vùng IV Chiến Thuật.

Tại Vùng III do Trung Tướng Đỗ Cao Trí chỉ huy, và Vùng IV do Tướng Ngô Dzu đảm trách. Các lực lượng hành quân đều có đủ các binh chủng tham dự. Riêng hai lực lượng Tổng Trừ Bị thì Nhẩy Dù theo cánh quân thuộc Vùng III, còn TQLC theo cánh quân tại Vùng IV. Diễn tiến hành quân thuộc phạm vi LĐ B/TQLC gồm có ba tiểu đoàn TQLC do Đại Tá Tôn Thất Soạn chỉ huy cùng với lực lượng Thủy Bộ do Đại Tá Nguyễn Văn Thông (Hải Quân) làm Tư Lệnh, vượt tuyến xuất phát từ Tỉnh lỵ Châu Đốc, ngược dòng sông Mekong tới ranh giới Việt-Miên thì đổ bộ lên vùng đất thuộc hữu ngạn con sông và mở cuộc tấn công lên tới Thị Trấn Neak Leung. Trong khi đó thì lực lượng Thủy Bộ, hoạt động tuần tiễu trên sông, yểm trợ cho cuộc hành quân.



Hành quân Campuchia 1970 bằng đô bộ trực thăng

Cuộc đổ bộ lập đầu cầu được an toàn, không có phản ứng của địch. Sau đó thì pháo binh được trực thăng bốc từ Châu Đốc tới vị trí hành quân. Tình hình địa thế tương đối trống trải, làng mạc thưa thớt ít dân cư, do đó cuộc tiến quân không gặp khó khăn lắm. Về địch tình, có lẽ biết trước, chủ lực địch đã rút sâu vào nội địa, hướng lên phía bắc, nên các lực lượng tiền phong chỉ gặp các kháng cự yếu ớt để làm trì hoãn bước tiến của ta. Tuy nhiên trong ba ngày hành quân liên tục, LĐB/TQLC cũng đạt được kết quả là loại ra ngoài vòng chiến một số địch quân đồng thời phá hủy một số kho gạo, thuốc men và vũ khí đáng kể. Sau đó thì LĐB/TQLC bố trí quân tại khu vực chung quanh Thị Trấn Neak Leung.

Tại đây, đơn vị đã bắt tay được với các đơn vị Campuchia bảo vệ Thị Trấn. Với sự yêu cầu của chính quyền địa phương Campuchia, đã tổ chức một cuộc hành quân trực thăng vận sang khu vực tả ngạn sông Mekong, nằm ở phía tây nam Thủ Đô Nam Vang chừng 50 cây số. Cuộc hành quân do TĐ3/TQLC của Thiếu Tá Nguyễn năng Bảo thực hiện. Cuộc hành quân diễn ra trong ngày, kết quả thu lượm không đáng kể vì địch đã di chuyển vào ngày hôm trước. Về tình hình địch, thì trong khu vực hành quân, phần lớn chỉ là các đơn vị của CSVN còn Khmer Đỏ thì hoạt động ở phía tây lãnh thổ Campuchia. Sau đó thì LĐB/TQLC tiếp tục hoạt động mở rộng vòng đai Thị Trấn, giúp các đơn vị Campuchia trải quân đóng giữ cho tới ngày được LĐA/TQLC tới thay thế. Trong thời gian LĐB tham gia hành quân sang Campuchia thì LĐA đang hành quân tại tỉnh Chương Thiện.

Được lệnh của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 4, LĐA/TQLC do tôi chỉ huy di chuyển bằng quân xa tới Thị Xã Châu Đốc và được tàu hải quân chở tới bến phà Neak Leung. Tại đây LĐA tiếp tục làm nhiệm vụ của LĐB là chuẩn bị mở cuộc hành quân giải tỏa tỉnh lỵ Preveng nằm ở phía đông bắc của Thị Trấn Neak Leung mấy chục cây số đang bị lực lượng CSVN chiếm đóng.

Lực lượng của Chính quyền Campuchia chỉ còn cố thủ trong căn cứ nằm ở phía nam tỉnh lỵ. Công tác thay thế hoàn tất, tôi xử dụng trực thăng bay quan sát chiến trường trước khi thảo kế hoạch hành quân. Tỉnh lỵ Preyveng từ trên cao nhìn xuống trông rất đẹp. Nhà cửa xây dựng khang trang, phố xá rộng rãi có cây xanh trồng hai bên đường. Tỉnh lỵ nhỏ bé nhưng rất gọn gàng. Sau này tỉnh lỵ được giải tỏa, tôi

mới thấy rõ cảnh trí của Thành phố. Kiến trúc nhà cửa, đường xá dựa theo kỹ thuật của Pháp hoàn toàn.

Dân chúng thưa thớt,có lẽ phần đông đã bỏ chạy khi CS chiếm thành phố. Có một vài căn nhà lầu đã bị hư hại bởi hỏa tiến 122 ly. Địa thế chung quanh tỉnh lỵ khá trống trải nên thuận lợi cho việc đổ quân bằng trực thăng. Tuy nhiên cũng dễ bị hỏa lực của địch bố trí trong các căn nhà nằm ven tỉnh lỵ bắn ra. LĐA/TQLC xử dụng hai Tiểu Đoàn hành quân trực thăng vận xuống bãi đáp ở phía tây tỉnh lỵ. Một TĐ còn lại bố trí tại Thị Trấn Neak Leung làm thành phần trừ bị. Đơn vị trực thăng của VNCH đảm trách chuyển quân từ bãi bốc ở ngoài Thị Trấn tới bãi đáp, dưới sự yểm trợ hỏa lực của trực thăng võ trang và pháo binh trong trường hợp có sự phản ứng của địch, để tránh sự thiệt hại về nhà cửa trong thành phố.

Vào giờ N, một Đại Đội được thả xuống bãi đáp và tiến nhanh vào hàng cây bao quanh thành phố an toàn. Trên trực thăng, tôi liên lạc qua một sĩ quan Miên tháp tùng, thì đơn vị Campuchia còn lại đồn trú ở phía nam thành phố cho biết là địch chiếm cứ ở phía bắc thành phố. Tôi cho tiếp tục thả quân và tới xế trưa thì hoàn tất. Hai TĐ được lệnh tiến song song sang phía đông và lên hướng bắc dựa theo các căn nhà dọc theo đường phố. Tình hình hoàn toàn yên tĩnh cho tới chừng 5, 6 giờ chiều khi hai đơn vị tiến gần tới khu vực cực bắc thành phố thì chạm địch.

VC ẩn núp trong những căn nhà hai tầng lầu ở đầu các dãy phố bắn xối xả vào các trục tiến quân của ta. Nhờ tiến quân dựa vào các nhà, nên đã tránh được nhiều thiệt hại. Tuy nhiên đã có vài binh sĩ bị thương. Hai bên bắn qua lại một hồi lâu thì trời vừa tối, cuộc tiến quân đành phải ngừng lại trong đêm. Mờ sáng hôm sau thì trận chiến lại bắt đầu, VC vẫn cố thủ chưa chịu rút lui.

Tôi ra lệnh hai đơn vị phải tấn công dứt điểm dưới sự yểm trợ của pháo binh và trực thăng võ trang. Đến gần trưa thì địch tại các căn nhà đầu phố đã bị đánh bật về phía bắc, một số địch quân bị bắt và tử thương, kể cả vũ khí đạn dược bỏ lại trận địa. Khai thác thắng lợi, các đơn vị tiếp tục áp đảo địch từ nhà này đến nhà khác cho đến chiều tối thì địch hoàn toàn rút chạy về hướng bắc ra ngoài thành phố, để lại nhiều vũ khí và xác chết. Về phía LĐA/TQLC thiệt hại tương đối nhẹ. Như vậy là qua hai ngày hành quân, LĐ đã làm chủ Thành phố và giải tỏa cho đơn vị Campuchia cố thủ trong căn cứ ở phía nam thành phố. Để hỗ trợ cho chính quyền địa phương củng cố lại quyền cai trị và tăng cường quân số để bảo vệ thành phố, LĐA/TQLC duy trì hai Tiểu Đoàn một thời gian và đồng thời chuẩn bị tiếp theo cuộc hành quân về hướng bắc để lùng diệt địch.



Bên sông ở Neak Leung, Campuchia

Theo lệnh của QĐ IV, tôi phải bay tới căn cứ đóng quân của Lữ Đoàn 3 Thiết Giáp của Đại Tá Khôi thuộc QĐ III đang hành quân tại khu vực đồn điền Michelin để tiếp nhận một Chi Đoàn Thiết vận xa tăng cường cho cuộc hành quân của LĐA/TQLC, nhưng cuối cùng thì lại hủy bỏ, và LĐ đơn thương hành quân bằng phương tiện cơ hữu.

Nghỉ quân được vài ngày, LĐ tiến quân lên hướng bắc thành phố khoảng mười mấy cây số thì dừng lại. Không có cuộc chạm súng nào đáng kể, địch hầu như rút chạy về hướng tây bắc. Một vài kho lúa gạo được khám phá. Cuộc hành quân giải tỏa thành phố Preyveng chấm dứt, LĐA/TQLC rút bằng đường bộ về lại Thị Trấn Neak Leung, đồng thời yểm trợ cho lực lượng địa phương Campuchia củng cố lại các đồn trại dọc theo tỉnh lộ Preyveng-Neak Leung.

Một điểm ghi nhận là các tù binh bắt được trong trận đánh đều ở tuổi 19, 20, ốm yếu và bệnh tật, sắc mặt vàng vọt vì sốt rét mà không có thuốc men. Hỏi chúng thì được biết là chúng mới từ miền Bắc vào Nam mới được vài tháng theo đường mòn Hồ chí Minh. Được cho ăn uống và hút thuốc, chúng tỏ ra rất vui mừng, không ngờ lại được đối xử rất tử tế, chứ không như lời tuyên truyền xuyên tạc của các cấp chỉ huy VC. Phần lớn chúng thuộc thành phần nghĩa vụ quân sự còn đang đi học.

Trở về hậu cứ tại Neak Leung, LĐA/TQLC một mặt tổ chức những cuộc hành quân diều hâu cấp Đại Đội vào những khu vực có tin tức địch hoạt động, mặt khác liên hệ chặt chẽ với Lữ Đoàn Campuchia mới thành lập do Đại Tá Pre Meas chỉ huy. Ông này nói rành tiếng Pháp và tiếng Việt, trước kia có đi tu nghiệp tại Pháp về ngành Quân Nhu. Sở dĩ ông ta được giao phó trách nhiệm chỉ huy Lữ Đoàn vì là bạn thân của Đại Tá Lon Nol, em của Tướng Lon Nol.

Sau ngày LĐA/TQLC trở về VN thì hay tin ông ta đã lên cấp Tướng và không hiểu số mạng ông ta ra sao sau khi Khmer Đỏ dành chính quyền. Riêng Đại Tá Lon Nol (em) đã bị CS xử tử hình cùng với Hoàng Thân Thủ Tướng Chính Phủ. Do có lệnh yểm trợ LĐ Campuchia, nên tất cả súng ống đạn dược lấy được của CSVN, LĐA/TQLC đều bàn giao lại cho quân đội Campuchia. Thời kỳ đó Quân Đội Campuchia cũng xử dụng vũ khí và quân dụng của khối CS, đặc biệt của Trung Cộng. Nói chung thì tinh thần hợp tác giữa đôi bên rất tốt đẹp không xẩy ra những

sự việc đáng tiếc. Dĩ nhiên là cũng có những xích mích nho nhỏ giữa binh lính hai bên, nhưng rồi cũng được Quân Cảnh giải quyết ổn thỏa, nên Binh chủng TQLC đã dành được cảm tình sâu đậm của quân dân Campuchia trong vùng hành quân trách nhiệm.

Một tuần lễ sau, thì LĐA/TQLC lại đươc lệnh hành quân tại khu vực phía tây bắc của Thủ Đô Nam Vang. Cũng như lần trước, LĐ chỉ xử dụng có hai TĐ còn một TĐ ở lại Neak Leung. LĐA dùng phà qua sông và sau đó lên quân xa di chuyển theo QL1 về Thủ Đô Nam Vang. Khi đoàn xe băng qua thành phố để tiến về hướng tây, thì đã được dân chúng dơ tay vẫy chào nồng nhiệt. Qua khỏi Nam Vang chừng 30 cây số trên tỉnh lộ đi tỉnh Kompon Cham thì ngừng lại. LĐA/TQLC đóng quân đêm tại phía Nam đường lộ để chuẩn bị cho ngày hôm sau tiến vào vùng hành quân đã định. Hôm sau, theo kế hoạch, BCH/LĐA và Pháo binh đóng tại chỗ để yểm trợ cho cuộc hành quân, hai TĐ được tàu Hải Quân vận chuyển qua hữu ngạn sông Bassac. Tình hình tại đây, sau ngày đảo chính Sihanouk, trở nên mất an ninh vì quân CSVN rút về ẩn trú sau khi bị LĐA/TQLC truy quét.

Địa thế trong khu vực hành quân khá rậm rạp, xen kẽ những bản, làng và chùa chiền, trong đó có một ngôi chùa nguy nga, xây dựng rất đẹp là nơi mà hàng năm Quốc Vương Sihanouk thường sang thăm viếng lễ Phật. Trong ngày đầu, các đơn vị không gặp phản ứng nào của địch, nhưng ngày hôm sau thì một TĐ đã đụng độ với địch nhưng không nặng lắm. Sau vài tiếng đồng hồ thì TQLC đã đẩy lui địch và gây cho chúng một số thiệt hại về nhân mạng và vũ khí. Sau đó chúng rút chạy và ẩn núp vào một ngôi chùa. Theo lệnh của cấp trên không dược nổ súng vào ngôi chùa, nên các đơn vị chỉ bố trí bao vây ở bên ngoài. Vì thế mà đến đêm tối, VC đã lén tìm được lối thoát ra bên ngoài một cách êm thấm.

Những ngày kế tiếp, LĐA/TQLC tiếp tục hành quân lùng địch, nhưng chúng đã biến dạng và cuộc hành quân coi như chấm dứt. Kết quả thâu lượm không đáng kể. LĐ di chuyển trở về căn cứ Neak Leung, tại đây, một vài ngày sau, thì BTL/Quân Đoàn IV cho hay là Tổng Thống VNCH Nguyễn văn Thiệu sẽ sang thăm đơn vị tại Neak Leung, đồng thời gặp gỡ Chủ Tịch nhà nước Campuchia Cheng Heng và Thủ Tướng Lon Nol cùng ngày tại căn cứ TQLC. Công việc tổ chức và tiếp đón hai phái đoàn VN và Campuchia do BTL/QĐ IV đảm trách. TQLC chỉ chuẩn bị một đơn vị dàn chào và giữ an ninh vòng ngoài, cùng sắp đặt phương tiện xe cộ để phái đoàn Tổng Thống đi thăm các đơn vị TQLC đóng rải rác trên trục lộ QL1 từ Neak Leung đến gần khu vực tỉnh Xoài Riêng do lực lượng Quân Đoàn III hoạt động.

Những ngày sau đó, LĐA/TQLC còn tham gia hành quân với các đơn vị của Biệt Khu 44 do Đại Tá Hạnh chỉ huy, để giải tỏa Tỉnh lộ 5 từ Thủ Đô Nam Vang đi Sihanoukville. Theo tin tức tình báo thì địch vẫn còn ẩn náu chung quanh khu vực đèo Pik Nil để ngăn chặn mọi sự giao thông mà lực lượng địa phương của Quân đội Campuchia không đủ khả năng để bảo vệ. Do đó mới có cuộc hành quân giải tỏa trên. Trước lực lượng hùng hậu của ta, cuộc hành quân đã diễn tiến tốt đẹp chỉ trong thời gian ngắn, đèo Pik Nil được giải tỏa mà không gặp sức kháng cự đáng kể nào của địch. Chúng đã rút chạy về hướng bắc vì sợ bị cô lập bao vây tiêu diệt, và con đường đã rộng mở cho việc lưu thông tới tận hải cảng ngày cũng như đêm.

Sau đó thì bàn giao lại những địa điểm trọng yếu cho các đơn vị Campuchia trấn giữ.

Nhiệm vụ của TQLC coi như hoàn thành sau mấy tháng hành quân trên lãnh thổ phía đông của Campuchia, mà trọng tâm là Thị Trấn Neak Leung. Kết quả mang lại tương đối thành công, lực lượng CSVN trước kia đã dùng lãnh thổ Campuchia để xâm nhập VNCH đã phải rút chạy lên phía bắc giáp ranh với biên giới Lào. Nền an ninh của lãnh thổ phía đông Campuchia đã phần nào được duy trì. Lữ Đoàn Campuchia mới thành lập, tuy chưa được hoàn hảo nhưng đã có thể thay thế TQLC hành quân chiếm giữ các địa điểm trọng yếu. Các đơn vị tác chiến VNCH tuy rút khỏi Campuchia, nhưng về mặt yểm trợ tổng quát khác thì Chính quyền Lon Nol vẫn được sự giúp đỡ của VNCH và Hoa Kỳ để ngõ hầu đứng vững trước sự đe dọa tấn công của Khmer Đỏ ngày càng lớn mạnh do sự yểm trợ của Trung Cộng. Kết quả của cuộc hành quân sang Campuchia đã tạo cho nền an ninh lãnh thổ của hai Quân Khu III và IV được khả quan. Các cuộc tấn công quy mô của địch vào các lực lượng VNCH không còn nữa, mà chỉ còn lại những cuộc chạm súng với các đơn vị địa phương cấp nhỏ không đáng kể. Sự lắng dịu của chiến trường kéo dài tới năm 1972 mới sôi động trở lại, bằng các cuộc tấn công lớn của địch vào tỉnh Quảng Trị thuộc Vùng I Chiến Thuật và tại tỉnh Bình Long thuộc Vùng III, thường được gọi là Mùa Hè Đỏ Lửa.

Cuộc hành quân sang Campuchia coi như chấm dứt vào tháng 6/1970, tuy nhiên Chính Phủ cũng như Quân Đội VNCH và Hoa Kỳ vẫn tiếp tục giúp đỡ Chính quyền Lon Nol về mọi phương diện để ngõ hầu đứng vững trước những hoạt động mạnh mẽ của Khmer Đỏ, phần lớn nằm ở phía Tây Campuchia được sự hỗ trợ của CSVN. Qua những cuộc hành quân tham dự của Binh chủng TQLC trong mấy tháng tại đất Chùa Tháp tuy không đạt được những thắng lớn về quân sự nhưng tựu trung cũng giúp được một phần nào cho các lực lượng quân sự của Campuchia trong khu vực trách nhiệm thêm vững mạnh, đồng thời cũng giải tỏa được áp lực địch đang đè nặng lên chính quyền địa phương đem lại tình hình an ninh tương đối khả quan. Ngoài ra Binh chủng cũng tạo được mối tình cảm tốt đẹp đối với dân chúng Campuchia trong khu vực trách nhiệm hành quân. Nói tóm lại, cuộc hành quân sang Campuchia của TQLC nói chung đã để lại trong tôi một kỷ niệm đáng ghi nhớ trong cuộc đời phục vụ trong Quân Đội VNCH.

Hành Quân Vùng I biên giới Lào Việt địa đầu giới tuyến 1970 (59)

Sau một thời gian nghỉ ngơi tại hậu cứ ở Sài Gòn, lại được Bộ TTM tăng phái cho Sư Đoàn 1 BB thuộc Quân Đoàn 1, lúc này do Chuân tướng Phạm Văn Phú làm Tư Lệnh SĐ 1 BB. Ông ta từ Biệt Khu 44 thuộc Vùng 4 mới thuyên chuyển ra. Đối với SĐ 1, ông Phú không phải là người xa lạ, vì ông đã từng giữ Tư Lệnh Phó Sư đoàn 1 BB. Thành thử khi gặp lại Tướng Phú, mọi sự đều tốt đẹp. Trước hết LĐA/TQLC được giao nhiệm vụ tới đóng quân tại căn cứ Cồn Tiên. Nơi đây trước kia do TQLC Hoa Kỳ trấn đóng. Khi chúng tôi tới, thì căn cứ hầu như bình địa, không còn nhà cửa và đồn trại gì nữa. BCH LĐA/TQLC đóng trên một ngọn đồi gần phía Nam căn cứ, ngay đêm đầu thì đã bị địch pháo kích vào BCH làm cho một vài binh sĩ bị thương.

Ngày hôm sau, LĐA mở ngay cuộc hành quân lục soát chung quanh căn cứ, nhưng không gặp một kháng cự nào của địch. Những ngày kế tiếp, LĐA tiếp tục hoạt động ra xa căn cứ. Bố trí LĐA tại đây cũng không ngoài mục đích ngăn chặn mọi sự xâm nhập của CSBV từ phía bắc Vĩ tuyến 17 vào Nam. Thực ra thì cũng chỉ hữu hiệu một phần nào. Địch quân thiếu gì các đường khác theo phía Tây gần biên giới Lào Việt, một vùng rừng núi rộng lớn mà lực lượng của ta đâu đủ sức kiểm soát nỗi. Nếu có thì cũng chỉ làm chúng chậm bước tiến, cũng như xử dụng những phương tiện, vũ khí nặng vào trận địa.



Vùng hành quân ở Vùng I của Chiến Đoàn A/TQLC năm 1970

Tình hình an ninh trong năm 1970 tại Vùng I, đặc biệt tại khu vực giới tuyến tương đối yên tĩnh, chưa có một cuộc đụng độ lớn nào xẩy ra sau biến cố Tết Mậu Thân 1968. Địch đã thiệt hại rất nặng nề, nên cần có thời gian để củng cố lại tổ chức lực lượng, nhất là các đơn vị hạ tầng cơ sở địa phương đã bị tê liệt.

Hoạt động được một thời gian thì LĐA/TQLC được một đơn vị bộ binh thay thế, trở về Thị Trấn Đông Hà và tiếp theo vào hoạt động trấn đóng tại khu vực phía Nam quận Cam Lộ. Một địa điểm có các căn cứ của Hoa Kỳ để lại, sau khi Mỹ rút quân theo kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh của Chính Phủ VNCH và Quân Đội Hoa Kỳ. Căn cứ này nhằm ngăn chặn các sư xâm nhập của CSBV từ vùng Khe Sanh giáp ranh với Lào xuống thung lung Ba Lòng để vào vùng đồng bằng tỉnh Quảng Trị.

Theo nhiệm vụ đã giao phó, LĐA/TQLC bố trí một đơn vị tại căn cứ Sạc (Sartre) nằm trên một cao địa thuộc một dãy núi chạy dài từ bắc xuống nam. Từ địa điểm này có thể quan sát được hết thung lung Ba Lòng khởi đầu từ vùng Khe Sanh xuống. Một đơn vị tại ngọn đèo kế tiếp cùng nằm trên dãy núi ở phía Nam căn cứ Sạc khoảng 2, 3 cây số.

Vị trí này có thể kiểm soát một tuyến đường từ thung lung Ba Lòng để tiến về quận Cam Lộ, hoặc theo hướng đông về phía La Vang tỉnh Quảng Trị. Do vị trí có tính cách chiến thuật trọng yếu, nên mọi hoạt động của địch từ hướng Khe Sanh tới đã bị chặn đứng. Bởi vậy, Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, địch đã xử dụng một lực lượng

khá mạnh để tấn công các vị trí trên, cũng do LĐ147/TQLC *(LĐA sau đổi tên thành Lữ Đoàn 147)* cố thủ. Ngoài LĐ147/TQLC bố trí trong khu vực, còn có căn cứ Carol nằm ỏ phía tây của LĐ147 án ngữ nhằm kiểm soát Đường số 9 từ Khe Sanh xuống. Sau này dưới sự tấn công biển người của CSBV, LĐ147/TQLC cũng như một đơn vị của Sư Đoàn 1 trấn đóng tại căn cứ Carol đã rút bỏ, lui về tuyến phòng ngự gần Thị Trấn Đông Hà và tỉnh lỵ Quảng Trị. Trong thời gian hoạt động tại khu vực Cam Lộ, LĐ147 đã không gặp một hoạt động nào đáng kể của địch, sau mấy tháng trấn đóng hoạt động vô sự, LĐ đã di chuyển về hậu cứ tại Sài Gòn.

Sang năm 1971, LĐ đã tham gia cuộc hành quân Lam Sơn 719 do Quân Đoàn I chỉ huy.

Lữ Đoàn A/TQLC (Lữ Đoàn 147) hành quân Lam Sơn 719, qua Hạ Lào tháng 3/1971 giai đoạn 1 (60)

Về tình hình chung: Sau cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân của VC vào một số thành phố của miền nam VN, trong đó có thành phố Huế và Thủ Đô Sài Gòn. Trong những ngày đầu, vì sự chủ quan khinh địch của Quân lực VNCH , tin vào thiện ý của CS tôn trọng lệnh ngừng bắn trong mấy ngày Tết, cũng như sự yếu kém của cơ quan tình báo, nên địch đã xâm nhập được vào một vài địa phận. Nhưng vài ngày sau thì lực lượng VNCH phản công và dần dần đẩy lui địch ra khỏi thành phố và đã gây cho chúng thiệt hại rất nặng nề về quân chủ lực lẫn địa phương.

Với sự thiệt hại to lớn đó của VC, tình hình chiến sự trên khắp chiến trường từ vĩ tuyến 17 đến Cao nguyên, xuống miền Nam tới tận Cà Mâu trở nên yên tĩnh hoàn toàn, mặc dù có những đụng độ nhỏ không đáng kê. Các cuộc hành quân của ta khắp 4 vùng chiến thuật dần dần đẩy lui chủ lực VC ra khỏi lãnh thổ, buộc chúng phải rút qua bên kia biên giới Miên và Lào để ẩn náu. Các đơn vị địa phương và du kích VC không còn sự hỗ trợ của quân chủ lực CSBV nên cũng mất dần ảnh hưởng. Do sự thắng thế trên chiến trường, cùng với tình hình thuận lợi do Chính quyền Campuchia của Sihanouk thân CS bị Tướng Lon Nol lật đổ, Quân Lực VNCH với sự đồng ý của Chính Phủ Campuchia, Quân Đoàn III và IV đã mở cuộc hành quân vượt biên đánh phá các căn cứ trú quân và hậu cần của VC gây cho địch thiệt hại nặng nề về nhân mạng và tiếp vận, khiến chúng phải rút chạy lên phía bắc giáp ranh với biên giới Lào.

Kết quả là tình hình an ninh của miền Nam VN càng ngày càng thêm cũng cố và sáng sủa. Tinh thần chiến đấu của quân lực VNCH lên khá cao và tin tưởng vào sự chiến thắng cuối cùng. Với đà thắng liên tiếp, đồng thời với chính sách VN hóa chiến tranh, Chính Phủ VNCH và Quân Đội Hoa Kỳ đã chuyển giao cho Quân Lực VNCH một số lớn khí cụ chiến tranh khá hiện đại, nên các đơn vị được trang bị khá đầy đủ để đối đầu với quân CSBV được Trung Cộng và Liên Sô viện trợ đầy đủ. Quân Lực VNCH tiếp tục mở cuộc hành quân sang Hạ Lào, khu vực Pathet Lào mà CSBV đang chiếm cứ, nhưng trên thực tế thì quân CSBV đặt căn cứ tiếp vận cũng như đầu cầu chuyển quân và vũ khí vào chiến trường miền nam VN.

Đánh chiếm mục tiêu này, thì đường mòn chiến lược Hồ Chí Minh sẽ hoàn toàn bị cắt đứt, và các lực lượng hoạt động ở Nam vĩ tuyến 17 sẽ dần dần bị tiêu diệt và tan rã vì không còn được tiếp tế nữa.

Tình hình địa thế, thời tiết và dân cư trong vùng hành quân Lam Sơn 719: Khu vực hành quân được mở rộng và kéo dài từ Khe Sanh, nằm trong biên giới miền Nam VN tới tận Thị Trấn Tchepone của Hạ Lào nằm sâu trong lãnh thổ Lào chừng 50 đến 60 cây số. Trung tâm khu vực hành quân là Quốc Lộ 9, bắt đầu từ thị trấn Đông Hà, nằm ở phía bắc tỉnh Quảng Trị tới Thị Trấn Tchepone. Song song với Quốc Lộ 9, là một con suối không rộng lắm. Hai bên là các đồi núi rậm rạp, đặc biệt là các rừng tre gai. Núi độ cao từ 500 đến 1000 mét tính theo mặt biển. Nhìn từ biên giới VN là một rặng núi cao chắn ngang gọi là núi Ko Roc chạy dài từ Bắc xuống Nam, trừ khu vực ranh giới trên Quốc Lộ 9. Với địa thế như thế, việc chuyển quân bằng đường bộ rất hạn chế, khó khăn và nguy hiểm. Tất cả đều bị lệ thuộc vào Quốc Lộ 9, mà hai bên là đồi núi, rất dễ bị phục kích và tấn công. Còn bộ binh cũng vậy, phải di chuyển trên những địa thế khó khăn, đồi cao, vực thẳm, nhất là băng qua các rừng tre đầy gai rậm rạp rất khó quan sát và điều quân.

Nói tóm lại, một địa thế rất bất lợi cho đơn vị tấn công, dù có chiến xa và không quân yểm trợ. Một yếu tố khác nữa là địa thế trong khu vực hành quân rất quen thuộc với địch, trong khi đó thì rất xa lạ với ta, công thêm với yếu tố tâm lý là Quân Lực VNCH phải chiến đấu ngoài lãnh thổ VNCH, một nơi chỉ có rừng và núi.

Hành Quân Lam Son 719:



Tướng Hoàng Xuân Lãm chỉ huy hành quân Lam Sơn 719 đánh qua Hạ Lào

Cuộc hành quân Lam Sơn 719 khởi diễn vào tháng 3/1971, nên thời tiết khá tốt cho cả hai bên lãnh thổ VN và Lào. Cái lạnh tê buốt và mưa day dứt của những ngày Tết Âm Lịch gần như chấm dứt, đã giúp một phần nào cho cuộc hành quân. Địa thế không còn lầy lội, trơn trợt, dùng xe và đi bộ được dễ dàng hơn. Đặc biệt là vấn đề không trợ và tiếp tế không bị trở ngại bởi thời tiết.

Dân cư sinh sống trong vùng thì rất ít, phần lớn là người Thượng. Họ tập trung thành những Buôn nhỏ ở chân các đồi cao, nhưng khi cuộc hành quân mở màn thì họ tản cư vào sâu trong lãnh thổ để tránh sát hại bởi đạn lạc, bom bay, nên vấn đề yểm trợ hỏa lực của không quân cũng như pháo binh đã không gặp trở ngại nào. Như vậy trong vùng hành quân chỉ còn có hai lực lượng đối đầu quyết chiến để đạt cho bằng được mục tiêu đề ra.

Tình hình trong khu vực hành quân: Trước khi cuộc hành quân Lam Sơn 719 được khai diễn, tin tức tình báo ghi nhận là có sự hiện diện thường trực của các đơn vị tiếp vận hoạt động trên đường mòn Hồ Chí Minh, đặc biệt là tại khu vực Bản Đông, nằm gần ở khoảng giữa Khe Sanh-Tà Bạt-Tchepone, kế cận Quốc Lộ 9, nơi tiếp chuyển vũ khí, lương thực của CSBV vào Nam. Ngoài lực lượng trên còn có một Sư Đoàn chính quy Bắc Việt hoạt động trong vùng, một Sư Đoàn trú đóng về phía bắc giáp ranh Bắc VN có khả năng di chuyển vào vùng hành quân trong 24 tiếng đồng hồ. Tại mục tiêu hành quân là Tchepone, thì ghi nhận không có một đơn vị nào hiện diện, thị trấn hầu như bị tàn phá nặng nề sau bao năm chiến tranh, giữa phe Hoàng Gia Lào và Cộng Sản Pathet Lào, cũng như bị oanh kích bởi không quân Hoa Kỳ, nhằm ngăn trở sư hoạt động của địch trên đường mòn HCM.

Phía ta cũng không ghi nhận một dấu vết nào về hệ thống phòng thủ của địch. Chúng áp dụng hoàn toàn chiến thuật cơ động theo nhu cầu của tình hình. Nói tóm lại, tin tức thâu lượm được cho tới khi cuộc hành quân Lam Sơn 719 khai diễn rất lờ mờ không chính xác.

Tình hình tại Quân Đoàn I (QĐ I)/Vùng I Chiến Thuật:

Những tháng ngày trước khi cuộc hành quân Lam Sơn 719 tiến hành, tình hình an ninh lãnh thổ của Vùng I cũng như toàn quốc tương đối yên tĩnh, không có một đụng độ nào đáng kể. Các đơn vị Quân Lực VNCH ở trong tình trạng dưỡng quân và huấn luyện. Theo chủ trương chiến lược của Phủ Tổng Thống và Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH, cuộc hành quân sang Hạ Lào được giao phó cho QĐ I, vùng tiếp giáp với mục tiêu hành quân ấn định. Ngoài lực lượng cơ hữu của QĐ I và Vùng I , còn được tăng phái các đơn vị Tổng Trừ Bị. QĐ I là một đại đơn vị bao gồm các Sư Đoàn 1 và 2 tinh nhuệ, có nhiều kinh nghiệm chiến trường, được các binh chủng khác như Thiết Giáp, Pháo Binh, Không Quân, Truyền Tin hỗ trợ rất đắc lực. Trong quá khứ đã thu đạt nhiều chiến công. BCH Sư Đoàn 1 đóng tại đồn Mang Cá Thành Nội Huế, hoạt động từ bắc đèo Hải Vân tới phía nam vĩ tuyến 17. Sư Đoàn 2, BCH đóng tại căn cứ Chu Lai tỉnh Quảng Tín, hoạt động từ phía nam đèo Hải Vân tới đèo Bình Đê thuộc Quận Đức Phô Quảng Ngãi.

Cuộc hành quân được chuẩn bị một vài tháng trước khi khởi sự, có nghĩa là trước Tết Âm Lịch. Kế hoạch chuẩn bị được chia làm hai giai đoạn.

Giai đoạn 1: Bộ Tư Lệnh Tiền Phương QĐ I di chuyển từ Đà Nẵng ra Đông Hà, căn cứ đóng quân trước kia của Quân Đội Hoa Kỳ, cùng với các bộ phận yểm trợ và tiếp vận. Thiết lập căn cứ tiền phương tiếp vận. Tiếp nhận các đơn vị tăng phái từ Trung Ương ra. Tổ chức các cuộc hành quân giả tạo để đánh lạc hướng mục tiêu của cuộc hành quân. Xây dựng BTL hành quân tiền phương QĐ I tại Khe Sanh.

Giai đoạn 2: BTL/QĐ I và các đơn vị tham chiến, kể cả các đơn vị yểm trợ và tiếp vận di chuyển tới địa điểm xuất phát Khe Sanh.

Diến tiến hành quân chuẩn bị giữa tháng 2/1971, tức sau Tết Âm Lịch, Lữ Đoàn 147/TQLC (trước đây là Lữ Đoàn A/TQLC) được tăng phái cho QĐ I do Đại Tá Hoàng tích Thông chỉ huy, gồm có ba tiểu đoàn TĐ2, 4 và 7/TQLC, một Đại Đội Viễn Thám (Trinh Sát), một Tiểu Đoàn Pháo Binh, một Trung Đội Truyền Tin và một Trung Đội Công Binh chiến đấu. Các tiểu đoàn trưởng gồm có: TĐ2/TQLC do Thiếu Tá Nguyễn Xuân Phúc, TĐ4/TQLC do Thiếu Tá Võ Kỉnh và TĐ7/TQLC do Trung Tá Phạm Nhã, TĐ1 Pháo Binh/TQLC do Thiếu Tá Đặng Bá Đạt chỉ huy, ĐĐ Viễn Thám Đại Úy Hiển. LĐ147/TQLC dược không vận bằng máy bay C-130 từ sân bay Tân Sơn Nhất đến sân bay Đông Hà trong hai ngày. Tới nơi, LĐ147 được bố trí ở phía đông Nam căn cứ Đông Hà, chuẩn bị đợi lệnh hành quân.

Khi đó thời tiết vẫn còn khá lạnh và mưa phùn. Bầu trời thật ảm đạm, mây mù bao phủ khó quan sát và hạn chế hoạt động của không quân. Tuy nhiên bầu không khí chuẩn bị cho cuộc hành quân tại Đông Hà không kém phần nhộn nhịp. Xe cộ lui tới suốt ngày đêm, tiếng rú của động cơ máy bay vang động không ngớt. Có lẽ từ ngày khởi sự chiến tranh tại miền Nam cho tới lúc đó, chưa có lần nào được chuẩn bị ồn ào như vậy.

Vì muốn đánh lạc hướng của mục tiêu mà địch đang theo dõi hoạt động của ta. BTL/QĐ I đã ra lệnh cho LĐ147/TQLC mở một cuộc diễn tập vượt sông có các xuồng M2 trợ lực, băng qua sông Đông Hà. Rồi một TĐ/TQLC khác di chuyển ra Cửa Việt để chuẩn bị xuống tàu hải quân đổ bộ. Mục đích là để tình báo địch tưởng ta săp vượt ví tuyên 17 băng một cuộc đô bộ lên miên Băc. Sự việc này có làm địch đánh giá sai lầm hay không, thì sau khi cuộc hành quân mở màn được ít ngày thì địch đã tác chiến một cách mạnh mẽ không có gì thấy dấu hiệu địch bị đánh lừa cả. Cách một vài ngày cuộc hành quân bắt đầu, LĐ147/TQLC cùng một số đơn vị khác được lệnh di chuyển bằng quân xa lên Khe Sanh, sau khi nghỉ lại một đêm tại thung lũng Ba Lòng. Khí hậu và thời tiết tại Khe Sanh và bên kia lãnh thổ Lào tương đối tốt. Quang cảnh tại khu vực tập trung thật tấp nập, quân số tham chiến trên mười ngàn người.

Tình hình an ninh yên tĩnh, không có một phản ứng nào của địch kể cả pháo kích vào khu vực đóng quân. Nơi đây đã có lần trở thành bãi chiến trường giữa quân đội CSBV và một Trung Đoàn TQLC Hoa Kỳ, có sự tham chiến của một Liên Đoàn Biệt Động Quân (BĐQ) VNCH, mà trận đánh đó được địch rêu rao như một trận Điện Biên Phủ thứ 2, nhưng kết cục chúng đã bị thảm bại trước tinh thần chiến đấu cũng như hỏa lực hùng hậu của Quân Đội Hoa Kỳ.

Trước ngày N giờ G một ngày, BTL Tiền phương QĐ I dưới sự chỉ huy của Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, một buổi họp được triệu tập tại căn cứ Hàm Nghi của BTL tiền phương QĐ I. Các đơn vị tham chiến và yểm trợ cùng Bộ Tham Mưu QĐ I đều hiện diện đầy đủ. Về phía QĐ I có Sư Đoàn 1 dưới sự chỉ huy của Tướng Phạm văn Phú và các Trung Đoàn Trưởng. Lực lượng Tổng Trừ Bị có Sư Đoàn Nhẩy Dù với ba Lữ Đoàn Trưởng do Trung Tướng Dư Quốc Đống chỉ huy. Với TQLC có Lữ Đoàn 147 chỉ huy bởi Đại Tá Hoàng tích Thông. Ngoài các thành

phần thuộc các quân binh chủng VNCH còn có các cố vấn Hoa Kỳ bên cạnh các đơn vị, sĩ quan đại diện không quân Hoa Kỳ, vì cuộc hành quân được sự yểm trợ về không trợ và không vận của Quân Đội Hoa Kỳ. Kể từ năm 1970, sau khi kế hoạch VN hóa chiến tranh được triển khai, thì Quân Đội Hoa Kỳ bắt đầu rút quân từ từ ra khỏi Nam VN và không còn có những hoạt động quy mô của các lực lượng tác chiến nữa, mà chỉ xử dụng không quân đánh phá các mục tiêu cần thiết, như đường mòn HCM chẳng hạn, hoặc tiếp trợ cho không quân VNCH mà thôi.

Do đó cuộc hành quân sang Campuchia đầu năm 1970 cũng như cuộc hành quân Lam Sơn 719 đã không có sự hiện diện của bộ binh Hoa Kỳ mà chỉ có yểm trợ về không quân mà thôi. Các cố vấn Hoa Kỳ bên cạnh các đơn vị tham chiến cũng được lệnh không được tháp tùng theo đoàn hành quân Lam Sơn 719. Trong buổi họp này, cũng như các cuộc hành quân khác, Phòng 2 của BTL/QĐ I thuyết trình một lần chót trước khi cuộc hành quân bắt đầu.

Tin tức về không ảnh cũng như về kỹ thuật không ghi nhận một hoạt động nào của địch trong vùng, một sự im lặng hoàn toàn, nhưng chứa đầy sóng gió trong những ngày sắp tới. Từ các Tư Lệnh Sư Đoàn cho tới các cấp chỉ huy thống thuộc đều không chủ quan khinh địch theo như tin tức đã phổ biến. Tất cả đều hiểu rằng mục tiêu của cuộc hành quân rất quan trọng, nếu thi hành được suông sẻ, thì mọi hoạt động của các lực lượng CS ở miền Nam VN coi như tê liệt. Vì thế, địch không thể để cắt đứt yết hầu của mình, tất nhiên phải cố chống lại, còn chuyện đánh lớn hay nhỏ là tùy thuộc vào kế hoạch phòng ngự của địch.

Với cảm nghĩ như vậy, nên các đơn vị đã chuẩn bị cho chiến trường thật đầy đủ về mặt tinh thần lẫn vật chất. Không có một cuộc hành quân nào lại làm cho các đơn vị trưởng phải suy nghĩ nhiều như vậy, trái lại khi tham dự cuộc hành quân vượt biên sang Campuchia thì cấp chỉ huy cho tới binh sĩ đều phấn khởi, không e dè, thắc mắc gì cả, thế tiến quân như nước vỡ bờ không gì cản nỗi.

Diến tiến hành quân: Theo như chủ chương kế hoạch hành quân của Phủ Tổng Thống và Bộ Tổng Than Mưu đề ra, vào ngày N giờ G, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu lên đài phát thanh và truyền hình tuyên bố mục đích và lý do ra lệnh xuất phát cho cuộc Hành Quân Lam Sơn 719. Danh xưng được sử dụng vì cuộc hành quân được diễn ra năm 1971 trên Quốc Lộ 9 nối liền Khe Sanh VN và Tchepone Hạ Lào. Nhiệm vụ của QĐ I là mở cuộc hành quân đánh chiếm khu vực Hạ Lào nằm trên Quốc Lộ 9 từ biên giới VN tới Thị Trấn Tchepone, tiêu diệt lực lượng địch trong vùng kể cả các kho tiếp vận, kiểm soát ngăn chặn mọi sự xâm nhập của CSBV từ phía Bắc vào Nam Việt Nam trên đường mòn HCM. QĐ I xử dụng các đơn vị cơ hữu cũng như các đơn vị tăng phái và yểm trợ để tiến vào vùng hành quân bằng không vận và đường bộ.

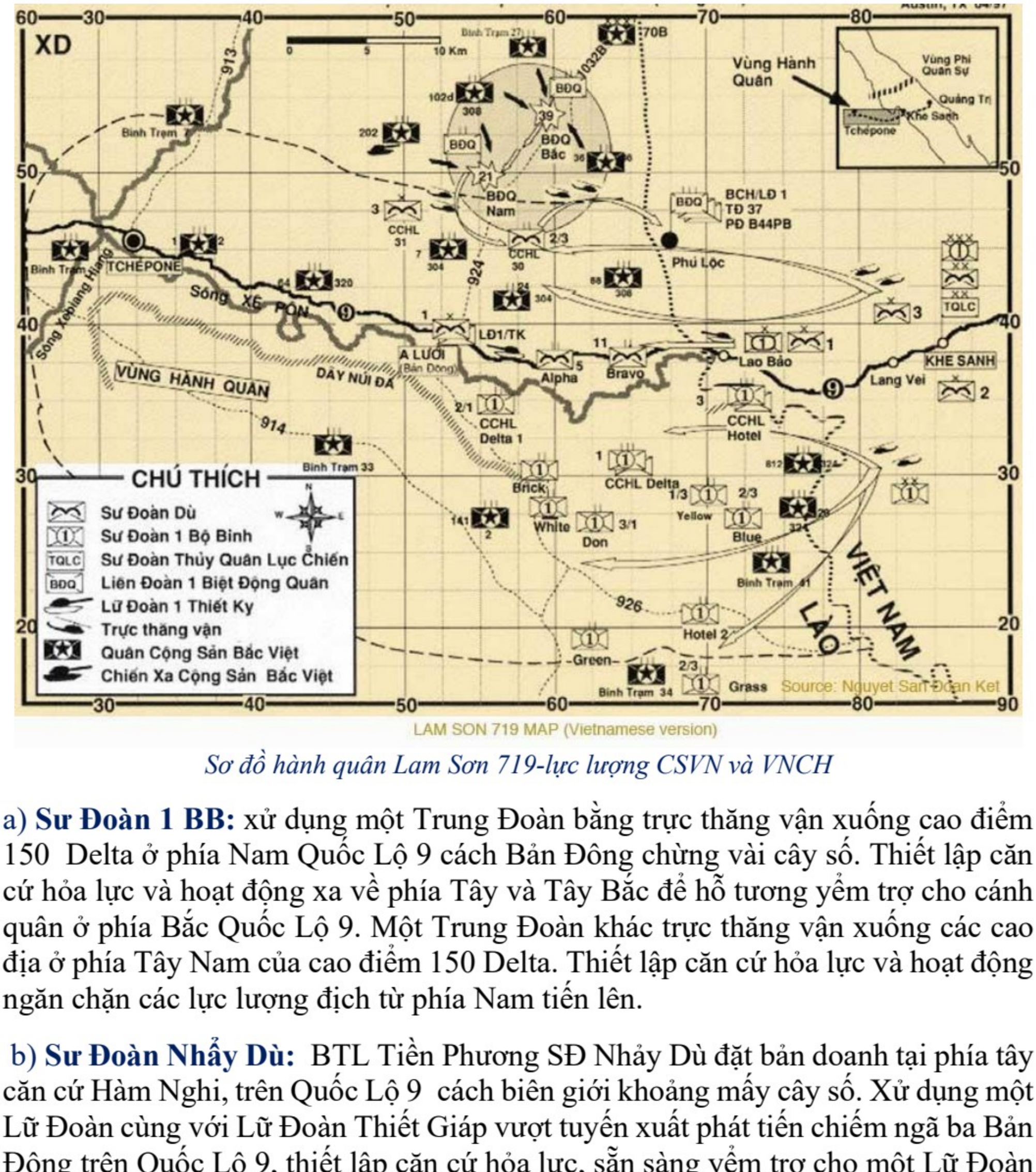
Kế hoạch được chia làm hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Bằng đường bộ và xử dụng trực thăng đổ quân xuống các cao địa ở phía Bắc và Nam Quốc Lộ 9, giới hạn bởi Bản Đông nằm khoảng giữa trục tấn công từ Biên Giới tới Tchepone. Thiết lập căn cứ hỏa lực, đồng thời mở các cuộc hành quân lục soát. Các đơn vị Thiết giáp, Pháo binh, Công binh chiến đấu di

chuyển bằng đường bộ hoặc không vận tới tăng cường, tổ chức các căn cứ hỏa lực để chuẩn bị cho giai đoạn 2. Xử dụng tối đa không trợ, kể cả Pháo đài bay B-52 để oanh kích các mục tiêu khả nghi có hoạt động địch.

Giai đoạn 2: Tiến chiếm Mục tiêu Tchepone bằng trực thăng vận và đường bộ. Thiết lập căn cứ hỏa lực và hành quân lục soát, bảo vệ chặt chẽ Quốc Lộ 9 , đường tiếp tế trọng yếu cho các đơn vị tham chiến. Thời gian của cuộc hành quân sẽ quyết định tùy theo tình hình.

Thi hành giai đoạn 1:



Sơ đồ hành quân Lam Sơn 719-lực lượng CSVN và VNCH

a) **Sư Đoàn 1 BB:** xử dụng một Trung Đoàn bằng trực thăng vận xuống cao điểm 150 Delta ở phía Nam Quốc Lộ 9 cách Bản Đông chừng vài cây số. Thiết lập căn cứ hỏa lực và hoạt động xa về phía Tây và Tây Bắc để hỗ tương yểm trợ cho cánh quân ở phía Bắc Quốc Lộ 9. Một Trung Đoàn khác trực thăng vận xuống các cao địa ở phía Tây Nam của cao điểm 150 Delta. Thiết lập căn cứ hỏa lực và hoạt động ngăn chặn các lực lượng địch từ phía Nam tiến lên.

b) **Sư Đoàn Nhẩy Dù:** BTL Tiền Phương SĐ Nhảy Dù đặt bản doanh tại phía tây căn cứ Hàm Nghi, trên Quốc Lộ 9 cách biên giới khoảng mấy cây số. Xử dụng một Lữ Đoàn cùng với Lữ Đoàn Thiết Giáp vượt tuyến xuất phát tiến chiếm ngã ba Bản Đông trên Quốc Lộ 9, thiết lập căn cứ hỏa lực, sẵn sàng yểm trợ cho một Lữ Đoàn khác trực thăng vận xuống các cao địa ở phía Bắc. Lữ Đoàn Dù và Thiết Giáp là nỗ lực chính của trục tiến quân. Tiếp tục tiến quân khi có lệnh. Một Lữ Đoàn Dù khác trực thăng vận xuống các cao điểm ở phía bắc Quốc Lộ 9 khoảng 9, 10 cây

số, thiết lập căn cứ hỏa lực, hoạt động bảo vệ và yểm trợ sườn Bắc cho các đơn vị ở ngã ba Bản Đông, yểm trợ cho Liên Đoàn Biệt Động Quân (BĐQ) hoạt động ở phía Đông Bắc. Tiếp tục tiến quân khi có lệnh.

c) **Liên Đoàn BĐQ:** Hành quân tiến chiếm các cao địa nằm trên biên giới Lào-Việt ở phía Bắc Quốc Lộ 9. Thiết lập căn cứ hỏa lực, sẵn sàng yểm trợ cho các đơn vị hoạt động về phía Tây. Xử dụng hai TĐ/BĐQ trực thăng vận xuống hai cao điểm ở phía đông bắc Lữ Đoàn 3 Dù. Hoạt động lục soát trong khu vực chiếm đóng. Tiếp tục tiến quân khi có lệnh.

d) **Lữ Đoàn Thiết Giáp:** Vượt tuyến xuất phát là ranh giới Lào-Việt cùng Lữ Đoàn Nhảy Dù tiến chiếm Bản Đông A Lưới, phối hợp yểm trợ LĐ 1 Dù, phòng ngự căn cứ hỏa lực cũng như hoạt động trong vùng, sẵn sàng yểm trợ cánh quân ở phía Bắc. Tiếp tục tiến quân khi có lệnh.

e) **Sư Đoàn 1 Không Quân:** Phối hợp với Không quân Hoa Kỳ không vận lực lượng đổ quân, yểm trợ hỏa lực, tiếp tế và tải thương.

f) **Bộ Chỉ Huy Pháo Binh:** Phối hợp, điều động các đơn vị pháo binh để thiết lập một mạng lưới hỏa lực yểm trợ bao vùng khu vực hành quân của Quân Đoàn, một hệ thống tiếp tế đạn dược pháo binh cho thật hữu hiệu và kịp thời.

g) Trừ bị Quân Đoàn hành quân: Lữ Đoàn 147/TQLC hoạt động chung quanh khu vực đóng quân của BTL tiền phương QĐ I. Sẵn sàng di chuyển khi có lệnh. Ngoài lực lượng trừ bị trên còn có trừ bị của Sư Đoàn.

Lữ đoàn 147/TQLC hành Quân Lam Sơn Hạ Lào tháng 3/1971 giai đoạn 2 (61)

Thi hành giai đoạn 2:

Sau khi hoàn thành các căn cứ hỏa lực và kiểm soát được khu vực hành quân, thì giai đoạn 2 bắt đầu đánh chiếm mục tiêu Tchepone.

Đội hình tiến quân như sau: Sư Đoàn Dù ở phía bắc Quốc Lộ 9. Một Lữ Đoàn Dù trực thăng vận xuống khu vực Tchepone. Trung Đoàn 1/Sư Đoàn 1 ở phía nam Quốc Lộ 9. Lữ Đoàn 147/TQLC được trực thăng vận đến căn cứ hỏa lực cao điểm 150 Delta để thay thế cho Trung Đoàn 1/SĐ1 BB tiến chiếm Mục Tiêu Tchepone. Liên Đoàn 1/ BĐQ tiếp tục hoạt động phía băc Quôc Lộ 9, yêm trợ các hoạt động của các đơn vị bạn trên Quốc Lộ 9. Lữ Đoàn Thiết Giáp phối hợp, yểm trợ Lữ Đoàn Dù tiến chiếm Tchepone.



Bridgadier General Pham Van Phu supervised the 1st Division's movement

Chuẩn Tướng Phạm Văn Phú đang chỉ huy Sư Đoàn 1 hành quân Lam Sơn 719, tuẫn tiết 30/04/1975

Trừ bị: Trung Đoàn 2/SĐ1 BB.

Hỏa lực yểm trợ: Không quân Hoa Kỳ, kể cả Pháo Đài Bay B-52 tại căn cứ bắc Thái Lan, Không quân VNCH và Pháo binh cơ hữu của Sư Đoàn và các Lữ Đoàn.

Diến biến Giai đoạn 1:

Theo đúng kế hoạch hành quân của Quân Đoàn I, lúc 10 giờ sáng ngày 8/2/1971 sau khi Tổng Thống VNCH ra lệnh xuất phát trên đài phát thanh Sàigon. Lữ Đoàn 1 Dù (LĐ1/Dù) cùng Lữ Đoàn 1 Thiết Giáp VNCH vượt tuyến xuất phát qua biên giới Lào-Việt tiến chiếm Mục Tiêu A-Lưới tức khu vực Bản Đông nằm kế Quốc Lộ 9. Tiếp theo là Lữ Đoàn 3 Dù (LĐ3/Dù) được trực thăng vận xuống các cao địa ở phía bắc Bản Đông hai Căn Cứ Hỏa Lực 30 và 31. Hai Trung Đoàn của Sư Đoàn 1/BB trực thăng vận xuống các cao địa ở phía Nam Quốc Lộ 9 Căn Cứ Hỏa Lực Bravo và Delta. Lữ Đoàn 1/Thiết Giáp cùng với Lữ Đoàn 1/Dù tiến chiếm Mục Tiêu A-Lưới.

Cuộc đổ quân hoàn tất mà không gặp kháng cự nào của VC cả. Các đơn vị nhanh chóng thiết lập các căn cứ hỏa lực để yểm trợ cho các lực lượng hoạt động ở bên ngoài. Tình hình tương đối yên tĩnh trong mấy ngày đầu, ngoại trừ những hoạt động của các toán trinh sát địch để tìm hiểu về kế hoạch phòng thủ căn cứ cũng như các đơn vị hoạt động bên ngoài. Hoạt động không thám và tình báo kỹ thuật đã ghi nhận những sự di chuyển của địch từ hướng Bắc vào khu vực hành quân của ta. Các phi vụ oanh kích vào các điểm nghi ngờ đã bắt đầu khởi sự. Vài ngày sau thì hai vị trí của Liên Đoàn 1/ BĐQ bị pháo kích liên tục, kể cả pháo tầm xa 130 ly. Các đơn vị tiền phong của địch đã tiến gần đến ngoại vi phòng thủ của một TĐ/BĐQ và một vài đụng độ lẻ tẻ đã bắt đầu. Pháo binh của LĐ/BĐQ bố trí tại ranh giới Lào-Việt ở căn cứ Phú Lộc ngày đêm bắn yểm trợ. Một vài ngày sau, dưới sự yểm trợ liên tục của pháo binh, chủ lực địch đã áp sát vào vị trí phòng ngự của một TĐ/BĐQ trong khi đó thì một TĐ/BĐQ khác bố trí ở phía Nam cũng bị pháo uy hiếp ngăn không cho đơn vị này tiến lên tăng cường yểm trợ. Cuộc tấn công của địch có sự hỗ trợ của chiến xa.

Trận đánh đã diễn ra ác liệt, gây nhiều tử vong cho cả hai bên. Tuy vậy, TĐ/BĐQ vẫn anh dũng chiến đấu cho tới khi đạn dược gần cạn. Cầm cự được hai ngày thì căn cứ bị tràn ngập, TĐ/BĐQ phải rút về phía Nam, nơi một TĐ/ BĐQ khác đang

bố trí. Chiếm được căn cứ này, địch tiếp tục tiến xuống phía Nam, nơi LĐ3/Dù đang hoạt động. Trước sự tiến quân của địch, LĐ3/Dù đã được không quân yểm trợ oanh kích tối đa ngày đêm, kể cả B-52. Mặc dù bị thiệt hại nhiều, địch vẫn ào ạt tiến tới Căn Cứ Hỏa Lực 31 của LĐ3/Dù, dưới hàng loạt đạn pháo xa gần bắn vào Căn Cứ Hỏa Lực 31. Lữ Đoàn 3/Dù đã biết trước và đã tăng cường phòng thủ kiên cố hơn, nhưng trước sự liều mạng tấn công của địch, sau vài ngày chiến đấu kiên cường, LĐ3/Dù cùng chung số phận với TĐ39/BĐQ. Căn Cứ Hỏa Lực 31 đã bị tràn ngập, BCH/LĐ3/Dù trong đó có Đại Tá Nguyễn Văn Thọ, lữ đoàn trưởng cùng với một số sĩ quan, binh sĩ bị bắt làm tù binh, số còn còn lại chạy về phía Nam hướng của Căn Cứ Hỏa Lực 32 do một Tiểu đoàn khác của LĐ3/Dù trấn đóng.



Quân Đội VNCH vào chiến trường Hạ Lào trong hành quân Lam Sơn 719 tháng 3/1971

Trong khi địch tấn công BCH/LĐ3/Dù, thì địch cũng không ngớt pháo kích vào Căn Cứ 32 của LĐ1/Dù và Thiết Giáp, nên hai đơn vị này đã không thể tiếp cứu cho LĐ3/Dù được. Hơn nữa, địa thế rất khó khăn cho cơ giới di chuyển. Một sự thể đáng nói, là trong khi địch xử dụng loại chiến xa hạng nặng T54 thì LĐ1/Thiết Giáp chỉ có một Chi Đoàn chiến xa M41, còn lại là các Chi Đoàn Thiết Vận Xa không đủ sức để đương đầu với địch. Hơn nữa vì không thông hiểu địa thế trong vùng hành quân, nên đã đánh giá sai về hoạt động thiết giáp của địch. Đến khi sự thể diễn ra, thì BTL/QĐ I mới vội vàng điều động thêm một Chi Đoàn Chiến Xa M41 khác sang tăng cường, nhưng cũng chỉ hoạt động ven Quốc Lộ 9 mà thôi. Sự kiện thứ hai là phòng không của địch khá mạnh nên mọi cuộc không trợ, tiếp tế và tải thương đã bị ngăn trở rất nhiều.

Các binh sĩ bị thương nhiều ngày mà trực thăng tải thương không sao đáp xuống được, tiếp tế đạn dược cũng vậy, phải thả từ trên cao xuống. Vì vậy mà tinh thần chiến đấu của binh sĩ ta đã bị sa sút. Con đường huyết mạch từ Bản Đông ở căn cứ A-Lưới về đến biên giới Lào-Việt chỉ xử dụng được mấy ngày đầu, sau khi Căn Cứ 31 của LĐ3/Dù thất thủ một số địch quân đã len lỏi tới gần Quốc Lộ 9 và đóng chốt gây trở ngại cho mọi di chuyển tiếp tế và tải thương.

Sau khi đánh chiếm được hai căn cứ trọng yếu đóng trên đường mòn HCM ở phía bắc, địch đã tạm ngừng hoạt động để củng cố lại lực lượng sau những thiệt hại quá nặng nề. Chúng chỉ xử dụng pháo để quấy phá và cho các đơn vị nhỏ đột kích vào các địa điểm sơ hở để cầm chân các lực lượng của ta không bung ra hoạt động ngoài được, đồng thời uy hiếp tinh thần chiến đấu của binh sĩ bố phòng trong căn cứ. Ngoài ra địch cũng e chừng về lực lượng thiết giáp của ta, bằng cách dùng pháo để gây thiệt hại trước khi tiếp tục tấn công.

Trong thời gian địch tung ra cuộc tấn công vào các lực lượng BĐQ và Dù ở phía Bắc, thì tại khu vực đông nam Căn Cứ Delta (cao điểm 150) địch cũng xuất hiện, pháo vào đơn vị của Trung Đoàn 3/SĐ1 BB, sau đó uy hiếp, bao vây tấn công khiến đơn vị này chịu không nổi, mặc dù đã được không quân và pháo binh tận lực yểm trợ. Trung Đoàn 3/SĐ1 BB phải rút về một khu vực an toàn, rồi được trực thăng bốc về Khe Sanh.

Sự thiệt hại về người và vũ khí được coi như khá nặng, không kém gì các đơn vị ở phía Bắc. Dĩ nhiên, với lối tấn công biển người và liều mạng không kể gì đến sinh mạng binh sĩ, địch phải thiệt hại rất nặng dưới hỏa lực không những của cơ hữu, mà còn của hỏa lực không quân chiến thuật và chiến lược B-52 nữa. Trước tình hình diễn biến ác liệt của chiến trường, hết đơn vị này đến đơn vị khác của ta chịu trận, không sao điều động tiếp ứng lẫn nhau, dù đã có lần, khi Căn Cứ 31 của Dù bị tấn công, Sư Đoàn Dù đã cho đổ bộ tiếp một TĐ vào trận địa, nhưng không sao đáp xuống bãi đáp được, vì hỏa lực phòng không của địch bắn lên dày đặc và quá mạnh, khiến một vài trực thăng bị trúng đạn gây thêm tổn thất sinh mạng. BTL/QĐ I chỉ còn phản ứng bằng cách gia tăng yểm trợ về mặt không quân, tuy rằng đã có một vài phi cơ Hoa Kỳ bị bắn rơi trong khi đang yểm trợ các căn cứ bị địch tấn công.

Ngày cũng như đêm, tiếng bom nổ rền trong khu vực hành quân với mục đích tiêu hao các lực lượng VC trong vùng cũng như từ xa chuyển quân tới tiếp viện. Số lượng đơn vị của VC tham gia trận chiến không phải là ít như một hai Sư Đoàn tác chiến dự đoán lúc ban đầu, mà có thể con số lên tới bốn, năm Sư Đoàn, trong đó có một hai Sư Đoàn rất thiện chiến của quân CSBV, như Sư Đoàn 304 và 320 đã một thời tham chiến ở Điện Biên Phủ. Trong khi tình hình tạm lắng dịu, BTL/QĐ I triệu tập một phiên họp ở Đông Hà để duyệt xét về kế hoạch hành quân, có các cấp chỉ huy đại đơn vị tham dự.

Về phía TQLC có thêm Đại Tá Bùi thế Lân, Tư lệnh Phó kiêm Tham Mưu Trưởng từ Sài Gòn mới bay ra, khi được lệnh điều động toàn bộ Sư Đoàn ra tăng cường cho cuộc hành quân Lam Sơn 719. Sở dĩ Trung Tướng Khang Tư Lệnh Binh chủng không có mặt, vì trục trặc về mặt hệ thống quân giai, Tướng Khang thâm niên hơn Tướng Lãm, Tư Lệnh QĐ I. Đây cũng là một lý do khiến cho việc chỉ huy giữa Bộ Tư Lệnh QĐ I và các Tư Lệnh đại đơn vị không được thống nhất lắm. Về phương diện thông tin, báo chí, đặc biệt là các phóng viên ngoại quốc, qua thông tín viên chiến trường đã loan tải những tin tức rất bất lợi cho Quân Lực VNCH là sau khi địch tung ra cuộc tấn công và một vài thất bại của ta, phóng viên ngoại quốc loan tin các đơn vị đã tiến vào Tchepone, trong khi cuộc tấn công mới ở giai đoạn 1, có nghĩa là được nửa đường tới mục tiêu chính. Trong buổi họp, có cả sự tham dự của Đại Tá Trần Đình Thọ, Trưởng Phòng 3 Bộ TTM. Dĩ nhiên là có nhiều tranh luận đối nghịch nhau làm cho Tướng Lãm Tư Lệnh QĐ I kiêm Chỉ Huy Trưởng cuộc hành quân Lam Sơn 719 nhức đầu.

Lúc đầu BTL Hành quân đưa ra kế hoạch là xử dụng Sư Đoàn TQLC đổ quân xuống mục tiêu Tchepone, các đơn vị Dù, Sư Đoàn 1, BĐQ vẫn giữ đội hình cũ, tiếp ứng phía sau. Với kế hoạch này, BTL/TQLC xử dụng LĐ/147 đang giữ nhiệm

vụ trừ bị cho Quân Đoàn I, lãnh ấn tiên phong, sau đó sẽ đổ tiếp LĐ258/TQLC do Đại Tá Nguyễn Thành Trí chỉ huy, LĐ369/TQLC của Đại Tá Phạm văn Chung làm trừ bị cho Sư Đoàn TQLC bố trí tại phía tây căn cứ Hàm Nghi ở Khe Sanh. Khi được ủy thác nhiệm vụ này, tôi đã có ngay một ý nghĩ khôi hài là chuyến đi này không khác gì Tráng sĩ Kinh Kha sang Tần diệt bạo chúa Tần Thủy Hoàn. Sở dĩ như vậy, là vì trước đó, đài phát thanh của CSBV ngày đêm rêu rao là sẽ biến Tchepone thành một Điện biên Phủ thứ 2 và sẵn sàng chờ đợi quân ta tiến vào. Cũng theo tin tức, thì địch cũng đã biến Tchepone thành một mạng lưới pháo binh, hợp với các bãi mìn để bủa lên đầu các đơn vị đổ quân xuống, và một hệ thống phòng không dày đặc để ngăn chận không quân của ta hoạt động yểm trợ. Trước nhiệm vụ được giao phó có tính cách quyết định, ở vai trò một Đại tá Lữ Đoàn Trưởng LĐ147/TQLC, dưới quyền chỉ huy có ba ngàn binh sĩ tôi cũng rất lo lắng, vì đã biết rõ địch tình trong khu vực LĐ147/TQLC sắp phải đổ quân xuống. Tuy nhiên tôi cũng cảm thấy hãnh diện khi được thượng cấp tin tưởng mà giao phó trách nhiệm nặng nề, nguy hiểm đó. LĐ147 khi đó bao gồm ba Tiểu Đoàn tác chiến chỉ huy bởi các sĩ quan đầy thành tích chiến đầu và kinh nghiệm, cũng như binh sĩ đầy gan dạ và dày dặn chiến trường. Tuy nhiên, trước các tin tức từ mặt trận đưa về không được tốt đẹp, cùng những tổn thất nặng nề, không nhiều thì ít đã ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của binh sĩ trước khi xung trận. Dù sao với uy danh của Binh chủng TQLC, tất cả sỹ quan và quân nhân của LĐ147/TQLC đã sẵn sàng bước lên trực thăng thẳng tới Mục Tiêu ấn định. Nhưng kế hoạch vào phút cuối của buổi họp đã thay đổi, vì có lệnh mới của Bộ TTM, thay vì TQLC làm nỗ lực chính, thì nay Sư Đoàn 1 BB làm nhiệm vụ đó.

Theo sự tìm hiểu, sở dĩ đến phút chót phải thay đổi kế hoạch vì Quân Lực VNCH chỉ có hai sư đoàn Tổng Trừ Bị (Dù và TQLC), thì Sư Đoàn Dù trong trận phản kích của địch vừa qua đã bị thiệt hại khá nặng, nay xử dụng nốt Sư Đoàn TQLC thì e rằng không tránh khỏi sự tổn thất như SĐ Dù, vì địch đã chuẩn bị sẵn để nghênh chiến. Trong kế hoạch mới, Sư Đoàn 1 sẽ xử dụng một Trung Đoàn tăng cường để trực thăng vận vào Mục Tiêu. Ở phía bắc Quốc Lộ 9 vẫn do các lực lượng Dù, Thiết Giáp và BĐQ đảm trách nhiệm vụ tiến quân theo Quốc Lộ 9 để tiếp ứng cho đơn vị ở Mục Tiêu Tchepone. BĐQ ở phía Bắc Căn Cứ 32 của Dù hoạt động bảo vệ sườn Bắc và phía sau.



Lữ đoàn 147/TQLC/VNCH tuyến xuất phát hành quân Lam Sơn 719

Ở phía nam, tại cao điểm 150, Căn Cứ Delta do BCH Trung Đoàn 1/SĐ 1 và một TĐ chiếm đóng, được thay thế bởi LĐ147/TQLC di chuyển tới một căn cứ hỏa lực Bravo ở phí Bắc để điều động các đơn vị cơ hữu tiến quân dọc theo phía Nam Quốc Lộ 9, sẵn sàng tiếp ứng cho đơn vị ở Tchepone. BTL Sư Đoàn TQLC gồm ba Lữ Đoàn, bố trí BCH tại phía đông căn cứ Hàm Nghi. LĐ147/TQLC được trực thăng vận tới Căn Cứ Hỏa Lực Delta thay thế cho Trung Đoàn 1 BB. Điều động hoạt động xa về phía Tây Nam để tiêu diệt địch và phá hủy các kho tiếp vận ẩn dấu trong vùng. LĐ 258/TQLC được trực thăng vận xuống đỉnh núi Ko Roc nằm trên ranh giới Lào-Việt, chạy dài từ Tà Bạt (cửa khẩu) xuống phía nam. Các TĐ hoạt động ở phía Bắc dãy núi Ko Roc, sẵn sàng hỗ trợ cho LĐ147/TQLC ở phía bắc. LĐ369/TQLC bố trí ở phía Tây Bắc căn cứ Hàm Nghi, làm thành phần trừ bị của Sư Đoàn.

Ngày N nghĩa là gần 10 ngày sau, thì LĐ147/TQLC được trực thăng vận xuống các địa điểm ấn định. Riêng hai TĐ2 và 4 thuộc LĐ147 được thả xuống phía Bắc và Tây Nam Căn Cứ Delta. BCH/LĐ147 và Tiểu Đoàn 7, Đại Đội Viễn Thám và một Pháo đội hỗn hợp gồm hai khẩu 155 ly và bốn khẩu 105 ly bố trí tại căn cứ. Sở dĩ chỉ đặt được bốn khẩu ở phía Bắc và hai khẩu ở phía Nam vì khu vực căn cứ không rộng lắm. Hơn nữa vấn đề tiếp tế đạn dược rất khó khăn, nhất là vào những ngày cuối hành quân, trực thăng đã không thể đáp xuống được vì phòng không địch bắn lên rất rát. Kết quả đổ quân hoàn toàn vô sự. Trong khi đó thì Trung Đoàn 2/SĐ1 BB đang chuẩn bị để đổ quân vào Mục Tiêu Tchepone.

Theo như chỗ được biết thì việc tiến quân vào Tchepone là một việc chẳng đặng đừng, vì dư luận quốc tế đã tung tin từ trước là Quân Lực VNCH đã vào Tchepone, nên không còn cách nào là phải tiếp tục tiến hành giai đoạn 2, nhưng theo một kế hoạch linh động hơn là BCH/SĐ 1 đã chỉ thị Trung Đoàn 2 xử dụng một TĐ được tăng cường quân số có khả năng nhất để trực thăng vận vào Tchepone.

Khi hoàn tất đổ quân, hoạt động một thời gian ngắn rồi rút ra ngay. Sau khi pháo binh, không quân oanh kích ngày đêm, kể cả B-52, thì Trung Đoàn 2/SĐ1 được trực thăng đổ xuống Mục Tiêu Tchepone một cách an toàn, không có phản ứng nào của địch. Sự im lặng của địch là điều cũng dễ hiểu, Bộ tham mưu của chúng không dại gì lại để cho các đơn vị bố trí ngay trong khu vực Mục Tiêu để hứng lấy bom B-52 đổ xuống đầu chúng suốt ngày đêm cũng như khi chuẩn bị bãi đáp cho trực thăng đáp xuống. Do đó địch đã bố trí các đơn vị xa ngoài Mục Tiêu Tchepone, và đợi cho quân ta đổ hết, mới ra lệnh cho các đơn vị tham chiến di chuyển vào Mục Tiêu theo như kế hoạch của chúng.

Cuộc đổ quân của Trung Đoàn 2/SĐ1 BB đã hoàn tất trong ngày. Tình hình tương đối yên tĩnh cho tới đêm khuya thì pháo của địch bắt đầu tập trung bắn phá vào khu vực đóng quân của Trung Đoàn 2/SĐ1 BB. Như dự tính trước, đơn vị này đã rút nhanh ra khỏi Mục Tiêu tới bãi bốc dự trù để trực thăng trở về hậu cứ vào sáng ngày hôm sau. Khi hay biết thì địch đã tức tốc bủa quân tới cùng với hỏa lực pháo dọn đường, khiến cuộc rút quân gặp nhiều khó khăn vào lúc chót và một số đã phải rút chạy về hướng Dù. Khi địch tiến quân truy kích Trung Đoàn 2, thì cùng lúc các đơn vị của chúng ở phía nam Quốc Lộ 9 dùng pháo và bộ binh tấn công Trung

Đoàn 1/SĐ1 và bắt đầu phản kích lại các đơn vị TQLC mà hai bên đã đụng độ suốt mấy ngày trước ở phía Tây và Tây Nam Căn Cứ Delta.

Chiến cuộc diễn ra vô cùng ác liệt, bom đạn liên hồi trút xuống trận địa. Các cánh quân từ BĐQ, Dù, Thiết Giáp ở phía Bắc cho tới Trung Đoàn 1 và TQLC ở phía Nam đều bị pháo của địch uy hiếp ngày đêm, gây cho ta nhiều thiệt hại. Công việc tiếp tế và tải thương không còn thực hiện được nữa vì hoạt động phòng không của địch quá mạnh dày đặc.

Trận chiến tiếp tục được vài ngày, thì Trung Đoàn 1 cũng như Dù và Thiết giáp được lệnh rút về Khe Sanh. Việc rút quân này vô cùng khó khăn, đặc biệt ở khu vực Trung Đoàn 1/SĐ1 vì địch biết ý định của ta nên càng ra sức tân công. Dưới áp lực mạnh của địch, tinh thần chiến đấu của quân ta đã có chiều đi xuống, khiến các cấp chỉ huy khó bề điều động. Các trực thăng tới bốc quân không sao đáp nổi vì phòng không và pháo binh của địch, cũng như sự rối loạn của binh sĩ tranh nhau lên trực thăng.

Sự kiện này là một "điểm yếu" của cuộc hành quân Lam Sơn 719, mà khi đó dư luận báo chí ngoại quốc đã đề cập tới rất nhiều. Về cánh quân phía Bắc gồm Dù, Thiết giáp rút bằng đường bộ cũng không tránh khỏi nhiều thiệt hại trên suốt đoạn đường từ Bản Đông về tới Tà Bạt ở biên giới Lào-Việt. Dầu sao thì hai cánh quân Dù, Thiết Giáp và Trung Đoàn 1 đã rút được về hậu cứ, nhưng tổn thất rất đáng kể.

Một điều đau xót là đã mất một sĩ quan ưu tú của quân đội VNCH là Trung Tá Lê Huấn, xuất thân trường Võ Bị Đà Lạt, Tiểu Đoàn Trưởng đã hy sinh tại chiến trường. Sau khi hai cánh quân trên rời khỏi trận địa, thì địch dồn lực lượng, uy hiếp tấn công LĐ147/TQLC hoạt động tại Căn Cứ Hỏa Lực Delta và Bravo. BĐQ tại phía bắc Bản Đông. Riêng ở khu vực TQLC hai TĐ1 và 4 thuộc LĐ147 đang hoạt động xa về phía tây, sau nhiều ngày đụng độ, đã phải rút dần về ngoại vi căn cứ của Bộ Chỉ Huy LĐ147, đã được pháo binh từ núi Ko Roc tăng cường và không quân yểm trợ bắn phá các đường tiến sát của địch, ngoài ra còn được Pháo Đài Bay B-52 can thiệp tiếp cận một cách chính xác. Tuy nhiên, địch vẫn cố bám, ẩn náu trong các hầm trú ẩn, chống lại mọi cuộc tấn công của ta sau khi bom đạn chấm dứt. Cuộc chiến giằng co có chiều bất lợi cho LĐ147, vì vấn đề tiếp tế đạn dược và tản thương khó khăn.

Pháo của địch, kể cả súng không dật 75 ly của địch đặt tại các cao địa đối diện căn cứ, bắn thẳng vào pháo đài chỉ huy của BCH/LĐ147/TQLC khiến đường giây antenne bị cắt đứt, một vài hầm trú ẩn bị sụp đổ, vị trí pháo cũng bị hư hại. Trong tình hình đó, BCH/LĐ147/TQLC điều động TĐ2/TQLC lùi về trấn giữ phía Nam căn cứ, theo đường đỉnh mà chiến xa có thể tiến lên được. TĐ4/TQLC rút về phía Bắc căn cứ để chuẩn bị dọn đường khi LĐ147 cần rút về phía Đông hướng của LĐ258. BCH/LĐ147 có đề nghị với BCH Sư Đoàn/TQLC để cho toàn bộ đơn vị rút ra ngoài hoạt động, vì không thể cứ nằm trong căn cứ để hứng pháo của địch. Nhưng đề nghị này đã không được áp dụng, vì lệnh rút quân được ban ra vào lúc buổi chiều cùng ngày.

Vào rạng sáng cùng ngày, một biến cố đã xẩy ra là một Trung Đội đặc công địch đã len lỏi qua phòng tuyến của đơn vị phía Nam đã đánh chiếm được một pháo đài án ngữ lối vào căn cứ ở mặt Nam. Tuy nhiên địch đã bị chặn lại, sau đó TĐ7 điều động một Đại Đội tới giải tỏa, khiến một số địch bị thương và tử thương, số còn lại đã đầu hàng. Lấy khẩu cung thì chúng cho biết thuộc một đơn vị Sư Đoàn 324 B, có nhiệm vụ tiến đánh LĐ147/TQLC. Ngoài ra, lục soát trong người thì mỗi tên đếu có một mảnh giấy có ghi một vài hàng chử "Quyết tâm tiêu diệt Lữ Đoàn Trâu Điên". Tình hình sau đó trong ngày vẫn bị pháo kích ở phía Tây và Nam rót vào căn cứ và khu vưc bố trí của TĐ2/TQLC.

Về mặt Bắc, TĐ4/TQLC chỉ bị pháo nhẹ không đáng kể. Để chuẩn bị cho kế hoạch rút khỏi căn cứ, BCH/LĐ147 đã đặc phái ĐĐ1 Viễn Thám của TQLC của Đại Úy Hiển lên đường tìm hiểu tình hình bố trí địch để quyết định con đường rút lui vào buổi tối, nhưng rút cục ĐĐ Viễn Thám này đã rơi vào vòng vây của địch, một số đã bị bắt, trong đó có Đại Đội Trưởng Hiển. Do đó, LĐ147/TQLC đã không nhận được một báo cáo tin tức nào cả. Cuối cùng BCH/LĐ147 đã quyết định di chuyển lên khu vực TĐ4/TQLC và rồi băng qua các đồi núi để tiến về hướng Đông.

Kế hoạch rút quân được xếp đặt như sau: TĐ4 mở đường đi trước, sau đến TĐ7, BCH/LĐ147 và Pháo Binh, TĐ2 đoạn hậu. Riêng bộ phận pháo binh thì các khẩu pháo đã bị phá hủy hoặc vứt bỏ các kim hỏa để không còn dùng được nữa. Một điều đau lòng nhất là đã không di tản được các binh sĩ bị tử thương, vì trực thăng không đáp xuống được, đành phải để lại trong căn cứ. Các binh sĩ bị thương thì được các Tiểu Đoàn cố gắng dìu đi. Để cuộc rút quân ra khỏi căn cứ được phần nào an toàn, BCH/SĐ TQLC đã đề nghị Quân Đoàn chấp thuận cho B-52 can thiệp. Theo kế hoạch thì sau khi B-52 vừa thả bom xong, tức 8 giờ tối thì Lữ Đoàn ra khỏi căn cứ.

Trước giờ ấn định, TĐ2 đã báo cáo nghe thấy tiếng động cơ của chiến xa và ánh đèn thấp thoáng ở xa về phía Nam căn cứ khoảng 5 cây số. Đúng giờ ấn định, tất cả 12 phi vụ B-52 đã thả bom xuống phía Nam và phía đông của TĐ4, hướng đi của đơn vị này. Bom nổ vừa dứt thì LĐ147/TQLC rời căn cứ. Ra khỏi hơn cây số, thì TĐ4 đụng phải một tổ súng cối địch. Sau một loạt súng nổ, thì tình hình trở lại yên tĩnh. Con đường rút quân quả là gian nan và khó khăn, vì phải băng qua các đồi núi đầy tre gai và trời tối khó quan sát. Trong khi đó thì pháo binh của LĐ 258/TQLC bố trí ở trên núi Ko Roc liên tục bắn vào Căn Cứ Delta, và phía sau của LĐ147/TQLC để ngăn chặn địch truy kích, đồng thời bắn xen lẫn đạn chiếu sáng để soi đường, giúp cho sự lui quân được dễ dàng và đúng hướng.

Ngoài sự yểm trợ liên tục về pháo binh, LĐ 258/TQLC đã gửi TĐ3/TQLC của Trung Tá Nguyễn Năng Bảo tiến tới giao tiếp với LĐ147/TQLC. Sau một đêm di chuyển không ngừng, không có đụng độ nào với địch, có lẽ địa thế khó khăn một phần nào ngăn trở sự truy kích của địch. Hơn nữa chúng không nắm được tình hình của ta sau khi rời bỏ Căn Cứ Hỏa Lực Delta. Đến khoảng trưa ngày hôm sau, thì LĐ147/TQLC bắt tay được với TĐ3 của LĐ 258/TQLC. Tức thời liên lạc với BCH Sư Đoàn TQLC để trực thăng tới bốc các thương binh về hậu cứ. Sau đó thì toàn bộ di chuyển về hướng LĐ258. Một lúc sau thì pháo địch bắn tới, nhưng không

chính xác. Đến chiều tối thì LĐ147 và TĐ 3 tới một địa điểm gần kế cận LĐ258 và là nơi tập trung để sáng ngày hôm sau được trực thăng bốc về Khe Sanh. Hôm sau, LĐ147/TQLC được trực thăng tới bốc về nhưng sau cùng thì TĐ3 của LĐ258/TQLC bị trở ngại vì địch đã truy kích kịp. Và TĐ 3 phải mở đường máu mới thoát được về Khe Sanh. Như vậy là chấm dứt hành quân của TQLC tại Hạ Lào.

Tổng kết lại thì sự thiệt hại về nhân mạng và mất tích không quá 20 phần trăm, vũ khí cơ hữu bảo toàn, chỉ mất sáu khẩu pháo (4 khẩu 105 và 2 khẩu 155 ly) cùng một số binh sỹ bị tử thương không mang về được. Về tổn thất của địch, tất nhiên phải nặng nề qua các trận đụng độ, cũng như bị pháo binh và không quân oanh kích, phải nặng nề hơn ta rất nhiều, nhưng vì ta không làm chủ được chiến trường nên không thể kiểm nhận được. Khi LĐ147/TQLC rời khỏi căn cứ, có binh sĩ đề nghị thủ tiêu nhưng cán binh CSBV mà ta đã bắt được, nhưng tôi không tán thành và để nguyên họ trong hầm của căn cứ. Tại BCH/TQLC ở Khe Sanh tôi mới hay là LĐ147/TQLC là đơn vị cuối cùng rời khỏi Hạ Lào, chỉ một thời gian ngắn trước một TĐ/BĐQ hoạt động ở phía bắc Quốc Lộ 9. Những ngày sau, thỉnh thoảng pháo 130 ly của địch trên phần đất Hạ Lào đã bắn vào khu vực chung quanh căn cứ Hàm Nghi của BTL/QĐ I, nhưng không gây mấy thiệt hại. Sau đó thì từng đơn vị được di chuyển bằng quân xa về Thị Trấn Đông Hà, chấm dứt cuộc hành quân Lam Sơn 719.

Nhận định Hành quân Hạ Lào 719 tháng 3/1971 (62)

Nhận Định: Sau gần một tháng tham dự cuộc hành quân Lam Sơn 719, vào đầu tháng 3/1971, từ nhiệm vụ trừ bị của QĐ I trong giai đoạn 1, đến trực tiếp tham gia trận chiến ở trên đất Lào trong giai đoạn 2, tôi với tư cách Lữ Đoàn Trưởng TQLC có những nhận xét sau đây:

1) Về Địa Thế: Khu vực hành quân rất khác biệt với địa hình, địa vật trong lãnh thổ VN có chăng thì chỉ có vùng cao nguyên Kontum, Pleiku tương tự một phần nào. Tại Hạ Lào chỉ có một con đường lộ duy nhất là Quốc Lộ 9 chạy xuyên qua khu vực trung tâm hành quân, mà hai bên là đồi núi chập chùng khó điều động thiết giáp, và dễ làm mồi cho các cuộc phục kích của đối phương. Các đồi núi lại khó di chuyển, vì cây cối rậm rạp, nhất là ở phía nam, khu vực hoạt động của Trung Đoàn 1/SĐ1 BB cũng như LĐ147/TQLC đầy tre gai. Một địa thế hoàn toàn bất lợi cho các lực lượng tấn công, không điều quân được rộng, phải lệ thuộc ít nhiều vào các đường mòn, khó quan sát, đôi khi mất hướng, có thể đưa tới ngộ nhận bắn lầm nhau. Không xử dụng được hữu hiệu pháo binh và không quân nên không đúng mục tiêu mong muốn, đôi khi còn bị tác xạ hoặc oanh kích lầm vào quân mình. Địa thế rất ảnh hưởng đến vấn đề tiếp vận và tải thương, hoàn toàn trông cậy vào trực thăng, ngoại trừ các đơn vị hoạt động gần Quốc Lộ 9. Do khó di chuyển vì địa thế, lại phải trang bị nặng nề để có thể chiến đấu lâu dài, vô hình đã hạn chế sự nhanh nhẹn, đồng thời cũng làm binh sĩ mau mất sức.

Nói chung, tất cả đã ảnh hưởng đến tinh thần chiến của quân sĩ khá nhiều. Trong khi đó thì địa thế lại ít ảnh hưởng đến địch, vì chúng đã sống và hoạt động thường xuyên trong khu vực, biết rõ tường tận đường đi nước bước, nên tiến lui dễ dàng

mau lẹ. Binh sĩ lại trang bị nhẹ nhàng không cồng kềnh phức tạp như ta. Kết luận thì địa thế cũng là một yếu tố không kém phần quan trọng của sự thắng bại khi thực hiện một cuộc hành quân. Chứng minh là trong cuộc hành quân vượt biên sang Campuchia năm 1970, địa thế bằng phẳng đã giúp cho các đơn vị chiến đấu rất hữu hiệu và đạt được nhiều thắng lợi.

Về thời Tiết: Trong suốt thời gian hành quân khí hậu thời tiết khá tốt, rất thuận lợi cho không quân và bộ binh hoạt động.

Tin Tức Tình Báo: Nói về tình báo, có nghĩa là mọi tin tức thâu lượm được về địch trước khi mở một cuộc hành quân. Từ đó, Phòng 3 sẽ thảo ra kế hoạch hành quân đê Bộ Tham Mưu bàn thảo và vị Chỉ huy quyết định. Tin tức chính xác và hành quân đúng lúc, đúng chỗ thì dễ mang lại kết quả mà không hao tổn đến sinh mạng và sức khỏe của quân sĩ. Trong quá khứ, không nói đến các đơn vị địa phương, mà chỉ riêng các lực lượng Tổng trừ bị như Nhẩy Dù và TQLC theo đòi hỏi của các Quân Khu, Quân Đoàn (QĐ), Bộ TTM đã tăng phái đôi khi không được chính xác lắm. Các QĐ khi đề nghị cũng như tiếp nhận, đáng lẽ phải do tin tức, tình hình địch phải nắm vững mới xử dụng, thì lại điều động các đơn vị tăng phái một cách bừa bãi, miễn là có hành quân, rút cuộc chỉ làm binh sĩ mệt mỏi vô ích, hoặc bị thương tích vì mìn bẩy một cách lãng xẹt. Tôi còn nhớ, các đơn vị TQLC khi tăng phái cho QĐ IV/Sư Đoàn 21 BB hoạt động tại khu Chương Thiện, có khi một hai tháng trời không gặp một bóng địch, nhưng kết quả là hàng ngày vẫn phải tản thương vì dẫm phải mìn của địch rải khắp khu vực hành quân.

Trước Tư Lệnh SĐ 21 BB tôi đã phải nửa đùa nửa thật nói với vị đó là SĐ định xử dụng TQLC như cái xe cán mìn chăng. Sự thật là như vậy, phần lớn các tin tức tình báo đều sai lạc, hoặc không kịp thời, nên hành quân thì nhiều mà kết quả thâu lượm không được bao nhiêu. Trường hợp tin tức chính xác và kịp thời thì đôi khi kế hoạch hành quân lại thiếu sót.

Trở lại cuộc hành quân Lam Sơn 719, trước cũng như khi đang hành quân, tin tức của Phòng Nhì QĐ I thuyết trình, phổ biến chỉ có tính cách tổng quát, lờ mờ, không nắm vững tình hình nên những quyết định từ cấp QĐ xuống các Lữ Đoàn, Liên Đoàn tham chiến không đúng lúc và chính xác, các đơn vị phải tự tìm hiểu và đối phó. Trước khi cuộc hành quân mở màn, tin tức đánh giá chỉ có sự hiện diện của một vài Sư Đoàn địch hoạt động trong vùng, mà không đề cập tới khả năng tăng cường của các đơn vị từ biên giới Lào, Bắc Việt tiến vào tiếp ứng. Tới khi trận chiến bùng nổ thì thực tế lực lượng địch có mặt khắp trong vùng đã lên tới 4, 5 Sư Đoàn tác chiến là ít, không kể hệ thống phòng không dày đặc và sự xuất hiện của chiến xa T54 của VC mà tin tức đánh giá thấp so với độ chính xác khả năng và lực lượng địch. Đặc biệt là tại Tchepone, tin tức cũng không được ghi nhận một cách đứng đắn, chính xác, mà chỉ dựa vào những tin tức VC loan ra trên đài phát thanh Hà Nội của chúng để phác họa kế hoạch tấn công. Kết quả là ta đã bị uy hiếp, bao vây phản kích suốt thời gian lui quân từ Tchepone về tới biên giới Lào-Việt đối với Trung Đoàn 1, Lữ Đoàn Nhẩy Dù và Thiết Giáp.

Kế Hoạch Hành Quân: Dựa vào tin tức tình báo, kế hoạch hành quân được thảo ra. Như trên đã trình bày, tin tức cho đến địa thế không nắm vững, thì dĩ nhiên kế

hoạch hành quân phải sai lệch, không đáp ứng được mục tiêu đòi hỏi. Sự đánh giá từ một đến hai Sư Đoàn tác chiến của địch trong khu vực hành quân, thì lực lượng tham chiến đích thực của QĐ so với địch không ngang bằng, đó là không kể đến lực lượng tấn công của ta trong giai đoạn đầu gồm có: cánh quân phía bắc Quốc Lộ 9 , 2 Lữ Đoàn Dù, trong đó một TĐ không đổ quân được khi căn cứ hỏa lực 31 bị tấn công, Lữ Đoàn Thiết Giáp gồm hai Chi Đoàn Thiết Vận Xa và 1 Chi Đoàn Chiến Xa M 41, 2 TĐ/BĐQ. Cánh quân phía Nam có Trung Đoàn 1 và Trung Đoàn 3 (SĐ1 BB), nhưng thực tế hoạt động xa và rộng chỉ có từ 4 đến 5 TĐ, số còn lại có nhiệm vụ thiết lập căn cứ hỏa lực, bố phòng và hoạt động chung quanh mà thôi.

Từ áp dụng chiến thuật căn cứ hỏa lực hỗ trợ cuộc tấn công đã vô hình chung hạn chế sức tiến quân và biến từ chủ động sang bị động, làm mục tiêu cho đối phương nhắm tới, uy hiếp cô lập rồi tấn chiếm. Đành rằng sử dụng căn cứ hỏa lực để bố trí pháo binh yểm trợ cho các đơn vị hoạt động bên ngoài, cũng như tạo nên một mạng lưới hỏa lực hỗ tương yểm trợ giữa các căn cứ, nhưng vấn đề đạn dược đã không đáp ứng được, vì địa thế không cho phép xử dụng bằng quân xa, còn bằng không vận thì không đủ và quá tốn kém, hơn nữa còn bị phòng không địch gây trở ngại, nhất là vào giai đoạn 2, sự tiếp tế hầu như không thực hiện nỗi. Một điểm nữa là căn cứ hỏa lực đã thiết lập ở trên đỉnh các cao địa, nên không đủ rộng để bố trí đầy đủ pháo cho hợp với số lượng đơn vị hoạt động, chẳng hạn một LĐ tham chiến thì được một TĐ Pháo binh yểm trợ.

Trong cuộc hành quân Lam Sơn 719, Lữ Đòan 147/TQLC chỉ được 4 khẩu 105 và 2 khẩu 155 ly yểm trợ mà còn phải tiết kiệm đạn dược dù rằng đang đụng độ địch. Như vậy đủ thấy sự yếu kém về hỏa lực yểm trợ tiếp cận cũng như tác xạ quấy rối, tiêu hủy ngày và đêm bất kể địa thế, thời tiết, ánh sáng. Do đó các đơn vị chỉ còn trông cậy vào sự yểm trợ của không quân, nhưng không mấy liên tục, chính xác, lệ thuộc vào thời tiết, ngày và đêm tối.

Một điểm nữa là cấp chỉ huy đến hàng binh sĩ, từ ngày được Quân Đội Hoa Kỳ tham chiến ở VN yểm trợ nên quan niệm hành quân là phải xử dụng tối đa hỏa lực trước khi tấn công mục tiêu đã trở thành thói quen, nếu thiếu yểm trợ là chùn chân ngay. Như vậy các căn cứ hỏa lực đã không làm tròn được nhiệm vụ giao phó.

Vì những lý do trên, từ đó đã trở thành mục tiêu cố định cho đối phương nhắm tới, tìm cách cô lập rồi tấn công tiêu diệt. Cũng vì liên hệ đến căn cứ, nên các BCH đâm ra lung túng không điều động các đơn vị linh hoạt được để địch không thể nắm vững tình hình của ta được. Từ thế chủ động tấn công, ta đã rơi vào thế bị động, chỉ còn có phòng ngự mà thôi. Lực lượng tấn công có tính cơ động nhanh, hỏa lực mạnh là thiết giáp thì lại bị địa thế ngăn trở nên không sao hoạt động hố trợ cho bộ binh hữu hiệu được, từ đó thiết giáp biến thành đơn vị phòng thủ căn cứ như các đơn vị bộ binh. Rút cuộc thiết giáp trở thành mục tiêu cho pháo binh địch tiêu diệt.



Pháo Binh TQLC/VNCH tham gia hành quân Lam Sơn 719

Ở giai đoạn 1, khi địch tung ra cuộc tấn công và đánh chiếm căn cứ 31 của LĐ1/Dù, BCH QĐ I có vẻ lung túng trong kế hoạch phản ứng, rồi cứ để cho tình hình diễn tiến có lợi cho địch. Nói cách khác, BTM/QĐ1 trông đợi quá nhiều về sự yểm trợ của không quân để đối phó với tình hình. Rồi đến giai đoạn 2 thì thời gian ngừng đợi quá lâu, tạo điều kiện cho địch có thì giờ nghỉ ngơi và điều động các đơn vị từ xa tới để tiếp chiến. Trong buổi họp để chuẩn bị cho cuộc hành quân giai đoạn 2, đã có nhiều ý kiến khác biệt nhau, nếu không nói là thiếu sự thống nhất trong hành động chung. Việc thay đổi kế hoạch cũng đã nói lên chủ chương chiến lược chiến thuật không được ổn lắm của cuộc hành quân Lam Sơn 719.

Từ những sự việc trên, phải chăng Bộ TTM Quân Lực VNCH nói chung và QĐI nói riêng đã không đạt được mục tiêu trông đợi, và gây cho các đơn vị tham chiến VNCH một sự thiệt hại đáng kể. Những đơn vị thiện chiến nhất của Quân Lực VNCH sau đó đã ảnh hưởng một phần nào tới các cuộc tấn công vào mùa hè 1972 và tháng 4/1975.

Trong giai đoạn 2, BCH/QĐI cũng như Sư Đoàn 1 đã xử dụng Trung Đoàn 2 để đánh chiếm Mục Tiêu Tchepone trong cái thế "không làm không được", vì dư luận truyền thông, báo chí quốc tế đã loan tin là ta đã vào Tchepone, nên không thể ngừng ngang xương được. Do đó, đã có lệnh ngầm là khi Trung Đoàn 2 đáp xuống được Mục Tiêu Tchepone thì một thời gian ngắn là phải rút ngay. Kết quả là mọi sự đã diễn ra, nhưng không được như ý muốn.

Cuộc rút quân để chấm dứt hành quân Lam Sơn 719, cũng đã diễn ra một cách vô trật tự, gần như mạnh ai nấy rút, không kiểm soát được. Riêng tại căn cứ hỏa lực Delta của LĐ147/TQLC, việc rút quân đã được diễn ra tương đối trật tự, có kế hoạch và kịp thời, yểm trợ liên tục và hữu hiệu. Nếu chậm một ngày nữa, thì tình hình có thể cũng diễn ra như các cánh quân khác, vì địch sẽ dồn hết lực lượng để tiêu diệt LĐ147/ TQLC.

Để kết luận, kế hoạch hành quân Lam Sơn 719 đã không được thi hành đến nơi đến chốn, nhiệm vụ giao phó coi như không hoàn thành, nghĩa là chấm dứt mọi hoạt động của Việt Cộng trên đường mòn HCM. Sự thể này, nếu coi như thất bại,

đã dẫn đến cuộc tấn công "Mùa Hè Đỏ Lửa 1972", và sau đó là cuộc tổng tấn công vào toàn miền Nam đầu năm 1975, đã làm sụp đổ chế độ VNCH

Bảo Mật: Vấn đề bảo mật cũng là một yếu tố cần thiết để bất cứ một cuộc hành quân nào đạt được thắng lợi. Trong quá khứ, từ thời Đệ Nhất đến Đệ Nhị Cộng Hòa, trên bốn Vùng Chiến Thuật đã có biết bao cuộc hành quân lớn nhỏ được diễn ra, nhưng kết quả thu lượm không mấy khả quan, đôi khi được thổi phồng lên một cách quá đáng nhằm mục đích tuyên truyền, cổ võ tinh thần quân sĩ. Trong khi đó, thì Mục Tiêu "GPMN" của CSVN ngày càng lớn mạnh, các vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh dần dần rơi và vòng kiểm soát của địch, con đường mòn HCM được mở rộng để CSBV đưa quân vào tăng cường yểm trợ cho lực lượng ở miền Nam.

Từ chỗ đó, ta mới thấy rõ cái cốt lõi thất bại của các cuộc hành quân tảo thanh diệt địch của Quân Lực VNCH , mặc dù phương tiện yểm trợ đầy đủ, tinh thần binh sĩ cao, kế hoạch tương đối hoàn hảo, nhưng tính cách bảo mật không được duy trì chặt chẽ, vì vậy khi cuộc hành quân khai diễn thì địch đã rời khỏi mục tiêu một hai ngày trước, dù tin tức tình báo thu lượm khá chính xác. Kết quả là tấn công vào chỗ trống, khiến chỉ thiệt hại về người và của, do địch biết trước nên tổ chức mìn bẩy gây thiệt hại cho ta khá nhiều nhân mạng, về của vì phải xử dụng nhiều phương tiện để yểm trợ. Đây là chỉ nói đến trường hợp địch rút khỏi khu vực hành quân của ta, còn ngược lại thì địch sẽ chuẩn bị để tấn công phục kích vào các điểm yếu của ta.

Sự tiết lộ bí mật hành quân này là do chính những người tham dự buổi họp vì hai nguyên nhân: miệng bép xép và địch nằm ngay trong hàng ngũ hoặc bị mua chuộc tiền bạc. Sau này rút kinh nghiệm, các buổi họp hành quân đã thu hẹp chỉ bao gồm các chỉ huy đơn vị tham chiến, trong một thời gian rất ngắn trước cuộc hành quân. Với tính cách bảo mật này được duy trì, nhưng thiếu chuẩn bị đầy đủ, kế hoạch không được mọi cấp thông suốt, nên khi vào trận mọi việc đều lung túng, lệch lạc, thiếu phối hợp nhịp nhàng, kết quả cũng không mang lại kết quả bao nhiêu.

Trở lại cuộc hành quân Lam Sơn 719 thì sao? Phải nói rằng công cuộc tổ chức hành quân đã được chuẩn bị từ 2, 3 tháng trước. Từ việc hội họp, di chuyển BTL/QĐ I Tiền Phương từ Đà Nẵng ra Đông Hà, các kho tiếp vận được thiết lập ở Đông Hà cũng như ở Khe Sanh, xây dựng căn cứ Hàm Nghi ở Khe Sanh của BTL/Tiền Phương. Sau cùng là các đơn vị được tăng cường từ Sài Gòn ra. Với một số dữ kiện trên, người thường cũng nhận thấy có sự khác lạ sắp xẩy ra, còn với địch thì khỏi phải nói, với những tổ chức tình báo tinh vi, chúng thừa hiểu là Mục Tiêu của cuộc hành quân sẽ diễn ra khi nào và ở đâu. BTL/QĐ I cũng thừa hiểu vấn đề đó, nên đã chỉ thị cho LĐ147/TQLC tạo ra các cuộc hành quân thực tập đổ bộ, ngõ hầu đánh lạc hướng địch, rằng ta sẽ tấn công qua vỹ tuyến 17 bằng một cuộc hành quân đường bộ và thủy bộ. Dĩ nhiên đó chỉ là trò đánh lừa quá bình thường nếu không muốn nói là ngây thơ, không tưởng. Bởi vậy, không lẽ địch thản nhiên trước sự chuẩn bị rộng lớn của BTL/QĐ I. Biết rõ được Mục Tiêu của cuộc hành quân, nên CSBV cũng đã chuẩn bị chiến trường và sẵn sàng đưa các đại đơn vị từ miền bắc xuống các khu vực kế cận vùng hành quân của QĐ I mà chúng suy đoán để tăng cường cho các đơn vị sẵn có tại đó. Dĩ nhiên là tổ chức một cuộc hành

quân quy mô, cấp QĐ. thì không sao bảo mật hết được. Dù muốn hay không địch cũng sẽ biết, vì thời gian chuẩn bị lâu dài, sự tấp nập chuyển quân tới vùng tập trung đã nói lên hướng hành quân là ở đâu rồi.

Vấn đề chỉ còn lại là kế hoạch tấn công mới mong đánh lạc hướng phản ứng của địch mà thôi. Những buổi họp khai diễn, dù vào thời gian chót trước ngày hành quân mở màn, ở cấp QĐ thì không thể thu hẹp được. Do đó tin tức không nhiều thì ít sẽ lọt ra ngoài và đến tai địch. Trong kế hoạch tấn công, với chiến thuật áp dụng căn cứ hỏa lực làm bàn đạp cho cuộc tiến quân, cũng là một điểm làm lộ rõ lề lối hoạt động và hướng Mục Tiêu khiến địch tìm hiểu rồi điều quân phản kích. Để khắc phục yếu tố "Bảo Mật" đó, thay vì áp dụng chiến thuật xử dụng căn cứ hỏa lực, tiến quân từng bước, làm trì chậm mức độ tiến quân, làm tăng thời gian để địch chuẩn bị kỹ càng hơn, thì QĐ I nên áp dụng một đội hình lưu động, ào ạt tiến quân bằng đường bộ trên Quốc Lộ 9 cũng như trực thăng vận trên các điểm cao để rồi từ đó tiến tới Mục Tiêu ấn định. Kế hoạch phải diễn ra liên tục cho tới khi hoàn toàn làm chủ trên Quốc Lộ 9 từ núi Ko Roc ở ranh giới Lào-Việt đến Thị Trấn Hạ Lào Tchepone.

Sau đó mới là giai đoạn củng cố và lùng địch. Quốc Lộ 9 vẫn là trung tâm để tiếp vận cho các đơn vị tham chiến. Căn cứ hỏa lực pháo binh chỉ nên thiết lập dọc theo Quốc Lộ 9 và các đơn vị chỉ hoạt động trong tầm yểm trợ của pháo binh và không quân chiến thuật. Yểm trợ xa do không quân chiến lược B 52 đảm trách. Như vậy sự hỗ tương yểm trợ sẽ chặt chẽ, không rời rạc như đã thực hiện, cũng như các đơn vị bố trí xa và hoạt động quá rộng. Một điểm nữa là các đơn vị tham chiến phải có một quân số tương đối áp đảo, hoặc ít ra cũng ngang bằng với quân số địch theo tin tức lúc ban đầu, nghĩa là toàn bộ hai Sư Đoàn 1 và Dù với lực lượng tăng cường TQLC và BĐQ, một lực lượng pháo binh hùng hậu. Một lực lượng trừ bị sẵn sàng điều động vào trận địa khi tình hình đòi hỏi. Như vậy thì mọi sự tiến lui, phòng ngự sẽ thuận lợi dễ dàng hơn, địch khó có thể bao vây, chia cắt được, như trong kế hoạch hoạt động đã được thực hiện, khiến địch thu được nhiều thắng lợi.

Tiếp Vận Tải Thương: Là mạch máu của cuộc hành quân, cuộc hành quân nào được chuẩn bị kỹ càng, đầy đủ, thì kết quả thu lượm rất khả quan. Các cuộc hành quân lớn lại càng đòi hỏi hơn nhiều. Trong cuộc hành quân Lam Sơn 719, sự chuẩn bị tương đối chặt chẽ, nhưng trên thực tế đã không đáp ứng được nhu cầu của chiến trường. Trong kế hoạch hành quân BTM/QĐ I có thể nói là rất trông chờ, hay nói cách khác là quá ỷ lại vào không vận, đó là phương tiện trực thăng, đa số do không quân Hoa Kỳ yểm trợ để tiếp vận, tải thương cho các đơn vị tham chiến, ngoại trừ xử dụng Quốc Lộ 9 lúc ban đầu cho LĐ1/Dù và Thiết Giáp.

Một cuộc hành quân lớn như vậy, việc tiếp tế tải thương bằng trực thăng không thể cung ứng đầy đủ và kịp thời. Trong trường hợp có phòng không địch thì vấn đề trở nên khó khăn hơn nhiều và thực tế đã thấy rõ. Do đó một khi phương tiện tiếp vận bị trở ngại, thì đương nhiên phải ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của binh sĩ. Không có đạn dược súng ống thì hỏa lực yếu kém đi, không có thức ăn uống thì đói khát lấy sức đâu mả tiếp tục chiến đấu, không có phương tiện di tản thì thương bệnh binh sẽ chết. Bởi vậy khi tổ chức một cuộc hành quân, vấn đề tiếp vận, tải

thương vẫn là mỗi ưu tư hàng đầu của các cấp chỉ huy, nếu muốn đạt được kết quả tốt đẹp.

Chỉ Huy và Tham Mưu: Vấn đề chỉ huy là phải thống nhất hành động giữa các cấp. Một khi đã thông suốt toàn bộ kế hoạch, chứ không thể thi hành mỗi đơn vị một hướng, một cách khác nhau, khiến đường lối, kế hoạch chung bị sai lạc, thất bại. Trong cuộc hành quân Lam Sơn 719, có sự lủng củng trong vấn đề chỉ huy cấp cao, chẳng hạn như Trung Tướng Hoàng xuân Lãm, Tư Lệnh QĐ I kém thâm niên hơn Trung Tướng Lê Nguyên Khang Tư Lệnh TQLC. Theo tôi thì vấn đề không quan trọng lắm, dù sao Tướng Lãm cũng là một Tư Lệnh QĐ I đồng thời được Phủ Tổng Thống và Bộ TTM chỉ định làm Tư Lệnh cuộc hành quân Lam Sơn 719. Nhưng Tướng Khang đã ở lại Sài Gòn giao cho Đại Tá Bùi thế Lân Tư Lệnh Phó kiêm TMT giữ nhiệm vụ chỉ huy Sư Đoàn TQLC tăng phái cho QĐ I, thay vì phải ra Khe Sanh và giúp đỡ, cố vấn cho Tướng Lãm, vì là nhiệm vụ chung. Nếu chiến thắng thì cũng là chiến thắng chung, mà thất bại thì chúng ta cùng phải chịu trách nhiệm trước quân dân. Do đó trong suốt thời gian của giai đoạn 2, BTM Sư Đoàn TQLC và BTM QĐ I đã có nhiều trục trặc xảy ra. Còn giữa BTM QĐ I và BTM Sư Đoàn Dù cũng thế, có vẻ không ăn ý lắm.

Phải nói rằng cuộc hành quân Lam Sơn 719 là một cuộc hành quân quy mô lớn nhất từ trước đến nay, dù rằng trước đó trong năm 1970 đã có cuộc hành quân sang Campuchia do QĐ III và IV phụ trách. Cuộc hành quân này đã ảnh hưởng đến dư luận Quốc tế rất nhiều, vì đối đầu trực diện với Quân Đội CSBV, nên đòi hỏi một vị chỉ huy có khả năng, nhiều kinh nghiệm chiến trường ở cấp độ cao.

Nhìn lại thì trong hàng Tướng lãnh của Quân Lực VNCH đã có mấy ai đủ điều kiện ở vai trò đó, thật ra ở cấp Sư Đoàn, chứ đừng nói đến cấp QĐ. Phần lớn đã được giao phó ngang xương, chưa từng chỉ huy một đơn vị tác chiến thấp hơn, hay qua các lớp chỉ huy tham mưu, chỉ vì xu hướng chính trị kéo bè, kết phái, củng cố quyền lực mà thôi.

Trong trường hợp của vị Tư Lệnh hành quân Lam Sơn 719 cũng gần như vậy. Tướng Lãm xét ra chưa bao giờ có kinh nghiệm chỉ huy các trận đánh lớn nên, dĩ nhiên phải gặp những vấn đề không tránh khỏi khi được giao trọng trách điều khiển một cuộc hành quân cấp QĐ. Do đó, việc thành bại không cần phải bàn cãi nhiều. Một vị Tư Lệnh như vậy, thì BTM cũng ở trong tình trạng tương tự như vậy. Suốt thời gian hành quân, nhất là khi LĐ147/ TQLC ở vai trò trừ bị, tôi thường có mặt bên cạnh BTM QĐ I để theo dõi tình hình cũng như chờ lệnh, tôi thấy BTM tỏ ra rất lung túng, nhất là về mặt tin tức địch diễn ra ngoài chiến trường đang hồi sôi động.

Bên cạnh BTM chỉ có Đại Tá Nguyễn Đình Vinh nguyên Đổng Lý Bộ Quốc Phòng thời Trung Tướng Nguyễn hữu Có làm Tổng Trưởng, vì nguyên do chính trị bị đày ra QĐ I làm Phụ Tá hành quân cho Tướng Lãm. Thế thì nhìn vào ta đã thấy như thế nào rồi. Nghe nói, có ngày đêm Tướng Lãm không có mặt tại BCH hành quân để trở về Đông Hà hoặc Đà Nẵng. Một ghi nhận là QĐ I khi đó không có Tư Lệnh Phó hành quân cho tới giai đoạn 2 mới có sự hiện diện của Chuẩn Tướng Soạn, Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh. Để kết luận lại, một vị Tư Lệnh cùng

một BTM như vậy, chưa đủ khả năng điều động ở cấp hành quân QĐ, cuộc hành quân lẽ dĩ nhiên không thể gặt hái được kết quả tốt đẹp.

Cuộc hành quân Lam Sơn 719 kết thúc trong vội vã sau gần một tháng trời giao tranh ác liệt, để lại trên chiến trường bao nhiêu tổn hại cả về người lấn vật chất, và sau đó tình hình tại Hạ Lào đâu lại vào đó không có gì thay đổi. Phải chăng vì mục tiêu chính trị, mà quyền lực nước ngoài mong muốn, biến chiến trường thành nơi tử địa cho cả hai phía Quốc Gia và Cộng Sản người Việt Nam, ví như một cục đường và đàn kiến bu lại, để rồi bị đập nát tất cả không thương tiếc. Đến mùa Hè 1972 lại tiếp diễn trận tấn công vượt tuyến vào tỉnh Quảng Trị cũng như tại An Lộc, Tỉnh Bình Long rồi từ đó dẫn tới kết quả Hòa Đàm Paris nhằm kết thúc vai trò của Quân Đội Hoa Kỳ ở miền Nam VN.

Rời binh chủng Thủy Quân Lục Chiến học Tham Mưu Cao Cấp Đà Lạt Nhận chức Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 2 Bộ Binh (63)

Sau khi hành quân ở Hạ Lào về Quảng Trị, LĐ147/TQLC đóng quân tại khu vực gần nhà Thờ La Vang, phía tây Tỉnh Quảng Trị để dưỡng quân và củng cố lại đơn vị. Được ít ngày thì tôi được lệnh trở về Sài Gòn để chuẩn bị theo học khóa Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp tại Đalạt. LĐ147/TQLC được giao cho Trung Tá Nguyễn năng Bảo. Vào tháng 5/1971, tôi rời Sài Gòn lên Đalat trình diện nhập khóa. Khóa học này kéo dài 6 tháng. Khi đó Giám Đốc Trường là Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị.

Từ Ban giảng huấn nhà trường đến khóa sinh đều là chỗ quen biết, đã từng phục vụ ở các đơn vị tác chiên, nên bầu không khí suốt thời gian học rất là thân mật và vui vẻ. Có một thời gian như vậy cũng rất tốt, trước hết để các sĩ quan trao đổi học thức về binh nghiệp cho được hoàn hảo hơn, để ngõ hầu đáp ứng với các chức vụ được giao phó, sau cùng là để nghỉ ngơi tĩnh dưỡng về tinh thần cũng như về sức khoẻ sau nhiều năm tháng lăn lộn ngoài chiến trường, đầu óc lúc nào cũng căng thẳng vì trách nhiệm giao phó, đồng thời cũng là dịp để thảnh thơi suy ngẫm về những gì đã làm, những kinh nghiệm cần phải rút tỉa cho các hoạt động tương lai.

Về chương trình của khóa học, nhà trường cũng dựa theo chương trình của khóa học cao cấp (senior) Hoa Kỳ, nặng về thiết kế tham mưu cấp Sư Đoàn. Nói chung thì việc học hành được thoải mái, miễn là giờ giấc phải tuân thủ cho nghiêm chỉnh, vì là cấp bậc cao. Ăn uống nghỉ ngơi, nhà trường có đủ phương tiện phục vụ, nếu muốn ăn ở ngoài cũng được. Về kỷ luật, nhà trường áp dụng kỷ luật tự giác. Suốt thời gian theo học, mọi sự đều diễn ra tốt đẹp, và để kết thúc cho khóa học, nhà trường có tổ chức một cuộc hành quân trên bản đồ cấp Sư Đoàn để các khóa sinh thực tập theo từng các nhiệm vụ của BTM Sư Đoàn.

Những năm trước, các khóa học phần lớn các khóa sinh đều là sĩ quan trung cấp, không giữ những nhiệm vụ quan trọng thường bị các đơn vị trưởng đưa đi học, còn các sĩ quan đáng lẽ phải đi học thì lại bị giữ lại, hoặc không muốn đi vì sợ mất chỗ tốt. Trong Quân Đội đã có nhiều sĩ quan giữ những chức vụ lớn, quan trọng có khi chưa theo học một khóa nào cả. Do đó để chấn chỉnh lại, Bộ TTM đã bắt buộc các cấp Đại Tá tạm thời, phải đi học thì mới được điều chỉnh thực thụ. Ngoài ra, những

khóa sinh, trong thời gian theo học thì tình trạng quân số trực thuộc Phòng Tổng Quản Trị của Bộ TTM và nhà Trường quản trị về hành chánh. Do đó khi mãn khóa có sĩ quan trở về đơn vị cũ, có sĩ quan thuyên chuyển đi đơn vị mới, tùy theo từng nhu cầu của các đơn vị đưa đi học.

Trường hợp của tôi, thì sau khi mãn khóa, được thuyên chuyển về Quân Đoàn 4. Tại Bộ Tư Lệnh QĐ4, tôi trình diện Trung Tướng Ngô Quang Trưởng Tư Lệnh QĐ4. Ông sắp xếp tôi về Sư Đoàn 7 BB đóng tại căn cứ Đồng Tâm,Tỉnh Mỹ Tho do Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam làm Tư Lệnh Sư Đoàn. Ông giao cho tôi chức vụ Phụ Tá Tư Lệnh hành quân. Ở chức vụ này, không có chuyện gì khác là tháp tùng Tư Lệnh đi thăm các đơn vị và đồn trại trong khu vực trách nhiệm, nhiều khi bận rộn quên cả ăn cơm. Tướng Nam thì lại ít khi ở lại dùng cơm với các đơn vị, mà chỉ dùng bánh mì ăn ngay trên trực thăng. Vì lẽ này, mà bệnh đau bao tử của tôi lại tái phát, vì giờ giấc quá bất thường. Được một thời gian, tôi phải xin nghỉ đi bệnh viện chữa bệnh. Trong thời gian nghỉ ngơi dưỡng bệnh thì Đại Tá Trần văn Nhựt, từ chức vụ Tỉnh Trưởng Bình Long (Bình Long anh dung trong Mùa Hè Đỏ Lửa) ra giữ chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 BB. Ra được một hai tháng thì ông gọi tôi ra giữ chức vụ Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 2 BB.

Vùng này đối với tôi thì không xa lạ lắm và cũng không ưa thích gì mấy. Nhưng vì tình huynh đệ cùng binh chủng TQLC trước kia, và cũng từng sát cánh chiến đấu bên nhau, tôi thấy ra làm việc với ông cũng thích hơn là với người khác, nên tôi liên hệ với Phòng Tổng Quản Trị Bộ TTM để nhận sự vụ lệnh lên đường.

Tôi trình diện SĐ2/BB vào tháng 10/1972. Chưa được ít ngày, Đại Tá Nhựt đã gửi tôi tới phụ lực với Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 5, lúc đó là Trung Tá Võ Vàng (Khóa 17 Sỹ quan Đà Lạt) chỉ huy, đang điều động các đơn vị trực thuộc đánh chiếm lại Quận lỵ Ba Tơ Tỉnh Quảng Ngãi đã rơi vào tay địch trước đó ít ngày. BCH đóng trên một đỉnh đồi trong dãy núi nằm ở phía tây thung lũng Ba Tơ. Ở đó một thời gian, kết quả Trung Đoàn 5 không đánh chiếm lại được vì địch cố thủ kiên cố. Hơn nữa Quận lỵ nằm dưới thung lũng bao quanh bởi đồi núi nên càng khó khăn hơn.

Về sau, BCH Sư Đoàn quyết định rút ra khỏi thung lũng về đóng tại một vị trí ở phía bắc Quận Lỵ chừng mười cây số. Tại đây vẫn bị địch pháo kích. Trú đóng với Trung Đoàn 5 vài ngày thì tôi trở về hậu cứ Sư Đoàn 2 BB trong căn cứ Chu Lai, nằm ở giữa ranh giới Tỉnh Quảng Tín và Quảng Ngãi. Căn cứ này trước kia của TQLC Hoa Kỳ, sau các đơn vị Đại Hàn thay thế, và cuối cùng là Sư Đoàn 2 BB.

Địa điểm này nằm sát bờ biển, rộng một cây số, dài khoảng ba bốn cây số, có một sân bay cho phi cơ phản lực xử dụng. Phía tây là Quốc Lộ 1, và dãy núi cao án ngữ từ Bắc xuống Nam. Ở phía tây Quốc Lộ 1, nằm trên một quả đồi thấp là doanh trại của Trung Đoàn 6/SĐ2. Trong căn cứ, ngoài BTL/SĐ2 còn có các đơn vị trú đóng như: Pháo Binh, Công Binh, Truyền Tin, Thiết Giáp, Tiếp Vận, Trung Tâm Huấn Luyện, Tiểu Đoàn Quân Y và một trại gia binh. Ở phía bắc căn cứ, có căn cứ của Hải Thuyền thuộc Hải Quân VNCH, tại phía nam là kho đạn và xăng dầu, dùng để tiếp tế cho Sư Đoàn 2 BB và hai Tiểu Khu Quảng Tín và Quảng Ngãi. Nói tóm lại

thì căn cứ Chu Lai là một địa điểm rất đẹp, khí hậu thời tiết mát mẻ, nhưng về mặt quân sự thì khó phòng thủ vì quá rộng và cận núi.

Với Quân Đội Hoa Kỳ, phương tiện đầy đủ nên không thành vấn đề, nhưng với khả năng của Sư Đoàn 2 BB, thì khó có thể đứng vững trong trường hợp địch tấn công đột kích. Làm việc cho Sư Đoàn chưa được ít lâu, thì xẩy ra Hiệp Định Ba Lê được ký kết vào ngày 27/1/1973. Đang chuẩn bị ăn Tết, thì xẩy ra vụ địch tấn công đánh chiếm Sa Huỳnh. Tôi được lệnh cùng BCH tiền Phương Sư Đoàn di chuyển tới BCH Trung Đoàn 4/SĐ 2 tại Quận lỵ Đức Phổ để chỉ huy cuộc phản công đánh chiếm lại Sa Huỳnh.

Trận tân công vào Sa Huỳnh, căt đứt Quốc Lộ 1 vào đêm rạng ngày Hiệp Định Ba Lê có hiệu lực. Dĩ nhiên là Sư Đoàn không thể để tình trạng đó không giải quyết, vì nếu Quốc Lộ 1 bị cắt đứt, sự thông thương giữa hai Vùng 1 và Vùng 2 bị tê liệt (quận Đức phổ giáp ranh với quận Bồng Sơn Tam Quan của tỉnh Bình Định). Bởi thế, với bất cứ giá nào Sư Đoàn 2 BB cũng phải thanh toán cho xong. Ngoài Trung Đoàn 4/SĐ2 BB còn tăng cường một đơn vị của Trung Đoàn 5/SĐ2 BB và Liên Đoàn 1/BĐQ cùng Thiết giáp của SĐ2/BB đã mở cuộc hành quân bằng hai mũi tiến công. Một cánh dựa theo Quốc Lộ 1 tiến quân theo đường đỉnh của dãy núi nằm phía tây Quốc Lộ 1, cánh thứ hai gồm LĐ1/BĐQ và Thiết giáp di chuyển ở phía đông giáp biển. Mục tiêu cuối cùng là xã Sa Huỳnh nằm ở cạnh Quốc Lộ 1, kế cận bãi biển Sa Huỳnh. Ngoài sự yểm trợ của pháo binh, còn có hải pháo của Hải Quân Vùng 1 bắn yểm trợ. Lúc đầu có xử dụng đến trực thăng để đổ quân xuống một cao điểm nằm ở phía đông xã Sa Huỳnh, nhưng vì hỏa lực phòng không gây trở ngại nên cuộc đổ quân bằng trực thăng hủy bỏ.

Với một địa thế tương đối khó khăn, bị hạn chế bởi dãy núi cao nằm ở phía tây, lại sát với Quốc Lộ 1 nên việc điều quân rất chậm chạp, đôi lúc phải vượt qua các thung lung hẹp chắn ngang, mà địch lại bố trí trên các ngọn đồi núi bắn ngăn chặn.

Cuộc tiến quân phải kéo dài tới gần tuần lễ mới chiếm lại được, sau khi Sư Đoàn phải xử dụng tối đa hỏa lực pháo binh yểm trợ, cùng sự quyết tâm của các chiến sĩ các đơn vị. Kết quả thu lượm rất khích lệ, tịch thu nhiều vũ khí đủ loại và hàng trăm địch quân bị loại khỏi vòng chiến. Sau được biết, thì một Trung Đoàn của Sư Đoàn 2 VC đã bị loại khỏi vòng chiến và Sư Đoàn này đã phải giải tán để thành lập một Lữ Đoàn độc lập. Số còn lại sáp nhập vào Sư Đoàn 711 hoạt động tại Khâm Đức, quận Quế Sơn tỉnh Quảng Nam.

Sa Huỳnh được giải tỏa, Quốc Lộ 1 được khai thông, hai ngày sau, thì phái đoàn Tổng Thống Thiệu ra thăm và được Tướng Nhựt thuyết trình về diễn tiến trận đánh. Sau trận chiến đó thì địch kêu la trên đài phát thanh của chúng là VNCH vi phạm Hiệp Định ngừng bắn Paris, đúng là luận điệu của CS vừa ăn cướp vừa la làng.

Trên lý thuyết thì hai bên phải ngừng bắn, nhưng thực tế trong khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn 2 BB là hai tỉnh Quảng Tín và Quảng Ngãi hàng ngày vẫn xẩy ra các cuộc đụng độ giữa hai bên ở mức độ cao. Địch đánh chiếm các cao địa chung quanh quận Tiên Phước tỉnh Quảng Tín, uy hiếp Quận lỵ. Sư Đoàn cũng phải mất hàng tuần mới lấy lại được.

Địch đánh chiếm quận Minh Long ở phía nam quận Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi, nằm trong thung lũng sát chân núi, sau khi Sư Đoàn 2 ra lệnh cho lực lượng đặc biệt đóng trong trại ở phí tây quận Ba Tơ, trên hành lang đi lên cao nguyên Kontum, vì suốt ngày đêm bị địch uy hiếp bằng pháo kích vào trong trại, gây thiệt hại về sinh mạng, hơn nữa lại không tiếp tế bằng trực thăng được vì địch bố trí phòng không ở chung quanh trại, dù đã có một số đơn vị nhỏ đóng ở trên núi cao.

Từ đó cho đến ngày 30/4/1975, liên tiếp những trận đánh dằng co giữa hai bên tại những nơi gọi là "mật khu lớn", chẳng hạn như ở Batangan (Ba làng An) phía đông quận Bình Sơn và Sơn Tịnh, giáp với biển, làng Mỹ Lai (Sơn Tịnh), thung lũng Cộng Hòa, phía tây quận Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tại Quảng Tín, khu vực phía tây nam tỉnh lỵ. Các địa điểm này không có lực lượng nhiều nhưng VC phân chia nhiều tổ, đóng chốt ở các cao địa hiểm yếu nên rất khó thanh toán. Nếu xử dụng đơn vị lớn thì chỉ mang thiệt hại vô ích, nên ta cũng phải xử dụng những toán biệt kích, đánh nhỏ nhưng kết quả khả quan hơn.

Hơn nữa, trong thời gian gọi là ngừng bắn theo chỉ thị từ trên, thì vấn đề xử dụng hỏa lực, nhất là không quân và pháo binh rất hạn chế, cũng như xăng, dầu dùng cho các đơn vị thiết giáp cũng vậy. Được biết là do nguồn viện trợ đã bị cắt xén đi nhiều sau khi hiệp định ngừng bắn được thi hành. Nhưng đó chỉ là giới hạn với phía VNCH còn với VC thì đâu vẫn vào đó, và có khi còn được tiếp tế nhiều hơn nữa từ Nga Sô và Trung cộng mà không ai có thể kiểm soát được.

Trong khi đó thì Ủy Ban kiểm xoát Quốc Tế (4 thành phần gồm hai thuộc phía Tự Do, hai thuộc Cộng Sản) là Canada, Iran (sau Nam Dương thay thế Canada) Ba Lan và Hung Gia Lợi. Ủy Ban này chỉ kiêm soát tại những cửa khẩu của hai miền mà thôi, nên rút cuộc cũng chẳng đi tới đâu.

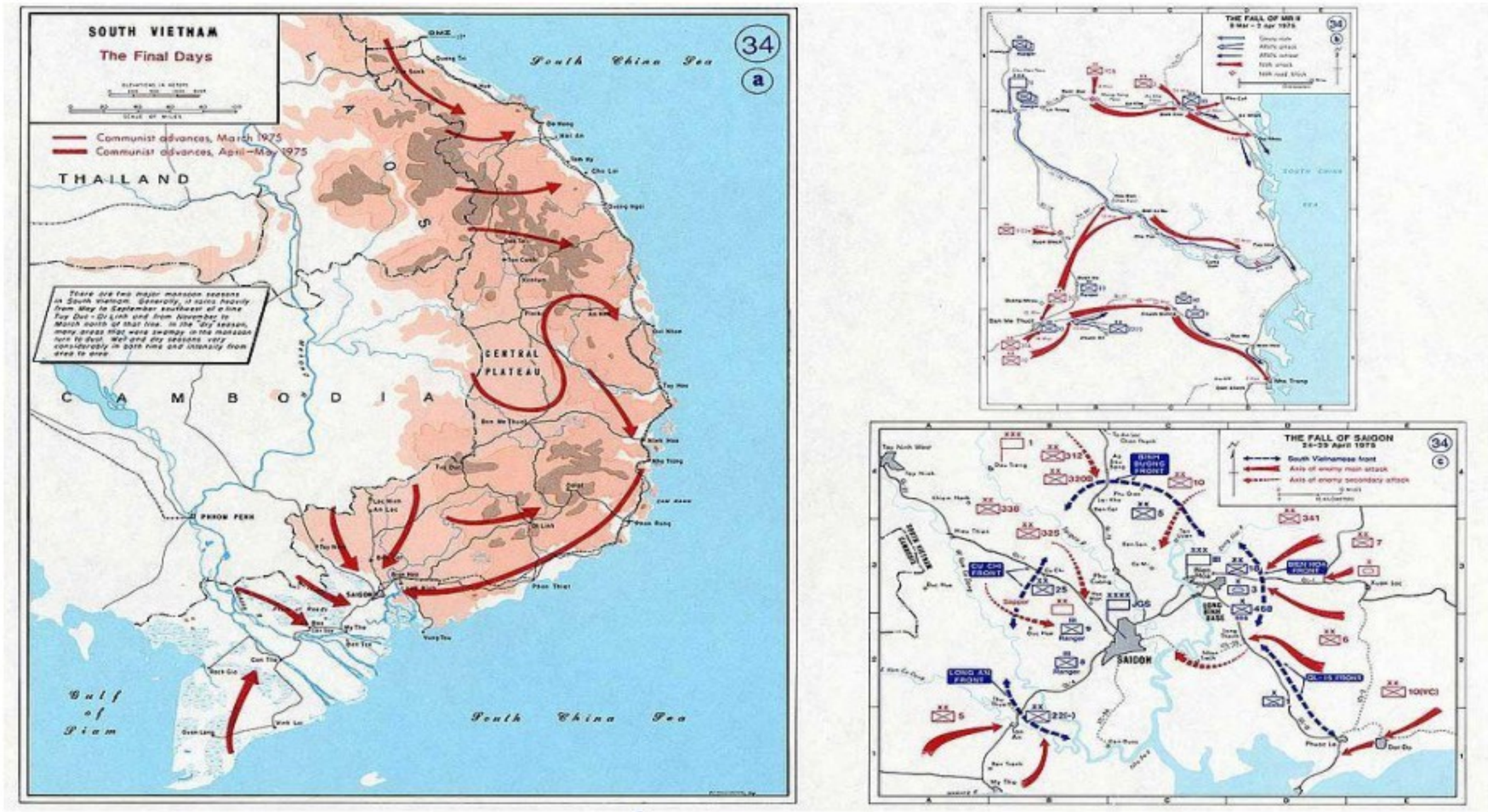
Còn những vụ vi phạm về quân sự thì cũng giải quyết cho lấy lệ, mọi sự thiệt thòi vẫn thuộc về phía VNCH. Các tin tức tình báo thâu thập được thì quân CSBV vẫn gia tăng xâm nhập vào Nam, trên đường mòn HCM, kể cả bằng quân xa. Hơn nữa chúng còn thiết lập cả hệ thống tiếp tế xăng, dầu từ miền Bắc vào, để chuẩn bị tiếp tế cho các đơn vị thiết giáp của chúng. Theo nhận định thì chúng đang chuẩn bị chiến trường ở Vùng I, và hướng tấn công chính vẫn là từ dáy núi Trường Sơn tới. Biết được thì vậy, nhưng ta cũng đành bó tay vì không được xử dụng đến không quân và pháo binh để đánh phá. Do đó mà khi cuộc tổng tấn công mùa Xuân năm 1975, ta không thể chống đỡ nổi và luôn ở thế bị động, chỉ còn chống đỡ, không còn khả năng phản kích lại nữa. Các lực lượng Tổng Trừ Bị và trừ bị cho Quân Đoàn, tất cả đều bị chôn chân tại chỗ, không còn xử dụng để chi viện cho các mặt trận khác, và rồi qua các trận đụng độ, khả năng chiến đấu mỗi ngày mỗi sa sút cho tới lúc tan rã hoàn toàn.

Ngoài các cuộc hành quân bảo vệ lãnh thổ, dành dân trong tình trạng ngừng bắn kiểu "da beo" lại gặp nhiều khó khăn, khi địch nằm ngay trong vùng kiểm soát của ta, mà Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến Quốc Tế luôn can thiệp có lợi cho chúng. Sư Đoàn còn gửi đơn vị tăng cường cho Sư Đoàn 3/BB ở phía Bắc, hoạt động trong thung lung Quế Sơn, Đèo Le. Ở đây, luôn có sự hiện diện của Sư Đoàn 711 của

Việt Cộng hoạt động giữa hai vùng Quế Sơn tỉnh Quảng Nam và Tiên Phước tỉnh Quảng Tín.

Đầu năm 1975 đến ngày 30-04-1975, chấm dứt một cuộc đời chiến đấu cho tự do dân chủ (Hết)

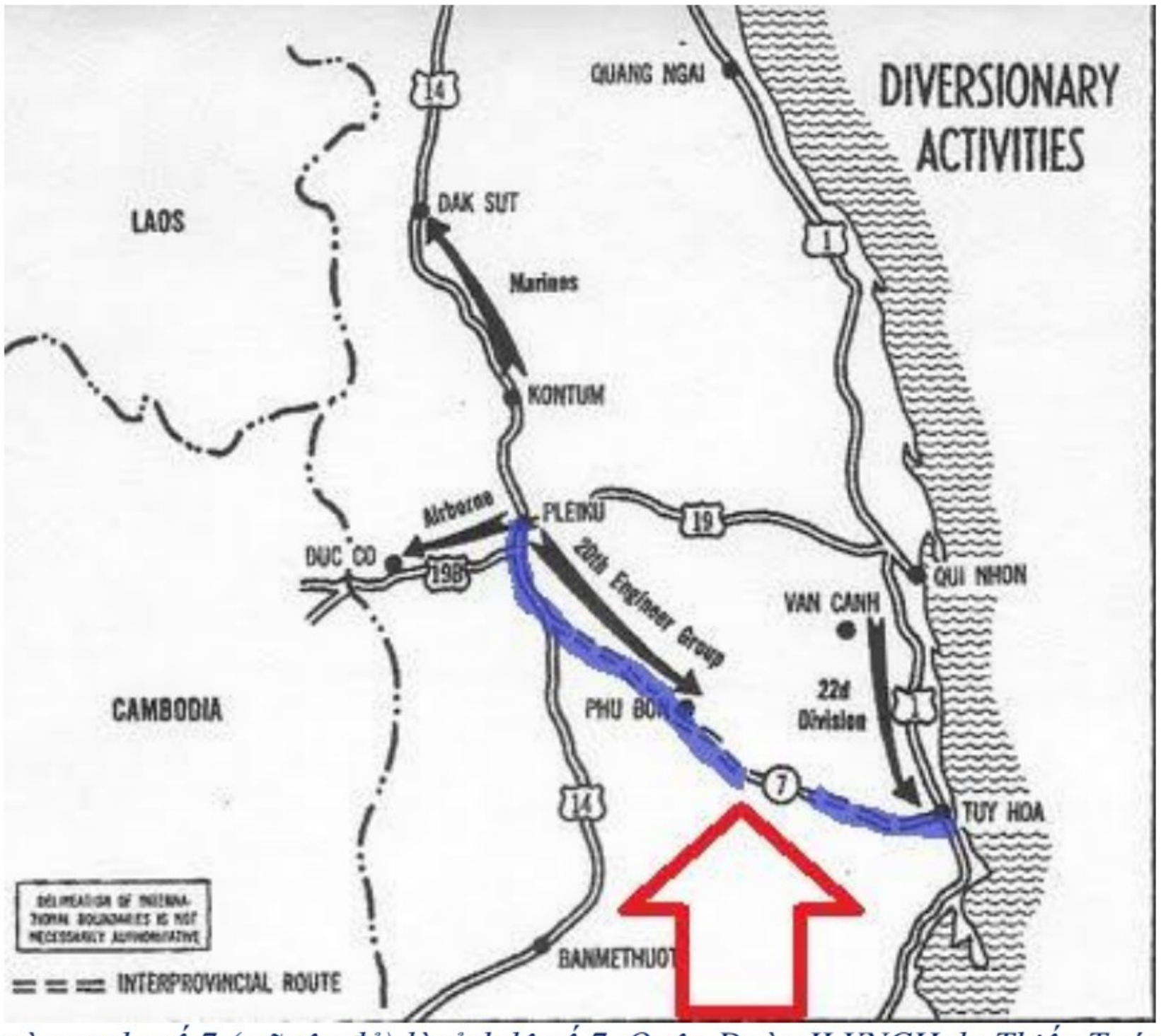
Đến đầu năm 1975, vào tháng 2/1975 thì xẩy ra cuộc tấn công của CSBV vào tỉnh lỵ Ban Mê Thuột và kết cục đã rơi vào tay CS. Ta có điều động Sư Đoàn Dù từ Vùng I trở vào để phản kích, nhưng rồi cũng đành bó tay, vì địch đang ở thế thượng phong về quân số, phương tiện chiến tranh cũng như về địa thế thuận lợi.



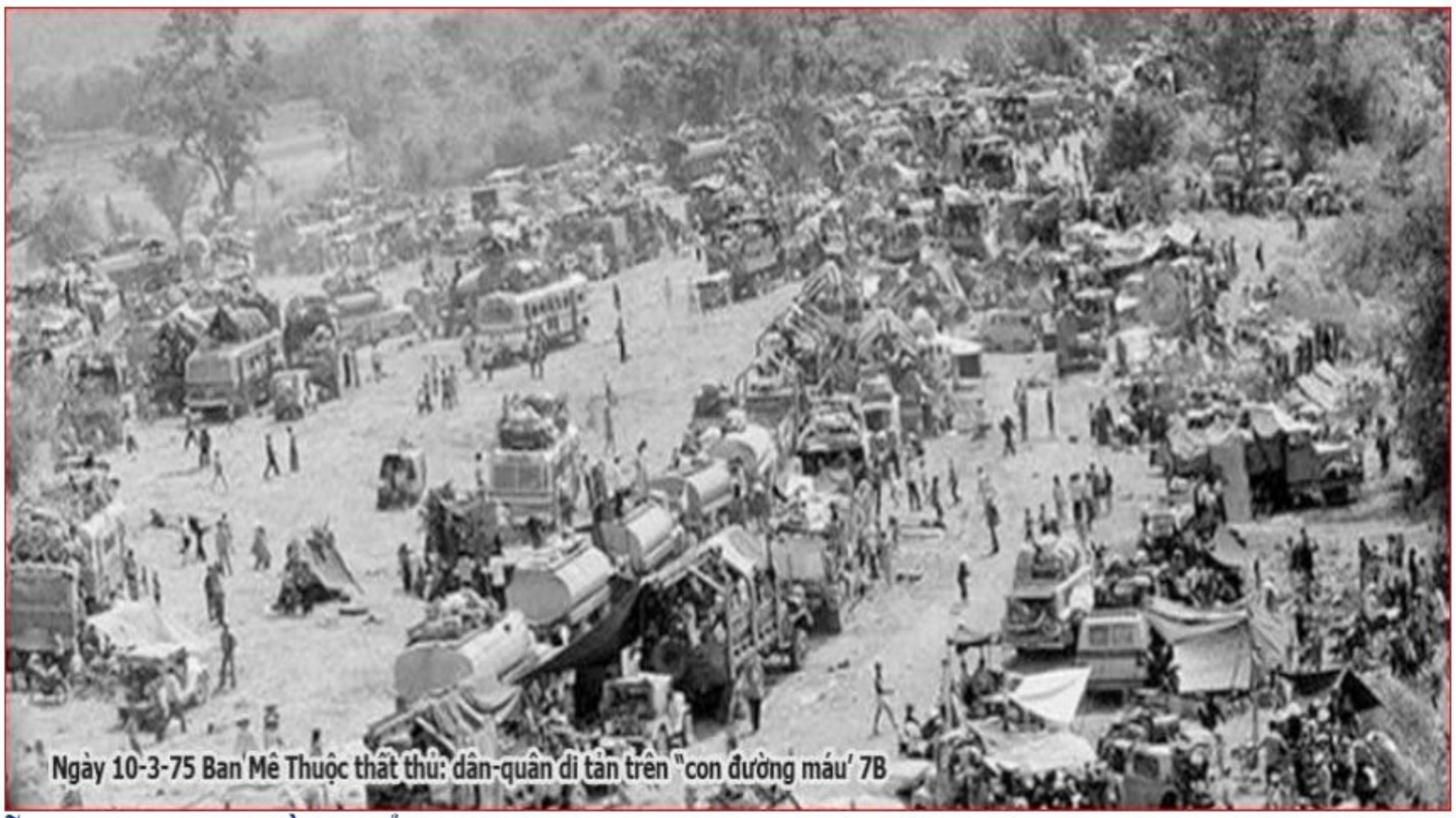
Quân cộng sản tấn công VNCH (tháng 4-1975)

Mất Ban Mê Thuột, thì sức ép của địch đè nặng lên các tỉnh lộ 21 hướng về Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hòa và tỉnh lộ 14 hướng về Sài Gòn qua tỉnh Quảng Đức-Chân Thành-Biên Hòa, đồng thời cô lập và sẵn sàng tấn công vào tỉnh lỵ Pleiku, nơi đặt BTL/QĐ II. Trước tình hình nguy ngập đó, Tướng Phạm văn Phú Tư Lệnh QĐ II quyết định rút khỏi vùng cao nguyên và xử dụng tỉnh lộ 7 làm con đường rút lui về Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, mặc dù con lộ này đã bỏ hoang không xử dụng từ lâu.

Mục đích để đánh lạc hướng địch, thay vì xử dụng tỉnh lộ 19 hướng về Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định xử dụng Tỉnh Lộ 7, nhưng vì con đường đã hư hỏng nhiều nên tốc độ di chuyển bị hạn chế, hơn nữa đông dân chúng chạy theo lại càng tăng thêm tắc nghẽn, khiến địch có đủ thời gian để chuyển quân truy kích và kết cuộc tỉnh lộ đã biến thành con lộ kinh hoàng không kém gì tại vùng Quảng Trị trong mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972. Dĩ nhiên là mất Cao nguyên, thì miền đồng bằng từ Bình Định tới Khánh Hòa khó mà đứng vững được.



Đường màu xanh số 7 (mũ tên đỏ) là tỉnh lộ số 7, Quân Đoàn II VNCH do Thiếu Tướng Phạm Văn Phú – Tư Lệnh Quân Đoàn II dùng triệt thoái toàn bộ Quân Đàn II về Tuy Hòa vào tháng 3/1975 – [Một bi thảm]



Cảnh hỗn loạn ngoài tầm kiểm soát trên Tỉnh Lộ 7 khi Quân và Dân Quân Đoàn II di tản như một đàn kiến xe và người

Trước tình hình bi đát đó, đã gây một phần ảnh hưởng không tốt cho tinh thần chiến đấu của Quân Đội VNCH. Trong dân chúng cũng vậy, hoang mang và giao động, những nhà có máu mặt đều thu vén chạy về Sài Gòn.

Tại Vùng I, đến tháng 3/1975, thì địch áp lực tấn công từ tuyến Thạch Hãn theo trục Quốc Lộ 1 và từ phía tây tới. Trước sức tấn công mạnh mẽ của địch, có chiến xa và pháo binh yểm trợ, Sư Đoàn 1 và Sư Đoàn TQLC đã có lệnh phải rút về cửa

bể Thuận An ở Huế để xuống tàu trở vào Đà Nẵng. Nhưng mọi sự đã không như ý muốn, gặp nhiều khó khăn về phương tiện vận chuyển nên chỉ có một số lên tàu được, còn lại phải di chuyển bằng đường bộ, nhưng nửa đường cũng bị đánh tan tại cửa biển Tư Hiền, ở phía bắc chân đèo Hải Vân.



Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân NCH đang chiến đấu bảo vệ sườn phía Tây thành phố Đà Nẵng trong những ngày vào tháng 3/1975

Tại khu vực Sư Đoàn 2, Quận Nghĩa Hành phía tây Thị Xã Quảng Ngãi bị pháo và bao vây. Những cao điểm chiến thuật bảo vệ quận lỵ bị VC đánh chiếm. Trong lúc Sư Đoàn 2/BB ra sức phản công lấy lại, thì tỉnh lỵ Quảng Tín đang lâm vào tình huống khẩn cấp, các cao điểm ở phía tây tỉnh lỵ bị VC chiếm. Các đơn vị địa phương của Tiểu Khu bị đánh tan. Do đó, Sư Đoàn 2/BB phải điều động gấp Trung Đoàn 5 tăng cường thêm đơn vị của Trung Đoàn 4 ở Quảng Tín.



Binh sĩ Sư Đoàn II VNCH vẫn còn chiến đấu đẩy lùi quân Cộng Sản Bắc Việt vào những ngày tháng 3/1975

Ngoài ra QĐ I cũng tăng phái thêm LĐ1/BĐQ. Với lực lượng trên, dưới sự yểm trợ của thiết giáp và pháo binh, đã mở ngay cuộc phản công, nhưng địch phòng ngự trên núi cao, nhiều lần tiến tới mục tiêu thì lại bị đánh bật xuống. Trận chiến xảy ra ác liệt trong mấy ngày trời, nhưng Sư Đoàn 2/BB cũng không sao làm chủ được trận địa. Địch ngoài lực lượng bộ binh, chúng còn có chiến xa yểm trợ. Nhiều binh sĩ đã bị thương và tử thương.

Trong khi cuộc đụng độ giữa Trung Đoàn 5/SĐ2/BB, LĐ1/BĐQ với địch diễn ra ở phía tây, thì một lực lượng địch ở phía tây nam, có chiến xa yểm trợ, tiến dọc theo con sông Quảng Tín để đánh bọc vào phía nam của tỉnh lỵ. Tại cây cầu nằm trên Quốc Lộ 1, do đơn vị của Trung Đoàn 4/SĐ2/BB bảo vệ đã bị địch đẩy lui và rút về phía đông gần bờ biển. Cây cầu không bị phá hủy nên đã giúp cho chiến xa và bộ binh địch đột nhập vào tỉnh lỵ và băng qua trước mặt BCH Tiền Phương SĐ2/BB, đóng trong một trường học của người Trung Hoa, nằm tụt sâu vào phía trong, nên địch không trông thấy.

Các đơn vị SĐ2/BB ở phía tây cũng đang bị địch tiến đánh nặng nề, không giữ được phải rút về phía bắc tỉnh lỵ. Được tin BCH Tiền Phương SĐ2/BB đóng ở trường học người Trung Hoa phải rời gấp khỏi địa điểm đóng quân, nếu không sẽ bị bao vây. Nhưng vừa ra khỏi trường được một hai trăm thước thì chiếc xe của tôi bị ngay một phát đạn 75 ly của chiến xa bắn trúng, nhưng tôi đã thoát chết vì đã nhảy kịp ra khỏi xe và thấy VC từ xa tiến tới. Sau đó, chúng tôi phải len lỏi phía sau các tòa nhà trong phố để thoát về phía Bắc.



Ván cờ thê cuộc quốc tế đã định cho số phận Việt Nam Cộng Hòa, người lính Sư đoàn 2 Bộ Binh VNCH đành phải xuôi theo số mệnh – buông súng

Khi tới Tiểu Khu Quảng Tín, thì ở đây hầu như bỏ trống và các đơn vị đang trên đường rút về phía Bắc chạy về hướng Đà Nẵng, trong khi địch bắn pháo theo. Trung Đoàn 5/SĐ2/BB di chuyển về hướng Đà Nẵng, còn tôi được trực thăng của Tư Lệnh Sư Đoàn bốc về Chu Lai. Nơi đây, vẫn còn trong tình trạng an toàn. Như vậy là căn cứ Chu Lai đã bị cô lập, Quảng Tín mất, còn Trung Đoàn 6/SD2/BB và Tiểu Khu Quảng Ngãi cũng trên đường rút về Chu Lai, nhưng rồi cũng bị đánh ở giữa

đường, gây tổn hại khá nhiều. Trung Đoàn 6/SĐ2 của Thiếu Tá Hồ chỉ huy phải mở đường máu với sự hỗ trợ của thiết giáp mới thoát được về tới Chu Lai. Sau đó thì Sư Đoàn 2 được lệnh của QĐ I xuống tàu rút ra đảo Cù Lao Ré. Việc rút khỏi căn cứ cũng có nhiều trở ngại vì quân lính và gia đình đã chen chúc nhau xuống tàu nên đã gây ra nhiều cảnh thảm thương.

Tình trạng vô kỷ luật đã đến lúc không sao duy trì được nữa, dù cấp chỉ huy bắt loa kêu gọi liên tục. Bởi vậy, khi mà đoàn quân ở trong tình trạng rút lui dưới áp lực địch thì quả thật là vô cùng khó khăn cho cấp chỉ huy điều động, và rồi với tinh thần đó, đã tồn tại cho tới ngày Chính quyền miền Nam sụp đổ. Tại căn cứ Chu Lai, với nhiệm vụ điều khiển cuộc rút quân, và mặc dù đã có kế hoạch được phổ biến cặn kẻ cho từng đơn vị trong căn cứ, nhưng rồi tới khi tàu Hải Quân ập vào bờ biển, thì tất cả các đơn vị không còn tuân theo thứ tự quy định trong kế hoạch, mà tự động tràn ra bãi biển để được xuống tàu trước, nên đã diễn ra cảnh chen lấn dưới biển, khiến nhiều người bị chết đuối, vì tàu đậu ở xa bờ vì có đá ngầm không vào sát được.

Kết cuộc, một số lên được tàu, còn đa số phải di chuyển về cầu tàu ở phía bắc, gần căn cứ Hải Quân. Tại đây, sự chen lấn vẫn diễn ra và tàu phải rút ra khơi. Số còn lại rời bỏ căn cứ, tìm về Đà Nẵng theo đường bộ. Tôi và vài sĩ quan tham mưu được trực thăng đáp xuống đưa về Đà Nẵng. Tại Đà Nẵng tôi thu xếp cho gia đình, đang tạm trú tại nhà một sĩ quan trong Sư Đoàn ở xã Thanh Bình tìm phương tiện về Sài Gòn.

Trong thời gian này, thì tình hình tại Đà Nẵng thật vô cùng hỗn độn. Trên các ngã đường phố, mọi người nhốn nháo chạy đông chạy tây để tìm cách rời khỏi thị xã Đà Nẵng, đang bị uy hiếp bởi Cộng quân từ ba mặt, không biết lúc nào sẽ pháo kích hoặc tấn công vào. Tại gia đình tôi ở tạm, gia chủ cũng cho biết vì có người làm trong tòa Lãnh sự Hoa Kỳ đã báo cho biết VC sắp tới và đốt hết giấy tờ để chuẩn bị lên đường.



Một cảnh bi thảm của góc bãi biển Đà Nẵng – người lớn và trẻ em đều chết, người lính đi tìm thân nhân của mình trên xác người.

Tôi có vào BTL/QĐ I để xem tình hình ra sao. Tới nơi, các văn phòng đều vắng vẻ chỉ còn một vài sĩ quan trách nhiệm làm việc, còn tất cả đã bỏ về nhà thu xếp cho

gia đình di tản. Tôi cũng tới trại Huấn Luyện Hòa Cầm phía tây nam Đà Nẵng để gặp Trung Đoàn 5/SĐ2/BB lấy một số vũ khí nặng mang ra Cù Lao Ré và cho họ biết là phải sẵn sàng ở bờ biển Sơn Trà để được tàu Hải Quân bốc đi. Tại đây tôi đã chứng kiến cái cảnh tân binh bỏ trại, lũ lượt di chuyển về Thị Xã, tôi cũng thấy một đơn vị pháo binh TQLC ở phía tây Hòa Cầm cũng đang trên đường rút về Đà Nẵng, chứng tỏ phía tây TQLC đang chuẩn bị rút lui.

Tôi cảm thấy Đà Nẵng như ở trong tình trạng trứng treo đầu dàng, chỉ một vài ngày là Đà Nẵng sẽ lọt vào tay CS. Trở về BTL/QĐ I để tham dự một buổi họp vào chiều ngày 29/3/1975, buổi họp chót của QĐ I, tôi thấy không có một kết luận nào dứt khoát cả. Thủ cũng không, công cũng không mà rút cũng không, có nghĩa như là để tự ý các đơn vị tự quyết định. Trong khi đang họp thì Tướng Lê Nguyên Khang từ Sài Gòn ra và hai ông Tướng Khang và Trưởng đã họp riêng tại phòng làm việc, và không hiểu Tướng Khang đã mang những quyết định gì của Phủ Tổng Thống. Quyết định gì thì cũng đã muộn rồi, không thể nào cứu vãn được nữa.

Một số các đơn vị trưởng đã lên đường rời khỏi Đà Nẵng, và Tướng Ngô Quang Trưởng trở thành người cô đơn cho tới chiều tối cùng ngày, ông Trưởng phải tới BCH SĐ/TQLC đóng ở Sơn Trà, do Đại Tá Trí chỉ huy, Tướng Bùi Thế Lân đã sang BCH Hải quân của Tướng Hồ Văn Kỳ Thoại lúc chiều để cùng đơn vị còn lại ra tàu hải quân vào sáng ngày hôm sau, trong khi Đà Nẵng dưới đạn pháo tầm xa của địch.

Sau khi họp, tôi cũng đưa gia đình sang BCH Hải quân để nhờ quá giang tàu, trong khi chờ đợi thì bị pháo của địch từ đèo Hải Vân băn tới, một đơn vị TQLC đóng tại đây đã xuống tàu ra khơi, kết cuộc là các tàu bỏ chạy ra biển.



Quân Dân và trẻ thơ Vùng I chiến thuật cố tìm một chỗ nào đó lên tàu xuôi Nam đến thủ đô Sài Gòn, hy vọng nơi đó không có cộng sản…

Tướng Hồ Văn Kỳ Thoại phải chạy ra mõm Tiên Sa mới có tàu vào đón. Còn gia đình tôi, hôm sau trở về Đà Nẵng, nhưng nửa đường được sĩ quan của Sư Đoàn

2/BB hướng dẫn dùng thuyền di chuyển ra tàu đậu ở ngoài khơi, khi đi tàu đến Cam Ranh, đoàn tàu của Sư Đoàn 2 rời khỏi Cù Lao Ré gặp lại trong Vịnh Cam Ranh, và tôi đưa gia đình lên tàu của tôi để về Bình Tuy, địa điểm đổ quân của Sư Đoàn 2 BB. Sau đó, gia đình tôi tiếp tục ở lại trên tàu để được đưa về Sài Gòn.

Tại tỉnh Bình Tuy, tỉnh trưởng là Đại Tá Trần bá Thành, Sư Đoàn 2/BB ở lại được một tuần lễ để tổ chức, củng cố lại đơn vị. Tuy nhiên, quân số các đơn vị cũng chẳng còn bao nhiêu, vì phần lớn binh sĩ kể cả sĩ quan của Sư Đoàn đều gốc miền Trung, nên họ trốn ở lại để lo cho gia đình. BTM Sư Đoàn 2 cũng vậy, một số sĩ quan trách nhiệm cũng bỏ nhiệm sở trốn về Sài Gòn. Được một tuần lễ, thì Trung Đoàn 4 và 5/SĐ2 cùng một số thiết vận xa của QĐ III tăng cường, được đưa ra phi trường Phan Rang để tăng cường phòng thủ sân bay Phan Rang. Tại đó có BTL Tiền Phương QĐ III đóng Bản Doanh do Trung Tướng Nguyễn vĩnh Nghi và Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang (Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân) chỉ huy. Còn lại Trung Đoàn 6/SĐ2 BB bố trí tại Phan Thiết. Sở dĩ Sư Đoàn 2 được đưa ra Phan Rang là để thay thế Lữ Đoàn Dù của Đại Tá Nguyễn Thu Lương trở về Sài Gòn, nhưng đến phút chót thì chỉ có một Tiểu Đoàn về được, sau đó thì Lữ Đoàn Dù phải ở lại vì địch tấn công vào phi trường. Ngoài Sư Đoàn 2 BB còn có một Liên Đoàn BĐQ của QĐ III của Đại Tá Biết vừa từ mặt trận Chơn Thành ra, nhưng quân số chẳng còn là bao.

Với một lực lượng như vậy, tinh thần binh sĩ dao động, hoang mang, hết còn muốn chiến đấu, nên trước cuộc tấn công của địch có chiến xa yểm trợ từ hai mặt: Cam Ranh vào và Đà Lạt xuống nên phòng tuyến đã vỡ, các đơn vị rút bỏ về phía Nam, và sau cùng cũng bị bắt làm tù binh vì không còn lối thoát.

Trung Đoàn 4 và 5/ SĐ2 BB cùng trong tình trạng tương tự, tôi đã cùng các đơn vị này lội qua sông di chuyển về phía Nam, nhưng cũng không kịp vì thiết giáp của địch sau khi vào được phi trường đã tiếp tục di chuyển theo Quốc Lộ 1 chạy về hướng Phan Thiết. Do đó, các đơn vị của Sư Đoàn 2 BB bị khóa chặt tại đèo Cà Ná, trong khi tàu Hải Quân ở ngoài khơi đợi để vào bốc đi. Sau một hồi bắn qua bắn lại, tàu rút về phía Nam, còn CS tiếp tục tiến vào Phan Rí, Phan Thiết. Tại đây binh sĩ Trung Đoàn 6/SĐ2/BB, một số đã kịp xuống tàu trở về Long Hải Vũng Tàu. Các đơn vị của Sư Đoàn 2/BB còn lại phân tán mỏng để thoát thân. Riêng tôi và một vài sĩ quan nhờ dân chúng giúp quần áo đã cải trang dân sự lần theo Quốc Lộ 1 trở về tới Phan Rí Chàm. Trên đường, chúng tôi đã hai lần bị VC địa phương nghi ngờ cầm giữ nhưng rồi cũng thoát được, và tìm cách thuê thuyền đánh cá trở về được tới Long Hải, Vũng Tàu vào ngày 22/04/1975.

Tại Sài Gòn, sau khi thu xếp chỗ ở cho gia đình, vợ lại đang có bầu sắp sinh. Ngày 25/04/1975, tôi cùng mấy sĩ quan tham mưu chuẩn bị lên đường ra lại Vũng Tàu, vì Hậu cứ Sư Đoàn 2/BB bây giờ đóng ở đó và có sự hiện diện của Tướng Trần Văn Nhựt, Đại Tá Nguyễn Khoa Bảo TMT và Đại Tá Lai Phụ Tá hành quân. Nhưng không may mà cũng có thể đó là may mắn, chiếc xe đã bị xẹp bánh ở trên đường Trương Minh Giảng, Sài Gòn. Do đó, chúng tôi hoãn lại đến ngày hôm sau. Rồi tin tức cho biết trên con đường ra Vũng Tàu đã bị cắt đứt tại quận Long Thành. Trường

hợp nếu chiếc xe của chúng tôi không bị hư, thì có thể sẽ bị phục kích bắn hạ ở dọc đường vì khi đó chúng tôi vẫn ăn mặc quân phục tác chiến.

Những ngày kế tiếp ở lại Sài Gòn trong tình hình thật bi đát, mọi phía quân CS đang sẵn sàng chờ lệnh tiến đánh vào Sài Gòn, Tướng Dương Văn Minh mới lên thay thế Tổng Thống Trần Văn Hương được vài ngày. Còn TT Nguyễn Văn Thiệu thì đã bỏ ra nước ngoài từ mấy ngày trước. Trong tình hình đó, dân chúng Thủ Đô, ùn ùn khăn gói bỏ lại hết mọi thứ đằng sau để tìm phương tiện ra khơi vì có tàu Hải quân Mỹ ở ngoài khơi chờ đón.



Sài gòn bi đát, những người lính Nhảy Dù cuối cùng bảo vệ Sài Gòn sau khi các sư đoàn của VNCH từ các Quân Đoàn I và II di tản về chỉ còn quân số rất ít, không khả năng chiến đầu đang bổ sung quân số.

Riêng tôi vì tình hình gia đình cũng như cảm nghĩ về một sự ra đi tủi nhục, Mỹ đã bỏ rơi mà cứ bám víu lấy, hơn nữa vì tôn trọng kỷ luật, quân đội vẫn còn trong vòng cầm cự chưa buông súng, nên tôi quyết định ở lại cho tới 10 giờ sáng ngày 30/4/1975, khi Tướng Minh ra lệnh buông súng đầu hàng.



Sài Gòn thất thủ 30 tháng 4 năm 1975. Đoàn người leo lên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn để chen chân chạy trốn Cộng Sản

VNCH sụp đổ sau hơn hai mươi năm chiến đấu cho một miền Nam Tự Do Dân Chủ. Trong suốt thời gian hơn 20 năm, cá nhân tôi liên tục có mặt ngoài chiến trường trên 4 vùng chiến thuật, từ địa đầu Quảng Trị cho đến tận mũi Cà Mâu, qua Campuchia đến Hạ Lào để chiến đấu chống Cộng Sản bảo vệ tự do dân chủ cho miền Nam Việt Nam và cũng là lý tưởng tôi đeo đuổi từ thời còn thanh niên Việt Nam Quốc Dân Đảng: Dân Tộc Độc Lập-Dân Quyền Tự Do-Dân Sinh Hạnh Phúc.

Viết xong tại Orange County ngày 15-03-1995
(bổ sung năm 2013)

Hoàng Tích Thông

Cám ơn các đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng

[Hết]

Nguồn:https://vietquoc.org/hoi-ky-cuoc-doi-toi-cua-cuu-dai-ta-quan-luc-vnch-hoang-tich-thong-het/

www.vietnamvanhien.org

